

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ câu chuyện *Thanh âm của gió*; biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp, nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.
- Nhận biết được sự việc gắn với thời gian, không gian xảy ra câu chuyện trong văn bản tự sự; hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật.
- Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể; hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Mỗi vùng miền đều có những sản vật đặc trưng, mang đậm nét dấu ấn của vùng miền đó; hiểu biết và tự hào về sản vật, có ý thức phát triển sản vật chính là một trong những biểu hiện của tình yêu quê hương.
- Biết nêu cảm nhận riêng về bài đọc, tưởng tượng và chia sẻ điều em nghe thấy khi tham gia trò chơi bịt tai nghe gió.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, biết tự luyện đọc và tự điều chỉnh cách đọc theo góp ý của GV, bạn bè.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi với bạn về trò chơi, thảo luận câu hỏi đọc hiểu, lắng nghe và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: dự đoán nội dung bài đọc từ tranh minh họa, tưởng tượng thanh âm của gió và trình bày cảm nhận riêng.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: yêu thiên nhiên, yêu quê hương; biết tự hào về sản vật, cảnh vật và trò chơi tuổi thơ của quê hương.
- Nhân ái: biết sống chan hòa, hòa đồng với bạn bè; lắng nghe, tôn trọng cảm xúc và chia sẻ trải nghiệm của bạn.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, đọc trước bài, tham gia trả lời câu hỏi và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: biết giữ gìn cảnh quan, không xả rác khi tham gia vui chơi ngoài trời; có ý thức phát triển, bảo vệ những giá trị tốt đẹp của quê hương.

4. Tích hợp

- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục tình yêu quê hương, biết lắng nghe vẻ đẹp của thiên nhiên và sống chan hòa với bạn bè.
- Quyền con người: Lòng ghép quyền trẻ em được vui chơi, được bày tỏ cảm xúc và chia sẻ trải nghiệm khi tham gia các trò chơi ngoài trời.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh minh họa chủ điểm *Thế giới tuổi thơ*; tranh minh họa bài đọc *Thanh âm của gió*.
- Tài liệu viết về vẻ đẹp của ngôn từ trong văn học.
- Màn hình hoặc máy chiếu để trình chiếu nội dung bài học; hình và bài tập trong SGK được cắt, chèn ngay dưới câu lệnh GV tương ứng.
- Phiếu học tập, bút dạ dùng cho hoạt động đọc hiểu và luyện đọc.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: Giúp HS có tâm thế tiếp nhận các bài học của sách Tiếng Việt 5 nói chung và các bài học trong chủ điểm đầu tiên Thế giới tuổi thơ nói riêng.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV giới thiệu chương trình môn Tiếng Việt và cấu trúc sách <i>Tiếng Việt 5</i> .	- HS mở SGK <i>Tiếng Việt 5</i> , xem mục lục và lắng nghe lời giới thiệu của GV.
- GV nêu: Sách <i>Tiếng Việt 5</i> vẫn thống nhất với các lớp 3 và 4; mỗi tuần có 7 tiết, chia làm 2 bài học lớn; mỗi bài học gồm hoạt động Đọc, Luyện từ và câu, Viết; bài thứ hai trong 4 tiết gồm Đọc, Viết, Nói và nghe hoặc Đọc mở rộng.	- HS theo dõi, nắm cấu trúc chung của môn học trong năm học.
- GV yêu cầu HS quan sát tranh chủ điểm <i>Thế giới tuổi thơ</i> và nêu nội dung tranh.	- HS quan sát tranh chủ điểm, nêu nội dung tranh theo cảm nhận.



- 1 - 2 HS nêu: Tranh vẽ các bạn nhỏ đang chơi trốn tìm. Một bạn nam úp mặt vào thân cây, các bạn khác chạy khắp các hướng để tìm chỗ trốn. Vẽ mặt các bạn đều vui vẻ, hồn nhiên.

- GV gợi mở: Các bạn nhỏ đang chơi dưới bóng cây xanh, có gió, có bãi cỏ, có không gian thiên nhiên rộng đẹp. Bức tranh thể hiện điều gì?

- HS trả lời: Bức tranh thể hiện sự vui tươi, bình yên, hồn nhiên của tuổi thơ; thiên nhiên đem lại không gian vui chơi đẹp cho các bạn nhỏ.

- GV tổng hợp ý kiến: Bức tranh sẽ cho các em thấy thiên nhiên của chủ điểm đầu tiên, đó là thế giới tuổi thơ hồn nhiên và bình yên của chính các em. *Thế giới tuổi thơ* sẽ dẫn các em tới những câu chuyện, bài thơ viết về thế giới tuổi thơ, về tình bạn, về kỉ niệm với người thân, với thầy cô, về những trò chơi và những giây phút vui chơi đáng nhớ.

- HS lắng nghe, hiểu ý nghĩa chủ điểm và chuẩn bị vào bài đọc đầu tiên.

- GV giao việc cho HS đọc yêu cầu của khởi động: Trao đổi với bạn những trò chơi hay hoạt động mà em thường thực hiện khi chơi ngoài trời.

- HS đọc yêu cầu, trao đổi với bạn trong nhóm về những trò chơi hoặc hoạt động mình thường thực hiện khi chơi ngoài trời.

- GV hướng dẫn HS suy nghĩ về những trò chơi thường chơi ngoài trời để trao đổi với bạn.

- HS nêu: chơi trốn tìm, bịt mắt bắt dê, thả diều, đá bóng, nhảy dây, chạy tiếp sức, nhặt hoa cỏ, quan sát mây, nghe tiếng gió,...

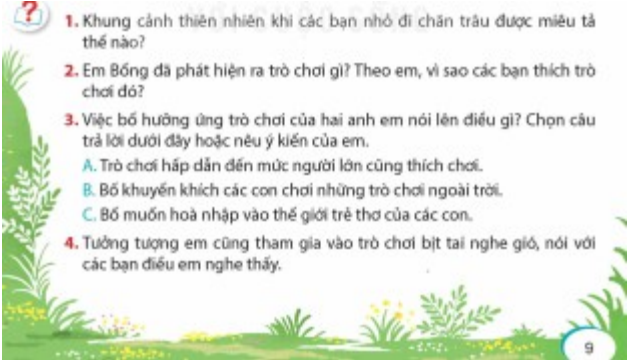
- GV mời 1 - 2 nhóm trình bày kết quả trước lớp.	- Đại diện 1 - 2 nhóm trình bày; các nhóm khác lắng nghe và góp ý.
- GV giới thiệu: Những trò chơi hay hoạt động ngoài trời mang lại nhiều điều thú vị cho HS. Khi chơi ngoài trời, HS hòa vào thiên nhiên, được vui chơi trong một môi trường trong lành và thoáng đãng. Ngoài ra, khi chơi ngoài trời, HS có thể phát huy sự sáng tạo. Hôm nay, các em sẽ được tìm hiểu một câu chuyện về một trò chơi thú vị của các bạn nhỏ.	- HS lắng nghe, liên hệ với trải nghiệm của bản thân.
- GV mời HS đọc tên bài: <i>Thanh âm của gió</i> .	- 1 HS đọc tên bài, cả lớp đọc thầm tên bài.
- GV hỏi: Theo em, thanh âm của gió có thể là những âm thanh như thế nào?	- HS phỏng đoán: có thể là tiếng lá cây xào xạc, tiếng gió thổi qua đồng cỏ, tiếng suối chảy, tiếng sáo, tiếng thì thầm, tiếng cười,...
- GV có thể cho HS đoán nội dung câu chuyện: Sau từ giới thiệu khái quát bài đọc <i>Thanh âm của gió</i> , hôm nay các em sẽ luyện đọc câu chuyện <i>Thanh âm của gió</i> . Các em sẽ đọc kĩ để hiểu các bạn nhỏ trong câu chuyện đã sáng tạo ra trò chơi gì thú vị.	- HS nêu phỏng đoán về nội dung câu chuyện và sẵn sàng đọc bài.
2. Khám phá: Hoạt động luyện đọc (15 phút) <i>Mục tiêu: HS biết đọc đúng, đọc diễn cảm bài đọc Thanh âm của gió; biết ngắt nghỉ, nhấn giọng phù hợp và hiểu nghĩa một số từ ngữ trong bài.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV đọc mẫu toàn bài. GV đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ phù hợp; những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật hoặc một số từ ngữ khiếm âm thanh.	- HS nghe GV đọc mẫu, theo dõi văn bản trong SGK.

 <p>ĐỌC</p> <p>Trao đổi với bạn về những trò chơi hoặc hoạt động em thường thực hiện khi chơi ngoài trời.</p> <p>THANH ÂM CỦA GIÓ</p> <p>Chúng tôi đi chăn trâu, ngày nào cũng qua suối. Cỏ gần nước tươi tốt nên trâu ăn cỏ ngon theo bờ suối, rồi mới lên đồi, lên núi. Suối nhỏ, nước trong vắt, nắng chiếu xuống đáy làm cát, sỏi ánh lên lấp lánh. Một bên suối là đồng cỏ rộng, thả hổ cho gió rong chơi. Thỉnh thoảng gió lại vút qua tai chúng tôi như đùa nghịch.</p> <p>Chiều về, đàn trâu no cỏ dầm mình dưới suối, chúng tôi tha thẩn tìm những viên đá đẹp cho mình.</p>	<p>- HS quan sát văn bản trang đầu của bài đọc, chú ý tranh minh họa và phần mở đầu câu chuyện.</p>
<p>- GV hướng dẫn đọc đúng: Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: chiều, nhiên, lạ lẫm, lần lượt, thung lũng, lũ trâu,...</p>	<p>- HS luyện đọc từ khó theo hướng dẫn, sửa lỗi phát âm cho nhau.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS ngắt giọng ở những câu dài, ví dụ: Chiều về,/ đàn trâu no cỏ dầm mình dưới suối,/ chúng tôi thỏa thích tìm những viên đá đẹp cho mình.// Khi nghe anh tôi kể/ cái hồi chơi trò bịt tai nghe tiếng gió,/ bố bảo/ nghe thì đã thích,/ nhất định sáng mai bố sẽ thử ngay/ xem gió nói điều gì,...</p>	<p>- HS luyện ngắt nghỉ đúng ở câu dài, đọc lại câu theo nhịp GV hướng dẫn.</p>
<p>- GV hướng dẫn đọc đúng ngữ điệu: giọng kể chuyện, thay đổi ngữ điệu khi đọc lời nói trực tiếp của các nhân vật; đọc đúng ngữ điệu ngạc nhiên, ngữ điệu đồng tình.</p>	<p>- HS đọc nối tiếp đoạn, nhận xét bạn đọc về phát âm, ngắt nghỉ và ngữ điệu.</p>
<p>- GV chia đoạn luyện đọc: Đoạn 1 từ đầu đến “những viên đá đẹp cho mình”; đoạn 2 tiếp theo đến “cười, cười, cười,...”; đoạn 3 còn lại.</p>	<p>- HS đánh dấu đoạn vào SGK và chuẩn bị đọc nối tiếp.</p>

- GV nhận xét việc đọc của HS theo cặp, theo nhóm, có thể mời 3 HS đọc nối tiếp bài đọc trước lớp.	- HS đọc nối tiếp theo cặp, theo nhóm; 3 HS đọc nối tiếp trước lớp.
- GV hướng dẫn tìm nghĩa từ ngữ: men theo, đầm mình, thung lũng.	- HS lắng nghe, có thể tra từ điển hoặc giải nghĩa theo ngữ cảnh.
- GV gợi ý nghĩa từ: men theo là di chuyển lần theo phía bên bờ suối; đầm mình là ngâm mình lâu trong nước; thung lũng là vùng đất trũng thấp giữa hai sườn dốc.	- HS nhắc lại nghĩa từ và đặt câu ngắn với từ vừa học nếu được yêu cầu.
3. Luyện tập: Hoạt động đọc hiểu (15 phút) <i>Mục tiêu: HS trả lời đầy đủ các câu hỏi đọc hiểu trong SGK; biết dựa vào chi tiết, lời nói, hành động của nhân vật để nêu suy nghĩ và cảm nhận của mình.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết cảm nhận vẻ đẹp của suối, đồng cỏ, tiếng gió trong bài đọc; hình thành tình yêu quê hương, ý thức giữ gìn cảnh quan và biết chơi hòa đồng, nhường nhịn, tôn trọng bạn bè.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
<p>Bồng em Bồng nói:</p> <p>– Ô, em bịt tai lại nghe tiếng gió lạ lắm.</p> <p>– Bịt tai thì nghe được gì? – Tôi hỏi Bồng.</p> <p>– Bịt tai lại rồi mở ra và cứ lặp lại như thế. Anh thử xem.</p> <p>– Đúng rồi, tớ cũng nghe thấy tiếng gió thổi hay lắm. – Điệp reo lên.</p> <p>Vừa nói, nó vừa lấy tay bịt hai tai rồi mở ra như Bồng chỉ. Cả hội tụ lại, lần lượt đưa hai bàn tay lên bịt tai.</p> <p>– Nghe “u... u... u...” – Văn cười.</p> <p>– Không, phải thật im lặng, đầu mình nghĩ gì sẽ nghe tiếng gió nói ra như thế. – Thành nhíu mày như đang tập trung lắm.</p> <p>– Đúng rồi, tớ nghe thấy “vui, vui, vui, vui...”</p> <p>– Còn tớ nghe thấy “cười, cười, cười, cười...”</p> <p>Mỗi đứa nghe thấy một thanh âm. Cứ thế, gió chiều thổi từ thung lũng dọc theo suối mang theo tiếng nói trong đầu mỗi đứa bay xa. Đứa nào cũng mê mải theo tiếng gió cho đến khi Văn la lên:</p> <p>– Gió nói “đói, đói, đói... rồi”.</p> <p>Cả hội giật mình. Chiều đã muộn, mặt trời xuống thật thấp. Chúng tôi lùa trâu về, không quên đưa hai tay lên giữ tai để vẫn nghe tiếng gió.</p> <p>Tối đó, tôi và Bồng kể cho bố mẹ nghe về trò chơi bịt tai nghe tiếng gió. Bố bảo mới nghe chúng tôi kể thôi mà bố đã thích trò chơi ấy rồi. Bố còn nói nhất định sáng mai bố sẽ thử ngay xem gió nói điều gì.</p> <p>(Theo Văn Thành 10)</p>	- HS quan sát phần tiếp theo của bài đọc và phần câu hỏi đọc hiểu.
- GV hướng dẫn chung trước khi trả lời câu hỏi đọc hiểu: HS có thể làm theo một trong ba cách: nêu lần lượt từng câu hỏi, dành thời gian cho HS chuẩn bị câu trả lời theo cặp/nhóm rồi mời một số HS phát biểu trước lớp; làm việc theo nhóm trao	- HS nắm cách làm việc, chuẩn bị trả lời câu hỏi theo hình thức GV yêu cầu.

đổi, thống nhất câu trả lời cho từng câu hỏi; phát phiếu học tập để HS viết vắn tắt câu trả lời.	
Câu 1. - GV nêu câu hỏi: Khung cảnh thiên nhiên khi các bạn nhỏ đi chăn trâu được miêu tả thế nào?	- HS đọc lại đoạn đầu của bài đọc, chuẩn bị câu trả lời.
- GV hướng dẫn HS đọc lại đoạn đầu của bài đọc và xem tranh minh họa để hình dung về khung cảnh thiên nhiên được miêu tả trong bài.	- 1 - 2 HS phát biểu, lớp nhận xét.
- GV yêu cầu HS nhắc lại ý kiến có sức thuyết phục hoặc tổng hợp các ý kiến của HS.	HS trả lời: - Khung cảnh thiên nhiên rất đẹp, trong trẻo và bình yên: có suối nhỏ nước trong vắt, nắng chiếu xuống đáy suối làm những viên đá cát sỏi lấp lánh - một bên suối là đồng cỏ rộng - thảnh thơi lại có gió thổi qua tai như đùa nghịch - chiều về, đàn trâu no cỏ đằm mình dưới suối.
Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV lồng ghép giáo dục tình yêu quê hương từ những hình ảnh gần gũi trong bài đọc như suối nhỏ, đồng cỏ, tiếng gió, đàn trâu; giúp HS hiểu tình yêu quê hương không chỉ là lời nói mà còn thể hiện bằng việc biết quan sát, trân trọng, giữ gìn cảnh vật và sống chan hòa với bạn bè. - GV đặt câu hỏi dẫn: Khi đọc những chi tiết tả suối nhỏ, đồng cỏ, thung lũng đầy gió, em cảm nhận quê hương mình có những vẻ đẹp nào đáng yêu? Em cần làm gì để thể hiện tình yêu quê hương trong những việc nhỏ hằng ngày? - GV hướng dẫn HS liên hệ theo các việc làm cụ thể: giữ vệ sinh sân trường, không xả rác ở nơi vui chơi, bảo vệ cây xanh, không làm bẩn	- HS chia sẻ cảm nhận về vẻ đẹp quê hương trong bài: suối nhỏ trong vắt, đồng cỏ rộng, gió thổi qua thung lũng, đàn trâu đằm mình dưới suối. - HS nêu việc làm cụ thể: Em cần yêu quý thiên nhiên, giữ vệ sinh nơi vui chơi, bảo vệ cây xanh, không vứt rác xuống suối, không bẻ cành hái hoa; khi chơi với bạn cần đoàn kết, hòa đồng, nhường nhịn và chơi an toàn. - HS ghi nhớ: Tình yêu quê hương được thể hiện từ những việc nhỏ, vừa sức, thực hiện hằng ngày.

<p>suối/kênh rạch, biết chơi đoàn kết, nhường nhịn và tôn trọng cảm xúc của bạn.</p> <p>- GV chốt: Tình yêu quê hương bắt đầu từ việc biết yêu cảnh vật gần gũi, biết lắng nghe vẻ đẹp của thiên nhiên, giữ gìn môi trường sống và cư xử văn minh với mọi người.</p>	
<p>Câu 2.</p> <p>- GV nêu câu hỏi: Em Bồng đã phát hiện ra trò chơi gì? Theo em, vì sao các bạn thích trò chơi đó?</p>	<p>- 1 - 2 HS trả lời câu hỏi 2a, sau đó 1 - 2 HS trả lời câu hỏi 2b.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại đoạn hội thoại giữa các bạn nhỏ, chú ý cách các bạn bịt tai để nghe tiếng gió.</p>	<p>HS trả lời:</p> <p>- Em Bồng phát hiện ra trò chơi bịt tai nghe gió. Các bạn thích trò chơi đó vì trò chơi lạ, thú vị, kích thích trí tưởng tượng</p> <p>- mỗi bạn nghe thấy một điều khác nhau như tiếng gió nói “vui, vui, vui” hoặc “cười, cười, cười”.</p>
<p>- GV đặt câu hỏi phụ: Chỉ tiết nào cho thấy các bạn rất thích trò chơi bịt tai nghe gió?</p>	<p>HS trả lời:</p> <p>- Bạn nào cũng thích trò chơi</p> <p>- các bạn bịt tai nghe tiếng gió, mỗi bạn đều nghe thấy gió nói theo một cách riêng</p> <p>- các bạn được phát huy trí tưởng tượng với một trò chơi gần gũi với thiên nhiên.</p>
<p>Câu 3.</p> <p>- GV nêu câu hỏi: Việc bố hướng ứng trò chơi của hai anh em nói lên điều gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.</p>	<p>- HS trao đổi, nhận xét, góp ý cho nhau.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc 3 lựa chọn trong SGK:</p> <p>A. Trò chơi hấp dẫn đến mức người lớn cũng thích chơi; B. Bố khuyến khích các con chơi những trò chơi ngoài trời; C. Bố muốn hòa nhập vào thế giới trẻ thơ của các con.</p>	<p>- 2 - 3 HS trình bày trước lớp.</p>

<p>- GV khuyến khích HS nêu ý kiến của mình, không chỉ chọn đáp án mà cần giải thích lí do lựa chọn.</p>	<p>HS trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể chọn C vì bố muốn hòa nhập vào thế giới trẻ thơ của các con. - Cũng có thể chọn A hoặc B nếu HS giải thích hợp lí. - Điều quan trọng là bố yêu thương, tôn trọng cảm xúc của các con, sẵn sàng tham gia trò chơi hồn nhiên của con.
<p>Câu 4.</p> <p>- GV nêu câu hỏi: Tưởng tượng em cùng tham gia vào trò chơi bịt tai nghe gió, nói với các bạn điều em nghe thấy.</p>	<p>- HS trao đổi, nhận xét, góp ý lẫn nhau để thống nhất câu trả lời.</p>
<p>- GV gợi ý: HS hãy tưởng tượng và nêu những điều tưởng tượng của mình; có thể hóa nhập vào trò chơi của các bạn nhỏ bằng cách dùng trước gió, bịt tai giống các bạn nhỏ trong câu chuyện để lắng nghe tiếng gió.</p>	<p>- 2 - 3 đại diện HS phát biểu trước lớp.</p>
	<p>- HS đối chiếu lại 4 câu hỏi trong SGK, kiểm tra câu trả lời đã đầy đủ và đúng trọng tâm chưa.</p>
<p>- GV khen ngợi những HS có ý kiến hay, tưởng tượng phong phú, trình bày rõ ràng, rành mạch.</p>	<p>HS trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em nghe tiếng gió như tiếng sáo thổi xa xa - như tiếng cỏ cây thì thầm - như tiếng suối nhỏ đang cười - như lời đồng quê gọi em về nhà - như tiếng bạn bè rủ nhau chạy nhảy trên đồng cỏ.

4. Vận dụng: Hoạt động luyện đọc lại (5 phút)

Mục tiêu: HS luyện đọc lại đoạn văn yêu thích, chia sẻ cảm nhận riêng về bài đọc và củng cố ý

nghĩa của câu chuyện.

Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết quyền trẻ em được vui chơi an toàn, được bày tỏ cảm xúc và chia sẻ trải nghiệm; biết thực hiện quyền gắn với trách nhiệm tôn trọng bạn, chơi đúng luật và bảo vệ an toàn cho bản thân, cho người khác.

Cách tiến hành:

Tích hợp Quyền con người: GV lồng ghép quyền trẻ em được nghỉ ngơi, vui chơi, tham gia hoạt động phù hợp lứa tuổi, được bày tỏ suy nghĩ và cảm xúc của mình trong môi trường an toàn, thân thiện.

- GV đặt câu hỏi dẫn: Khi tham gia trò chơi ngoài trời, các em có quyền được vui chơi, được nói điều mình cảm nhận và chia sẻ trải nghiệm của mình không? Khi bạn chia sẻ cảm xúc khác mình, em cần ứng xử thế nào?

- GV phân tích: Trẻ em có quyền được vui chơi nhưng việc vui chơi phải bảo đảm an toàn, không gây nguy hiểm, không làm tổn thương bạn, không chê bai cảm nhận của bạn; mỗi em cần biết lắng nghe, tôn trọng và chia sẻ đúng mực.

- GV chốt: Quyền được vui chơi luôn đi cùng trách nhiệm tôn trọng bản thân, tôn trọng bạn bè, chơi đúng luật, biết lắng nghe và chia sẻ cảm xúc một cách văn minh.

- HS nêu: Em có quyền được vui chơi an toàn, được nói điều mình cảm nhận và chia sẻ trải nghiệm của mình.

- HS bổ sung cách ứng xử: lắng nghe bạn nói, không cười chê hoặc áp đặt cảm nhận của mình lên bạn, chơi đúng luật, không xô đẩy, không làm nguy hiểm cho bản thân và người khác.

- HS nhắc lại: Khi được vui chơi, em cũng có trách nhiệm tôn trọng bạn và giữ an toàn.

- GV có thể khích lệ HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình sau khi đọc bài.

- HS phát biểu các ý kiến khác nhau theo cảm nhận cá nhân.

- GV yêu cầu HS nói ngắn gọn điều em thích nhất trong bài đọc.

HS trả lời:

- Em thích cách các bạn nhỏ bịt tai nghe gió vì trò chơi thật lạ và sáng tạo

- em thích cảnh thiên nhiên trong bài vì bình yên và đẹp

- em thích người bố vì bố gần gũi, hòa nhập

	vào thế giới tuổi thơ của các con.
- GV nhận xét tiết học, khen ngợi các em có nhiều cố gắng hoặc có nhiều đóng góp để tiết học hiệu quả.	- HS lắng nghe và tự đánh giá việc học của mình.
- GV dặn HS luyện đọc lại bài và chuẩn bị tiết Luyện từ và câu.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ học tập.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT 5**CHỦ ĐIỂM: THẾ GIỚI TUỔI THƠ****TUẦN 1****BÀI 1: THANH ÂM CỦA GIÓ****TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU - LUYỆN TẬP VỀ DANH TỪ, ĐỘNG TỪ, TÍNH TỪ****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Ôn tập về 3 từ loại đã được học ở lớp 4: danh từ, động từ, tính từ; hiểu đặc điểm và chức năng cơ bản của mỗi từ loại.
- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua các từ loại đã học.
- Biết tìm và phân loại danh từ, động từ, tính từ trong đoạn văn; biết đặt câu nói về hiện tượng tự nhiên trong đó có ít nhất 1 danh từ, 1 động từ, 1 tính từ.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động nhớ lại kiến thức lớp 4, tự hoàn thành nhiệm vụ trong phiếu học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi trong nhóm khi tham gia trò chơi 4 vòng, biết nhận xét và chấm chéo bài của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng hiểu biết về từ loại để tạo câu văn miêu tả hiện tượng tự nhiên.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực ôn tập, thực hành xác định danh từ, động từ, tính từ và hoàn thành nhiệm vụ đúng thời gian.
- Trung thực: chấm chéo khách quan, ghi nhận đúng kết quả của bản thân và của nhóm.
- Trách nhiệm: sử dụng thiết bị số đúng mục đích khi nghe âm thanh tự nhiên; lựa chọn nội dung phù hợp, an toàn theo hướng dẫn của GV.

4. Tích hợp

- NLS: 1.1.CB2b - HS dùng Google/YouTube tìm và nghe âm thanh tự nhiên phục vụ bài đọc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK *Tiếng Việt 5* tập một; nội dung Bài 1, Bài 2 phần Luyện từ và câu được trình chiếu hoặc phóng to.
- Video/cảnh gió ra chơi trên sân trường, âm thanh gió hoặc âm thanh thiên nhiên phù hợp.
- Một số câu văn mẫu dùng cho vòng 4 của Bài 2; phiếu học tập chia theo 4 vòng chơi; bảng nhóm, bút dạ.

- Máy tính, máy chiếu/ti vi có kết nối Internet để GV hướng dẫn tìm nghe âm thanh tự nhiên an toàn.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: Giúp HS cảm thấy hào hứng tiếp nhận bài học Luyện từ và câu đầu tiên, đồng thời nhớ lại kiến thức đã học ở lớp 4.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV giới thiệu định hướng bài học: Ở lớp 4, các em đã được học về các từ loại danh từ, động từ, tính từ. Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ củng cố kiến thức về các từ loại đó.	- HS lắng nghe, chuẩn bị tâm thế học tập.
- GV có thể cho HS xem một đoạn video ngắn về cảnh sân trường, cảnh cỏ cây lay động trong gió hoặc nghe một đoạn âm thanh thiên nhiên.	- HS quan sát video/nghe âm thanh, tìm từ ngữ theo yêu cầu của GV.
- GV yêu cầu HS theo dõi video và tìm một số từ chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái, đặc điểm của cảnh vừa quan sát.	- 2 - 3 HS nêu ý kiến: từ chỉ sự vật: học sinh, sân trường, cây bàng, lá cỏ, nắng, bầu trời; từ chỉ hoạt động, trạng thái: vui chơi, chạy, bay, lay, thổi; từ chỉ đặc điểm: nhộn nhịp, bồi hồi, xanh thẫm, trong xanh.
- GV nhận xét ý kiến phát biểu của HS và khích lệ HS tìm được đúng từ theo yêu cầu.	- HS lắng nghe, điều chỉnh cách nêu từ.
2. Khám phá (8 phút) <i>Mục tiêu: HS nhắc lại được khái niệm danh từ, động từ, tính từ và nhận biết nhiệm vụ của bài học.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV nêu câu hỏi: Danh từ là gì? Động từ là gì? Tính từ là gì?	- HS nhắc lại kiến thức đã học ở lớp 4.
- GV yêu cầu HS lấy ví dụ về mỗi từ loại dựa trên bài đọc <i>Thanh âm của gió</i> .	HS trả lời: - Danh từ: সুই, চক, ত্রাণ, ণয়, গিও, বগু - động từ: চান, ণে, ঝি, ণী, চা, চুই - tính từ: ঝন ঝন, লল ণল, ঝি, ল, ণু ঝি.

<p>- GV chốt kiến thức: Danh từ là từ chỉ sự vật như người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian; động từ là từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật; tính từ là từ chỉ đặc điểm của sự vật, hoạt động, trạng thái.</p>	<p>- HS nghe GV chốt, ghi nhớ cách phân biệt 3 từ loại.</p>
<p>- GV dẫn vào phần luyện tập: Các em sẽ thực hiện Bài 1 để ghép đúng tên từ loại với đặc điểm, sau đó tham gia trò chơi 4 vòng ở Bài 2.</p>	<p>- HS mở SGK phần Luyện từ và câu và chuẩn bị làm bài.</p>
<p>3. Luyện tập (25 phút)</p> <p><i>Mục tiêu: HS nhận biết thế nào là danh từ, động từ, tính từ; tìm được từ loại trong đoạn văn và vận dụng để đặt câu.</i></p> <p>Mục tiêu tích hợp: HS biết dùng Google/YouTube theo hướng dẫn của GV để tìm và nghe âm thanh thiên nhiên phục vụ bài học; biết chọn từ khóa phù hợp, chỉ truy cập nội dung GV cho phép, ghi lại từ ngữ học được và không bấm vào quảng cáo, đường dẫn lạ.</p> <p><i>Cách tiến hành:</i></p>	
<p>Bài 1.</p> <p>- GV đưa nội dung bài 1 lên màn hình và yêu cầu HS đọc bài tập: Mỗi ý ở cột B nói về từ loại nào ở cột A?</p>	<p>- HS đọc yêu cầu bài tập và nêu nhiệm vụ cần làm.</p>
	<p>- HS quan sát hình bài tập, đối chiếu cột A và cột B.</p>
<p>- GV yêu cầu HS ghép đúng từng từ loại với đặc điểm tương ứng.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm để thống nhất ý kiến.</p>
<p>- GV mời đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV nhận xét, chốt đáp án đúng.</p>	<p>HS trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh từ: Từ chỉ sự vật như người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian. - Động từ: Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.

	- Tính từ: Từ chỉ đặc điểm của sự vật, hoạt động, trạng thái.
- GV yêu cầu HS nêu thêm ví dụ về danh từ, động từ, tính từ.	HS trả lời: - Danh từ: trâu, suối, ngày, nắng - động từ: nghe, chơi, chạy, nói - tính từ: vui, trong vắt, lấp lánh, xanh.
Bài 2. - GV giới thiệu: Đây là bài tập vận dụng lí thuyết ở bài tập 1 để thực hiện với ngữ liệu là đoạn 1 của bài <i>Thanh âm của gió</i> .	- HS lắng nghe, xác định đoạn văn cần đọc và nhiệm vụ của bài.
- GV đưa nội dung đoạn 1 bài <i>Thanh âm của gió</i> lên màn hình.	- HS đọc thầm đoạn văn.
- GV giới thiệu sơ bộ về trò chơi: Trò chơi có 4 vòng. Các đội lần lượt từ vòng 1 đến vòng 4. Hết mỗi vòng, các đội dừng lại để chấm bài và tính điểm. Điểm thua của các cuộc chơi bằng điểm trung bình cộng của 4 vòng.	- HS lắng nghe luật chơi, chuẩn bị hoạt động nhóm.
- GV giới thiệu các mẫu phiếu bài tập dành cho mỗi vòng. Các phiếu được để riêng trong 4 giỏ khác nhau.	- HS nhận phiếu học tập theo vòng chơi của nhóm.
<p>2. Trò chơi: Đọc đoạn đầu của bài <i>Thanh âm của gió</i> và thực hiện các yêu cầu.</p> <p>Vòng 1 Tìm danh từ theo mỗi nhóm sau: a. 1 danh từ chỉ con vật b. 1 danh từ chỉ thời gian c. 2 danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên</p> <p>Vòng 2 Tìm 4 động từ chỉ hoạt động hoặc trạng thái của người hoặc vật.</p> <p>Vòng 3 Tìm 4 tính từ chỉ đặc điểm của các sự vật dưới đây:</p> <p>cỏ suối nước cát, sỏi</p> <p>Vòng 4 Đặt 1 câu nói về một hiện tượng tự nhiên, trong đó có ít nhất 1 danh từ, 1 động từ, 1 tính từ.</p>	- HS quan sát yêu cầu 4 vòng chơi trong SGK.
- GV phổ biến cách tính điểm 1 vòng: nộp bài sớm nhất 20 điểm; nộp bài thứ hai 16 điểm; nộp	- HS lắng nghe biểu điểm để xác định mục tiêu phần đầu.

bài thứ ba 12 điểm; nộp bài thứ tư 8 điểm,... Về nội dung: sai hoặc thiếu 1 từ trừ 4 điểm; sai hoặc thiếu 2 từ trừ 8 điểm.	
Vòng 1. GV yêu cầu HS tìm danh từ theo nhóm sau: danh từ chỉ con vật, danh từ chỉ thời gian, danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên.	HS trả lời: <ul style="list-style-type: none"> - Danh từ chỉ con vật: trâu. - Danh từ chỉ thời gian: ngày. - Danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên: gió, nắng.
Vòng 2. GV yêu cầu HS tìm 4 động từ chỉ hoạt động hoặc trạng thái của người hoặc vật.	HS trả lời: <ul style="list-style-type: none"> - Có thể chọn 4 trong các từ: chẵn, chảy, thổi, đùa nghịch, tìm.
Vòng 3. GV yêu cầu HS tìm 4 tính từ chỉ đặc điểm của các sự vật: cỏ, suối, nước, cát, sỏi.	HS trả lời: <ul style="list-style-type: none"> - cỏ: tươi tốt. - suối: nhỏ. - nước: trong vắt. - cát, sỏi: lấp lánh.
Vòng 4. GV yêu cầu HS đặt 1 câu nói về một hiện tượng tự nhiên, trong đó có ít nhất 1 danh từ, 1 động từ, 1 tính từ.	HS trả lời: <ul style="list-style-type: none"> - Nắng chiếu trên những cánh hoa vàng lung linh. - Dòng suối nhỏ trong vắt uốn lượn qua khu vườn xanh mướt. - Gió thổi nhẹ qua đồng cỏ xanh.
Tích hợp NLS: 1.1.CB2b - HS dùng Google/YouTube tìm và nghe âm thanh tự nhiên phục vụ bài đọc theo hướng dẫn của GV. - GV đặt câu hỏi dẫn: Khi muốn nghe thêm âm thanh của gió, tiếng suối, tiếng lá cây để tìm từ miêu tả hay hơn, các em có thể dùng công cụ số nào? - GV hướng dẫn HS theo từng bước: nhập từ khóa ngắn, rõ như “tiếng gió thổi qua đồng cỏ”, “âm thanh suối chảy”, “tiếng lá cây xào xạc”; quan sát kết quả tìm kiếm; chỉ mở video/học liệu do GV	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV: quan sát thao tác tìm kiếm, nghe âm thanh thiên nhiên được GV mở và ghi lại từ ngữ phù hợp. - HS nêu ví dụ: danh từ: gió, lá cây, suối; động từ: thổi, reo, chảy; tính từ: nhẹ, trong, rì rào, mát - HS đặt câu vận dụng: Gió thổi nhẹ qua hàng cây xanh mát. - HS nhắc lại quy tắc an toàn: chỉ xem nội dung GV cho phép, không bấm vào quảng cáo/đường dẫn lạ, không chia sẻ thông tin cá

<p>chọn hoặc cho phép; nghe đoạn âm thanh ngắn để tìm danh từ, động từ, tính từ phù hợp.</p> <p>- GV nhắc quy tắc an toàn số: không tự ý bấm quảng cáo, bình luận, đường dẫn lạ; không nhập thông tin cá nhân; dừng lại và báo GV khi thấy nội dung không phù hợp.</p> <p>- GV yêu cầu HS ghi nhanh vào vở 3 nhóm từ tìm được từ âm thanh đã nghe, sau đó dùng các từ ấy đặt câu nói về hiện tượng tự nhiên.</p>	<p>nhân khi sử dụng Internet.</p>
<p>- GV theo dõi, quan sát HS các đội chấm bài có đúng nội dung, đúng biểu điểm hay không.</p>	<p>- HS các đội chấm bài cho nhau theo biểu điểm.</p>
<p>- GV nhận xét yêu cầu 4: HS cần bảo đảm đúng ngữ pháp, có đủ các từ loại theo yêu cầu câu hỏi.</p>	<p>- HS điều chỉnh câu nếu còn thiếu danh từ, động từ hoặc tính từ.</p>
<p>- GV kết thúc 4 vòng chơi, tổng kết và ghi nhận điểm từng cuộc chơi; phần thưởng, khích lệ các đội về nhất, nhì, ba.</p>	<p>- Lớp trưởng ghi lại điểm số của từng đội sau mỗi vòng chơi; HS cổ vũ và rút kinh nghiệm.</p>
<p>4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút)</p> <p><i>Mục tiêu: củng cố kiến thức về các từ loại: danh từ, động từ, tính từ và vận dụng vào thực tế sử dụng từ.</i></p> <p><i>Cách tiến hành:</i></p>	
<p>- GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung kiến thức được luyện tập trong tiết học.</p>	<p>- 1 - 2 HS nhắc lại: danh từ chỉ sự vật; động từ chỉ hoạt động, trạng thái; tính từ chỉ đặc điểm.</p>
<p>- GV giao việc: Về nhà, tập viết nhiều câu văn miêu tả các hiện tượng tự nhiên, trong đó có sử dụng danh từ, động từ, tính từ.</p>	<p>- HS nghe lời dặn dò của GV và ghi nhớ nhiệm vụ.</p>
<p>- GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập của HS.</p>	<p>- HS tự đánh giá việc tham gia hoạt động nhóm và trò chơi.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT 5**CHỦ ĐIỂM: THẾ GIỚI TUỔI THƠ****TUẦN 1****BÀI 1: THANH ÂM CỦA GIÓ****TIẾT 3: VIẾT - TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Nhớ lại bài văn kể chuyện và đoạn văn tường tượng đã học ở lớp 4 để nhận biết những điểm mới về yêu cầu của bài văn kể chuyện sáng tạo.
- Biết cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo bằng cách sáng tạo thêm chi tiết hoặc thay đổi cách kết thúc của câu chuyện với bố cục 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.
- Biết xác định phần mở bài, thân bài, kết bài của bài văn; nhận biết các chi tiết sáng tạo và nêu được tác dụng của chi tiết sáng tạo.
- Vận dụng được những cách có thể dùng để viết bài văn kể chuyện sáng tạo: thêm chi tiết tả ngoại hình, hoạt động, cảnh vật, lời thoại, thay đổi đoạn kết.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc ngữ liệu trong SGK, tự xác định yêu cầu từng câu hỏi và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm về bài văn, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: đề xuất được cách sáng tạo hợp lí nhưng không làm thay đổi nội dung chính và ý nghĩa của câu chuyện.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực đọc ngữ liệu, trả lời đầy đủ các yêu cầu a, b, c, d và bài tập 2, 3.
- Trung thực: viết bằng suy nghĩ, cảm nhận của bản thân; không sao chép máy móc từ bạn hoặc công cụ AI.
- Trách nhiệm: sử dụng công cụ AI đúng hướng dẫn, biết AI chỉ hỗ trợ gợi ý, không thay thế cảm xúc, tình yêu quê hương và ý tưởng sáng tạo riêng của con người.

4. Tích hợp

- AI: 5.A2.1 - Thảo luận AI có thể phân tích âm thanh nhưng không thay thế cảm nhận tình yêu quê hương của con người.

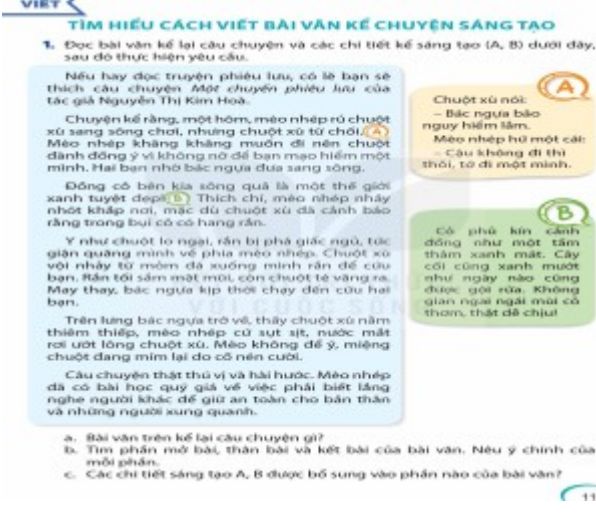
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK *Tiếng Việt 5* tập một; phần Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo.
- Hình cắt từ SGK: Bài 1, Bài 2, Bài 3, phần Ghi nhớ, Vận dụng - Củng cố.
- Sơ đồ bài văn kể chuyện sáng tạo; phiếu học tập cho câu hỏi a, b, c, d.

- Máy tính, máy chiếu; có thể chuẩn bị ví dụ minh họa về công cụ AI gợi ý từ ngữ nhưng không dùng để viết thay bài của HS.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: Nhớ lại bài viết bài văn kể chuyện và đoạn văn tưởng tượng đã học ở lớp 4 để nhận biết những điểm mới về yêu cầu của bài văn kể chuyện sáng tạo.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS nhắc lại một số nội dung quan trọng của bài văn kể lại một câu chuyện và đoạn văn tưởng tượng đã học.	- 2 - 3 HS trả lời mỗi câu hỏi, cả lớp nhận xét, góp ý.
- GV gợi hỏi: Bài văn kể lại câu chuyện gồm những nội dung nào?	HS trả lời: - Bài văn kể lại câu chuyện cần có cách mở bài, kết bài - có nội dung cần kể trong câu chuyện: các nhân vật, các sự việc và trình tự diễn ra các sự việc.
- GV gợi hỏi: Đoạn văn tưởng tượng là đoạn văn như thế nào?	HS trả lời: - Đoạn văn tưởng tượng có các chi tiết sáng tạo như thêm chi tiết kể, tả - thêm lời thoại - thay đổi hoặc viết tiếp đoạn kết.
- GV nhận xét, có thể mở sơ đồ các nội dung trên để chiếu hoặc dán trên bảng cho HS theo dõi.	- HS quan sát sơ đồ, nhắc lại kiến thức cũ.
- GV nêu nội dung tiết học: Lên lớp 5, HS sẽ được học một kiểu bài mới: viết bài văn kể chuyện sáng tạo.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Viết.
2. Khám phá (10 phút) <i>Mục tiêu: HS biết cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo bằng cách thêm lời kể, lời thoại hoặc thay đổi cách kết thúc câu chuyện với bố cục 3 phần.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	

<p>- GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của Bài 1: Đọc bài văn kể lại câu chuyện và các chi tiết sáng tạo A, B, sau đó thực hiện 4 yêu cầu a, b, c, d.</p>	<p>- HS đọc bài văn theo hướng dẫn của GV.</p>
<p>- GV hướng dẫn cách đọc trong nhóm hoặc trước lớp: HS cần đọc 2 lượt.</p>	<p>- HS lắng nghe cách đọc.</p>
<p>- Lượt 1: Đọc hết bài văn kể lại câu chuyện ở bên trái; một HS đọc, cả lớp hoặc nhóm nghe.</p>	<p>- HS đọc bài văn bên trái theo lượt đọc 1.</p>
<p>- Lượt 2: Đọc lại bài văn bên trái kết hợp với đọc các chi tiết sáng tạo A, B ở bên phải. Có 2 cách đọc: HS 1 đọc bài văn kể lại câu chuyện ở cột trái, đến đoạn có chi tiết sáng tạo A, B thì dừng lại để HS 2 đọc chi tiết sáng tạo ở cột phải; hoặc HS chỉ cần đọc một câu trong bài văn gốc ngay trước đoạn được viết sáng tạo, sau đó đọc đoạn viết sáng tạo.</p>	<p>- HS đọc theo lượt đọc 2, chú ý vị trí của chi tiết sáng tạo A, B trong bài văn.</p>
	<p>- HS quan sát hình SGK, xác định bài văn, chi tiết sáng tạo A, B và các câu hỏi a, b, c, d.</p>
<p>- GV lưu ý: Với câu a, b, c, HS cần trả lời toàn bộ bài văn và những chi tiết sáng tạo A, B trên màn hình. Với câu d, HS chỉ cần đọc riêng hai chi tiết sáng tạo A, B trên màn hình nếu có thể.</p>	<p>- HS ghi nhớ lưu ý để trả lời đúng trọng tâm từng câu.</p>
<p>3. Luyện tập (25 phút)</p> <p><i>Mục tiêu: HS thực hiện đầy đủ Bài 1, Bài 2, Bài 3; biết nhận ra các cách có thể vận dụng để viết bài văn kể chuyện sáng tạo.</i></p> <p><i>Mục tiêu tích hợp: HS hiểu AI có thể hỗ trợ gợi ý từ ngữ, phân tích âm thanh/hình ảnh và gợi mở</i></p>	

cách diễn đạt, nhưng không thay thế cảm xúc, tình yêu quê hương và ý tưởng sáng tạo riêng; biết dùng AI đúng mục đích, có chọn lọc, không sao chép.

Cách tiến hành:

<p>Bài 1a.</p> <p>- GV nêu câu hỏi: Bài văn trên kể lại câu chuyện gì?</p>	<p>HS trả lời:</p> <p>- Bài văn kể lại câu chuyện <i>Một chuyến phiêu lưu</i> của tác giả Nguyễn Thị Kim Hoà.</p>
<p>Bài 1b.</p> <p>- GV nêu câu hỏi: Tìm phần mở bài, thân bài và kết bài của bài văn. Nêu ý chính của mỗi phần.</p>	<p>HS trả lời:</p> <p>- Mở bài từ đầu đến “tác giả Nguyễn Thị Kim Hoà”, giới thiệu câu chuyện và tác giả câu chuyện.</p> <p>- Thân bài từ “Chuyện kể rằng” đến “cứu hai bạn”, kể lại diễn biến câu chuyện.</p> <p>- Kết bài là phần còn lại, nêu suy nghĩ, cảm xúc về câu chuyện.</p>
<p>Bài 1c.</p> <p>- GV nêu câu hỏi: Các chi tiết sáng tạo A, B được bổ sung vào phần nào của bài văn?</p>	<p>HS trả lời:</p> <p>- Các chi tiết sáng tạo được bổ sung vào phần thân bài, vì thân bài kể lại câu chuyện và có thể thêm chi tiết để câu chuyện sinh động hơn.</p>
<p>Bài 1d.</p> <p>- GV nêu câu hỏi: Tìm nội dung phù hợp với mỗi chi tiết sáng tạo A, B.</p>	<p>HS trả lời:</p> <p>- A là sáng tạo thêm lời thoại cho nhân vật.</p> <p>- B là sáng tạo thêm chi tiết tả cảnh.</p>
<p>- GV có thể đặt thêm câu hỏi nâng cao: Các chi tiết sáng tạo có tác dụng gì trong bài văn?</p>	<p>HS trả lời:</p> <p>- Các chi tiết sáng tạo giúp bài văn sinh động, cụ thể hơn, thể hiện rõ hơn tưởng tượng và cảm nhận của người viết</p> <p>- người đọc thấy câu chuyện hấp dẫn hơn.</p>
<p>- GV hỏi tiếp: Các chi tiết sáng tạo có làm thay đổi nội dung chính và ý nghĩa của câu chuyện không?</p>	<p>HS trả lời:</p> <p>- Không. Các chi tiết sáng tạo làm câu chuyện hay hơn nhưng không làm sai nội dung chính và ý nghĩa của câu chuyện gốc.</p>
<p>- GV tổng kết Bài 1: Qua bài tập 1, HS đã được</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ kiến thức mới.</p>

<p>làm quen với một kiểu bài văn kể chuyện sáng tạo. Người viết có thể sáng tạo thêm các chi tiết kể, tả như tả cảnh, tả tâm trạng, cảm xúc của nhân vật, hoặc thêm lời thoại cho nhân vật.</p>	
<p>Bài 2.</p> <p>- GV giao việc cho HS: 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2 và đoạn văn trong SGK.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu và đoạn văn theo hướng dẫn của GV.</p>
 <p>d. Tìm nội dung phù hợp với mỗi chi tiết sáng tạo A, B.</p> <p>Sáng tạo thêm chi tiết tả cảnh.</p> <p>Sáng tạo thêm lời thoại cho nhân vật.</p> <p>2. Theo em, đoạn dưới đây có thể thay cho đoạn nào của câu chuyện?</p> <p>Chuột xù lông cồm cồm dậy, thấy mèo nhép vẫn sợ hãi, run lập cập. Một lúc lâu, mèo nhép mới xáu hổ bảo:</p> <p>– Bờ sông bên nhà mình cũng đẹp lắm. Chúng mình về thôi.</p> <p>Bác ngựa và chuột xù cười phá lên. Mèo nhép cũng bẽn lễn cười.</p> <p>3. Nêu những cách em có thể vận dụng để viết bài văn kể chuyện sáng tạo.</p> <p>Thêm chi tiết tả ngoại hình và hoạt động của nhân vật.</p> <p>Tưởng tượng mình đang tham gia vào câu chuyện, được "nhìn", "nghe", "chạm vào",... mọi sự vật trong câu chuyện để sáng tạo chi tiết.</p> <p>Thay đổi cách kết thúc của câu chuyện.</p> <p>Ghi nhớ</p> <p>Trong bài văn kể chuyện sáng tạo, người viết có thể thêm chi tiết (thêm lời thoại, thêm lời kể, lời tả,...) hoặc thay đổi cách kết thúc mà không làm thay đổi nội dung chính và ý nghĩa của câu chuyện.</p> <p>Bài văn có 3 phần:</p> <p>– Mở bài: Giới thiệu câu chuyện.</p> <p>– Thân bài: Kể lại câu chuyện với những chi tiết sáng tạo.</p> <p>– Kết bài: Nêu suy nghĩ, cảm xúc về câu chuyện.</p> <p>1. Kể cho người thân nghe câu chuyện Một chuyến phiêu lưu với chi tiết em sáng tạo thêm.</p>	<p>- HS quan sát Bài 2, Bài 3 và phần Ghi nhớ trong SGK.</p>
<p>- GV chiếu đoạn văn lên màn hình để HS dễ quan sát: Chuột xù lông cồm cồm dậy, thấy mèo nhép vẫn sợ hãi, run lập cập. Một lúc lâu, mèo nhép mới xáu hổ bảo: “Bờ sông bên nhà mình cũng đẹp lắm. Chúng mình về thôi.” Bác ngựa và chuột xù cười phá lên. Mèo nhép cũng bẽn lễn cười.</p>	<p>- Mỗi HS tự đọc thầm lại bài văn, tìm đoạn truyện được thay thế trong câu chuyện gốc và ghi ra nháp.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại bài văn trong Bài 1 và đoạn văn trong Bài 2, tìm đoạn truyện đã được thay thế.</p>	<p>- HS tìm đoạn truyện tương ứng trong bài văn.</p>
<p>- GV mời 2 - 3 HS trình bày ý kiến trước lớp; cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án.</p>	<p>HS trả lời: Đoạn truyện được thay thế là đoạn kết của câu chuyện.</p>

- GV có thể hướng dẫn HS trao đổi nhanh trong nhóm về những đoạn kết có thể được sáng tạo cho câu chuyện này, sau đó nhận xét, khen ngợi các ý tưởng hay.	- HS có thể nêu ý tưởng: thay đổi đoạn kết nhưng vẫn để Thạch Sanh thắng Lý Thông, không đảo ngược cái ác thành cái thiện; hoặc thay kết thúc câu chuyện theo hướng vui hơn, làm rõ bài học của nhân vật.
- Nếu HS học nhanh, học tốt, GV có thể cho HS đọc thêm một đoạn văn sáng tạo cho bài <i>Thanh âm của gió</i> để thấy sinh động hơn về cách thay đổi kết thúc cho câu chuyện.	- HS đọc ví dụ và nhận xét cách sáng tạo chi tiết, lời kể, cảm xúc.
Bài 3. - GV giao việc: Đọc yêu cầu bài tập Nêu những cách em có thể vận dụng để viết bài văn kể chuyện sáng tạo và thực hiện yêu cầu.	- Từng HS nêu ý kiến của mình; nhóm nhận xét, góp ý và tổng kết ý kiến.
- GV hướng dẫn HS nhớ lại những điều quan trọng của một câu chuyện: có cốt truyện, hoàn cảnh, nhân vật, các sự kiện, trình tự các sự kiện, kết thúc câu chuyện.	- HS nhắc lại nội dung cần giữ trong câu chuyện khi viết sáng tạo.
- GV khuyến khích HS nêu ví dụ cho các phát biểu của mình: Viết thêm chi tiết tả ngoại hình của nhân vật; viết thêm chi tiết hành động; thêm chi tiết tả hoạt động; thêm đoạn kết; thay đổi đoạn kết; thêm lời thoại cho nhân vật.	- Đại diện 2 - 3 nhóm trình bày trước lớp kết quả tổng hợp ý kiến của nhóm mình.
- GV chốt các chi tiết có thể kể sáng tạo: thêm chi tiết tả bối cảnh không gian, thời gian; thêm chi tiết tả ngoại hình, hành động của nhân vật; thêm hoặc thay đổi chi tiết kể tình huống, sự việc; thêm nhân vật vào câu chuyện; thêm lời thoại cho nhân vật; thay đổi cách kết thúc của câu chuyện.	HS trả lời: - Các em có thể vận dụng nhiều cách sáng tạo nhưng phải phù hợp nội dung chính, không làm sai ý nghĩa của câu chuyện.
- GV hướng dẫn HS đọc nội dung bóng nói trong sách và giải thích thêm: điều quan trọng nhất là HS cần phát huy trí tưởng tượng của mình vào câu chuyện, sử dụng các giác quan để cảm nhận	- HS lắng nghe, liên hệ với cách viết bài của bản thân.

mọi sự vật được kể, tả trong câu chuyện.	
- GV mời 1 HS đọc to phần Ghi nhớ.	- 1 HS đọc to Ghi nhớ, cả lớp đọc thầm theo.
- GV yêu cầu 1 - 2 HS nói lại phần Ghi nhớ bằng lời của mình.	HS trả lời: <ul style="list-style-type: none"> - Bài văn kể chuyện sáng tạo có 3 phần: mở bài giới thiệu câu chuyện - thân bài kể lại câu chuyện với những chi tiết sáng tạo - kết bài nêu suy nghĩ, cảm xúc về câu chuyện.
<p>Tích hợp AI: 5.A2.1 - Thảo luận AI có thể hỗ trợ gợi ý, phân tích âm thanh/hình ảnh nhưng không thay thế cảm nhận tình yêu quê hương và ý tưởng sáng tạo của con người.</p> <p>- GV đặt câu hỏi dẫn: Khi viết bài văn kể chuyện sáng tạo hoặc khi cảm nhận về thanh âm của gió, AI có thể giúp chúng ta điều gì? Điều gì AI không thể thay thế được ở con người?</p> <p>- GV giới thiệu ngắn gọn: Một số công cụ AI như ChatGPT, Gemini hoặc Copilot có thể hỗ trợ gợi ý từ ngữ, gợi ý cách diễn đạt, sắp xếp ý hoặc phân tích một số dấu hiệu trong âm thanh/hình ảnh. Tuy nhiên, AI không có kỉ niệm tuổi thơ, không có trải nghiệm sống thật, không có tình yêu quê hương và cảm xúc riêng như con người.</p> <p>- GV hướng dẫn HS sử dụng AI đúng cách: chỉ dùng khi GV cho phép; chỉ hỏi để tham khảo ý tưởng; đọc lại, chọn lọc và điều chỉnh bằng lời văn của mình; không sao chép nguyên văn; không nhập họ tên, lớp, địa chỉ, hình ảnh cá nhân hoặc thông tin riêng tư lên công cụ AI.</p> <p>- GV yêu cầu HS so sánh: một ý do AI gợi ý và một ý do bản thân tự cảm nhận, từ đó nhận ra bài văn hay cần cảm xúc thật, trí tưởng tượng và cách</p>	<p>- HS trả lời: AI có thể gợi ý từ ngữ, câu văn, cách sắp xếp ý nhưng cảm xúc yêu quê hương, kỉ niệm tuổi thơ, tình cảm gia đình và ý tưởng thật của em thì em phải tự cảm nhận và tự viết.</p> <p>- HS nêu quy tắc sử dụng AI: Em chỉ dùng AI khi GV cho phép, không đưa thông tin cá nhân, không sao chép bài của AI, phải đọc lại và viết bằng lời văn, cảm xúc của mình.</p> <p>- HS vận dụng: chọn một gợi ý phù hợp, sửa lại thành câu văn của bản thân hoặc bổ sung chi tiết từ trải nghiệm thật của mình.</p>

diễn đạt riêng của người viết.	
4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút) <i>Mục tiêu: HS vận dụng bài học, nêu được điều học tập được từ cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo và chuẩn bị nhiệm vụ ở nhà.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV khuyến khích HS thực hiện một trong các yêu cầu: nêu điều em học tập được từ bài văn kể chuyện sáng tạo; sáng tạo chi tiết hoặc thay đổi cách kết thúc của câu chuyện <i>Một chuyến phiêu lưu</i> .	- 2 - 3 HS phát biểu tùy theo cảm nhận cá nhân.
- GV chấm nhanh 2 - 3 bài/câu trả lời của HS hoặc nhận xét miệng những ý tưởng sáng tạo tiêu biểu.	- HS nêu ý tưởng hoặc viết nhanh vào nháp.
- GV giao việc cho HS đọc yêu cầu vận dụng: Kể lại cho người thân nghe câu chuyện <i>Một chuyến phiêu lưu</i> với những chi tiết em sáng tạo thêm.	- HS đọc yêu cầu vận dụng và ghi nhớ nhiệm vụ.
- GV giao việc: Tìm đọc một câu chuyện về thế giới tuổi thơ.	- HS ghi vào vở để thực hiện ở nhà.
<p>sáng tạo thêm.</p> <p>2. Tìm đọc một câu chuyện về thế giới tuổi thơ.</p> <p>12</p>	- HS quan sát phần Vận dụng - củng cố trong SGK, đối chiếu hai nhiệm vụ về nhà.
- GV củng cố bằng câu hỏi: HS thích nhất điều gì trong bài vừa học?	- HS trả lời: thích cách sáng tạo thêm chi tiết, thêm lời thoại, thay đổi đoạn kết hoặc nhận biết bài văn kể chuyện sáng tạo.
- GV chốt lại: Hôm nay HS đã được học cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo. Khi viết, các em cần giữ nội dung chính của câu chuyện, sáng tạo hợp lý để câu chuyện sinh động hơn.	- HS lắng nghe và tự nhắc lại nội dung cần nhớ.
- GV nhận xét kết quả học tập của HS, khen ngợi những em tích cực, dặn HS đọc trước Bài 2: <i>Cánh đồng hoa</i> .	- HS lắng nghe, chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT 5**CHỦ ĐIỂM: THẾ GIỚI TUỔI THƠ****TUẦN 1****BÀI 2: CÁNH ĐỒNG HOA****TIẾT 1 - 2: ĐỌC CÁNH ĐỒNG HOA****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù****a. Đọc:**

- Đọc thành tiếng: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Cánh đồng hoa*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời người kể chuyện, lời đối thoại của các bạn nhỏ trong câu chuyện.
- Đọc hiểu: Biết cách tiếp nhận văn bản tự sự (thông qua nắm bắt trình tự các sự việc, nhân vật; lời nói, cử chỉ, hành động, suy nghĩ,... của nhân vật). Nhận thấy những phẩm chất tốt đẹp của các bạn nhỏ người Chăm được thể hiện qua lời nói, suy nghĩ, việc làm,... (Các bạn yêu thương nhau, luôn vui tươi, hồn nhiên. Các bạn yêu quê hương, sống có trách nhiệm, biết bảo vệ môi trường việc làm cụ thể, phù hợp lứa tuổi. Các bạn thông minh, đưa ra được ý tưởng sáng tạo để giải quyết tình huống; hiểu ý nghĩa câu chuyện *Cánh đồng hoa*: Cần có những việc làm cụ thể để góp phần vào làm cho làng quê, khu phố luôn sạch đẹp. Việc làm đó dù là nhỏ bé, cũng khiến chúng ta và mọi người đều cảm thấy hạnh phúc.

b. Luyện từ và câu:

- Củng cố thêm kiến thức về động từ, tính từ và từ có nghĩa giống nhau (qua hoạt động luyện tập theo văn bản đọc).

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc trước văn bản, chuẩn bị câu trả lời, hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: Trao đổi nhóm, lắng nghe và thống nhất câu trả lời khi tìm hiểu bài đọc.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Cùng bạn suy nghĩ cách xử lý tình huống, đề xuất việc làm cụ thể để làm đẹp cảnh quan môi trường.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Biết yêu quý cảnh đẹp quê hương, khu phố, thôn xóm nơi mình sinh sống.
- Nhân ái: Biết hợp tác, chia sẻ, chung tay làm việc có ích với bạn bè và mọi người.
- Trách nhiệm: Có ý thức trân trọng, gìn giữ và làm đẹp cảnh quan môi trường.

4. Tích hợp

Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Hình thành ý thức hợp tác, biết chung tay cải tạo cảnh quan và làm việc có ích cho cộng đồng.

Quyền con người: Giáo dục quyền được tham gia, đóng góp ý kiến để xây dựng môi trường sống xanh, sạch, đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; máy tính, máy chiếu hoặc ti vi.
- Tranh ảnh minh họa câu chuyện *Cánh đồng hoa* (tranh trong SGK). Có thể đưa tranh ảnh minh họa các nhân vật trong câu chuyện, minh họa hình ảnh hoa ngũ sắc, nhạc cụ “trống da” đặc trưng của người Chăm,...
- Phiếu bài tập cho bài 2 (phần Luyện tập theo văn bản đọc).
- Truyện tranh *Cánh đồng hoa* trong bộ truyện *Những đứa trẻ hạnh phúc* do Lê Anh Vinh chủ biên để HS hiểu hơn về bài đọc.
- Một số bài văn kể chuyện sáng tạo.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Ôn lại bài cũ, khơi gợi trải nghiệm về khu phố, thôn xóm và tạo tâm thế sẵn sàng đón bài đọc mới. Cách tiến hành:	
- GV cho HS ôn lại bài cũ qua các yêu cầu: + Kể lại trò chơi mà Bồng và các bạn đã chơi trong câu chuyện <i>Thanh âm của gió</i> . + Trả lời câu hỏi: Vì sao trò chơi đó rất thú vị và được các bạn hưởng ứng?	- HS kể lại trò chơi nghe tiếng gió của Bồng và các bạn. - HS trả lời: Trò chơi rất thú vị vì các bạn được vui chơi, được tưởng tượng, được lắng nghe âm thanh của thiên nhiên và cùng nhau chia sẻ cảm xúc. - HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi của GV.
- GV giao nhiệm vụ đã nêu ở phần Khởi động (SGK, trang 13): <i>Trao đổi với bạn: Em có thể làm gì để góp phần làm cho khu phố hay thôn xóm của em thêm sạch đẹp?</i>	- HS trao đổi nhóm 4 về những việc đã hoặc sẽ làm để góp phần làm khu phố hay thôn xóm thêm sạch đẹp.

	
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện HS/nhóm trình bày trước lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đại diện 2 - 3 nhóm trình bày.
<ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá, ghi nhận những chia sẻ phù hợp. Ví dụ: quét dọn đường phố, trồng cây ven đường, trồng hoa bên đường, nhặt rác ở nơi công cộng, cùng các bạn sáng tác hò, về tuyên truyền... 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, bổ sung ý kiến.
<ul style="list-style-type: none"> - GV dẫn vào bài mới: Chúng ta đều có những việc làm ý nghĩa, giúp thôn xóm, bản làng sạch đẹp. Câu chuyện <i>Cánh đồng hoa</i> kể về một bạn nhỏ người Chăm đã có hành động bảo vệ môi trường theo một cách rất riêng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS ghi tên bài vào vở.
<p>2. Khám phá: Hoạt động luyện đọc (25 phút)</p> <p>Mục tiêu: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện <i>Cánh đồng hoa</i>; biết đọc diễn cảm phù hợp với lời người kể chuyện, lời đối thoại của các bạn nhỏ trong câu chuyện.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>Đọc mẫu bài</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe đọc, nhìn vào sách và đọc theo các câu/nhân vật/những thông tin, chi tiết thấy thú vị nhất hoặc gây ấn tượng với mình.
<ul style="list-style-type: none"> - GV đọc diễn cảm với ngữ điệu chung: chậm rãi, tình cảm; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện (<i>thở dài, rủ nhau, giấu những giọt nước mắt...</i>). Có thể mời 2 - 3 HS đọc nối tiếp các đoạn. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc theo yêu cầu và nhận xét cách đọc của bạn.

 <p>Bài 2 CÁNH ĐỒNG HOA</p> <p>ĐỌC</p> <p>Trào đổi với bạn: Em có thể làm gì để góp phần làm cho khu phố hay thôn xóm của em thêm sạch đẹp?</p> <p>CÁNH ĐỒNG HOA</p> <p>Ở đầu làng, có một đồng cỏ khá rộng. Ja Ka, Mư Hoa, Ja Prok và Mư Nhơ thường rủ nhau tới đó vui chơi. Ja Ka luôn mang theo chiếc trống nhỏ. Cậu vỗ trống rất hay. Mỗi lần Ja Ka vỗ trống, các bạn lại cùng múa hát tung bừng.</p> <p>Thế nhưng gần đây, trên đồng cỏ, một bãi rác xuất hiện và cứ lớn dần lên, bốc mùi khó chịu. Các bạn nhỏ chẳng nỡ đùa, hò hét như mọi ngày.</p> <p>– Cứ thế này, đồng cỏ sẽ thành bãi rác mất thôi! – Mư Nhơ thở dài.</p> <p>Mư Hoa quay mặt đi, giấu những giọt nước mắt:</p> <p>– Bọn mình còn đâu chỗ mà vui chơi!</p> <p>Ja Ka, Ja Prok thì rầu rĩ:</p> <p>– Biết làm thế nào bây giờ?</p>	
<p>- GV tiếp tục hướng dẫn HS theo dõi phần còn lại của bài đọc, chú ý lời đối thoại của các bạn nhỏ và giọng kể ở đoạn cuối.</p>	<p>- HS theo dõi bài đọc trong SGK, chú ý giọng đọc của người kể chuyện và lời nhân vật.</p>
<p>Hướng dẫn HS luyện đọc đúng.</p>	<p>- HS tìm từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai. Ví dụ: <i>vỗ trống, nhạc cụ, xới đất, trồng cây ngăn ngày, tưới nước, nhổ cỏ, bắt sâu...</i> và luyện đọc cá nhân.</p>
<p>- GV yêu cầu 1 - 2 HS tìm và đọc từ ngữ khó phát âm sai.</p>	<p>- 1 - 2 HS đọc từ khó, câu dài.</p>
<p>- GV nhận xét, sửa lỗi phát âm cho HS (quan tâm đến những HS hay mắc lỗi phát âm).</p> <p>+ Ngắt giọng ở những câu dài.</p> <p>+ Gọi 1 - 2 HS đọc câu dài.</p>	<p>- HS luyện đọc câu dài theo nhóm đôi.</p> <p>- HS nhận xét cách đọc của bạn.</p> <p>- HS đọc theo yêu cầu và nhận xét cách đọc của bạn.</p>
<p>Hướng dẫn HS luyện đọc diễn cảm.</p> <p>+ GV đọc diễn cảm một số câu thể hiện lời nói của các nhân vật.</p> <p>+ GV hướng dẫn HS luyện đọc theo nhóm đôi, giọng chậm, buồn để thể hiện tâm trạng của các bạn nhỏ khi thấy đồng cỏ có nguy cơ trở thành bãi rác; giọng nhanh, vui tươi thể hiện tâm trạng của các bạn nhỏ khi nghĩ ra ý tưởng.</p>	<p>- 1 - 2 HS đọc lại câu dài trước lớp.</p> <p>- HS đọc thầm.</p> <p>- HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm đôi với các câu:</p> <p><i>Cứ thế này, đồng cỏ sẽ thành bãi rác mất thôi!</i></p> <p><i>Bọn mình còn đâu chỗ mà vui chơi.</i></p> <p><i>Biết làm thế nào bây giờ?</i></p> <p><i>Các cậu có thấy bầu trời như một vườn hoa không?</i></p>

	<i>Chúng ta sẽ biến nơi đây thành cánh đồng hoa. Mọi người không nỡ lấy cánh đồng đẹp làm chỗ đổ rác đâu.</i>
Hướng dẫn HS luyện đọc toàn bài.	- 5 HS đọc nối tiếp 5 đoạn trước lớp.
- GV chia bài đọc thành 5 đoạn (như đã nêu ở trên).	- HS đọc theo cặp: Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.
- Gọi 5 HS đọc nối tiếp 5 đoạn trước lớp.	- Cả lớp đọc thầm toàn bài một lượt.
- GV nhận xét việc đọc của lớp.	- HS đọc theo yêu cầu và nhận xét cách đọc của bạn.

3.1. Luyện tập: Hoạt động đọc hiểu (20 phút)

Mục tiêu: Hiểu về các bạn người Chăm: Các bạn vui tươi, hồn nhiên, thông minh và biết yêu quê hương; nhận biết việc bảo vệ môi trường trong câu chuyện.

Mục tiêu tích hợp: HS nhận ra tình yêu quê hương và lối sống đẹp được thể hiện qua việc bảo vệ môi trường, hợp tác với bạn bè, làm việc có ích cho cộng đồng; biết liên hệ việc làm vừa sức để giữ gìn trường lớp, khu phố, thôn xóm xanh, sạch, đẹp.

Cách tiến hành:

Hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ: <i>Ja Ka, Mu Hoa, Prok Mu Nho</i> (hoặc <i>ngũ sắc, qua nhiều,...</i>).	- HS quan sát tranh, đọc một số từ ngữ: <i>Ja Ka, Mu Hoa, Prok Mu Nho</i> .
- GV đưa tranh ảnh (hoặc truyện tranh <i>Cánh đồng hoa</i>) để minh họa các nhân vật trong câu chuyện; đưa tranh ảnh hoa ngũ sắc..., kết hợp giải thích.	- HS sử dụng từ điển để tra nghĩa từ.
- GV yêu cầu HS sử dụng từ điển để tra nghĩa một số từ ngữ.	- 1 - 2 HS nêu nghĩa từ. HS khác nhận xét.
- GV chốt nghĩa từ <i>ngũ sắc</i> : hoa có nhiều màu sắc, thường là hoa đại mọc thành bụi, màu sắc rực rỡ.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung GV chốt.
Hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi	- HS đọc câu hỏi 1.
Câu 1. <i>Các bạn nhỏ có những hoạt động vui chơi nào ở đồng cỏ đầu làng? Chuyện gì xảy ra ở đó?</i>	- HS xem nhanh đoạn 1 và 2, cá nhân suy nghĩ, tìm câu trả lời.
- GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi 1. + Xem nhanh lại đoạn 1 và 2. + Suy nghĩ cá nhân, chuẩn bị câu trả lời. + Trao đổi trong nhóm để thống nhất câu trả lời.	- HS trao đổi nhóm, thống nhất câu trả lời. - Đại diện 2 - 3 nhóm phát biểu ý kiến.
- GV nhận xét và chốt câu trả lời: Trên đồng cỏ, các bạn đang vui chơi, vỗ trống, múa hát... Các bạn	- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung GV chốt.

<p>nghe nói đồng cỏ có nguy cơ trở thành bãi rác.</p> <p>đầy đồ rác rưởi. Nhóm bạn vui mừng nhảy múa, ca hát giữa muôn hoa rực rỡ, trong tiếng trống rộn ràng.</p> <p>Với cánh đồng hoa xinh đẹp, ngôi làng trở nên nổi tiếng, đón nhiều khách tới tham quan. Các bạn nhỏ và dân làng cười vui. Cánh đồng hoa cũng như đang vui cười hạnh phúc.</p> <p>(Theo Lê Anh Vinh – Bùi Thị Diễm)</p> <p> 1. Các bạn nhỏ có những hoạt động vui chơi nào trên đồng cỏ đầu làng? Chuyện gì xảy ra ở đó?</p> <p>2. Khi thấy đồng cỏ có nguy cơ trở thành bãi rác, các bạn nhỏ lo buồn thế nào? Các bạn đã có ý tưởng gì?</p> <p>3. Các bạn nhỏ đã thực hiện ý tưởng đó như thế nào và kết quả ra sao? Các bạn có cảm xúc gì trước thành quả đạt được?</p> <p>4. Kể tóm tắt nội dung câu chuyện Cánh đồng hoa theo gợi ý dưới đây:</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Niềm vui trên đồng cỏ</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Nguy cơ đồng cỏ trở thành bãi rác và ý tưởng cải tạo đồng cỏ</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Thực hiện ý tưởng</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Kết quả tốt đẹp</div> </div>	
<p>Câu 2. Khi thấy đồng cỏ có nguy cơ trở thành bãi rác, các bạn nhỏ lo buồn thế nào? Các bạn đã có ý tưởng gì?</p>	<p>- 1 - 2 HS đọc câu hỏi 2.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi 2 theo Phương án 1: tổ chức cho HS trả lời câu hỏi.</p>	<p>- HS xem lại đoạn 2 và 3.</p>
<p>- Gọi 1 - 2 HS đọc câu hỏi 2.</p> <p>- Hướng dẫn HS trả lời:</p> <p>+ Xem nhanh đoạn 2 và 3; suy nghĩ, tìm câu trả lời.</p> <p>+ Trao đổi nhóm 4 để thống nhất ý kiến.</p>	<p>- HS trao đổi nhóm 4, thống nhất câu trả lời.</p> <p>- Đại diện 2 - 3 nhóm nêu ý kiến trước lớp.</p> <p>HS trả lời: Các bạn rất lo buồn: Mu Nho thờ dài; Mu Hoa quay mặt đi giấu những giọt nước mắt. Các bạn đã có ý tưởng biến đồng cỏ thành cánh đồng hoa.</p>
<p>- Gọi đại diện 2 - 3 nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.</p>	<p>- HS lắng nghe, đối chiếu câu trả lời của nhóm mình và bổ sung ý còn thiếu nếu cần.</p>
<p>- Khích lệ và khen ngợi những HS biết thể hiện suy nghĩ riêng của mình.</p>	<p>- HS mạnh dạn nêu suy nghĩ riêng về cảm xúc của các bạn nhỏ khi đồng cỏ có nguy cơ trở thành bãi rác.</p>
<p>Câu 3. Các bạn nhỏ đã thực hiện ý tưởng đó như thế nào và kết quả ra sao? Các bạn có cảm xúc gì trước thành quả đạt được?</p>	<p>- HS xem lại đoạn 3, 4; suy nghĩ để chuẩn bị câu trả lời.</p>
<p>- GV đọc câu hỏi 3.</p>	<p>- HS trao đổi nhóm đôi để thống nhất câu trả lời.</p>
<p>- GV gợi ý: Các bạn thực hiện ý tưởng một mình hay thế nào? Các bạn có kể ý tưởng đó cho mọi người trong làng biết không? Ngoài các bạn, còn ai tham gia thực hiện ý tưởng? Tất cả đã tiến hành</p>	<p>- Đại diện 2 - 3 nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.</p>

những công việc gì để biến ý tưởng thành hiện thực? Sau cùng, ý tưởng đó có đạt như mong muốn? Có kết quả nào ngoài mong đợi?...	
- GV khuyến khích những câu diễn đạt theo ý hiểu của HS. Đánh giá, ghi nhận những câu trả lời hợp lí.	HS trả lời: Các bạn quyết tâm thực hiện ý tưởng; rủ mọi người cùng tham gia cải tạo đồng cỏ thành cánh đồng hoa. Tất cả đã dọn rác, xới đất, gieo hạt, trồng cây, ngày ngày tưới nước, nhổ cỏ, bắt sâu. Kết quả là đồng cỏ trở thành cánh đồng hoa rực rỡ; mọi người rất vui, hạnh phúc và tự hào.
Câu 4. <i>Kết nối nội dung câu chuyện “Cánh đồng hoa” theo gợi ý.</i>	- 1 - 2 HS nêu yêu cầu câu 4.
- GV gọi HS nêu yêu cầu của câu 4.	- HS thực hiện theo hướng dẫn của GV: xem nhanh toàn bộ câu chuyện, làm việc theo nhóm 4, lần lượt từng em tóm tắt, trao đổi, góp ý cho nhau để thống nhất bài kể.
- GV hướng dẫn HS: + Xem nhanh lại toàn bộ câu chuyện. + Làm việc theo nhóm 4: dựa vào gợi ý ở sách, lần lượt từng em tóm tắt, sau đó trao đổi, góp ý cho nhau. + Đại diện 2 - 3 nhóm trình bày trước lớp.	- Đại diện 2 - 3 nhóm trình bày trước lớp.
- GV nhận xét và ghi nhận những bài tóm tắt hay, đầy đủ, rõ ý.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung GV chốt.
Câu 5. <i>Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện?</i>	- 1 HS nêu yêu cầu câu hỏi 5.
- GV gọi 1 HS nêu câu hỏi 5.	- HS trao đổi ý kiến theo hình thức “Khăn trải bàn”.
- GV tổ chức cho HS trả lời câu hỏi theo nhóm 4 (hình thức “Khăn trải bàn”).	- Đại diện 2 - 3 nhóm trình bày trước lớp.
- Gọi đại diện 2 - 3 nhóm trình bày trước lớp. Khích lệ và khen ngợi những HS nêu ý kiến riêng của mình.	HS trả lời: Em cần biết yêu quê hương, biết giữ gìn môi trường, không xả rác bừa bãi, cùng bạn bè và người lớn trồng cây, chăm sóc hoa, làm những việc nhỏ nhưng có ích

	cho cộng đồng.
- GV ghi nhận ý kiến xác đáng, hợp lí, chốt: Dù việc làm nhỏ, nếu góp phần làm đẹp làng quê, khu phố cũng có ý nghĩa lớn và đem lại hạnh phúc cho mọi người.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung GV chốt.
Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV giúp HS thấy tình yêu quê hương, đạo đức và lối sống đẹp được thể hiện bằng hành động cụ thể: biết quan tâm đến môi trường sống, biết hợp tác với bạn bè, biết nghĩ cho cộng đồng và cùng chung tay biến nơi công cộng thành không gian xanh, sạch, đẹp. - GV đặt câu hỏi dẫn: Qua câu chuyện, các bạn nhỏ đã thể hiện tình yêu quê hương và lối sống đẹp bằng những việc làm nào? - GV gọi mở để HS phân tích: các bạn nhỏ không thờ ơ trước bãi đất bị bỏ hoang, biết rủ nhau dọn rác, xới đất, gieo hạt, chăm sóc hoa; việc làm ấy vừa làm đẹp cảnh quan vừa lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường. - GV hướng dẫn HS liên hệ: Ở trường, ở nhà hoặc khu phố, em có thể cùng bạn bè làm việc gì để góp phần xây dựng môi trường sống tốt đẹp hơn? - GV chốt: Việc làm nhỏ, nếu được thực hiện bằng tinh thần trách nhiệm, sự hợp tác và tình yêu quê hương, sẽ tạo nên thay đổi tích cực cho cộng đồng.	- HS nêu: Các bạn nhỏ biết lo lắng khi đồng cỏ có nguy cơ thành bãi rác, biết rủ mọi người cùng dọn rác, xới đất, gieo hạt, trồng cây và chăm sóc hoa. - HS liên hệ: Em có thể cùng bạn nhặt rác, chăm sóc bồn hoa, phân loại rác, nhắc nhở mọi người không vứt rác bừa bãi, giữ gìn lớp học và khu phố sạch đẹp. - HS ghi nhớ: Tình yêu quê hương được thể hiện qua những việc làm cụ thể, vừa sức, có ích và thực hiện thường xuyên.
3.2. Luyện tập: Hoạt động luyện đọc lại và luyện tập theo văn bản đọc (15 phút) Mục tiêu: Đọc diễn cảm câu chuyện; củng cố kiến thức về động từ, tính từ và từ có nghĩa giống nhau. Cách tiến hành:	
a. Luyện đọc lại	- HS đọc nối tiếp 5 đoạn trước lớp.
- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện: + Làm việc chung cả lớp: 3 hoặc 5 HS đọc nối tiếp 5 đoạn trước lớp; GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn	- HS luyện đọc theo cặp hoặc nhóm, góp ý cho nhau.

<p>cảm.</p> <p>+ HS đọc theo cặp hoặc nhóm (3 - 5 HS/nhóm), góp ý trong nhóm.</p> <p>+ GV đánh giá chung về kết quả đọc của HS.</p>	
<p>b. Luyện tập theo văn bản đọc</p>	- HS quan sát bài tập trong SGK.
<p>- GV hướng dẫn HS lần lượt làm các bài tập.</p> <div data-bbox="150 506 707 714">  <p>1. Xếp những từ in đậm dưới đây vào nhóm thích hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> Mỗi lần Ja Ka vỗ trống, các bạn lại cùng múa hát tưng bừng. Bọn mình còn đâu chỗ mà vui chơi! Biết ý tưởng đó, nhiều cô bác trong làng đã hưởng ứng. Nhóm bạn vui mừng nhảy múa, ca hát giữa vườn hoa rực rỡ, trong tiếng trống rộn ràng. <p>Động từ Tính từ</p> <p>2. Tìm từ có thể thay thế từ in đậm trong mỗi câu ở bài tập 1.</p> </div>	- HS đọc yêu cầu bài 1, bài 2.
<p>Bài 1. Xếp những từ in đậm dưới đây vào nhóm thích hợp.</p>	- 1 - 2 HS đọc lại bài tập.
<p>- GV trình chiếu bài tập. Yêu cầu 1 - 2 HS đọc lại.</p> <p>- GV hướng dẫn HS làm bài theo hình thức cá nhân:</p> <p>+ Nhớ lại thế nào là động từ và tính từ.</p> <p>+ Làm bài theo hình thức cá nhân.</p> <p>- Gọi 1 - 2 HS nêu kết quả.</p>	<p>- HS làm bài theo hình thức cá nhân.</p> <p>- 1 - 2 HS trình bày kết quả. HS khác nhận xét.</p> <p>HS trả lời:</p> <p>+ Động từ: <i>vui chơi, hưởng ứng</i>.</p> <p>+ Tính từ: <i>tưng bừng, rộn ràng</i>.</p>
<p>- GV đánh giá, chốt đáp án: Động từ: <i>vui chơi, hưởng ứng</i>. Tính từ: <i>tưng bừng, rộn ràng</i>.</p>	- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung GV chốt.
<p>Bài 2. Tìm từ có thể thay thế từ in đậm trong mỗi câu ở bài tập 1.</p>	- 1 - 2 HS nêu yêu cầu của bài tập.
<p>- Gọi 1 - 2 HS nêu yêu cầu của bài tập.</p>	- HS làm bài theo hình thức nhóm đôi.
<p>- GV hướng dẫn HS làm bài theo hình thức nhóm đôi.</p>	- Đại diện 1 - 2 nhóm trình bày.
<p>- Gọi đại diện 1 - 2 nhóm trình bày.</p>	HS trả lời:
<p>- GV đánh giá, ghi nhận những từ thay thế phù hợp.</p>	+ <i>tưng bừng</i> : náo nức, rộn rã.
<p>- GV phát phiếu học tập cho HS làm việc nhóm.</p> <p><i>Phiếu tập</i></p> <p>Tìm từ có thể thay thế từ in đậm trong mỗi câu ở bài tập 1.</p> <p><i>tưng bừng</i>:</p>	<p>+ <i>vui chơi</i>: nô đùa, vui đùa.</p> <p>+ <i>hưởng ứng</i>: ủng hộ, tham gia.</p> <p>+ <i>rộn ràng</i>: náo nhiệt, rộn rã.</p>

<p>vui chơi:</p> <p>hưởng ứng:</p> <p>rộn ràng:</p>	
<p>4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút)</p> <p><i>Mục tiêu: Liên hệ từ nội dung bài đọc tới thực tế, biết những việc nên làm và việc không nên làm để bảo vệ môi trường, làm đẹp cảnh quan nơi công cộng.</i></p> <p>Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết quyền được tham gia, được bày tỏ ý kiến và góp sức vào những việc phù hợp lứa tuổi để xây dựng môi trường sống xanh, sạch, đẹp; biết phân biệt việc nên làm và không nên làm khi tham gia bảo vệ môi trường.</p> <p><i>Cách tiến hành:</i></p>	
<p>Tích hợp Quyền con người: GV giúp HS nhận biết trẻ em có quyền được tham gia, được bày tỏ ý kiến và được góp sức vào những việc phù hợp lứa tuổi để xây dựng môi trường sống an toàn, xanh, sạch, đẹp; đồng thời hiểu quyền tham gia cần đi cùng trách nhiệm bảo vệ môi trường và tôn trọng không gian chung.</p> <p>- GV đưa ra bảng gồm nhiều việc làm, trong đó có việc nên làm và việc không nên làm. Ví dụ: trồng cây, phân loại rác, chăm sóc bồn hoa, giẫm lên bồn hoa, bẻ cành, vứt rác bừa bãi, nhặt rác, tuyên truyền giữ vệ sinh,...</p> <p>- GV hướng dẫn HS xếp việc làm vào 2 nhóm: nên làm/không nên làm; nêu lí do vì sao việc ấy góp phần bảo vệ hoặc làm tổn hại môi trường.</p> <p>- GV chốt: Mỗi HS đều có thể tham gia làm đẹp trường lớp, khu phố bằng những việc vừa sức, an toàn; khi tham gia cần biết lắng nghe, hợp tác và tôn trọng ý kiến của người khác.</p>	<p>- HS nêu: Em có quyền được tham gia việc phù hợp với lứa tuổi để làm đẹp trường lớp, khu phố; có quyền bày tỏ ý kiến về việc giữ gìn môi trường sống.</p> <p>- HS xếp việc làm vào 2 nhóm và giải thích: trồng cây, chăm sóc bồn hoa, nhặt rác là việc nên làm; bẻ cành, giẫm lên bồn hoa, vứt rác bừa bãi là việc không nên làm.</p> <p>- HS cam kết một việc cụ thể: Em sẽ bỏ rác đúng nơi quy định, chăm sóc cây xanh, nhắc bạn giữ vệ sinh lớp học/sân trường.</p>
<p>- GV yêu cầu HS xếp vào 2 nhóm: <i>việc nên làm</i> và <i>việc không nên làm</i>.</p>	<p>- HS xếp các việc làm vào hai nhóm: nên làm và không nên làm.</p> <p>- HS nêu thêm việc em có thể làm ở trường, ở nhà hoặc khu phố để bảo vệ môi trường.</p>
<p>- GV nhận xét, khen ngợi HS biết liên hệ thực tế và</p>	<p>- HS lắng nghe và ghi nhớ.</p>

có ý thức bảo vệ môi trường.	
------------------------------	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT 5**CHỦ ĐIỂM: THẾ GIỚI TUỔI THƠ****TUẦN 1****BÀI 2: CÁNH ĐỒNG HOA****TIẾT 3: VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO (TIẾP THEO)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Biết cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo bằng cách đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện.
- Nhận biết điểm khác nhau giữa cách kể của người viết đứng ngoài câu chuyện và cách kể theo lời một nhân vật trong câu chuyện.
- Nắm được bố cục bài văn kể chuyện sáng tạo khi đóng vai nhân vật: mở bài, thân bài, kết bài.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Tự đọc ngữ liệu, trả lời câu hỏi, rút ra ghi nhớ.
- Giao tiếp và hợp tác: Trao đổi với bạn về những điểm cần lưu ý khi đóng vai nhân vật.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn vai kể, cách xưng hô và chi tiết phù hợp.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực đọc ngữ liệu, ghi nhớ kiến thức mới.
- Trung thực: Viết bằng suy nghĩ, cảm xúc của bản thân, không sao chép máy móc.
- Trách nhiệm: Sử dụng công cụ AI đúng mục đích, an toàn và không thay thế cảm xúc cá nhân.

4. Tích hợp

AI: 5.C4.2 - Trải nghiệm AutoDraw hoặc Scribble Diffusion để hiện thực hóa hình ảnh cánh đồng hoa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; máy tính, máy chiếu hoặc ti vi.
- Tranh ảnh minh họa câu chuyện *Cánh đồng hoa* (tranh trong SGK). Có thể đưa tranh ảnh minh họa các nhân vật trong câu chuyện, minh họa hình ảnh hoa ngũ sắc, nhạc cụ “trống da” đặc trưng của người Chăm,...
- Phiếu bài tập cho bài 2 (phần Luyện tập theo văn bản đọc).
- Truyện tranh *Cánh đồng hoa* trong bộ truyện *Những đứa trẻ hạnh phúc* do Lê Anh Vinh chủ biên để HS hiểu hơn về bài đọc.
- Một số bài văn kể chuyện sáng tạo.
- Máy tính/ti vi có thể giới thiệu nhanh công cụ AutoDraw hoặc Scribble Diffusion.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
------------------	------------------

1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Nhớ lại cách kể chuyện sáng tạo đã học để chuẩn bị học thêm một cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nhắc lại một số nội dung quan trọng của bài văn kể lại một câu chuyện và đoạn văn tưởng tượng.	- HS trả lời: Bài văn kể lại câu chuyện thường có 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài. Có thể sáng tạo bằng cách thêm chi tiết, thêm lời thoại, thay đổi cách kết thúc, đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện.
- GV gọi hỏi: Bài văn kể lại câu chuyện có mấy phần? Có thể sáng tạo bằng những cách nào?	- HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi của GV.
- GV nhận xét, dẫn vào bài mới: Tiết học hôm nay giúp các em tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo bằng cách đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện.	- HS lắng nghe, ghi tên bài vào vở.
2. Khám phá: Hoạt động hình thành kiến thức mới (20 phút) Mục tiêu: Biết cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo bằng cách đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện. Cách tiến hành:	
Câu 1.	- HS đọc bài theo hướng dẫn của GV.
- GV giao cho HS đọc yêu cầu của bài tập 1 (<i>Đọc các đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi</i>), 1 - 2 HS đọc lại câu chuyện <i>Một chuyến phiêu lưu</i> .	- HS đọc thầm ngữ liệu, trả lời câu hỏi trong nhóm.
- GV lưu ý HS đọc đúng và diễn cảm theo giọng của nhân vật kể chuyện.	- HS trả lời: Các đoạn văn kể lại câu chuyện theo lời của nhân vật Chuột xù; nhân vật dùng từ <i>tôi</i> để gọi bản thân và dùng <i>cậu</i> , <i>Mèo nhép</i> , <i>bác ngựa</i> để gọi các nhân vật khác.
- GV hướng dẫn HS trả lời câu a, b; làm việc cá nhân, đọc thầm yêu cầu b, c và tìm phương án trả lời cho mỗi yêu cầu trước khi trao đổi hoặc nhận xét.	- HS đọc theo yêu cầu và nhận xét cách đọc của bạn.
- GV chốt: Đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện	- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung GV chốt.

là một cách kể chuyện sáng tạo.

2. Tìm từ có thể thay thế từ in đậm trong mỗi câu ở bài tập 1.

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

(Tiếp theo)

1. Đọc các đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi.

Chào các bạn. Tôi là chuột xù. Tôi sẽ kể cho các bạn nghe câu chuyện phiêu lưu li kì của tôi và cậu bạn thân mèo nhép.

Hôm ấy là một ngày rất đẹp trời, chúng tôi đều muốn đi chơi. Tôi thì muốn chơi ở bên này sông, còn cậu bạn của tôi lại năng nặc đòi đi chơi ở bên kia sông. Tôi vẫn nhớ lời dặn của bác ngựa là bên kia sông nguy hiểm lắm. Thế mà **chẳng hiểu** sao mèo nhép lại cứ muốn đi chơi ở đó. Cậu ấy quả là thích phiêu lưu. Nhưng phiêu lưu mà mất an toàn thì thật đáng sợ. Tôi cố gắng thuyết phục mèo nhép. Cậu ấy chẳng những không nghe mà còn chế tôi nhát. Cuối cùng, tôi đành chịu thua và đi theo cậu ấy vì không nỡ để cậu ấy mạo hiểm một mình.



Trên lưng bác ngựa trở về, tôi vẫn giả vờ nằm thiu thiu. Mèo nhép **chắc là** biết lỗi, cứ sụt sịt, sụt sịt, nước mắt rơi ướt cả bộ lông của tôi. So với lúc cậu ấy kháng kháng đòi sang sông chơi thì bây giờ trông cậu ấy thật quá khác biệt. Tôi phải cố nén cười. Cứ để cậu ấy ăn hận một lúc nữa, như thế mới có bài học chứ.

15

Câu c.

- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu c: HS làm việc trong nhóm, 1 HS mở sách trang 15 có 2 đoạn trích kể theo vai; 1 HS mở sách trang 11, so sánh cách kể lại các sự việc trong câu chuyện; 3 HS khác nêu nhận xét.

- GV lưu ý HS so sánh một số khía cạnh: cách mở đầu câu chuyện, cách xưng hô, cách kể sự việc, cảm xúc của người kể.

- GV nhận xét, có thể mời 1 - 2 HS tổng hợp ý kiến cho từng yêu cầu.

Câu d.

- GV hướng dẫn HS so sánh bài văn kể lại câu chuyện ở trang 11 và đoạn văn đóng vai nhân vật.

- GV gợi ý HS nêu điểm khác nhau theo bảng: cách mở đầu câu chuyện, cách kể sự việc trong câu chuyện, cách kết thúc câu chuyện.

- GV tổng kết: Qua bài tập 1, HS đã làm quen với

- Mỗi HS so sánh một phần trong bài văn.

- Các nhóm góp ý, nhận xét, thống nhất câu trả lời.

HS trả lời: Đoạn văn kể theo lời nhân vật Chuột xù; người kể xưng *tôi* và kể sự việc theo cảm nhận của mình. Các từ ngữ in đậm cho thấy Chuột xù không chắc chắn về suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật khác.

- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung GV chốt.

- HS trao đổi, so sánh và nêu ý kiến.

HS trả lời:

+ Bài văn kể lại câu chuyện trang 11: Người viết đứng ngoài câu chuyện.

+ Đoạn văn đóng vai nhân vật: Người viết

<p>một cách sáng tạo trong bài văn kể lại câu chuyện: đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện. Đây là một cách kể chuyện sinh động, thể hiện cảm nhận của người viết.</p>	<p>đóng vai Chuột xù và kể lại câu chuyện theo cảm nhận của nhân vật.</p>
<p>- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện nhiệm vụ.</p>	<p>+ Cách kể này giúp câu chuyện sinh động, gần gũi hơn.</p>
<p>3. Luyện tập: Hoạt động trao đổi về những điểm cần lưu ý khi đóng vai một nhân vật để kể lại câu chuyện (12 phút)</p> <p>Mục tiêu: Tìm hiểu bài văn kể chuyện sáng tạo bằng cách đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện; nêu được những điểm cần lưu ý khi kể chuyện và viết bài văn.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: HS được GV hướng dẫn trải nghiệm AutoDraw hoặc Scribble Diffusion để phác họa hình ảnh cánh đồng hoa theo trí tưởng tượng; biết AI chỉ hỗ trợ tạo gợi ý hình ảnh, không thay thế ý tưởng, lời kể, cảm xúc và trách nhiệm của người viết.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 2.</p>	<p>- HS đọc thầm gợi ý trong SGK, tìm ý trả lời theo gợi ý của GV.</p>
<p>- GV giao cho HS đọc yêu cầu bài tập 2 (<i>Trao đổi những điểm cần lưu ý khi đóng vai một nhân vật để kể lại câu chuyện</i>).</p>	<p>- HS trao đổi nhóm, nêu ý kiến.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu: HS nêu lại câu hỏi và các gợi ý trong SGK để tìm ý trả lời.</p>	<p>- 2 - 3 HS trình bày ý kiến trước lớp.</p>
<p>- GV gợi ý: Câu chuyện được kể bởi nhân vật nào? Nhân vật kể chuyện xưng là gì? Các sự việc được kể như thế nào theo cảm nhận của nhân vật?</p>	<p>HS trả lời: Trước khi viết bài văn đóng vai kể chuyện, cần chọn nhân vật để đóng vai và chọn từ ngữ xưng hô phù hợp; trong khi viết cần lưu ý đến chi tiết, cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật; cần đảm bảo bài văn có đủ bố cục 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.</p>
<p>- GV khuyến khích HS nêu một phần về trong câu chuyện thích và kể một đoạn truyện trong nhóm hoặc trước lớp.</p>	<p>- HS chọn một chi tiết yêu thích, thử đóng vai nhân vật và kể ngắn trong nhóm hoặc trước lớp.</p>

- GV có thể tổ chức trò chơi: Đoán nhân vật (đóng vai 1 nhân vật và kể một đoạn truyện trước lớp, những không được giới thiệu mình đóng vai nhân vật nào).	- HS tham gia trò chơi, lắng nghe bạn kể và đoán nhân vật dựa vào lời kể, cảm xúc, hành động.
- GV nhận xét phần đóng vai kể chuyện của bạn và rút ra bài học để đóng vai kể chuyện tốt hơn.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung GV chốt.
- GV cho HS đọc thầm phần <i>Ghi nhớ</i> .	- HS đọc thầm phần <i>Ghi nhớ</i> .
- GV mời 1 - 2 HS xung phong nói lại ghi nhớ mà không cần nhìn sách.	- 1 HS đọc Ghi nhớ, các HS khác đọc thầm theo.
- GV chốt: Khi đóng vai một nhân vật để kể lại câu chuyện, người viết kể theo lời nhân vật, xưng hô phù hợp và thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật mình đóng vai.	- HS thi đua nói lại Ghi nhớ mà không cần nhìn sách.
- GV diễn giải tích hợp AI: GV giới thiệu AutoDraw hoặc Scribble Diffusion là công cụ có thể hỗ trợ phác họa nhanh hình ảnh cánh đồng hoa, nhân vật hoặc bối cảnh câu chuyện theo mô tả của người dùng.	- HS lắng nghe hướng dẫn dùng AI an toàn, đúng mục đích.
- GV hướng dẫn HS theo từng bước: quan sát ví dụ GV thao tác; nêu ý tưởng bằng một câu mô tả ngắn; chọn hình ảnh phù hợp; chỉ dùng hình ảnh như gợi ý để hình dung bối cảnh khi đóng vai nhân vật kể lại câu chuyện.	- HS nêu một mô tả ngắn có thể dùng để tạo hình ảnh minh họa, ví dụ: “cánh đồng hoa rực rỡ bên ngôi làng nhỏ”.
- GV nhắc HS sử dụng AI an toàn: không nhập họ tên, lớp, địa chỉ, số điện thoại, hình ảnh cá nhân; không dùng sản phẩm AI để thay thế bài viết; phải tự lựa chọn ngôi kể, lời kể, cảm xúc và chi tiết sáng tạo của mình.	- HS nhắc lại quy tắc: không nhập thông tin cá nhân, không sao chép máy móc, chỉ dùng hình ảnh AI để tham khảo; lời kể và cảm xúc phải do em tự viết.
- GV chốt: AI có thể giúp minh họa ý tưởng, nhưng câu chuyện sáng tạo cần tiếng nói, suy nghĩ và cảm xúc thật của HS.	

4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút)

Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về cách đóng vai nhân vật để nói thử đoạn mở đầu cho bài văn kể

chuyện sáng tạo.

Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS chọn một nhân vật trong một câu chuyện đã đọc, nói thử 2 - 3 câu mở đầu khi đóng vai nhân vật đó để kể lại câu chuyện.	- HS chọn nhân vật, nói thử 2 - 3 câu mở đầu.
- GV nhận xét, khen HS biết xưng hô phù hợp, có cảm xúc riêng.	Ví dụ: <i>Tôi là Chuột xù. Hôm nay, tôi muốn kể cho các bạn nghe chuyến phiêu lưu mà tôi nhớ mãi...</i>
- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện nhiệm vụ.	- HS nghe góp ý của GV và bạn.
- GV dẫn HS về nhà đọc lại phần Ghi nhớ, chuẩn bị câu chuyện về thế giới tuổi thơ cho tiết đọc mở rộng.	- HS ghi nhiệm vụ học tập.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT 5**CHỦ ĐIỂM: THẾ GIỚI TUỔI THƠ****TUẦN 1****BÀI 2: CÁNH ĐỒNG HOA****TIẾT 4: ĐỌC MỞ RỘNG****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Đọc được một câu chuyện về thế giới tuổi thơ; biết ghi chép thông tin vào phiếu đọc sách.
- Biết trao đổi với bạn về câu chuyện đã đọc: kể tóm tắt câu chuyện, nêu điều thú vị và bài học rút ra.
- Biết chia sẻ với người thân câu chuyện về thế giới tuổi thơ đã đọc hoặc nghe.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Biết tự chọn sách, đọc sách, ghi phiếu đọc sách.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, chia sẻ câu chuyện với bạn bằng thái độ lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết dùng hình ảnh hoặc công cụ số để thể hiện ý tưởng đọc sách.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có thói quen đọc sách, hoàn thành phiếu đọc sách.
- Nhân ái: Biết chia sẻ câu chuyện hay, biết lắng nghe bạn trình bày.
- Trách nhiệm: Ghi nguồn, sử dụng hình ảnh, công cụ số phù hợp khi chia sẻ sản phẩm đọc mở rộng.

4. Tích hợp

NLS: 3.1.CB2a - HS dùng AutoDraw/Canva thể hiện hình ảnh cánh đồng hoa theo trí tưởng tượng.

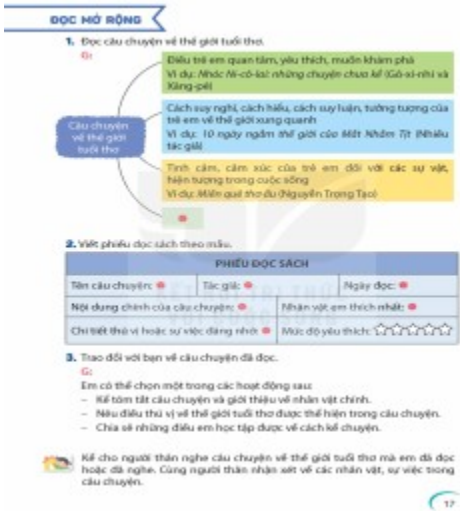
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; máy tính, máy chiếu hoặc ti vi.
- Tranh ảnh minh họa câu chuyện *Cánh đồng hoa* (tranh trong SGK). Có thể đưa tranh ảnh minh họa các nhân vật trong câu chuyện, minh họa hình ảnh hoa ngũ sắc, nhạc cụ “trống da” đặc trưng của người Chăm,...
- Phiếu bài tập cho bài 2 (phần Luyện tập theo văn bản đọc).
- Truyện tranh *Cánh đồng hoa* trong bộ truyện *Những đứa trẻ hạnh phúc* do Lê Anh Vinh chủ biên để HS hiểu hơn về bài đọc.
- Một số bài văn kể chuyện sáng tạo.
- Sách, truyện về thế giới tuổi thơ; phiếu đọc sách; máy tính/ti vi nếu HS chia sẻ sản phẩm số.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
------------------	------------------

1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú đọc mở rộng, kết nối với chủ điểm Thế giới tuổi thơ. Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Em đã đọc hoặc nghe câu chuyện nào về thế giới tuổi thơ? Câu chuyện đó có điều gì làm em thích?	- HS nêu tên câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.
- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện nhiệm vụ.	- HS chia sẻ ngắn gọn điều mình thích trong câu chuyện.
- GV nhận xét, dẫn vào hoạt động đọc mở rộng: Hôm nay, các em đọc và chia sẻ một câu chuyện về thế giới tuổi thơ.	- HS lắng nghe, chuẩn bị sách/truyện và phiếu đọc sách.
2. Khám phá: Hoạt động đọc mở rộng (15 phút) Mục tiêu: Đọc được một câu chuyện về thế giới tuổi thơ và viết phiếu đọc sách theo mẫu. Mục tiêu tích hợp: HS biết dùng AutoDraw/Canva dưới sự hướng dẫn của GV để thể hiện hình ảnh cánh đồng hoa hoặc chi tiết thú vị trong câu chuyện; biết chọn hình ảnh phù hợp, ghi nguồn khi dùng tư liệu có sẵn, không chia sẻ thông tin cá nhân và trình bày sản phẩm số bằng lời của mình. Cách tiến hành:	
- GV giao cho HS đọc từng yêu cầu:	- HS đọc yêu cầu trong SGK.
1. Đọc câu chuyện về thế giới tuổi thơ.	- HS đọc trong sách để viết phiếu đọc sách theo mẫu hoặc sáng tạo phiếu đọc sách theo ý tưởng của mình và tùy theo nội dung câu chuyện đã đọc.
2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.	- HS đọc theo yêu cầu và nhận xét cách đọc của bạn.
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân: Nhớ lại hoặc đọc lại câu chuyện về thế giới tuổi thơ em đã chuẩn bị; viết phiếu đọc sách theo mẫu trong sách; khuyến khích HS sáng tạo.	- HS đọc theo yêu cầu và nhận xét cách đọc của bạn.

 <p>ĐỌC MỞ RỘNG</p> <p>1. Đọc câu chuyện về thế giới tuổi thơ.</p> <p>Điều trẻ em quan tâm, yêu thích, muốn khám phá Ví dụ: Nhờ Nê có lối kể chuyện chưa kể Gô-ô-như và Xăng-pê-lê</p> <p>Cách suy nghĩ, cách hiểu, cách suy luận, tưởng tượng của trẻ em về thế giới xung quanh Ví dụ: 10 ngày ngắn thế giới của Bétt Nêmm Tít (Nhậu Tắc-giê)</p> <p>Tình cảm, cảm xúc của trẻ em đối với các sự vật, hiện tượng trong cuộc sống Ví dụ: Miền quê thơ ấu Nguyễn Trọng Tạo</p> <p>2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.</p> <table border="1" data-bbox="159 380 558 481"> <tr> <th colspan="2">PHIẾU ĐỌC SÁCH</th> </tr> <tr> <td>Tên câu chuyện:</td> <td>Tác giả:</td> </tr> <tr> <td>Nội dung chính của câu chuyện:</td> <td>Nhân vật em thích nhất:</td> </tr> <tr> <td>Chi tiết thú vị hoặc sự việc đáng nhớ:</td> <td>Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆</td> </tr> </table> <p>3. Trao đổi với bạn về câu chuyện đã đọc.</p> <p>Em có thể chọn một trong các hoạt động sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Kể tóm tắt câu chuyện và giới thiệu về nhân vật chính. Nhau điều thú vị về thế giới tuổi thơ được thể hiện trong câu chuyện. Chia sẻ những điều em học tập được về cách kể chuyện. <p>Kể cho người thân nghe câu chuyện về thế giới tuổi thơ mà em đã đọc hoặc đã nghe. Cùng người thân nhận xét về các nhân vật, sự việc trong câu chuyện.</p>	PHIẾU ĐỌC SÁCH		Tên câu chuyện:	Tác giả:	Nội dung chính của câu chuyện:	Nhân vật em thích nhất:	Chi tiết thú vị hoặc sự việc đáng nhớ:	Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆	
PHIẾU ĐỌC SÁCH									
Tên câu chuyện:	Tác giả:								
Nội dung chính của câu chuyện:	Nhân vật em thích nhất:								
Chi tiết thú vị hoặc sự việc đáng nhớ:	Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆								
<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giải tích hợp NLS: GV hướng dẫn HS có thể dùng AutoDraw hoặc Canva để vẽ nhanh hình ảnh cánh đồng hoa, nhân vật hoặc một chi tiết thú vị trong câu chuyện đã đọc nhằm làm phiếu đọc sách sinh động hơn. - GV hướng dẫn HS theo từng bước: chọn công cụ theo gợi ý của GV; chọn mẫu hoặc khung phiếu phù hợp; vẽ/chèn hình minh họa; ghi tên truyện, nhân vật, chi tiết em thích; trình bày ngắn gọn bằng lời của mình. - GV nhắc HS sử dụng công cụ số an toàn: chỉ dùng tài khoản/thiết bị theo hướng dẫn; không đưa họ tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, hình ảnh riêng tư lên sản phẩm; chỉ dùng hình ảnh phù hợp lứa tuổi; ghi nguồn khi dùng hình ảnh có sẵn; không sao chép nguyên văn nội dung trên mạng. - GV chốt: Công cụ số giúp sản phẩm đẹp và dễ chia sẻ hơn, nhưng nội dung phiếu đọc sách phải thể hiện hiểu biết, cảm nhận và cách trình bày của chính HS. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe hướng dẫn sử dụng công cụ số an toàn, phù hợp. - HS thực hiện theo yêu cầu: chọn hình ảnh/biểu tượng phù hợp, viết tên câu chuyện, nhân vật yêu thích và điều em rút ra từ câu chuyện. - HS nhắc lại quy tắc: không đưa thông tin cá nhân lên sản phẩm, ghi nguồn khi dùng hình ảnh có sẵn, trình bày bằng lời của mình và gửi sản phẩm theo đúng hướng dẫn của GV. 								
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc và thực hiện theo hướng dẫn. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS có thể phác thảo ý tưởng hình ảnh minh họa cho phiếu đọc sách. 								
<p>3. Luyện tập: Hoạt động trao đổi với bạn về câu chuyện đã đọc (12 phút)</p> <p>Mục tiêu: Biết trao đổi với bạn về câu chuyện đã đọc và lắng nghe ý kiến của bạn.</p>									

Cách tiến hành:	
- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm: trao đổi với bạn về câu chuyện đã đọc theo các gợi ý: tên câu chuyện, tên tác giả (nếu có), nội dung chính, nhân vật em thích, chi tiết thú vị, bài học rút ra.	- HS trao đổi, chia sẻ với bạn về câu chuyện đã đọc theo gợi ý trong sách.
- GV khuyến khích HS nêu câu hỏi và có những phản biện thể hiện quan điểm cá nhân.	- Các thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về những thông tin bạn chia sẻ.
- GV mời một số HS hoặc nhóm trình bày trước lớp.	- Đại diện HS/nhóm trình bày trước lớp.
- GV nhận xét, khen những HS biết chia sẻ tự nhiên, rõ ràng, biết lắng nghe và tôn trọng bạn.	- HS nhận xét, bổ sung, bình chọn phần chia sẻ hấp dẫn.
4. Vận dụng - Trải nghiệm (8 phút)	
Mục tiêu: Vận dụng bài học để chia sẻ câu chuyện đã đọc với người thân và củng cố kiến thức đã học.	
Cách tiến hành:	
VẬN DỤNG	- HS đọc yêu cầu vận dụng.
- GV giao việc cho HS đọc yêu cầu vận dụng: Kể cho người thân nghe câu chuyện về thế giới tuổi thơ mà em đã đọc hoặc đã nghe. Cùng người thân nhận xét về nhân vật, sự việc trong câu chuyện.	- HS ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà.
- GV hướng dẫn HS: Khi kể phải rõ ràng, rành mạch, dùng từ xưng hô phù hợp, biết lắng nghe những trao đổi của người thân để có cách kể câu chuyện hay, hấp dẫn.	- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn của GV.
- GV nhắc HS có thể viết chi tiết sáng tạo vào sổ tay và ghi chép những ý hay về cách kể sáng tạo sau khi trao đổi với người thân.	- HS ghi vào sổ tay một chi tiết sáng tạo hoặc một cách kể hay sau khi trao đổi với người thân.
CỦNG CỐ	- HS trả lời câu hỏi của GV.
- GV nêu câu hỏi: <i>HS thích nhất điều gì trong bài vừa học?</i>	- HS nhắc lại nội dung đã học.
- GV chốt lại hôm nay HS đã được: + Đọc: <i>Cánh đồng hoa</i> . + Luyện từ và câu: Luyện tập về động từ, tính từ. + Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng	- HS nêu thắc mắc nếu có. - HS lắng nghe và ghi nhiệm vụ học tập.

tạo (tiếp theo). + Mở rộng: Đọc câu chuyện về thế giới tuổi thơ.	
- GV hỏi HS còn băn khoăn, thắc mắc về nội dung nào của bài 2.	- HS nêu băn khoăn còn lại về nội dung đọc mở rộng, luyện từ và câu hoặc viết kể chuyện sáng tạo.
- GV nhận xét kết quả học tập của HS.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung GV chốt.
- GV khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.	- HS tự đánh giá việc đọc, viết phiếu đọc sách và chia sẻ câu chuyện của mình.
- GV dặn HS về nhà đọc trước bài 3 - Tuổi Ngựa.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà: đọc trước bài 3 - Tuổi Ngựa.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
 -

CHỦ ĐIỂM: THẾ GIỚI TUỔI THƠ

TUẦN 2

BÀI 3: TUỔI NGỰA

TIẾT 1: ĐỌC - TUỔI NGỰA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Tuổi Ngựa; biết thể hiện giọng đọc khác nhau phù hợp với lời nói của mẹ và bạn nhỏ, nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của bạn nhỏ thông qua hình ảnh chú ngựa con.
- Nhận biết được nội dung cuộc trò chuyện giữa hai mẹ con; cảm nhận được suy nghĩ, cảm xúc của bạn nhỏ về hành trình rong ruổi của chú ngựa con và tình yêu thương dành cho mẹ.
- Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: tuổi thơ có nhiều ước mơ, muốn đi đến nhiều nơi, muốn khám phá nhiều điều thú vị của cuộc sống nhưng vẫn luôn nhớ về mẹ và quê hương.
- Biết trả lời các câu hỏi đọc hiểu trong SGK; biết nêu nhận xét về bạn nhỏ trong bài thơ và học thuộc lòng bài thơ.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc trước bài, chuẩn bị SGK, biết tự luyện đọc và tự điều chỉnh cách đọc theo góp ý của GV, bạn bè.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi với bạn khi tìm hiểu bài đọc; biết lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: dự đoán nội dung bài đọc từ tranh minh họa, nêu cách hiểu, cách cảm nhận riêng về hình ảnh, nhân vật hoặc sự việc trong bài.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: bồi dưỡng tình yêu gia đình, quê hương, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên và những kỉ niệm tuổi thơ.
- Nhân ái: biết yêu thương người thân, chia sẻ cảm xúc, lắng nghe và tôn trọng cảm nhận của bạn.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, làm bài, viết bài và hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn môi trường sống, bảo vệ cảnh quan quê hương, thực hiện nhiệm vụ học tập nghiêm túc.

4. Tích hợp

- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Bồi dưỡng tình yêu gia đình, yêu quê hương qua khát vọng đi xa nhưng vẫn nhớ về mẹ và nơi chốn thân thuộc.
- Quyền con người: Lòng ghép quyền được nuôi dưỡng ước mơ, được học tập, khám phá thế giới phù hợp với lứa tuổi.

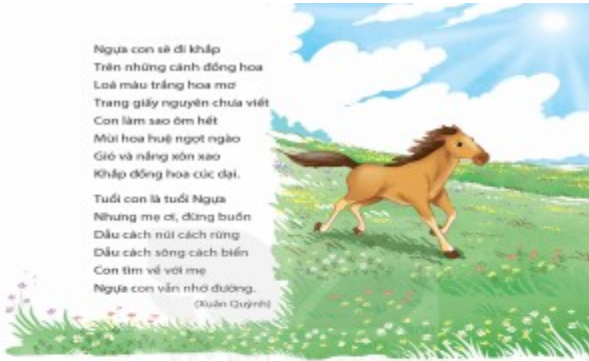
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh minh họa bài thơ Tuổi Ngựa trong SGK Tiếng Việt 5, tập một.
- Màn hình hoặc máy chiếu để trình chiếu nội dung bài học; hình và bài tập trong SGK được cắt, chèn ngay dưới câu lệnh GV tương ứng.
- Phiếu học tập, bảng nhóm, bút dạ dùng cho hoạt động đọc hiểu và luyện đọc thuộc lòng.
- Tài liệu về từ loại tiếng Việt và tư liệu hình ảnh một số miền đất, cảnh vật được nhắc trong bài thơ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Ôn lại bài cũ, khơi gợi hiểu biết của HS về tên gọi các năm âm lịch và tạo tâm thế vào bài thơ Tuổi Ngựa. Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho 2 HS đọc nối tiếp bài Cánh đồng hoa hoặc nêu câu hỏi kiểm tra nhanh về bài đọc trước.	- HS đọc bài cũ hoặc trả lời câu hỏi theo yêu cầu.
- GV nhận xét, động viên và liên hệ sang chủ điểm Thế giới tuổi thơ.	- HS lắng nghe nhận xét của GV.
- GV hỏi: Em biết những tên gọi nào của năm âm lịch? Năm Ngọ còn được gọi là năm gì?	- HS trả lời: Em biết các năm âm lịch như năm Tí, năm Sửu, năm Dần, năm Mão, năm Thìn, năm Ty, năm Ngọ... Năm Ngọ còn gọi là năm con Ngựa.
- GV yêu cầu HS trao đổi nhanh với bạn về những điều mình biết liên quan đến con ngựa trong đời	- HS chia sẻ hiểu biết: năm Ngọ là năm con ngựa; ngựa thường gọi hình ảnh mạnh mẽ, nhanh nhẹn,

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
sống hoặc trong truyện, thơ.	thích rong ruổi.
- GV giới thiệu: Bài thơ Tuổi Ngựa kể về cuộc trò chuyện giữa bạn nhỏ và mẹ. Qua trí tưởng tượng của bạn nhỏ, chú ngựa con sẽ đi qua nhiều miền đất, nhiều cảnh vật nhưng vẫn luôn nhớ về mẹ.	- HS lắng nghe và ghi tên bài vào vở.
2. Khám phá: Hoạt động luyện đọc (15 phút) Mục tiêu: HS đọc đúng, đọc diễn cảm bài thơ; biết ngắt nhịp, nhấn giọng phù hợp với lời mẹ và lời bạn nhỏ. Cách tiến hành:	
- GV đọc mẫu toàn bài thơ Tuổi Ngựa với giọng tha thiết, hồn nhiên; lời mẹ đọc nhẹ nhàng, lời bạn nhỏ đọc hào hứng, giàu tưởng tượng.	- HS nghe GV đọc mẫu, theo dõi văn bản trong SGK.
	
- GV yêu cầu HS quan sát tranh minh họa và đọc thầm văn bản trong SGK.	- HS quan sát tranh minh họa, bước đầu hình dung không gian bài thơ.
- GV hướng dẫn HS chia đoạn để luyện đọc:	- HS đánh dấu 4 đoạn luyện đọc trong SGK và chuẩn bị đọc nối tiếp.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
 <p>Ngựa con sẽ đi khắp Trên những cánh đồng hoa Loà màu trắng hoa mơ Trang giấy nguyên chưa viết Con làm sao ôm hết Mùi hoa huệ ngọt ngào Gió và nắng xôn xao Khắp đồng hoa cúc dại. Tuổi con là tuổi Ngựa Nhưng mẹ ơi, đừng buồn Đâu cách núi cách rừng Đâu cách sông cách biển Con tìm về với mẹ Ngựa con vẫn nhớ đường. (Quần Quynh)</p> <p>Từ ngữ Tuổi Ngựa: sinh năm Ngựa (năm Ngọ), theo âm lịch.</p> <p>1. Qua trò chuyện với mẹ, vì sao bạn nhớ lại tưởng tượng mình là chủ ngựa con rong ruổi đó đây?</p> <p>2. Kể lại hành trình của chủ ngựa con theo trí tưởng tượng của bạn nhé.</p> <p>Những miền đất đã qua Những cảnh vật đã thấy Những cảm nghĩ đã có</p> <p>3. Qua đoạn thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói với mẹ điều gì?</p> <p>4. Nếu nhận xét về bạn nhỏ trong bài thơ.</p> <p>* Học thuộc lòng bài thơ.</p>	
+ Đoạn 1: Từ đầu đến Tuổi con là tuổi đi.	- HS xác định đoạn 1: từ đầu đến Tuổi con là tuổi đi.
+ Đoạn 2: Tiếp theo đến Gió của trăm miền.	- HS xác định đoạn 2: tiếp theo đến Gió của trăm miền.
+ Đoạn 3: Tiếp theo đến Khắp đồng hoa cúc dại.	- HS xác định đoạn 3: tiếp theo đến Khắp đồng hoa cúc dại.
+ Đoạn 4: Còn lại.	- HS xác định đoạn 4: phần còn lại của bài thơ.
- GV hướng dẫn HS đọc đúng các từ dễ phát âm sai: tuổi Ngựa, trung du, đại ngàn, triền núi, lúa màu, hoa huệ, mấp mô, cúc dại, xa cách.	- HS luyện đọc đúng các từ: tuổi Ngựa, trung du, đại ngàn, triền núi, lúa màu, hoa huệ, mấp mô, cúc dại, xa cách.
- GV hướng dẫn ngắt nhịp một số dòng thơ và nhấn giọng ở các từ gợi hình, gợi cảm: không yên, đi, xôn xao, đại ngàn, lúa màu, ngọt ngào, xa cách, vẫn nhớ.	- HS luyện ngắt nhịp thơ, nhấn giọng ở các từ gợi hình, gợi cảm: không yên, đi, xôn xao, đại ngàn, lúa màu, ngọt ngào, xa cách, vẫn nhớ.
- GV giúp HS hiểu nghĩa một số từ ngữ: Tuổi Ngựa chỉ năm Ngọ, theo âm lịch; đại ngàn là rừng núi rộng lớn; triền núi là phần sườn núi kéo dài; cúc dại là loài hoa mọc tự nhiên ở đồng cỏ, ven đường.	- HS lắng nghe, giải nghĩa từ theo ngữ cảnh.
- GV mời 1 - 2 HS giải nghĩa lại bằng lời của mình hoặc đặt câu ngắn với từ vừa học.	HS giải nghĩa hoặc đặt câu, ví dụ: - Tuổi Ngựa là năm Ngọ theo âm lịch. - Đại ngàn là rừng núi rộng lớn.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	<ul style="list-style-type: none"> - Triền núi là phần sườn núi kéo dài. - Em thích ngắm hoa cúc dại ven đường.
- GV nhận xét, sửa lỗi và khen HS biết đọc có cảm xúc.	- HS điều chỉnh cách đọc theo góp ý.
3. Luyện tập: Hoạt động đọc hiểu (17 phút) Mục tiêu: HS trả lời đúng các câu hỏi trong SGK; biết dựa vào chi tiết, hình ảnh thơ để nêu suy nghĩ, cảm nhận của mình. Mục tiêu tích hợp: HS biết yêu gia đình, yêu quê hương; nhận biết quyền được nuôi dưỡng ước mơ, được học tập và khám phá thế giới phù hợp với lứa tuổi. Cách tiến hành:	
Câu 1. Qua trò chuyện với mẹ, vì sao bạn nhỏ lại tưởng tượng mình là chú ngựa con rong ruổi đó đây?	
- GV hướng dẫn HS đọc lại khổ thơ đầu, chú ý lời mẹ hỏi và lời bạn nhỏ đáp.	- HS đọc lại khổ thơ đầu.
- GV gợi ý: Bạn nhỏ sinh năm gì? Hình ảnh con ngựa thường gọi cho em điều gì?	- HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi theo gợi ý của GV.
- GV tổ chức cho HS suy nghĩ cá nhân, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.	- HS suy nghĩ cá nhân, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh để chuẩn bị câu trả lời.
- GV tổ chức cho HS trình bày, nhận xét và bổ sung câu trả lời cho câu 1.	HS trả lời: <ul style="list-style-type: none"> - Bạn nhỏ tưởng tượng mình là chú ngựa con vì bạn sinh năm Ngọ, cầm tinh con ngựa. - Hình ảnh con ngựa gọi sự nhanh nhẹn, mạnh mẽ, thích đi đây đó, khám phá nhiều miền đất nên bạn nhỏ tưởng tượng mình là chú ngựa con rong ruổi khắp nơi.
- GV chốt câu trả lời: - Bạn nhỏ tưởng tượng mình là chú ngựa con vì bạn sinh năm Ngọ, cầm tinh con ngựa. - Hình ảnh con ngựa gọi sự nhanh nhẹn, mạnh mẽ, thích đi đây đó, khám phá nhiều miền đất.	- HS lắng nghe, ghi nhớ và điều chỉnh câu trả lời nếu cần.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Câu 2. Kể lại hành trình của chú ngựa con theo trí tưởng tượng của bạn nhỏ.	
- GV yêu cầu HS đọc các khổ thơ nói về hành trình của ngựa con.	- HS đọc lại các khổ thơ liên quan.
- GV hướng dẫn HS kể theo trình tự: chú ngựa con đi qua miền đất nào, nhìn thấy cảnh vật gì, cảm nhận được điều gì.	- HS kể lại hành trình của chú ngựa con theo trình tự.
- GV khuyến khích HS dùng lời của mình để kể lại, không đọc nguyên văn bài thơ.	- HS chuẩn bị kể lại bằng lời của mình, không đọc nguyên văn bài thơ.
- GV tổ chức cho HS kể lại hành trình của chú ngựa con và nhận xét cách kể.	HS trả lời: - Chú ngựa con bắt đầu từ miền trung du, men theo những con đường gió thổi. - Chú đi qua đại ngàn, triền núi đá, những cánh đồng hoa mơ, hoa huệ, đồng cỏ, hoa cúc dại và nghe gió thổi từ trăm miền. - Hành trình ấy hiện lên rộng mở, đẹp đẽ, nhiều màu sắc, thể hiện ước mơ được khám phá cuộc sống của bạn nhỏ.
- GV chốt ý: Chú ngựa con bắt đầu từ miền trung du, men theo những con đường gió thổi, đi qua đại ngàn, triền núi đá, những cánh đồng hoa.	- HS lắng nghe, ghi nhớ ý khái quát về hành trình của chú ngựa con.
- GV chốt câu trả lời: - Trên đường đi, chú nhìn thấy màu hoa mơ, hoa huệ, đồng cỏ, hoa cúc dại và nghe gió thổi từ trăm miền. - Hành trình ấy hiện lên rộng mở, đẹp đẽ, nhiều màu sắc, thể hiện ước mơ được khám phá cuộc sống của bạn nhỏ.	- HS lắng nghe, ghi nhớ và hoàn thiện câu trả lời.
Câu 3. Qua đoạn thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói với mẹ điều gì?	
- GV yêu cầu HS đọc thầm khổ thơ cuối, chú ý các	- HS đọc thầm khổ thơ cuối.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
từ ngữ thể hiện tình cảm với mẹ.	
- GV gợi ý: Dù muốn đi xa, bạn nhỏ có quên mẹ không? Bạn nhỏ muốn mẹ hiểu điều gì về mình?	- HS suy nghĩ, trả lời theo cảm nhận.
- GV tổ chức cho HS nêu ý kiến, nhận xét và giải thích bằng chi tiết trong bài thơ.	HS trả lời: - Qua đoạn thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói với mẹ rằng dù ước mơ được đi xa, đi khắp nơi, khám phá nhiều điều thú vị, bạn vẫn luôn nhớ mẹ. - Bạn nhỏ yêu mẹ, mong mẹ hiểu rằng những chuyến đi trong tưởng tượng không làm bạn xa cách mẹ mà càng cho thấy tình yêu thương mẹ luôn ở trong lòng bạn.
- GV chốt câu trả lời cho câu 3.	- HS lắng nghe định hướng chốt câu trả lời.
- GV chốt câu trả lời: - Bạn nhỏ muốn nói với mẹ rằng dù ước mơ được đi xa, đi khắp nơi, khám phá nhiều điều thú vị, bạn vẫn luôn nhớ mẹ. - Bạn nhỏ yêu mẹ, mong mẹ hiểu tình yêu thương mẹ luôn ở trong lòng bạn.	- HS lắng nghe, ghi nhớ và điều chỉnh câu trả lời nếu cần.
Câu 4. Nêu nhận xét về bạn nhỏ trong bài thơ.	
- GV dành thời gian cho HS suy nghĩ và nêu nhận xét theo cách hiểu riêng.	- HS suy nghĩ, nêu nhận xét về bạn nhỏ.
- GV gợi ý: Bạn nhỏ có trí tưởng tượng như thế nào? Bạn nhỏ có tình cảm ra sao với mẹ và quê hương?	HS trả lời: - Bạn nhỏ có trí tưởng tượng phong phú, tâm hồn hồn nhiên, yêu thích khám phá những miền đất mới. - Bạn nhỏ có ước mơ đẹp, có tình yêu thương mẹ tha thiết và luôn hướng về mẹ dù tưởng tượng mình đi khắp nơi. - Bạn nhỏ cũng là người yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống và yêu quê hương.
- GV chốt câu trả lời cho câu 4: - Bạn nhỏ có trí tưởng tượng phong phú, tâm hồn	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhận xét về bạn nhỏ.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
hồn nhiên, yêu thích khám phá những miền đất mới.	
<ul style="list-style-type: none"> - GV chốt câu trả lời: - Bạn nhỏ có ước mơ đẹp, có tình yêu thương mẹ tha thiết và luôn hướng về mẹ. - Bạn nhỏ cũng là người yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống và yêu quê hương. 	- HS lắng nghe, ghi nhớ và bổ sung ý nếu cần.
Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và Quyền con người:	
- GV đặt câu hỏi dẫn: Khi có ước mơ được đi xa, khám phá nhiều nơi, các em cần nhớ điều gì về gia đình và quê hương?	- HS chia sẻ việc làm cụ thể: chăm học, nghe lời người thân, tìm hiểu quê hương, giữ gìn kỉ niệm đẹp với gia đình.
- GV diễn giải: Mỗi bạn nhỏ đều có quyền được nuôi dưỡng ước mơ, được học tập, được khám phá thế giới phù hợp với lứa tuổi. Tuy nhiên, dù đi đâu, các em vẫn cần biết yêu thương người thân, biết nhớ về gia đình, quê hương, trân trọng những nơi chốn thân thuộc.	- HS lắng nghe, ghi nhớ quyền được nuôi dưỡng ước mơ, được học tập, khám phá thế giới phù hợp với lứa tuổi và trách nhiệm yêu thương gia đình, quê hương.
- GV chốt: Ước mơ giúp chúng ta lớn lên, còn tình yêu gia đình và quê hương giúp chúng ta luôn biết mình thuộc về đâu.	- HS lắng nghe, ghi nhớ thông điệp của GV.
4. Vận dụng - Trải nghiệm: Luyện đọc thuộc lòng (8 phút) Mục tiêu: HS đọc diễn cảm, học thuộc lòng một số khổ thơ hoặc toàn bài; biết chia sẻ ước mơ của bản thân sau bài học. Cách tiến hành:	
- GV hướng dẫn HS chọn khổ thơ yêu thích để luyện đọc thuộc lòng.	- HS chọn khổ thơ yêu thích và luyện đọc thuộc lòng cá nhân hoặc theo nhóm.
- GV tổ chức cho HS đọc nhắm, che dần một số từ hoặc đọc nối tiếp theo nhóm.	- HS đọc nhắm, che dần một số từ hoặc đọc nối tiếp theo nhóm.
- GV mời một số HS đọc thuộc lòng trước lớp.	- Một số HS đọc thuộc lòng trước lớp; cả lớp lắng nghe, nhận xét.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV yêu cầu HS nêu: Em thích nhất hình ảnh nào trong bài thơ? Vì sao?	- HS trả lời: Em thích hình ảnh chú ngựa con đi qua đồng hoa cúc dại/đại ngàn/triền núi vì hình ảnh ấy đẹp, rộng mở và gợi ước mơ khám phá.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS luyện đọc thuộc lòng bài thơ và chuẩn bị tiết Luyện từ và câu: Đại từ.	- HS lắng nghe dặn dò, luyện đọc thuộc lòng bài thơ và chuẩn bị tiết Luyện từ và câu: Đại từ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được đại từ thay thế, đại từ nghi vấn và đại từ xưng hô qua các ngữ liệu trong SGK.
- Biết xác định từ ngữ được đại từ thay thế, biết nhận diện một số đại từ dùng để hỏi và một số đại từ dùng để xưng hô trong giao tiếp.
- Nắm được ghi nhớ về đại từ; biết sử dụng đại từ phù hợp để tránh lặp từ, giúp câu văn rõ ràng, tự nhiên hơn.
- Biết vận dụng kiến thức về đại từ vào nói, viết và trao đổi nhóm.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự nhớ lại kiến thức đã học, đọc kỹ yêu cầu và hoàn thành bài tập theo khả năng.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm, trình bày, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng kiến thức về đại từ để dùng từ đúng, tránh lặp từ trong nói và viết.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: bồi dưỡng tình yêu gia đình, quê hương, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên và những kỉ niệm tuổi thơ.
- Nhân ái: biết yêu thương người thân, chia sẻ cảm xúc, lắng nghe và tôn trọng cảm nhận của bạn.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, làm bài, viết bài và hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn môi trường sống, bảo vệ cảnh quan quê hương, thực hiện nhiệm vụ học tập nghiêm túc.

4. Tích hợp

- NLS: 1.1.CB2b - HS tra cứu thông tin về các vùng đất, danh lam thắng cảnh mà ngựa con muốn đi qua.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; bảng phụ hoặc màn hình trình chiếu bài tập Đại từ.
- Hình và bài tập trong SGK được cắt, chèn đúng dưới câu lệnh GV tương ứng.
- Phiếu học tập, bảng nhóm, bút dạ; thiết bị có kết nối internet để GV hướng dẫn tích hợp NLS khi cần.
- Tư liệu minh họa một số vùng đất, danh lam thắng cảnh phù hợp với hình ảnh trong bài Tuổi Ngựa.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Nhắc lại kiến thức cũ, tạo hứng thú vào bài học về đại từ. Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi nhanh: “Từ nào thay cho từ	- HS tham gia trò chơi, trả lời nhanh.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>nào?”. GV nêu một số câu ngắn, yêu cầu HS phát hiện từ được dùng để thay thế nhằm tránh lặp.</p>	
<p>- GV nêu ví dụ: Lan thích đọc sách. Bạn ấy thường đọc sách vào buổi tối.</p>	<p>- HS nêu: Từ bạn ấy được dùng để thay cho Lan.</p>
<p>- GV hỏi: Từ bạn ấy được dùng để thay cho từ nào?</p>	<p>- HS trả lời: Từ bạn ấy được dùng để thay cho Lan.</p>
<p>- GV nhận xét và dẫn vào bài: Trong tiếng Việt, có những từ dùng để thay thế, dùng để hỏi hoặc dùng để xưng hô. Những từ đó được gọi là đại từ.</p>	<p>HS lắng nghe, ghi nhớ và điều chỉnh nếu cần.</p>

2. Khám phá: Hình thành kiến thức mới (10 phút)

Mục tiêu: HS bước đầu nhận biết đại từ qua các ví dụ thay thế, hỏi và xưng hô.

Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS đọc tên bài Đại từ và quan sát các bài tập trong SGK.



- HS đọc tên bài, quan sát bài tập trong SGK.

- GV gợi mở: Khi nói hoặc viết, nếu cứ lặp lại một từ nhiều lần, câu văn sẽ thế nào? Ta có thể dùng cách nào để tránh lặp?

- HS trả lời: Câu văn sẽ nặng nề, lặp từ; có thể dùng từ thay thế phù hợp.

- GV chốt định hướng: Đại từ là những từ có thể thay thế cho từ ngữ đã nêu, dùng để hỏi hoặc dùng để xưng hô trong giao tiếp.

- HS lắng nghe, ghi nhớ định hướng bài học.

3. Luyện tập (22 phút)

Mục tiêu: HS làm đúng các bài tập trong SGK, xác định được các đại từ thay thế, đại từ nghi vấn và

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>đại từ xưng hô.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: HS biết sử dụng thiết bị số theo hướng dẫn để tra cứu thông tin phù hợp, có chọn lọc về các vùng đất và cảnh vật được gọi ra trong bài Tuổi Ngựa.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
Bài 1. Những từ in đậm trong mỗi câu sau được dùng để thay thế cho từ ngữ nào?	
- GV yêu cầu HS đọc thầm các câu a, b, c trong SGK.	- HS đọc yêu cầu và ngữ liệu.
- GV hướng dẫn HS xác định từ in đậm, sau đó tìm từ ngữ hoặc nội dung mà từ in đậm thay thế.	- HS xác định từ in đậm, tìm nội dung được thay thế.
- GV cho HS làm việc cá nhân rồi trao đổi cặp đôi.	- HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi cặp đôi để thống nhất đáp án.
- GV tổ chức cho HS trình bày đáp án bài 1 và nhận xét, bổ sung.	<p>HS trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - a. Từ vậy thay thế cho ý “vàng ong”. - b. Từ thế thay thế cho ý “cao và thẳng”. - c. Từ đó thay thế cho nội dung đã nêu ở câu trước về cánh đồng vào mùa bội thu.
<ul style="list-style-type: none"> - GV chốt đáp án a: Từ vậy thay thế cho ý “vàng ong”: - b. Từ thế thay thế cho ý “cao và thẳng”: - c. Từ đó thay thế cho nội dung đã nêu ở câu trước về cánh đồng vào mùa bội thu. 	- HS lắng nghe, ghi nhớ và sửa đáp án nếu cần.
- GV kết luận: Các từ dùng để thay thế trong các trường hợp trên là đại từ thay thế.	- HS ghi nhớ: vậy, thế, đó là các đại từ dùng để thay thế, giúp tránh lặp từ.
Bài 2. Trong những đoạn trích dưới đây, từ nào được dùng để hỏi?	
- GV yêu cầu HS đọc các đoạn trích trong SGK và gạch dưới từ dùng để hỏi.	- HS đọc ngữ liệu, xác định từ dùng để hỏi.
- GV gợi ý: Từ nào dùng để hỏi về người? Từ nào hỏi về nơi chốn? Từ nào hỏi về thời gian hoặc sự	- HS trao đổi trong nhóm, xác định từ dùng để hỏi về người, nơi chốn, thời gian hoặc sự lựa chọn.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
lựa chọn?	
- GV tổ chức cho đại diện nhóm trình bày đáp án bài 2.	HS trả lời: - a. Ai là từ dùng để hỏi về người. - b. Đâu là từ dùng để hỏi về nơi chốn. - c. Nào là từ dùng để hỏi về thời gian hoặc sự lựa chọn trong câu thơ.
- GV chốt câu trả lời cho bài 2: - a. Ai là từ dùng để hỏi về người: - b. Đâu là từ dùng để hỏi về nơi chốn: - c. Nào là từ dùng để hỏi về thời gian hoặc sự lựa chọn trong câu thơ.	- HS lắng nghe, ghi nhớ và sửa đáp án nếu cần.
- GV kết luận: Các từ dùng để hỏi trong các câu trên là đại từ nghi vấn.	- HS ghi nhớ: ai, đâu, nào là các đại từ nghi vấn trong những ngữ liệu vừa học.
<p>Bài 3. Đọc câu chuyện dưới đây và trả lời câu hỏi.</p> <p>3. Đọc câu chuyện dưới đây và trả lời câu hỏi.</p> <p>Hạt thóc</p> <p>Hạt thóc được mẹ lúa yêu thương, chiều chuộng nên rất kiêu. Thóc nói với ngô, khoai, sắn:</p> <p>- Tôi là hạt vàng đầy, các bạn ạ. Chẳng ai bằng tôi được.</p> <p>Ngô liền nói:</p> <p>- Cậu ơi, tớ nghĩ cậu chỉ là hạt vàng khi ở trên cánh đồng này thôi. Còn nếu ở trong bát cơm, chắc hẳn cậu sẽ bị gập bẻ ra ngoài.</p> <p>Hạt thóc nghe xong, im lặng.</p> <p>(Phan Tự Gia Bách)</p> <p>a. Các từ in đậm trong câu chuyện trên được dùng để làm gì? b. Trong số các từ đó, những từ nào chỉ người nói, những từ nào chỉ người nghe?</p> <p>Ghi nhớ</p> <p>Đại từ là từ dùng để thay thế như thế, vậy, đó, này,... (đại từ thay thế), để hỏi như ai, gì, nào, sao, bao nhiêu, đâu,... (đại từ nghi vấn) hoặc để xưng hô như tôi, tớ, chúng tôi, chúng tớ, mày, chúng mày, chúng ta,... (đại từ xưng hô). Ngoài ra, trong tiếng Việt, có nhiều danh từ được dùng để xưng hô như ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em, cháu, thầy, bạn,...</p> <p><small>Đường vẽ hạt thóc trong câu chuyện hạt thóc và ngô khoai sắn là hạt lúa của em.</small></p>	
- GV yêu cầu 1 - 2 HS đọc câu chuyện Hạt thóc.	- HS đọc câu chuyện, tìm các từ in đậm.
- GV hướng dẫn HS xác định các từ in đậm trong câu chuyện.	- HS xác định các từ in đậm trong câu chuyện và chuẩn bị trả lời câu hỏi.
- GV nêu lần lượt câu hỏi: + Các từ in đậm trong câu chuyện được dùng để làm gì?	- HS lắng nghe từng câu hỏi và suy nghĩ câu trả lời. - HS trả lời: Các từ in đậm trong câu chuyện được dùng để xưng hô.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
+ Trong số các từ đó, những từ nào chỉ người nói, những từ nào chỉ người nghe?	- HS trả lời: Từ tớ, tôi chỉ người nói; từ cậu, các bạn chỉ người nghe.
- GV chốt câu trả lời: - Từ tớ, tôi chỉ người nói. - Từ cậu, các bạn chỉ người nghe.	- HS lắng nghe, ghi nhớ và hoàn thiện câu trả lời.
- GV kết luận: Những từ dùng để xưng hô như tớ, tôi, cậu, các bạn là đại từ xưng hô.	- HS ghi nhớ: tớ, tôi, cậu, các bạn là đại từ xưng hô.
Bài 4. Đọc phần Ghi nhớ.	
- GV yêu cầu HS đọc thầm phần Ghi nhớ trong SGK.	- HS đọc thầm phần Ghi nhớ, chuẩn bị đọc to trước lớp.
- GV mời 2 - 3 HS đọc to phần Ghi nhớ.	- 2 - 3 HS đọc to phần Ghi nhớ trước lớp; HS khác theo dõi.
- GV chốt: Đại từ là từ dùng để thay thế cho từ ngữ nào đó để khỏi lặp lại hoặc dùng để hỏi, để xưng hô. Ngoài các đại từ, một số danh từ như ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em, cháu, thầy, bạn... cũng được dùng để xưng hô trong tiếng Việt.	- HS lắng nghe, ghi nhớ kiến thức trọng tâm về đại từ.
- GV yêu cầu HS nêu ví dụ về cách dùng đại từ trong giao tiếp hằng ngày.	- HS nêu ví dụ về đại từ trong giao tiếp hằng ngày: em, tôi, chúng tôi, chúng ta, bạn, cậu, ai, gì, nào...
Tích hợp NLS: 1.1.CB2b	
- GV đặt câu hỏi dẫn: Trong bài Tuổi Ngựa, bạn nhỏ tưởng tượng chú ngựa con đi qua trung du, đại ngàn, triền núi, đồng hoa. Nếu muốn biết thêm về các vùng đất ấy, em có thể tìm thông tin ở đâu?	- HS trả lời: Em có thể tìm thông tin trên Google, YouTube, sách điện tử hoặc các trang học tập phù hợp dưới sự hướng dẫn của GV/người lớn.
- GV hướng dẫn HS dùng Google hoặc YouTube dưới sự hướng dẫn của GV để tìm hình ảnh, video ngắn về trung du, đại ngàn, triền núi, đồng hoa cúc đại hoặc một danh lam thắng cảnh mà em muốn khám phá.	- HS quan sát hoặc thực hành tra cứu hình ảnh, video ngắn về trung du, đại ngàn, triền núi, đồng hoa cúc đại hoặc danh lam thắng cảnh.
- GV nhắc HS chọn nguồn phù hợp, không bấm vào	- HS ghi nhớ quy tắc sử dụng internet an toàn.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
nội dung lạ, không tự ý chia sẻ thông tin cá nhân khi tra cứu.	
- GV yêu cầu HS nêu một thông tin hoặc hình ảnh em tìm được, sau đó dùng một đại từ để đặt câu về cảnh vật đó.	- HS nêu một thông tin/hình ảnh tìm được và đặt câu có đại từ, ví dụ: “Nơi đó có những triền núi rất đẹp.”; “Em muốn đến đó một lần.”
4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức về đại từ để nói, viết câu ngắn và chuẩn bị bài viết ở tiết sau. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS viết nhanh 2 câu có dùng đại từ, trong đó một câu có đại từ thay thế, một câu có đại từ xưng hô.	- HS viết nhanh vào vở.
- GV mời một số HS đọc câu của mình.	HS đọc câu trước lớp, ví dụ: - Lan rất yêu quê hương. Bạn ấy thường kể về quê của mình. - Em và bạn cùng đọc bài Tuổi Ngựa. Chúng em rất thích hình ảnh chú ngựa con.
- GV nhận xét, sửa lỗi dùng đại từ chưa phù hợp.	- HS sửa câu nếu cần và ghi nhớ nhiệm vụ chuẩn bị bài sau.
- GV dặn HS chuẩn bị tiết Viết: Lập dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ chuẩn bị tiết Viết: Lập dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

TIẾT 3: VIẾT - LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Nhớ lại được cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo đã học; xác định được yêu cầu của đề bài viết.
- Biết lựa chọn câu chuyện, nhớ lại nội dung chính, nhân vật, bối cảnh, diễn biến và lựa chọn cách sáng tạo phù hợp.
- Biết lập dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo theo ba phần: mở bài, thân bài, kết bài; biết dự kiến chi tiết sáng tạo, lời kể, lời thoại hoặc cách kết thúc mới.
- Biết trao đổi, góp ý và chỉnh sửa dàn ý để chuẩn bị viết bài văn hoàn chỉnh ở tiết sau.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: biết đọc yêu cầu, chuẩn bị ý tưởng, tự hoàn thành nhiệm vụ viết theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi, góp ý, chỉnh sửa bài viết của mình và của bạn bằng thái độ tôn trọng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn cách sáng tạo phù hợp, phát triển chi tiết, diễn đạt ý tưởng rõ ràng.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: bồi dưỡng tình yêu gia đình, quê hương, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên và những kỉ niệm tuổi thơ.
- Nhân ái: biết yêu thương người thân, chia sẻ cảm xúc, lắng nghe và tôn trọng cảm nhận của bạn.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, làm bài, viết bài và hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn môi trường sống, bảo vệ cảnh quan quê hương, thực hiện nhiệm vụ học tập nghiêm túc.

4. Tích hợp

- AI: 5.A1.1 - Liên hệ robot thám hiểm tích hợp AI giúp con người khám phá các vùng đất xa xôi, nguy hiểm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; bảng phụ hoặc màn hình trình chiếu phần Viết trong SGK.
- Hình và bài tập trong SGK được cắt, chèn dưới đúng câu lệnh GV tương ứng.
- Phiếu lập dàn ý, bảng nhóm, bút dạ.
- Một số đoạn văn tham khảo ngắn và tư liệu minh họa về robot thám hiểm/AI trong khám phá không gian, đại dương, vùng nguy hiểm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Nhắc lại cách kể chuyện sáng tạo đã học để chuẩn bị lập dàn ý cho bài văn.	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nhắc lại các cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo đã học ở tuần trước.	HS trả lời: - Có thể thêm lời kể, lời tả, lời thoại. - Có thể thay đổi cách kết thúc câu chuyện. - Có thể đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện nhưng không làm thay đổi nội dung chính.
- GV đặt câu hỏi: Khi kể sáng tạo, em có thể sáng tạo ở những điểm nào mà vẫn không làm thay đổi nội dung chính của câu chuyện?	- HS trả lời: Khi kể sáng tạo, em có thể thêm lời kể, lời tả, lời thoại; thay đổi cách kết thúc; đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện nhưng không làm thay đổi nội dung chính.
- GV lắng nghe câu trả lời của HS, nhận xét và chốt ý.	- HS lắng nghe nhận xét, ghi nhớ và bổ sung câu trả lời nếu cần.
- GV giới thiệu: Ở tiết này, HS sẽ lựa chọn đề bài, chuẩn bị ý tưởng và lập dàn ý cho một bài văn kể chuyện sáng tạo cụ thể.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vào hoạt động lập dàn ý.
- GV chốt các cách sáng tạo đã học: - Thêm lời kể, lời tả, lời thoại.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách sáng tạo: thêm lời kể, lời tả, lời thoại.
- GV chốt các cách sáng tạo đã học: - Thay đổi cách kết thúc câu chuyện. - Đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách sáng tạo: thay đổi cách kết thúc câu chuyện; đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện.
- GV dẫn vào nhiệm vụ tiết học: lựa chọn đề bài, chuẩn bị ý tưởng và lập dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo.	- HS lắng nghe, xác định nhiệm vụ của tiết học.
2. Khám phá: Tìm hiểu yêu cầu đề bài (8 phút) Mục tiêu: HS đọc đúng yêu cầu đề bài, xác định được nhiệm vụ viết và lựa chọn đề phù hợp. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc thầm phần Viết trong SGK.	- HS đọc thầm phần Viết trong SGK.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>4. Đóng vai hạt thóc trong câu chuyện <i>Hạt thóc</i>, viết câu đáp lại lời của ngô, trong câu có sử dụng một đại từ.</p> <p>VIẾT</p> <p>LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO</p> <p>Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:</p> <p>Đề 1: Viết bài văn kể sáng tạo câu chuyện <i>Thanh âm của gió hoặc Cánh đồng hoa</i>.</p> <p>Đề 2: Viết bài văn kể sáng tạo một câu chuyện có nhân vật chính là con vật hoặc đồ vật.</p> <p>21</p>	
- GV mời 1 - 2 HS đọc to hai đề bài.	- 1 - 2 HS đọc to hai đề bài trước lớp.
<p>- GV hướng dẫn HS phân tích:</p> <p>+ Đề 1 yêu cầu viết bài văn kể sáng tạo câu chuyện <i>Thanh âm của gió hoặc Cánh đồng hoa</i>.</p> <p>+ Đề 2 yêu cầu viết bài văn kể sáng tạo một câu chuyện có nhân vật chính là con vật hoặc đồ vật.</p>	<p>- HS lắng nghe, phân tích yêu cầu từng đề bài.</p> <p>- HS xác định: Đề 1 yêu cầu viết bài văn kể sáng tạo câu chuyện <i>Thanh âm của gió hoặc Cánh đồng hoa</i>.</p> <p>- HS xác định: Đề 2 yêu cầu viết bài văn kể sáng tạo một câu chuyện có nhân vật chính là con vật hoặc đồ vật.</p>
- GV lưu ý HS chọn đề và câu chuyện mà mình nhớ rõ nội dung, nhân vật, diễn biến để dễ lập dàn ý.	- HS chọn đề và câu chuyện mà mình nhớ rõ nội dung, nhân vật, diễn biến để dễ lập dàn ý.
<p>3. Luyện tập: Lập dàn ý (25 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS lập được dàn ý bài văn kể chuyện sáng tạo theo gợi ý trong SGK; biết trao đổi, góp ý để hoàn thiện dàn ý.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: HS hiểu AI/robot thám hiểm có thể hỗ trợ con người khám phá vùng xa xôi, nguy hiểm nhưng ý tưởng, cảm xúc và trách nhiệm sáng tạo bài viết vẫn thuộc về con người.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>1. Chuẩn bị</p> 	
<p>- GV hướng dẫn HS thực hiện các bước chuẩn bị:</p> <p>+ Lựa chọn câu chuyện theo yêu cầu của đề bài.</p> <p>+ Nhớ lại câu chuyện đã chọn và các yếu tố liên</p>	<p>- HS chọn câu chuyện sẽ kể lại.</p> <p>- HS thực hiện nội dung: Lựa chọn câu chuyện theo yêu cầu của đề bài.</p>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>quan: bối cảnh, nhân vật, diễn biến.</p> <p>+ Lựa chọn cách sáng tạo: sáng tạo thêm chi tiết, thay đổi cách kết thúc hoặc đóng vai nhân vật.</p>	<p>- HS nhớ lại bối cảnh, nhân vật, diễn biến của câu chuyện đã chọn.</p> <p>- HS lựa chọn cách sáng tạo: thêm chi tiết, thay đổi kết thúc hoặc đóng vai nhân vật.</p>
<p>- GV nhắc HS không thêm quá nhiều chi tiết làm câu chuyện rối, không làm thay đổi ý nghĩa chính của câu chuyện gốc.</p>	<p>- HS ghi nhớ: không thêm quá nhiều chi tiết làm câu chuyện rối, không làm thay đổi ý nghĩa chính của câu chuyện gốc.</p>
<p>- GV có thể cho HS làm việc theo nhóm nhỏ để trao đổi câu chuyện và cách sáng tạo dự định thực hiện.</p>	<p>- HS trao đổi trong nhóm nhỏ về câu chuyện và cách sáng tạo dự định thực hiện.</p>
2. Lập dàn ý	Làm việc cá nhân
<p>- GV hướng dẫn HS lập dàn ý theo ba phần:</p> <p>+ Mở bài: Giới thiệu tên câu chuyện, tên tác giả hoặc giới thiệu vai kể nếu đóng vai nhân vật.</p> <p>+ Thân bài: Kể lại câu chuyện theo trình tự hợp lí, trong đó có chi tiết sáng tạo theo một trong ba cách đã chọn.</p> <p>+ Kết bài: Nêu suy nghĩ, cảm xúc về câu chuyện hoặc nêu kết thúc mới theo tưởng tượng.</p>	<p>- HS lập dàn ý theo ba phần: mở bài, thân bài, kết bài.</p> <p>- HS viết phần mở bài: giới thiệu tên câu chuyện, tên tác giả hoặc giới thiệu vai kể nếu đóng vai nhân vật.</p> <p>- HS viết phần thân bài: kể lại câu chuyện theo trình tự hợp lí, có chi tiết sáng tạo theo cách đã chọn.</p> <p>- HS viết phần kết bài: nêu suy nghĩ, cảm xúc về câu chuyện hoặc nêu kết thúc mới theo tưởng tượng.</p>
<p>- GV nhắc HS viết dàn ý bằng các ý ngắn gọn, rõ ràng, chưa cần viết thành bài văn hoàn chỉnh.</p>	<p>- HS ghi dàn ý bằng các ý ngắn gọn, rõ ràng, chưa viết thành bài văn hoàn chỉnh.</p>
<p>- GV quan sát, hỗ trợ những HS còn lúng túng trong việc chọn chi tiết sáng tạo.</p>	<p>- HS trao đổi với GV khi còn lúng túng trong việc chọn chi tiết sáng tạo.</p>
Tích hợp AI: 5.A1.1	
<p>- GV đặt câu hỏi dẫn: Trong bài Tuổi Ngựa, bạn nhỏ tưởng tượng chú ngựa con đi qua nhiều vùng đất xa xôi. Theo em, con người hiện nay có những công cụ nào giúp khám phá nơi xa, nguy hiểm mà con người khó trực tiếp đi tới?</p>	<p>- HS trả lời: Con người có thể dùng robot thám hiểm, vệ tinh, tàu ngầm, máy bay không người lái, thiết bị định vị... để khám phá nơi xa, nguy hiểm.</p>
<p>- GV giới thiệu ngắn: Robot thám hiểm tích hợp AI có thể được dùng để khám phá sao Hỏa, đáy biển</p>	<p>- HS lắng nghe, hiểu rằng robot/AI có thể hỗ trợ con người khám phá sao Hỏa, đáy biển sâu, hang động,</p>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
sâu, hang động, núi lửa hoặc những vùng nguy hiểm. AI giúp robot nhận diện hình ảnh, tránh vật cản, gửi dữ liệu về cho con người.	núi lửa hoặc những vùng nguy hiểm.
- GV liên hệ bài viết: Khi kể chuyện sáng tạo, chúng ta có thể tưởng tượng thêm chi tiết về hành trình khám phá, nhưng cần giữ cảm xúc chân thật và không để công cụ viết thay suy nghĩ của mình.	- HS nêu cách sử dụng công cụ hỗ trợ phù hợp: tham khảo hình ảnh, tìm hiểu thông tin, không sao chép hoặc để máy viết thay.
- GV chốt: AI là công cụ hỗ trợ tìm hiểu và gợi mở ý tưởng; bài văn hay vẫn cần cảm xúc, trí tưởng tượng và trách nhiệm của người viết.	- HS lắng nghe, ghi nhớ: AI chỉ là công cụ hỗ trợ; bài văn hay cần cảm xúc, trí tưởng tượng và trách nhiệm của người viết.
3. Góp ý và chỉnh sửa	
- GV hướng dẫn HS đổi vở hoặc phiếu với bạn trong nhóm để đọc dàn ý.	- HS đổi bài, đọc dàn ý của bạn.
- GV nêu tiêu chí góp ý: + Dàn ý có đủ ba phần chưa? + Câu chuyện được chọn có đúng yêu cầu đề bài không? + Cách sáng tạo đã rõ và không làm thay đổi nội dung chính chưa? + Chi tiết sáng tạo có hấp dẫn, phù hợp với nhân vật và diễn biến không?	- HS nắm các tiêu chí góp ý để nhận xét dàn ý của bạn bằng lời lịch sự, cụ thể. - HS kiểm tra dàn ý của bạn có đủ ba phần mở bài, thân bài, kết bài chưa. - HS kiểm tra câu chuyện được chọn có đúng yêu cầu đề bài không. - HS kiểm tra cách sáng tạo đã rõ và không làm thay đổi nội dung chính chưa. - HS nhận xét chi tiết sáng tạo có hấp dẫn, phù hợp với nhân vật và diễn biến không.
- GV mời một số HS trình bày dàn ý, nhận xét nhanh và khen ngợi những dàn ý rõ ràng, có ý tưởng sáng tạo.	HS trình bày dàn ý, ví dụ: - Mở bài: Giới thiệu câu chuyện Cánh đồng hoa theo lời kể của một bạn nhỏ trong làng. - Thân bài: Kể việc phát hiện cánh đồng cỏ có rác, các bạn cùng bàn cách dọn rác, trồng hoa, chăm sóc hoa; thêm lời thoại và chi tiết miêu tả cảm xúc của nhân vật. - Kết bài: Nêu niềm vui khi cánh đồng trở nên đẹp hơn và bài học về việc chung tay làm đẹp quê

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	huong.
4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút) Mục tiêu: HS củng cố nhiệm vụ lập dàn ý và chuẩn bị viết bài văn hoàn chỉnh ở tiết sau. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS tự rà soát dàn ý cuối giờ và đánh dấu những chỗ cần bổ sung ở nhà.	- HS rà soát dàn ý của mình.
- GV dặn HS về nhà đọc lại dàn ý, kể thử câu chuyện cho người thân nghe và ghi lại góp ý nếu có.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà: kể thử câu chuyện, bổ sung chi tiết cần thiết và chuẩn bị tiết Viết bài văn kể chuyện sáng tạo.
- GV nhận xét tiết học, tuyên dương những HS có dàn ý rõ ràng, sáng tạo.	- HS lắng nghe, ghi nhớ góp ý và hoàn thiện dàn ý ở nhà nếu cần.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Năng lực đặc thù**

- Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ văn bản Bến sông tuổi thơ; biết đọc với giọng chậm rãi, tha thiết, phù hợp với dòng hồi tưởng về quê hương và tuổi thơ.
- Nhận biết được các hình ảnh quen thuộc của quê hương, những kỉ niệm tuổi thơ bên bến sông và tình cảm yêu mến, tự hào của bạn nhỏ đối với vùng đất cù lao.
- Hiểu nội dung chính: Bến sông, cây bần, món ăn và những kỉ niệm tuổi thơ đã trở thành một phần thân thuộc trong kí ức, gợi tình yêu quê hương sâu nặng.
- Biết trả lời các câu hỏi đọc hiểu trong SGK; nhận diện được đại từ tôi, chúng tôi và một số từ ngữ đậm màu sắc Nam Bộ trong văn bản.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc trước bài, chuẩn bị SGK, biết tự luyện đọc và tự điều chỉnh cách đọc theo góp ý của GV, bạn bè.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi với bạn khi tìm hiểu bài đọc; biết lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: dự đoán nội dung bài đọc từ tranh minh họa, nêu cách hiểu, cách cảm nhận riêng về hình ảnh, nhân vật hoặc sự việc trong bài.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: bồi dưỡng tình yêu gia đình, quê hương, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên và những kỉ niệm tuổi thơ.
- Nhân ái: biết yêu thương người thân, chia sẻ cảm xúc, lắng nghe và tôn trọng cảm nhận của bạn.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, làm bài, viết bài và hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn môi trường sống, bảo vệ cảnh quan quê hương, thực hiện nhiệm vụ học tập nghiêm túc.

4. Tích hợp

- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục lòng biết ơn, trân trọng kỉ niệm tuổi thơ và nếp sống nghĩa tình nơi quê nhà.
- Tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: Liên hệ việc giữ gìn bến sông, ao hồ quê hương; không xả rác xuống sông, biết quý trọng nguồn nước sạch.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh minh họa bài đọc Bến sông tuổi thơ trong SGK Tiếng Việt 5, tập một.
- Màn hình hoặc máy chiếu; hình và câu hỏi trong SGK được cắt, chèn ngay dưới câu lệnh GV tương ứng.

- Phiếu học tập, bảng nhóm, bút dạ dùng cho hoạt động đọc hiểu và luyện tập sau văn bản đọc.
- Nhạc hoặc video ngắn về con sông quê, bến sông, cảnh quan sông nước nếu có.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (7 phút) Mục tiêu: Nhận ra dấu hiệu liên quan tới nội dung bài học; nêu được những ý kiến, cảm xúc của bản thân về điều tự hào ở quê hương hoặc nơi mình sinh sống. Cách tiến hành:	
<p>- GV nêu câu hỏi khởi động trong SGK: Em yêu thích, tự hào về điều gì ở quê hương hoặc nơi mình sinh sống?</p> 	<p>- HS trả lời: Em yêu thích và tự hào về cảnh đẹp, dòng sông, con đường, mái trường, món ăn, người thân hoặc kỉ niệm tuổi thơ ở quê hương/nơi mình sinh sống.</p>
<p>- GV cho HS chia sẻ nhanh theo cặp: cảnh đẹp, món ăn, con đường, dòng sông, người thân, trường học, kỉ niệm tuổi thơ...</p>	<p>HS chia sẻ theo cặp, ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em tự hào về dòng sông quê em vì nơi đó có nhiều kỉ niệm. - Em yêu mái trường, con đường đến lớp, món ăn quê hương hoặc người thân trong gia đình.
<p>- GV mời một số HS trình bày trước lớp.</p>	<p>HS trình bày, ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em tự hào về dòng sông quê em vì nơi đó có nhiều kỉ niệm tuổi thơ.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	- Em yêu mái trường, con đường làng, khu phố, món ăn quê hương hoặc những người thân luôn yêu thương em.
- GV nhận xét, kết nối: Mỗi quê hương đều có những hình ảnh thân thuộc. Với nhân vật trong bài đọc hôm nay, bến sông, cây bần và món canh chua đã trở thành kỉ niệm không thể quên.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài đọc.
2. Khám phá: Hoạt động luyện đọc (18 phút) Mục tiêu: HS đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản Bến sông tuổi thơ ; biết ngắt nghỉ, nhấn giọng phù hợp với các câu văn giàu hình ảnh, cảm xúc. Cách tiến hành:	
- GV đọc mẫu toàn bài với giọng nhẹ nhàng, tha thiết, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả vẻ đẹp của quê hương và kỉ niệm tuổi thơ.	- HS nghe GV đọc mẫu, theo dõi văn bản trong SGK.
- GV hướng dẫn HS chia đoạn: + Đoạn 1: Từ đầu đến hàng bần xanh soi bóng nghiêng nghiêng. + Đoạn 2: Tiếp theo đến vì cay. + Đoạn 3: Tiếp theo đến bọn trẻ sống ở xứ cù lao này. + Đoạn 4: Tiếp theo đến cũng xem như chưa đến. + Đoạn 5: Còn lại.	- HS đánh dấu 5 đoạn luyện đọc trong SGK. - HS xác định đoạn 1: từ đầu đến hàng bần xanh soi bóng nghiêng nghiêng. - HS xác định đoạn 2: tiếp theo đến vì cay. - HS xác định đoạn 3: tiếp theo đến bọn trẻ sống ở xứ cù lao này. - HS xác định đoạn 4: tiếp theo đến cũng xem như chưa đến. - HS xác định đoạn 5: phần còn lại của văn bản.
- GV hướng dẫn đọc đúng các từ ngữ: lững lờ, nghiêng nghiêng, tụ năm tụ bảy, mấm đồng, nước ròng, nước lớn, phù sa, cù lao, cá bóng sao, cá bóng lau.	- HS luyện đọc đúng các từ: lững lờ, nghiêng nghiêng, tụ năm tụ bảy, mấm đồng, nước ròng, nước lớn, phù sa, cù lao, cá bóng sao, cá bóng lau.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc câu dài, câu giàu hình ảnh, ví dụ:	- HS luyện đọc câu dài, biết ngắt nghỉ hợp lí.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	
<p>+ Từ khi sinh ra và lớn lên, tôi đã thấy trước nhà có một dòng sông êm đềm lững lờ con nước, có hàng bần xanh soi bóng nghiêng nghiêng...</p>	<p>- HS luyện đọc câu dài: Từ khi sinh ra và lớn lên, tôi đã thấy trước nhà có một dòng sông êm đềm lững lờ con nước, có hàng bần xanh soi bóng nghiêng nghiêng...</p>
<p>+ Những ngày nước ròng nước lớn, con sông mang phù sa bồi đắp cho cây bần ngày một lần ra sông.</p>	<p>- HS luyện đọc câu dài: Những ngày nước ròng nước lớn, con sông mang phù sa bồi đắp cho cây bần ngày một lần ra sông.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS hiểu nghĩa từ: bần, cù lao, nước ròng, nước lớn, phù sa.</p>	<p>- HS giải nghĩa các từ: bần, cù lao, nước ròng, nước lớn, phù sa theo chú giải và ngữ cảnh.</p>
<p>- GV mời 1 - 2 HS giải nghĩa lại một số từ bằng lời của mình.</p>	<p>HS giải nghĩa lại, ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bần là loài cây mọc ở vùng sông nước, có trái chua. - Cù lao là vùng đất nổi giữa sông. - Nước ròng là lúc nước xuống; nước lớn là lúc nước dâng. - Phù sa là lớp đất màu mỡ do sông mang đến.
<p>3. Luyện tập: Tìm hiểu bài (30 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS nhận biết các hình ảnh, kỉ niệm, đặc sản quê hương trong bài; cảm nhận được tình yêu quê hương của bạn nhỏ.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: HS biết trân trọng kỉ niệm quê nhà, có ý thức giữ gìn bên sông, ao hồ, không xả rác xuống nguồn nước.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>Câu 1. Từ khi sinh ra, những hình ảnh nào của quê hương đã trở nên thân thuộc với bạn nhỏ?</p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc lại đoạn đầu của bài.</p>	<p>- HS đọc lại đoạn đầu và tìm chi tiết.</p>
<p>- GV gợi ý HS tìm các hình ảnh lặp lại trong kí ức</p>	<p>- HS tìm chi tiết trong bài và chuẩn bị câu trả lời.</p>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
của bạn nhỏ.	
- GV tổ chức cho HS trình bày câu trả lời cho câu 1.	<p>HS trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những hình ảnh thân thuộc với bạn nhỏ là dòng sông êm đềm lững lờ con nước. - Trước nhà bạn nhỏ có hàng bần xanh soi bóng nghiêng nghiêng. - Bến sông quê, cây bần bên sông và những hương vị quê hương cũng trở thành hình ảnh thân thuộc.
- GV chốt: Những hình ảnh thân thuộc với bạn nhỏ là dòng sông êm đềm, hàng bần xanh, bến sông quê, cây bần và hương vị quê hương.	- HS lắng nghe, ghi nhớ và hoàn thiện câu trả lời.
Câu 2. Bạn nhỏ đã có những kỉ niệm gì cùng bạn bè trên bến sông tuổi thơ?	
- GV hướng dẫn HS đọc đoạn nói về những buổi chiều bên bến sông.	- HS đọc đoạn liên quan.
- GV hỏi thêm: Các bạn nhỏ thường làm gì? Hình ảnh nào cho thấy tuổi thơ rất hồn nhiên?	- HS trao đổi, kể lại kỉ niệm của bạn nhỏ.
- GV tổ chức cho đại diện cặp trình bày câu trả lời cho câu 2.	<p>HS trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi chiều, bọn trẻ tụ năm tụ bảy ở bến sông, vui đùa đủ các trò tuổi con nít. - Các bạn thường lấy chén muối ớt hoặc chén mắm đồng rồi rủ nhau hái những trái bần để ăn. - Hôm nào lỡ cho nhiều ớt thì cả bọn vừa ăn vừa hít hà vì cay.
- GV chốt câu trả lời cho câu 2.	- HS lắng nghe định hướng chốt câu trả lời.
<p>- GV chốt câu trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi chiều, bọn trẻ tụ năm tụ bảy ở bến sông, vui đùa đủ các trò tuổi con nít. - Các bạn rủ nhau hái những trái bần để ăn với muối ớt hoặc mắm đồng; có hôm cay đến mức cả bọn vừa ăn vừa hít hà. 	- HS lắng nghe, ghi nhớ và điều chỉnh câu trả lời nếu cần.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Câu 3. Trong cảm nhận của bạn nhỏ, vẻ đẹp của quê hương hiện lên như thế nào?	
- GV yêu cầu HS đọc đoạn miêu tả cây bần, bông bần và dòng nước.	- HS đọc thầm đoạn văn.
- GV gợi ý HS chú ý màu sắc, âm thanh, hương vị và cảm xúc.	- HS trả lời bằng các chi tiết trong bài.
- GV tổ chức cho HS trình bày cảm nhận về vẻ đẹp quê hương trong bài.	HS trả lời: - Vẻ đẹp quê hương hiện lên qua cây bần nở hoa tím biếc, từng cánh hoa rơi xuống rồi cuốn trôi theo dòng nước. - Vẻ đẹp ấy còn hiện lên qua món canh chua cá bóng sao, cá bóng lau và hương vị thân thuộc của quê nhà. - Quê hương hiện lên bình dị, gần gũi, thơm thảo, gắn bó với tuổi thơ của bạn nhỏ.
- GV chốt câu trả lời cho câu 3.	- HS lắng nghe định hướng chốt câu trả lời.
- GV chốt câu trả lời: - Vẻ đẹp quê hương hiện lên qua cây bần nở hoa tím biếc, cánh hoa rơi theo dòng nước, món canh chua cá bóng và hương vị thân thuộc. - Quê hương hiện lên bình dị, gần gũi, thơm thảo, gắn bó với tuổi thơ của bạn nhỏ.	- HS lắng nghe, ghi nhớ và hoàn thiện câu trả lời.
Câu 4. Bạn nhỏ nhắc đến đặc sản gì của quê hương? Chi tiết nào cho thấy bạn nhỏ rất tự hào về đặc sản đó của quê mình?	
- GV hướng dẫn HS tìm chi tiết về món ăn, sản vật trong bài.	- HS tìm chi tiết trong bài.
- GV tổ chức cho HS trình bày câu trả lời, nêu câu văn thể hiện niềm tự hào.	HS trả lời: - Bạn nhỏ nhắc đến trái bần chua, canh chua cá bóng sao, cá bóng lau. - Chi tiết thể hiện niềm tự hào: “Ai đến cù lao quê

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	<p>tôi mà chưa từng thưởng thức món canh này thì cũng xem như chưa đến.”</p> <p>- Bạn nhỏ cũng tự hào vì cá bống lau là thứ cá ngon quý hiếm, chỉ có theo mùa.</p>
<p>- GV chốt câu trả lời cho câu 4:</p> <p>- Bạn nhỏ nhắc đến trái bần chua, canh chua cá bống sao, cá bống lau.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ đáp án về đặc sản quê hương.</p>
<p>- GV chốt câu trả lời:</p> <p>- Chi tiết thể hiện niềm tự hào là câu “Ai đến cù lao quê tôi mà chưa từng thưởng thức món canh này thì cũng xem như chưa đến.”</p> <p>- Bạn nhỏ tự hào vì cá bống lau là thứ cá ngon quý hiếm, chỉ có theo mùa.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ chi tiết thể hiện niềm tự hào của bạn nhỏ.</p>
Câu 5. Qua bài đọc, em yêu thích hình ảnh nào của vùng đất cù lao? Vì sao?	
<p>- GV cho HS trả lời theo cảm nhận cá nhân, khuyến khích HS giải thích rõ lí do.</p>	<p>HS trả lời theo cảm nhận cá nhân, ví dụ:</p> <p>- Em yêu thích hình ảnh bến sông có hàng bần xanh vì hình ảnh ấy yên bình, gợi tuổi thơ thân thuộc.</p> <p>- Em thích hình ảnh những bông bần tím rơi theo dòng nước vì vừa đẹp vừa gợi sự dịu dàng của quê hương.</p> <p>- Em thích món canh chua cá bống vì đó là hương vị riêng của vùng đất cù lao.</p>
<p>- GV tổ chức cho HS chia sẻ các cách cảm nhận khác nhau về vùng đất cù lao.</p>	<p>HS chia sẻ, ví dụ:</p> <p>- Em thích bến sông vì nơi đó có nhiều kỉ niệm tuổi thơ.</p> <p>- Em thích cây bần và món canh chua vì đó là nét riêng của vùng đất cù lao.</p> <p>- HS lắng nghe và tôn trọng cảm nhận riêng của bạn.</p>
<p>- GV chốt một số câu trả lời tham khảo cho câu 5:</p> <p>- Có thể yêu thích hình ảnh bến sông có hàng bần xanh vì hình ảnh ấy yên bình, gợi tuổi thơ thân</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ câu trả lời tham khảo.</p>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
thuộc.	
<ul style="list-style-type: none"> - GV chốt câu trả lời: - Có thể yêu thích hình ảnh những bông bần tím rơi theo dòng nước vì vừa đẹp vừa gợi sự dịu dàng của quê hương. - Có thể yêu thích món canh chua cá bống vì đó là hương vị riêng của vùng đất cù lao. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, ghi nhớ và bổ sung câu trả lời nếu cần.
Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và Tiết kiệm, bảo vệ nguồn nước:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV đặt câu hỏi dẫn: Vì sao bến sông, ao hồ, dòng nước quê hương cần được giữ gìn? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Bến sông, ao hồ, dòng nước quê hương cần được giữ gìn vì đó là cảnh đẹp, là nguồn nước nuôi cây cối, cá tôm, gắn với đời sống và kỉ niệm của con người.
<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giải: Dòng sông trong bài không chỉ là cảnh đẹp mà còn nuôi dưỡng cây bần, cá tôm, kỉ niệm tuổi thơ và tình yêu quê hương. Nếu xả rác xuống sông, nguồn nước sẽ bị ô nhiễm, cảnh quan mất đẹp, sinh vật dưới nước bị ảnh hưởng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, ghi nhớ tác hại của việc xả rác xuống sông: làm ô nhiễm nguồn nước, mất cảnh quan và ảnh hưởng sinh vật dưới nước.
<ul style="list-style-type: none"> - GV chốt: Yêu quê hương bắt đầu từ những việc nhỏ như không xả rác xuống sông, ao hồ; biết tiết kiệm nước sạch; nhắc người thân cùng giữ gìn nguồn nước và cảnh quan nơi mình sống. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, ghi nhớ những việc làm cụ thể để yêu quê hương và bảo vệ nguồn nước.
4. Luyện tập sau văn bản đọc (10 phút) Mục tiêu: HS củng cố nội dung bài đọc, nhận biết cách dùng từ tôi, chúng tôi và một số từ ngữ đậm màu sắc Nam Bộ. Cách tiến hành:	
Câu 1. Từ tôi và chúng tôi ở hai đoạn đầu của bài đọc được dùng để chỉ ai? Từ nào chỉ một người, từ nào chỉ nhiều người?	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc lại hai đoạn đầu và xác định người kể chuyện. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc lại đoạn đầu, xác định đại từ.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV tổ chức cho HS trình bày đáp án luyện tập câu 1.	HS trả lời: - Từ tôi chỉ bạn nhỏ, người kể chuyện trong bài. - Từ chúng tôi chỉ bạn nhỏ và những người bạn thời thơ ấu. - Tôi chỉ một người; chúng tôi chỉ nhiều người.
- GV chốt câu trả lời cho câu 1: - Từ tôi chỉ bạn nhỏ, người kể chuyện trong bài.	- HS lắng nghe, ghi nhớ đáp án về từ tôi.
- GV chốt câu trả lời: - Từ chúng tôi chỉ bạn nhỏ và những người bạn thời thơ ấu. - Tôi chỉ một người; chúng tôi chỉ nhiều người.	- HS lắng nghe, ghi nhớ đáp án về từ chúng tôi.
Câu 2. Tìm từ có nghĩa giống với từ in đậm trong các câu nêu trong SGK.	
- GV hướng dẫn HS tìm nghĩa gần đúng trong ngữ cảnh.	- HS tìm từ có nghĩa giống.
- GV tổ chức cho HS trình bày đáp án câu 2, nhận xét và bổ sung.	HS trả lời: - rất đổi: rất. - con nít: trẻ con, trẻ nhỏ. - trái bần: quả bần.
- GV chốt câu trả lời cho câu 2: - rất đổi có nghĩa là rất.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nghĩa của từ rất đổi.
- GV chốt câu trả lời: - con nít có nghĩa là trẻ con, trẻ nhỏ. - trái bần có nghĩa là quả bần.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nghĩa của các từ con nít, trái bần.
- GV nhấn mạnh: Một số từ ngữ trong bài có màu sắc Nam Bộ, làm cho văn bản gần gũi với không gian sông nước quê hương.	- HS ghi nhớ: Các từ ngữ đậm màu sắc Nam Bộ góp phần làm văn bản gần gũi, giàu hương vị quê hương.
5. Vận dụng - Trải nghiệm: Luyện đọc lại (5 phút) Mục tiêu: HS luyện đọc lại đoạn văn yêu thích và chia sẻ điều em nhớ nhất sau bài học. Cách tiến hành:	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV hướng dẫn HS luyện đọc diễn cảm một đoạn văn giàu hình ảnh trong bài.	- HS luyện đọc cá nhân hoặc nhóm đôi.
- GV mời 1 - 2 HS đọc trước lớp, cả lớp bình chọn bạn đọc hay.	- HS đọc trước lớp, nhận xét bạn.
- GV yêu cầu HS nêu một điều em muốn làm để giữ gìn vẻ đẹp quê hương hoặc nơi mình sinh sống.	HS trả lời: - Em sẽ không xả rác xuống sông, ao hồ. - Em sẽ bỏ rác đúng nơi quy định, tiết kiệm nước sạch. - Em sẽ nhắc người thân cùng giữ gìn cảnh quan quê hương.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị tiết Viết bài văn kể chuyện sáng tạo.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT 5**CHỦ ĐIỂM: THẾ GIỚI TUỔI THƠ****TUẦN 2****BÀI 4: BẾN SÔNG TUỔI THƠ****TIẾT 3: VIẾT - VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Viết được bài văn kể chuyện sáng tạo dựa trên dàn ý đã lập ở Bài 3, đúng yêu cầu của đề bài.
- Biết lựa chọn chi tiết sáng tạo phù hợp: thêm lời kể, lời tả, lời thoại, thay đổi kết thúc hoặc đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện.
- Biết trình bày bài văn có đủ mở bài, thân bài, kết bài; diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, hạn chế lỗi dùng từ, đặt câu, chính tả.
- Biết tự đọc lại, đánh giá, chỉnh sửa bài viết và góp ý cho bài của bạn theo tiêu chí cụ thể.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: biết đọc yêu cầu, chuẩn bị ý tưởng, tự hoàn thành nhiệm vụ viết theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi, góp ý, chỉnh sửa bài viết của mình và của bạn bằng thái độ tôn trọng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn cách sáng tạo phù hợp, phát triển chi tiết, diễn đạt ý tưởng rõ ràng.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: bồi dưỡng tình yêu gia đình, quê hương, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên và những kỉ niệm tuổi thơ.
- Nhân ái: biết yêu thương người thân, chia sẻ cảm xúc, lắng nghe và tôn trọng cảm nhận của bạn.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, làm bài, viết bài và hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn môi trường sống, bảo vệ cảnh quan quê hương, thực hiện nhiệm vụ học tập nghiêm túc.

4. Tích hợp

- NLS: 2.2.CB2a - HS chia sẻ cảm xúc về quê hương trên Padlet/Classroom theo hướng dẫn của GV.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; dàn ý đã lập ở Bài 3.
- Hình và bài tập trong SGK được cắt, chèn dưới đúng câu lệnh GV tương ứng.
- Vở viết, phiếu tự đánh giá/chỉnh sửa bài viết; bảng phụ ghi tiêu chí nhận xét.
- Thiết bị trình chiếu và Padlet/Classroom hoặc không gian chia sẻ học tập số do GV chuẩn bị.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Nhớ lại yêu cầu viết ở tiết trước và đọc một số đoạn văn minh họa để chuẩn bị viết bài văn	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
hoàn chỉnh. Cách tiến hành:	
<p>- GV yêu cầu HS nhắc lại đề bài đã chọn và dàn ý đã lập ở tiết trước.</p> <div data-bbox="103 481 715 1243"> <p>VIẾT</p> <p>VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO</p> <p>Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:</p> <p>Đề 1: Viết bài văn kể sáng tạo câu chuyện <i>Thanh âm của gió</i> hoặc <i>Cánh đồng hoa</i>.</p> <p>Đề 2: Viết bài văn kể sáng tạo một câu chuyện có nhân vật chính là con vật hoặc đồ vật.</p> <p>1. Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động Viết ở Bài 3, viết bài văn theo yêu cầu của đề bài.</p> <p>Lưu ý:</p> <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="border: 1px solid #add8e6; padding: 5px; width: 45%;"> <p>Khi thêm lời kể, tả, thêm lời thoại hoặc thay đổi cách kết thúc của câu chuyện, cần lựa chọn chi tiết sáng tạo hấp dẫn, thú vị và phù hợp với nội dung câu chuyện.</p> </div> <div style="border: 1px solid #add8e6; padding: 5px; width: 45%;"> <p>Khi đóng vai kể chuyện, cần chọn cách xưng hô phù hợp và kể, tả sự việc theo dòng cảm xúc của nhân vật mà em đóng vai.</p> </div> </div> <p>Một số đoạn văn tham khảo:</p> <p>– Sáng tạo thêm chi tiết (lời kể, lời tả, hội thoại,...) cho câu chuyện.</p> <p>Cánh đồng hoa</p> <p>Ngồi tựa vào gốc cây, các bạn nhỏ ngược nhìn bầu trời. Trên bầu trời xanh biếc, muôn vàn đám mây như đang đùa giỡn, trông thật vui nhộn. Một cụm mây bỗng tách ra, nhìn giống bông cúc trắng khổng lồ. Rồi một cụm mây nữa, trông giống đoá quỳnh tinh khời. Những "bông hoa mây" cứ bông bẻnh, bông bẻnh, khiến Mư Hoa phải bật dậy reo lên: "Các cậu có thấy bầu trời như một vườn hoa không?"</p> <p>– Thay đổi cách kết thúc của câu chuyện.</p> <p>Thanh âm của gió</p> <p>Bố bảo mỗi nghe chúng tôi kể thôi mà bố đã thích trò chơi ấy rồi. Bố hẹn chúng tôi ngày mai dậy sớm chạy ra bờ suối nghe xem gió nói điều gì. Thế là chúng tôi tưởng tượng ra bao nhiêu tiếng gió mà bố có thể nghe được. Tiếng gió cứ lao xao, lao xao đưa chúng tôi vào giấc ngủ lúc nào không hay.</p> <p style="text-align: right;">25</p> </div>	<p>- HS nhắc lại đề bài đã chọn và dàn ý đã lập ở tiết trước.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc kĩ lưu ý trong SGK và xem lại dàn ý của mình.</p>	<p>- HS đọc kĩ lưu ý trong SGK và xem lại dàn ý của mình.</p>
<p>- GV mời HS đọc thầm một số đoạn văn tham khảo trong SGK.</p>	<p>- HS đọc thầm các lưu ý và đoạn văn tham khảo.</p>
<p>- GV gợi ý HS nhận xét nhanh về cách sáng tạo của các đoạn tham khảo: thêm chi tiết, thay đổi kết thúc, đóng vai nhân vật kể chuyện.</p>	<p>- HS nêu nhận xét về cách sáng tạo trong đoạn văn minh họa.</p>
<p>2. Luyện tập: Viết bài văn (25 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS viết bài văn kể chuyện sáng tạo dựa trên dàn ý đã lập, biết triển khai ý thành đoạn văn hoàn chỉnh.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>Viết bài</p>	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
 <p>– Đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện.</p> <p>Ông lão đánh cá và con cá vàng</p> <p>Đang bơi lội tung tăng trong làn nước xanh mát, bỗng nhiên tôi bị cuốn phăng đi. Tôi hết hoảng nhận ra mình đã mắc vào một tấm lưới và bị nhấc bổng lên khỏi mặt nước. Trước mắt tôi là một ông lão có nét mặt khác khổ. Ông nhìn tôi với vẻ thất vọng, có lẽ vì trong lưới chỉ có mỗi mình tôi.</p> <p>2. Đọc soát và chỉnh sửa.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giới thiệu được câu chuyện một cách hấp dẫn, thu hút sự chú ý của người đọc. – Kể chuyện với chi tiết sáng tạo độc đáo nhưng không làm thay đổi nội dung chính, ý nghĩa của câu chuyện gốc. 	
<p>- GV giao nhiệm vụ: HS viết bài theo cấu trúc đã học và dàn ý đã lập ở Bài 3.</p>	<p>- HS lấy dàn ý đã lập và bắt đầu viết bài văn hoàn chỉnh.</p>
<p>- GV nhắc HS trước khi viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bài văn cần có mở bài, thân bài, kết bài. + Cần kể theo trình tự hợp lí, có chi tiết sáng tạo rõ. + Nếu thêm lời kể, lời tả, lời thoại, cần lựa chọn chi tiết hấp dẫn, thú vị, phù hợp với nội dung câu chuyện. + Nếu đóng vai nhân vật, cần chọn cách xưng hô phù hợp và kể theo cảm xúc của nhân vật. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe các yêu cầu cần nhớ trước khi viết bài văn. - HS ghi nhớ: Bài văn cần có đủ mở bài, thân bài, kết bài. - HS ghi nhớ: Cần kể theo trình tự hợp lí và có chi tiết sáng tạo rõ. - HS ghi nhớ: Nếu thêm lời kể, lời tả, lời thoại, cần chọn chi tiết hấp dẫn, phù hợp với nội dung câu chuyện. - HS ghi nhớ: Nếu đóng vai nhân vật, cần chọn cách xưng hô phù hợp và kể theo cảm xúc của nhân vật.
<p>- GV quan sát HS viết, hỗ trợ những HS còn lúng túng trong cách mở bài, chuyển đoạn hoặc kết bài.</p>	<p>- HS trao đổi với GV khi còn lúng túng trong cách mở bài, chuyển đoạn hoặc kết bài.</p>
<p>3. Đánh giá và chỉnh sửa bài viết (12 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS biết tự đọc lại bài, phát hiện lỗi và chỉnh sửa bài viết theo tiêu chí cụ thể.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: HS biết chia sẻ cảm xúc về câu chuyện, quê hương hoặc kỉ niệm tuổi thơ trên không gian học tập số theo hướng dẫn, dùng lời bình luận văn minh, tôn trọng bạn.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>Chấm nhanh một số bài, góp ý và chỉnh sửa</p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc lại bài viết của mình và tự</p>	<p>- HS tự đọc lại bài viết và đánh dấu chỗ cần sửa.</p>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>kiểm tra theo tiêu chí:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bài văn có đủ ba phần chưa? + Chi tiết sáng tạo đã rõ và phù hợp chưa? + Câu văn có diễn đạt mạch lạc, tránh lặp từ chưa? + Có lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu cần sửa không? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS kiểm tra bài văn có đủ ba phần mở bài, thân bài, kết bài chưa. - HS kiểm tra chi tiết sáng tạo đã rõ và phù hợp chưa. - HS kiểm tra câu văn có diễn đạt mạch lạc, tránh lặp từ chưa. - HS kiểm tra lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu và sửa lỗi nếu có.
- GV cho HS đổi bài trong nhóm đôi để góp ý.	- HS đổi bài trong nhóm đôi để góp ý cho bạn theo tiêu chí.
- GV mời một số HS đọc đoạn văn hay hoặc đoạn cần chỉnh sửa, hướng dẫn cả lớp nhận xét bằng lời góp ý cụ thể, lịch sự.	<p>HS trình bày, ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một HS đọc đoạn văn có chi tiết sáng tạo rõ, lời kể mạch lạc. - Một HS đọc đoạn cần chỉnh sửa; cả lớp góp ý về cách dùng từ, đặt câu, trình tự kể hoặc chi tiết sáng tạo.
- GV khen những bài viết có ý tưởng sáng tạo, diễn đạt trong sáng, có cảm xúc.	- HS lắng nghe lời khen, ghi nhận điểm mạnh và tiếp tục chỉnh sửa bài viết nếu cần.
Tích hợp NLS: 2.2.CB2a	
- GV hướng dẫn HS chia sẻ một câu hoặc một đoạn ngắn thể hiện cảm xúc về câu chuyện, về quê hương hoặc kỉ niệm tuổi thơ lên Padlet/Classroom của lớp theo đường link hoặc mã GV cung cấp.	<p>HS viết và chia sẻ cảm xúc ngắn, ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em rất vui khi kể lại câu chuyện tuổi thơ vì em thấy yêu quê hương hơn. - Em thích chi tiết các bạn cùng làm đẹp cánh đồng hoa vì việc làm ấy có ích cho cộng đồng.
- GV nhắc HS chỉ viết nội dung học tập, không đăng thông tin cá nhân, không nhận xét thiếu tôn trọng bài của bạn.	- HS lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ tương ứng với yêu cầu của GV.
- GV mời HS đọc một vài chia sẻ tiêu biểu và nhận xét cách diễn đạt cảm xúc.	<p>HS chia sẻ, ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em rất vui khi kể lại câu chuyện tuổi thơ vì em thấy yêu quê hương hơn. - Em thích chi tiết các bạn cùng làm đẹp cánh đồng

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	hoa vì việc làm ấy có ích cho cộng đồng.
4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút) Mục tiêu: HS hoàn thiện bài viết và chuẩn bị hoạt động nói nghe về những câu chuyện thú vị. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài viết ở nhà nếu chưa xong, chép lại bài sau khi đã chỉnh sửa.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.
- GV dẫn HS chuẩn bị tiết Nói và nghe: Nhớ lại một câu chuyện em yêu thích và liệt kê những chi tiết thú vị trong câu chuyện đó.	- HS chuẩn bị tên câu chuyện, tác giả nếu có, nội dung chính và chi tiết thú vị để chia sẻ ở tiết sau.
- GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS viết bài nghiêm túc.	- HS lắng nghe, ghi nhớ và tiếp tục hoàn thiện bài viết.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Năng lực đặc thù**

- Biết chuẩn bị nội dung nói về những chi tiết thú vị trong câu chuyện em yêu thích: tên câu chuyện, tác giả nếu có, nội dung chính và các chi tiết thú vị.
- Biết trình bày ý kiến rõ ràng, rành mạch; nêu được lí do vì sao chi tiết đó thú vị, hấp dẫn hoặc đáng nhớ.
- Biết lắng nghe, ghi chép ý chính, đặt câu hỏi hoặc góp ý cho bạn bằng thái độ lịch sự, tôn trọng.
- Biết đánh giá phần trình bày của bạn theo tiêu chí: người có ý kiến hay, người trình bày hấp dẫn, người tham gia tích cực.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự nhớ lại kiến thức đã học, đọc kĩ yêu cầu và hoàn thành bài tập theo khả năng.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm, trình bày, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng kiến thức về đại từ để dùng từ đúng, tránh lặp từ trong nói và viết.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: bồi dưỡng tình yêu gia đình, quê hương, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên và những kỉ niệm tuổi thơ.
- Nhân ái: biết yêu thương người thân, chia sẻ cảm xúc, lắng nghe và tôn trọng cảm nhận của bạn.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, làm bài, viết bài và hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn môi trường sống, bảo vệ cảnh quan quê hương, thực hiện nhiệm vụ học tập nghiêm túc.

4. Tích hợp

- Quyền con người: Rèn quyền được bày tỏ ý kiến, biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến khác biệt khi trao đổi về chủ điểm bến sông tuổi thơ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; tranh ảnh hoặc sách truyện HS đã đọc, đã nghe.
- Hình và yêu cầu Nói và nghe trong SGK được cắt, chèn dưới đúng câu lệnh GV tương ứng.
- Phiếu chuẩn bị ý kiến, bảng tiêu chí đánh giá phần trình bày.
- Thẻ bình chọn hoặc bảng nhóm dùng cho hoạt động thảo luận.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Khởi gợi những cảm xúc, suy nghĩ tích cực với việc đọc sách để hứng thú tìm đọc và kể về	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
những chi tiết thú vị trong câu chuyện, cuốn sách. Cách tiến hành:	
- GV đưa hình ảnh hoặc nêu tình huống: “Hội kể chuyện theo sách” và hỏi: Để kể một câu chuyện hấp dẫn, theo em người kể cần chuẩn bị điều gì?	- HS trả lời: Người kể cần nhớ nội dung câu chuyện, chọn chi tiết thú vị, kể rõ ràng, có cảm xúc, biết dùng giọng điệu và cử chỉ phù hợp.
- GV cho HS thảo luận nhóm đôi: Em đã từng nghe hoặc đọc câu chuyện nào có chi tiết rất thú vị? Chi tiết đó làm em nhớ mãi vì sao?	- HS thảo luận nhóm đôi, nêu tên câu chuyện và chi tiết em nhớ.
- GV mời 1 - 2 HS chia sẻ nhanh và dẫn vào bài Nói và nghe: Những câu chuyện thú vị.	HS chia sẻ, ví dụ: - Em từng đọc truyện Dế Mèn phiêu lưu kí. Em nhớ chi tiết Dế Mèn ân hận vì đã trêu chị Cốc làm Dế Choắt gặp nạn, vì chi tiết đó giúp em hiểu cần biết sống có trách nhiệm. - Em từng nghe truyện Cây khế. Em nhớ chi tiết chim chớ người em đi lấy vàng vì chi tiết ấy kì lạ và hấp dẫn.
2. Hình thành kiến thức và thực hành nói nghe (27 phút) Mục tiêu: Trên cơ sở đã đọc hoặc nghe một câu chuyện nào đó, HS biết tìm ra những chi tiết thú vị trong câu chuyện và thảo luận với bạn về những chi tiết thú vị đó. Mục tiêu tích hợp: HS thực hành quyền được bày tỏ ý kiến, được lắng nghe; biết tôn trọng ý kiến khác biệt khi trao đổi về câu chuyện yêu thích. Cách tiến hành:	
Chuẩn bị 	
- GV hướng dẫn HS nhớ lại câu chuyện thú vị đã đọc hoặc đã nghe.	- HS nhớ lại câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none">- GV yêu cầu HS ghi nhanh vào phiếu:+ Tên câu chuyện.+ Tên tác giả nếu có.+ Nội dung chính của câu chuyện.+ Các chi tiết thú vị: bối cảnh, nhân vật, sự việc, lời nói, chi tiết bất ngờ, hài hước, cảm động hoặc kì lạ.	<ul style="list-style-type: none">- HS ghi các ý chính vào phiếu chuẩn bị.- HS ghi tên câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.- HS ghi tên tác giả nếu nhớ hoặc nếu câu chuyện có ghi tên tác giả.- HS ghi nội dung chính của câu chuyện bằng vài ý ngắn gọn.- HS ghi các chi tiết thú vị về bối cảnh, nhân vật, sự việc, lời nói, chi tiết bất ngờ, hài hước, cảm động hoặc kì lạ.
<ul style="list-style-type: none">- GV nhắc HS có thể dựa vào sơ đồ gợi ý trong SGK để chuẩn bị phần nói.	<ul style="list-style-type: none">- HS dựa vào sơ đồ gợi ý trong SGK để chuẩn bị phần nói.
<p>Thảo luận lớp hoặc nhóm</p> <div><p>G:</p><div><p>Bối cảnh câu chuyện: tình huống độc đáo, không gian thơ mộng,...</p><p>Nhân vật trong câu chuyện: ngoại hình khác thường, có phép biến hoá, tài năng đặc biệt,...</p><p>Sự việc trong câu chuyện: sự việc bất ngờ, kì lạ, cuốn hút, hài hước,...</p></div><p>– Ghi chép những ý kiến dự định phát biểu.</p><p>2. Thảo luận.</p><ul style="list-style-type: none">– Người điều hành nêu nội dung thảo luận.– Từng thành viên nêu ý kiến đã chuẩn bị.<div><p>Đọc câu chuyện Thần lùn xanh vỏ ốc kè, mình thích tình huống gặp mặt rất độc đáo giữa thần lùn và ốc kè.</p><p>Nhân vật ông Đùng, bà Đùng trong Sự tích ông Đùng, bà Đùng cao lớn khác thường, đứng cao hơn năm lần đỉnh núi cao nhất.</p><p>Câu chuyện Ở Vương quốc Tương Lai có chi tiết rất thú vị: Các em bé sáng chế ra vật dụng mang lại hạnh phúc cho con người.</p></div><p>3. Đánh giá.</p><div><p>Người có ý kiến hay</p><p>Người trình bày hấp dẫn</p><p>Người tham gia tích cực</p></div><p>Chia sẻ với người thân về những điều thú vị trong một câu chuyện em đã đọc, đã nghe.</p></div>	
<ul style="list-style-type: none">- GV nêu hai cách tổ chức:+ Phương án 1: Thảo luận theo lớp; người điều hành nêu nội dung thảo luận, từng HS nêu ý kiến đã chuẩn bị.+ Phương án 2: Thảo luận theo nhóm 4; nhóm trưởng điều hành, từng thành viên trình bày, nhóm	<ul style="list-style-type: none">- HS lựa chọn hình thức thảo luận theo lớp hoặc theo nhóm theo hướng dẫn của GV.- HS trình bày ý kiến đã chuẩn bị, ví dụ: Em chọn truyện Cây khế; chi tiết thú vị là chim chở người em đi lấy vàng vì chi tiết đó kì lạ, hấp dẫn và cho thấy người hiền lành được đền đáp.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
trao đổi và thống nhất ý kiến.	- HS trao đổi, nhận xét và thống nhất ý kiến trong nhóm.
- GV lưu ý HS khi nói: nói rõ tên câu chuyện, chi tiết thú vị, lí do em thấy chi tiết đó thú vị; có thể nêu cảm xúc hoặc bài học rút ra.	- HS nói rõ tên câu chuyện, chi tiết thú vị, lí do em thấy chi tiết đó thú vị; có thể nêu cảm xúc hoặc bài học rút ra.
- GV lưu ý HS khi nghe: nhìn vào người nói, không ngắt lời, ghi nhanh ý chính, đặt câu hỏi hoặc góp ý lịch sự.	- HS nghe bạn nói, không ngắt lời, ghi nhanh ý chính, đặt câu hỏi hoặc góp ý lịch sự.
Tích hợp Quyền con người	
- GV đặt câu hỏi dẫn: Khi thảo luận, vì sao cần tôn trọng ý kiến khác biệt của bạn?	- HS trả lời: Vì mỗi người có cảm nhận, sở thích và cách hiểu khác nhau; tôn trọng ý kiến khác biệt giúp lớp học vui vẻ, an toàn và đoàn kết hơn.
- GV diễn giải: Mỗi HS có quyền được bày tỏ ý kiến, cảm xúc và sở thích đọc sách của mình. Có bạn thích chi tiết hài hước, có bạn thích chi tiết cảm động, có bạn thích chi tiết kì lạ. Khi nghe bạn nói, chúng ta cần lắng nghe, không chê bai, không cười nhạo, biết phản hồi bằng lời nói lịch sự.	- HS ghi nhớ cách trao đổi văn minh.
- GV chốt: Tôn trọng ý kiến khác biệt giúp giờ học trở nên thân thiện, an toàn và giúp mỗi bạn tự tin chia sẻ hơn.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách tôn trọng ý kiến khác biệt khi thảo luận.
3. Đánh giá (8 phút) Mục tiêu: HS biết nhận xét, đánh giá phần trình bày của bạn theo tiêu chí rõ ràng, tích cực. Cách tiến hành:	
- GV hướng dẫn HS bình chọn hoặc nhận xét theo các tiêu chí trong SGK: + Người có ý kiến hay. + Người trình bày hấp dẫn. + Người tham gia tích cực.	- HS nghe các tiêu chí bình chọn hoặc nhận xét phần trình bày của bạn. - HS bình chọn người có ý kiến hay và nêu lí do bình chọn. - HS bình chọn người trình bày hấp dẫn và nêu điểm em học được từ bạn. - HS bình chọn người tham gia tích cực, biết lắng

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	nghe và góp ý cho bạn.
- GV yêu cầu HS nêu lí do bình chọn, không chỉ nêu tên.	HS nêu lí do bình chọn, ví dụ: - Em bình chọn bạn An vì bạn nêu chi tiết thú vị, giải thích rõ lí do và nói tự tin. - Em bình chọn bạn Minh vì bạn biết lắng nghe, đặt câu hỏi lịch sự và góp ý tích cực.
- GV nhận xét chung về cách nói, cách nghe, cách đặt câu hỏi và thái độ hợp tác của HS.	HS lắng nghe, ghi nhớ và điều chỉnh nếu cần.

4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút)

Mục tiêu: HS biết chia sẻ với người thân về những chi tiết thú vị trong câu chuyện đã đọc, đã nghe.

Cách tiến hành:

- GV giao nhiệm vụ vận dụng: Chia sẻ với người thân về những chi tiết thú vị trong câu chuyện em đã đọc, đã nghe.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ vận dụng.
- GV hướng dẫn HS khi nói với người thân: nói rõ, rành mạch; nêu tên câu chuyện, chi tiết thú vị và lí do em thích; biết lắng nghe góp ý của người thân.	- HS ghi nhớ cách chia sẻ với người thân: nói rõ tên câu chuyện, chi tiết thú vị, lí do em thích và biết lắng nghe góp ý.
- GV chốt lại nội dung đã học trong tuần: Đọc bài thơ Tuổi Ngựa, học Đại từ, lập dàn ý, đọc Bến sông tuổi thơ, viết bài văn kể chuyện sáng tạo và nói nghe về những câu chuyện thú vị.	- HS lắng nghe, ghi nhớ những nội dung đã học trong tuần và tự đánh giá mức độ hoàn thành của bản thân.
- GV dặn HS đọc trước Bài 5: Tiếng hạt nảy mầm.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ đọc trước Bài 5: Tiếng hạt nảy mầm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT 5

CHỦ ĐIỂM: THẾ GIỚI TUỔI THƠ

TUẦN 3

BÀI 5: TIẾNG HẠT NẢY MẦM

TIẾT 1: ĐỌC - TIẾNG HẠT NẢY MẦM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Tiếng hạt nảy mầm; biết đọc với giọng nhẹ nhàng, trù mẩn, nhấn giọng vào những từ ngữ gợi hình ảnh, âm thanh và cảm xúc.
- Nhận biết được lớp học đặc biệt của các bạn học sinh khiếm thính; hiểu được tình yêu thương, sự kiên trì và sáng tạo của cô giáo khi giúp học trò cảm nhận âm thanh của cuộc sống.
- Trả lời đúng, đủ các câu hỏi đọc hiểu; biết dựa vào chi tiết thơ để nêu suy nghĩ về cô giáo, các bạn học sinh và ý nghĩa của bài thơ.
- Học thuộc lòng được một số khổ thơ yêu thích; biết nêu cảm nhận riêng về bài thơ.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, tự luyện đọc, tự tìm hiểu từ khó và chuẩn bị câu trả lời.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi với bạn về hình ảnh, âm thanh trong bài thơ; biết lắng nghe và nhận xét phần đọc của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: tưởng tượng âm thanh của cuộc sống qua hình ảnh thơ, nêu được cách chăm sóc cây mầm và cách yêu thương những bạn có hoàn cảnh đặc biệt.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: biết yêu thương, chia sẻ, tôn trọng và giúp đỡ những bạn gặp khó khăn trong học tập, giao tiếp.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, học thuộc lòng bài thơ, chủ động hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: biết nâng niu sự sống, chăm sóc cây xanh và sử dụng nước hợp lý khi chăm cây.

4. Tích hợp

- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục ý thức nâng niu sự sống, chăm sóc cây xanh và kiên trì quan sát sự phát triển của thiên nhiên.
- Tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: Liên hệ vai trò của nước đối với hạt mầm; hướng dẫn HS tưới cây vừa đủ, không lãng phí nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5 tập một; tranh minh họa bài thơ Tiếng hạt nảy mầm.
- Máy tính, ti vi/máy chiếu; hình SGK được cắt, chèn đúng dưới câu lệnh GV tương ứng.
- Phiếu đọc hiểu, bảng nhóm, bút dạ; thẻ từ luyện đọc và câu hỏi thảo luận.
- Một số hình ảnh/video ngắn về hạt nảy mầm, cây non, lớp học hòa nhập hoặc hoạt động hỗ trợ trẻ khiếm thính.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập, khơi gợi khả năng nhận biết âm thanh và dẫn dắt vào bài thơ. Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi Nghe và đoán âm thanh theo yêu cầu trong SGK. GV nêu luật chơi: một bạn nêu từ ngữ chỉ âm thanh, một bạn đoán đó là âm thanh của sự vật, hiện tượng nào.	- HS lắng nghe luật chơi, chuẩn bị tham gia trò chơi.
- GV nêu mẫu: tí tách.	- HS đoán: tiếng mưa rơi.
- GV mời một số HS nêu thêm từ ngữ chỉ âm thanh để bạn đoán, ví dụ: róc rách, rì rào, xào xạc, líu lo, lộp độp, ào ào.	- HS tham gia trò chơi. - HS có thể nêu: róc rách là tiếng suối chảy; rì rào là tiếng gió thổi qua lá cây; xào xạc là tiếng lá khô; líu lo là tiếng chim hót; lộp độp là tiếng mưa rơi trên mái; ào ào là tiếng gió mạnh hoặc tiếng nước chảy.
- GV nhận xét, dẫn dắt: Âm thanh giúp cuộc sống trở nên sinh động. Nhưng có những bạn nhỏ không thể nghe hoặc nghe rất khó. Bài thơ hôm nay sẽ giúp các em hiểu một lớp học đặc biệt, nơi cô giáo gieo vào tâm hồn học trò những âm thanh của sự sống.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài đọc.
- GV ghi tên bài: Tiếng hạt nảy mầm.	- HS ghi tên bài vào vở.
2. Khám phá: Hoạt động luyện đọc (15 phút) Mục tiêu: HS đọc đúng, đọc diễn cảm bài thơ; biết ngắt nhịp, nhấn giọng phù hợp và hiểu nghĩa một số từ khó.	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Cách tiến hành:	
<p>- GV yêu cầu HS quan sát tranh minh họa và đọc thầm tên bài thơ trong SGK.</p>  <p>Tuần 3</p> <p>Bài 5 TIẾNG HẠT NẢY MẦM</p> <p>ĐỌC</p> <p>Chơi trò chơi: Nghe từ ngữ, đoán âm thanh.</p> <p>Cách chơi: Một bạn nêu từ ngữ chỉ âm thanh, một bạn đoán đó là âm thanh của sự vật, hiện tượng nào.</p> <p>Mô tả: từ tách → tiếng mưa rơi.</p> <p>TIẾNG HẠT NẢY MẦM</p> <p>Mắt sáng, nhìn lên bằng Lớp bụi nư môi hồng Đôi tay cô cup mở Bảo từng búng thanh âm.</p> <p>Cánh sẽ vụt qua song Hót nắng vàng ánh ỏi Các bé vùn lạng chăm Nhìn theo cô mấp máy.</p> <p>Sau ngón tay cô đây Là tiếng hạt nảy mầm Tiếng lá động trong vườn Tiếng sớm mai mẹ gọi.</p> <p>Tiếng cuộc đời sâu vơi Con tàu biển buồm neo Ngôi sao mọc rừng chiều Vỏ ngựa ran vách đá.</p> <p>Bao nghĩ suy vất vả Trong mắt người lo toan Để từng âm có nghĩa Bật lên từ môi em.</p> <p>Nghe cánh vỗ chim non Trước điệu kì tiếng hót Giữa hồn nhiên lớp học Ai nư cười rưng rưng.</p> <p>(Tô Hào)</p>	<p>- HS quan sát tranh, đọc thầm tên bài thơ và nêu nhận xét ban đầu về lớp học trong tranh.</p>
<p>- GV mời 1 - 2 HS nhận xét tranh minh họa: Lớp học có gì đặc biệt? Cô giáo và các bạn nhỏ đang làm gì?</p>	<p>- HS nhận xét: Tranh vẽ một lớp học yên tĩnh; các bạn nhỏ chăm chú nhìn cô giáo; cô giáo dùng nét mặt, cử chỉ, bàn tay để giúp học sinh hiểu bài.</p>
<p>- GV đọc mẫu toàn bài thơ với giọng nhẹ nhàng, xúc động; nhấn giọng ở những từ ngữ gợi cảm xúc và hình ảnh: im lặng, âm thanh, hạt nảy mầm, tiếng cuộc đời, nghe bằng mắt, nghe bằng tim.</p>	<p>- HS lắng nghe GV đọc mẫu, theo dõi bài thơ trong SGK.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: băng khuâng, cup mở, rì rào, rộn ràng, khiêm thính, hạt nảy mầm.</p>	<p>- HS luyện đọc từ khó theo hướng dẫn, sửa lỗi phát âm cho nhau.</p>
<p>- GV bổ sung luyện đọc các từ dễ phát âm sai: nư môi hồng, nắng vàng, lạng chăm, nảy mầm, vách đá, lo toan, ánh ỏi, ran vách đá.</p>	<p>- HS luyện đọc các từ khó, chú ý đọc rõ tiếng, không nuốt âm cuối.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS ngắt nhịp một số dòng thơ, đọc chậm ở những dòng gợi cảm xúc, đọc tha thiết ở những dòng nói về tình yêu thương của cô giáo.</p>	<p>- HS luyện đọc từng dòng thơ, chú ý ngắt nhịp và nhấn giọng phù hợp.</p>
<p>- GV hướng dẫn đọc diễn cảm: đọc nhấn ở các từ tung búng, vụt qua song, ánh ỏi, ran vách đá; đọc chậm, xúc động ở những dòng nói về cô giáo.</p>	<p>- HS luyện đọc diễn cảm theo hướng dẫn, biết thay đổi giọng đọc giữa lời thơ nói về học sinh và lời thơ nói về cô giáo.</p>
<p>- GV chia bài thơ thành các khổ thơ và tổ chức cho HS đọc nối tiếp theo khổ.</p>	<p>- HS đọc nối tiếp từng khổ thơ trước lớp; các bạn nhận xét về giọng đọc, cách ngắt nghỉ.</p>
<p>- GV hướng dẫn giải nghĩa từ: khiêm thính là mất khả năng nghe hoặc nghe kém; băng khuâng là cảm giác xao xuyến, khó tả; nảy mầm là bắt đầu mọc lên từ hạt.</p>	<p>- HS lắng nghe, nhắc lại nghĩa từ và đặt câu ngắn nếu được yêu cầu.</p>
<p>- GV giải nghĩa thêm: ánh ỏi là tiếng, giọng ngân vang, lảnh lót; lạng chăm là im lặng và chăm chú;</p>	<p>- HS lắng nghe, nhắc lại nghĩa từ và biết dùng từ trong ngữ cảnh đơn giản.</p>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
tưng bừng là quang cảnh, không khí nhộn nhịp, vui vẻ.	
- GV tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm đôi, nhắc HS đọc rõ ràng, truyền cảm, không đọc quá nhanh.	- HS luyện đọc theo nhóm đôi, góp ý cho bạn về phát âm, nhịp đọc và giọng đọc.
3. Luyện tập: Hoạt động đọc hiểu (20 phút) Mục tiêu: HS trả lời được các câu hỏi đọc hiểu; hiểu tình cảm của cô giáo, các bạn học sinh và ý nghĩa của bài thơ. Mục tiêu tích hợp: HS biết nâng niu sự sống, chăm sóc cây xanh, yêu thương bạn có hoàn cảnh đặc biệt; biết sử dụng nước tiết kiệm khi chăm sóc cây. CÁCH TIẾN HÀNH:	
- GV yêu cầu HS đọc thầm lại bài thơ và quan sát các câu hỏi đọc hiểu trong SGK. <div>  <p>1. Ở khổ thơ thứ nhất, chi tiết nào giúp em nhận ra đây là lớp học của trẻ khiếm thính (mất khả năng nghe hoặc nghe kém)?</p> <p>2. Theo em, những khó khăn, thiệt thòi của các bạn học sinh trong bài thơ là gì?</p> <p>3. Cô giáo đã gọi lên trong tâm trí học trò những hình ảnh và âm thanh nào của cuộc sống?</p> <p>4. Những chi tiết nào cho thấy các bạn học sinh rất chăm chú? Vì sao giờ học của cô giáo cuốn hút được các bạn?</p> </div>	- HS đọc thầm bài thơ, quan sát câu hỏi và chuẩn bị trả lời.
Câu 1. Ở khổ thơ thứ nhất, chi tiết nào giúp em nhận ra đây là lớp học của trẻ khiếm thính (mất khả năng nghe hoặc nghe kém)?	
- GV hướng dẫn HS đọc lại khổ thơ thứ nhất, tìm những chi tiết nói về sự im lặng và cách các bạn học sinh tiếp nhận âm thanh trong giờ học.	- HS đọc lại khổ thơ thứ nhất, gạch dưới chi tiết cần tìm.
- GV gợi ý HS lập bảng hai cột Học sinh - Cô giáo để tìm chi tiết: học sinh “mắt sáng nhìn lên bảng”, lớp “môi nụ mơ hồng”; cô giáo “đôi tay cup mở” để gọi âm thanh.	- HS ghi nhanh chi tiết vào nháp, chuẩn bị nêu bằng câu đầy đủ.
- GV mời 1 - 2 HS trình bày câu trả lời trước lớp.	- HS trình bày: Chi tiết giúp em nhận ra đây là lớp học của trẻ khiếm thính là lớp học rất im lặng, các bạn không nghe âm thanh bằng tai như bình thường mà cảm nhận bằng ánh mắt, cử chỉ, nét mặt và sự hướng dẫn của cô giáo.
- GV chốt câu trả lời: Đây là một lớp học đặc biệt, nơi các bạn học sinh gặp khó khăn về thính giác nhưng vẫn chăm chú học tập và cảm nhận cuộc sống bằng nhiều giác quan khác.	- HS lắng nghe, ghi nhớ.
- GV giảng giải thêm: Bằng những động tác khéo léo của đôi bàn tay, cô giáo đã gọi lên trong tâm trí học sinh những hình ảnh và âm thanh của cuộc sống theo cách cảm nhận riêng của các bạn.	- HS lắng nghe, hiểu thêm cách cô giáo dạy học sinh khiếm thính.
Câu 2. Theo em, những khó khăn, thiệt thòi của các bạn học sinh trong bài thơ là gì?	
- GV gợi ý HS suy nghĩ: Nếu không nghe rõ hoặc không nghe được, các bạn nhỏ sẽ gặp khó khăn gì trong học tập, giao tiếp và cảm nhận cuộc sống?	- HS suy nghĩ cá nhân, trao đổi nhanh với bạn bên cạnh.
- GV mời HS trình bày, khuyến khích HS nói bằng sự cảm thông.	- HS trình bày: Các bạn khó nghe tiếng nói của cô giáo, bạn bè và người thân; khó cảm nhận tiếng

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	chim hót, tiếng mưa, tiếng gió, tiếng hạt nảy mầm; việc học, giao tiếp và vui chơi cũng vất vả hơn các bạn khác. Vì vậy, các bạn cần được yêu thương, hỗ trợ và tôn trọng.
- GV chốt: Khó khăn của các bạn là không thể hoặc khó tiếp nhận âm thanh bằng tai; thiết thòi là các bạn phải cố gắng nhiều hơn để hiểu lời nói, học tập và cảm nhận thế giới xung quanh.	- HS lắng nghe, ghi nhớ.
- GV giúp HS hình dung thêm: Các bạn khiếm thính nặng phải học rất vất vả để kết nối hình ảnh, kí hiệu, khẩu hình với chữ viết và ý nghĩa của bài học.	- HS lắng nghe, biết cảm thông hơn với những bạn gặp khó khăn về nghe, nói.
Câu 3. Cô giáo đã gieo vào tâm trí học trò những hình ảnh và âm thanh nào của cuộc sống?	
- GV hướng dẫn HS tìm các hình ảnh, âm thanh được nhắc tới trong bài thơ, chú ý những từ ngữ gợi sự sống đang sinh sôi.	- HS đọc lại các khổ thơ liên quan và chuẩn bị câu trả lời.
- GV mời HS trình bày kết quả.	- HS trình bày: Cô giáo đã giúp các bạn học sinh cảm nhận nhiều hình ảnh và âm thanh rộn rã của cuộc sống: - Tiếng cánh chim sẻ vụt qua song cửa, hót ánh ỏi trong nắng vàng. - Tiếng hạt cây tách vỏ, nảy mầm, bật dậy từ đất. - Tiếng lá động trong vườn vì những cơn gió thổi qua. - Tiếng mẹ gọi dậy mỗi buổi sớm mai. - Tiếng tàu biển buông neo. - Tiếng vó ngựa khua ran vách đá. - Ngôi sao mọc khi chiều buông, đêm xuống.
- GV chốt: Cô giáo không chỉ dạy chữ mà còn giúp học trò cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên, của sự sống và của tình yêu thương.	- HS lắng nghe, ghi nhớ.
- GV nhấn mạnh: Dựa vào lời thơ, người đọc tưởng tượng được cả hình ảnh và âm thanh sống dậy trong tâm trí học trò, dù các bạn không nghe được bằng tai như chúng ta.	- HS lắng nghe, thấy được sức gợi cảm của hình ảnh thơ và sự kì diệu của cách cô giáo dạy học.
Câu 4. Những chi tiết nào cho thấy các bạn học sinh rất chăm chú? Vì sao giờ học của cô giáo cuốn hút được các bạn?	
- GV yêu cầu HS tìm chi tiết thể hiện ánh mắt, thái độ học tập và cảm xúc của các bạn trong giờ học.	- HS đọc thầm lại bài thơ, tìm chi tiết và trao đổi theo nhóm đôi.
- GV mời đại diện nhóm trình bày.	- HS trình bày: Các chi tiết “Mắt sáng nhìn lên bảng”, “Các bé vẫn lặng chăm/ Nhìn theo cô mấp máy” cho thấy các bạn học sinh rất chăm chú, tích cực. Giờ học của cô cuốn hút các bạn vì phương pháp dạy của cô sinh động, giàu yêu thương; cô dùng nét mặt, bàn tay, cử chỉ và hình ảnh để giúp các bạn cảm nhận cuộc sống từng bừng âm thanh theo cách riêng.
- GV nhận xét, khen HS biết dựa vào chi tiết thơ để lí giải.	- HS lắng nghe, bổ sung nếu cần.
Câu 5. Em có suy nghĩ gì về cô giáo lớp học đặc	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
biệt này qua 2 khổ thơ cuối?	
- GV gợi ý HS nêu suy nghĩ về tình yêu thương, sự tận tụy, kiên trì và sáng tạo của cô giáo.	- HS suy nghĩ cá nhân, chuẩn bị phát biểu.
- GV mời HS phát biểu suy nghĩ.	- HS phát biểu: Em thấy cô giáo rất yêu thương học trò, tận tụy, kiên trì và sáng tạo. Cô đã giúp các bạn khiếm thính cảm nhận âm thanh, cảm nhận sự sống và thấy mình không bị bỏ lại phía sau. Em rất kính trọng và biết ơn cô giáo trong bài thơ.
- GV mời HS nêu nội dung bài thơ bằng 1 - 2 câu.	- HS nêu: Bài thơ viết về một lớp học đặc biệt, ca ngợi tình yêu thương, sự tận tâm và cách dạy học sáng tạo của cô giáo dành cho học sinh khiếm thính.
- GV đặt câu hỏi tích hợp: Qua bài thơ, em học được điều gì về cách yêu thương, tôn trọng và giúp đỡ những bạn gặp khó khăn trong học tập, giao tiếp? Khi chăm sóc một hạt mầm ở lớp hoặc ở nhà, em cần làm gì để cây lớn lên mà không lãng phí nước sạch?	- HS trình bày: Em cần quan tâm, không trêu chọc, không xa lánh bạn gặp khó khăn; biết kiên nhẫn lắng nghe, giúp bạn khi bạn cần. Khi chăm cây, em tưới nước vừa đủ, dùng bình tưới nhỏ, không mở vòi nước chảy liên tục và nhắc bạn cùng bảo vệ nguồn nước sạch.
- GV diễn giải tích hợp: Hạt mầm muốn lớn cần đất, nước, ánh sáng và sự chăm sóc bền bỉ. Con người cũng vậy, nhất là những bạn gặp khó khăn về thính giác, giao tiếp hoặc học tập càng cần được yêu thương, kiên trì hỗ trợ và tôn trọng. Cô giáo trong bài thơ đã dùng tình yêu nghề, sự nhẫn nại và cách dạy phù hợp để giúp các bạn cảm nhận âm thanh của cuộc sống bằng đôi mắt, bàn tay và trái tim. Từ hình ảnh hạt mầm, GV nhấn mạnh cho HS: chăm sóc sự sống phải đi đôi với tiết kiệm nước; khi tưới cây cần quan sát đất khô hay ẩm, tưới lượng vừa đủ, tận dụng nước sạch hợp lý, không nghịch nước, không xả rác xuống nguồn nước. Yêu thiên nhiên bắt đầu từ những việc nhỏ như chăm một chậu cây, giữ nước sạch và biết nâng niu những điều còn non yếu quanh mình.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung tích hợp và nêu việc làm cụ thể: biết yêu thương bạn, chăm sóc cây xanh, sử dụng nước tiết kiệm.
- GV chốt nội dung giáo dục: Bài thơ giúp chúng ta biết nâng niu sự sống, trân trọng tình yêu thương của thầy cô và biết tiết kiệm, bảo vệ nguồn nước trong những việc làm hằng ngày.	- HS lắng nghe, ghi nhớ.
4. Vận dụng - Trải nghiệm: Luyện đọc lại, học thuộc lòng (5 phút) Mục tiêu: HS luyện đọc diễn cảm, học thuộc lòng một số khổ thơ và nêu cảm nhận sau bài học. Cách tiến hành:	
- GV chọn 1 - 2 khổ thơ giàu cảm xúc, hướng dẫn HS luyện đọc diễn cảm.	- HS luyện đọc cá nhân, nhóm đôi; một số HS đọc trước lớp.
- GV yêu cầu HS chọn khổ thơ mình thích để học thuộc lòng.	- HS nhắm học thuộc lòng khổ thơ yêu thích.
- GV tổ chức thi đọc thuộc lòng; khuyến khích HS đọc với giọng nhẹ nhàng, xúc động, thể hiện tình cảm với cô giáo và các bạn trong lớp học đặc biệt.	- HS xung phong đọc thuộc lòng; cả lớp lắng nghe, nhận xét và bình chọn bạn đọc diễn cảm.
- GV mời HS chia sẻ một điều em nhớ nhất sau khi học bài thơ.	- HS chia sẻ: Em nhớ hình ảnh cô giáo gieo âm thanh vào tâm trí học trò; em học được cách yêu thương bạn có hoàn cảnh đặc biệt; em biết chăm sóc cây và tiết kiệm nước.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị tiết Luyện từ và câu: Luyện tập về đại từ.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Năng lực đặc thù**

- Củng cố kiến thức về đại từ; nhận biết được đại từ xưng hô, đại từ thay thế và đại từ nghi vấn trong câu, đoạn văn.
- Biết xác định thái độ của người nói qua cách dùng từ xưng hô; biết chọn đại từ thay thế phù hợp với ngữ cảnh.
- Vận dụng kiến thức về đại từ để diễn đạt câu văn rõ ràng, tránh lặp từ và phù hợp quan hệ giao tiếp.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự đọc yêu cầu bài tập, tự hoàn thành phần luyện tập cá nhân.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm, thống nhất đáp án, nhận xét bài làm của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn đại từ phù hợp để thay thế từ ngữ trong câu và giải thích được lí do lựa chọn.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực làm bài, tham gia thảo luận và sửa bài.
- Trung thực: tự làm bài, nhận xét đáp án của bạn khách quan.
- Trách nhiệm: sử dụng từ xưng hô lịch sự, phù hợp khi giao tiếp.

4. Tích hợp

- NLS: 1.2.CB2a - HS xem video quá trình hạt nảy mầm, nhận biết kênh giáo dục tin cậy.

II. NỘI DUNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5 tập một; nội dung bài Luyện tập về đại từ được phóng to hoặc trình chiếu.
- Phiếu bài tập, thẻ từ ghi các đại từ: đó, ấy, thế, vậy, này; bảng nhóm, bút dạ.
- Máy tính, ti vi/máy chiếu có kết nối Internet để GV hướng dẫn xem video hạt nảy mầm từ kênh giáo dục tin cậy.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Ôn lại kiến thức về đại từ đã học, tạo hứng thú vào tiết luyện tập. Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Vườn hoa của em”. GV nêu câu hỏi 1: Đại từ là gì?	- HS tham gia trò chơi và trả lời: Đại từ là từ dùng để xưng hô, để hỏi hoặc để thay thế cho từ ngữ khác trong câu nhằm tránh lặp từ và làm câu văn gọn hơn.
- GV nêu câu hỏi 2: Tìm đại từ trong đoạn thơ “Cho tôi đi làm mưa với/ Chị gió ơi chị gió ơi/ Tôi muốn cây được xanh lá/ Hoa lá được tốt tươi”.	- HS trả lời: Các đại từ trong đoạn thơ là tôi, chị.
- GV nêu câu hỏi 3: Tìm đại từ trong câu thơ “Cái cò, cái vạc, cái nông,/ Sao mây giầm lúa nhà ông, hỡi cò?”.	- HS trả lời: Các đại từ trong câu thơ là mây, ông.
- GV nêu câu hỏi 4: Tìm đại từ trong đoạn thơ “Trái đất này là của chúng mình/ Quả bóng xanh bay giữa trời xanh...”.	- HS trả lời: Các đại từ trong đoạn thơ là này, chúng mình.
- GV yêu cầu HS lấy ví dụ về đại từ xưng hô, đại từ thay thế và đại từ nghi vấn.	- HS nêu ví dụ: tôi, chúng tôi, cậu, chúng ta; đó, ấy, thế, vậy, này; ai, gì, sao, bao giờ, đâu, mấy.
- GV nhận xét, dẫn vào bài: Hôm nay, các em luyện tập dùng đại từ trong các ngữ cảnh cụ thể.	- HS lắng nghe, chuẩn bị học bài.
2. Khám phá (7 phút) Mục tiêu: HS nhắc lại được các nhóm đại từ cần luyện tập. Cách tiến hành:	
- GV hệ thống nhanh: Đại từ xưng hô cho biết vai	- HS theo dõi, nhắc lại các nhóm đại từ.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
giao tiếp; đại từ thay thế giúp tránh lặp từ; đại từ nghi vấn dùng để hỏi về người, sự vật, số lượng, thời gian, địa điểm, nguyên nhân.	
- GV yêu cầu HS đọc thầm các yêu cầu bài tập trong SGK và xác định bài nào luyện đại từ xưng hô, bài nào luyện đại từ thay thế, bài nào luyện đại từ nghi vấn.	- HS xác định: Bài 1 luyện đại từ xưng hô; Bài 2 luyện đại từ thay thế; Bài 3 luyện đại từ nghi vấn.
3. Luyện tập (25 phút) Mục tiêu: HS làm đúng các bài tập về đại từ, biết giải thích cách dùng đại từ trong ngữ cảnh. Mục tiêu tích hợp: HS biết dùng video/học liệu số về quá trình hạt nảy mầm từ kênh giáo dục tin cậy, không tùy tiện xem hoặc chia sẻ nguồn thiếu kiểm chứng. CÁCH TIẾN HÀNH:	
Bài 1. Tìm các từ dùng để xưng hô trong mỗi đoạn dưới đây. Nhận xét về thái độ của người nói qua các từ đó. <p>giờ học của cô giáo cuốn hút được các bạn? 5. Em có suy nghĩ gì về cô giáo của lớp học đặc biệt này qua 2 khổ thơ cuối? * Học thuộc lòng bài thơ.</p> <p>LUYỆN TỪ VÀ CÂU</p> <p>LUYỆN TẬP VỀ ĐẠI TỪ</p> <p>1. Tìm các từ dùng để xưng hô trong mỗi đoạn dưới đây. Nhận xét về thái độ của người nói qua các từ đó.</p> <p>a. Trông thấy tôi theo mẹ vào đến cổng, bà buông cái chổi, chạy ra nắm tay tôi. - Cu Dung lớn gan này rồi ư? [...] Bà xằng xái xuống bếp lấy dao ra vườn chặt mía đem vào. - Mía ngọt lắm, mẹ con ăn đi cho đỡ khát. Bà rót, bà tiên, bà ché từng khẩu mía đưa cho tôi: - Ăn đi! Cháu ăn đi! Răng bà yếu rồi, bà chắt nhai được đâu. (Theo Vũ Tú Nam)</p> <p>b. Cảnh cam vùng chạy, nhón nhác tìm lối thoát. Chuột cống cười phá lên: - Ha ha! Ta đã cho bịt kín tất cả lối ra vào. Nhà người chó có nhọc công vô ích! Tất cả các người đã trở thành nô lệ của ta. Dưới cống này, ta là chúa tể, các người không biết sao? (Vũ Tú Nam)</p>	
- GV hướng dẫn HS làm bài: đọc từng đoạn, gạch dưới từ dùng để xưng hô, sau đó nhận xét thái độ của người nói.	- HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi nhóm đôi để thống nhất câu trả lời.
- GV mời HS trình bày kết quả Bài 1.	- HS trình bày: a. Từ xưng hô có trong đoạn là: tôi, mẹ nó, bà, cậu Định. Cách xưng hô thể hiện thái độ thân mật, gần gũi, triu mến và yêu thương. b. Từ xưng hô có trong đoạn là: chàng, tôi, ta, nhà người, các người. Ban đầu lời nói thể hiện sự cảm tạ, lịch sự; sau đó cách xưng ta - nhà người, các người thể hiện thái độ kiêu căng, coi thường người khác.
- GV chốt: Cùng là từ xưng hô nhưng cách dùng có thể thể hiện sự thân mật, kính trọng, lịch sự hoặc kiêu căng, coi thường. Khi giao tiếp, các em cần chọn từ xưng hô phù hợp.	- HS lắng nghe, ghi nhớ.
- GV nhấn mạnh: Từ xưng hô thường thể hiện thái độ, thứ bậc, tuổi tác và quan hệ giữa người nói với người nghe.	- HS lắng nghe, ghi nhớ khi giao tiếp cần dùng từ xưng hô lịch sự, nhã nhặn, phù hợp với hoàn cảnh.
Bài 2. Chọn các đại từ thay thế thích hợp với mỗi bông hoa và cho biết chúng được dùng để thay thế cho từ ngữ nào.	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS										
<p>2. Chọn các đại từ thay thế thích hợp với mỗi bông hoa và cho biết chúng được dùng để thay cho từ ngữ nào.</p> <p>đó ấy thế vậy này</p> <p>a. Cô dạy mình động tác bơi ếch. Động tác đó thật lạ. b. Cây lạc tiên ra quả quanh năm. Vì ấy, con đường luôn phẳng phất mùi lạc tiên chín. c. Mây đen đã kéo đến đầy trời. Nhưng bọn trẻ chẳng chú ý đến điều đó.</p> <p>3. Tìm đại từ nghi vấn trong các câu dưới đây và xác định mục đích sử dụng tương ứng với mỗi đại từ đó.</p> <table border="1"> <tbody> <tr> <td>a. Anh muốn gặp ai?</td><td>(1) Hỏi về số lượng</td></tr> <tr> <td>b. Sao con về muộn thế?</td><td>(2) Hỏi về người</td></tr> <tr> <td>c. Bạn làm được mấy bài tập rồi?</td><td>(3) Hỏi về thời gian</td></tr> <tr> <td>d. Bao giờ cháu về quê?</td><td>(4) Hỏi về địa điểm</td></tr> <tr> <td>e. Nó ngồi ở đâu?</td><td>(5) Hỏi về nguyên nhân</td></tr> </tbody> </table>	a. Anh muốn gặp ai?	(1) Hỏi về số lượng	b. Sao con về muộn thế?	(2) Hỏi về người	c. Bạn làm được mấy bài tập rồi?	(3) Hỏi về thời gian	d. Bao giờ cháu về quê?	(4) Hỏi về địa điểm	e. Nó ngồi ở đâu?	(5) Hỏi về nguyên nhân	
a. Anh muốn gặp ai?	(1) Hỏi về số lượng										
b. Sao con về muộn thế?	(2) Hỏi về người										
c. Bạn làm được mấy bài tập rồi?	(3) Hỏi về thời gian										
d. Bao giờ cháu về quê?	(4) Hỏi về địa điểm										
e. Nó ngồi ở đâu?	(5) Hỏi về nguyên nhân										
- GV yêu cầu HS đọc các đại từ trong bông hoa: đó, ấy, thế, vậy, này; đọc từng câu và xác định từ ngữ cần thay thế.	- HS đọc yêu cầu, làm bài cá nhân vào vở.										
- GV mời HS trình bày kết quả Bài 2.	- HS trình bày: a. Động tác ấy thật lạ. Từ ấy thay cho động tác bơi ếch. b. Vậy , con đường luôn phẳng phất mùi lạc tiên chín. Từ vậy thay cho việc cây lạc tiên ra quả quanh năm. c. Nhưng bọn trẻ chẳng chú ý đến điều đó . Từ đó thay cho việc mây đen đã kéo đến đầy trời.										
- GV chốt: Đại từ thay thế giúp câu văn tránh lặp từ ngữ đã xuất hiện trước đó. Khi chọn đại từ, cần đọc cả câu trước và câu sau để bảo đảm phù hợp ngữ cảnh.	- HS lắng nghe, ghi nhớ.										
Bài 3. Tìm đại từ nghi vấn trong các câu dưới đây và xác định mục đích sử dụng tương ứng với mỗi đại từ đó.											
- GV hướng dẫn HS làm theo hai bước: tìm đại từ nghi vấn trong mỗi câu; nối đại từ với mục đích hỏi tương ứng.	- HS làm việc nhóm đôi, đối chiếu đáp án với bạn.										
- GV mời HS trình bày kết quả Bài 3.	- HS trình bày: a. ai - hỏi về người. b. Sao - hỏi về nguyên nhân. c. mấy - hỏi về số lượng. d. Bao giờ - hỏi về thời gian. e. đâu - hỏi về địa điểm.										
- GV nhận xét, yêu cầu HS đặt thêm một câu có đại từ nghi vấn.	- HS đặt câu: Ai trực nhật hôm nay? Vì sao cây non cần nước? Bao giờ lớp mình trồng cây?										
- GV hướng dẫn tích hợp NLS: GV giới thiệu rõ công cụ có thể sử dụng là YouTube/YouTube Kids, Google Search và các kênh học liệu giáo dục tin cậy như VTV7, NXB Giáo dục Việt Nam hoặc kênh của nhà trường. GV hướng dẫn HS thao tác cụ thể: (1) gõ từ khóa ngắn gọn như “quá trình hạt nảy mầm lớp 5” hoặc “time-lapse hạt nảy mầm”; (2) quan sát tên kênh, biểu tượng kênh, tiêu đề video và thời lượng video; (3) ưu tiên video có nội dung khoa học, hình ảnh rõ, lời thuyết minh lịch sự, phù hợp lứa tuổi; (4) không bấm vào video giật gân, quảng cáo lạ hoặc bình luận không phù hợp; (5) sau	- HS thực hiện theo hướng dẫn: nêu tên công cụ có thể dùng, nêu từ khóa tìm kiếm, nêu tiêu chí chọn video tin cậy và ghi lại thông tin học được về hạt nảy mầm.										

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>khi xem, ghi lại 2 - 3 thông tin đúng về điều kiện để hạt nảy mầm. GV nhắc HS chỉ thực hiện khi có sự cho phép của GV hoặc người lớn, sử dụng thiết bị đúng thời gian, đúng mục đích học tập.</p> <p>- GV chốt nội dung tích hợp NLS: Công cụ số giúp chúng ta quan sát những quá trình khó thấy bằng mắt thường như hạt tách vỏ, ra rễ, nhú mầm và phát triển thành cây con. Tuy nhiên, người học phải biết chọn nguồn học liệu đáng tin cậy, biết đọc - xem có chọn lọc, biết kiểm chứng thông tin và biết tự bảo vệ mình khi học trên môi trường số. Xem video học tập không phải để giải trí tùy tiện mà để hiểu bài sâu hơn, biết vận dụng kiến thức vào chăm sóc cây xanh ở gia đình, trường lớp.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ: sử dụng video/học liệu số đúng mục đích, chọn nguồn tin cậy, không chia sẻ nguồn chưa kiểm chứng.</p>
<p>4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đại từ vào nói, viết. Cách tiến hành:</p>	
- GV yêu cầu HS viết nhanh 2 câu về cây mầm, trong đó có sử dụng ít nhất một đại từ thay thế hoặc đại từ nghi vấn.	- HS viết câu: Cây mầm mới nhú lên. Nó cần nước và ánh sáng để lớn nhanh. Vì sao em cần tưới nước vừa đủ cho cây?
- GV mời một số HS đọc câu, nhận xét cách dùng đại từ.	- HS đọc câu của mình; các bạn nhận xét và góp ý.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị tiết Viết: Đánh giá, chỉnh sửa bài văn kể chuyện sáng tạo.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

uigeli.xyz

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT 5

CHỦ ĐIỂM: THẾ GIỚI TUỔI THƠ

TUẦN 3

BÀI 5: TIẾNG HẠT NẢY MẦM

TIẾT 3: VIẾT - ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Biết lắng nghe nhận xét chung của GV về bài văn kể chuyện sáng tạo đã viết.
- Biết tự đọc lại bài viết, nhận ra ưu điểm và hạn chế trong cách mở bài, kết bài, lựa chọn chi tiết sáng tạo và cách dùng từ ngữ.
- Biết trao đổi bài với bạn để học tập ưu điểm, phát hiện lỗi và sửa lỗi trong bài; viết lại được một đoạn văn cho hay hơn.
- Biết ghi vào sổ tay những điều học được về cách viết bài văn kể lại câu chuyện với chi tiết sáng tạo.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự rà soát bài viết theo nhận xét của GV, tự lựa chọn lỗi cần sửa.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi bài với bạn, góp ý lịch sự, tiếp thu góp ý phù hợp.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: điều chỉnh chi tiết sáng tạo, từ ngữ và cách diễn đạt để bài văn sinh động hơn.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: nghiêm túc đọc lại bài, sửa bài, viết lại đoạn văn.
- Trung thực: nhìn nhận đúng ưu điểm, hạn chế trong bài viết của mình.
- Trách nhiệm: giữ gìn bài của bạn, góp ý chân thành, không chê bai làm bạn mất tự tin.

4. Tích hợp

- AI: 5.A2.2 - Tìm hiểu AI giám sát độ ẩm, ánh sáng giúp hạt mầm phát triển tốt trong nông nghiệp thông minh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bài viết của HS đã được GV nhận xét; bảng tiêu chí đánh giá, phiếu tự sửa lỗi.
- SGK Tiếng Việt 5 tập một; phần Đánh giá, chỉnh sửa bài văn kể chuyện sáng tạo được cắt, chèn đúng vị trí.
- Máy tính, ti vi/máy chiếu; hình ảnh minh họa về hạt mầm và công nghệ AI trong nông nghiệp thông minh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo tâm thế tích cực khi nhận xét, chỉnh sửa bài viết; giúp HS hiểu sửa bài là bước làm cho bài văn hay hơn. Cách tiến hành:	
- GV nêu vấn đề: Một bài văn hay không chỉ được viết một lần là xong. Người viết cần đọc lại, nhận ra ưu điểm, sửa lỗi và làm cho câu chuyện sinh động hơn.	- HS lắng nghe, chuẩn bị tâm thế sửa bài tích cực.
- GV hỏi: Khi đọc lại bài văn kể chuyện sáng tạo, em cần chú ý những điểm nào?	- HS trả lời: Em cần chú ý mở bài, kết bài, các chi tiết sáng tạo, lời kể, cách dùng từ, lỗi chính tả, lỗi câu và cách trình bày.
- GV đặt thêm câu hỏi gợi mở: Em gặp khó khăn gì khi viết bài văn kể chuyện sáng tạo? Em tự đánh giá bài làm của mình ở mức nào? Em rút ra kinh nghiệm gì sau khi trao đổi bài với bạn?	- HS trả lời: Em còn khó khi chọn chi tiết sáng tạo, viết kết bài và dùng lời thoại; em tự đánh giá bài ở mức hoàn thành; em rút kinh nghiệm cần đọc lại bài, sửa lỗi chính tả và chọn chi tiết hợp lí.
- GV giới thiệu bài học: Tiết học hôm nay giúp các em đánh giá và chỉnh sửa bài văn kể chuyện sáng tạo đã viết.	- HS ghi tên bài vào vở.
2. Khám phá: Nghe nhận xét chung (8 phút) Mục tiêu: HS nắm được ưu điểm chung và lỗi thường gặp trong bài viết của lớp. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát nội dung trong SGK.	- HS quan sát phần Đánh giá, chỉnh sửa bài văn kể

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
 <p>ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nghe thầy cô giáo nhận xét chung. 2. Đọc lại bài làm của em và nhận xét của thầy cô để biết ưu điểm và hạn chế trong bài. 3. Trao đổi bài làm với bạn để học tập các ưu điểm trong bài của bạn. 4. Sửa lỗi trong bài (nếu có) hoặc viết lại một đoạn cho hay hơn. <p>Cách viết mở bài, kết bài ấn tượng Cách lựa chọn và kể các chi tiết sáng tạo trong câu chuyện Cách sử dụng từ ngữ hay, sinh động</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ghi vào sổ tay những điều em học được về cách viết bài văn kể lại câu chuyện với các chi tiết sáng tạo. 2. Tìm đọc một bài thơ viết về trẻ em. 	<p>chuyện sáng tạo trong SGK.</p>
<p>1. Nghe thầy cô giáo nhận xét chung.</p>	
<p>- GV nhận xét chung bài viết của lớp theo các tiêu chí: cách viết mở bài, kết bài; cách lựa chọn và kể chi tiết sáng tạo; cách sử dụng từ ngữ hay, sinh động.</p>	<p>- HS lắng nghe nhận xét chung, không so sánh hoặc chê bài của bạn.</p>
<p>- GV nêu ưu điểm: nhiều bài có mở bài hấp dẫn, biết chọn chi tiết sáng tạo phù hợp, lời kể có cảm xúc, trình bày sạch đẹp.</p>	<p>- HS lắng nghe, tự đối chiếu với bài viết của mình.</p>
<p>- GV nêu hạn chế cần sửa: một số bài còn kể lan man, chi tiết sáng tạo chưa gắn với câu chuyện, dùng từ lặp, câu dài, mắc lỗi chính tả hoặc dấu câu.</p>	<p>- HS lắng nghe, đánh dấu vào bài những chỗ cần xem lại.</p>
<p>- GV có thể đọc 1 - 2 bài hoặc đoạn văn tốt để HS học tập cách sáng tạo chi tiết, cách dùng lời kể và cách thể hiện cảm xúc.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhanh ý hay có thể học tập nhưng không sao chép nguyên văn bài của bạn.</p>
<p>3. Luyện tập: Tự đánh giá và sửa bài (25 phút) Mục tiêu: HS biết đọc lại bài, trao đổi với bạn, sửa lỗi và viết lại đoạn văn cho hay hơn. Mục tiêu tích hợp: HS hiểu AI có thể hỗ trợ con người quan sát, giám sát điều kiện phát triển của cây trồng nhưng con người vẫn cần chủ động chăm sóc, lựa chọn và chịu trách nhiệm. Cách tiến hành:</p>	
<p>2. Đọc lại bài làm của em và nhận xét của thầy cô để biết ưu điểm và hạn chế trong bài.</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại bài theo trình tự: đọc toàn bài một lượt; xem lời nhận xét của GV; đánh dấu ưu điểm bằng dấu sao; gạch chân chỗ cần sửa.</p>	<p>- HS đọc lại bài của mình, xác định ưu điểm và hạn chế theo nhận xét của GV.</p>
<p>- GV yêu cầu HS tự ghi ngắn gọn vào phiếu: Bài của em tốt ở điểm nào? Em cần sửa điểm nào trước?</p>	<p>- HS ghi: Bài của em có mở bài tương đối hấp dẫn; em cần sửa lỗi lặp từ, bỏ sung chi tiết sáng tạo và viết lại đoạn kết cho rõ cảm xúc hơn.</p>
<p>3. Trao đổi bài làm với bạn để học tập các ưu điểm trong bài của bạn.</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS đổi bài theo nhóm đôi; khi góp ý phải lịch sự, nêu rõ một điểm em thích và một điểm bạn có thể sửa.</p>	<p>- HS đổi bài với bạn, đọc bài của bạn và góp ý bằng lời nói lịch sự.</p>
<p>- GV mời một số HS trình bày điều học được từ bài của bạn.</p>	<p>- HS trình bày: Em học được cách bạn mở bài bằng câu hỏi; em học được cách bạn thêm lời thoại cho nhân vật; em học được cách bạn dùng từ gợi tả để kể chi tiết sáng tạo.</p>
<p>- GV yêu cầu HS ghi lại ba nội dung sau khi góp ý: ý hay muốn học tập ở bạn; ý mình được bạn góp ý; một đoạn văn trước và sau khi chỉnh sửa.</p>	<p>- HS ghi chép vào vở/sổ tay, chuẩn bị sử dụng khi sửa bài.</p>
<p>4. Sửa lỗi trong bài (nếu có) hoặc viết lại một</p>	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
đoạn cho hay hơn.	
- GV hướng dẫn HS chọn một đoạn cần sửa: đoạn mở bài, đoạn có chi tiết sáng tạo hoặc đoạn kết bài.	- HS chọn đoạn cần sửa trong bài viết của mình.
- GV nhắc HS khi sửa đoạn văn cần giữ nội dung chính của câu chuyện, chỉ làm cho chi tiết sáng tạo hợp lí, lời kể mạch lạc và từ ngữ sinh động hơn.	- HS sửa bài hoặc viết lại một đoạn. Ví dụ: Em bổ sung lời thoại của nhân vật, thay từ lặp bằng từ phù hợp, thêm cảm xúc của người kể và sửa dấu câu.
- GV mời một số HS đọc đoạn đã sửa trước lớp.	- HS đọc đoạn đã sửa. Các bạn lắng nghe, nhận xét: đoạn văn đã rõ hơn, chi tiết sáng tạo hợp lí hơn, từ ngữ hay hơn.
- GV diễn giải tích hợp AI: GV nêu tên công cụ và tình huống cụ thể: trong nông nghiệp thông minh, con người có thể dùng cảm biến độ ẩm đất, cảm biến ánh sáng, camera quan sát cây trồng kết hợp phần mềm AI hoặc trợ lí AI như ChatGPT/Gemini/Copilot để phân tích dữ liệu và gợi ý cách chăm sóc cây. Ví dụ, cảm biến báo đất đang khô, AI có thể gợi ý cần tưới thêm nước; nếu cây thiếu sáng, hệ thống có thể nhắc chuyển cây đến nơi có ánh sáng phù hợp. GV hướng dẫn HS liên hệ với việc sửa bài văn: muốn bài viết tốt hơn cũng cần quan sát, phát hiện lỗi, nhận góp ý và điều chỉnh từng chút như chăm một hạt mầm. GV nhắc HS: khi dùng trợ lí AI để học, các em chỉ hỏi những câu phục vụ học tập như “Cây cần điều kiện gì để nảy mầm?” hoặc “Em cần lưu ý gì khi chăm cây?”, không nhập thông tin cá nhân, không chép nguyên câu trả lời của AI, phải đọc lại và diễn đạt bằng lời của mình.	- HS lắng nghe và liên hệ: AI có thể hỗ trợ nhắc tưới nước, theo dõi độ ẩm, ánh sáng cho cây; khi học tập, em có thể dùng trợ lí AI để tham khảo nhưng phải tự suy nghĩ, tự chỉnh sửa bài và không sao chép máy móc.
- GV chốt nội dung tích hợp AI: AI chỉ là công cụ hỗ trợ con người quan sát và ra quyết định nhanh hơn; kết quả cuối cùng vẫn phụ thuộc vào sự chăm chỉ, trách nhiệm và khả năng tự điều chỉnh của con người. Vì vậy, khi chăm cây hay sửa bài viết, HS cần kiên trì, trung thực nhận ra điểm chưa tốt, biết tiếp thu góp ý và hoàn thiện sản phẩm của mình.	- HS lắng nghe, ghi nhớ: dùng AI đúng mục đích, không phụ thuộc vào AI, biết tự sửa bài và chịu trách nhiệm với bài viết của mình.
4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút) Mục tiêu: HS ghi lại điều học được và chuẩn bị bài đọc tiếp theo. Cách tiến hành:	
1. Ghi vào sổ tay những điều em học được về cách viết bài văn kể lại câu chuyện với các chi tiết sáng tạo.	
- GV yêu cầu HS ghi 3 điều học được vào sổ tay.	- HS ghi: - Mở bài cần giới thiệu câu chuyện hấp dẫn. - Chi tiết sáng tạo phải hợp lí, không làm thay đổi ý nghĩa câu chuyện. - Cần dùng từ ngữ sinh động và sửa lỗi sau khi viết.
2. Tìm đọc một bài thơ viết về trẻ em.	
- GV giao nhiệm vụ về nhà: Tìm đọc một bài thơ viết về trẻ em để chuẩn bị cho tiết Đọc mở rộng.	- HS ghi nhiệm vụ vào vở, chuẩn bị bài thơ cho tiết sau.
- GV gợi ý nguồn tìm bài thơ: tủ sách lớp, thư viện trường, sách báo thiếu nhi hoặc một số tập thơ thiếu	- HS ghi gợi ý tìm đọc, lựa chọn một bài thơ phù hợp với lứa tuổi để chuẩn bị tiết sau.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>nhì quen thuộc như Góc sân và khoảng trời, Bầu trời trong quả trứng, Bài ca Trái Đất, Làm anh.</p> <p>- GV nhận xét tiết học, khen HS biết tiếp thu góp ý và sửa bài nghiêm túc.</p>	<p>- HS lắng nghe, tự đánh giá việc sửa bài của mình.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

uigeli.xyz
KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT 5
CHỦ ĐIỂM: THỂ GIỚI TUỔI THƠ
TUẦN 3
BÀI 6: NGÔI SAO SÂN CỎ
TIẾT 1 - 2: ĐỌC - NGÔI SAO SÂN CỎ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng và diễn cảm câu chuyện Ngôi sao sân cỏ; biết đọc phân biệt lời người kể chuyện và lời nhân vật.
- Nhận biết được thời gian, địa điểm, nhân vật, nhân vật chính và trình tự các sự việc trong câu chuyện.
- Hiểu được sự thay đổi trong nhận thức của nhân vật Việt: từ thích thể hiện cá nhân đến biết trân trọng tinh thần đồng đội.
- Luyện tập theo văn bản đọc: mở rộng từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động trong trận đấu bóng đá; biết đặt câu có dùng đại từ thay thế.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước văn bản, chuẩn bị câu trả lời, tự điều chỉnh cách đọc.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi với bạn về hành động của nhân vật, biết lắng nghe và phản hồi phù hợp.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: nhận xét tình huống trong câu chuyện, rút ra cách ứng xử khi tham gia hoạt động thể thao tập thể.

3. Phẩm chất

- Trung thực: biết chơi thể thao đúng luật, công bằng, không ích kỉ khi tham gia trò chơi.
- Nhân ái: biết tôn trọng bạn chơi, biết chia sẻ cơ hội và động viên đồng đội.
- Trách nhiệm: có ý thức bảo đảm an toàn, tôn trọng luật chơi và cổ vũ văn minh.

4. Tích hợp

- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục tinh thần trung thực, fair-play, tôn trọng luật chơi và biết cổ vũ văn minh.
- Quyền con người: Lòng ghép quyền được vui chơi, rèn luyện thể thao trong môi trường an toàn, bình đẳng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5 tập một; tranh minh họa câu chuyện Ngôi sao sân cỏ.
- Máy tính, ti vi/máy chiếu; hình SGK được cắt, chèn đúng dưới câu lệnh GV.
- Phiếu đọc hiểu theo 5 câu hỏi; bảng nhóm để ghi từ ngữ về bóng đá và câu có đại từ thay thế.
- Một số hình ảnh/video ngắn về tinh thần fair-play, làm việc đồng đội trong thể thao.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Kích hoạt vốn hiểu biết về thể thao, tạo hứng thú với câu chuyện về bóng đá. Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi: Kể nhanh tên các môn thể thao cá nhân và các môn thể thao đồng đội.	- HS tham gia trò chơi theo nhóm.
- GV yêu cầu mỗi nhóm ghi nhanh tên môn thể thao cá nhân và môn thể thao đồng đội trong 1 phút.	- HS ghi: - Môn thể thao cá nhân: chạy, bơi, cầu lông đơn, cờ vua, điền kinh, nhảy dây. - Môn thể thao đồng đội: bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, kéo co, tiếp sức, bóng ném.
- GV hỏi: Khi chơi thể thao đồng đội, điều gì quan trọng nhất?	- HS trả lời: Cần đoàn kết, phối hợp, chuyền bóng cho nhau, tôn trọng luật chơi, không ích kỉ, biết cổ vũ bạn.
- GV giới thiệu: Câu chuyện Ngôi sao sân cỏ sẽ giúp chúng ta hiểu vì sao trong thể thao, tài năng cá nhân cần đi cùng tinh thần đồng đội.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
- GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa trong SGK trang 31 và nêu: Các bạn đang ở đâu, đang làm gì, nét mặt các bạn gọi điều gì?	- HS quan sát tranh, trả lời: Các bạn đang chơi bóng trên sân; có bạn chạy theo bóng, có bạn cổ vũ; không khí trận đấu sôi nổi, có thể có hiểu lầm hoặc tình huống gay cấn.
2. Khám phá: Hoạt động luyện đọc (25 phút)	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>Mục tiêu: HS đọc đúng, đọc diễn cảm câu chuyện; biết đọc lời kể và lời nhân vật phù hợp.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS quan sát tranh minh họa, đọc thầm tên bài và dự đoán nội dung câu chuyện.</p>  <p>Bài 6 NGÔI SAO SÂN CỎ</p> <p>Chơi trò chơi: Kể nhanh tên các môn thể thao cá nhân và các môn thể thao đồng đội.</p> <p>NGÔI SAO SÂN CỎ</p> <p>Tôi được bạn bè khu phố công nhận là cầu thủ xuất sắc. Thế mà đội mãi tôi mới có dịp ra mắt "giới hâm mộ bóng đá trường nhà" trong trận đấu với lớp 5C sáng nay.</p> <p>Trận đấu gay cấn từ những phút đầu. Mạnh lăn xả cướp bóng rồi chuyển cho tôi dẫn xuống vòng cấm địa. Hậu vệ lớp C xô lên chặn. Mạnh và Chiến đã lên kịp. Nhưng tôi vẫn cố hất bóng qua hậu vệ lớp C vì không muốn nhường ai cơ hội ghi bàn. Chậm rãi, thủ môn đã lao lên bắt bóng. Cả sân vỗ oà vì tiếc.</p> <p>Sốt ruột lắm nhưng đến giữa hiệp tôi mới ghi bàn. Tiếng vỗ tay dội lên, tôi sung sướng chạy như một ngôi sao sân cỏ. Từ lúc đó, lớp C kèm tôi như hình với bóng. Tôi dắt bóng một quãng là mất, lại chẳng chuyển cho ai. Lớp C được thể tấn công và ghi liền hai bàn.</p> <p>Giữa hai hiệp, chúng tôi hồi ý. Mạnh thở hồng hộc:</p> <p>- Tại Việt cứ một mình ôm bóng, tụi nó phá mất.</p> <p>Vinh đánh mặt:</p> <p>- Hiệp sau đừng ịch ki thế.</p> <p>Tôi hăm hăm:</p> <p>- Tớ không đá nữa, xem các cậu làm được gì.</p> <p>Không ai đáp lại, chỉ lặng lẽ dẫn ra cho tôi đi.</p>	<p>- HS quan sát tranh, nêu dự đoán: Câu chuyện có thể kể về một trận bóng đá và một bạn nhỏ được xem là ngôi sao sân cỏ.</p>
<p>- GV đọc mẫu câu chuyện với giọng kể tự nhiên; nhấn giọng ở những chi tiết thể hiện sự hồi hộp của trận bóng và sự thay đổi trong suy nghĩ của Việt.</p>	<p>- HS lắng nghe GV đọc mẫu, theo dõi văn bản trong SGK.</p>
<p>- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: xuất sắc, hâm mộ, giao hữu, sốt ruột, hăm hực, lăn xả, vòng cấm địa, hậu vệ, thủ môn, khựng lại.</p>	<p>- HS luyện đọc từ khó, sửa lỗi phát âm.</p>
<p>- GV bổ sung luyện đọc các từ dễ phát âm sai hoặc thể hiện tâm trạng nhân vật: lăn xả, xô lên, lặng lẽ, làu bàu, nóng bừng.</p>	<p>- HS luyện đọc, chú ý phát âm đúng và đọc rõ các từ thể hiện hành động, tâm trạng.</p>
<p>- GV hướng dẫn ngắt nghỉ câu dài: Tôi được bạn bè khu phố công nhận là cầu thủ xuất sắc./ thế mà đội mãi tôi mới có dịp ra mắt "giới hâm mộ bóng đá trường nhà"/ trong trận đấu với lớp 5C sáng nay.//</p>	<p>- HS luyện đọc câu dài theo hướng dẫn.</p>
<p>- GV luyện đọc thêm câu dài: Nhưng tôi vẫn cố hất bóng qua hậu vệ lớp C/ vì không muốn nhường ai cơ hội ghi bàn.// Mạnh và Chiến đã lên kịp,/ nhưng tôi không muốn nhường chúng ghi bàn đầu tiên/ nên hất nhanh bóng qua mấy đứa lớp C.//</p>	<p>- HS luyện ngắt nghỉ đúng, hiểu các câu này thể hiện sự nóng vội và muốn tự ghi bàn của Việt.</p>
<p>- GV chia đoạn luyện đọc: Đoạn 1 từ đầu đến "ghi liền hai bàn"; đoạn 2 tiếp theo đến "chẳng lẽ dẫn ra cho tôi đi"; đoạn 3 còn lại.</p>	<p>- HS đánh dấu đoạn vào SGK, chuẩn bị đọc nối tiếp.</p>
<p>- GV tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn trước lớp và trong nhóm.</p>	<p>- HS đọc nối tiếp đoạn; các bạn nhận xét về phát âm, giọng đọc, cách ngắt nghỉ.</p>
<p>- GV hướng dẫn giải nghĩa từ: hâm mộ là yêu thích, ngưỡng mộ; giao hữu là thi đấu để học hỏi, tăng tình đoàn kết; lăn xả là lao vào rất quyết liệt; vòng</p>	<p>- HS lắng nghe, nhắc lại nghĩa từ và đặt câu nếu được yêu cầu.</p>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
cắm địa là khu vực gần khung thành trong bóng đá.	
- GV giải nghĩa thêm: gay cần là có xung đột, hồi hộp; ghi bàn là tạo ra bàn thắng; như hình với bóng là gần bó không lúc nào rời.	- HS lắng nghe, nhắc lại nghĩa từ bằng lời của mình.
- GV cho HS đọc thầm lại đoạn cuối để chú ý sự thay đổi trong suy nghĩ của nhân vật Việt.	- HS đọc thầm đoạn cuối, chuẩn bị tìm hiểu nội dung.
<p>Tôi ngồi khuất một góc xem hiệp hai. Có một tích tắc Vinh chậm nhịp, không kịp chuyển cho Chiến làm lơ cơ hội ghi bàn. Tôi lâu lâu: "Giữ bo bo thế làm gì chẳng lỗ". Nói xong, bắt giắc tôi nóng bừng mặt.</p> <p>Lớp tôi càng đá càng hay. Bộ ba Long, Chiến, Mạnh chuyển bóng rất ăn ý. Hậu vệ lớp C không sao chặn nổi đường bóng ấy. Rồi Mạnh ung dung đội đầu, tạt bóng gọn vào lưới.</p> <p>Cả sân vỗ tay vang dội. Bàn thắng đẹp quá! Nếu tôi là một trong ba đứa, bàn thắng có đẹp thế không? Tôi bản thân nghĩ, không biết Vinh chạy đến: "Vào đi Việt, Chiến đau chân.". Tôi ngẩn ra giây lát rồi tức tốc chạy theo Vinh, cứ như vừa đón được một đường bóng đồng đội chuyển đến cho tôi.</p> <p>(Theo Lê Khắc Hoàn)</p> <p>1. Tìm các thông tin về câu chuyện theo gợi ý.</p> <p>Thời gian Địa điểm Các nhân vật Nhân vật chính</p> <p>2. Việt được giới thiệu như thế nào ở đầu câu chuyện?</p> <p>3. Ở đầu trận bóng, hành động của Mạnh và Việt khác nhau ra sao? Những hành động đó cho biết điều gì về hai bạn?</p> <p>4. Vì sao Việt không đá hiệp hai nữa? Theo em, Việt đã nhận ra được điều gì khi xem hiệp đấu thứ hai không có mình?</p> <p>5. Em hiểu như thế nào về câu cuối cùng trong bài đọc?</p> <p>1. Những từ ngữ nào trong đoạn dưới đây chỉ sự vật, hoạt động trong một trận đấu bóng đá?</p> <p>Mạnh lần xả cướp bóng rồi chuyển cho tôi dẫn xuống vòng cấm địa. Hậu vệ lớp C xô lên chặn. Mạnh và Chiến đá lên kịp, nhưng tôi vẫn cố hất bóng qua hậu vệ lớp C vì không muốn nhường ai cơ hội ghi bàn. Chậm rãi, thủ môn đã lao lên bắt bóng.</p> <p>2. Tìm thêm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động trong một trận đấu bóng đá.</p> <p>3. Đặt câu nối tiếp câu cho trước, trong đó có sử dụng đại từ thay thế cho phần in đậm.</p> <p>M: Mạnh lần xả cướp bóng.</p> <p>→ Mạnh lần xả cướp bóng. Hậu vệ lớp C cũng vậy.</p> <p>a. Bộ ba Long, Chiến, Mạnh chuyển bóng rất ăn ý.</p> <p>b. Lớp tôi càng đá càng hay.</p>	

3. Luyện tập: Hoạt động đọc hiểu (35 phút)

Mục tiêu: HS trả lời đúng, đủ câu hỏi đọc hiểu; hiểu thông điệp về tinh thần đồng đội, trung thực và fair-play.

Mục tiêu tích hợp: HS biết tôn trọng luật chơi, chơi thể thao công bằng, cổ vũ văn minh và nhận thức quyền được vui chơi, rèn luyện thể thao trong môi trường an toàn, bình đẳng.

Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS đọc thầm câu hỏi đọc hiểu trong SGK và xác định câu hỏi nào cần tìm thông tin, câu hỏi nào cần nêu suy nghĩ.	- HS đọc thầm câu hỏi, chuẩn bị trả lời.
Câu 1. Tìm các thông tin về câu chuyện theo gợi ý: Thời gian, Địa điểm, Các nhân vật, Nhân vật chính.	
- GV hướng dẫn HS đọc lại phần đầu và phần cuối câu chuyện để tìm thông tin.	- HS tìm thông tin trong văn bản và ghi vào phiếu.
- GV mời HS trình bày thông tin theo từng ý.	- HS trình bày: - Thời gian: sáng nay, trong trận đấu bóng đá với lớp 5C; câu chuyện diễn ra qua hai hiệp đấu. - Địa điểm: sân bóng/sân trường. - Các nhân vật: Việt, Mạnh, Chiến, Long, Vinh, các bạn lớp Việt, các bạn lớp 5C, thủ môn, hậu vệ lớp C. - Nhân vật chính: Việt.
- GV chốt thông tin chính, nhắc HS khi tóm tắt câu chuyện cần nắm thời gian, địa điểm, nhân vật và sự	- HS lắng nghe, ghi nhớ.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
việc chính.	
Câu 2. Việt được giới thiệu như thế nào ở đầu câu chuyện?	
- GV yêu cầu HS đọc lại đoạn mở đầu và tìm các từ ngữ nói về Việt.	- HS đọc lại đoạn mở đầu.
- GV mời HS trình bày câu trả lời.	- HS trình bày: Ở đầu câu chuyện, Việt được giới thiệu là cầu thủ xuất sắc được bạn bè khu phố công nhận. Việt rất mong có dịp ra mắt “giới hâm mộ bóng đá trường nhà” trong trận đấu với lớp 5C.
- GV chốt: Cách giới thiệu cho thấy Việt tự hào về khả năng đá bóng của mình và mong muốn thể hiện trước bạn bè.	- HS lắng nghe, ghi nhớ.
Câu 3. Ở đầu trận bóng, hành động của Mạnh và Việt khác nhau ra sao? Những hành động đó cho biết điều gì về hai bạn?	
- GV hướng dẫn HS so sánh hành động của Mạnh và Việt trong đoạn đầu trận.	- HS làm việc nhóm đôi, gạch dưới hành động của từng nhân vật.
- GV mời HS trình bày phần so sánh.	- HS trình bày: Mạnh lặn xả cướp bóng rồi chuyền cho Việt, thể hiện tinh thần đồng đội và biết phối hợp. Việt nhận bóng nhưng không chuyền cho ai, cố hát bóng qua hậu vệ để tự ghi bàn, cho thấy Việt còn ham thể hiện, ích kỉ và chưa biết chơi vì đồng đội.
- GV chốt: Mạnh biết chơi đồng đội; Việt có tài nhưng ban đầu còn đặt cái tôi cá nhân lên trên lợi ích chung.	- HS lắng nghe, ghi nhớ.
Câu 4. Vì sao Việt không đá hiệp hai nữa? Theo em, Việt đã nhận ra được điều gì khi xem hiệp đấu thứ hai không có mình?	
- GV gợi ý HS đọc đoạn giữa hai hiệp và đoạn Việt ngồi xem hiệp hai.	- HS đọc lại đoạn liên quan, suy nghĩ cá nhân.
- GV mời HS trình bày câu trả lời.	- HS trình bày: Việt không đá hiệp hai nữa vì tức giận, dỗi dằn khi các bạn nhận xét Việt ích kỉ, không chuyền bóng cho ai. Khi xem hiệp hai không có mình, Việt nhận ra: - Giữ bóng không chuyền cho người khác là ích kỉ, thiếu tinh thần đồng đội. - Bàn thắng được tạo nên từ pha phối hợp đồng đội rất đẹp. - Không có mình, đội bóng vẫn có thể đá tốt. - Việt mong muốn được trở lại sân để phối hợp cùng các bạn và sửa sai.
- GV chốt: Việt đã nhận ra giá trị của sự phối hợp và tinh thần đồng đội.	- HS lắng nghe, ghi nhớ.
Câu 5. Em hiểu như thế nào về câu cuối cùng trong bài đọc?	
- GV yêu cầu HS đọc lại câu cuối và liên hệ với sự thay đổi của Việt trong câu chuyện.	- HS đọc lại câu cuối và suy nghĩ.
- GV mời HS nêu cách hiểu.	- HS trình bày: Câu cuối cho thấy Việt đã thay đổi. Việt không còn muốn giữ bóng để thể hiện một mình mà sẵn sàng đón nhận đường chuyền của đồng đội, biết hòa nhập và chơi vì tập thể.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV gọi mở thêm: Việc các bạn cho Việt vào sân thay Chiến ở cuối truyện cho thấy điều gì về tình bạn và tinh thần đồng đội?	- HS trả lời: Các bạn không quay lưng với Việt mà cho Việt cơ hội sửa sai; điều đó thể hiện sự bao dung, tin tưởng và tinh thần đồng đội.
- GV đặt câu hỏi tích hợp: Khi tham gia đá bóng hoặc chơi trò chơi tập thể, em cần làm gì để thể hiện tinh thần fair-play, biết chia sẻ trách nhiệm với đồng đội và bảo đảm mọi bạn đều được vui chơi an toàn, bình đẳng? Nếu đội mình thua hoặc bạn mắc lỗi, em nên ứng xử thế nào?	- HS trình bày: Em cần chơi đúng luật, không ích kỉ, biết chuyển bóng cho bạn, không đổ lỗi khi đội thua, đồng viên bạn mắc lỗi, cổ vũ văn minh và nhường cơ hội để nhiều bạn cùng được tham gia.
- GV diễn giải tích hợp: Trẻ em có quyền được vui chơi, được tham gia hoạt động thể thao, giải trí để phát triển thể chất, tinh thần và học cách sống cùng tập thể. Tuy nhiên, quyền vui chơi của mỗi em phải đi kèm trách nhiệm tôn trọng quyền vui chơi của bạn khác. Trong câu chuyện Ngôi sao sân cỏ, Việt đá giỏi nhưng ban đầu còn muốn giữ bóng cho riêng mình, chưa biết phối hợp nên làm ảnh hưởng đến tinh thần chung của đội. GV nhấn mạnh: trong thể thao cũng như trong học tập, điều đáng quý không chỉ là thắng thua mà là biết đoàn kết, chia sẻ trách nhiệm, tôn trọng luật chơi, tôn trọng đồng đội và đối thủ. Khi bạn mắc lỗi, HS không chế giễu, không trách móc gay gắt mà góp ý lịch sự, cùng tìm cách sửa sai. Đó là biểu hiện của lối sống đẹp, tinh thần fair-play và ý thức xây dựng tập thể vững mạnh.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung tích hợp và liên hệ việc chơi thể thao an toàn, công bằng, đoàn kết.
- GV chốt nội dung giáo dục: Câu chuyện nhắc chúng ta biết trung thực, fair-play, tôn trọng luật chơi và đặt tinh thần đồng đội lên trên mong muốn thể hiện cá nhân.	- HS lắng nghe, ghi nhớ.
4. Vận dụng - Trải nghiệm: Luyện tập theo văn bản đọc (15 phút) Mục tiêu: HS mở rộng vốn từ về bóng đá và vận dụng đại từ thay thế khi đặt câu. Cách tiến hành:	
Bài 1. Những từ ngữ nào trong đoạn dưới đây chỉ sự vật, hoạt động trong một trận đấu bóng đá?	
- GV yêu cầu HS đọc đoạn văn in trong SGK, gạch một màu dưới từ chỉ sự vật và một màu dưới từ chỉ hoạt động.	- HS đọc đoạn văn, làm việc cá nhân.
- GV mời HS trình bày kết quả Bài 1.	- HS trình bày: - Từ ngữ chỉ sự vật: bóng, vòng cấm địa, hậu vệ lớp C, thủ môn. - Từ ngữ chỉ hoạt động: lăn xả, cướp bóng, chuyển, dẫn xuống, xô lên chặn, lên kịp, cố hất bóng, lao lên, bắt bóng.
- GV chốt đáp án, nhắc HS có thể phân loại từ ngữ theo sự vật và hoạt động để mở rộng vốn từ.	- HS lắng nghe, ghi nhớ.
Bài 2. Tìm thêm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động trong một trận đấu bóng đá.	
- GV tổ chức cho HS thi tiếp sức theo nhóm: nhóm nào ghi được nhiều từ đúng hơn sẽ thắng.	- HS tham gia thi tiếp sức theo nhóm.
- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả.	- HS trình bày:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	<ul style="list-style-type: none"> - Từ chỉ sự vật: sân cỏ, khung thành, cầu môn, cầu thủ, trọng tài, tiền đạo, hậu vệ, thủ môn, quả bóng, cổ động viên, đồng đội. - Từ chỉ hoạt động: chuyền bóng, sút bóng, ghi bàn, kèm người, bắt bóng, cản phá, đá phạt, phạt góc, cổ vũ, phối hợp, dẫn bóng.
- GV nhận xét, bổ sung từ phù hợp và sửa những từ chưa chính xác.	- HS lắng nghe, sửa bài.
Bài 3. Đặt câu nối tiếp câu cho trước, trong đó có sử dụng đại từ thay thế cho phần in đậm.	
- GV đọc mẫu trong SGK và hướng dẫn HS dùng các đại từ thay thế như vậy, thế, đó để tránh lặp từ.	- HS quan sát mẫu, nắm cách làm.
- GV mời HS trình bày câu đã đặt.	<ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày: <ul style="list-style-type: none"> a. Bộ ba Long, Chiến, Mạnh chuyền bóng rất ăn ý. Đội bạn cũng thế. b. Lớp tôi càng đá càng hay. Lớp 5C cũng vậy.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị tiết Viết: Tìm hiểu cách viết báo cáo công việc.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được mục đích, đối tượng nhận và người viết của một bản báo cáo công việc.
- Xác định được ba phần của bản báo cáo công việc: phần đầu, phần chính, phần cuối; nhận xét được cách trình bày từng phần.
- Nêu được những điểm cần lưu ý khi viết báo cáo: chuẩn bị thông tin, sắp xếp nội dung theo mục, rà soát lỗi sau khi viết.
- Vận dụng kiến thức để chuẩn bị viết báo cáo công việc rõ ràng, đúng quy cách.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc văn bản mẫu, tự trả lời câu hỏi và ghi nhớ cấu trúc báo cáo.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm về nhận xét cách trình bày bản báo cáo.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn cách trình bày bảng, mục, ý để báo cáo dễ theo dõi.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: đọc kỹ văn bản mẫu, hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trung thực: báo cáo công việc đúng sự thật, đúng kết quả đã thực hiện.
- Trách nhiệm: biết báo cáo rõ ràng, đầy đủ khi được giao nhiệm vụ trong tổ, nhóm, lớp.

4. Tích hợp

- AI: 5.A1.1 - Tìm hiểu công nghệ VAR/AI hỗ trợ trọng tài xác định tình huống chính xác, công bằng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5 tập một; bản báo cáo mẫu trong SGK được cắt, chèn đúng dưới câu lệnh GV.
- Mẫu phiếu phân tích ba phần của báo cáo; bảng phụ ghi Ghi nhớ.
- Máy tính, ti vi/máy chiếu; hình ảnh/video ngắn minh họa công nghệ VAR/AI trong thể thao.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Khởi gợi hiểu biết ban đầu về báo cáo công việc và tạo nhu cầu tìm hiểu cách viết báo cáo. Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Khi tổ, nhóm hoặc lớp hoàn thành một nhiệm vụ, vì sao cần báo cáo kết quả?	- HS trả lời: Cần báo cáo để người phụ trách biết công việc đã làm, ai tham gia, kết quả ra sao, còn điểm nào cần rút kinh nghiệm.
- GV nêu tình huống: Tổ em được giao trang trí lớp học trong tháng 1. Cuối tháng, tổ trưởng cần viết gì để báo cáo với cô giáo?	- HS trả lời: Tổ trưởng cần viết bản báo cáo công việc của tổ.
- GV giới thiệu bài học: Hôm nay, các em tìm hiểu cách viết báo cáo công việc qua một văn bản mẫu.	- HS lắng nghe, ghi tên bài vào vở.
2. Khám phá: Đọc báo cáo và trả lời câu hỏi (25 phút) Mục tiêu: HS nhận biết nội dung, người nhận, người viết, bố cục và cách trình bày của bản báo cáo công việc. Mục tiêu tích hợp: HS biết liên hệ công nghệ VAR/AI hỗ trợ trọng tài trong thể thao, từ đó hiểu báo cáo cần trung thực, chính xác, công bằng. Cách tiến hành:	
1. Đọc bản báo cáo dưới đây và trả lời câu hỏi.	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS																
<div><div>VIẾT</div><div><div>TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÁO CÁO CÔNG VIỆC</div><div>1. Đọc bản báo cáo dưới đây và trả lời câu hỏi.</div><div><div><div>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</div><div>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</div><div>Số Pô, ngày 30 tháng 9 năm 2024</div><div>BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG THÁNG 9</div><div>CỦA TỔ 1, LỚP 5C, TRƯỜNG TIỂU HỌC KIM ĐỒNG</div><div>Kính gửi: Cô giáo chủ nhiệm lớp 5C,</div><div>Em xin báo cáo các hoạt động của tổ 1 trong tháng 9 vừa qua như sau:</div><div>1. Về học tập:</div><div><div>– Tất cả thành viên của tổ 1 tích cực học tập, hăng hái phát biểu ý kiến trong nhóm, trước lớp.</div><div>– Một số bạn được tuyên dương trong học tập:</div><table><thead><tr><th>TT</th><th>Họ và tên</th><th>Thành tích</th><th>Môn</th></tr></thead><tbody><tr><td>1</td><td>Nguyễn Đức Việt</td><td>Có cách giải bài tập thông minh.</td><td>Toán</td></tr><tr><td>2</td><td>Hoàng Hà Phương</td><td>Viết bài văn kể chuyện có chi tiết sáng tạo thú vị.</td><td>Tiếng Việt</td></tr><tr><td>3</td><td>Trần Nhật Anh</td><td>Lập sơ đồ tư duy khoa học, đẹp mắt.</td><td>Khoa học</td></tr></tbody></table><div>2. Về việc thực hiện nội quy của trường, lớp:</div><div><div>– Hầu hết các bạn trong tổ đi học đầy đủ, đúng giờ chỉ có 1 bạn nghỉ học 3 ngày vì bị ốm (bạn Phạm Thị Thanh Hương).</div><div>– Cả tổ thực hiện nghiêm túc việc giữ gìn sạch sẽ lớp học, sân trường, bỏ rác đúng nơi quy định.</div><div>– Vẫn còn hiện tượng nói chuyện riêng trong giờ học.</div></div><div>3. Về các hoạt động khác:</div><div><div>– Hát đơn ca trong liên hoan văn nghệ chào mừng ngày khai trường; bạn Nguyễn Chí Mai.</div><div>– Giới thiệu cuốn sách hay trong giờ sinh hoạt lớp: bạn Lê Gia Bách.</div></div><div>TỔ TRƯỞNG</div><div>Viết</div><div>Nguyễn Đức Việt</div></div></div></div></div></div>	TT	Họ và tên	Thành tích	Môn	1	Nguyễn Đức Việt	Có cách giải bài tập thông minh.	Toán	2	Hoàng Hà Phương	Viết bài văn kể chuyện có chi tiết sáng tạo thú vị.	Tiếng Việt	3	Trần Nhật Anh	Lập sơ đồ tư duy khoa học, đẹp mắt.	Khoa học	
TT	Họ và tên	Thành tích	Môn														
1	Nguyễn Đức Việt	Có cách giải bài tập thông minh.	Toán														
2	Hoàng Hà Phương	Viết bài văn kể chuyện có chi tiết sáng tạo thú vị.	Tiếng Việt														
3	Trần Nhật Anh	Lập sơ đồ tư duy khoa học, đẹp mắt.	Khoa học														
- GV yêu cầu HS đọc thầm bản báo cáo trong SGK, chú ý tiêu đề, người nhận, người viết và bảng nội dung công việc.	- HS đọc thầm bản báo cáo, xác định các phần quan trọng.																
a. Bản báo cáo trên viết về điều gì?																	
- GV hướng dẫn HS tìm thông tin ở tiêu đề bản báo cáo.	- HS đọc lại tiêu đề: Báo cáo hoạt động tháng 9 của tổ 1, lớp 5C, Trường Tiểu học Kim Đồng.																
- GV mời HS trình bày câu trả lời.	- HS trình bày: Bản báo cáo viết về hoạt động tháng 9 của tổ 1, lớp 5C, Trường Tiểu học Kim Đồng.																
b. Bản báo cáo được gửi cho ai? Ai là người viết báo cáo đó?																	
- GV yêu cầu HS đọc phần kính gửi và phần cuối văn bản.	- HS đọc phần kính gửi và phần chữ kí cuối báo cáo.																
- GV mời HS trình bày câu trả lời.	- HS trình bày: Bản báo cáo được gửi cho cô giáo chủ nhiệm lớp. Người viết báo cáo là tổ trưởng Nguyễn Đức Việt.																
c. Nêu thông tin của mỗi phần trong bản báo cáo.																	
- GV yêu cầu HS dựa vào gợi ý trong SGK để chia bản báo cáo thành phần đầu, phần chính, phần cuối.	- HS làm việc nhóm đôi, xác định thông tin từng phần.																
- GV mời HS trình bày theo từng phần.	- HS trình bày: <div>- Phần đầu: quốc hiệu, tiêu ngữ; địa điểm và thời gian viết báo cáo.</div> <div>- Phần chính: tên báo cáo, người nhận báo cáo, nội dung báo cáo gồm kết quả học tập, vệ sinh, các hoạt động của tổ và cách khắc phục hạn chế.</div> <div>- Phần cuối: chức vụ, chữ kí, họ và tên người viết báo cáo.</div>																
d. Nhận xét về cách trình bày của từng phần trong báo cáo.																	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>a. Bản báo cáo trên viết về điều gì?</p> <p>b. Bản báo cáo được gửi cho ai? Ai là người viết báo cáo đó?</p> <p>c. Nêu thông tin của mỗi phần trong bản báo cáo.</p> <p>Phần đầu Phần chính Phần cuối</p> <p>d. Nhận xét về cách thức trình bày của từng phần trong bản báo cáo.</p> <ul style="list-style-type: none"> Về hình thức Về nội dung <p>2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết báo cáo công việc.</p> <p>Trước khi viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Dựa vào đâu để xác định những nội dung cần báo cáo? Bằng cách nào có thể thu thập đầy đủ thông tin, số liệu cần thiết? Vì sao cần lập bảng biểu trong bản báo cáo? <p>Trong khi viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Cần chú ý điều gì khi viết quốc hiệu, tiêu ngữ (hoặc tên tổ chức)? Trình bày các công việc như thế nào để dễ theo dõi? Làm thế nào để trình bày bảng biểu khoa học, đẹp mắt? <p>Sau khi viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Rà soát nội dung báo cáo như thế nào để phát hiện lỗi? Cần chú ý vào đâu để biết bản báo cáo được trình bày đúng yêu cầu? <p>Ghi nhớ</p> <p>Bản báo cáo công việc gồm 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phần đầu: quốc hiệu, tiêu ngữ hoặc tên tổ chức (Đội, Đoàn,...) và địa điểm, thời gian viết báo cáo. Phần chính: tiêu đề, người nhận, nội dung báo cáo (các công việc đã thực hiện). Phần cuối: người viết báo cáo (chữ kí, họ và tên). <p>Nội dung báo cáo trình bày theo mục để dễ theo dõi.</p>	
<p>- GV yêu cầu HS quan sát lại cách trình bày phần đầu, phần chính và phần cuối trong SGK.</p>	<p>- HS quan sát cách trình bày, nhận xét theo gợi ý.</p>
<p>- GV mời HS trình bày nhận xét.</p>	<p>- HS trình bày: Phần đầu trình bày trang trọng, cân đối; phần chính có tiêu đề nổi bật, nội dung được sắp xếp thành bảng rõ ràng, dễ theo dõi; phần cuối căn phải, có chức vụ, chữ kí và họ tên người viết.</p>
<p>- GV bổ sung: Về hình thức, báo cáo phải viết đúng thể thức ở cả 3 phần; về nội dung, báo cáo phải nêu công việc đã thực hiện theo từng lĩnh vực, sắp xếp theo mục để dễ theo dõi.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ yêu cầu về hình thức và nội dung của bản báo cáo.</p>
<p>- GV diễn giải tích hợp AI: GV nêu tên công cụ cụ thể trong thể thao: VAR (Video Assistant Referee - trợ lý trọng tài video), Goal-line Technology (công nghệ xác định bóng qua vạch vôi) và camera AI hỗ trợ phân tích tình huống. Các công cụ này giúp trọng tài xem lại pha bóng, xác định cầu thủ có phạm lỗi không, bóng đã qua vạch hay chưa, tình huống có việt vị hay không, từ đó đưa ra quyết định chính xác và công bằng hơn. GV hướng dẫn HS liên hệ với bài viết báo cáo công việc: một bản báo cáo cũng cần có “bằng chứng” giống như trọng tài cần hình ảnh/video để kiểm tra. Khi viết báo cáo, HS phải ghi đúng thời gian, người tham gia, việc đã làm, kết quả đạt được; nếu có số liệu thì ghi số liệu rõ ràng; không thêm bớt theo cảm tính, không nhận công của bạn, không bỏ sót việc quan trọng. GV nhấn mạnh: AI/VAR có thể hỗ trợ kiểm tra, nhưng sự trung thực, trách nhiệm và công bằng của con người mới quyết định chất lượng đánh giá.</p>	<p>- HS lắng nghe và liên hệ: Khi viết báo cáo hoạt động của tổ, em cần ghi đúng sự thật, đúng số liệu, đúng người tham gia; có thể dùng bảng theo dõi, hình ảnh minh chứng hoặc ghi chép của tổ để báo cáo rõ ràng, công bằng.</p>
<p>- GV chốt nội dung tích hợp AI: Dù có công nghệ</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ: báo cáo cần trung thực, có</p>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
VAR/AI hỗ trợ, con người vẫn phải trung thực, khách quan và có trách nhiệm. Trong học tập, báo cáo công việc không phải là kể cho hay mà là trình bày đúng, đủ, rõ ràng những việc đã thực hiện để thầy cô và tập thể đánh giá chính xác.	căn cứ, trình bày rõ ràng và công bằng với đóng góp của từng bạn.
3. Luyện tập: Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết báo cáo công việc (12 phút) Mục tiêu: HS rút ra được quy trình và yêu cầu khi viết báo cáo công việc. Cách tiến hành:	
2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết báo cáo công việc.	
- GV chia lớp thành các nhóm, giao nhiệm vụ: Thảo luận những việc cần làm trước khi viết, trong khi viết và sau khi viết báo cáo.	- HS thảo luận nhóm, ghi ý kiến vào bảng nhóm.
- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả.	- HS trình bày: Trước khi viết: Dựa vào đề để xác định nội dung cần báo cáo; xác định cách thu thập đủ thông tin, số liệu cần thiết; dự kiến có cần lập bảng biểu trong báo cáo hay không. Trong khi viết: Căn cứ yêu cầu để viết đủ các phần; trình bày công việc theo mục để dễ theo dõi; trình bày bảng biểu khoa học, đẹp mắt. Sau khi viết: Rà soát nội dung để phát hiện lỗi; căn cứ vào yêu cầu và mẫu báo cáo để kiểm tra xem bản báo cáo đã đúng thể thức, rõ nội dung và trình bày sạch đẹp chưa.
- GV chốt Ghi nhớ trong SGK: Báo cáo công việc gồm 3 phần: phần đầu, phần chính, phần cuối; nội dung báo cáo trình bày theo mục để dễ theo dõi.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cấu trúc báo cáo công việc.
- GV nhắc lại ghi nhớ bằng sơ đồ 3 phần: Phần đầu - Phần chính - Phần cuối; nhấn mạnh nội dung báo cáo cần trình bày theo mục hoặc bảng để dễ đọc, dễ kiểm tra.	- HS nhắc lại: Báo cáo công việc gồm 3 phần; phần chính cần nêu rõ các công việc đã thực hiện và kết quả theo từng mục.
4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để chuẩn bị viết báo cáo trong tình huống gần gũi. Cách tiến hành:	
- GV giao nhiệm vụ: Hãy nêu một công việc của tổ/lớp em có thể viết báo cáo.	- HS nêu: báo cáo trực nhật tuần; báo cáo hoạt động trang trí lớp; báo cáo phong trào đọc sách; báo cáo chăm sóc bồn hoa; báo cáo tham gia văn nghệ.
- GV yêu cầu HS về nhà chuẩn bị thông tin cho một bản báo cáo ngắn: công việc, người tham gia, kết quả.	- HS ghi nhiệm vụ, chuẩn bị thông tin cho tiết học sau.
- GV nhận xét tiết học, khen HS biết phân tích văn bản mẫu.	- HS lắng nghe, tự đánh giá việc tham gia học tập.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT 5**CHỦ ĐIỂM: THẾ GIỚI TUỔI THƠ****TUẦN 3****BÀI 6: NGÔI SAO SÂN CỎ****TIẾT 4: ĐỌC MỞ RỘNG****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Đọc được một bài thơ viết về trẻ em theo yêu cầu của chủ điểm Thế giới tuổi thơ.
- Viết được phiếu đọc sách theo mẫu: tên bài thơ, tác giả, ngày đọc, nội dung bài thơ, câu thơ/hình ảnh thơ đẹp, suy nghĩ cảm xúc và mức độ yêu thích.
- Trao đổi với bạn về bài thơ đã đọc; biết đọc câu thơ yêu thích, chia sẻ cảm xúc sau khi đọc.
- Biết chuẩn bị tìm đọc câu chuyện hoặc bài báo về một môn thể thao, vận động viên yêu thích cho bài sau.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự chọn bài thơ, tự hoàn thành phiếu đọc sách.
- Giao tiếp và hợp tác: chia sẻ bài thơ, lắng nghe và nhận xét phần trình bày của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn câu thơ, hình ảnh thơ đẹp và trình bày cảm nhận theo cách riêng.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: biết yêu thương trẻ em, trân trọng tình cảm gia đình, bạn bè, thầy cô qua các bài thơ.
- Chăm chỉ: duy trì thói quen đọc sách, đọc thơ, ghi chép vào phiếu đọc sách.
- Trách nhiệm: biết tôn trọng ý kiến, cảm xúc của bạn khi trao đổi về bài đọc.

4. Tích hợp

- NLS: 5.2.CB2a - HS tra cứu thuật ngữ bóng đá qua từ điển số và chọn công cụ số phù hợp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5 tập một; mẫu Phiếu đọc sách trong SGK được cắt, chèn đúng vị trí.
- Một số bài thơ viết về trẻ em; phiếu đọc sách in sẵn hoặc vở ghi của HS.
- Máy tính, ti vi/máy chiếu; từ điển số hoặc công cụ tra cứu an toàn để hướng dẫn HS tìm hiểu thuật ngữ bóng đá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo tâm thế chia sẻ bài thơ đã đọc, kết nối với chủ điểm Thế giới tuổi thơ. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS chuẩn bị bài thơ viết về trẻ em đã tìm đọc ở nhà.	- HS lấy bài thơ, sách, vở ghi hoặc phiếu đọc sách đã chuẩn bị.
- GV hỏi: Em đã đọc bài thơ nào viết về trẻ em? Bài thơ gọi cho em cảm xúc gì?	- HS trả lời: Em đọc bài thơ Con đường tới lớp, bài thơ gọi cảm giác thân quen, vui vẻ khi đến trường; em đọc bài thơ Khi trẻ con tập đi, em thấy tình yêu thương của mẹ dành cho trẻ nhỏ.
- GV dẫn dắt: Trẻ em là mầm non tương lai của đất nước; nhiều bài thơ viết về trẻ em gửi gắm tình yêu thương, niềm tin và hi vọng của người lớn dành cho các em.	- HS lắng nghe, liên hệ với những bài thơ viết về tuổi thơ, mái trường, gia đình và bạn bè.
- GV giới thiệu tiết Đọc mở rộng: Các em sẽ đọc, ghi phiếu và trao đổi về bài thơ viết về trẻ em.	- HS lắng nghe, chuẩn bị hoạt động đọc mở rộng.
2. Khám phá: Đọc yêu cầu và mẫu phiếu đọc sách (8 phút) Mục tiêu: HS hiểu nhiệm vụ đọc mở rộng và cách ghi phiếu đọc sách. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc các yêu cầu trong SGK và quan sát mẫu Phiếu đọc sách.	- HS đọc yêu cầu, quan sát mẫu Phiếu đọc sách.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS								
<p>ĐỌC MỞ RỘNG</p> <p>1. Đọc bài thơ viết về trẻ em. Ví dụ:</p> <p>...Khi trẻ con tập đi Đường có tử ngày đó Nhưng còn cần cho trẻ Tình yêu và lời ru Cho nên mẹ sinh ra Để bế bồng chăm sóc... (Quần Quynh, Chuyện cổ tích về loài người)</p> <p>...Những hạt nắng bé con Láng xằng đùa quanh tớ Rì rào tiếng gió thổi Như bà kể chuyện xưa Tớ có một giấc mơ Dưới nắng vàng êm dịu... (Nguyễn Quỳnh Mai, Dưới bóng cây đã hương)</p> <p>Con đường tới lớp cùng em Đã thành người bạn thân quen lâu rồi Mà sao chân bước bỗng hốt Nghe trong thầm lặng bao lời thân yêu. (Nguyễn Trọng Hoàn, Con đường tới lớp)</p> <p>2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">PHIẾU ĐỌC SÁCH</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tên bài thơ: ●</td> <td>Tác giả: ● Ngày đọc: ●</td> </tr> <tr> <td>Nội dung bài thơ: ●</td> <td>Những câu thơ hay hoặc những hình ảnh thơ đẹp: ●</td> </tr> <tr> <td>Suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ: ●</td> <td>Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆</td> </tr> </tbody> </table> <p>3. Trao đổi với bạn về bài thơ đã đọc. G: Em có thể đọc những câu thơ hoặc đoạn thơ em yêu thích và chia sẻ với bạn. - Tình cảm, cảm xúc của nhà thơ đối với trẻ em được thể hiện trong bài thơ. - Suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ.</p> <p>Tìm đọc câu chuyện hoặc bài báo về một môn thể thao hoặc vận động viên mà em yêu thích.</p>	PHIẾU ĐỌC SÁCH		Tên bài thơ: ●	Tác giả: ● Ngày đọc: ●	Nội dung bài thơ: ●	Những câu thơ hay hoặc những hình ảnh thơ đẹp: ●	Suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ: ●	Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆	
PHIẾU ĐỌC SÁCH									
Tên bài thơ: ●	Tác giả: ● Ngày đọc: ●								
Nội dung bài thơ: ●	Những câu thơ hay hoặc những hình ảnh thơ đẹp: ●								
Suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ: ●	Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆								
<p>- GV giao nhiệm vụ rõ ràng: đọc bài thơ viết về trẻ em; ghi phiếu đọc sách; sau đó trao đổi với bạn về bài thơ đã đọc.</p>	<p>- HS nắm ba việc cần làm trong tiết học: đọc bài thơ, viết phiếu đọc sách, trao đổi với bạn.</p>								
<p>- GV hướng dẫn HS xác định các thông tin cần ghi: tên bài thơ, tác giả, ngày đọc, nội dung bài thơ, câu thơ/hình ảnh thơ đẹp, suy nghĩ cảm xúc của em và mức độ yêu thích.</p>	<p>- HS lắng nghe, nêu lại các mục cần ghi trong phiếu.</p>								
<p>- GV lưu ý HS khi ghi phiếu: nội dung bài thơ chỉ cần nêu ngắn gọn, câu thơ/hình ảnh thơ đẹp phải chép chính xác, cảm xúc cần viết bằng lời của mình.</p>	<p>- HS ghi nhớ cách viết phiếu đọc sách ngắn gọn, rõ ràng và trung thực.</p>								
<p>- GV lưu ý: Nếu chưa rõ tác giả hoặc nguồn bài thơ, HS cần ghi đúng theo sách hoặc tài liệu đã đọc, không tự ý bịa thông tin.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ cách ghi nguồn trung thực.</p>								
<p>3. Luyện tập: Viết phiếu đọc sách và trao đổi với bạn (22 phút) Mục tiêu: HS hoàn thành phiếu đọc sách và biết chia sẻ cảm nhận về bài thơ đã đọc. Mục tiêu tích hợp: HS biết sử dụng công cụ số phù hợp để tra cứu thuật ngữ bóng đá phục vụ nhiệm vụ đọc thêm, biết chọn nguồn đáng tin cậy. Cách tiến hành:</p>									
<p>1. Đọc bài thơ viết về trẻ em.</p>									
<p>- GV tổ chức cho HS đọc thầm bài thơ đã chuẩn bị hoặc đọc một trong các đoạn thơ gợi ý trong SGK.</p>	<p>- HS đọc thầm bài thơ viết về trẻ em.</p>								
<p>- GV khuyến khích HS đọc chậm, đánh dấu bằng bút chì câu thơ hoặc hình ảnh thơ em thích nhất để lát nữa chia sẻ.</p>	<p>- HS đọc thầm, đánh dấu câu thơ/hình ảnh thơ yêu thích.</p>								
<p>2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.</p>									
<p>- GV yêu cầu HS viết phiếu đọc sách theo mẫu, khuyến khích ghi cụ thể câu thơ hoặc hình ảnh thơ đẹp.</p>	<p>- HS viết phiếu đọc sách. Ví dụ: Tên bài thơ: Con đường tới lớp; Tác giả: Nguyễn Trọng Hoàn; Nội dung: Bài thơ nói về con đường quen thuộc đưa em đến lớp; Câu thơ/hình</p>								

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	ảnh thơ đẹp: “Con đường tới lớp cùng em/Đã thành người bạn thân quen lâu rồi”; Cảm xúc: Em thấy con đường đến trường thật gần gũi; Mức độ yêu thích: 5 sao.
3. Trao đổi với bạn về bài thơ đã đọc.	
- GV hướng dẫn HS trao đổi theo nhóm đôi: đọc một đoạn/câu thơ yêu thích; nói tình cảm, cảm xúc của nhà thơ đối với trẻ em; nói suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi đọc.	- HS trao đổi nhóm đôi, chia sẻ bài thơ đã đọc.
- GV mời một số HS trình bày trước lớp.	- HS trình bày: Em thích bài thơ Khi trẻ con tập đi vì bài thơ cho thấy trẻ em cần tình yêu thương và sự chăm sóc. Em thích hình ảnh người mẹ nâng bước con. Sau khi đọc, em thấy biết ơn cha mẹ hơn.
- GV nhận xét, khen HS biết chọn câu thơ, hình ảnh thơ đẹp và nêu cảm xúc chân thật.	- HS lắng nghe, tự đánh giá phần chia sẻ của mình.
- GV hướng dẫn tích hợp NLS: GV giới thiệu công cụ cụ thể để HS tra cứu khi đọc mở rộng về thể thao: Google Search, từ điển tiếng Việt số/Vietlex, website Liên đoàn Bóng đá Việt Nam (VFF), chuyên mục thể thao thiếu nhi hoặc trang thông tin chính thống của nhà trường/thư viện. GV hướng dẫn HS theo từng bước: (1) xác định thuật ngữ cần hiểu như fair-play, VAR, việt vị, phạt góc, sút luân lưu, thủ môn, hậu vệ; (2) gõ từ khóa rõ ràng, ví dụ “việt vị là gì trong bóng đá thiếu nhi” hoặc “fair-play nghĩa là gì”; (3) đọc ít nhất hai nguồn phù hợp, ưu tiên nguồn có tác giả/tổ chức rõ ràng; (4) ghi lại nghĩa bằng lời của mình, không sao chép nguyên văn; (5) nếu gặp quảng cáo, bình luận tiêu cực hoặc nội dung không phù hợp thì thoát ra và báo với GV/người lớn; (6) khi trình bày phiếu đọc sách, chỉ dùng thông tin đã hiểu và biết nêu nguồn đã tham khảo.	- HS thực hiện theo hướng dẫn: chọn một thuật ngữ bóng đá, nêu công cụ tra cứu, ghi nghĩa ngắn gọn bằng lời của mình và chia sẻ nguồn tham khảo đáng tin cậy.
- GV chốt nội dung tích hợp NLS: Công cụ số giúp việc đọc mở rộng phong phú hơn, giúp HS hiểu nhanh những thuật ngữ mới trong sách, báo và đời sống. Tuy nhiên, năng lực số không chỉ là biết tìm kiếm mà còn là biết chọn nguồn tin cậy, biết đọc hiểu, biết ghi chép có chọn lọc, biết tôn trọng bản quyền và biết sử dụng thông tin đúng mục đích học tập.	- HS lắng nghe, ghi nhớ: tra cứu có chọn lọc, ghi nguồn, không sao chép nguyên văn, dùng thông tin để phục vụ đọc mở rộng.
4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút) Mục tiêu: Cùng cố thói quen đọc mở rộng và chuẩn bị bài sau. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS chia sẻ một câu thơ hoặc hình ảnh thơ mà em muốn nhớ lâu.	- HS đọc câu thơ yêu thích và nêu lí do.
- GV giao nhiệm vụ về nhà: Tìm đọc câu chuyện hoặc bài báo về một môn thể thao hoặc vận động viên mà em yêu thích.	- HS ghi nhiệm vụ: tìm đọc bài về bóng đá, bơi lội, cầu lông hoặc một vận động viên em yêu thích; ghi tên bài, nguồn đọc và điều thú vị.
- GV nhận xét tiết học, khen HS tích cực đọc mở rộng và biết chia sẻ cảm xúc.	- HS lắng nghe, chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT 5
CHỦ ĐIỂM: THẾ GIỚI TUỔI THƠ
TUẦN 4
BÀI 7: BỘ SƯU TẬP ĐỌC ĐÁO
TIẾT 1: ĐỌC - BỘ SƯU TẬP ĐỌC ĐÁO

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng và diễn cảm bài đọc Bộ sưu tập đọc đáo; biết nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật.
- Nhận biết được hoạt động triển lãm, hiểu ý tưởng sưu tầm giọng nói của Loan và tình cảm bạn bè được thể hiện qua bộ sưu tập.
- Trả lời được các câu hỏi đọc hiểu; biết đóng vai Loan để kể lại quá trình nảy ra ý tưởng và thực hiện ý tưởng cho bộ sưu tập.
- Biết liên hệ bản thân để nêu ý tưởng sưu tầm một món đồ có ý nghĩa.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, chủ động thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh cách đọc, cách viết theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, vận dụng vốn từ và trải nghiệm để nói, viết sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, chuẩn bị bài, tham gia trả lời câu hỏi.
- Nhân ái: biết trân trọng tình bạn, biết lắng nghe và tôn trọng cảm xúc của bạn.
- Trách nhiệm: biết giữ gìn đồ vật, biết chia sẻ câu chuyện về đồ vật bằng thái độ lịch sự.

4. Tích hợp

- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Rèn nếp sống cẩn thận, biết giữ gìn đồ vật, chia sẻ câu chuyện về đồ vật bằng thái độ lịch sự.
- Quyền con người: Giáo dục ý thức tôn trọng sở thích, tài sản và sản phẩm sưu tầm cá nhân của bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; máy tính, máy chiếu hoặc ti vi.
- Tranh minh hoạ bài đọc Bộ sưu tập đọc đáo; hình SGK được cắt đúng phần và chèn dưới câu lệnh GV.
- Phiếu học tập dùng cho hoạt động đọc hiểu và luyện đọc.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập; giúp HS dự đoán nội dung bài đọc dựa vào nhan đề và tranh minh hoạ. Cách tiến hành:	
- GV mời 1 HS đọc yêu cầu khởi động: Dựa vào nhan đề và tranh minh hoạ, hãy đoán nội dung câu chuyện.	- 1 HS đọc yêu cầu; cả lớp quan sát nhan đề và tranh minh hoạ.

<p>- Cậu nói một câu chúc lớp mình đi!</p> <p>- Chúc gì được chứ?</p> <p>- Gì cũng được. Chúng mình sắp chuyển cấp rồi.</p> <p>Thế là mỗi bạn một câu. Trong vài ngày, Loan đã ghi âm xong.</p> <p>Ngày triển lãm, lớp học như một cửa hiệu tạp hoá vui nhộn. Đến lượt mình, Loan trình trong cấm máy ghi âm vào loa rồi hồi hộp bật lên. Cả lớp tò mò nhìn chiếc loa.</p> <p>- Chúc tình bạn của chúng mình thật lâu bền!</p> <p>Phương giật mình. Chính là giọng của bạn ấy. Giọng Phương mềm mại như phát thanh viên. Cả lớp vỗ tay như pháo rạn. Vài bạn chồm hẳn người lên. Ai cũng hào hứng chờ đến mình.</p> <p>- Chúc ai có tật thì sửa, không có thì bỏ qua.</p> <p>Cả lớp cười lăn. Long - chủ nhân của giọng nói liên thoắng vừa vang lên - cũng ôm bụng cười. Cứ thế, mỗi giọng nói cất lên đều thật thân thương và quen thuộc. Ai đi qua lớp Loan cũng ngạc nhiên vì những tiếng vỗ tay liên tiếp vọng ra. Thình thoắng, lại có tràng cười lớn, xen lẫn tiếng thấy Dương:</p> <p>- Độc đáo quá, ý nghĩa quá!</p> <p>(Theo Trương Chi Lô, Ngọc Khánh dịch)</p> <p>Từ ngữ</p> <p>- Triển lãm: trưng bày sản phẩm để mọi người xem.</p> <p>- Phát thanh viên: người đọc tin, bài trên đài phát thanh, đài truyền hình.</p> <p>?</p> <p>1. Thấy Dương muốn cả lớp thực hiện hoạt động gì? Các bạn trong lớp có thái độ như thế nào với hoạt động ấy?</p> <p>2. Đóng vai Loan, kể lại quá trình nảy ra ý tưởng và thực hiện ý tưởng cho bộ sưu tập.</p>  <p>3. Các bạn cảm thấy thế nào về bộ sưu tập của Loan?</p> <p>4. Theo em, vì sao thấy Dương cho rằng bộ sưu tập đó rất độc đáo?</p> <p>5. Nếu lớp em cũng tổ chức một buổi triển lãm giống lớp của Loan, em sẽ sưu tầm môn đồ gì? Vì sao?</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: triển lãm, nảy ra, giọng nói, lâu bền, cười lăn, liên thoắng, liên tiếp, xen lẫn,...</p>	<p>- HS luyện đọc từ khó: triển lãm, nảy ra, lâu bền, liên thoắng, liên tiếp, xen lẫn.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS ngắt giọng ở câu dài: Thấy bố, vốn là một giáo viên, nghe lại băng ghi âm các bài giảng, Loan chột nảy ra ý tưởng/ sưu tầm giọng nói của cả lớp; Long - chủ nhân của giọng nói liên thoắng vừa vang lên -/ cũng ôm bụng cười.</p>	<p>- HS luyện ngắt nghỉ đúng ở câu dài theo hướng dẫn của GV.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc đúng giọng: Chúc tình bạn của chúng mình thật lâu bền! đọc giọng dịu dàng, mềm mại; Chúc ai có tật thì sửa, không có thì bỏ qua. đọc giọng liên thoắng, lém lỉnh.</p>	<p>- HS luyện đọc lời nhân vật với giọng phù hợp.</p>
<p>- GV chia đoạn: đoạn 1 từ đầu đến đã ghi âm xong; đoạn 2 tiếp theo đến hết.</p>	<p>- 2 HS đọc nối tiếp 2 đoạn trước lớp; HS khác nhận xét cách đọc.</p>
<p>- GV cho HS luyện đọc theo nhóm 2, mỗi HS đọc một đoạn, sau đó đổi lượt đọc.</p>	<p>- HS đọc theo nhóm 2; sửa lỗi phát âm và ngắt nghỉ cho nhau.</p>
<p>- GV gọi HS nêu từ khó trong bài; GV giải nghĩa từ.</p>	<p>- HS nêu từ khó: triển lãm, phát thanh viên, liên thoắng, xen lẫn. Triển lãm là trưng bày sản phẩm để mọi người xem. Phát thanh viên là người đọc tin, bài trên đài phát thanh, đài truyền hình.</p>

	Liên tưởng là nói nhanh, liên tục. Xen lẫn là lẫn vào nhau, đan cài với nhau.
3. Luyện tập: Trả lời câu hỏi (15 phút) Mục tiêu: Trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu; nhận biết được ý nghĩa của bộ sưu tập độc đáo. Mục tiêu tích hợp: HS biết giữ gìn đồ vật, trân trọng tình bạn và tôn trọng sản phẩm sưu tầm cá nhân của bạn. Cách tiến hành:	
- Câu 1. GV gọi HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Thầy Dương muốn cả lớp thực hiện hoạt động gì? Các bạn trong lớp có thái độ như thế nào với hoạt động ấy?	- HS đọc câu 1 và xác định yêu cầu.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 2.	- HS thảo luận nhóm 2; trao đổi, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Thầy Dương muốn cả lớp thực hiện một hoạt động vui và ý nghĩa là sưu tầm một món đồ gì đó để triển lãm ở lớp. Cả lớp ồ lên thể hiện thái độ ngạc nhiên; Long vui mừng, tự hào; Khánh đặc ý; Loan hơi lo lắng.
- GV hỏi mở rộng: Vì sao cùng một yêu cầu nhưng mỗi bạn lại có một thái độ khác nhau?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV chốt: Thầy Dương muốn các bạn sưu tầm một món đồ để triển lãm; thái độ của các bạn khác nhau vì mỗi bạn có sở thích, khả năng và sự chuẩn bị riêng.	- HS lắng nghe, sửa hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.
- Câu 2. GV gọi HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Đóng vai Loan, kể lại quá trình nảy ra ý tưởng và thực hiện ý tưởng cho bộ sưu tập.	- HS đọc câu 2 và xác định yêu cầu.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc nhóm 4, lần lượt đóng vai Loan kể lại trong nhóm.	- HS làm việc nhóm 4, lần lượt đóng vai Loan kể lại trong nhóm; trao đổi, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Em là Loan. Khi nghe thầy giao nhiệm vụ sưu tầm một món đồ, em rất lo vì chưa biết sưu tầm gì. Về nhà, thấy bố nghe lại băng ghi âm các bài giảng, em chợt nảy ra ý tưởng sưu tầm giọng nói của cả lớp. Em mượn bộ chiếc máy ghi âm, gặp bạn nào cũng nhờ nói một câu chúc lớp mình và chỉ trong vài ngày em đã ghi âm xong.

- GV hỏi mở rộng: Khi đóng vai nhân vật, em cần xưng hô như thế nào?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV chốt: Khi đóng vai Loan, HS cần xưng “tôi” hoặc “mình”, kể đúng trình tự xảy ra ý tưởng và thực hiện bộ sưu tập.	- HS lắng nghe, sửa hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.
- Câu 3. GV gọi HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Các bạn cảm thấy thế nào về bộ sưu tập của Loan?	- HS đọc câu 3 và xác định yêu cầu.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4 và tìm các chi tiết thể hiện cảm xúc của các bạn.	- HS thảo luận nhóm 4 và tìm các chi tiết thể hiện cảm xúc của các bạn; trao đổi, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Ban đầu, cả lớp tò mò. Sau khi nghe các giọng nói trong bộ sưu tập, có bạn ngạc nhiên, các bạn khác vui vẻ, háo hức, vỗ tay như pháo ran, chồm hẳn người lên, cười lăn. Các bạn còn cảm thấy bộ sưu tập quen thuộc, gần gũi vì đó là những giọng nói hằng ngày các bạn vẫn được nghe.
- GV hỏi mở rộng: Chi tiết nào cho thấy các bạn rất thích bộ sưu tập?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV chốt: Bộ sưu tập của Loan làm cả lớp vui vẻ, háo hức và cảm thấy gần gũi, thân thương.	- HS lắng nghe, sửa hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.
- Câu 4. GV gọi HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Theo em, vì sao thầy Dương cho rằng bộ sưu tập đó rất độc đáo?	- HS đọc câu 4 và xác định yêu cầu.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS trao đổi nhóm 2 và nêu suy nghĩ cá nhân.	- HS trao đổi nhóm 2 và nêu suy nghĩ cá nhân; trao đổi, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Bộ sưu tập độc đáo vì món đồ trong bộ sưu tập không nhìn, sờ, chạm được như nhiều món đồ khác; bộ sưu tập thể hiện sự sáng tạo của Loan; bộ sưu tập rất ý nghĩa, có giá trị tinh thần lớn và thể hiện tình cảm bạn bè sâu sắc.
- GV hỏi mở rộng: Ngoài sự độc đáo, bộ sưu tập còn mang lại điều gì cho cả lớp?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV chốt: Bộ sưu tập mang đến niềm vui, sự gắn kết cho cả lớp và thể hiện tình cảm bạn bè sâu sắc.	- HS lắng nghe, sửa hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.
- Câu 5. GV gọi HS đọc đề bài/câu hỏi	- HS đọc câu 5 và xác định yêu cầu.

trong SGK: Nếu lớp em cũng tổ chức một buổi triển lãm giống lớp của Loan, em sẽ sưu tầm món đồ gì? Vì sao?	
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân, ghi nhanh ý tưởng vào vở rồi chia sẻ trong nhóm.	- HS làm việc cá nhân, ghi nhanh ý tưởng vào vở rồi chia sẻ trong nhóm; trao đổi, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Em có thể sưu tầm nhân vật, bưu thiếp, vỏ bút cũ, ảnh hoạt động của lớp hoặc những món đồ nhỏ gắn với kỉ niệm vì chúng giúp em nhớ lại những điều đáng quý trong học tập và tình bạn.
- GV hỏi mở rộng: Món đồ có giá trị vật chất cao có phải lúc nào cũng là món đồ ý nghĩa nhất không?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV chốt: Món đồ sưu tầm có thể rất nhỏ nhưng vẫn có ý nghĩa nếu gắn với kỉ niệm, tình cảm và sự trân trọng của người sưu tầm.	- HS lắng nghe, sửa hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.
<p>- GV tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống:</p> <p>+ Qua việc Loan trân trọng giọng nói của từng bạn, GV nhắc HS biết giữ gìn những đồ vật, kỉ niệm có ý nghĩa.</p> <p>+ HS biết chia sẻ câu chuyện về đồ vật, sản phẩm sưu tầm bằng lời nói lịch sự, tôn trọng bạn.</p> <p>+ GV giáo dục HS nếp sống cẩn thận, biết nâng niu giá trị tinh thần của những điều nhỏ bé quanh mình.</p>	<p>- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn.</p> <p>+ Liên hệ nội dung bài học với bản thân.</p> <p>+ Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp.</p> <p>+ Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.</p>
<p>4. Vận dụng: Luyện đọc lại (5 phút)</p> <p>Mục tiêu: Luyện đọc diễn cảm và củng cố nội dung bài đọc.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc; gọi 2 HS đọc trước lớp.	- 2 HS đọc trước lớp; cả lớp nhìn sách, đọc thầm theo và nhận xét.
- GV cho HS tự đọc toàn bài và nhắc lại điều em thích nhất trong câu chuyện.	- HS tự đọc toàn bài; nêu: Em thích ý tưởng sưu tầm giọng nói của Loan vì rất sáng tạo và ý nghĩa.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 7: BỘ SƯU TẬP ĐỌC ĐÁO**TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU - LUYỆN TẬP VỀ ĐẠI TỪ (TIẾP THEO)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Ôn lại ba nhóm đại từ: đại từ xưng hô, đại từ thay thế và đại từ nghi vấn.
- Biết chọn đại từ thích hợp để hoàn chỉnh câu chuyện; xác định được đại từ thay thế và đại từ nghi vấn.
- Biết dùng đại từ thay thế để tránh lặp từ; viết được câu đáp lời có sử dụng đại từ.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, chủ động thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh cách đọc, cách viết theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, vận dụng vốn từ và trải nghiệm để nói, viết sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực làm bài, hoàn thành nhiệm vụ trong vở hoặc phiếu học tập.
- Trung thực: trao đổi, báo cáo kết quả đúng với phần làm của cá nhân và nhóm.
- Trách nhiệm: sử dụng thiết bị số đúng mục đích khi chụp ảnh và lưu tư liệu học tập.

4. Tích hợp

- NLS: 1.3.CB2a - HS chụp ảnh món đồ yêu thích và lưu vào thư mục số có tên rõ ràng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; phiếu học tập phần Luyện từ và câu.
- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi; hình bài tập trong SGK đã cắt đúng nội dung.
- Điện thoại/máy tính bảng của GV để minh họa cách chụp ảnh và lưu thư mục số nếu phù hợp.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 phút) Mục tiêu: Gợi nhớ kiến thức về các loại đại từ đã học. Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Ở những tiết trước, các em đã được học những loại đại từ nào?	- HS trả lời: Đại từ xưng hô, đại từ thay thế và đại từ nghi vấn.
- GV giới thiệu: Tiết này chúng ta tiếp tục luyện tập về cả ba loại đại từ và tìm hiểu thêm tác dụng của đại từ.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Luyện từ và câu.
2. Luyện tập (27 phút) Mục tiêu: Thực hành nhận biết và sử dụng đại từ trong câu, đoạn văn. Mục tiêu tích hợp: HS biết chụp ảnh món đồ yêu thích và lưu vào thư mục số có tên rõ ràng khi thực hiện nhiệm vụ học tập. Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát hình bài tập trong SGK.	- HS quan sát nội dung bài tập.

<p>LUYỆN TỪ VÀ CÂU</p> <p>LUYỆN TẬP VỀ ĐẠI TỪ (Tiếp theo)</p> <p>1. Thực hiện các yêu cầu:</p> <p>a. Chọn các từ dùng để xưng hô (tôi, anh, chúng ta) thích hợp với mỗi bông hoa để hoàn chỉnh câu chuyện vui dưới đây:</p> <p>Suy luận của Sơ-lốc Hòm</p> <p>⁽¹⁾ Sơ-lốc Hòm và bác sĩ Oát-xơn đi cắm trại. ⁽²⁾ Hai người nằm ngủ trong một chiếc lều. ⁽³⁾ Gần sáng, Sơ-lốc Hòm lay bạn dậy và hỏi: - ⁽⁴⁾ Oát-xơn, nhìn xem, ⁽⁵⁾ thấy cái gì? - ⁽⁶⁾ ⁽⁷⁾ thấy rất nhiều sao. - ⁽⁸⁾ Theo anh, thế có nghĩa là gì? - ⁽⁹⁾ Nghĩa là ⁽¹⁰⁾ sẽ có một ngày đẹp trời. ⁽¹¹⁾ Còn ⁽¹²⁾ ⁽¹³⁾ nghĩ sao? - ⁽¹⁴⁾ Theo ⁽¹⁵⁾, điều này có nghĩa là ai đó đã đánh cắp cái lều của ⁽¹⁶⁾.</p> <p>(Theo truyện cười đố đặng)</p> <p>b. Tìm đại từ thay thế trong câu 6. Những đại từ nào có thể thay thế cho đại từ đó?</p> <p>c. Thay đại từ nghi vấn trong câu 8 bằng một đại từ nghi vấn khác.</p> <p>2. Dùng đại từ để thay thế cho những từ ngữ lặp lại trong mỗi đoạn dưới đây và cho biết việc dùng đại từ thay thế như vậy có tác dụng gì.</p> <p>a. Thành tặng tôi một quyển truyện tranh. Việc Thành tặng tôi một quyển truyện tranh làm tôi rất xúc động.</p> <p>b. Thanh nhìn ra cái khung cửa mở rộng. Ngoài cái khung cửa mở rộng là một khu vườn xanh mát.</p> <p>c. Tôi thích xem phim hoạt hình. Chị tôi cũng thích xem phim hoạt hình.</p> <p>3. Đóng vai bác sĩ Oát-xơn trong câu chuyện Suy luận của Sơ-lốc Hòm, viết câu đáp lại lời của Sơ-lốc Hòm, trong đó có chứa một đại từ.</p>	
<p>- Bài 1. GV gọi HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Thực hiện các yêu cầu: chọn các từ dùng để xưng hô thích hợp, tìm đại từ thay thế, thay đại từ nghi vấn.</p>	<p>- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 4; trao đổi, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: a. Oát-xơn, nhìn xem, anh thấy cái gì? Tôi thấy rất nhiều sao. Nghĩa là chúng ta sẽ có một ngày đẹp trời. Còn anh, anh nghĩ sao? Theo tôi, điều này có nghĩa là ai đó đã đánh cắp cái lều của chúng ta. b. Trong câu 6, từ “thế” là đại từ thay thế. Có thể thay “thế” bằng “vậy”; cũng có thể thay bằng “việc/điều đó”. c. Có thể dùng từ “gì” hoặc “thế nào” để thay cho từ “sao”.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Vì sao trong câu chuyện vui, việc dùng đúng đại từ giúp câu chuyện dễ hiểu hơn?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- GV chốt: Bài tập giúp HS ôn lại ba nhóm đại từ: xưng hô, nghi vấn và thay thế.</p>	<p>- HS lắng nghe, sửa hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.</p>
<p>- Bài 2. GV gọi HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Dùng đại từ để thay thế cho</p>	<p>- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu.</p>

những từ ngữ lặp lại trong mỗi đoạn và cho biết tác dụng.	
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm bài vào vở rồi trao đổi nhóm 2.	- HS làm bài vào vở rồi trao đổi nhóm 2; trao đổi, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: a. Thành tặng tôi một quyển truyện tranh. Việc này/đó/ấy làm tôi rất xúc động. b. Thanh nhìn ra cái khung cửa mở rộng. Ngoài ấy/đó là một khu vườn xanh mát. c. Tôi thích xem phim hoạt hình. Chì tôi cũng vậy/thế. Việc dùng đại từ thay thế giúp văn bản ngắn gọn hơn và tránh lặp từ.
- GV hỏi mở rộng: Câu văn sau khi thay bằng đại từ có gì khác so với câu văn ban đầu?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV chốt: Đại từ thay thế góp phần làm câu văn ngắn gọn, tránh lặp từ và giúp đoạn văn mạch lạc hơn.	- HS lắng nghe, sửa hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.
- Bài 3. GV gọi HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Đóng vai bác sĩ Oát-xơn trong câu chuyện Suy luận của Sơ-lốc Hôm, viết câu đáp lại lời của Sơ-lốc Hôm, trong đó có chứa một đại từ.	- HS đọc bài 3 và xác định yêu cầu.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm vở cá nhân, sau đó chia sẻ trong nhóm.	- HS làm vở cá nhân, sau đó chia sẻ trong nhóm; trao đổi, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Ví dụ: Ừ nhỉ! Chúng ta phải làm gì bây giờ? Trong câu có “chúng ta” là đại từ xưng hô và “gi” là đại từ nghi vấn.
- GV hỏi mở rộng: Câu đáp cần đảm bảo những yêu cầu nào?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV chốt: Câu đáp cần phù hợp logic câu chuyện và có chứa ít nhất một đại từ.	- HS lắng nghe, sửa hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.
- GV tích hợp NLS: + GV hướng dẫn HS chụp ảnh một món đồ yêu thích dùng cho hoạt động học tập bằng thiết bị của GV hoặc thiết bị được phép sử dụng. + HS đặt tên ảnh rõ ràng, ví dụ: “nhan_vo_ky_niem”, “hop_but_yeu_thich”.	- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.

<p>+ GV hướng dẫn HS lưu ảnh vào thư mục có tên rõ ràng như “Bo_suu_tap_lop_5”, không lưu lẫn với thư mục cá nhân khác.</p> <p>+ GV nhắc HS chỉ chụp đồ vật của mình hoặc đồ vật được bạn đồng ý, không tự ý chụp tài sản cá nhân của người khác.</p>	
<p>3. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút)</p> <p>Mục tiêu: củng cố tác dụng của đại từ và vận dụng vào giao tiếp, viết câu.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS nhắc lại tác dụng của đại từ thay thế trong văn bản.</p>	<p>- HS nhắc lại: Đại từ thay thế giúp văn bản ngắn gọn hơn và tránh lặp từ.</p>
<p>- GV giao việc: Tìm trong bài đọc hoặc trong một đoạn văn em đọc được 2 đại từ và nêu tác dụng của chúng.</p>	<p>- HS ghi nhiệm vụ học tập vào vở.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 7: BỘ SƯU TẬP ĐỌC ĐÁO**TIẾT 3: VIẾT - VIẾT BÁO CÁO CÔNG VIỆC****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Biết lựa chọn một trong hai đề để viết báo cáo công việc theo đúng vai người viết.
- Biết chuẩn bị số liệu, thông tin chính xác về hoạt động của tổ, của lớp hoặc của chi đội trong tháng qua.
- Viết được bản báo cáo có đủ phần, trình bày rõ ràng, có bảng biểu hoặc mục liệt kê phù hợp; biết đọc soát và chỉnh sửa báo cáo.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, chủ động thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh cách đọc, cách viết theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, vận dụng vốn từ và trải nghiệm để nói, viết sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực chuẩn bị thông tin, số liệu và hoàn thành bản báo cáo.
- Trung thực: nêu đúng số liệu, thông tin chính xác trong báo cáo.
- Trách nhiệm: biết đánh giá hoạt động tập thể và đề xuất hướng cố gắng phù hợp.

4. Tích hợp

- AI: 5.C4.2 - Trải nghiệm Teachable Machine để dạy máy nhận diện, phân loại đồ vật trong bộ sưu tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; mẫu báo cáo công việc.
- Bảng phụ hoặc máy chiếu trình chiếu đề bài và mẫu báo cáo.
- Hình SGK phần Viết được cắt đúng nội dung, chèn dưới câu lệnh GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 phút) Mục tiêu: Gợi nhớ cách viết báo cáo công việc đã học ở bài trước. Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Khi viết một bản báo cáo, em cần chú ý những phần nào?	- HS trả lời: Cần có quốc hiệu, tiêu ngữ hoặc tên liên đội/chi đội, địa điểm, thời gian, tiêu đề, người nhận, nội dung báo cáo, người viết báo cáo, chữ kí và họ tên.
2. Khám phá: Chuẩn bị viết báo cáo (12 phút) Mục tiêu: HS nắm đề bài, xác định vai viết, chuẩn bị số liệu và thông tin cần báo cáo. Mục tiêu tích hợp: HS hiểu AI có thể hỗ trợ nhận diện, phân loại đồ vật nhưng con người vẫn cần chọn lọc dữ liệu và kiểm tra kết quả. Cách tiến hành:	
- GV cho HS đọc hai đề trong SGK và quan sát mẫu báo cáo.	- HS đọc đề bài và xác định có thể chọn Đề 1 hoặc Đề 2.

<p>VIẾT</p> <p>VIẾT BÁO CÁO CÔNG VIỆC</p> <p>Viết báo cáo công việc theo 1 trong 2 đề dưới đây:</p> <p>Đề 1: Trong vai tổ trưởng hoặc lớp trưởng, báo cáo thầy cô về các hoạt động của tổ hoặc của lớp trong tháng qua.</p> <p>Đề 2: Trong vai chỉ đội trưởng, báo cáo thầy cô Tổng phụ trách Đội về các hoạt động của chi đội trong tháng qua.</p> <p>1. Chuẩn bị.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đọc lại bản báo cáo trong hoạt động Viết ở Bài 6 để xác định các nội dung cần viết. – Để chuẩn bị nội dung cho bản báo cáo, em cần tìm hiểu, ghi chép số liệu, thông tin chính xác về các hoạt động của tổ, của lớp hoặc của chi đội trong tháng qua và lập bảng biểu thích hợp. <p>G:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Ưu điểm</th> <th>Hạn chế</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Những việc hoàn thành tốt</td> <td>Những việc chưa hoàn thành, lí do</td> </tr> <tr> <td>Những kết quả vượt trội</td> <td>Những sai sót cần khắc phục</td> </tr> <tr> <td>Những thành viên tích cực</td> <td>Những thành viên cần cố gắng</td> </tr> </tbody> </table> <p>2. Viết.</p> <p>G:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nếu viết báo cáo về hoạt động của tổ hoặc của lớp gửi thầy cô, em viết theo mẫu dưới đây: <div style="border: 1px solid black; padding: 10px; margin: 10px 0;"> <p style="text-align: center;">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u></p> <p style="text-align: center;"><i>Địa điểm, thời gian viết báo cáo</i></p> <p style="text-align: center;">TIÊU ĐỀ BÁO CÁO</p> <p>Người nhận báo cáo Nội dung báo cáo</p> <p style="text-align: right;">Người viết báo cáo Chữ kí Họ và tên</p> </div>	Ưu điểm	Hạn chế	Những việc hoàn thành tốt	Những việc chưa hoàn thành, lí do	Những kết quả vượt trội	Những sai sót cần khắc phục	Những thành viên tích cực	Những thành viên cần cố gắng	
Ưu điểm	Hạn chế								
Những việc hoàn thành tốt	Những việc chưa hoàn thành, lí do								
Những kết quả vượt trội	Những sai sót cần khắc phục								
Những thành viên tích cực	Những thành viên cần cố gắng								
<p>- GV nhắc HS xem lại cách viết quốc hiệu, tiêu ngữ, tiêu đề, người nhận và chữ kí trong báo cáo mẫu.</p>	<p>- HS xem lại mẫu, nêu các phần chính của bản báo cáo.</p>								
<p>- GV hướng dẫn HS thu thập số liệu thật, lập bảng thống kê trước khi viết.</p>	<p>- HS ghi các nhóm nội dung: những việc hoàn thành tốt; những việc chưa hoàn thành và lí do; kết quả vượt trội; sai sót cần khắc phục; thành viên tích cực; thành viên cần cố gắng.</p>								
<p>- GV cho HS quan sát tiếp phần mẫu báo cáo và câu hỏi đọc soát.</p>	<p>- HS quan sát mẫu báo cáo của chi đội và các câu hỏi dùng để đọc soát.</p>								

<p>– Nếu viết báo cáo về hoạt động của chi đội gửi thầy cô Tổng phụ trách Đội, em viết theo mẫu dưới đây:</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 10px; margin: 10px 0;"> <p>LIÊN ĐỘI TRƯỞNG ĐỘI THIẾU NIÊN TIẾN PHONG HỒ CHÍ MINH Chi đội</p> <p style="text-align: center;">Địa điểm, thời gian viết báo cáo</p> <p style="text-align: center;">TIÊU ĐỀ BÁO CÁO</p> <p>Người nhận báo cáo Nội dung báo cáo</p> <p style="text-align: right;">Thay mặt chi đội CHI ĐỘI TRƯỞNG Chữ kí Họ và tên</p> </div> <p><i>Lưu ý:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Dùng dấu gạch ngang đánh dấu mỗi ý trình bày. – Trước khi viết báo cáo, nên lập bảng thống kê và tổng hợp số liệu về các công việc đã làm. <p>3. Đọc soát và chỉnh sửa.</p> <p>G:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Bản báo cáo có đầy đủ các phần theo quy định hay không? – Các thông tin trong bản báo cáo có đảm bảo tính chính xác và được trình bày rõ ràng theo các mục hay không? – Bảng biểu, số liệu có được trình bày rõ ràng, sạch đẹp hay không? <p>Đ:</p> <p> Trao đổi với người thân:</p> <ol style="list-style-type: none"> Những hoạt động em đã tham gia trong tháng vừa qua. Những mong muốn, dự định của em trong tháng tiếp theo. <div style="display: flex; justify-content: space-around; margin-top: 10px;"> <div style="border: 1px solid blue; border-radius: 15px; padding: 5px; background-color: #e0f0ff;">Hoạt động học tập của tổ, của lớp</div> <div style="border: 1px solid blue; border-radius: 15px; padding: 5px; background-color: #e0f0ff;">Hoạt động của chi đội, liên đội</div> </div>	
<p>- GV tích hợp AI:</p> <p>+ GV giới thiệu ngắn gọn: Teachable Machine là công cụ có thể giúp máy học nhận diện, phân loại hình ảnh theo dữ liệu mẫu.</p> <p>+ GV liên hệ với bài Bộ sưu tập độc đáo: Nếu có nhiều ảnh đồ vật trong bộ sưu tập, AI có thể học cách phân loại theo nhóm như tem, kẹp sách, nhãn vở, bưu thiếp.</p> <p>+ GV hướng dẫn HS hiểu: muốn AI nhận diện đúng thì dữ liệu ảnh phải rõ, đặt tên nhóm chính xác, không dùng hình ảnh riêng tư của người khác khi chưa được đồng ý.</p> <p>+ GV nhấn mạnh: AI chỉ hỗ trợ phân loại; HS vẫn phải tự kiểm tra kết quả và tự viết báo cáo bằng thông tin chính xác của mình.</p>	<p>- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn.</p> <p>+ Liên hệ nội dung bài học với bản thân.</p> <p>+ Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp.</p> <p>+ Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.</p>
<p>3. Luyện tập: Viết báo cáo (18 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS viết được bản báo cáo công việc theo đề đã chọn.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài 1. GV gọi HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Chuẩn bị nội dung cho bản báo cáo.</p>	<p>- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho</p>	<p>- HS lập bảng nháp theo cá nhân; trao đổi, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở</p>

HS lập bảng nháp theo cá nhân.	theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS xác định đề viết, vai viết và các số liệu cần báo cáo; ghi rõ hoạt động, kết quả, ưu điểm, hạn chế và hướng khắc phục.
- GV chốt: Trước khi viết báo cáo, cần thu thập thông tin chính xác, lập bảng biểu và xác định đúng người nhận báo cáo.	- HS lắng nghe, sửa hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.
- Bài 2. GV gọi HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Viết báo cáo theo mẫu.	- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS viết bài vào vở hoặc giấy kiểm tra.	- HS viết bài vào vở hoặc giấy kiểm tra; trao đổi, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS viết bản báo cáo có đầy đủ phần theo mẫu, nội dung rõ ràng, số liệu chính xác, trình bày sạch đẹp.
- GV chốt: Bản báo cáo cần đầy đủ thể thức, nội dung trung thực, rõ ràng và có chữ kí, họ tên người viết.	- HS lắng nghe, sửa hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.
4. Vận dụng: Đọc soát và chỉnh sửa (5 phút) Mục tiêu: HS biết đọc soát, phát hiện lỗi và chỉnh sửa báo cáo. Cách tiến hành:	
- Bài 3. GV gọi HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Đọc soát và chỉnh sửa.	- HS đọc bài 3 và xác định yêu cầu.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS đổi bài theo nhóm 2, đọc chéo và góp ý.	- HS đổi bài theo nhóm 2, đọc chéo và góp ý; trao đổi, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS kiểm tra: báo cáo có đủ các phần; thông tin chính xác; bảng biểu, số liệu trình bày rõ ràng, sạch đẹp; cách dùng từ, viết câu, chính tả đúng.
- GV chốt: Đọc soát giúp bản báo cáo đúng yêu cầu, chính xác và trình bày rõ ràng hơn.	- HS lắng nghe, sửa hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.
- GV hướng dẫn HS trao đổi với người thân về những hoạt động đã tham gia trong tháng qua và mong muốn, dự định trong tháng tiếp theo.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ vận dụng ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 8: HÀNH TINH KÌ LẠ

TIẾT 4 - 5: ĐỌC - HÀNH TINH KÌ LẠ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ câu chuyện Hành tinh kì lạ; biết đọc lời kể chuyện, lời nói của nhân vật với giọng điệu phù hợp.
- Nhận biết đặc điểm của nhân vật qua hình dáng, điệu bộ, hành động, suy nghĩ; hiểu cách liên tưởng, so sánh trong việc xây dựng nhân vật và diễn biến câu chuyện.
- Hiểu điều tác giả muốn nói: Người máy có thể làm nhiều việc thay con người, nhưng tình cảm, cảm xúc và tình yêu quê hương là điều máy móc không thể thay thế.
- Biết đóng vai người máy để giới thiệu về hành tinh lạ và kể tiếp phần kết thúc cho câu chuyện.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, chủ động thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh cách đọc, cách viết theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, vận dụng vốn từ và trải nghiệm để nói, viết sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: biết trân trọng, yêu quý nơi mình sinh sống, có tình cảm với quê hương.
- Nhân ái: biết quan tâm đến cảm xúc của con người trong thế giới công nghệ.
- Trách nhiệm: biết cập nhật thay đổi của thời đại nhưng vẫn giữ tình cảm, giá trị tốt đẹp của con người.

4. Tích hợp

- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục trách nhiệm khi sáng tạo công nghệ, biết dùng tri thức để phục vụ con người và cộng đồng.
- Quyền con người: Lòng ghép quyền được sáng tạo, tưởng tượng và tham gia hoạt động học tập an toàn, tôn trọng ý kiến khác biệt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; máy tính, máy chiếu hoặc ti vi.
- Tranh minh họa câu chuyện Hành tinh kì lạ; hình bài đọc và bài tập được cắt đúng phần.
- Phiếu học tập dùng cho đọc hiểu và luyện tập theo văn bản đọc.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Ôn bài cũ (3 phút) Mục tiêu: Kiểm tra việc đọc và hiểu bài Bộ sưu tập độc đáo. Cách tiến hành:	
- GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài Bộ sưu tập độc đáo và trả lời 1 - 2 câu hỏi đọc hiểu.	- 2 HS đọc bài và trả lời câu hỏi; lớp nhận xét.
2. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Khơi gợi trí tưởng tượng của HS về một hành tinh ngoài Trái Đất. Cách tiến hành:	
- GV mời HS đọc yêu cầu khởi động: Tưởng tượng em đến một hành tinh ngoài Trái Đất, em sẽ thấy những gì?	- 1 HS đọc yêu cầu; HS suy nghĩ cá nhân.

 <p>Bài 8 HÀNH TINH KÌ LẠ</p> <p>ĐỌC</p> <p>Tưởng tượng em đến một hành tinh ngoài Trái Đất, em sẽ thấy những gì?</p> <p>HÀNH TINH KÌ LẠ</p> <p>Khi tàu vượt qua hành lang lửa trên hành trình thám hiểm không gian, phía trước tàu bỗng xuất hiện những tia sáng nhấp nháy. Các kim đồng hồ ở buồng lái rối loạn, rồi không nhúc nhích nữa. Tàu buộc phải đáp xuống hành tinh gần nhất.</p> <p>Cửa tàu hé mở, hai người ăn mặc như sĩ quan bước vào. Họ kiểm tra chúng tôi và vật dụng mang theo. Chân-bai huých tôi, nói nhỏ:</p> <p>– Người máy.</p> <p>41</p>	
<p>- GV cho HS thảo luận nhóm 4, có thể dùng tranh đã chuẩn bị để thuyết minh ý tưởng.</p>	<p>- HS nêu ý tưởng: một hành tinh toàn màu hồng; hành tinh chỉ có động vật và cây cối; hành tinh có sinh vật lạ, máy móc hiện đại,...</p>
<p>- GV gọi đại diện 2 - 3 nhóm trình bày; GV khen ngợi HS có trí tưởng tượng phong phú và dẫn vào bài.</p>	<p>- Đại diện nhóm trình bày trước lớp; HS lắng nghe và chuẩn bị đọc bài.</p>
<p>3. Khám phá: Đọc văn bản (18 phút)</p> <p>Mục tiêu: Đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản; hiểu từ khó và nắm nội dung chính của câu chuyện.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV đọc cả bài, đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện cảm xúc của nhân vật.</p>	<p>- HS nghe GV đọc mẫu, theo dõi văn bản trong SGK.</p>

<p>Tôi giật mình nhưng chưa nhận ra họ có gì khác thường. Khi họ đưa chúng tôi vào thành phố, tôi quan sát những người xung quanh mới nhận ra sự khác biệt. Da của họ có nhiều màu: hồng, ánh xanh, vàng nghệ hoặc tím... Vài người kéo cao tay áo, để lộ những cánh tay bằng thép.</p> <p>– Chắc họ chỉ quen “đời non, lập biển”. – Chấn-bại cười.</p> <p>Cậu chăm chú nghe máy dịch tự động, lăm lăm:</p> <p>– Mỗi ngày mười giờ, một tuần mười ngày, mỗi tháng mười tuần, một năm mười tháng. Thế là dài hơn hay ngắn hơn ở Trái Đất nhỉ?</p> <p>Tôi thì mãi mê với mấy móc dọc đường đi. Tất cả các việc đều do máy làm, từ xây dựng đến cắt tóc, tắm giặt... Tôi thích nhất những chiếc ô tô vừa chạy vừa bay. Chúng hoạt động theo yêu cầu bằng giọng nói của chủ nhân. Tất nhiên, tôi chẳng ra lệnh được cho xe nào vì không cái nào thuộc sở hữu của tôi.</p> <p>Cái gì cũng hấp dẫn cho tôi khi chúng tôi thấy quá nóng bức. Ở Trái Đất, 30 độ chưa nóng lắm, nhưng ở đây oi bức lạ thường mặc dù có rất nhiều cây. Tôi lại gần một cây đại thụ. Thân to đổ sộ, gốc rễ xù xì, cành lá xanh tươi, nhưng càng lại gần càng nóng ran. Tôi sờ vào thân cây và chợt phát hiện ra đây cũng chỉ là cái máy mang hình cây. Chao ôi, tôi bỗng nhớ Trái Đất của tôi lắm sao! Tôi thèm bóng cây râm mát với tiếng chim hót riu riu làm sao! Bao giờ tôi mới được trở về?</p> <p>(Theo Viêt Linh)</p> <p>KẾT NỐI TRÁI THỰC</p> <p>1. Tìm chỉ tiết cho biết lí do con tàu phải hạ cánh xuống hành tinh gần nhất.</p> <p>2. Hai nhà du hành phát hiện ra những điều gì đặc biệt ở hành tinh đó?</p> <p>3. Vì sao nhân vật “tôi” cảm thấy nhớ Trái Đất?</p> <p>4. Đóng vai một người máy trên hành tinh lạ, giới thiệu về hành tinh đó.</p> <p>Các bạn nhìn tôi có lạ không? Để tôi nói cho các bạn nghe về chúng tôi và nơi chúng tôi sống nhé!</p> <p>5. Kể tiếp phần kết thúc cho câu chuyện.</p> <p>G:</p> <p>Thế rồi,... Bỗng nhiên,... Cuối cùng,...</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: hành lang lửa, thám hiểm, buồng lái, rối loạn, sĩ quan, huých, đời non, lập biển, nóng lăm, lạ thường, gốc rễ xù xì,...</p>	<p>- HS luyện đọc từ khó: hành lang lửa, thám hiểm, buồng lái, rối loạn, sĩ quan, huých, gốc rễ xù xì.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc nhấn giọng ở lời nhân vật: Người máy!; Chắc họ chỉ quen đời non, lập biển.; Thế là dài hơn hay ngắn hơn Trái Đất nhỉ?</p>	<p>- HS luyện đọc lời nhân vật với giọng phù hợp: thông báo hào hứng, pha trò, nhỏ chậm và suy tư.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS ngắt giọng ở những câu dài: Khi họ đưa chúng tôi vào thành phố,/ tôi quan sát những người xung quanh/ mới nhận ra sự khác biệt.</p>	<p>- HS luyện ngắt nghỉ đúng ở câu dài.</p>
<p>- GV chia đoạn, cho 2 HS đọc nối tiếp trước lớp; sau đó cho HS đọc nhóm 2.</p>	<p>- 2 HS đọc nối tiếp; HS đọc nhóm 2, mỗi bạn đọc một đoạn rồi đổi lượt đọc.</p>
<p>- GV gọi HS nêu từ khó; GV giải nghĩa từ.</p>	<p>- HS nêu từ khó: đáp xuống, sĩ quan, hành lang lửa, người máy. Đáp xuống là hạ xuống và dừng lại. Sĩ quan là cán bộ thuộc lực lượng vũ trang của một quốc gia. Hành lang lửa là khu vực nguy hiểm trong không gian theo tưởng tượng của câu chuyện. Người máy là máy có hình dạng hoặc khả năng hoạt động giống con người.</p>

4. Luyện tập: Trả lời câu hỏi (25 phút)

Mục tiêu: Trả lời câu hỏi đọc hiểu; hiểu ý nghĩa câu chuyện về công nghệ, tình cảm và quê hương.

Mục tiêu tích hợp: HS có trách nhiệm khi sáng tạo công nghệ, biết dùng tri thức phục vụ con người và cộng đồng.

Cách tiến hành:

- Câu 1. GV gọi HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Tìm chi tiết cho biết lí do con tàu phải hạ cánh xuống hành tinh gần nhất.	- HS đọc câu 1 và xác định yêu cầu.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân rồi trao đổi nhóm 2.	- HS làm việc cá nhân rồi trao đổi nhóm 2; trao đổi, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Con tàu đang vượt qua hành lang lửa trên hành trình thám hiểm không gian thì phía trước tàu xuất hiện những tia sáng nhấp nháy. Các kim đồng hồ ở buồng lái rối loạn rồi không nhúc nhích nữa. Tàu buộc phải đáp xuống hành tinh gần nhất.
- GV chốt: Con tàu phải hạ cánh vì gặp sự cố trong hành trình thám hiểm không gian.	- HS lắng nghe, sửa hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.
- Câu 2. GV gọi HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Hai nhà du hành phát hiện ra những điều gì đặc biệt ở hành tinh đó?	- HS đọc câu 2 và xác định yêu cầu.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4; trao đổi, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Con người ở hành tinh đó là người máy, có da nhiều màu, tay làm bằng thép. Cách tính thời gian khác Trái Đất: mỗi ngày mười giờ, mỗi tuần mười ngày, mỗi tháng mười tuần, một năm mười tháng. Máy móc ở đó làm mọi việc; ô tô vừa chạy vừa bay và hoạt động theo yêu cầu bằng giọng nói của chủ nhân.
- GV hỏi mở rộng: Em có thích sống ở hành tinh ấy không? Vì sao?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV chốt: Hành tinh lạ có nhiều điều hiện đại nhưng khác xa Trái Đất vì mọi thứ đều do máy móc tạo ra.	- HS lắng nghe, sửa hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.
- Câu 3. GV gọi HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Vì sao nhân vật “tôi” cảm thấy nhớ Trái Đất?	- HS đọc câu 3 và xác định yêu cầu.

- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS đọc kĩ đoạn cuối, trao đổi nhóm 2.	- HS đọc kĩ đoạn cuối, trao đổi nhóm 2; trao đổi, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Nhân vật “tôi” nhận ra hành tinh lạ không có sự sống bình thường: cây đại thụ cũng chỉ là cái máy mang hình cây, không có cây cối thật, sinh vật thật và con người thật. Điều đó khác xa Trái Đất, nơi có sự sống tự nhiên, con người, cây cối, động vật và bao tình cảm, cảm xúc.
- GV hỏi mở rộng: Khi đi xa, em thường nhớ điều gì nhất về quê hương?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV chốt: Nhân vật “tôi” nhớ Trái Đất vì Trái Đất có sự sống tự nhiên và tình cảm thật của con người.	- HS lắng nghe, sửa hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.
- Câu 4. GV gọi HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Đóng vai một người máy trên hành tinh lạ, giới thiệu về hành tinh đó.	- HS đọc câu 4 và xác định yêu cầu.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân, sau đó trình bày trong nhóm 4.	- HS làm việc cá nhân, sau đó trình bày trong nhóm 4; trao đổi, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Xin chào, tôi là một người máy trên hành tinh Xa Tít. Ở hành tinh của tôi, da chúng tôi có nhiều màu, tay làm bằng thép. Mỗi ngày chỉ có mười giờ, mỗi tuần mười ngày. Ở đây, ô tô có thể vừa chạy vừa bay, cây cối và nhà cửa đều có thể là máy móc. Các bạn có muốn đến thăm hành tinh của chúng tôi không?
- GV hỏi mở rộng: Khi đóng vai người máy, em có thể thêm những chi tiết tưởng tượng nào?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV chốt: Khi giới thiệu, HS có thể dựa vào chi tiết trong bài và mở rộng bằng trí tưởng tượng phù hợp.	- HS lắng nghe, sửa hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.
- Câu 5. GV gọi HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Kể tiếp phần kết thúc cho câu chuyện.	- HS đọc câu 5 và xác định yêu cầu.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS suy nghĩ cá nhân rồi kể trong nhóm.	- HS suy nghĩ cá nhân rồi kể trong nhóm; trao đổi, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS kể tiếp theo ý riêng, ví dụ: Hai nhà du hành tìm được cách sửa

	tàu, tạm biệt những người máy trên hành tinh lạ và trở về Trái Đất. Khi nhìn thấy bóng cây, tiếng chim và con người thật, nhân vật “tôi” càng thêm yêu Trái Đất.
- GV chốt: Kết thúc câu chuyện cần phù hợp mạch truyện và thể hiện được tình cảm với Trái Đất, quê hương.	- HS lắng nghe, sửa hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.
<p>- GV tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống:</p> <p>+ GV gợi mở để HS thấy công nghệ, người máy có thể hỗ trợ con người trong nhiều việc.</p> <p>+ GV nhấn mạnh khi sáng tạo công nghệ cần hướng đến phục vụ con người, cộng đồng và làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn.</p> <p>+ HS biết không lệ thuộc hoàn toàn vào máy móc, vẫn cần giữ tình cảm, trách nhiệm và sự sáng tạo của con người.</p>	<p>- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn.</p> <p>+ Liên hệ nội dung bài học với bản thân.</p> <p>+ Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp.</p> <p>+ Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.</p>
<p>5. Luyện đọc lại và luyện tập theo văn bản đọc (15 phút)</p> <p>Mục tiêu: Luyện đọc diễn cảm; mở rộng vốn từ về vũ trụ và ôn tập đại từ.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
- GV hướng dẫn HS nghe đọc diễn cảm toàn bài, sau đó gọi 2 HS đọc nối tiếp.	- 2 HS đọc nối tiếp; cả lớp đọc thầm theo và góp ý.
<p>- GV cho HS quan sát các bài luyện tập theo văn bản đọc trong SGK.</p> 	- HS quan sát bài tập 1, 2, 3.

- Câu 1. GV gọi HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Tìm trong và ngoài bài đọc những từ ngữ chỉ sự vật trong vũ trụ.	- HS đọc câu 1 và xác định yêu cầu.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4; trao đổi, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Ví dụ: hành tinh, sao, thiên hà, Mặt Trời, Sao Thủy, Sao Kim, Sao Hỏa, Trái Đất, Sao Mộc, Sao Thổ, Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương, Mặt Trăng.
- GV chốt: Các từ ngữ tìm được giúp HS mở rộng vốn từ về vũ trụ.	- HS lắng nghe, sửa hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.
- Câu 2. GV gọi HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Tìm các đại từ trong đoạn văn và cho biết mỗi đại từ dùng để xưng hô hay thay thế.	- HS đọc câu 2 và xác định yêu cầu.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm vở cá nhân rồi trao đổi nhóm 2.	- HS làm vở cá nhân rồi trao đổi nhóm 2; trao đổi, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Đại từ “tôi” dùng để xưng hô; đại từ “chúng” dùng để thay thế cho “những chiếc ô tô vừa chạy vừa bay”.
- GV chốt: Đại từ có thể dùng để xưng hô hoặc dùng để thay thế cho từ ngữ đã xuất hiện trước đó.	- HS lắng nghe, sửa hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.
- Câu 3. GV gọi HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Viết tiếp câu dưới đây, trong đó có sử dụng đại từ thay thế: Tôi lại gần một cây đại thụ.	- HS đọc câu 3 và xác định yêu cầu.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS viết câu vào vở.	- HS viết câu vào vở; trao đổi, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Ví dụ: Tôi lại gần một cây đại thụ. Thân nó to đồ sộ, gốc rễ xù xì, cành lá xanh tươi.
- GV chốt: Khi viết tiếp câu, có thể dùng đại từ thay thế để tránh lặp lại từ ngữ đã nêu.	- HS lắng nghe, sửa hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-

-

BÀI 8: HÀNH TINH KÌ LẠ**TIẾT 6: VIẾT - ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA BÁO CÁO CÔNG VIỆC****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Nghe thầy cô nhận xét chung về bài làm của lớp; biết tự đánh giá báo cáo của mình theo các tiêu chí.
- Biết chỉnh sửa hình thức trình bày, thông tin, bảng biểu, nhận xét, cách dùng từ, viết câu và chính tả trong báo cáo.
- Biết đọc soát, trao đổi góp ý với bạn để hoàn thiện báo cáo công việc.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, chủ động thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh cách đọc, cách viết theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, vận dụng vốn từ và trải nghiệm để nói, viết sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực đọc soát, chỉnh sửa bài viết.
- Trung thực: điều chỉnh thông tin và số liệu cho chính xác.
- Trách nhiệm: hoàn thiện sản phẩm báo cáo nghiêm túc, rõ ràng.

4. Tích hợp

- NLS: 3.1.CB2a - HS dùng PowerPoint thiết kế slide kể chuyện sáng tạo về thế giới tương lai.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; bài báo cáo công việc HS đã viết.
- Bảng tiêu chí đọc soát; máy chiếu hoặc ti vi nếu có.
- Hình SGK phần Viết được cắt đúng nội dung.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 phút) Mục tiêu: Ổn định lớp, gọi lại nhiệm vụ viết báo cáo đã thực hiện. Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Ở tiết trước, em đã viết báo cáo theo đề nào?	- HS nêu đề đã chọn và nội dung báo cáo đã viết.
2. Đánh giá báo cáo (15 phút) Mục tiêu: HS nhận ra ưu điểm, hạn chế trong báo cáo của mình. Mục tiêu tích hợp: HS biết dùng PowerPoint để trình bày ý tưởng kể chuyện sáng tạo về thế giới tương lai theo hướng an toàn, rõ ràng. Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát phần Đánh giá, chỉnh sửa báo cáo công việc trong SGK.	- HS quan sát các tiêu chí cần nghe nhận xét và chỉnh sửa.

 <p>1. Tìm trong và ngoài bài đọc những từ ngữ chỉ sự vật trong vũ trụ. M: sao Kim,...</p> <p>2. Tìm các đại từ trong đoạn dưới đây và cho biết mỗi đại từ đó dùng để xưng hô hay để thay thế. Tôi thích nhất những chiếc ô tô vừa chạy vừa bay. Chúng hoạt động theo yêu cầu bằng giọng nói của chủ nhân.</p> <p>3. Viết tiếp câu dưới đây, trong đó có sử dụng đại từ thay thế. Tôi lại gắn một cây đại thụ.</p> <p>VIẾT</p> <p>KẾT NỐI TRI THỨC</p> <p>ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA BÁO CÁO CÔNG VIỆC</p> <p>1. Nghe thầy cô nhận xét chung về bài làm của lớp.</p> <ul style="list-style-type: none"> Vẽ hình thức trình bày từng phần của báo cáo Vẽ các thông tin nêu trong bảng biểu, các nhận xét, đánh giá trong nội dung báo cáo Vẽ cách dùng từ, viết câu Vẽ chính tả <p>2. Chỉnh sửa báo cáo theo nhận xét của thầy cô và theo góp ý của bạn.</p> <p>Chỉnh sửa nội dung. Chỉnh sửa hình thức trình bày.</p>	
<p>- GV nhận xét chung về các bản báo cáo công việc HS đã viết: hình thức trình bày, thông tin nêu trong bảng biểu, nhận xét, cách dùng từ, viết câu và chính tả.</p>	<p>- HS lắng nghe nhận xét chung; ghi lại điều cần sửa trong bài của mình.</p>
<p>- GV mời một số HS đọc báo cáo trước lớp; hướng dẫn cả lớp nhận xét, góp ý.</p>	<p>- HS đọc báo cáo; các bạn nhận xét về thể thức, số liệu, cách trình bày và diễn đạt.</p>
<p>- GV tích hợp NLS: + GV hướng dẫn HS dùng PowerPoint để thiết kế một slide kể chuyện sáng tạo về thế giới tương lai, có thể liên hệ bài Hành tinh kì lạ. + HS chọn bố cục đơn giản: tiêu đề, hình minh họa, 2 - 3 ý chính, không chèn quá nhiều chữ. + GV nhắc HS sử dụng hình ảnh phù hợp, có nguồn rõ ràng hoặc hình tự vẽ; không dùng hình ảnh cá nhân của người khác khi chưa được phép. + HS lưu file với tên rõ ràng, ví dụ: “Hành tinh tương lai_Nhom_1”, để dễ tìm và chia sẻ khi học.</p>	<p>- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.</p>
<p>3. Chỉnh sửa báo cáo (17 phút) Mục tiêu: HS tự sửa báo cáo theo nhận xét của GV và góp ý của bạn. Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài 1. GV gọi HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Nghe thầy cô nhận xét chung</p>	<p>- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu.</p>

về bài làm của lớp.	
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS đọc lại báo cáo cá nhân, đánh dấu phần cần sửa.	- HS đọc lại báo cáo cá nhân, đánh dấu phần cần sửa; trao đổi, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS xác định các lỗi cần sửa: thiếu phần trong báo cáo, thông tin chưa chính xác, bảng biểu chưa rõ, dùng từ chưa phù hợp, câu văn hoặc chính tả còn sai.
- GV chốt: Đánh giá giúp HS biết ưu điểm và hạn chế để chỉnh sửa báo cáo tốt hơn.	- HS lắng nghe, sửa hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.
- Bài 2. GV gọi HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Chỉnh sửa báo cáo theo nhận xét của thầy cô và theo góp ý của bạn.	- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân và trao đổi nhóm 2.	- HS làm việc cá nhân và trao đổi nhóm 2; trao đổi, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS chỉnh sửa nội dung, hình thức trình bày, số liệu, bảng biểu, cách dùng từ, viết câu và lỗi chính tả trong báo cáo.
- GV chốt: Bản báo cáo sau chỉnh sửa cần đúng thể thức, thông tin chính xác, trình bày rõ ràng và sạch đẹp.	- HS lắng nghe, sửa hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.
4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút) Mục tiêu: củng cố kỹ năng tự đánh giá và chỉnh sửa bài viết. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nêu 1 điều em đã sửa được trong bản báo cáo của mình.	- 2 - 3 HS nêu điều đã chỉnh sửa: thêm số liệu, sửa bảng biểu, sửa lỗi chính tả, chỉnh cách trình bày,...
- GV nhận xét tiết học và dặn HS lưu lại bản báo cáo đã hoàn chỉnh.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ, hoàn thiện bài ở nhà nếu chưa xong.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 8: HÀNH TINH KÌ LẠ**TIẾT 7: NÓI VÀ NGHE - NHỮNG NƠI VUI CHƠI LÍ THÚ****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Biết chuẩn bị nội dung để giới thiệu về một nơi vui chơi đã đến hoặc muốn đến.
- Trình bày được bài giới thiệu có nội dung rõ ràng: tên, địa chỉ, lí do biết nơi đó, quang cảnh, hoạt động vui chơi và điều lí thú.
- Biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc qua giọng nói, cử chỉ, điệu bộ; biết lắng nghe, ghi lại điều thú vị trong phần trình bày của bạn.
- Biết đánh giá, góp ý bài giới thiệu về nội dung, trình tự và cách trình bày.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, chủ động thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh cách đọc, cách viết theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, vận dụng vốn từ và trải nghiệm để nói, viết sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến khác biệt khi bạn giới thiệu.
- Chăm chỉ: chuẩn bị nội dung nói, tranh ảnh minh họa hoặc phương tiện hỗ trợ.
- Trách nhiệm: giới thiệu thông tin đúng, phù hợp và an toàn.

4. Tích hợp

- **Quyền con người:** Rèn quyền được bày tỏ ý kiến, biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến khác biệt khi trao đổi về chủ điểm hành tinh kì lạ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; tranh ảnh về các khu vui chơi lí thú.
- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi nếu có; phiếu đánh giá bài nói.
- Hình SGK phần Nói và nghe được cắt đúng nội dung.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho hoạt động nói và nghe. Cách tiến hành:	
- GV cho HS kể nhanh tên một nơi vui chơi em đã đến hoặc muốn đến.	- HS nêu: công viên, khu vui chơi thiếu nhi, bảo tàng, vườn thú, nhà sách, khu trải nghiệm,...
2. Chuẩn bị (10 phút) Mục tiêu: HS chuẩn bị được nội dung giới thiệu về một nơi vui chơi. Mục tiêu tích hợp: HS biết thực hiện quyền được bày tỏ ý kiến, đồng thời lắng nghe và tôn trọng ý kiến khác biệt của bạn. Cách tiến hành:	
- GV cho HS đọc yêu cầu: Giới thiệu về một nơi vui chơi mà em đã đến hoặc muốn đến.	- HS đọc yêu cầu, xác định nhiệm vụ nói và nghe.

<p>NÓI VÀ NGHE</p> <p>NHỮNG ĐIỂM VUI CHƠI LÍ THÚ</p> <p>Yêu cầu: Giới thiệu về một nơi vui chơi mà em đã đến hoặc muốn đến.</p> <p>1. Chuẩn bị.</p> <p>G:</p>  <p>Chọn nơi vui chơi để giới thiệu (nơi đã đến hoặc đã thấy qua sách báo, phim ảnh,...).</p> <p>Nhớ lại những điều hấp dẫn về nơi vui chơi (quang cảnh, hoạt động vui chơi,...).</p> <p>Dự kiến các nội dung sẽ giới thiệu.</p> <p>Tìm các phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh minh họa,...).</p> <p>2. Trình bày.</p> <p>Dựa vào nội dung đã chuẩn bị, giới thiệu về nơi vui chơi mà em đã đến hoặc muốn đến.</p> <p>Giới thiệu chung (tên, địa chỉ nơi vui chơi, lí do em biết nơi đó,...).</p> <p>Giới thiệu quang cảnh và các hoạt động vui chơi.</p> <p>Nêu cảm xúc khi được trải nghiệm hoặc mong muốn được đến nơi vui chơi.</p> <p>Nêu những điều em thấy lí thú.</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> Khi nói, có thể thể hiện suy nghĩ, cảm xúc qua giọng nói, cử chỉ, điệu bộ,... Khi nghe, nên ghi lại những điều thú vị mà em muốn học tập trong bài giới thiệu của bạn. <p>3. Đánh giá.</p> <p>Nội dung giới thiệu hấp dẫn</p> <p>Người có phản hồi tích cực</p> <p>Sưu tầm tranh ảnh và bài viết về các hành tinh ngoài Trái Đất. Chia sẻ với người thân về một điều thú vị em tìm hiểu được.</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS chọn nơi vui chơi để giới thiệu: nơi đã đến hoặc nơi đã thấy qua sách báo, phim ảnh.</p>	<p>- HS chọn một nơi vui chơi và ghi nhanh tên, địa chỉ, lí do em biết nơi đó.</p>
<p>- GV gợi ý HS dự kiến nội dung sẽ giới thiệu: quang cảnh, hoạt động vui chơi, những điều lí thú, cảm xúc khi đến hoặc mong muốn được đến.</p>	<p>- HS chuẩn bị ý chính, có thể dùng tranh ảnh minh họa hoặc phương tiện hỗ trợ.</p>
<p>- GV tích hợp Quyền con người: + GV nhắc HS mỗi bạn đều có quyền được bày tỏ ý kiến, cảm xúc về nơi vui chơi mình yêu thích. + Khi bạn nói, HS cần lắng nghe, không cắt lời, ghi lại những điều thú vị muốn học tập. + Khi góp ý, HS dùng lời nhận xét lịch sự, tôn trọng sự khác biệt về sở thích và trải nghiệm của bạn.</p>	<p>- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.</p>
<p>3. Trình bày (18 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS trình bày được bài giới thiệu rõ ràng, có cảm xúc.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài 1. GV gọi HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Chuẩn bị nội dung giới thiệu.</p>	<p>- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân rồi trao đổi nhóm 4.</p>	<p>- HS làm việc cá nhân rồi trao đổi nhóm 4; trao đổi, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>

- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS chuẩn bị: tên nơi vui chơi, địa chỉ, lí do biết nơi đó, quang cảnh, các hoạt động vui chơi, điều lí thú và cảm xúc của bản thân.
- GV chốt: Bài giới thiệu cần có nội dung rõ ràng, trình tự hợp lí và thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc của người nói.	- HS lắng nghe, sửa hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.
- Bài 2. GV gọi HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Dựa vào nội dung đã chuẩn bị, giới thiệu về nơi vui chơi mà em đã đến hoặc muốn đến.	- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS trình bày trong nhóm 4.	- HS trình bày trong nhóm 4; trao đổi, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Ví dụ: Em muốn giới thiệu Công viên Tao Đàn ở Thành phố Hồ Chí Minh. Ở đó có nhiều cây xanh, không gian rộng, có khu vui chơi và nhiều hoạt động ngoài trời. Em thích nơi này vì không khí trong lành, vui vẻ và có thể đi cùng gia đình, bạn bè.
- GV hỏi mở rộng: Khi nói, em cần chú ý điều gì để người nghe hứng thú?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV chốt: Khi nói, cần thể hiện suy nghĩ, cảm xúc qua giọng nói, cử chỉ, điệu bộ và có thể dùng tranh ảnh minh họa.	- HS lắng nghe, sửa hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.
4. Trao đổi, góp ý và vận dụng (7 phút) Mục tiêu: HS biết nhận xét, góp ý bài nói; biết sưu tầm tranh ảnh, bài viết về các hành tinh ngoài Trái Đất. Cách tiến hành:	
- Bài 3. GV gọi HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Đánh giá.	- HS đọc bài 3 và xác định yêu cầu.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cả lớp, nhận xét bài nói của bạn.	- HS làm việc cả lớp, nhận xét bài nói của bạn; trao đổi, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS nhận xét: nội dung giới thiệu có hấp dẫn không; trình tự có rõ ràng không; người nói có tự tin, thể hiện cảm xúc và phản hồi tích cực không.
- GV chốt: Đánh giá bài nói cần dựa vào nội dung, trình tự, cách giới thiệu và thái độ lắng nghe, phản hồi.	- HS lắng nghe, sửa hoặc bổ sung câu trả lời vào vở.
- GV hướng dẫn HS thực hiện vận dụng:	- HS ghi nhiệm vụ vận dụng; có thể tìm

Sưu tầm tranh ảnh và bài viết về các hành tinh ngoài Trái Đất; chia sẻ với người thân về một điều thú vị em tìm hiểu được.	thông tin trên sách báo hoặc Internet dưới sự hướng dẫn của người lớn.
- GV chốt bài: Hôm nay HS đã biết giới thiệu về một nơi vui chơi lí thú và biết lắng nghe, góp ý cho bài nói của bạn.	- HS lắng nghe, tự đánh giá kết quả học tập của bản thân.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT 5

CHỦ ĐIỂM: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

TUẦN 5

BÀI 9: TRƯỚC CÔNG TRỜI (3 TIẾT)

TIẾT 1: ĐỌC: TRƯỚC CÔNG TRỜI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Trước công trời; biết nhấn giọng ở những từ ngữ gợi vẻ ngồ ngàng, say mê trước cảnh thiên nhiên vùng núi cao.
- Nhận biết được hình ảnh thơ, thời gian, không gian được thể hiện trong bài thơ; hiểu những hình ảnh gợi vẻ đẹp hoang sơ, khoáng đạt, trong lành, thơ mộng của thiên nhiên.
- Cảm nhận được hình ảnh con người miền núi hiện lên chan hòa với thiên nhiên, cần cù lao động và giàu sức sống.
- Nêu được chủ đề bài thơ và biết bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về vẻ đẹp thiên nhiên, con người vùng cao.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc trước bài, chuẩn bị SGK, tích cực thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh sản phẩm theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: Trao đổi với bạn trong nhóm đôi, nhóm nhỏ; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và bổ sung ý kiến.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt để trả lời câu hỏi, tìm ý, lựa chọn từ ngữ và tạo lập sản phẩm học tập.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Tự hào về vẻ đẹp thiên nhiên, vùng cao, biên cương của đất nước.
- Nhân ái: Biết tôn trọng con người, văn hóa, bản sắc của các dân tộc.
- Chăm chỉ, trách nhiệm: Tích cực luyện đọc, biết giữ gìn cảnh quan thiên nhiên và môi trường sống.

4. Tích hợp

QPAN: Bồi dưỡng tình yêu quê hương, tự hào về vẻ đẹp vùng cao, biên cương và ý thức giữ gìn khối đại đoàn kết các dân tộc.

Quyền con người: Giáo dục HS tôn trọng bản sắc văn hóa, phong tục tốt đẹp của các dân tộc trên đất nước Việt Nam.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; vở ghi, bút, bảng nhóm, phiếu học tập.
- Máy tính, ti vi/máy chiếu; hình/bài tập trong SGK được cắt, chèn đúng dưới câu lệnh GV tương ứng.
- Tranh ảnh, video/học liệu số phù hợp với nội dung bài học; thẻ từ, phiếu đọc sách hoặc phiếu thảo luận khi cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập; gợi nhớ chủ điểm đã học và dẫn dắt sang chủ điểm Thiên nhiên kì thú. Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu chủ điểm mới: Chủ điểm Thế	- HS lắng nghe, mở SGK, quan sát

<p>giới tuổi thơ khép lại bằng câu chuyện khoa học viễn tưởng Hành tinh kì lạ. Hôm nay, các em bước sang chủ điểm Thiên nhiên kì thú, nơi chúng ta sẽ khám phá những vẻ đẹp mới lạ của thế giới tự nhiên quanh ta và ở những miền đất xa xôi.</p> <p>GV nhấn mạnh thêm: bức tranh minh họa chủ điểm Thiên nhiên kì thú hứa hẹn đưa HS đến với những hiểu biết mới lạ, thú vị về thế giới tự nhiên ở quanh ta hoặc ở rất xa chúng ta.</p>	<p>tên chủ điểm mới và chuẩn bị tâm thế vào bài học.</p>
<p>- GV tổ chức trò chơi “Trồng hoa trang trí lớp”. GV nêu lần lượt câu hỏi ôn bài Hành tinh kì lạ: Câu 1. Vì sao con tàu phải hạ cánh xuống hành tinh gần nhất? Câu 2. Nêu nội dung chính của bài Hành tinh kì lạ.</p>	<p>- HS tham gia trò chơi, suy nghĩ và xung phong trả lời theo yêu cầu của GV.</p>
<p>- GV mời HS trình bày câu trả lời trước lớp, khuyến khích HS trả lời thành câu và có dẫn chứng trong bài đã học.</p>	<p>HS trả lời: Câu 1. Con tàu đang vượt qua hành lang lửa thì phía trước xuất hiện những tia sáng nhấp nháy, các kim đồng hồ ở buồng lái rối loạn rồi không nhích nữa nên tàu phải đáp xuống hành tinh gần nhất.</p> <p>Câu 2. Bài đọc kể lại trải nghiệm đáng nhớ của hai nhà du hành khi lạc vào một hành tinh kì lạ; qua đó, họ càng thấm thía nỗi nhớ quê nhà – Trái Đất.</p>
<p>- GV yêu cầu HS quan sát tranh minh họa chủ điểm và tranh bài Trước cổng trời, nêu cảm nhận ban đầu: Theo em, vì sao cảnh vật trong tranh được gọi là “cổng trời”?</p>	<p>- HS quan sát tranh, suy nghĩ cá nhân, trao đổi nhanh với bạn bên cạnh.</p>
<p>- GV mời 1 - 2 HS phát biểu trước lớp.</p>	<p>HS trả lời: Cảnh trong tranh có hai vách đá gần nhau như hai cánh cổng mở ra khoảng trời rộng, có mây, núi, suối và cây cỏ nên gợi cảm giác như một cổng trời trên mặt đất.</p>
<p>- GV chốt và dẫn vào bài: Bức tranh đã giúp các em cảm nhận phần nào cảnh sắc thiên nhiên hùng vĩ, thơ mộng. Chúng ta cùng đọc bài thơ Trước cổng trời để cảm nhận rõ hơn vẻ đẹp kì thú của thiên nhiên vùng núi cao và con người nơi đây.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi tên bài vào vở.</p>
<p>2. Khám phá: Luyện đọc (15 phút) Mục tiêu: HS đọc đúng, đọc diễn cảm bài thơ; biết ngắt nhịp, nhấn giọng phù hợp với hình ảnh thơ. Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV đọc mẫu toàn bài thơ, giọng đọc chậm rãi, tha thiết, thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, trong lành của thiên nhiên vùng núi cao. GV nhắc HS đọc thầm theo để tìm hình ảnh gây ấn tượng nhất.</p>	<p>- HS nghe GV đọc mẫu, theo dõi văn bản trong SGK, đánh dấu những hình ảnh thơ em thích.</p>

 <p>Tuần 5</p> <p>Bài 9 TRƯỚC CỔNG TRỜI</p> <p>ĐỌC</p> <p>Theo em, vì sao cảnh vật trong bức tranh dưới đây được gọi là "cổng trời"?</p> <p>TRƯỚC CỔNG TRỜI (Trích)</p> <p>Giữa hai bên vách đá Mở ra một khoảng trời Có gió thoảng, mây trôi Cổng trời trên mặt đất?</p> <p>Nhìn ra xa ngút ngát Bao sắc màu cỏ hoa. Con thác reo ngân nga Đàn dê soi đáy suối.</p> <p>Giữa ngút ngàn cây trái Dọc vùng rừng nguyên sơ Không biết thực hay mơ Ráng chiều như hơi khói...</p> <p>Những vạt nương màu mật Lúa chín ngập lòng thung Và tiếng nhạc ngựa rừng Suốt triển rừng hoang dã.</p> <p>45</p>	
<p>GV có thể mời 3 HS đọc nối tiếp các khổ thơ trước khi luyện đọc sâu; trước khi đọc, GV nhắc HS vừa nghe vừa nhìn vào SGK để tự chọn hình ảnh, cảnh vật gây ấn tượng nhất với mình.</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: vách đá, nguyên sơ, ngút ngát, vạt nương, triền, ráng chiều, suối reo, rừng sương giá, áo chàm.</p>	<p>- HS luyện đọc cá nhân, đọc theo nhóm đôi; sửa lỗi phát âm cho nhau theo hướng dẫn của GV.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS ngắt nhịp và nhấn giọng ở những câu thơ gợi vẻ đẹp đặc biệt: “Giữa hai bên vách đá/ Mở ra một khoảng trời”; “Nhìn ra xa ngút ngát”; “Ráng chiều như hơi khói”; “Và gió thổi, suối reo/ Âm giữa rừng sương giá”. GV lưu ý giọng đọc ở khổ mở đầu cần gợi vẻ ngạc nhiên, ngỡ ngàng; khi đọc các khổ sau, HS nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả vẻ đẹp đặc biệt như ngút ngát, ngân nga, màu mật, suối reo.</p>	<p>- HS luyện đọc ngắt nhịp, nhấn giọng ở các từ ngữ gợi hình, gợi cảm; nhận xét bạn đọc về giọng đọc và cách ngắt nghỉ.</p>
<p>- GV chia bài thơ thành 6 khổ để luyện đọc nối tiếp; giao nhiệm vụ cho từng nhóm 3 HS đọc nối tiếp, mỗi em đọc 2 khổ. GV nêu rõ phạm vi từng khổ: khổ 1 từ “Giữa hai bên vách đá” đến “Cổng trời trên mặt đất?”; khổ 2 từ “Nhìn ra xa ngút ngát” đến “Đàn dê soi đáy suối”; khổ 3 từ “Giữa ngút ngàn cây trái” đến “Ráng chiều như hơi khói”; khổ 4 từ “Những vạt nương màu mật” đến “Suốt triền rừng hoang dã”; khổ 5 từ “Người Tày từ khắp ngã” đến “Đi tìm măng, hái nấm”; khổ 6 là phần còn lại.</p>	<p>- HS đánh dấu khổ thơ, đọc nối tiếp trong nhóm; các bạn trong nhóm góp ý cho nhau về tốc độ, âm lượng và cảm xúc khi đọc.</p>
<p>- GV mời 2 nhóm đọc nối tiếp trước lớp; nhận xét, sửa lỗi phát âm, ngắt nhịp và giọng đọc.</p>	<p>- Đại diện nhóm đọc nối tiếp trước lớp; HS khác lắng nghe, nhận xét theo tiêu chí GV nêu.</p>

3. Luyện tập: Đọc hiểu và luyện đọc lại (17 phút)

Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi đọc hiểu; cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên, con người vùng cao; biết liên hệ giữ gìn, trân trọng cảnh quan và bản sắc văn hóa.

Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS đọc thầm lại bài thơ, chú ý các từ ngữ trong phần Từ ngữ: nguyên sơ, vạt nương, triền.

- HS đọc thầm lại bài thơ, gạch dưới từ ngữ hoặc hình ảnh còn chưa hiểu.

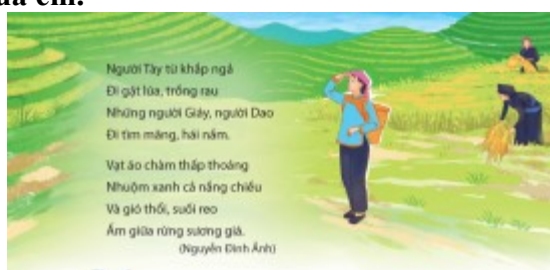
- GV hướng dẫn HS giải nghĩa từ: nguyên sơ là còn nguyên về tự nhiên như lúc ban đầu; vạt nương là mảnh đất dài và hẹp trên đồi núi để trồng trọt; triền là dải đất thoải thoải ở hai bên bờ sông hoặc hai bên sườn núi.

- HS lắng nghe, ghi nhớ nghĩa từ; có thể đặt câu ngắn với một từ vừa học.

GV bổ sung: áo chàm là trang phục truyền thống màu chàm của một số dân tộc miền núi; ráng chiều là ánh sáng, màu sắc của bầu trời lúc mặt trời sắp lặn. Những từ ngữ này giúp bài thơ giàu màu sắc, âm thanh và hình ảnh.

Câu 1. Dựa vào khổ thơ thứ nhất, hãy miêu tả khung cảnh “cổng trời” theo hình dung của em.

- HS đọc câu hỏi, đọc lại khổ thơ thứ nhất, suy nghĩ cá nhân; cột HS chưa ghi đáp án ở dòng câu hỏi.



Từ ngữ

- Nguyên sơ: còn nguyên về tự nhiên như lúc ban đầu.
- Vạt nương: mảnh đất dài và hẹp trên đồi núi để trồng trọt.
- Triền: dải đất thoải thoải ở hai bên bờ sông hoặc hai bên sườn núi.



1. Dựa vào khổ thơ thứ nhất, hãy miêu tả khung cảnh “cổng trời” theo hình dung của em.

2. Từ cổng trời, cảnh vật hiện ra với những hình ảnh nào? Em thấy hình ảnh nào thú vị nhất? Vì sao?

3. Hình ảnh con người trong 2 khổ thơ cuối có những điểm chung nào?

4. Theo em, điều gì đã khiến cho cảnh rừng sương già như âm lên?

5. Nêu chủ đề của bài thơ.

* Học thuộc lòng bài thơ.

LUYỆN TỪ VÀ CẤU

TỪ ĐỒNG NGHĨA

1. Đọc 2 đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Đàn kiến tiếp tục công việc của chúng: **khuân** đất, nhặt lá khô, **thụ** mồi. Kiến bé tí tẹo nhưng rất khéo và háng say. Kiến **vác**, kiến **lái**, kiến **đẩy**, kiến **nhấc** bóng lên được một vật nặng khổng lồ. Kiến chạy tít tít, gặp nhau đụng đầu chào, rồi lại vội vàng, tít tít...

(Theo Nguyễn Kiên)

47

- GV mời HS trình bày câu trả lời, yêu cầu HS nói rõ chi tiết thơ đã giúp em hình dung khung cảnh.

HS trả lời: Cổng trời hiện ra giữa hai bên vách đá, mở ra một khoảng trời cao rộng. Ở đó có gió thoảng, mây trôi, tạo cảm giác như có một cánh cổng tự nhiên trên mặt đất dẫn đến bầu trời bao la.

Câu 2. Từ cổng trời, cảnh vật hiện ra với những hình ảnh nào? Em thấy hình ảnh nào thú vị nhất? Vì sao?

- HS đọc câu hỏi, đọc lại các khổ thơ tiếp theo và chuẩn bị câu trả lời.

- GV cho HS làm việc nhóm đôi, thống nhất những hình ảnh cảnh vật hiện ra từ cổng trời; sau đó mời đại diện nhóm trình bày.

HS trả lời: Từ cổng trời, cảnh vật hiện ra có khoảng trời ngút ngát, sắc màu của cỏ cây, suối, rừng, nương rẫy, ráng chiều, những đàn

	dê soi đáy suối, những vật nướng màu mật, triền rừng hoang dã. Em thích hình ảnh “ráng chiều như hơi khói” vì hình ảnh này gợi về mờ ảo, mềm mại và thơ mộng.
Câu 3. Hình ảnh con người trong hai khổ thơ cuối có những điểm chung nào?	- HS đọc câu hỏi, đọc thầm hai khổ thơ cuối và tìm chi tiết về người Tày, người Giáy, người Dao.
- GV mời HS trình bày, khuyến khích HS nêu nhận xét về con người trong mối quan hệ với thiên nhiên.	HS trả lời: Con người trong hai khổ thơ cuối đều là những người lao động chăm chỉ, khỏe khoắn, đạt dào sức sống. Họ đi gặt lúa, trồng rau, tìm măng, hái nấm; hình ảnh “vật áo chàm thắp thoáng” cho thấy con người hòa vào cảnh núi rừng rất tự nhiên, gần gũi.
Câu 4. Theo em, điều gì đã khiến cho cảnh rừng sương giá như ấm lên?	- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ về hình ảnh con người và âm thanh trong khổ thơ cuối.
- GV mời một số HS nêu ý kiến, có thể gợi mở: Cảnh rừng ấm lên nhờ điều gì từ con người và cuộc sống?	HS trả lời: Cảnh rừng sương giá như ấm lên nhờ sự xuất hiện của con người lao động, nhờ màu áo chàm thắp thoáng, nhờ gió thổi, suối reo và sức sống bình dị, vui tươi của con người giữa thiên nhiên.
Câu 5. Nêu chủ đề của bài thơ.	- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ và chuẩn bị nêu chủ đề bằng lời của mình.
- GV mời HS trình bày chủ đề của bài thơ.	HS trả lời: Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp hùng vĩ, hoang sơ, thơ mộng của thiên nhiên vùng núi cao và vẻ đẹp của con người lao động chan hòa với thiên nhiên.
GV chốt nội dung: Bài thơ mở ra trước mắt người đọc một “cổng trời” trên mặt đất với cảnh sắc vùng cao rộng lớn, tươi đẹp và con người lao động bình dị, giàu sức sống. Qua bài thơ, chúng ta thêm yêu thiên nhiên, yêu quê hương và biết trân trọng vẻ đẹp của các vùng miền đất nước. GV nhấn mạnh thêm: Trong không gian thiên nhiên ấy, con người không tách rời cảnh vật mà hiện lên chan hòa, khỏe khoắn, làm cho bức tranh vùng cao có hơi ấm và sức sống.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung bài.
Tích hợp QPAN và Quyền con người: GV diễn giải: “Cảnh cổng trời trong bài thơ không chỉ đẹp vì núi non, suối reo, nương rẫy mà còn đẹp vì có con người các dân tộc Tày, Giáy, Dao đang lao động, sinh sống chan hòa với thiên nhiên. Vùng cao, biên cương là một phần máu thịt của Tổ quốc; yêu cảnh đẹp đất nước cũng là biết tự hào, biết giữ gìn và có trách nhiệm với quê hương. Đồng thời, mỗi dân tộc	- HS lắng nghe, liên hệ: tôn trọng trang phục, tiếng nói, phong tục của các dân tộc; biết giữ gìn cảnh quan vùng núi, vùng cao khi đi tham quan.

<p>đều có bản sắc văn hóa riêng đáng được tôn trọng. Khi gặp trang phục, tiếng nói, phong tục khác với mình, các em cần tìm hiểu bằng thái độ thân thiện, không chê bai, không trêu chọc, biết trân trọng sự đa dạng văn hóa của đất nước.”</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS luyện đọc lại đoạn thơ em thích; yêu cầu nhấn giọng các từ gợi hình, gợi cảm và thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng, yêu mến. GV hướng dẫn HS khi luyện đọc lại cần chọn giọng đọc phù hợp từng đoạn: khổ đầu đọc ngỡ ngàng; các khổ tả cảnh đọc tha thiết, chậm rãi; các khổ có hình ảnh con người đọc vui tươi, ấm áp.</p>	<p>- HS luyện đọc trong nhóm, chọn khổ thơ đọc hay nhất để trình bày trước lớp.</p>
<p>- GV mời 2 - 3 HS đọc diễn cảm trước lớp; nhận xét, tuyên dương HS đọc có tiến bộ.</p>	<p>- HS đọc diễn cảm trước lớp; HS khác lắng nghe, góp ý về giọng đọc, nhịp đọc và cảm xúc.</p>
<p>4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút) Mục tiêu: HS nêu cảm xúc sau bài đọc và biết liên hệ hành động giữ gìn thiên nhiên, tôn trọng văn hóa các dân tộc. Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS chia sẻ nhanh: Sau khi đọc bài thơ, em muốn làm gì để thiên nhiên quanh mình mãi tươi đẹp?</p>	<p>HS trả lời: Em sẽ không xả rác, không bẻ cành, không hái hoa nơi công cộng; em sẽ nhắc bạn giữ gìn cảnh quan và tìm hiểu thêm về vẻ đẹp các vùng miền của đất nước.</p>
<p>- GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS đọc tốt, trả lời có dẫn chứng; dặn HS học thuộc lòng bài thơ và chuẩn bị tiết Luyện từ và câu: Từ đồng nghĩa.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ học ở nhà.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được từ đồng nghĩa; bước đầu phân biệt từ có nghĩa giống nhau và từ có nghĩa gần giống nhau.
- Biết tìm từ đồng nghĩa trong ngữ liệu, thành ngữ; biết lựa chọn từ đồng nghĩa phù hợp trong nói, viết.
- Vận dụng kiến thức về từ đồng nghĩa để làm bài tập và mở rộng vốn từ gắn với chủ điểm Thiên nhiên kì thú.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc trước bài, chuẩn bị SGK, tích cực thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh sản phẩm theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: Trao đổi với bạn trong nhóm đôi, nhóm nhỏ; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và bổ sung ý kiến.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt để trả lời câu hỏi, tìm ý, lựa chọn từ ngữ và tạo lập sản phẩm học tập.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực thực hiện bài tập, tự kiểm tra kết quả.
- Trách nhiệm: Sử dụng từ ngữ đúng hoàn cảnh, tôn trọng ý kiến của bạn khi thảo luận.
- Nhân ái: Biết cảm nhận vẻ đẹp của tiếng Việt qua cách lựa chọn từ ngữ.

4. Tích hợp

NLS: 5.2.CB2a - HS quan sát hình ảnh 360 độ về vùng núi cao bằng Google Earth/Bản đồ số để mở rộng vốn từ về cảnh thiên nhiên.

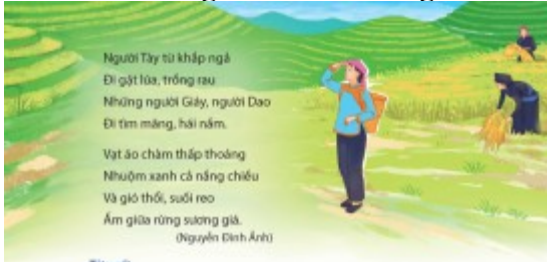
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; vở ghi, bút, bảng nhóm, phiếu học tập.
- Máy tính, ti vi/máy chiếu; hình/bài tập trong SGK được cắt, chèn đúng dưới câu lệnh GV tương ứng.
- Tranh ảnh, video/học liệu số phù hợp với nội dung bài học; thẻ từ, phiếu đọc sách hoặc phiếu thảo luận khi cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo tâm thế học tập; giúp HS gọi nhớ các từ có nghĩa giống nhau trong tiếng Việt. Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Hái hoa”. GV nêu yêu cầu: Tìm các từ có nghĩa giống nhau trong những câu thơ, đoạn văn đã chuẩn bị. GV có thể dùng các ngữ liệu: “Trông Đoài rồi lại ngắm Đông” để gợi cặp trông - nom; câu văn có “đất nước” và “nước nhà” để gợi từ cùng nghĩa; câu thơ có “nước” và “Tổ quốc” để HS nhận ra quan hệ nghĩa giữa các từ.	- HS tham gia trò chơi, lắng nghe câu hỏi và chuẩn bị câu trả lời.
- GV mời HS trình bày kết quả từng câu.	HS trả lời: Trông - nom; đất nước - nước nhà; nước - Tổ quốc là những cặp từ có nghĩa giống hoặc gần giống nhau.
- GV nhận xét, dẫn vào bài: Những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau được gọi là từ đồng nghĩa. Hôm nay, các em sẽ tìm hiểu kĩ hơn về từ đồng nghĩa và cách dùng chúng.	- HS lắng nghe, ghi tên bài vào vở.
2. Khám phá: Hình thành khái niệm về từ đồng nghĩa (12 phút) Mục tiêu: HS nhận biết từ đồng nghĩa qua ngữ liệu; phân biệt nghĩa giống nhau và gần giống nhau. Cách tiến hành:	
Bài 1. Đọc 2 đoạn văn và trả lời câu hỏi: a)	- HS đọc đề bài, quan sát ngữ liệu,

Những từ in đậm trong đoạn văn nào có nghĩa giống nhau? b) Những từ in đậm trong đoạn văn nào có nghĩa gần giống nhau? Nêu nét nghĩa khác nhau giữa chúng.



Người Tây từ khắp ngã
Đi gặt lúa, trồng rau
Những người Giáy, người Dao
Đi tìm măng, hái nấm.
Vạt áo chàm thấp thoáng
Nhuộm xanh cả nắng chiều
Và gió thổi, suối reo
Âm giữa rừng sương giá.
(Nguyễn Đình Ảnh)

Tứ ngữ
- Nguyên sơ còn nguyên vẻ tự nhiên như lúc ban đầu.
- Vạt áo: mảnh vải dài và hẹp trên đôi vai để trống trọi.
- Trèo đèo: đi trèo ở hai bên bờ sông hoặc hai bên sườn núi.

1. Dựa vào khổ thơ thứ nhất, hãy miêu tả khung cảnh "cổng trời" theo hình dung của em.
2. Từ cổng trời, cảnh vật hiện ra với những hình ảnh nào? Em thấy hình ảnh nào thú vị nhất? Vì sao?
3. Hình ảnh con người trong 2 khổ thơ cuối có những điểm chung nào?
4. Theo em, điều gì đã khiến cho cảnh rừng sương giá như ấm lên?
5. Nêu chủ đề của bài thơ.
* Học thuộc lòng bài thơ.

LUYỆN TỪ VÀ CẤU

TỪ ĐỒNG NGHĨA

1. Đọc 2 đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.
Đàn kiến tiếp tục công việc của chúng: **khuân** đất, nhặt lá khô, **tha** mồi. Kiến bé tí teo nhưng rất khéo và háng suy. Kiến **vác**, kiến **lôi**, kiến **đẩy**, kiến **nhấc** bóng lên được một vật nặng khổng lồ. Kiến chạy tít tít, gấp nhau đụng đầu chào, rồi lại vội vàng, tít tít...
(Theo Nguyễn Kiên)

chưa ghi đáp án ngay ở dòng đề bài.

- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân: đọc kĩ từng đoạn văn, chú ý các từ in đậm; sau đó trao đổi nhóm đôi để thống nhất câu trả lời.
GV có thể tổ chức bằng kỹ thuật Mảnh ghép: một nửa lớp làm bài 1, một nửa lớp làm bài 2; sau đó HS đổi nhóm, chia sẻ kết quả để cả lớp cùng nắm được hai dạng từ đồng nghĩa: nghĩa giống nhau và nghĩa gần giống nhau.

- HS đọc ngữ liệu, gạch chân các từ in đậm, trao đổi với bạn bên cạnh.

- GV mời HS trình bày kết quả bài 1.

HS trả lời: Đoạn thứ hai có các từ có nghĩa giống nhau là ban mai, sáng sớm vì đều chỉ thời điểm đầu buổi sáng.
Đoạn thứ nhất có các từ có nghĩa gần giống nhau là khuân, tha, vác, nhấc vì đều chỉ hành động làm vật chuyển vị trí nhưng khác cách thực hiện: khuân là khiêng/vác vật nặng; tha là ngậm hoặc kéo đi; vác là đặt lên vai; nhấc là nâng lên.

Bài 2. Tìm trong mỗi nhóm từ những từ có nghĩa giống nhau.

- HS đọc yêu cầu bài 2, xác định nhiệm vụ cần làm.

- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm nhỏ, thống nhất từ không cùng nghĩa hoặc nhóm từ có nghĩa giống nhau.

- HS làm việc nhóm, trao đổi và chuẩn bị trình bày.

- GV mời HS trình bày bài 2.

HS trả lời: a) chăm chỉ, cần cù, siêng năng, chịu khó là các từ đồng nghĩa; sắt đá không cùng nhóm.
b) non sông, đất nước, giang sơn, quốc gia là các từ đồng nghĩa; núi

	<p>non không cùng nhóm.</p> <p>c) yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, yên tĩnh là các từ đồng nghĩa; bình tĩnh không cùng nhóm.</p>
<p>GV chốt ghi nhớ: Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau. Khi viết hoặc nói, cần lựa chọn từ phù hợp nhất với ý nghĩa được thể hiện.</p> <p>GV yêu cầu HS đọc kĩ ghi nhớ, lấy thêm ví dụ gần gũi như bố - ba - cha, ăn - xơi - chén; đồng thời nhắc HS khi nói hoặc viết cần lựa chọn từ phù hợp với người nghe, hoàn cảnh giao tiếp và sắc thái biểu đạt.</p>	<p>- HS lắng nghe, đọc lại ghi nhớ trong SGK và ghi nhớ kiến thức.</p>
<p>NLS: 5.2.CB2a - GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh 360 độ về vùng núi cao bằng Google Earth/Google Maps. GV nêu các bước: (1) Mở Google Earth hoặc Google Maps trên máy tính/điện thoại; (2) gõ từ khóa “Sa Pa”, “Hoàng Su Phì”, “Hà Giang” hoặc “ruộng bậc thang Việt Nam”; (3) chọn chế độ ảnh/Street View nếu có; (4) quan sát cảnh vật và ghi nhanh các cặp từ đồng nghĩa hoặc gần nghĩa để miêu tả: hùng vĩ - tráng lệ, trong lành - mát lành, ngút ngát - bao la, thơ mộng - hữu tình. GV nhắc HS chỉ xem nội dung phù hợp, không bấm vào quảng cáo, không chia sẻ thông tin cá nhân.</p>	<p>- HS quan sát theo hướng dẫn của GV, ghi vào vở 2 - 3 cặp từ đồng nghĩa hoặc gần nghĩa miêu tả cảnh thiên nhiên vùng núi cao.</p>
<p>3. Luyện tập (18 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để nhận diện từ đồng nghĩa trong thành ngữ và lựa chọn từ phù hợp trong đoạn văn.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 3. Những thành ngữ nào dưới đây chứa các từ đồng nghĩa? Đó là những từ nào?</p> <div data-bbox="341 1361 772 1442" style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 10px;"> <p>Một chú ve kéo đàn. Tiếng đàn ngân lên phá tan bầu không khí tĩnh lặng của buổi ban mai. Rồi chú thỏ hai, thứ ba, thứ tư cùng hoà vào khúc tấu. Từ sáng sớm, khi mặt trời mới ló rạng, tiếng ve đã át tiếng chim.</p> <p>(Theo Hữu Vĩ)</p> </div> <p>a. Những từ in đậm trong đoạn văn nào có nghĩa giống nhau? b. Những từ in đậm trong đoạn văn nào có nghĩa gần giống nhau? Nếu nét nghĩa khác nhau giữa chúng.</p> <p>2. Tìm trong mỗi nhóm từ dưới đây những từ có nghĩa giống nhau.</p> <p>a. chăm chỉ, cần cù, siết đả, siêng năng, chịu khó b. non sông, đất nước, núi non, giang sơn, quốc gia c. yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, bình tĩnh, yên tĩnh</p> <div data-bbox="341 1599 772 1688" style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 10px;"> <p>Ghi nhớ</p> <p>- Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau (ví dụ: bố, ba, cha,...) hoặc gần giống nhau (ví dụ: ăn, xơi, chén,...).</p> <p>- Khi viết hoặc nói, cần lựa chọn từ phù hợp nhất với ý nghĩa được thể hiện.</p> </div> <p>3. Những thành ngữ nào dưới đây chứa các từ đồng nghĩa? Đó là những từ nào?</p> <p>a. Chân yếu tay mềm b. Thúc khuya dậy sớm c. Đều voi đuôi chuột d. Một nắng hai sương e. Ngàn sông cánh chợ g. Thay hình đổi dạng</p> <p>4. Chọn từ thích hợp trong mỗi nhóm từ đồng nghĩa để hoàn thiện đoạn văn.</p> <p>Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường Sơn “(khởi mạc/ bắt đầu) mùa mưa. Mưa tới đâu, cỏ lá “(ướt tươi/ tươi rói) tới đó. Phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất “(no nê/ no đủ), nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian “(đói khát/ đói rách) của mùa thu. Vì thế, bầy voi cứ theo sau những cơn mưa mà đi. Đó là luật lệ của rừng.</p> <p>(Theo Vũ Hùng)</p> 	<p>- HS đọc đề bài, quan sát các thành ngữ và chưa ghi đáp án ngay ở dòng đề bài.</p>

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi nhóm đôi để kiểm tra kết quả.	- HS suy nghĩ, khoanh thành ngữ có từ đồng nghĩa, trao đổi với bạn.
- GV mời HS trình bày kết quả bài 3.	HS trả lời: Các thành ngữ chứa từ đồng nghĩa là ngăn sông cấm chợ (ngăn - cấm); thay hình đổi dạng (thay - đổi, hình - dạng).
Bài 4. Chọn từ thích hợp trong mỗi nhóm từ đồng nghĩa để hoàn thiện đoạn văn.	- HS đọc yêu cầu bài 4, đọc thầm đoạn văn và các cặp từ trong ngoặc.
- GV hướng dẫn HS chọn từ dựa vào nghĩa và ngữ cảnh: không chỉ chọn từ đúng nghĩa mà còn phải phù hợp sắc thái biểu đạt của đoạn văn. GV gợi mở: cùng là từ gần nghĩa nhưng có từ dùng được trong văn cảnh này, có từ không phù hợp; vì vậy HS cần đọc cả câu, hiểu nội dung đoạn văn rồi mới chọn từ.	- HS làm bài cá nhân, dùng bút chì điền từ phù hợp vào SGK hoặc vở.
- GV mời HS trình bày bài 4, giải thích lí do chọn từ.	HS trả lời: Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường Sơn bắt đầu mùa mưa. Mưa tới đâu, cỏ lá tốt tươi tới đó. Phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất no đủ, nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian đói khát của mùa thu. Vì thế, bầy voi cứ theo sau những cơn mưa mà đi.
GV chốt: Cùng là từ đồng nghĩa nhưng không phải từ nào cũng thay thế được cho nhau trong mọi ngữ cảnh. Khi nói, viết, các em cần chọn từ đúng nghĩa, đúng sắc thái và phù hợp nội dung câu. GV nêu thêm: Việc dùng đúng từ đồng nghĩa giúp câu văn chính xác, tự nhiên và giàu sắc thái hơn; nếu chọn từ không đúng ngữ cảnh, câu văn có thể trở nên gượng ép hoặc sai ý.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách lựa chọn từ đồng nghĩa khi dùng trong câu.
4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút) Mục tiêu: HS mở rộng vốn từ đồng nghĩa và vận dụng vào giao tiếp, viết câu. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS tìm từ đồng nghĩa với các từ in đậm trong câu ca dao: quả, hồ, mang.	HS trả lời: quả - trái; hồ - cộp, hùm; mang - đem, đưa.
- GV yêu cầu HS đặt 1 câu có dùng một cặp từ đồng nghĩa vừa tìm được.	HS trả lời: Em đem quyển sách đến lớp để cùng bạn đọc. / Em thích ăn trái cây vào buổi sáng.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS ôn ghi nhớ về từ đồng nghĩa và chuẩn bị tiết Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

TIẾT 3: VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được bài văn tả phong cảnh; xác định được bố cục 3 phần của bài văn tả phong cảnh.
- Biết tìm trình tự miêu tả, cách lựa chọn cảnh vật để miêu tả và cách làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh.
- Biết nêu những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh và vận dụng vào chuẩn bị bài viết.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc trước bài, chuẩn bị SGK, tích cực thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh sản phẩm theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: Trao đổi với bạn trong nhóm đôi, nhóm nhỏ; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và bổ sung ý kiến.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt để trả lời câu hỏi, tìm ý, lựa chọn từ ngữ và tạo lập sản phẩm học tập.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước qua những cảnh đẹp được miêu tả.
- Chăm chỉ: Tích cực đọc văn bản mẫu, ghi chép ý chính.
- Trách nhiệm: Biết quan sát, miêu tả chân thực và trân trọng vẻ đẹp phong cảnh.

4. Tích hợp

AI: 5.C4.2 - Sử dụng Trợ lý ảo/AI Search tìm hiểu văn hóa, phong tục vùng cao được nhắc trong bài đọc.

II. NỘI DUNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; vở ghi, bút, bảng nhóm, phiếu học tập.
- Máy tính, ti vi/máy chiếu; hình/bài tập trong SGK được cắt, chèn đúng dưới câu lệnh GV tương ứng.
- Tranh ảnh, video/học liệu số phù hợp với nội dung bài học; thẻ từ, phiếu đọc sách hoặc phiếu thảo luận khi cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Gợi nhớ các kiểu bài văn miêu tả đã học và tạo nhu cầu tìm hiểu bài văn tả phong cảnh. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nhắc lại các kiểu bài văn miêu tả đã học ở các lớp trước. GV có thể gợi nhắc theo tiến trình đã học: lớp 2 viết 4 - 5 câu tả đồ vật; lớp 3 viết đoạn văn ngắn tả đồ vật; lớp 4 viết bài văn tả con vật, tả cây cối. Từ đó, HS thấy bài văn tả phong cảnh là bước phát triển tiếp theo của kiểu bài miêu tả.	- HS suy nghĩ, nhớ lại kiến thức đã học.
- GV mời HS trình bày.	HS trả lời: Ở các lớp trước, chúng em đã viết đoạn văn hoặc bài văn miêu tả đồ vật, con vật, cây cối; biết quan sát đặc điểm và dùng từ ngữ gợi tả để miêu tả.
- GV chốt và giới thiệu bài: Hôm nay, các em tìm hiểu một kiểu bài miêu tả mới là bài văn tả phong cảnh. Bài học sẽ giúp các em biết bài văn tả phong cảnh thường có mấy phần và cần miêu tả cảnh theo trình tự nào.	- HS lắng nghe, ghi tên bài vào vở.
2. Khám phá: Nhận diện bài văn tả phong cảnh (20 phút) Mục tiêu: HS đọc bài văn mẫu, xác định đối tượng miêu tả, bố cục và trình tự miêu tả. Cách tiến hành:	
Bài 1. Đọc bài văn Đà Lạt và trả lời câu hỏi.	- HS đọc đề bài, quan sát bài văn

<div data-bbox="272 143 384 188"> <div>VIẾT</div> </div> <div data-bbox="379 188 726 210"> <p>TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH</p> </div> <div data-bbox="341 215 574 237"> <p>1. Đọc bài văn dưới đây và trả lời câu hỏi.</p> </div> <div data-bbox="531 235 574 255"> <p>Đà Lạt</p> </div> <div data-bbox="357 255 777 293"> <p>Đà Lạt là thành phố ngàn hoa, nổi tiếng với hồ trong xanh và thông mơ màng.</p> </div> <div data-bbox="357 295 777 349"> <p>Nằm trên độ cao 1500 mét so với mặt nước biển, Đà Lạt có khí hậu mát mẻ quanh năm. Đây là nơi nghỉ mát lý tưởng của du khách chẳng những vì không khí mát lành mà còn bởi những cảnh đẹp đến nao lòng.</p> </div> <div data-bbox="357 349 777 434"> <p>Thác Cam Ly như một dải lụa, trắng sáng như gương, tô điểm cho thành phố vẻ hùng vĩ và nên thơ. Suối Vàng có cột nước quanh năm suốt tháng đổ xuống ào ào. Suối Vàng chia nước cho các con suối nhỏ rí rào, chảy mãi vào những nẻo nào trong lòng các rừng thông cây mọc thẳng tắp, ngút ngàn.</p> </div> <div data-bbox="357 436 777 490"> <p>Trong nắng ấm, bầu trời Đà Lạt không chút gợn mây, luôn thắm xanh một màu ngọc bích. Cái màu xanh của tầng không càng thêm lung linh biến ảo khi phản chiếu xuống những mặt hồ trong suốt như pha lê.</p> </div> <div data-bbox="357 490 777 575"> <p>Cảnh sắc thiên nhiên của Đà Lạt vốn dĩ đã đẹp, lại được con người ra công tô điểm. Những vườn rau xanh tươi và những vườn hoa muôn hồng nghìn tía như khoác cho thành phố xinh đẹp này một chiếc áo lụa rực rỡ. Hương hoa hoà với hương ngàn thông làm cho không khí Đà Lạt dễ chịu vô cùng.</p> </div> <div data-bbox="370 577 737 598"> <p>Thật không ngoa khi ca ngợi Đà Lạt là chốn “bồng lai tiên cảnh”.</p> </div> <div data-bbox="652 595 777 613"> <p>(Theo Ay Dun và Lê Tấn)</p> </div> <div data-bbox="357 616 410 636"> <p>Từ ngữ:</p> </div> <div data-bbox="357 633 777 669"> <p>Bồng lai tiên cảnh: nơi có cảnh đẹp và cuộc sống hạnh phúc như thế giới thần tiên.</p> </div> <div data-bbox="357 674 480 694"> <p>a. Bài văn trên tả gì?</p> </div> <div data-bbox="357 694 777 730"> <p>b. Tìm phần mở bài, thân bài và kết bài của bài văn. Nêu nội dung chính của mỗi phần.</p> </div> <div data-bbox="277 685 826 862"> </div>	<p>mẫu, chưa ghi đáp án ở dòng đề bài.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc thầm bài văn, chú ý tên bài, các đoạn văn và những từ ngữ miêu tả cảnh Đà Lạt.</p> <p>GV giới thiệu thêm nghĩa từ “bồng lai tiên cảnh”: nơi có cảnh đẹp và cuộc sống hạnh phúc như thế giới thần tiên; yêu cầu HS chú ý cách tác giả dùng từ ngữ gợi hình, gợi cảm để làm nổi bật vẻ đẹp Đà Lạt.</p>	<p>- HS đọc thầm bài văn Đà Lạt, đánh dấu những từ ngữ tả cảnh đẹp.</p>
<p>Câu a. Bài văn trên tả gì?</p>	<p>- HS đọc câu hỏi, xác định đối tượng được miêu tả trong bài văn.</p>
<p>- GV mời HS trình bày câu a.</p>	<p>HS trả lời: Bài văn tả phong cảnh thành phố Đà Lạt, nổi bật là hồ trong xanh, rừng thông, thác, suối, bầu trời, vườn rau và vườn hoa.</p>
<p>Câu b. Tìm phần mở bài, thân bài và kết bài của bài văn. Nêu nội dung chính của mỗi phần.</p>	<p>- HS đọc câu hỏi, đọc lại từng đoạn văn để xác định bố cục.</p>
<p>- GV tổ chức HS làm việc nhóm 4, dùng bút chì đánh dấu mở bài, thân bài, kết bài; sau đó ghi nội dung chính của mỗi phần.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm, thống nhất bố cục và nội dung chính của từng phần.</p>
<p>- GV mời đại diện nhóm trình bày câu b.</p>	<p>HS trả lời: Mở bài là câu đầu: giới thiệu khái quát Đà Lạt là thành phố ngàn hoa, nổi tiếng với hồ trong xanh và thông mơ màng.</p> <p>Thân bài gồm các đoạn tiếp theo: tả đặc điểm khí hậu, thác Cam Ly, suối Vàng, rừng thông, bầu trời, hồ nước, vườn rau và vườn hoa.</p> <p>Kết bài là câu cuối: nêu cảm nhận, ca ngợi Đà Lạt là chốn “bồng lai tiên cảnh”.</p> <p>HS nêu thêm: Thân bài có 4 đoạn: đoạn 1 tả bao quát độ cao, khí hậu,</p>

	<p>cảnh đẹp; đoạn 2 tả thác Cam Ly, suối Vàng, rừng thông; đoạn 3 tả bầu trời và hồ nước; đoạn 4 tả vườn hoa, vườn rau và hương hoa lá.</p>
<p>Câu c. Trong phần thân bài, phong cảnh được tả theo trình tự nào? Tìm từ ngữ được sử dụng để làm nổi bật vẻ đẹp của phong cảnh.</p>	<p>- HS đọc câu hỏi, quan sát sơ đồ trong SGK, chuẩn bị câu trả lời.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS dựa vào sơ đồ: Vẻ đẹp do thiên nhiên ưu đãi gồm vị trí địa lí, khí hậu, cảnh vật; vẻ đẹp do con người tạo nên gồm vườn hoa, vườn rau.</p>	<p>- HS hoàn thành sơ đồ theo hướng dẫn của GV.</p>
<p>- GV mời HS trình bày câu c.</p>	<p>HS trả lời: Phong cảnh Đà Lạt được tả theo từng bộ phận, từng vẻ đẹp của cảnh. Từ ngữ làm nổi bật vẻ đẹp là: thành phố ngàn hoa, hồ trong xanh, thông mơ màng, khí hậu mát mẻ, cảnh đẹp đến nao lòng, thác Cam Ly như một dải lụa, trắng sáng như gương, rừng thông ngút ngàn, bầu trời thăm xanh màu ngọc bích, mặt hồ trong suốt như pha lê, vườn hoa muôn hồng nghìn tía.</p> <p>HS bổ sung: Vẻ đẹp do thiên nhiên ưu đãi gồm vị trí địa lí trên độ cao 1500 mét, khí hậu mát mẻ quanh năm, thác nước như dải lụa, suối Vàng ào ào, rừng thông ngút ngàn, bầu trời xanh màu ngọc bích và hồ nước trong như pha lê.</p>
<p>Câu d. Tình cảm của người viết đối với</p>	<p>- HS đọc câu hỏi, tìm các từ ngữ</p>

<p>phong cảnh được thể hiện qua những chi tiết nào?</p>	<p>thể hiện cảm xúc, lời nhận xét của người viết.</p>
<p>- GV mời HS trình bày câu d.</p>	<p>HS trả lời: Tình cảm yêu mến, tự hào của người viết thể hiện qua các chi tiết: cảnh đẹp đến nao lòng; nơi nghỉ mát lí tưởng; vẻ hùng vĩ và nên thơ; thành phố xinh đẹp; không khí dễ chịu vô cùng; ca ngợi Đà Lạt là chốn bồng lai tiên cảnh. HS bổ sung: Tình cảm của người viết còn thể hiện qua cách ca ngợi Đà Lạt là nơi nghỉ mát lí tưởng, là thành phố xinh đẹp, có hương hoa hòa với hương ngàn thông làm không khí dễ chịu vô cùng.</p>
<p>AI: 5.C4.2 - Sử dụng Trợ lí ảo/AI Search tìm hiểu văn hóa, phong tục vùng cao được nhắc trong bài đọc. GV hướng dẫn HS thực hiện cụ thể: (1) mở Trợ lí ảo/AI Search; (2) nhập câu hỏi rõ ràng, ví dụ: “Người Tày, người Dao, người Giáy ở vùng cao có những nét văn hóa, phong tục nào tiêu biểu?” hoặc “Trang phục áo chàm thường gắn với dân tộc nào?”; (3) đọc kết quả và chỉ chọn những thông tin phù hợp với bài Trước công trời; (4) đối chiếu thông tin với SGK, sách báo hoặc nguồn chính thống; (5) ghi lại 2 – 3 từ ngữ, hình ảnh giúp hiểu hơn về con người vùng cao. GV nhắc HS không sao chép nguyên văn kết quả AI, chỉ dùng công cụ để mở rộng hiểu biết và trình bày lại bằng lời của mình.</p>	<p>- HS lắng nghe hướng dẫn; thực hành nêu một câu hỏi về văn hóa, phong tục vùng cao có thể hỏi Trợ lí ảo/AI Search; ghi nhớ chọn lọc thông tin, đối chiếu nguồn tin và không sao chép máy móc kết quả AI.</p>
<p>3. Luyện tập: Rút ra ghi nhớ (10 phút) Mục tiêu: HS nêu được những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh. Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh.</p>	<p>- HS đọc yêu cầu bài 2, quan sát các gợi ý: phong cảnh được miêu tả, bố cục bài văn, trình tự miêu tả, cách lựa chọn cảnh vật, cách làm nổi bật đặc điểm.</p>
<p>- GV chia nhóm 4, giao nhiệm vụ mỗi nhóm trao đổi một nội dung cần lưu ý; yêu cầu nhóm ghi ý chính vào phiếu. GV nhắc HS khi trao đổi cần bám vào các gợi ý: phong cảnh được miêu tả là gì, bố cục bài văn ra sao, trình tự miêu tả thế nào, tác giả chọn cảnh vật nào và làm nổi bật đặc điểm phong cảnh bằng từ ngữ, hình ảnh nào.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm, ghi ý kiến vào phiếu học tập.</p>
<p>- GV mời đại diện nhóm trình bày.</p>	<p>HS trả lời: Khi viết bài văn tả phong cảnh, cần xác định rõ cảnh định tả; bài văn có đủ mở bài, thân bài, kết bài; thân bài có thể tả lần lượt từng phần hoặc từng vẻ đẹp của phong cảnh; cần chọn những chi tiết tiêu biểu, dùng từ ngữ gợi</p>

	hình, gợi cảm và có thể nêu cảm xúc của người viết.
GV chốt ghi nhớ: Bài văn tả phong cảnh thường gồm 3 phần: Mở bài giới thiệu khái quát về phong cảnh; Thân bài tả lần lượt từng phần hoặc từng vẻ đẹp của phong cảnh; Kết bài nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ về phong cảnh. GV khuyến khích HS ghi nhớ bằng sơ đồ ba phần để chuẩn bị cho các bài viết sau: mở bài nêu cảnh; thân bài tả từng phần hoặc từng vẻ đẹp; kết bài nêu cảm nghĩ, nhận xét hoặc lời ca ngợi.	- HS lắng nghe, đọc lại ghi nhớ và ghi vào vở những ý cần nhớ.
4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút) Mục tiêu: HS biết chuẩn bị tư liệu cho bài văn tả phong cảnh và đọc thêm sách báo khoa học theo yêu cầu. Cách tiến hành:	
- GV giao nhiệm vụ: (1) Suy tầm một đoạn văn hoặc bài văn tả phong cảnh; (2) tìm đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã để chuẩn bị cho bài Đọc mở rộng.	- HS ghi nhiệm vụ vào vở; có thể nêu nơi sẽ tìm tư liệu: thư viện lớp, sách ở nhà, báo thiếu nhi, trang thông tin phù hợp dưới sự hướng dẫn của người lớn.
- GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS có ý kiến rõ ràng, biết dùng dẫn chứng trong bài văn mẫu.	- HS lắng nghe, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

BÀI 10: KÌ DIỆU RỪNG XANH (4 TIẾT)

TIẾT 1 - 2: ĐỌC: KÌ DIỆU RỪNG XANH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài Kì diệu rừng xanh; biết đọc diễn cảm, nhấn giọng ở từ ngữ gợi vẻ thích thú trước cảnh rừng.
- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, nội dung chính của văn bản; hiểu được hình ảnh, từ ngữ, biện pháp so sánh, nhân hóa làm nổi bật vẻ đẹp của rừng.
- Biết trả lời câu hỏi đọc hiểu, tóm tắt nội dung từng đoạn và nêu thông điệp của bài đọc.
- Củng cố kiến thức về từ đồng nghĩa qua phần luyện tập sau văn bản đọc.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc trước bài, chuẩn bị SGK, tích cực thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh sản phẩm theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: Trao đổi với bạn trong nhóm đôi, nhóm nhỏ; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và bổ sung ý kiến.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt để trả lời câu hỏi, tìm ý, lựa chọn từ ngữ và tạo lập sản phẩm học tập.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Yêu thiên nhiên, yêu cảnh sắc rừng xanh của đất nước.
- Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ rừng, giữ gìn môi trường sống và nguồn nước.
- Chăm chỉ: Tích cực luyện đọc, trao đổi và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Tích hợp

Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục lối sống xanh, biết yêu thiên nhiên và có trách nhiệm bảo vệ môi trường sống.

Tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: Liên hệ rừng là nơi giữ nước, bảo vệ nguồn nước đầu nguồn; nhắc HS không phá hoại cây xanh, không xả rác khi tham quan rừng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; vở ghi, bút, bảng nhóm, phiếu học tập.
- Máy tính, ti vi/máy chiếu; hình/bài tập trong SGK được cắt, chèn đúng dưới câu lệnh GV tương ứng.
- Tranh ảnh, video/học liệu số phù hợp với nội dung bài học; thẻ từ, phiếu đọc sách hoặc phiếu thảo luận khi cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập; khơi gợi hiểu biết của HS về rừng và ý thức bảo vệ môi trường. Cách tiến hành:	
- GV cho HS nghe một đoạn nhạc/bài hát về rừng xanh hoặc yêu cầu HS nhắm mắt tưởng tượng âm thanh trong rừng: tiếng chim, tiếng suối, tiếng lá cây, tiếng gió. GV có thể cho HS xem hoặc nghe một đoạn bài hát “Ta đi vào rừng xanh” để tạo không khí sôi nổi, sau đó chuyển sang câu hỏi bảo vệ rừng và môi trường sống.	- HS lắng nghe, tưởng tượng và chia sẻ nhanh âm thanh hoặc hình ảnh em nghĩ đến khi nói về rừng.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi: Theo em, chúng ta cần làm gì để bảo vệ rừng và môi trường sống?	- HS trao đổi nhóm đôi, chuẩn bị ý kiến.
- GV mời HS trình bày ý kiến trước lớp.	HS trả lời: Chúng ta cần trồng cây, không chặt phá rừng, không vứt rác bừa bãi, không săn bắt thú rừng, tiết kiệm giấy, nhắc người lớn bảo vệ cây xanh và nguồn nước.
- GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa	- HS quan sát tranh minh họa, nêu

bài đọc và giới thiệu: Bài Kì diệu rừng xanh đưa chúng ta đến với một khu rừng đầy màu sắc, âm thanh, cây cối và muông thú.



cảm nhận ban đầu về khu rừng trong tranh.

2. Khám phá: Luyện đọc (20 phút)

Mục tiêu: HS đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản; biết chia đoạn và hiểu nghĩa từ khó.

Cách tiến hành:

- GV đọc mẫu bài Kì diệu rừng xanh, giọng đọc chậm rãi, tình cảm; nhấn giọng ở những từ ngữ tả vẻ đẹp hoang sơ, đáng yêu của cây cỏ, muông thú trong rừng.	- HS nghe GV đọc, theo dõi văn bản trong SGK, chú ý giọng đọc và cách ngắt nghỉ.
- GV chia bài đọc thành 3 đoạn: Đoạn 1 từ đầu đến “lúp xúp dưới chân”; đoạn 2 tiếp theo đến “đưa mắt nhìn theo”; đoạn 3 còn lại.	- HS đánh dấu đoạn vào SGK và chuẩn bị đọc nối tiếp.
- GV hướng dẫn đọc từ khó: loanh quanh, nấm đại, lúp xúp, lâu đài, cung điện, vượn bạc má, chồn sóc, giang sơn vàng rực.	- HS luyện đọc từ khó cá nhân, theo cặp; sửa lỗi phát âm theo góp ý của GV và bạn.
- GV hướng dẫn đọc câu dài: “Tôi có cảm giác/ mình là một người khổng lồ/ đi lạc vào kinh đô của vương quốc những người tí hon.”; “Những con vượn bạc má ôm con gọn ghẽ/ chuyển nhanh như tia chớp.”	- HS luyện đọc câu dài, chú ý ngắt nghỉ và nhấn giọng những từ ngữ gợi hình ảnh.
- GV tổ chức HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm; yêu cầu nhóm góp ý về tốc độ, âm lượng, ngắt nghỉ và giọng đọc.	- HS đọc nối tiếp trong nhóm; các bạn lắng nghe, nhận xét và giúp nhau đọc tốt hơn.
- GV mời 3 HS đọc nối tiếp trước lớp, nhận xét và chỉnh sửa.	- HS đọc trước lớp; cả lớp nhận xét theo tiêu chí GV nêu.

3. Luyện tập: Đọc hiểu, luyện đọc lại và luyện tập sau văn bản đọc (40 phút)

Mục tiêu: HS hiểu nội dung bài đọc, cảm nhận vẻ đẹp kì diệu của rừng; biết liên hệ bảo vệ rừng, nguồn nước và luyện tập từ đồng nghĩa.

Cách tiến hành:

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa từ khó trong bài: rừng khộp là kiểu rừng thưa, cây lá	- HS lắng nghe GV giải nghĩa từ; nêu thêm từ chưa hiểu, có thể tra từ
--	---

<p>rộng thường rụng lá vào mùa khô; mang hoặc hoẵng là loài thú cùng họ với hươu, nai, có sừng nhỏ và lông màu vàng đỏ; lúp xúp gọi đáng thấp, mọc san sát. GV yêu cầu HS đặt các từ này vào ngữ cảnh bài đọc để hiểu đúng nghĩa.</p>	<p>điền hoặc dựa vào tranh minh họa, ngữ cảnh bài đọc để hiểu nghĩa.</p>
<p>Câu 1. Vì sao nhân vật “tôi” có cảm giác đi lạc vào kinh đô của vương quốc những người tí hon?</p>  <p>Sau một hồi len lách mãi mới, rẽ bụi rậm, chúng tôi nhìn thấy một bãi cây thưa thớt. Rừng khộp hiện ra trước mắt chúng tôi, lá úa vàng như cánh mùa thu. Tôi cúi mắt. Những sắc vàng đồng đầy. Mấy con mang vàng hệt như màu lá đang ăn cỏ non. Những chiếc chân vàng giẫm lên thảm lá vàng và sắc nắng cũng rực vàng trên lưng nó. Chỉ có mấy vạt cỏ xanh biếc là rúc lên giữa cái gang sơn vàng rọi.</p> <p>Tôi có cảm giác mình lạc vào một thế giới thần bí.</p> <p>(Theo Nguyễn Phan Hách)</p> <p>Từ ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> Tên rừng: một lạ. Rừng khộp: còn gọi là rừng thưa với những cây lá rộng, rụng lá vào mùa khô. Mang (hoẵng): loài thú cùng họ với hươu, nai, sừng nhỏ, có hai nhánh; lông màu vàng đỏ. <p>1. Vì sao nhân vật “tôi” có cảm giác đi lạc vào kinh đô của vương quốc những người tí hon?</p> <p>2. Muông thú trong rừng được miêu tả thế nào? Theo em, sự có mặt của chúng mang lại vẻ đẹp gì cho rừng?</p> <p>3. Vì sao cảnh vật rừng khộp được gọi là “gang sơn vàng rọi”?</p> <p>4. Dựa vào nội dung đã tìm hiểu, em hãy đặt tên cho mỗi đoạn trong bài.</p> <p>1. Trong bài kể về rừng xanh, những sự vật nào của tự nhiên được quan sát và miêu tả?</p> <p>Vật thực vật Vật động vật Vẻ hiện tượng tự nhiên</p> <p>2. Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ dưới đây. Đặt câu với từ em tìm được.</p> <p>gon ghê tí hon thưa thớt</p>	<p>- HS đọc câu hỏi, đọc lại đoạn 1 và chuẩn bị câu trả lời.</p>
<p>- GV mời HS trình bày câu 1.</p>	<p>HS trả lời: Nhân vật “tôi” có cảm giác đi lạc vào kinh đô của vương quốc những người tí hon vì những cây nấm rừng có màu sắc rực rỡ, hình dáng như những đền đài, miếu mạo, cung điện nhỏ; nhân vật “tôi” như người khổng lồ bước giữa thế giới bé nhỏ ấy.</p> <p>HS bổ sung: Các cây nấm to khác thường, có cây bằng cái ấm tích; hình dáng nấm như đền đài, miếu mạo, lầu đài, cung điện của người tí hon nên nhân vật “tôi” bỗng có cảm giác mình là người khổng lồ.</p>
<p>Câu 2. Muông thú trong rừng được miêu tả như thế nào? Theo em, sự có mặt của chúng mang lại vẻ đẹp gì cho rừng?</p>	<p>- HS đọc câu hỏi, đọc lại đoạn tả muông thú và gạch dưới chi tiết miêu tả.</p>
<p>- GV mời HS trình bày câu 2.</p>	<p>HS trả lời: Muông thú trong rừng được miêu tả rất sinh động: vượn bạc má ôm con chuyền nhanh như tia chớp; chồn sóc với chùm lông đuôi to đẹp vút qua; những con mang vàng hệt như màu lá đang ăn cỏ non. Sự có mặt của chúng làm</p>

	<p>cho rừng thêm sống động, bí ẩn, bất ngờ và đầy sức sống.</p> <p>HS bổ sung: Sự xuất hiện thoát ẩn, thoát hiện của muông thú làm rừng không chỉ đẹp về màu sắc mà còn sống động, bất ngờ, có cảm giác như một thế giới bí ẩn đang chuyển động.</p>
<p>Câu 3. Vì sao cảnh vật rừng khộp được gọi là “giang sơn vàng rọi”?</p> <p>- GV mời HS trả lời câu 3, khuyến khích HS giải thích bằng các chi tiết cụ thể.</p>	<p>- HS đọc câu hỏi, đọc lại đoạn cuối và chú ý các sắc vàng trong rừng.</p> <p>HS trả lời: Rừng khộp được gọi là “giang sơn vàng rọi” vì có nhiều sắc vàng hòa quyện trong một không gian rộng lớn: lá vàng trên cây, lá vàng dưới gốc, ánh nắng vàng và cả những con mang có màu lông vàng nâu.</p> <p>HS bổ sung: Nhiều sắc vàng cùng xuất hiện và hòa quyện: vàng của lá, vàng của nắng, vàng nâu của con mang; vì vậy cảnh rừng hiện lên rộng lớn, rực rỡ như một “giang sơn vàng rọi”.</p>
<p>Câu 4. Dựa vào nội dung đã tìm hiểu, hãy đặt tên cho mỗi đoạn trong bài.</p> <p>- GV cho HS làm việc nhóm đôi, đặt tên ngắn gọn cho từng đoạn.</p>	<p>- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ về ý chính của từng đoạn.</p> <p>HS trả lời: Đoạn 1: Vương quốc nắm tí hon. Đoạn 2: Muông thú trong rừng. Đoạn 3: Giang sơn vàng rọi.</p>
<p>GV chốt nội dung: Bài đọc cho thấy sự kì diệu của rừng xanh với cây cối, nấm, muông thú và ánh nắng hòa quyện tạo nên một thế giới sống động. Qua đó, ta cảm nhận được tình yêu thiên nhiên tha thiết của tác giả.</p> <p>GV nhắc lại: Những biện pháp so sánh, nhân hóa và những từ ngữ giàu hình ảnh đã giúp người đọc cảm nhận được khu rừng như một thế giới có đời sống riêng, vừa gần gũi vừa kì ảo.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung bài.</p>
<p>Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và Tiết kiệm, bảo vệ nguồn nước: GV diễn giải: “Rừng xanh không chỉ đẹp vì có nấm, cây, chim thú và ánh nắng. Rừng còn giữ đất, giữ nước, điều hòa không khí, bảo vệ nguồn nước đầu nguồn cho sông suối và cho cuộc sống con người. Nếu con người chặt phá rừng, săn bắt thú rừng, xả rác khi đi tham quan, nguồn nước sẽ bị ô nhiễm, đất dễ sạt lở, nhiều loài vật mất nơi sống. Vì vậy, lối sống xanh bắt đầu từ những việc rất gần gũi: không bẻ cây, không hái hoa bừa bãi, không vứt rác xuống suối hoặc trong rừng, tiết kiệm giấy, trồng và chăm sóc cây xanh, biết nhắc người thân cùng bảo vệ rừng. Yêu thiên nhiên chính</p>	<p>- HS lắng nghe, liên hệ việc làm cụ thể: bỏ rác đúng nơi quy định, tiết kiệm nước, không bẻ cây, trồng cây và tuyên truyền bảo vệ rừng.</p>

<p>là biết hành động để thiên nhiên còn mãi xanh, sạch, đẹp.”</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS luyện đọc lại một đoạn yêu thích, chú ý giọng đọc thể hiện sự thích thú trước vẻ đẹp của rừng.</p>	<p>- HS luyện đọc theo nhóm, chọn bạn đọc tốt để trình bày.</p>
<p>- GV mời HS đọc diễn cảm trước lớp, nhận xét và tuyên dương.</p>	<p>- HS đọc diễn cảm; cả lớp lắng nghe, nhận xét.</p>
<p>Luyện tập sau văn bản đọc - Bài 1. Trong bài Kì diệu rừng xanh, những sự vật nào của tự nhiên được quan sát và miêu tả?</p>	<p>- HS đọc yêu cầu bài tập, quan sát bảng phân loại: thực vật, động vật, hiện tượng tự nhiên.</p>
	
<p>GV hướng dẫn HS kẻ bảng 3 cột: thực vật, động vật, hiện tượng tự nhiên; yêu cầu HS chỉ ghi sự vật có trong bài, không ghi những sự vật ngoài văn bản.</p>	
<p>- GV mời HS trình bày kết quả bài 1.</p>	<p>HS trả lời: Về thực vật: vạt nấm dại, rừng khộp, vạt cỏ xanh. Về động vật: vượn bạc má, chồn sóc, mang. Về hiện tượng tự nhiên: nắng.</p>
<p>Bài 2. Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ: gọn ghẽ, tí hon, thưa thớt. Đặt câu với từ em tìm được.</p>	<p>- HS đọc đề bài, tìm từ đồng nghĩa và đặt câu.</p>
<p>- GV mời HS trình bày bài 2.</p>	<p>HS trả lời: Gọn ghẽ - gọn gàng: Em sắp xếp góc học tập thật gọn gàng. Tí hon - bé xíu: Chú kiến bé xíu tha mồi về tổ. Thưa thớt - thưa thớt: Sau cơn mưa, trên đường chỉ còn vài người đi lại thưa thớt.</p>
<p>4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút) Mục tiêu: HS bày tỏ cảm xúc sau bài đọc và nêu hành động bảo vệ rừng. Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS nêu cảm xúc của mình sau khi học bài Kì diệu rừng xanh và một việc em</p>	<p>HS trả lời: Em thấy rừng xanh rất đẹp và kì diệu. Em sẽ không xả rác,</p>

sẽ làm để bảo vệ thiên nhiên.	sẽ chăm sóc cây trong sân trường và nhắc mọi người không phá hoại cây xanh.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS đọc lại bài, chuẩn bị tiết Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh (tiếp theo).	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

TIẾT 3: VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH (TIẾP THEO)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nhận biết được cách viết bài văn tả phong cảnh theo trình tự thời gian hoặc theo những thời điểm khác nhau.
- Biết so sánh trình tự miêu tả của hai bài văn tả phong cảnh đã học.
- Biết rút ra điều cần ghi nhớ khi tả cảnh theo thời gian và vận dụng vào định hướng bài viết.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc trước bài, chuẩn bị SGK, tích cực thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh sản phẩm theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: Trao đổi với bạn trong nhóm đôi, nhóm nhỏ; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và bổ sung ý kiến.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt để trả lời câu hỏi, tìm ý, lựa chọn từ ngữ và tạo lập sản phẩm học tập.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực đọc bài văn mẫu, ghi chép ý chính.
- Trách nhiệm: Có ý thức quan sát cảnh vật chân thực, bảo vệ phong cảnh và môi trường sống.
- Nhân ái: Biết chia sẻ cảm nhận về cảnh đẹp quê hương, đất nước.

4. Tích hợp

AI: 5.A2.2 - Giới thiệu hệ thống AI nghe âm thanh rừng để phát hiện sớm phá rừng, cháy rừng; giúp HS hiểu công nghệ có thể hỗ trợ con người bảo vệ thiên nhiên nhưng không thay thế trách nhiệm của con người.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; vở ghi, bút, bảng nhóm, phiếu học tập.
- Máy tính, ti vi/máy chiếu; hình/bài tập trong SGK được cắt, chèn đúng dưới câu lệnh GV tương ứng.
- Tranh ảnh, video/học liệu số phù hợp với nội dung bài học; thẻ từ, phiếu đọc sách hoặc phiếu thảo luận khi cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Gợi nhớ kiến thức bài văn tả phong cảnh đã học và dẫn dắt sang cách tả theo trình tự thời gian. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nhắc lại cấu tạo bài văn tả phong cảnh và những cách tả đã học ở tiết trước.	- HS nhớ lại kiến thức, chuẩn bị phát biểu.
- GV mời HS trình bày.	HS trả lời: Bài văn tả phong cảnh thường có 3 phần: mở bài giới thiệu khái quát về phong cảnh; thân bài tả lần lượt từng phần hoặc từng vẻ đẹp của phong cảnh; kết bài nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ. Khi tả, có thể tả theo từng bộ phận hoặc từng vẻ đẹp của cảnh.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay giúp các em tìm hiểu thêm cách tả phong cảnh theo trình tự thời gian, nghĩa là tả cảnh ở các mùa, các buổi hoặc các thời điểm khác nhau.	- HS lắng nghe, ghi tên bài vào vở.
2. Khám phá: Tìm hiểu bài văn tả phong cảnh theo trình tự thời gian (20 phút) Mục tiêu: HS đọc bài văn mẫu, xác định cảnh được tả, bố cục và trình tự miêu tả. Cách tiến hành:	
Bài 1. Đọc bài văn Bốn mùa trong ánh nước và trả lời câu hỏi.	- HS đọc đề bài, đọc thầm bài văn mẫu, chưa ghi đáp án ở dòng đề

<div data-bbox="272 143 384 181" data-label="Image"> </div> <div data-bbox="379 183 726 203" data-label="Section-Header"> <p>TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH</p> </div> <div data-bbox="520 208 585 226" data-label="Text"> <p>(Tiếp theo)</p> </div> <div data-bbox="339 230 576 250" data-label="Section-Header"> <p>1. Đọc bài văn dưới đây và trả lời câu hỏi.</p> </div> <div data-bbox="472 250 635 271" data-label="Section-Header"> <p>Bốn mùa trong ánh nước</p> </div> <div data-bbox="357 273 778 311" data-label="Text"> <p>Hồ Hoàn Kiếm là nơi quen thuộc với rất nhiều người. Cảnh đẹp lồng lộng từ ngọn cỏ, hàng cây cho tới nước hồ trong xanh gợn sóng.</p> </div> <div data-bbox="357 311 778 380" data-label="Text"> <p>Mùa hè, sau những cơn mưa rào, nước hồ đầy lên, màu nước như bột xanh hơn. Trong dòng gió, hồ nổi sóng. Nhưng dòng gió đến đâu thì mặt hồ vẫn chỉ lăn tăn sóng gợn, trầm mặc giữa thính không, soi bóng những áng mây nổi rồi lại tan.</p> </div> <div data-bbox="357 380 778 468" data-label="Text"> <p>Về mùa đông, nước hồ cạn đi, sâu xuống, chân cầu Thê Húc bóng cao hơn, lênh khênh. Trong cái lạnh bao trùm phố phường Hà Nội, nước hồ lặng trong sương, một màn sương trong nhẹ và mỏng như khăn voan. Hồ hiện ra vẻ cổ kính với những cành khô lá vàng in bóng xuống mặt nước lặng thính.</p> </div> <div data-bbox="357 468 778 537" data-label="Text"> <p>Có lẽ tung bùng nhất là vào dịp Tết Nguyên đán, hồ được trang điểm lồng lộng bởi đàn đu mầu, cờ bay phất phới và hoa rực rỡ. Trong mùa bay, người người đi trải hội. Ngàn vạn tiếng rao, tiếng mời chào của người bán hàng rong cất lên như chim hót mùa xuân.</p> </div> <div data-bbox="357 537 778 656" data-label="Text"> <p>Nhưng hồ Hoàn Kiếm đẹp hơn cả là về mùa thu. Mùa thu Hà Nội dường như không có gió lớn, dù để nước hồ lắng sâu. Ánh nắng mùa thu lại tươi nên mặt hồ ngời lên như ánh mặt trời thanh xuân. Những cây liễu bên hồ xanh mượt, lá bay dịu dàng như mái tóc thiếu nữ. Những cây đa cổ thụ xanh tốt và trắng kiến như những lão tướng, hàng rêu rù như những bộ râu oai hùng. Trong đền Ngọc Sơn có nhiều tiếng chim riu rít, tiếng hót của chim non, của ước mơ bay bổng.</p> </div> <div data-bbox="357 656 778 710" data-label="Text"> <p>Từng ánh nước của hồ Hoàn Kiếm có biết bao người đã ngắm, từng bóng cây nơi này có biết bao người đã ngồi hóng mát, nghỉ ngơi và trầm nghĩ về cuộc sống của mình ở một góc nhỏ nào trên trái đất này.</p> </div> <div data-bbox="659 707 777 725" data-label="Text"> <p>(Theo Lê Phương Liên)</p> </div> <div data-bbox="276 725 825 864" data-label="Image"> </div>	<p>bài.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc bài văn, chú ý các từ ngữ chỉ thời gian như mùa hè, mùa đông, tết Nguyên đán, mùa thu.</p> <p>GV yêu cầu HS khi đọc bài Bốn mùa trong ánh nước cần đặc biệt chú ý các mốc thời gian: mùa hè, mùa đông, dịp tết Nguyên đán, mùa thu; đồng thời quan sát cách mỗi mùa làm cảnh hồ Hoàn Kiếm đổi khác.</p>	<p>- HS đọc thầm, gạch dưới từ ngữ chỉ thời gian trong bài.</p>
<p>Câu a. Bài văn trên tả phong cảnh ở đâu?</p>	<p>- HS đọc câu hỏi, xác định đối tượng và địa điểm được tả.</p>
<p>- GV mời HS trình bày câu a.</p>	<p>HS trả lời: Bài văn tả phong cảnh hồ Hoàn Kiếm ở Hà Nội.</p>
<p>Câu b. Tìm phần mở bài, thân bài, kết bài của bài văn và nêu ý chính của từng phần.</p>	<p>- HS đọc câu hỏi, xác định bố cục bài văn.</p>
<p>- GV mời HS trình bày câu b.</p>	<p>HS trả lời: Mở bài là đoạn đầu, giới thiệu khái quát hồ Hoàn Kiếm là nơi quen thuộc, có cảnh đẹp lồng lộng. Thân bài gồm các đoạn tả hồ Hoàn Kiếm theo các mùa: mùa hè, mùa đông, mùa xuân dịp Tết, mùa thu. Kết bài là đoạn cuối, nêu cảm nghĩ về hồ Hoàn Kiếm và cuộc sống gắn với nơi đây.</p> <p>HS bổ sung: Bài văn có 6 đoạn; mở bài giới thiệu tên cảnh vật và nhận xét bao quát; thân bài miêu tả cảnh hồ ở các mùa; kết bài khẳng định hồ Hoàn Kiếm in sâu trong tâm trí nhiều người.</p>
<p>Câu c. Trong phần thân bài, cảnh hồ Hoàn Kiếm được tả vào những thời gian nào? Những từ ngữ nào giúp em nhận biết như vậy?</p>	<p>- HS đọc câu hỏi, tìm các từ ngữ chỉ thời gian trong thân bài.</p>

<p>a. Bài văn trên tả phong cảnh ở đâu?</p> <p>b. Tìm phần mở bài, thân bài, kết bài của bài văn và nêu ý chính của từng phần.</p> <p>c. Trong phần thân bài, cảnh hồ Hoàn Kiếm được tả vào những thời gian nào? Những từ ngữ nào giúp em nhận biết như vậy?</p> <p>d. Theo trình tự miêu tả trong bài, người đọc cảm nhận được đặc điểm gì của cảnh hồ Hoàn Kiếm?</p> <p>2. Em học được những gì về cách miêu tả phong cảnh từ bài văn trên?</p> <p>Sử dụng nhiều giác quan để quan sát, cảm nhận cảnh vật.</p> <p>Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh để làm nổi bật đặc điểm từng cảnh vật.</p> <p>3. So sánh trình tự miêu tả của bài Bồn mùa trong ánh nước với bài Đò Lát.</p> <p>Ghi nhớ</p> <p>Ngoài cách tả lần lượt từng phần, từng vẻ đẹp của phong cảnh, có thể tả phong cảnh theo trình tự thời gian (theo các mùa trong năm, theo các buổi trong ngày, theo sự đổi thay của cảnh qua năm tháng...) hoặc phối hợp cả hai cách để miêu tả.</p> <p>ĐỌC MỞ RỘNG</p> <p>1. Đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã.</p> <p>Trên Trái Đất của chúng ta có vô vàn loài động vật sinh sống. Sự tồn tại của thế giới động vật khiến cho Trái Đất luôn tràn đầy sức sống.</p> <p>(Theo Mèo và chuột vi xiao)</p> <p>Việt Nam là ngôi nhà của rất nhiều loài động vật hoang dã. Năm nào cũng có những loài mới được phát hiện và ghi nhận.</p> <p>(Theo Đông vật hoang dã)</p> <p>Ngựa rừng mình dài, chân thon và cao. Ngựa rừng sống cuộc sống hoang dã, tự do trên các triền núi thấp ven dãy Trường Sơn.</p> <p>(Theo Thú rừng Tây Nguyên)</p> <p>54</p>	
<p>- GV mời HS trình bày câu c.</p>	<p>HS trả lời: Cảnh hồ Hoàn Kiếm được tả vào mùa hè, mùa đông, mùa xuân dịp tết Nguyên đán và mùa thu. Các từ ngữ giúp nhận biết là: mùa hè, về mùa đông, có lẽ tung bừng nhất là vào dịp tết Nguyên đán, nhưng hồ Hoàn Kiếm đẹp hơn cả là về mùa thu.</p> <p>HS bổ sung: Mùa hè có mưa rào, dông gió và mặt hồ lăn tăn sóng gợn; mùa đông có cái lạnh, màn sương mỏng, cảnh khô lá vàng; mùa xuân có tết Nguyên đán, đèn, cờ, hoa và tiếng rao; mùa thu có ánh nắng, mặt hồ ngời lên, liễu xanh mướt, chim riu rít.</p>
<p>Câu d. Theo trình tự miêu tả trong bài, người đọc cảm nhận được đặc điểm gì của cảnh hồ Hoàn Kiếm?</p>	<p>- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ về tác dụng của cách tả theo mùa.</p>
<p>- GV mời HS trình bày câu d.</p>	<p>HS trả lời: Theo trình tự miêu tả trong bài, người đọc cảm nhận được vẻ đẹp hồ Hoàn Kiếm thay đổi theo từng mùa, mỗi mùa có một nét riêng: mùa hè có mưa và sóng gợn; mùa đông có sương mỏng, về cổ kính; mùa xuân rộn ràng, rục rĩ; mùa thu dịu dàng, lặng sâu.</p> <p>HS bổ sung: Cách tả theo mùa giúp người đọc thấy hồ Hoàn Kiếm có vẻ đẹp thay đổi trong cả năm; tác giả đặt mùa thu ở cuối vì đó là mùa hồ đẹp hơn cả, tạo ấn tượng sâu</p>

<p>AI: 5.A2.2 - GV giới thiệu: “Hiện nay, con người có thể dùng AI để nghe và phân tích âm thanh trong rừng, như tiếng cưa máy, tiếng xe cơ giới, tiếng chim thú bất thường hoặc âm thanh cháy nổ, từ đó cảnh báo sớm nguy cơ phá rừng, cháy rừng. Khi tìm hiểu bằng Trợ lý AI/AI Search, các em có thể hỏi: ‘AI có thể giúp bảo vệ rừng như thế nào?’ Sau khi xem gợi ý, các em cần chọn lọc thông tin, ghi bằng lời của mình và nhớ rằng công nghệ chỉ hỗ trợ; người bảo vệ rừng tốt nhất vẫn là con người có ý thức, biết yêu thiên nhiên.”</p>	<p>cho người đọc.</p> <p>- HS lắng nghe, nêu 1 việc công nghệ có thể hỗ trợ bảo vệ rừng và 1 việc bản thân có thể làm để bảo vệ thiên nhiên.</p>
<p>3. Luyện tập: Rút ra cách miêu tả phong cảnh theo thời gian (10 phút) Mục tiêu: HS rút ra ghi nhớ, so sánh được hai trình tự miêu tả phong cảnh. Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 2. Em học được những gì về cách miêu tả phong cảnh từ bài văn trên?</p>	<p>- HS đọc yêu cầu bài 2, quan sát các gợi ý trong SGK.</p>
<p>- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm đôi, hoàn thành ý còn thiếu trong sơ đồ ghi nhớ.</p>	<p>- HS trao đổi nhóm đôi, ghi nhanh ý học được từ bài văn mẫu.</p>
<p>- GV mời HS trình bày bài 2.</p>	<p>HS trả lời: Em học được cách sử dụng nhiều giác quan để quan sát, cảm nhận cảnh vật; sử dụng nhiều hình ảnh so sánh để làm nổi bật đặc điểm từng cảnh vật; có thể tả phong cảnh theo trình tự thời gian. HS bổ sung: Em học được khi tả phong cảnh có thể kết hợp quan sát màu sắc, âm thanh, ánh sáng, thời tiết và cảm xúc của con người để bài văn sinh động hơn.</p>
<p>Bài 3. So sánh trình tự miêu tả của bài Bốn mùa trong ánh nước với bài Đà Lạt.</p>	<p>- HS đọc yêu cầu bài 3, nhớ lại bài Đà Lạt ở tiết trước để so sánh.</p>
<p>- GV mời HS trình bày sự khác nhau về trình tự miêu tả.</p>	<p>HS trả lời: Bài Đà Lạt tả theo từng phần, từng vẻ đẹp của phong cảnh: khí hậu, thác, suối, rừng thông, bầu trời, hồ nước, vườn hoa, vườn rau. Bài Bốn mùa trong ánh nước tả theo trình tự thời gian, lần lượt qua các mùa trong năm.</p>
<p>GV chốt ghi nhớ: Ngoài cách tả lần lượt từng phần, từng vẻ đẹp của phong cảnh, có thể tả phong cảnh theo trình tự thời gian như các mùa trong năm, các buổi trong ngày, sự đổi thay của cảnh qua năm tháng hoặc phối hợp cả hai cách để miêu tả. GV nhấn mạnh: Khi viết bài tả cảnh, HS có thể chọn một trình tự chính rồi phối hợp thêm trình tự khác nếu phù hợp, nhưng bài viết phải mạch lạc, tránh tả lộn xộn khiến người đọc khó hình dung.</p>	<p>- HS lắng nghe, đọc lại ghi nhớ và ghi vào vở.</p>
<p>4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để định hướng cảnh định tả và trình tự tả. Cách tiến hành:</p>	

- GV yêu cầu HS chọn một phong cảnh quen thuộc và nêu em sẽ tả theo trình tự nào: theo từng phần hay theo thời gian.	HS trả lời: Em chọn tả sân trường. Em sẽ tả theo thời gian buổi sáng, giờ ra chơi và lúc tan học. / Em chọn tả công viên gần nhà. Em sẽ tả theo từng phần: cổng công viên, hàng cây, hồ nước, khu vui chơi.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS quan sát một phong cảnh yêu thích để chuẩn bị cho bài viết sau.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

BÀI 10: KÌ DIỆU RỪNG XANH

TIẾT 4: ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Tìm đọc được sách báo khoa học viết về động vật hoang dã; biết ghi lại thông tin quan trọng vào phiếu đọc sách.
- Biết trao đổi với bạn về nội dung đã đọc, chia sẻ thông tin mới hoặc thú vị về động vật hoang dã.
- Hình thành thói quen đọc mở rộng, biết chọn lọc thông tin và nêu nguồn đọc phù hợp.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc trước bài, chuẩn bị SGK, tích cực thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh sản phẩm theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: Trao đổi với bạn trong nhóm đôi, nhóm nhỏ; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và bổ sung ý kiến.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt để trả lời câu hỏi, tìm ý, lựa chọn từ ngữ và tạo lập sản phẩm học tập.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực đọc sách, ghi chép đầy đủ thông tin.
- Trách nhiệm: Biết bảo vệ động vật hoang dã, không cổ vũ hành vi săn bắt, mua bán trái phép.
- Nhân ái: Yêu quý các loài vật và biết ứng xử thân thiện với thiên nhiên.

4. Tích hợp

NLS: 2.5.CB2a - HS tra cứu động thực vật rừng và thực hiện nghi thức số khi trao đổi trong nhóm trực tuyến: dùng từ ngữ lịch sự, ghi nguồn thông tin, không chia sẻ nội dung chưa kiểm chứng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; vở ghi, bút, bảng nhóm, phiếu học tập.
- Máy tính, ti vi/máy chiếu; hình/bài tập trong SGK được cắt, chèn đúng dưới câu lệnh GV tương ứng.
- Tranh ảnh, video/học liệu số phù hợp với nội dung bài học; thẻ từ, phiếu đọc sách hoặc phiếu thảo luận khi cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú đọc mở rộng và khơi gợi hiểu biết của HS về động vật hoang dã. Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV mở một đoạn video/hình ảnh ngắn về thế giới động vật hoang dã hoặc yêu cầu HS kể nhanh tên một loài động vật hoang dã mà em biết. GV có thể mở một đoạn bài hát hoặc video ngắn về động vật để tạo hứng thú, sau đó yêu cầu HS nêu nhanh tên loài vật và điều em biết về loài vật đó. - GV dẫn vào tiết học: Hôm nay, các em sẽ đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã, ghi phiếu đọc sách và trao đổi với bạn về thông tin đã đọc. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát/hưởng ứng, kể tên một số loài: voi, hổ, sao la, voọc, gấu, chim, hươu, nai... - HS lắng nghe, chuẩn bị sách báo hoặc tư liệu đã sưu tầm.
2. Khám phá và luyện tập: Đọc, viết phiếu đọc sách, trao đổi (28 phút) Mục tiêu: HS đọc sách báo khoa học, ghi thông tin quan trọng và chia sẻ nội dung đã đọc với bạn. Cách tiến hành:	
Bài 1. Đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã.	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu bài 1, quan sát gợi ý trong SGK, chưa ghi đáp án ngay ở dòng đề bài.

<p>a. Bài văn trên tả phong cảnh ở đâu? b. Tìm phần mở bài, thân bài, kết bài của bài văn và nêu ý chính của từng phần. c. Trong phần thân bài, cảnh hồ Hoàn Kiếm được tả vào những thời gian nào? Những từ ngữ nào giúp em nhận biết như vậy? d. Theo trình tự miêu tả trong bài, người đọc cảm nhận được đặc điểm gì của cảnh hồ Hoàn Kiếm?</p> <p>2. Em học được những gì về cách miêu tả phong cảnh từ bài văn trên?</p> <p>Sử dụng nhiều giác quan để quan sát, cảm nhận cảnh vật.</p> <p>Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh để làm nổi bật đặc điểm từng cảnh vật.</p> <p>3. So sánh trình tự miêu tả của bài Bồn mưa trong ánh nước với bài Bờ Lát.</p> <p>Ghi nhớ Ngoài cách tả lần lượt từng phần, từng vẻ đẹp của phong cảnh, có thể tả phong cảnh theo trình tự thời gian (theo các mùa trong năm, theo các buổi trong ngày, theo sự đổi thay của cảnh qua năm tháng...) hoặc phối hợp cả hai cách để miêu tả.</p> <p>ĐỌC MỞ RỘNG</p> <p>1. Đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã.</p> <p>Trên Trái Đất của chúng ta có vô vàn loài động vật sinh sống. Sự tồn tại của thế giới động vật khiến cho Trái Đất luôn tràn đầy sức sống.</p> <p>(Theo Mèo và chuột) (Theo Động vật hoang dã)</p> <p>Việt Nam là ngôi nhà của rất nhiều loài động vật hoang dã. Năm nào cũng có những loài mới được phát hiện và ghi nhận.</p> <p>Ngựa rừng mình dài, chân thon và cao. Ngựa rừng sống cuộc sống hoang dã, tự do trên các triền núi thấp ven dãy Trường Sơn.</p> <p>(Theo Thú rừng Tây Nguyên)</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS chọn tài liệu: sách ở thư viện lớp, tủ sách gia đình, báo thiếu nhi hoặc trang thông tin phù hợp dưới sự hướng dẫn của GV/người lớn. Khi đọc, HS chú ý tên loài vật, nơi sống, đặc điểm, thói quen, tình trạng bảo tồn và điều thú vị.</p> <p>GV hướng dẫn rõ hơn: nếu đọc sách in, HS có thể mượn ở thư viện, tủ sách gia đình hoặc nhờ thầy cô, cha mẹ gợi ý; nếu đọc trên Internet, HS cần ghi lại tên bài, tên trang, ngày đọc để biết nguồn thông tin.</p>	<p>- HS đọc tài liệu đã chuẩn bị, ghi chú thông tin chính vào nháp.</p>
<p>NLS: 2.5.CB2a - GV hướng dẫn HS tra cứu có trách nhiệm bằng Google Search hoặc trang thông tin chính thống. Các bước: (1) Gõ từ khóa cụ thể như “sao la Việt Nam”, “voi châu Á Việt Nam”, “Sách đỏ Việt Nam động vật”; (2) ưu tiên trang của cơ quan nhà nước, bảo tàng, vườn quốc gia, tổ chức bảo tồn uy tín hoặc báo thiếu nhi; (3) đọc ít nhất 2 nguồn để đối chiếu; (4) ghi tên nguồn vào phiếu; (5) khi trao đổi trong nhóm trực tuyến, dùng lời lẽ lịch sự, không gửi hình ảnh đáng sợ, không chia sẻ thông tin chưa kiểm chứng, không đăng thông tin cá nhân.</p> <p>GV nhắc thêm trong phần hướng dẫn sử dụng công cụ số: HS không dùng thông tin từ trang quảng cáo, trang không rõ nguồn gốc; không cung cấp số điện thoại, địa chỉ, mật khẩu hoặc thông tin cá nhân khi truy cập; không sao chép máy móc mà cần đọc hiểu, chọn ý chính và ghi lại bằng lời của mình.</p>	<p>- HS thực hành tra cứu theo hướng dẫn của GV; ghi tên nguồn, thông tin chính và tuân thủ nghi thức số khi trao đổi.</p>
<p>Bài 2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.</p>	<p>- HS đọc yêu cầu bài 2, quan sát mẫu phiếu đọc sách.</p>

<p>2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.</p> <table><tr><th colspan="3">PHIẾU ĐỌC SÁCH</th></tr><tr><td>Tên sách báo: ●</td><td>Tác giả: ●</td><td>Ngày đọc: ●</td></tr><tr><td>Nội dung chính: ●</td><td colspan="2">Các loài động vật hoang dã được nói tới: ●</td></tr><tr><td>Những thông tin mới và bổ ích đối với em: ●</td><td colspan="2">Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆</td></tr></table> <p>3. Trao đổi với bạn về sách báo đã đọc.</p> <p>G:</p> <p>Em có thể chọn một trong các hoạt động sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tóm tắt những thông tin chính đã đọc về thế giới động vật hoang dã (tên loài vật, nơi sinh sống, đặc điểm, thói quen,...).- Chia sẻ những thông tin thú vị về loài vật đã đọc trong sách báo. <p>●</p> <p>Ghi chép những thông tin quan trọng về một số động vật có tên trong Sách đỏ Việt Nam.</p> 	PHIẾU ĐỌC SÁCH			Tên sách báo: ●	Tác giả: ●	Ngày đọc: ●	Nội dung chính: ●	Các loài động vật hoang dã được nói tới: ●		Những thông tin mới và bổ ích đối với em: ●	Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆		
PHIẾU ĐỌC SÁCH													
Tên sách báo: ●	Tác giả: ●	Ngày đọc: ●											
Nội dung chính: ●	Các loài động vật hoang dã được nói tới: ●												
Những thông tin mới và bổ ích đối với em: ●	Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆												
<p>- GV hướng dẫn HS hoàn thành phiếu: Tên sách báo, tác giả, ngày đọc, nội dung chính, các loài động vật hoang dã được nói tới, thông tin mới và bổ ích, mức độ yêu thích.</p> <p>GV gợi ý HS trình bày phiếu rõ ràng theo các mục: tên loài động vật, đặc điểm nổi bật, môi trường sống, thói quen, tình trạng bảo tồn và điều em thấy thú vị hoặc cần nhắc mọi người bảo vệ.</p>	<p>- HS viết phiếu đọc sách cá nhân, trình bày sạch sẽ, rõ ý.</p>												
<p>- GV mời 1 - 2 HS trình bày phiếu đọc sách trước lớp.</p>	<p>HS trình bày: Em đọc bài viết về sao la. Nội dung chính nói về đặc điểm, nơi sống và tình trạng quý hiếm của sao la ở Việt Nam. Thông tin mới với em là sao la rất hiếm gặp và cần được bảo vệ nghiêm ngặt.</p>												
<p>Bài 3. Trao đổi với bạn về sách báo đã đọc.</p>	<p>- HS đọc yêu cầu bài 3, chọn nội dung muốn chia sẻ với bạn.</p>												
<p>- GV tổ chức HS trao đổi nhóm 4 theo gợi ý: tóm tắt thông tin chính; chia sẻ điều thú vị; nêu lí do cần bảo vệ loài vật; lắng nghe và đặt câu hỏi lịch sự.</p> <p>GV khuyến khích HS khi trao đổi cần nói đủ ý, nhìn bạn khi nói, lắng nghe không cắt lời, biết đặt câu hỏi lịch sự như: “Loài vật đó sống ở đâu?”, “Vì sao chúng cần được bảo vệ?”.</p>	<p>- HS trao đổi nhóm, lần lượt chia sẻ; các bạn đặt câu hỏi, nhận xét và bổ sung thông tin.</p>												
<p>- GV mời một số nhóm trình bày trước lớp.</p>	<p>HS trình bày: Nhóm em đọc về voi, vọc, hổ và sao la. Các loài này đều có môi trường sống trong rừng, có vai trò quan trọng đối với thiên nhiên và cần được bảo vệ khỏi săn bắt, buôn bán trái phép.</p>												
<p>GV chốt: Đọc sách báo khoa học giúp các</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ ý nghĩa</p>												

em mở rộng hiểu biết, biết yêu quý động vật hoang dã và có ý thức bảo vệ môi trường sống của chúng.	của việc đọc mở rộng.
3. Vận dụng - Trải nghiệm (7 phút) Mục tiêu: HS tiếp tục ghi chép thông tin quan trọng về động vật trong Sách đỏ Việt Nam và chia sẻ với người thân. Cách tiến hành:	
- GV giao nhiệm vụ: Ghi chép những thông tin quan trọng về một số động vật có tên trong Sách đỏ Việt Nam. GV gợi ý: tên loài, đặc điểm, nơi sống, thói quen, tình trạng bảo tồn, việc em có thể làm để bảo vệ. GV gợi ý HS có thể chọn các loài quen thuộc trong Sách đỏ Việt Nam như sao la, voi châu Á, hổ, vọc chà vá, rùa biển; mỗi loài chỉ cần ghi thông tin ngắn gọn, chính xác và có nguồn đọc rõ ràng.	- HS đọc nhiệm vụ, ghi vào vở để thực hiện ở nhà.
- GV yêu cầu HS nêu nhanh một thông điệp bảo vệ động vật hoang dã.	HS trả lời: Hãy bảo vệ rừng để bảo vệ ngôi nhà của động vật hoang dã. Không săn bắt, không mua bán, không nuôi nhốt trái phép động vật hoang dã.
- GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS có phiếu đọc sách rõ ràng, biết chia sẻ thông tin lịch sự; dặn HS tiếp tục đọc thêm sách báo khoa học.	- HS lắng nghe, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT 5

CHỦ ĐIỂM: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

TUẦN 6

BÀI 11: HANG SƠN ĐOÀNG – NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ

TIẾT 1: ĐỌC: HANG SƠN ĐOÀNG – NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ văn bản Hang Sơn Đoòng – những điều kì thú; biết đọc diễn cảm văn bản thông tin với giọng rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những thông tin quan trọng.
- Nhận biết được các thông tin chính về niên đại, quá trình hình thành, quy mô và hệ sinh thái đặc biệt của hang Sơn Đoòng.
- Hiểu tác dụng của các câu in đậm trong văn bản; biết dựa vào chi tiết để trả lời câu hỏi và giới thiệu ngắn gọn về hang Sơn Đoòng.
- Hiểu điều tác giả muốn gửi gắm: Hang Sơn Đoòng là kì quan thiên nhiên độc đáo, cần được trân trọng, tự hào và bảo vệ.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động chuẩn bị bài, đọc trước văn bản, tự luyện đọc hoặc tự hoàn thành nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi với bạn, trình bày ý kiến, lắng nghe và góp ý lịch sự trong hoạt động nhóm.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn thông tin, nêu cách hiểu riêng, vận dụng kiến thức vào nói, viết và thực tế.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Biết tự hào về di sản thiên nhiên của Việt Nam, có ý thức giữ gìn cảnh quan, tài nguyên thiên nhiên.

- Chăm chỉ: Tích cực luyện đọc, tìm hiểu thông tin, hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: Có ý thức ứng xử văn minh khi tham quan di sản, không xả rác, không làm tổn hại môi trường tự nhiên.

4. Tích hợp

- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Bồi dưỡng niềm tự hào về di sản thiên nhiên Việt Nam và ý thức ứng xử văn minh khi du lịch.
- Tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: Liên hệ bảo vệ sông ngầm, suối trong hang; giữ vệ sinh khi tham quan di sản thiên nhiên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; kế hoạch bài dạy; bảng phụ hoặc màn hình trình chiếu.
- Tranh ảnh, video, phiếu học tập, bút dạ, bảng nhóm; hình/bài tập trong SGK được cắt, chèn đúng vị trí câu lệnh GV.
- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi; công cụ số/AI theo nội dung tích hợp của tiết học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập, khơi gợi hiểu biết ban đầu của HS về hang Sơn Đoòng và dẫn dắt vào văn bản thông tin. Cách tiến hành:	
- GV cho HS xem video ngắn “Những sự thật thú vị về hang động Sơn Đoòng” do GV chuẩn bị sẵn, yêu cầu HS chú ý các chi tiết về kích thước, cảnh quan, sông ngầm và hệ sinh thái trong hang.	- HS xem video, ghi nhớ một điều thú vị: hang rất rộng, có sông ngầm, có rừng trong hang, cảnh quan kì vĩ và rất đáng tự hào.
- GV tổ chức cho HS quan sát tranh minh họa trong SGK và nêu câu hỏi khởi động: Em biết những điều gì về hang Sơn Đoòng?	- HS quan sát tranh, suy nghĩ và nêu hiểu biết ban đầu: Hang Sơn Đoòng ở Quảng Bình, là hang động rất lớn, có cảnh đẹp kì vĩ, thu hút nhiều du khách.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, trao đổi: Em thấy điều gì thú vị hoặc bất ngờ nhất khi biết về hang Sơn Đoòng?	- HS trao đổi nhóm đôi và chuẩn bị ý kiến: Em bất ngờ vì trong hang có cả rừng; em thấy hang rất lớn; em muốn tìm hiểu vì sao hang được hình thành.
	- HS quan sát hình ảnh, nhận xét về không gian trong hang: rộng lớn, có nước, có vách đá, ánh sáng và cảnh quan rất đặc biệt.
- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp; khuyến khích HS nói thành câu đầy đủ, không chỉ nêu từ rời rạc.	- HS trình bày: Em biết hang Sơn Đoòng là một hang động nổi tiếng của nước ta; hang có kích thước rất lớn và là điểm du lịch hấp dẫn.
- GV nhận xét, kết nối: Hôm nay, các em sẽ đọc một văn bản thông tin để biết vì sao Sơn Đoòng được gọi là một trong những tác phẩm tuyệt vời nhất của tạo hóa.	- HS lắng nghe, ghi tên bài và chuẩn bị đọc văn bản.
2. Khám phá: Hoạt động luyện đọc (15 phút) Mục tiêu: Đọc đúng văn bản thông tin; biết ngắt nghỉ hợp lí, nhấn giọng ở các thông tin quan trọng và hiểu nghĩa một số từ ngữ trong bài. Cách tiến hành:	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV đọc mẫu toàn bài với giọng rõ ràng, rành mạch; nhấn giọng ở các câu in đậm và các thông tin số liệu: 5 triệu năm tuổi, lớn nhất thế giới, 9 ki-lô-mét, 38,5 triệu mét khối, 68 máy bay Bô-ին 777.	- HS nghe GV đọc mẫu, theo dõi văn bản trong SGK, đánh dấu những thông tin gây ấn tượng.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: Sơn Đoòng, Quảng Bình, Trường Sơn, Rào Thương, Bô-ին 777, sầm uất, hệ sinh thái, rừng nguyên sinh, thảm thực vật, cuốn chiếu.	- HS luyện đọc từ khó cá nhân, theo cặp; sửa lỗi phát âm cho nhau.
- GV hướng dẫn HS đọc câu dài: Hang Sơn Đoòng được hình thành từ một vết đứt gãy của dãy Trường Sơn,/ bị dòng nước sông Rào Thương bào mòn liên tục trong một khoảng thời gian dài// từ 2 đến 5 triệu năm.	- HS luyện ngắt nghỉ ở câu dài, đọc lại theo nhịp GV hướng dẫn.
- GV tiếp tục hướng dẫn HS luyện đọc câu dài thứ hai, chú ý ngắt nghỉ ở các cụm thông tin: “Cây cối ở đây khá mong manh,/ dù là cây thân gỗ.// Sơn Đoòng/ còn là nơi trú ngụ của nhiều loài động vật,/ trong đó/ có một số loài cá,/ nhện,/ cuốn chiếu,/ bộ cặp,.../ với đặc điểm chung là/ không có mắt/ và cơ thể trong suốt.//”	- HS luyện đọc câu dài, biết ngắt nghỉ theo cụm ý và đọc rõ các tên loài động vật trong hang.
- GV chia đoạn: Đoạn 1 từ đầu đến “lỗ hổng khổng lồ ngay dưới mặt đất”; đoạn 2 tiếp theo đến “cao 40 tầng”; đoạn 3 tiếp theo đến “cơ thể trong suốt”; đoạn 4 còn lại.	- HS đánh dấu đoạn trong SGK và chuẩn bị đọc nối tiếp.
- GV hướng dẫn HS nhận xét: Ngoài câu mở đầu dẫn vào bài, các đoạn còn lại đều có câu in đậm. GV hỏi: Theo em, các câu in đậm này có vai trò gì đối với người đọc?	- HS trả lời: Các câu in đậm nêu ý chính, giúp người đọc nhận biết nhanh thông tin quan trọng của từng đoạn.
- GV tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm 4; mỗi bạn đọc một đoạn, các bạn còn lại nghe và góp ý về phát âm, tốc độ, giọng đọc.	- HS đọc nối tiếp trong nhóm; góp ý cho bạn về từ khó, ngắt nghỉ, giọng đọc.
- GV mời một nhóm đọc trước lớp, nhận xét chung và hướng dẫn đọc diễn cảm các câu in đậm như những ý chính của văn bản.	- Đại diện nhóm đọc trước lớp; HS khác lắng nghe, nhận xét và điều chỉnh cách đọc.
3. Luyện tập: Hoạt động đọc hiểu (18 phút) Mục tiêu: Trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu, hiểu nội dung chính của văn bản và biết giới thiệu ngắn gọn về hang Sơn Đoòng. Mục tiêu tích hợp: Bồi dưỡng niềm tự hào về di sản thiên nhiên Việt Nam; giáo dục ý thức bảo vệ sông ngòi, suối và môi trường trong hang động. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc thầm lại văn bản và quan sát phần câu hỏi đọc hiểu trong SGK.	- HS đọc thầm, gạch chân các chi tiết quan trọng về hang Sơn Đoòng.
- GV hướng dẫn HS giải nghĩa thêm một số từ ngữ khó: rừng nguyên sinh là rừng tự nhiên chưa hoặc ít bị con người tác động; trú ngụ là nơi nương náu, trú ẩn; hệ sinh thái là toàn bộ các loài sinh vật và môi trường sống của chúng.	- HS lắng nghe, giải nghĩa từ bằng lời của mình và đặt câu ngắn với một từ vừa học.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	<p>- HS quan sát phần câu hỏi và thông tin tham khảo trong SGK.</p>
<p>Câu 1. Những câu được in đậm trong văn bản cho biết điều gì?</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại các câu in đậm, suy nghĩ xem mỗi câu nêu thông tin chính nào của văn bản; sau đó mời HS trình bày.</p>	<p>- HS trả lời: Các câu in đậm cho biết những điều nổi bật, kì thú về hang Sơn Đoòng: hang có niên đại tới 5 triệu năm tuổi, là hang động tự nhiên lớn nhất thế giới và có hệ sinh thái đặc biệt.</p>
<p>- GV chốt: Câu in đậm trong văn bản thông tin giúp người đọc nhanh chóng nhận ra các ý chính, các thông tin quan trọng.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ.</p>
<p>Câu 2. Quá trình hình thành hang Sơn Đoòng được giới thiệu như thế nào?</p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc lại đoạn đầu, tìm các từ ngữ chỉ nguyên nhân và thời gian hình thành hang; mời 1 – 2 HS trình bày.</p>	<p>- HS trả lời: Hang Sơn Đoòng được hình thành từ một vết đứt gãy của dãy Trường Sơn, bị dòng nước sông Rào Thương bào mòn liên tục trong khoảng thời gian rất dài, từ 2 đến 5 triệu năm, tạo nên một lỗ hổng khổng lồ dưới mặt đất.</p>
<p>Câu 3. Những chi tiết nào cho thấy hang Sơn Đoòng rất lớn?</p>	
<p>- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm đôi, tìm các số liệu và hình ảnh so sánh trong văn bản; mời HS trình bày kết quả.</p>	<p>- HS trả lời: Hang Sơn Đoòng dài tới 9 ki-lô-mét, có thể tích 38,5 triệu mét khối; có thể chứa tới 68 máy bay cỡ lớn Bô-িং 777 hoặc cả một khu phố sầm uất với những tòa nhà cao 40 tầng.</p>
<p>Câu 4. Nêu những điều đặc biệt của hệ sinh thái trong hang Sơn Đoòng.</p>	
<p>- GV gợi ý HS chú ý các chi tiết nói về rừng, cây cối, động vật trong hang; sau đó cho HS trình bày.</p>	<p>- HS trả lời: Trong hang Sơn Đoòng có một khu rừng nguyên sinh tuyệt đẹp với thảm thực vật phong phú, khác lạ; có cây cổ thụ, cây thân gỗ; là nơi trú ngụ của nhiều loài động vật như cá, nhện, cuốn chiếu, bọ cạp, trong đó có loài không có mắt và cơ thể trong suốt.</p>
<p>Câu 5. Tưởng tượng em là hướng dẫn viên du lịch, hãy giới thiệu hang Sơn Đoòng với du khách.</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS giới thiệu theo trình tự: vị trí, điểm nổi bật, quy mô, hệ sinh thái và lời mời gọi du khách tham quan văn minh; mời HS trình bày trước lớp.</p>	<p>- HS trả lời: Kính chào quý khách! Hang Sơn Đoòng ở tỉnh Quảng Bình là một trong những kì quan thiên nhiên đặc biệt của Việt Nam. Hang có niên đại tới hàng triệu năm, kích thước rất lớn và hệ sinh thái độc đáo với rừng nguyên sinh, nhiều loài sinh vật lạ.</p>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	Khi tham quan, chúng ta cần đi theo hướng dẫn, không xả rác, không làm hư hại thạch nhũ và giữ gìn vẻ đẹp nguyên sơ của hang.
- GV mời 2 – 3 HS tự nêu nội dung bài học trước khi GV chốt, khuyến khích HS nói rõ điều bài đọc cung cấp và cảm xúc tự hào của bản thân.	- HS nêu: Bài đọc cung cấp thông tin về niên đại, độ lớn và hệ sinh thái đặc biệt của hang Sơn Đoòng; em thấy thiên nhiên Việt Nam rất đẹp và đáng tự hào.
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và bảo vệ nguồn nước: GV diễn giải: Hang Sơn Đoòng không chỉ là cảnh đẹp nổi tiếng mà còn là niềm tự hào của đất nước Việt Nam. Một di sản thiên nhiên được hình thành qua hàng triệu năm rất dễ bị tổn thương nếu con người tham quan thiếu ý thức. Trong hang có sông ngầm, suối, thảm thực vật và nhiều sinh vật đặc biệt; vì vậy khi đi du lịch, các em cần biết ứng xử văn minh: đi đúng lối, không vẽ bậy, không bẻ thạch nhũ, không xả rác, không làm bẩn nguồn nước. Bảo vệ hang động cũng chính là bảo vệ vẻ đẹp quê hương, bảo vệ nguồn nước và sự sống của các loài sinh vật trong tự nhiên.	- HS lắng nghe, nêu việc làm cụ thể: không xả rác khi đi tham quan; nhắc người thân giữ gìn vệ sinh; tiết kiệm nước; tôn trọng hướng dẫn viên và quy định ở khu du lịch.
- GV chốt nội dung bài: Văn bản giới thiệu những điều kì thú về hang Sơn Đoòng, giúp người đọc thêm tự hào và có ý thức bảo vệ kì quan thiên nhiên của đất nước.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung bài.
4. Vận dụng - Trải nghiệm: Luyện đọc lại và liên hệ (7 phút) Mục tiêu: Luyện đọc lại đoạn yêu thích, nêu cảm nhận và liên hệ ý thức bảo vệ di sản thiên nhiên. Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS chọn một đoạn có thông tin gây ấn tượng để luyện đọc lại.	- HS luyện đọc cá nhân hoặc theo cặp; chú ý đọc rõ thông tin, nhấn giọng ở các số liệu và từ ngữ quan trọng.
- GV mời 2 – 3 HS đọc trước lớp; nhận xét giọng đọc, tốc độ đọc và cách nhấn giọng.	- HS đọc trước lớp; các bạn nhận xét, góp ý.
- GV yêu cầu HS chia sẻ: Sau khi học bài, em ấn tượng nhất điều gì về hang Sơn Đoòng?	- HS phát biểu: Em ấn tượng với kích thước rất lớn của hang; em thích hệ sinh thái đặc biệt trong hang; em tự hào vì Việt Nam có kì quan thiên nhiên nổi tiếng.
- GV khuyến khích HS chia sẻ thêm một hành động cụ thể sau bài học: vẽ tranh, viết khẩu hiệu hoặc kể cho người thân nghe về việc bảo vệ hang Sơn Đoòng.	- HS chia sẻ: Em muốn vẽ tranh tuyên truyền bảo vệ hang Sơn Đoòng; em sẽ kể với người thân về kì quan này và nhắc mọi người không xả rác khi đi du lịch.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS đọc lại bài và sưu tầm thêm tranh ảnh, thông tin chính thống về hang Sơn Đoòng nếu có điều kiện.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

BÀI 11: HANG SƠN ĐỒNG – NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ

TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐỒNG NGHĨA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Củng cố kiến thức về từ đồng nghĩa; biết lựa chọn từ đồng nghĩa phù hợp với ngữ cảnh trong thành ngữ, thơ và đoạn văn.
- Tìm được từ đồng nghĩa với từ in đậm; biết dùng 2 – 3 từ đồng nghĩa để viết đoạn văn ngắn về cảnh đẹp thiên nhiên.
- Biết vận dụng từ đồng nghĩa để diễn đạt chính xác, sinh động hơn khi nói và viết.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động chuẩn bị bài, đọc trước văn bản, tự luyện đọc hoặc tự hoàn thành nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi với bạn, trình bày ý kiến, lắng nghe và góp ý lịch sự trong hoạt động nhóm.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn thông tin, nêu cách hiểu riêng, vận dụng kiến thức vào nói, viết và thực tế.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực làm bài, trao đổi nhóm và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: Lắng nghe, nhận xét bài của bạn khách quan; sử dụng công cụ số đúng mục đích học tập.

4. Tích hợp

- NLS: 5.2.CB2a - HS tham gia tham quan ảo để khám phá vẻ đẹp hang động qua màn hình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; kế hoạch bài dạy; bảng phụ hoặc màn hình trình chiếu.
- Tranh ảnh, video, phiếu học tập, bút dạ, bảng nhóm; hình/bài tập trong SGK được cắt, chèn đúng vị trí câu lệnh GV.
- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi; công cụ số/AI theo nội dung tích hợp của tiết học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Ôn lại kiến thức về từ đồng nghĩa, tạo tâm thế sẵn sàng vào tiết luyện tập. Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Cặp từ nhanh”: GV nêu một từ, HS tìm từ đồng nghĩa hoặc gần nghĩa. Ví dụ: rộng lớn, đẹp, nhỏ, yên tĩnh, bảo vệ.	- HS tham gia trò chơi, nêu các cặp từ: rộng lớn - bao la, đẹp - xinh, nhỏ - bé, yên tĩnh - tĩnh lặng, bảo vệ - giữ gìn.
- GV phát phiếu trò chơi “Ai giỏi nhất?”, yêu cầu HS nối các nhóm từ có nghĩa tương đồng: má, u, bà - mẹ; cha, thầy - bố; xe lửa - tàu hỏa; hùm, cọp - hổ.	- HS làm việc nhóm, nối các cặp từ và trình bày kết quả: má, u, bà - mẹ; cha, thầy - bố; xe lửa - tàu hỏa; hùm, cọp - hổ.
- GV nhận xét, dẫn vào bài: Tiết học hôm nay giúp các em luyện chọn từ đồng nghĩa phù hợp với thành ngữ, thơ và đoạn văn.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. Khám phá - Củng cố kiến thức (7 phút) Mục tiêu: Nhắc lại khái niệm từ đồng nghĩa và cách chọn từ phù hợp với ngữ cảnh. Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Từ đồng nghĩa là gì? Khi dùng từ đồng nghĩa, chúng ta cần chú ý điều gì?	- HS trả lời: Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau. Khi dùng từ đồng nghĩa, cần chọn từ phù hợp với nghĩa, sắc thái và ngữ cảnh.
- GV chốt ngắn gọn: Không phải từ đồng nghĩa nào cũng thay thế được cho nhau trong mọi câu; muốn chọn đúng, cần đọc kỹ cả câu hoặc đoạn văn.	- HS lắng nghe, ghi nhớ.
3. Luyện tập (25 phút) Mục tiêu: Hoàn thành các bài tập về từ đồng nghĩa trong SGK và viết đoạn văn có sử dụng từ	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>đồng nghĩa.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: Rèn năng lực sử dụng công cụ số an toàn, có chọn lọc khi tham quan ảo để mở rộng vốn từ về cảnh hang động.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>LUYỆN TỪ VÀ CÂU</p> <p>LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐỒNG NGHĨA</p> <p>1. Chọn từ thích hợp thay cho bông hoa trong mỗi thành ngữ dưới đây:</p> <p>Từ cần tìm đồng nghĩa với từ in đậm trong mỗi thành ngữ.</p> <p>lớn nơi ước lướt yên lạnh</p> <p>a. Ngày tháng tốt d. Cầu được thấy</p> <p>b. Năm lần bảy e. Dao to búa</p> <p>c. Sóng yên biển lặng g. Đi đến nơi về đến chốn</p> <p>2. Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm trong đoạn thơ dưới đây:</p> <p>Góc sân nhỏ nhỏ mới xây Chiều chiều em đứng nơi này em trông Thấy trời xanh biếc mênh mông Cảnh cô chơp trắng trên sông Kinh Thầy... (Trần Đăng Khoa)</p> <p>3. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn thành đoạn văn.</p> <p>Mùa mưa xuân xôn xao, phơi phới. Những hạt mưa ⁽¹⁾ bé mơn, bé con, bé nhỏ, mềm mại, rơi như nhảy nhót. Hạt nọ tiếp hạt kia đan xuống mặt đất. Mặt đất đã ⁽²⁾ (khô cằn, khô khan, khô khốc) bỗng thức dậy, ầu ỹm đón lấy những giọt mưa ấm áp, ⁽³⁾ (trong sáng, trong lành, trong xanh). Mặt đất lại ⁽⁴⁾ (dịu mềm, dịu nhẹ, dịu ngọt), lại cần mẫn tiếp nhựa sống cho cây cỏ. Mùa mưa xuân đã mang lại cho cây ⁽⁵⁾ (sức lực, sức vóc, sức sống) tràn đầy. Và cây trả nghĩa cho mùa bằng cả mùa hoa thơm trái ngọt. (Theo Nguyễn Thị Thu Trang)</p> <p>4. Viết đoạn văn (4 – 5 câu) về một cảnh đẹp thiên nhiên, có sử dụng 2 – 3 từ</p>	<p>- HS quan sát các bài tập trong SGK, đọc thầm yêu cầu từng bài.</p>
<p>Bài 1. Chọn từ thích hợp thay cho bông hoa trong mỗi thành ngữ dưới đây.</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS đọc kĩ từng thành ngữ, tìm từ cần đồng nghĩa với từ in đậm rồi chọn từ phù hợp trong các bông hoa; tổ chức cho HS làm cá nhân, sau đó trao đổi cặp đôi.</p>	<p>- HS làm bài và trao đổi cặp đôi. HS trình bày: a. Ngày lạnh tháng tốt; b. Năm lần bảy lượt; c. Sóng yên biển lặng; d. Cầu được ước thấy; e. Dao to búa lớn; g. Đi đến nơi về đến chốn.</p>
<p>- GV mời 1 – 2 HS chữa bài trước lớp, yêu cầu HS giải thích vì sao chọn các từ đó để hoàn chỉnh thành ngữ.</p>	<p>- HS trình bày, giải thích: lạnh đi với tốt; lần đi với lượt; yên đi với lặng; được đi với thấy; to đi với lớn; nơi đi với chốn.</p>
<p>- GV chốt: Muốn chọn đúng từ trong thành ngữ, cần hiểu nghĩa trọn vẹn của cả thành ngữ, không chỉ nhìn vào một từ riêng lẻ.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ.</p>
<p>Bài 2. Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm trong đoạn thơ dưới đây.</p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc đoạn thơ, xác định các từ in đậm: nhỏ nhỏ, trông, mênh mông; sau đó tìm từ đồng nghĩa hoặc gần nghĩa.</p>	<p>- HS trả lời: nhỏ nhỏ có thể thay bằng nhỏ bé, bé nhỏ, bé con; trông có thể thay bằng nhìn, ngắm; mênh mông có thể thay bằng bao la, rộng lớn, bát ngát.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc lại đoạn thơ, thử thay từ đồng nghĩa vào câu thơ để kiểm tra xem câu có tự nhiên, phù hợp nhịp thơ hay không.</p>	<p>- HS thử thay từ và nhận xét: có thể dùng nhỏ bé, bé nhỏ, bé con; nhìn, xem, coi, ngắm; bao la, bát ngát, mênh mông, rộng lớn.</p>
<p>Bài 3. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn thành đoạn văn.</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS đọc cả đoạn văn để hiểu nội dung nói về mưa mùa xuân; yêu cầu HS chọn từ tạo sắc thái mềm mại, tự nhiên và phù hợp với văn cảnh.</p>	<p>- HS trình bày: (1) bé nhỏ; (2) khô cằn; (3) trong lành; (4) dịu mềm; (5) sức sống.</p>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV yêu cầu HS đọc đoạn văn đã hoàn chỉnh, nhận xét tác dụng của các từ được chọn đối với việc miêu tả mưa mùa xuân.	- HS đọc đoạn văn: Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới. Những hạt mưa bé nhỏ, mềm mại, rơi như nhảy nhót. Hạt nọ tiếp hạt kia đan xuống mặt đất. Mặt đất đã khô cần bồng thức dậy, âu yếm đón lấy những giọt mưa ấm áp, trong lành. Mặt đất lại dịu mềm, lại cần mẫn tiếp nhựa sống cho cây cỏ. Mưa mùa xuân đã mang lại cho cây sức sống tràn đầy. Và cây trả nghĩa cho mùa bằng cả mùa hoa thơm trái ngọt.
- GV nhận xét và chốt: Các từ được chọn giúp đoạn văn giàu hình ảnh, gợi được sự hồi sinh của đất trời sau cơn mưa xuân.	- HS lắng nghe, sửa bài nếu cần.
Bài 4. Viết đoạn văn 4 – 5 câu về một cảnh đẹp thiên nhiên, có sử dụng 2 – 3 từ đồng nghĩa.	
- GV hướng dẫn HS chọn cảnh để viết: hang động, dòng suối, cánh đồng, bãi biển, ngọn núi hoặc khu rừng. GV nhắc HS gạch chân hoặc ghi lại các từ đồng nghĩa đã dùng.	- HS viết đoạn văn cá nhân. Ví dụ: Buổi sáng, dòng suối trong veo chảy róc rách giữa khu rừng xanh mát. Mặt nước lấp lánh, long lanh dưới ánh nắng. Hai bên bờ, cây cối um tùm, rậm rạp tạo nên vẻ đẹp hoang sơ. Em rất yêu cảnh thiên nhiên yên bình, tĩnh lặng ấy.
- GV nhắc HS sau khi viết đoạn văn cần tự kiểm tra: đoạn có đủ 4 – 5 câu chưa, có sử dụng 2 – 3 từ đồng nghĩa chưa, các từ đồng nghĩa có phù hợp với cảnh được tả không.	- HS tự đọc lại đoạn văn, gạch chân các từ đồng nghĩa đã dùng và chỉnh sửa câu văn cho tự nhiên.
- Tích hợp NLS 5.2.CB2a: GV sử dụng công cụ Google Earth, Google Arts & Culture hoặc video tham quan ảo 360 độ về hang Sơn Đoòng do GV chuẩn bị. GV hướng dẫn HS quan sát qua màn hình, không tự bấm vào các đường link lạ; ghi lại 3 – 5 từ miêu tả cảnh hang động như rộng lớn, bao la, kì vĩ, hùng vĩ, huyền ảo, trong lành. Sau đó, HS thử tìm các từ đồng nghĩa hoặc gần nghĩa với những từ vừa ghi để làm giàu vốn từ cho bài viết.	- HS quan sát hình ảnh/tham quan ảo theo hướng dẫn của GV; ghi từ miêu tả cảnh hang động và trao đổi với bạn: rộng lớn - bao la, kì vĩ - hùng vĩ, trong lành - tinh khiết, huyền ảo - kì bí.
- GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS biết chọn từ chính xác và dùng từ đồng nghĩa tự nhiên trong đoạn văn.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút) Mục tiêu: Củng cố kiến thức về từ đồng nghĩa và vận dụng vào nói, viết hằng ngày. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nêu một cặp từ đồng nghĩa em có thể dùng khi viết bài văn tả cảnh.	- HS nêu: bao la - rộng lớn, xanh tươi - xanh mát, lấp lánh - long lanh, yên bình - tĩnh lặng.
- GV nêu câu văn vận dụng: “Cánh đồng làng em rộng bát ngát, trải dài bao la vô tận, gợi một cảm giác xanh ngọc tới tận trời.” GV yêu cầu HS tìm các từ đồng nghĩa trong câu.	- HS trả lời: Các từ đồng nghĩa là bát ngát - bao la; các từ này giúp người đọc hình dung cánh đồng rất rộng.
- GV dặn HS về nhà hoàn thiện đoạn văn, đọc lại và kiểm tra xem các từ đồng nghĩa dùng đã phù hợp chưa.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

BÀI 11: HANG SƠN ĐỒNG – NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ

TIẾT 3: VIẾT: VIẾT MỞ BÀI VÀ KẾT BÀI CHO BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nhận biết được mở bài trực tiếp, mở bài gián tiếp, kết bài không mở rộng và kết bài mở rộng trong bài văn tả phong cảnh.
- Viết được mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả phong cảnh theo yêu cầu.
- Biết trao đổi, chỉnh sửa mở bài, kết bài để bài viết hấp dẫn, mạch lạc hơn.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động chuẩn bị bài, đọc trước văn bản, tự luyện đọc hoặc tự hoàn thành nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi với bạn, trình bày ý kiến, lắng nghe và góp ý lịch sự trong hoạt động nhóm.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn thông tin, nêu cách hiểu riêng, vận dụng kiến thức vào nói, viết và thực tế.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực viết, sửa bài và hoàn thành nhiệm vụ.
- Trách nhiệm: Biết tiếp thu góp ý, chỉnh sửa sản phẩm viết của mình.

4. Tích hợp

- AI: 5.C4.2 - Trải nghiệm Virtual Tour tích hợp AI khám phá hang Sơn Đồng sinh động, an toàn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; kế hoạch bài dạy; bảng phụ hoặc màn hình trình chiếu.
- Tranh ảnh, video, phiếu học tập, bút dạ, bảng nhóm; hình/bài tập trong SGK được cắt, chèn đúng vị trí câu lệnh GV.
- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi; công cụ số/AI theo nội dung tích hợp của tiết học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Ôn lại kiến thức về bài văn tả phong cảnh, tạo tâm thế vào bài viết mở bài và kết bài. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nhắc lại cấu tạo bài văn tả phong cảnh và các cách miêu tả phong cảnh đã học.	- HS trả lời: Bài văn tả phong cảnh thường có mở bài, thân bài, kết bài; có thể tả theo không gian, theo thời gian hoặc kết hợp cả hai cách.
- GV yêu cầu HS nhắc lại hai cách mở bài và hai cách kết bài đã học ở lớp 4 khi viết bài văn tả cây cối, tả con vật; GV gợi ý: mở bài trực tiếp, mở bài gián tiếp; kết bài không mở rộng, kết bài mở rộng.	- HS nhắc lại: Mở bài có mở bài trực tiếp và gián tiếp; kết bài có kết bài không mở rộng và kết bài mở rộng.
- GV nêu vấn đề: Mở bài hay sẽ tạo ấn tượng ban đầu, kết bài hay sẽ để lại cảm xúc sau cùng. Hôm nay các em luyện viết hai phần đó.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. Khám phá: Tìm hiểu cách viết mở bài và kết bài (15 phút) Mục tiêu: Phân biệt các cách mở bài, kết bài và nhận xét tác dụng của từng cách viết. Cách tiến hành:	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>VIẾT</p> <p>VIẾT MỞ BÀI VÀ KẾT BÀI CHO BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH</p> <p>1. So sánh các cách mở bài và kết bài dưới đây. Em thích cách viết nào hơn? Vì sao?</p> <p>Mở bài</p> <p>Mở bài trực tiếp: Đà Lạt là thành phố ngàn hoa, nổi tiếng với hồ trong xanh và thông mờ màng.</p> <p>Mở bài gián tiếp: Từ Bắc vào Nam, từ đất liền tới biển đảo, nơi đâu trên đất nước ta cũng có những cảnh đẹp thu hút khách du lịch, trong số đó phải kể đến Đà Lạt. Đó là thành phố của ngàn hoa, thành phố của ngàn thông với rất nhiều hồ nước thơ mộng.</p> <p>Kết bài</p> <p>Kết bài không mở rộng: Thật không ngoa khi ca ngợi Đà Lạt là chốn "bồng lai tiên cảnh".</p> <p>Kết bài mở rộng: Thật không ngoa khi ca ngợi Đà Lạt là chốn "bồng lai tiên cảnh". Bạn có muốn đến thăm Đà Lạt trong một ngày mờ sương không?</p> <p>2. Viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài <i>Đến mùa trong ánh nước</i>.</p> <p>3. Trao đổi về cách viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả phong cảnh.</p> <p>G:</p> <ul style="list-style-type: none"> Khi viết mở bài gián tiếp, có thể bắt đầu như thế nào để dẫn vào phần giới thiệu phong cảnh? <p>Nhớ về một số nơi có phong cảnh đẹp em từng đến thăm hoặc được xem trên tivi, trong tranh ảnh,...</p> <p>Nghe một bài hát hoặc đọc một bài thơ, bài văn,... có nhắc đến vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên,...</p> <ul style="list-style-type: none"> Khi viết kết bài mở rộng, nên mở rộng theo hướng nào? <p>Nghĩ về những người thăm lăng, góp sức, chung tay giữ gìn, bảo vệ vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên,...</p> <p>Tưởng tượng về những thay đổi của cảnh vật thiên nhiên theo thời gian,...</p>	<p>- HS quan sát bài tập trong SGK, đọc thầm các đoạn mở bài và kết bài mẫu.</p>
<p>Bài 1. So sánh các cách mở bài và kết bài dưới đây. Em thích cách viết nào hơn? Vì sao?</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS đọc hai cách mở bài: mở bài trực tiếp và mở bài gián tiếp; yêu cầu HS nêu điểm khác nhau.</p>	<p>- HS trả lời: Mở bài trực tiếp giới thiệu ngay phong cảnh được tả. Mở bài gián tiếp dẫn dắt từ một ý rộng hơn rồi mới giới thiệu phong cảnh, vì vậy thường tạo cảm xúc và gây chú ý hơn.</p>
<p>- GV chốt về mở bài: Cả hai cách mở bài đều giới thiệu tên phong cảnh và những cảnh vật nổi bật. Mở bài trực tiếp ngắn gọn, hàm súc, dễ nhớ; mở bài gián tiếp có nhiều thông tin hơn, dẫn dắt tự nhiên hơn.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ ưu điểm của từng cách mở bài để vận dụng khi viết.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc hai cách kết bài: kết bài không mở rộng và kết bài mở rộng; yêu cầu HS nêu điểm khác nhau.</p>	<p>- HS trả lời: Kết bài không mở rộng nêu nhận xét, cảm nghĩ ngắn gọn. Kết bài mở rộng ngoài cảm nghĩ còn gọi thêm suy nghĩ, liên hệ hoặc lời mời gọi, khiến bài văn có dư âm hơn.</p>
<p>- GV chốt về kết bài: Cả hai cách kết bài đều nhấn mạnh ấn tượng về vẻ đẹp của phong cảnh. Kết bài không mở rộng ngắn gọn, súc tích; kết bài mở rộng làm ý kết bài phong phú hơn và tạo kết nối với người đọc.</p>	<p>- HS lắng nghe, phân biệt kết bài không mở rộng và kết bài mở rộng.</p>
<p>- GV mời HS nêu cách viết mình thích và giải thích lí do.</p>	<p>- HS phát biểu: Em thích mở bài gián tiếp vì có câu dẫn tự nhiên; em thích kết bài mở rộng vì gọi được mong muốn đến thăm cảnh đẹp và để lại cảm xúc cho người đọc.</p>
<p>- GV chốt kiến thức: Khi viết bài văn tả phong cảnh, mở bài có thể trực tiếp hoặc gián tiếp; kết bài có thể không mở rộng hoặc mở rộng. Cần chọn cách viết phù hợp với nội dung và cảm xúc của mình.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ.</p>
<p>3. Luyện tập: Viết mở bài, kết bài (20 phút)</p>	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>Mục tiêu: Viết được mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài Bốn mùa trong ánh nước hoặc một bài văn tả phong cảnh đã học.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: Biết dùng công cụ số/AI đúng mục đích để quan sát, gợi ý ý tưởng, không sao chép máy móc.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
Bài 2. Viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài Bốn mùa trong ánh nước.	
- GV hướng dẫn HS xác định cảnh được tả là hồ Hoàn Kiếm; trước khi viết, HS có thể nhắc lại các vẻ đẹp của hồ qua bốn mùa.	- HS nhắc lại: Hồ Hoàn Kiếm đẹp qua mùa hè, mùa đông, mùa xuân và đặc biệt là mùa thu; cảnh hồ gắn với cây cối, mặt nước, đền Ngọc Sơn và kí ức của nhiều người.
- GV gợi ý mở bài gián tiếp: có thể bắt đầu từ kỉ niệm về Hà Nội, từ một bài hát, một bức ảnh, hoặc từ cảm xúc khi nhìn thấy mặt hồ trong xanh.	- HS viết mở bài. Ví dụ: Mỗi khi nhắc đến Hà Nội, em lại nghĩ đến những hàng cây cổ thụ, những con phố rợp bóng và một mặt hồ xanh trong nằm giữa lòng thành phố. Đó là hồ Hoàn Kiếm, cảnh đẹp thân thương đã đi vào thơ ca và kí ức của biết bao người.
- GV gợi ý thêm: Khi viết mở bài gián tiếp, HS có thể dẫn bằng một câu thơ, bài hát, câu ca dao, kỉ niệm về Hà Nội hoặc một câu chuyện liên quan đến Hồ Hoàn Kiếm rồi mới giới thiệu cảnh được tả.	- HS bổ sung ý tưởng vào nháp, chọn cách dẫn phù hợp với cảm xúc của mình.
- GV gợi ý kết bài mở rộng: nêu cảm xúc về hồ, liên hệ ý thức giữ gìn cảnh đẹp, hoặc bày tỏ mong muốn được đến thăm hồ.	- HS viết kết bài. Ví dụ: Hồ Hoàn Kiếm không chỉ đẹp bởi mặt nước, hàng cây, đền cổ mà còn đẹp vì gắn với tình yêu của bao người dành cho Hà Nội. Em mong mỗi người khi đến thăm hồ đều biết giữ gìn vệ sinh, bảo vệ cây xanh để cảnh đẹp ấy mãi trong lành và đáng tự hào.
- GV gợi ý thêm: Khi viết kết bài mở rộng, HS có thể nói về giá trị văn hóa, tinh thần của Hồ Hoàn Kiếm, lí do du khách thường muốn đến thăm hồ hoặc tưởng tượng sau này lớn lên vẫn nhớ về cảnh hồ.	- HS chỉnh kết bài theo hướng mở rộng: nêu tình yêu, niềm tự hào, mong muốn giữ gìn cảnh đẹp của hồ.
- GV tổ chức cho HS trao đổi vở theo cặp, góp ý xem mở bài có dẫn dắt tự nhiên không, kết bài có mở rộng cảm xúc hoặc suy nghĩ không.	- HS đổi vở, đọc bài của bạn, góp ý nhẹ nhàng và chỉnh sửa bài của mình.
Bài 3. Trao đổi về cách viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả phong cảnh.	
- GV hướng dẫn HS trao đổi theo gợi ý trong SGK: Khi viết mở bài gián tiếp có thể bắt đầu bằng kỉ niệm, bài thơ, bài hát, tranh ảnh về cảnh đẹp; khi viết kết bài mở rộng có thể nghĩ đến người giữ gìn cảnh đẹp hoặc sự thay đổi của cảnh theo thời gian.	- HS thảo luận nhóm, nêu cách mở bài và kết bài mình sẽ chọn; lắng nghe góp ý để hoàn thiện bài viết.
- GV mời 2 – 3 HS đọc mở bài, kết bài đã viết; lớp nhận xét theo tiêu chí: đúng yêu cầu, có cảm xúc, câu văn rõ ý, diễn đạt tự nhiên.	- HS trình bày sản phẩm; các bạn nhận xét, góp ý.
- Tích hợp AI 5.C4.2: GV giới thiệu công cụ Google Earth, Google Arts & Culture/Virtual Tour và trợ lí AI ChatGPT hoặc Gemini. GV hướng dẫn HS chỉ dùng công cụ để quan sát cảnh, gợi ý từ ngữ hoặc kiểm tra ý tưởng;	- HS làm theo hướng dẫn: quan sát hình ảnh, ghi từ ngữ gợi tả, đọc gợi ý của AI dưới sự kiểm soát của GV, sau đó tự viết mở bài hoặc kết bài bằng lời văn của mình.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
không sao chép nguyên văn câu do AI tạo. HS thao tác theo nhóm dưới sự hướng dẫn của GV: (1) quan sát hình ảnh/tham quan ảo Hang Sơn Đoòng hoặc một cảnh đẹp; (2) ghi nhanh 5 từ gợi tả; (3) hỏi trợ lí AI: “Gợi ý 3 cách mở bài gián tiếp cho bài văn tả cảnh hang động, phù hợp học sinh lớp 5”; (4) chọn ý phù hợp và tự viết lại bằng lời của mình; (5) không nhập thông tin cá nhân vào công cụ.	
- GV chốt: Công cụ số và AI có thể hỗ trợ quan sát, gợi ý ý tưởng nhưng cảm xúc, cách viết và trách nhiệm học tập phải do chính HS thực hiện.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách dùng AI an toàn, trung thực.
4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút) Mục tiêu: Cùng cố cách viết mở bài, kết bài và chuẩn bị cho bài viết sau. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nêu điều cần nhớ khi viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng.	- HS trả lời: Mở bài gián tiếp cần dẫn dắt tự nhiên rồi giới thiệu cảnh; kết bài mở rộng cần nêu cảm nghĩ, liên hệ hoặc mong muốn giữ gìn cảnh đẹp.
- GV dẫn HS chia sẻ với người thân nội dung mở bài và kết bài đã viết, hỏi thêm góp ý để chỉnh sửa câu văn cho mạch lạc, có cảm xúc.	- HS ghi nhớ: đọc lại bài cho người thân nghe, tiếp thu góp ý và hoàn thiện bài viết.
- GV dẫn HS chia sẻ với người thân phần mở bài, kết bài đã viết và tiếp tục chỉnh sửa nếu cần.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

BÀI 12: NHỮNG HÒN ĐẢO TRÊN VỊNH HẠ LONG

TIẾT 1 - 2: ĐỌC: NHỮNG HÒN ĐẢO TRÊN VỊNH HẠ LONG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long; biết đọc rõ ràng, nhấn giọng ở các từ ngữ miêu tả hình dáng, vẻ đẹp và sự kì thú của các hòn đảo.
- Nhận biết được câu văn miêu tả bao quát, các chi tiết miêu tả hình dáng, sự sắp đặt thú vị của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.
- Hiểu nội dung chính: Vịnh Hạ Long có vẻ đẹp kì thú, thơ mộng, sinh động và là cảnh đẹp có một không hai của đất nước.
- Biết nêu cảm nhận về vẻ đẹp của biển đảo quê hương và chọn đáp án đúng về chủ đề bài đọc.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động chuẩn bị bài, đọc trước văn bản, tự luyện đọc hoặc tự hoàn thành nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi với bạn, trình bày ý kiến, lắng nghe và góp ý lịch sự trong hoạt động nhóm.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn thông tin, nêu cách hiểu riêng, vận dụng kiến thức vào nói, viết và thực tế.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Bồi dưỡng tình yêu biển đảo, niềm tự hào về cảnh đẹp thiên nhiên Việt Nam.
- Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ tài nguyên biển, không xả rác xuống biển, giữ gìn nguồn nước và cảnh quan vịnh.

4. Tích hợp

- QPAN: Lòng ghép tình yêu biển đảo, ý thức giữ gìn chủ quyền, tài nguyên và vẻ đẹp vùng biển Việt Nam.
- Tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: Giáo dục không xả rác xuống biển, bảo vệ nguồn nước biển và môi trường sống của sinh vật biển.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; kế hoạch bài dạy; bảng phụ hoặc màn hình trình chiếu.
- Tranh ảnh, video, phiếu học tập, bút dạ, bảng nhóm; hình/bài tập trong SGK được cắt, chèn đúng vị trí câu lệnh GV.
- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi; công cụ số/AI theo nội dung tích hợp của tiết học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Khơi gợi hiểu biết của HS về vịnh Hạ Long, tạo hứng thú đọc văn bản. Cách tiến hành:	
- GV cho HS xem video ngắn “Giới thiệu Vịnh Hạ Long – Di sản thiên nhiên độc đáo” do GV chuẩn bị, yêu cầu HS chú ý các hình ảnh về đảo đá, mặt nước và tàu thuyền.	- HS xem video, ghi nhớ một hình ảnh gây ấn tượng: nước biển xanh, nhiều đảo đá, cảnh đẹp rộng lớn và thơ mộng.
- GV yêu cầu HS chia sẻ những điều em biết về vịnh Hạ Long.	- HS chia sẻ: Vịnh Hạ Long ở Quảng Ninh, có nhiều hòn đảo đá đẹp, là danh lam thắng cảnh nổi tiếng, có nhiều du khách đến tham quan.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi: Em hãy giới thiệu ngắn gọn cảnh đẹp vịnh Hạ Long mà em biết hoặc từng xem qua sách báo, ti vi, Internet.	- HS trao đổi nhóm đôi, trình bày: Vịnh Hạ Long có nhiều đảo đá kì thú, nước biển xanh, là danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Quảng Ninh.
- GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa trong SGK, nêu nhận xét về màu nước, hòn đảo và tàu thuyền trên vịnh.	- HS quan sát tranh, nêu nhận xét: nước biển xanh, nhiều hòn đảo nhấp nhô, có tàu du lịch, cảnh rộng lớn và thơ mộng.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát hình ảnh SGK, liên hệ hiểu biết cá nhân về vịnh Hạ Long.
<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu: Bài đọc hôm nay sẽ giúp các em cảm nhận rõ hơn vẻ đẹp độc đáo của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. Khám phá: Hoạt động luyện đọc (20 phút)	
Mục tiêu: Đọc đúng văn bản, biết ngắt nghỉ, nhấn giọng ở từ ngữ gợi tả vẻ đẹp của vịnh Hạ Long.	
Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu toàn bài với giọng chậm rãi, tha thiết, thể hiện sự say mê trước vẻ đẹp của vịnh Hạ Long. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe GV đọc mẫu, theo dõi văn bản trong SGK.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn đọc từ khó: Hạ Long, nhấp nhô, khuất khúc, rồng chầu, phượng múa, sừng sững, trùng điệp, chênh vênh, lộng, khơi. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS luyện đọc từ khó cá nhân, theo cặp; sửa lỗi phát âm cho nhau.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đọc đúng các cụm từ dễ sai và giàu hình ảnh: ngăn khơi với lộng, nổi mặt biển với chân trời, lúc neo thuyền, phơi lưới, ông lão trầm tĩnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS luyện đọc các cụm từ, chú ý phát âm rõ và đọc liền mạch theo cụm nghĩa.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn đọc câu dài: Trên một diện tích hẹp,/ mọc lên hàng nghìn đảo nhấp nhô khuất khúc như rồng chầu,/ phượng múa. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS luyện đọc ngắt nghỉ đúng ở câu dài.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn thêm câu dài: “Có chỗ/ đảo dàn ra thưa thớt,/ hòn này với hòn kia biệt lập,/ xa trông như quân cờ bày chon von trên mặt biển./” 	<ul style="list-style-type: none"> - HS luyện đọc câu dài, biết ngắt nghỉ sau các cụm miêu tả sự sắp xếp của đảo.
<ul style="list-style-type: none"> - GV chia đoạn: Đoạn 1 từ “Vịnh Hạ Long” đến “rồng chầu, phượng múa”; đoạn 2 từ “Đảo có chỗ sừng sững” đến “neo thuyền, phơi lưới”; đoạn 3 tiếp theo đến “một sự tích huyền bí”; đoạn 4 còn lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu 4 đoạn trong SGK và chuẩn bị đọc nối tiếp.
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm 3; yêu cầu HS chú ý các từ ngữ miêu tả hình dáng hòn đảo. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nối tiếp trong nhóm; góp ý cho bạn về phát âm, ngắt nghỉ và giọng đọc.
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 nhóm đọc trước lớp; nhận xét, sửa lỗi và khuyến khích HS đọc diễn cảm đoạn miêu tả hình dáng các hòn đảo. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc trước lớp; lớp lắng nghe, nhận xét.
3. Luyện tập: Hoạt động đọc hiểu (30 phút)	
Mục tiêu: Trả lời được câu hỏi đọc hiểu, hiểu vẻ đẹp kì thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.	
Mục tiêu tích hợp: Bồi dưỡng tình yêu biển đảo, ý thức giữ gìn chủ quyền, tài nguyên biển và bảo vệ nguồn nước biển.	
Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn tìm hiểu nghĩa từ ngữ: trường thành là bức thành dài và vững chắc; khơi là vùng biển xa bờ; lộng là vùng biển gần bờ; khuất khúc là có nhiều đoạn quanh co, gấp 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe giải nghĩa từ, ghi nhớ và dùng từ để hiểu rõ hơn hình ảnh các hòn đảo trong bài.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>khúc; chon von là trơ trọi ở trên cao, không có chỗ dựa chắc chắn.</p> <p>- GV hướng dẫn HS tìm bố cục bài trước khi trả lời câu hỏi: đoạn đầu giới thiệu bao quát về vịnh Hạ Long; các đoạn tiếp theo miêu tả sự sắp xếp và hình dáng các đảo; đoạn cuối khẳng định Hạ Long là một phần non sông cần yêu quý, bảo vệ, giữ gìn.</p>	<p>- HS lắng nghe, xác định bố cục để việc trả lời câu hỏi có trình tự và rõ ý hơn.</p>
 <p>1. Tìm câu văn miêu tả bao quát về đảo ở vịnh Hạ Long. Câu văn đó giúp em hình dung được những gì về vịnh Hạ Long?</p> <p>2. Những hòn đảo ở Hạ Long được tạo hoá xếp đặt thú vị như thế nào? Bằng cách nào, tác giả giúp ta cảm nhận được điều đó?</p> <p>3. Dựa vào bài đọc, em hãy miêu tả hình dáng một số hòn đảo ở Hạ Long.</p> <p>4. Khi ngắm đảo ở vịnh Hạ Long, vì sao tác giả có cảm giác được “chiêm ngưỡng một thế giới sống động đã trải qua hàng triệu năm hoá đá”?</p> <p>5. Chủ đề của bài Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long là gì? Chọn đáp án đúng.</p> <p>A. Vẻ đẹp kì thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long B. Sự thơ mộng, huyền bí của sông nước Hạ Long C. Sức cuốn hút của thiên nhiên Hạ Long đối với du khách D. Những cảnh đẹp có một không hai của thiên nhiên</p> <p>1. Nêu tác dụng của các từ ngữ sau trong việc miêu tả những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.</p> <p>nhấp nhô sừng sừng thưa thớt chon von xúm xít chồng chênh</p> <p>2. Tìm trong các từ dưới đây những cặp từ đồng nghĩa.</p> <p>ngắm nhìn quán tụ vững chắc trầm tĩnh</p>	<p>- HS quan sát câu hỏi đọc hiểu và phần luyện tập theo văn bản đọc trong SGK.</p>
<p>Câu 1. Tìm câu văn miêu tả bao quát về đảo ở vịnh Hạ Long. Câu văn đó giúp em hình dung được những gì về vịnh Hạ Long?</p> <p>- GV hướng dẫn HS đọc lại đoạn đầu, tìm câu văn nói khái quát về số lượng và dáng vẻ các đảo; mời HS trình bày.</p>	<p>- HS trả lời: Câu văn “Trên một diện tích hẹp, mọc lên hàng nghìn đảo nhấp nhô khuất khúc như rồng chầu, phượng múa.” giúp em hình dung vịnh Hạ Long có rất nhiều đảo, các đảo nhấp nhô, uốn lượn, tạo nên cảnh đẹp kì vĩ và sinh động.</p>
<p>Câu 2. Những hòn đảo ở Hạ Long được tạo hóa xếp đặt thú vị như thế nào? Bằng cách nào, tác giả giúp ta cảm nhận được điều đó?</p> <p>- GV yêu cầu HS tìm các từ ngữ miêu tả sự sắp đặt của đảo: thưa thớt, biệt lập, quần tụ, xúm xít; sau đó trình bày.</p>	<p>- HS trả lời: Có chỗ đảo dàn ra thưa thớt, hòn này với hòn kia biệt lập; có chỗ đảo quần tụ lại, xúm xít như vạn chài lúc neo thuyền, phơi lưới. Tác giả dùng các từ ngữ gợi hình và hình ảnh so sánh để người đọc cảm nhận được sự sắp đặt thú vị đó.</p>
<p>- GV gợi ý HS chú ý các biện pháp so sánh và nhân hóa như “rồng chầu, phượng múa”, “quần cò bày chon von”, “vạn chài lúc neo thuyền, phơi lưới” để cảm nhận về sống động của đảo.</p>	<p>- HS chỉ ra: Tác giả dùng so sánh, nhân hóa và từ ngữ gợi hình để các hòn đảo hiện lên như có dáng vẻ, tư thế và câu chuyện riêng.</p>
<p>Câu 3. Dựa vào bài đọc, em hãy miêu tả hình dáng một số hòn đảo ở Hạ Long.</p> <p>- GV tổ chức HS làm việc cá nhân, chọn 2 – 3 hình dáng hòn đảo để miêu tả lại bằng lời của mình; mời HS trình bày.</p>	<p>- HS trả lời: Có hòn trông như đôi gà đang xòe cánh chọi nhau trên mặt nước, có hòn bệ thế như mái nhà, có hòn chênh vênh như con cóc ngồi bờ giếng, có hòn như ông lão trầm tĩnh ngồi câu cá.</p>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV khuyến khích HS miêu tả bằng lời của mình, không đọc nguyên văn trong sách; có thể bắt đầu bằng: “Em hình dung hòn Gà Chọi như...”, “Hòn Ông Lã Vọng gợi cho em hình ảnh...”.	- HS trình bày tự nhiên: Hòn Gà Chọi giống đôi gà đang xòe cánh; hòn Con Cóc như con cóc ngồi bên bờ giếng; hòn Ông Lã Vọng như ông lão lặn lẽ câu cá.
Câu 4. Khi ngắm đảo ở vịnh Hạ Long, vì sao tác giả có cảm giác được “chiêm ngưỡng một thế giới sống động đã trải qua hàng triệu năm hóa đá”?	
- GV gợi ý: Các đảo đá có hình dáng giống con vật, con người, đồ vật và gắn với sự tích huyền bí; HS suy nghĩ và trình bày.	- HS trả lời: Vì những hòn đảo có hình dáng rất sinh động, gợi liên tưởng đến người, vật, con vật đang sống; lại được tạo thành qua thời gian rất dài nên tác giả có cảm giác như đang nhìn một thế giới sống động đã hóa đá qua hàng triệu năm.
Câu 5. Chủ đề của bài Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long là gì? Chọn đáp án đúng.	
- GV yêu cầu HS đọc bốn đáp án, đối chiếu với toàn bài và chọn đáp án phù hợp nhất.	- HS trả lời: Đáp án A. Vẻ đẹp kì thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.
- GV mời HS nêu chủ đề bài đọc bằng một câu trước khi chọn đáp án, sau đó đối chiếu với các phương án trong SGK.	- HS nêu: Bài đọc ca ngợi vẻ đẹp kì thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long; vì vậy chọn đáp án A.
- Tích hợp QPAN và bảo vệ nguồn nước: GV diễn giải: Vịnh Hạ Long là cảnh đẹp có một không hai của đất nước, là niềm tự hào của Việt Nam và cũng gắn với biển đảo, tài nguyên, môi trường sống của nhiều loài sinh vật. Yêu biển đảo không chỉ là biết ngắm cảnh đẹp, kể tên địa danh mà còn là biết trân trọng chủ quyền, giữ gìn tài nguyên, không xả rác xuống biển, không làm ô nhiễm nước biển, không bẻ san hô, không gây hại cho sinh vật biển. Mỗi HS có thể bắt đầu bằng việc nhỏ: bỏ rác đúng nơi quy định, tiết kiệm nước, nhắc người thân không xả rác khi đi biển và giới thiệu vẻ đẹp biển đảo Việt Nam bằng thái độ tự hào, đúng mực.	- HS lắng nghe, nêu việc làm cụ thể: không vứt rác xuống biển, nhặt rác khi thấy phù hợp, không mua bán sinh vật biển quý hiếm, giới thiệu cảnh đẹp Hạ Long với bạn bè, giữ gìn nguồn nước sạch.
- GV chốt nội dung: Bài đọc ca ngợi vẻ đẹp kì thú, thơ mộng và sinh động của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long, qua đó bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, tình yêu biển đảo quê hương.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung bài.
4. Luyện tập sau văn bản đọc (12 phút)	
Mục tiêu: Củng cố tác dụng của từ ngữ miêu tả và luyện tìm, đặt câu với cặp từ đồng nghĩa. Cách tiến hành:	
Bài 1. Nêu tác dụng của các từ ngữ sau trong việc miêu tả những hòn đảo trên vịnh Hạ Long: nhấp nhô, sừng sững, thưa thớt, chon von, xúm xít, chông chênh.	
- GV hướng dẫn HS đọc các từ, liên hệ hình dáng và sự sắp xếp của đảo; mời HS trình bày tác dụng.	- HS trả lời: Các từ ngữ giúp hình ảnh đảo hiện lên cụ thể, sinh động: nhấp nhô gợi nhiều đảo nổi lên thấp cao; sừng sững gợi vẻ cao lớn, vững chãi; thưa thớt gợi sự rải rác; chon von, chông chênh gợi dáng cao,

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	nghiêng, không vững; xúm xít gọi sự quần tụ gần nhau.
Bài 2. Tìm trong các từ dưới đây những cặp từ đồng nghĩa.	
- GV yêu cầu HS đọc các từ, tìm cặp có nghĩa giống hoặc gần giống nhau; mời HS trình bày.	- HS trả lời: ngắm nhìn - chiêm ngưỡng; quần tụ - quây quần; vững chắc - vững chãi; trầm tĩnh - trầm lặng.
Bài 3. Đặt câu với một cặp từ đồng nghĩa em tìm được ở bài tập 2.	
- GV hướng dẫn HS đặt câu đúng nghĩa, có thể dùng một từ trong cặp hoặc cả hai từ trong hai câu khác nhau.	- HS đặt câu: Du khách đứng trên boong tàu ngắm nhìn những hòn đảo nhấp nhô trên vịnh. Ai cũng muốn chiêm ngưỡng vẻ đẹp kì thú của Hạ Long một lần trong đời.
5. Vận dụng - Trải nghiệm (8 phút) Mục tiêu: Luyện đọc lại, nêu cảm xúc và vận dụng bài học vào thực tế bảo vệ cảnh quan biển đảo. Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS luyện đọc lại đoạn miêu tả hình dáng các hòn đảo.	- HS luyện đọc cá nhân, theo cặp; chú ý nhấn giọng ở các từ ngữ gợi hình.
- GV yêu cầu HS nêu một điều em muốn làm để góp phần bảo vệ biển đảo hoặc cảnh đẹp thiên nhiên.	- HS nêu: Em sẽ không xả rác khi đi biển; em sẽ tiết kiệm nước; em sẽ nhắc người thân bỏ rác đúng nơi; em sẽ tìm hiểu thêm về cảnh đẹp biển đảo Việt Nam.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS đọc lại bài và chuẩn bị tiết Viết: Quan sát phong cảnh.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

BÀI 12: NHỮNG HÒN ĐẢO TRÊN VỊNH HẠ LONG

TIẾT 3: VIẾT: QUAN SÁT PHONG CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Biết lựa chọn một cảnh ao hồ, sông suối hoặc biển đảo để quan sát và ghi lại kết quả quan sát.
- Biết quan sát phong cảnh theo trình tự không gian hoặc thời gian; ghi được đặc điểm của cảnh vật bằng các giác quan.
- Biết trao đổi kết quả quan sát với bạn, chỉnh sửa ghi chép để chuẩn bị cho bài văn tả phong cảnh.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động chuẩn bị bài, đọc trước văn bản, tự luyện đọc hoặc tự hoàn thành nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi với bạn, trình bày ý kiến, lắng nghe và góp ý lịch sự trong hoạt động nhóm.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn thông tin, nêu cách hiểu riêng, vận dụng kiến thức vào nói, viết và thực tế.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực quan sát, ghi chép và hoàn thành nhiệm vụ viết.
- Trách nhiệm: Biết ghi nguồn ảnh, nguồn tư liệu khi sử dụng hình ảnh sưu tầm.

4. Tích hợp

- NLS: 2.2.CB2a - HS sưu tầm ảnh di sản thiên nhiên và ghi nguồn khi đưa vào bài viết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; kế hoạch bài dạy; bảng phụ hoặc màn hình trình chiếu.
- Tranh ảnh, video, phiếu học tập, bút dạ, bảng nhóm; hình/bài tập trong SGK được cắt, chèn đúng vị trí câu lệnh GV.
- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi; công cụ số/AI theo nội dung tích hợp của tiết học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Gợi nhớ kiến thức về quan sát phong cảnh, dẫn dắt vào nhiệm vụ ghi chép kết quả quan sát. Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Trồng cây trang trí lớp” để ôn nhanh: Có mấy cách mở bài trong bài văn tả cảnh? Đây không phải kiểu kết bài trong bài văn miêu tả? Bài văn tả phong cảnh thường có mấy phần?	- HS tham gia trò chơi, trả lời: Có 2 cách mở bài; kết bài gián tiếp không phải kiểu kết bài; bài văn tả phong cảnh có 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.
- GV hỏi: Khi tả một phong cảnh, chúng ta cần quan sát những gì? Có thể quan sát theo trình tự nào?	- HS trả lời: Cần quan sát toàn cảnh, từng sự vật, màu sắc, âm thanh, hương vị, ánh sáng; có thể quan sát theo không gian hoặc theo thời gian.
- GV giới thiệu: Tiết học này, các em sẽ luyện quan sát và ghi lại kết quả quan sát một cảnh ao hồ, sông suối hoặc biển đảo.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. Khám phá: Chuẩn bị quan sát (10 phút) Mục tiêu: Biết xác định cảnh cần quan sát, cách quan sát và trình tự quan sát. Cách tiến hành:	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
 <p>trăm lạng, vùng chài, quây quần, chiêm ngưỡng.</p> <p>3. Đặt câu với 1 cặp từ đồng nghĩa em tìm được ở bài tập 2.</p> <p>VIẾT</p> <p>QUAN SÁT PHONG CẢNH</p> <p>Yêu cầu: Quan sát một cảnh ao hồ, sông suối hoặc biển đảo và ghi lại kết quả quan sát.</p> <p>1. Chuẩn bị.</p> <ul style="list-style-type: none"> Lựa chọn phong cảnh để quan sát (cảnh ao, hồ, sông, suối, biển, đảo,...). Lựa chọn cách quan sát (trực tiếp hoặc qua tranh ảnh, video,...). Lựa chọn trình tự quan sát. 	<p>- HS quan sát yêu cầu và gợi ý trong SGK.</p>
<p>- GV nêu yêu cầu: Quan sát một cảnh ao hồ, sông suối hoặc biển đảo và ghi lại kết quả quan sát.</p>	<p>- HS đọc yêu cầu, xác định nhiệm vụ cần làm.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS chuẩn bị: chọn phong cảnh để quan sát; chọn cách quan sát trực tiếp hoặc qua tranh ảnh, video; lựa chọn trình tự quan sát.</p>	<p>- HS lựa chọn cảnh: dòng suối, hồ nước, bãi biển, vịnh Hạ Long hoặc một phong cảnh gần nơi ở.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS xác định rõ cách quan sát: quan sát trực tiếp nếu có điều kiện; nếu không, có thể quan sát qua tranh ảnh, video, nhưng cần chọn nguồn phù hợp và nhìn kỹ các chi tiết.</p>	<p>- HS xác định cách quan sát phù hợp với phong cảnh mình chọn: quan sát trực tiếp, qua tranh ảnh hoặc video.</p>
<p>- GV nhắc HS có thể quan sát theo không gian: từ bao quát đến chi tiết, từ xa đến gần, từ trái sang phải; hoặc theo thời gian: buổi sáng, trưa, chiều, các mùa trong năm, sự thay đổi qua các lần quan sát.</p>	<p>- HS ghi nhớ các trình tự quan sát, chọn trình tự phù hợp với cảnh mình định tả.</p>
<p>- GV gợi ý chi tiết trình tự quan sát theo không gian: từ bao quát toàn cảnh đến từng chi tiết, từ gần đến xa hoặc từ xa đến gần, từ trái qua phải hoặc ngược lại.</p>	<p>- HS lựa chọn trình tự không gian phù hợp, ví dụ: tả bãi biển từ xa đến gần, từ mặt biển đến bờ cát và hàng cây.</p>
<p>- GV gợi ý trình tự quan sát theo thời gian: theo buổi sáng, trưa, chiều; theo các mùa trong năm; hoặc theo sự thay đổi của cảnh trong mỗi lần quan sát.</p>	<p>- HS ghi nhớ có thể tả cảnh theo thời gian, ví dụ: dòng sông buổi sáng, buổi chiều hoặc qua các mùa.</p>
<p>3. Luyện tập: Quan sát và ghi chép (22 phút)</p> <p>Mục tiêu: Ghi lại kết quả quan sát theo bảng gợi ý, biết dùng từ ngữ gợi tả cụ thể.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: Biết sưu tầm ảnh di sản thiên nhiên từ nguồn đáng tin cậy và ghi nguồn khi sử dụng.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<div><div><div><div><div><div></div><div></div><div></div></div><div><div></div><div></div><div></div></div><div><div></div><div></div><div></div></div></div><div><div></div><div></div><div></div></div><div><div></div><div></div><div></div></div></div><div><div></div><div></div><div></div></div><div><div></div><div></div><div></div></div></div><div><div></div><div></div><div></div></div><div><div></div><div></div><div></div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div></div><div></div><div></div></div> <div><</div>	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
khóa cụ thể như “vịnh Hạ Long cảnh đẹp”, “đảo đá vịnh Hạ Long”; (2) chọn ảnh rõ, phù hợp nội dung học tập; (3) ghi lại tên trang hoặc đường dẫn nguồn ảnh; (4) không lấy ảnh từ trang không rõ nguồn; (5) khi đưa ảnh vào bài viết hoặc phiếu quan sát cần ghi “Nguồn: ...”.	
- GV nhận xét, tuyên dương HS ghi chép cụ thể, có trình tự rõ ràng và biết dùng từ ngữ gợi tả.	- HS lắng nghe, chỉnh sửa phiếu ghi chép của mình.
4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút) Mục tiêu: Cùng cố cách quan sát phong cảnh và chuẩn bị cho bài văn tả cảnh. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nêu 2 điều cần nhớ khi quan sát phong cảnh.	- HS trả lời: Cần quan sát theo trình tự rõ ràng; cần ghi lại đặc điểm nổi bật bằng nhiều giác quan; nếu dùng ảnh sưu tầm phải ghi nguồn.
- GV khích lệ HS nêu ý nghĩa của việc quan sát: Quan sát kỹ là khâu quan trọng, không thể thiếu để viết được bài văn tả phong cảnh hay, có chi tiết riêng và cảm xúc thật.	- HS trả lời: Cần quan sát kỹ để bài văn có hình ảnh cụ thể, không viết chung chung; quan sát giúp em chọn được chi tiết đẹp nhất để tả.
- GV dặn HS hoàn thiện phiếu quan sát, có thể quan sát thêm một cảnh thật gần nhà hoặc xem ảnh có nguồn rõ ràng.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.
- GV nhắc HS tìm đọc thêm một đoạn văn hoặc bài văn tả phong cảnh trong sách báo, sách Tiếng Việt đã học để học cách dùng từ và sắp xếp ý.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ: tìm đọc đoạn văn, bài văn tả phong cảnh và hoàn thiện phiếu quan sát.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

BÀI 12: NHỮNG HÒN ĐẢO TRÊN VỊNH HẠ LONG

TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE: BẢO TỒN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Biết chuẩn bị ý kiến và tham gia thảo luận về việc bảo tồn động vật hoang dã.
- Biết trình bày ý kiến rõ ràng, có lí lẽ, dẫn chứng; biết lắng nghe, trao đổi và thống nhất ý kiến trong nhóm.
- Biết ghi chép những thông tin quan trọng và rút ra việc cần làm để bảo vệ động vật hoang dã.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động chuẩn bị bài, đọc trước văn bản, tự luyện đọc hoặc tự hoàn thành nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi với bạn, trình bày ý kiến, lắng nghe và góp ý lịch sự trong hoạt động nhóm.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn thông tin, nêu cách hiểu riêng, vận dụng kiến thức vào nói, viết và thực tế.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: Biết yêu quý các loài vật, không săn bắt, mua bán, làm hại động vật hoang dã.
- Trách nhiệm: Biết tham gia tuyên truyền bảo vệ động vật hoang dã bằng hành động phù hợp với lứa tuổi.

4. Tích hợp

- **Quyền con người:** Rèn quyền được bày tỏ ý kiến, biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến khác biệt khi trao đổi về chủ đề những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; kế hoạch bài dạy; bảng phụ hoặc màn hình trình chiếu.
- Tranh ảnh, video, phiếu học tập, bút dạ, bảng nhóm; hình/bài tập trong SGK được cắt, chèn đúng vị trí câu lệnh GV.
- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi; công cụ số/AI theo nội dung tích hợp của tiết học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú, khơi gợi hiểu biết về động vật hoang dã và dẫn dắt vào hoạt động nói - nghe. Cách tiến hành:	
- GV chiếu đoạn clip ngắn về nguy cơ tuyệt chủng của một số loài động vật hoang dã, yêu cầu HS quan sát và suy nghĩ: Đoạn clip phản ánh tình trạng gì?	- HS xem clip, trả lời: Nhiều loài động vật đang dần biến mất, có nguy cơ tuyệt chủng và cần được bảo vệ.
- GV mở tranh ảnh hoặc bài hát ngắn về động vật hoang dã, yêu cầu HS gọi tên một số loài vật xuất hiện.	- HS quan sát hoặc nghe, nêu tên loài vật: voi, hươu cao cổ, sư tử, ngựa vằn, chim, linh dương, trâu rừng.
- GV hỏi: Vì sao nhiều loài động vật hoang dã cần được bảo tồn?	- HS trả lời: Vì nhiều loài đang bị săn bắt, mất nơi sống, có nguy cơ tuyệt chủng; động vật hoang dã góp phần giữ cân bằng thiên nhiên.
- GV giới thiệu nhiệm vụ: Các em sẽ thảo luận về việc bảo tồn động vật hoang dã và thống nhất những việc cần làm.	- HS lắng nghe, chuẩn bị tham gia thảo luận.
2. Hoạt động nói và nghe: Chuẩn bị, thảo luận, đánh giá (30 phút) Mục tiêu: Thảo luận được về việc bảo tồn động vật hoang dã; trình bày ý kiến rõ ràng, biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến bạn. Mục tiêu tích hợp: Rèn quyền được bày tỏ ý kiến, biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến khác biệt khi trao đổi về chủ đề những hòn đảo trên vịnh Hạ Long. Cách tiến hành:	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	<p>- HS quan sát câu thảo luận trong SGK và các gợi ý chuẩn bị.</p>
<p>1. Chuẩn bị. GV yêu cầu HS tìm hiểu về động vật hoang dã và việc bảo tồn động vật hoang dã qua sách báo, Internet hoặc tư liệu do GV cung cấp.</p>	<p>- HS chuẩn bị thông tin: tên loài vật, nguy cơ loài vật đang gặp phải, nguyên nhân bị đe dọa và việc cần làm để bảo vệ.</p>
<p>- GV gợi ý nguồn tư liệu có thể tìm đọc: sách, báo, tư liệu khoa học hoặc một số cuốn sách về động vật hoang dã như Sinh vật trú ẩn và săn mồi, Khám phá rừng già – Động vật hoang dã.</p>	<p>- HS ghi nhớ cách chuẩn bị tư liệu, chọn một loài động vật hoang dã và ghi thông tin quan trọng.</p>
<p>- GV gợi ý nội dung cần ghi chép: thực tế nhiều loài động vật đang có nguy cơ tuyệt chủng; nguyên nhân có thể là săn bắt, buôn bán trái phép, rừng bị chặt phá, môi trường sống bị đe dọa.</p>	<p>- HS ghi lại ý chính: nhiều loài động vật bị săn bắt, mất nơi sống; cần lập khu bảo tồn, tuyên truyền, không săn bắt, không buôn bán động vật hoang dã.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS khi chuẩn bị cần làm rõ: loài vật được chọn là loài nào, vai trò của loài đó đối với thiên nhiên, nguy cơ đang gặp phải và lí do cần được bảo tồn.</p>	<p>- HS ghi vào phiếu: tên loài, vai trò, nguy cơ bị săn bắt hoặc mất môi trường sống, lí do cần bảo tồn.</p>
<p>2. Thảo luận. GV chia nhóm, giao nhiệm vụ: Mỗi nhóm thảo luận một số việc cần làm để bảo tồn động vật hoang dã. Người điều hành nêu nội dung, từng bạn trình bày ý kiến đã chuẩn bị.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm: từng bạn trình bày ý kiến, các bạn còn lại lắng nghe, đặt câu hỏi hoặc bổ sung.</p>
<p>- GV hướng dẫn cách điều hành thảo luận: người điều hành nêu nội dung, từng bạn trình bày ý kiến đã chuẩn bị, cả nhóm trao đổi, góp ý và thống nhất ý kiến chung.</p>	<p>- HS thực hiện thảo luận theo trình tự: nêu hiện trạng, nêu việc cần làm, nêu vai trò của loài vật và thống nhất thông điệp bảo tồn.</p>
<p>- GV nhắc HS khi thảo luận cần nói ngắn gọn, rõ ý, có dẫn chứng; khi nghe cần tôn trọng bạn, không cắt lời, không chê bai ý kiến khác biệt.</p>	<p>- HS thực hiện: nhìn vào người nghe khi nói, lắng nghe khi bạn nói, ghi lại ý kiến hay và góp ý lịch sự.</p>
<p>- GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp.</p>	<p>- Đại diện nhóm trình bày: Cần bảo vệ rừng, không săn bắt, không mua bán động vật hoang dã, không dùng sản phẩm từ động vật quý hiếm, tuyên truyền cho người thân cùng bảo vệ.</p>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV khuyến khích HS nêu câu hỏi phản biện nhẹ nhàng, ví dụ: Việc làm đó có phù hợp với học sinh không? Làm thế nào để tuyên truyền cho người thân cùng bảo vệ động vật?	- HS đặt câu hỏi và góp ý lịch sự, biết giải thích lí do cho ý kiến của mình.
3. Đánh giá. GV hướng dẫn lớp đánh giá theo tiêu chí: thông tin quan trọng, ý kiến hay, cách trình bày rõ ràng, biết lắng nghe và hợp tác.	- HS nhận xét nhóm bạn: nhóm nêu được thông tin quan trọng, có ý kiến hay, trình bày rõ ràng; góp ý thêm nếu cần.
- GV giao nhiệm vụ đánh giá theo hai nội dung: Những thông tin nào quan trọng đối với việc bảo tồn động vật hoang dã? Những ý kiến nào hay, có thể thực hiện được?	- HS đánh giá nhóm bạn: thông tin rõ, có dẫn chứng, nêu được việc làm cụ thể như lập khu bảo tồn, không săn bắt, tuyên truyền bảo vệ rừng.
- Tích hợp Quyền con người: GV diễn giải: Khi trao đổi về chủ điểm những hòn đảo trên vịnh Hạ Long, mỗi HS đều có quyền được bày tỏ ý kiến, được chia sẻ suy nghĩ. Quyền bày tỏ ý kiến luôn đi cùng trách nhiệm lắng nghe, tôn trọng người khác. Nếu ý kiến của bạn khác mình, các em cần bình tĩnh trao đổi bằng lí lẽ, không chế giễu, không áp đặt. Khi biết cùng nhau lắng nghe và thống nhất giải pháp, chúng ta sẽ có những hành động tốt hơn để bảo vệ thiên nhiên và cuộc sống chung.	- HS lắng nghe, rút ra bài học: biết nói ý kiến của mình, biết lắng nghe bạn, tôn trọng ý kiến khác và cùng thống nhất việc làm đúng.
- GV chốt: Bảo tồn động vật hoang dã là việc làm cần thiết để giữ cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường sống và thể hiện tình yêu thiên nhiên.	- HS lắng nghe, ghi nhớ.
3. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút) Mục tiêu: Cùng cố nội dung thảo luận và vận dụng vào hành động phù hợp. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nêu một việc em có thể làm để góp phần bảo tồn động vật hoang dã.	- HS trả lời: Em không mua đồ làm từ động vật hoang dã; không trêu chọc, bắt giữ động vật; tuyên truyền với người thân; đọc sách báo để hiểu thêm về các loài quý hiếm.
- GV giao nhiệm vụ về nhà: Suru tầm tranh ảnh và tìm đọc thêm thông tin về vịnh Hạ Long hoặc một loài động vật trong Sách đỏ Việt Nam.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.
- GV bổ sung nhiệm vụ: HS có thể suru tầm tranh ảnh về vịnh Hạ Long hoặc về một loài động vật hoang dã, ghi rõ nguồn tư liệu và chuẩn bị chia sẻ trong tiết sau.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ suru tầm tranh ảnh, thông tin và ghi rõ nguồn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT 5 CHỦ ĐIỂM: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ TUẦN 7

BÀI 13: MÀM NON TIẾT 1: ĐỌC: MÀM NON

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Mầm non; biết ngắt nhịp phù hợp, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả sự chuyển mùa và sức sống của mầm non.
- Hiểu được hình ảnh mầm non qua biện pháp nhân hóa; nhận biết cảnh vật mùa đông và tín hiệu mùa xuân trong bài thơ.
- Trả lời được các câu hỏi đọc hiểu; nêu được nội dung bài thơ và cảm xúc trước sự sống mới của thiên nhiên.
- Học thuộc lòng một số khổ thơ yêu thích, bước đầu biết đọc bài thơ bằng giọng nhẹ nhàng, trong trẻo.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, hoàn thành nhiệm vụ học tập, tự điều chỉnh cách đọc, cách viết theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, trình bày ý kiến rõ ràng, lắng nghe và nhận xét lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn thông tin, sắp xếp ý, vận dụng kiến thức vào đọc hiểu, luyện từ và câu, viết đoạn/bài.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: Biết yêu thiên nhiên, trân trọng sự sống nhỏ bé xung quanh.
- Chăm chỉ: Tích cực luyện đọc, học thuộc lòng và tham gia thảo luận.
- Trách nhiệm: Có ý thức chăm sóc cây xanh, bảo vệ môi trường sống quanh mình.

4. Tích hợp

- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục tình yêu cây xanh, biết nâng niu mầm sống và hành động nhỏ để làm đẹp trường lớp.
- Tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: Hướng dẫn HS chăm sóc cây non bằng cách tưới nước vừa đủ, tận dụng nước sạch hợp lý.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; kế hoạch bài dạy; bảng phụ hoặc màn hình trình chiếu.
- Tranh ảnh, phiếu học tập, bảng nhóm; hình/bài tập SGK được cắt đúng nội dung và đặt đúng vị trí câu lệnh GV.
- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi; công cụ số theo nội dung tích hợp của tiết học (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập, khơi gợi cảm nhận của HS về sự chuyển mùa và dẫn dắt vào bài thơ. Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: Khi mùa xuân đến, cây cối quanh em thường thay đổi như thế nào? - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi, trao đổi thêm: Khi giao mùa, em thường nhận ra sự thay đổi qua bầu trời, gió, mưa, cây cối, con vật hay cảm giác của mình? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Cây cối đâm chồi, nảy lộc; lá non xanh hơn; hoa bắt đầu nở; chim hót nhiều hơn; không khí ấm áp hơn. - HS trao đổi: Khi mùa đông sang mùa xuân, trời ấm hơn, mưa phùn nhẹ, cây cối đâm chồi, chim hót nhiều hơn; khi mùa mưa sang mùa khô, nắng rõ hơn và cây cỏ thay đổi màu sắc.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa bài đọc trong SGK và nêu câu hỏi: Bức tranh gợi cho em nghĩ đến điều gì? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát tranh, nêu cảm nhận: Em thấy mầm cây nhỏ đang vươn lên, gợi sự sống mới, niềm vui và hi vọng.



- HS quan sát hình ảnh, liên hệ với trải nghiệm nhìn thấy hạt nảy mầm hoặc cây non trong đời sống.

- GV nhận xét, dẫn dắt: Bài thơ Mầm non sẽ giúp các em cảm nhận sự chuyển mình kì diệu của thiên nhiên qua hình ảnh một mầm cây nhỏ bé.
- GV nhấn mạnh: Cảnh vật trong bài thơ tuy lặng im nhưng bên trong lại chứa sức sống mãnh liệt, âm thầm chuẩn bị cho sự sinh sôi, nảy nở của những mầm non.

- HS lắng nghe, ghi tên bài và chuẩn bị đọc.

2. Khám phá: Luyện đọc (15 phút)

Mục tiêu: Giúp HS đọc đúng từ ngữ, câu thơ, khổ thơ; bước đầu đọc diễn cảm bài thơ.

Cách tiến hành:

- GV đọc mẫu toàn bài thơ với giọng nhẹ nhàng, trong trẻo; nhấn giọng ở các từ ngữ: nho nhỏ, lặng im, lim dim, hồi hả, lật phật, im ắng, bật chiếc vỏ, xanh biếc.

- HS nghe GV đọc mẫu, theo dõi bài trong SGK, chú ý nhịp thơ và giọng đọc.

- GV nhắc HS nghe đọc và hình dung sự đối lập giữa mùa đông yên ắng, lạnh giá với mùa xuân rộn ràng, tươi vui.

- HS luyện đọc từ khó cá nhân, theo cặp; sửa lỗi phát âm cho nhau.

- GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: lặng im, lim dim, kê lá, lật phật, thưa thớt, Chíp chiu chiu, róc rách, xanh biếc.

- GV lưu ý thêm các từ cần đọc rõ: nằm nép lặng im, Chíp chiu chiu, rào rào, tức thì, xanh biếc.

- GV hướng dẫn HS đọc ngắt nhịp một số dòng thơ, chú ý giọng đọc gợi sự chờ đợi và niềm vui khi mùa xuân đến.

- HS luyện đọc từng dòng thơ, từng khổ thơ; điều chỉnh cách ngắt nhịp theo hướng dẫn.

- GV hướng dẫn đọc chậm rãi, nhấn vào từ “thấy” trong các câu: “Thấy mây bay hồi hả”, “Thấy lật phật mưa phùn”.

- HS luyện đọc phân biệt: giọng chậm, nhẹ ở đoạn mùa đông; giọng tươi vui, rộn ràng ở đoạn mùa xuân.

- GV hướng dẫn đọc nhanh hơn, tươi vui hơn ở các câu gợi mùa xuân: “Tức thì trăm ngọn suối”, “Tức thì ngàn tiếng chim”.

- GV tổ chức cho HS đọc nối tiếp từng khổ thơ trong nhóm 4; yêu cầu bạn nghe nhận xét cách đọc của bạn.

- HS đọc nối tiếp trong nhóm; góp ý cho bạn về phát âm, nhịp đọc, giọng đọc.

- GV chia bài thơ thành sáu khổ để luyện đọc và tìm ý: khổ 1, 2 gợi hình ảnh mầm non trong mùa đông; các khổ tiếp theo cho thấy tín hiệu mùa xuân và sự trỗi dậy của mầm non.

- GV mời một nhóm đọc nối tiếp trước lớp, nhận xét và tuyên dương HS đọc rõ ràng, có cảm xúc.

- HS đọc trước lớp; lớp lắng nghe, nhận xét.

3. Luyện tập: Đọc hiểu (18 phút)

<p>Mục tiêu: Giúp HS hiểu hình ảnh mầm non, cảnh vật mùa đông, tín hiệu mùa xuân và nội dung bài thơ.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc thầm lại bài thơ, gạch chân những từ ngữ miêu tả mầm non và cảnh vật xung quanh.</p> <p>- GV hướng dẫn giải nghĩa nhanh: “nằm nép” là nằm né mình, thu nhỏ lại; “mầm non” là chồi non mới mọc của cây.</p>	<p>- HS đọc thầm, gạch chân các từ ngữ gọi tả, chuẩn bị trả lời câu hỏi.</p>
<p>Câu 1. Trong hai khổ thơ đầu, mầm non được miêu tả như thế nào?</p> <p>- GV hướng dẫn HS tìm các từ ngữ tả màu sắc, dáng vẻ và trạng thái của mầm non; mời HS trình bày.</p>	<p>- HS trả lời: Mầm non được miêu tả màu đỏ, nhỏ nhỏ, nằm nép lặng im dưới lớp lá, mắt lim dim và cố nhìn qua kẽ lá. Hình ảnh ấy làm mầm non giống như một em bé nhỏ đang nằm im chờ đợi.</p> <p>- HS nêu thêm: Cách miêu tả thú vị vì nhà thơ dùng các từ chỉ hoạt động, trạng thái của con người như nằm, nép, lim dim, nhìn để nhân hóa mầm non, làm mầm non hiện lên ngộ nghĩnh, đáng yêu.</p>
<p>Câu 2. Cảnh vật mùa đông hiện ra qua những hình ảnh nào?</p> <p>- GV yêu cầu HS quan sát hình bài tập trong SGK, đọc các gợi ý và tìm hình ảnh tương ứng trong bài thơ.</p>	<p>- HS quan sát hình bài tập, tìm thông tin trong bài thơ.</p>
<div> <div>Mây</div> <div>Mưa</div> <div>Lá cây</div> <div></div> </div> <p>- GV mời HS trình bày câu trả lời, khuyến khích HS nói đủ các hình ảnh.</p>	<p>- HS trả lời: Cảnh vật mùa đông hiện ra qua mây hồi hải bay, mưa phùn lất phất, lá vàng tuôn rơi rào rào, rừng thưa thớt chỉ còn cội với cành, thỏ phóng nhanh rồi nấp vào bụi vắng, tất cả rất im ắng.</p> <p>- HS nêu thêm: Cảnh vật như co mình lại trước cái rét; không gian yên ắng, tĩnh mịch, khiến sức sống của mầm non càng trở nên đáng quý.</p>
<p>Câu 3. Nhờ đâu mầm non nhận ra mùa xuân đã đến?</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc khổ thơ có tiếng chim, suy nghĩ và trình bày.</p>	<p>- HS trả lời: Mầm non nhận ra mùa xuân đã đến nhờ tiếng chim gọi: “Chíp chiu chiu! Xuân đến.” Tiếng chim làm mầm non tỉnh dậy và vươn lên.</p> <p>- HS nêu thêm: Tiếng chim là tín hiệu đánh thức khu rừng; sau tiếng chim, suối reo, chim hót, cảnh vật như bừng tỉnh.</p>
<p>Câu 4. Hình ảnh mầm non trong khổ thơ cuối có gì đẹp?</p> <p>- GV gợi ý: Em chú ý các từ ngữ chỉ hành động và màu sắc của mầm non ở khổ cuối.</p>	<p>- HS trả lời: Hình ảnh mầm non ở khổ cuối rất đẹp và giàu sức sống. Mầm non bật chiếc vỏ, đứng dậy giữa trời, khoác áo màu xanh biếc. Hình ảnh ấy cho thấy sức sống mạnh mẽ của cây non khi mùa xuân đến.</p> <p>- HS nêu thêm: Những động từ “bật”, “đứng dậy”, “khoác áo” làm mầm non giống một em bé tự tin bước vào mùa xuân, đầy phấn chấn và tự hào.</p>
<p>Câu 5. Nêu nội dung chính của bài thơ.</p> <p>- GV mời HS nêu nội dung bài theo cách hiểu của mình.</p>	<p>- HS trả lời: Bài thơ miêu tả sự chuyển mùa từ đông sang xuân qua hình ảnh mầm non thức dậy, vươn lên, thể hiện sức sống mới của thiên nhiên.</p> <p>- HS nêu thêm: Bài thơ còn thể hiện tình yêu của tác</p>

<p>- GV chốt: Qua hình ảnh mầm non, bài thơ giúp chúng ta cảm nhận sự sống nhỏ bé mà mạnh mẽ của thiên nhiên; từ đó thêm yêu cây cối và biết chăm sóc, bảo vệ môi trường.</p> <p>- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV liên hệ hình ảnh mầm non nhỏ bé nhưng kiên trì vượt qua mùa đông để vươn lên khi mùa xuân đến. Từ đó, GV giáo dục HS biết nuôi dưỡng ước mơ, không bỏ cuộc trước khó khăn, biết nâng niu mầm sống và làm đẹp trường lớp bằng những việc làm nhỏ như chăm sóc bồn cây, không bẻ cành, không giẫm lên cây non.</p> <p>- Tích hợp Tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: GV hướng dẫn HS khi chăm sóc cây non cần tưới nước vừa đủ vào gốc, tận dụng nước sạch còn dùng được để tưới cây, khóa vòi sau khi dùng, không để nước chảy lãng phí. GV nhấn mạnh: yêu cây xanh phải đi đôi với sử dụng nước hợp lý để bảo vệ nguồn nước.</p>	<p>giả đối với vẻ đẹp bình dị của thiên nhiên, đất nước.</p> <p>- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung bài.</p> <p>- HS nêu việc làm phù hợp: chăm sóc cây non, tưới nước vừa đủ, không bẻ cành, không giẫm lên mầm cây, nhắc bạn tiết kiệm nước khi chăm sóc bồn cây của lớp.</p>
--	--

4. Vận dụng - Trải nghiệm (7 phút)

Mục tiêu: Luyện đọc thuộc lòng, liên hệ việc chăm sóc cây xanh và chuẩn bị bài sau.

Cách tiến hành:

<p>- GV hướng dẫn HS chọn một khổ thơ mình thích để luyện đọc thuộc lòng.</p> <p>- GV tổ chức cho HS luyện đọc thuộc lòng theo từng khổ, sau đó ghép dần các khổ để đọc trọn vẹn bài thơ.</p>	<p>- HS luyện đọc thuộc lòng khổ thơ yêu thích, đọc cho bạn nghe.</p> <p>- HS tự nhắm thuộc lòng từng khổ, đọc cho bạn nghe và sửa cho nhau những chỗ ngắt nhịp chưa phù hợp.</p>
<p>- GV hỏi: Em có thể làm gì để chăm sóc những mầm cây, cây non quanh mình?</p> <p>- GV nhắc HS chọn việc làm cụ thể, vừa sức, có thể thực hiện hằng ngày ở lớp hoặc ở nhà.</p>	<p>- HS trả lời: Em sẽ tưới nước vừa đủ, không bẻ cành, không giẫm lên cây non, nhặt rác quanh bồn cây, nhắc bạn cùng giữ gìn cây xanh.</p>
<p>- GV nhận xét tiết học, dặn HS đọc trước bài Luyện từ và câu: Từ đa nghĩa.</p> <p>- GV dặn HS về nhà tiếp tục học thuộc lòng bài thơ nếu chưa thuộc và quan sát một mầm cây hoặc chồi non quanh nhà.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được từ đa nghĩa; bước đầu phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ.
- Hiểu được mối liên hệ giữa các nghĩa của từ đa nghĩa qua các ví dụ cụ thể.
- Vận dụng kiến thức để tìm nghĩa của từ trong câu và đặt câu với từ đa nghĩa.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, hoàn thành nhiệm vụ học tập, tự điều chỉnh cách đọc, cách viết theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, trình bày ý kiến rõ ràng, lắng nghe và nhận xét lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn thông tin, sắp xếp ý, vận dụng kiến thức vào đọc hiểu, luyện từ và câu, viết đoạn/bài.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực làm bài tập, tìm ví dụ, đặt câu.
- Trách nhiệm: Biết dùng từ đúng nghĩa trong nói và viết.
- Nhân ái: Lắng nghe, góp ý cho bạn bằng lời nói nhẹ nhàng.

4. Tích hợp

- NLS 3.4.CB2a: HS dùng cấu trúc Nếu... thì... để lập trình đoạn thơ trên Scratch.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; kế hoạch bài dạy; bảng phụ hoặc màn hình trình chiếu.
- Tranh ảnh, phiếu học tập, bảng nhóm; hình/bài tập SGK được cắt đúng nội dung và đặt đúng vị trí câu lệnh GV.
- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi; công cụ số theo nội dung tích hợp của tiết học (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: <i>Củng cố vốn từ và tạo tình huống nhận biết một từ có thể có nhiều nghĩa.</i> Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Một từ nhiều nghĩa”: GV nêu từ mắt, đầu, chân và yêu cầu HS nói nhanh các cách dùng khác nhau của mỗi từ.	- HS tham gia trò chơi: mắt người, mắt cá, mắt bão; đầu người, đầu làng, đầu bút; chân người, chân bàn, chân núi.
- GV nêu tình huống: “Khán đài bắt đầu nóng dần lên.” GV hỏi: Từ “nóng” ở đây có phải chỉ nhiệt độ cao không, hay còn gợi ý nghĩa nào khác?	- HS trả lời: “Nóng” trong câu này không chỉ nhiệt độ mà gợi không khí sôi động, căng thẳng, hào hứng của trận đấu.
- GV hỏi: Vì sao cùng một từ nhưng có thể dùng trong nhiều trường hợp khác nhau?	- HS trả lời: Vì từ đó có thể có nhiều nghĩa, nghĩa này có liên quan với nghĩa kia.
- GV giới thiệu bài: Hôm nay các em sẽ tìm hiểu từ đa nghĩa.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. Khám phá: Hình thành kiến thức (15 phút) Mục tiêu: <i>Giúp HS nhận biết từ đa nghĩa, nghĩa gốc và nghĩa chuyển qua các ngữ liệu trong SGK.</i> Cách tiến hành:	
Bài 1. Đọc đoạn thơ và các nghĩa của từ mắt. Cho biết từ mắt trong đoạn thơ được dùng với nghĩa nào.	
- GV yêu cầu HS đọc thầm ngữ liệu, chú ý các cách dùng từ mắt; sau đó thảo luận nhóm đôi.	- HS đọc thầm, thảo luận nhóm đôi theo yêu cầu của GV.
- GV mời HS trình bày, yêu cầu HS giải thích vì sao chọn nghĩa đó.	- HS trả lời: Từ mắt trong mắt chim, mắt người được dùng với nghĩa gốc là cơ quan để nhìn. Từ mắt trong mắt đèn được dùng với nghĩa chuyển, chỉ bộ phận giống con mắt, là nơi phát sáng.

	- HS nêu rõ: Nghĩa chỉ cơ quan để nhìn là nghĩa gốc; nghĩa chỉ bộ phận có hình dạng, vị trí giống con mắt là nghĩa chuyển.
Bài 2. Từ biển trong những trường hợp nào được dùng với nghĩa gốc, trường hợp nào được dùng với nghĩa chuyển?	
- GV hướng dẫn HS đọc từng câu, xác định biển nào chỉ vùng nước mặn rộng lớn, biển nào chỉ số lượng nhiều hoặc vùng rộng.	- HS trả lời: Biển trong “xuống biển” được dùng với nghĩa gốc. Biển trong “biển lúa” và “Biển Đông” được dùng với nghĩa chuyển hoặc nghĩa mở rộng, gọi một không gian rộng lớn. - HS bổ sung: Biển trong “biển lúa” chỉ khối lượng lớn trên một diện tích rộng, là nghĩa chuyển; biển trong “Mặt trời xuống biển” chỉ vùng nước mặn rộng lớn, là nghĩa gốc; biển trong “biển Đông” gắn với phần đại dương ven đất liền.
- GV chốt ghi nhớ: Từ đa nghĩa là từ có một nghĩa gốc và một hay nhiều nghĩa chuyển. Các nghĩa của từ đa nghĩa có mối liên hệ với nhau. Khi nói và viết cần hiểu đúng nghĩa của từ trong từng câu. - GV nhấn mạnh: Muốn xác định nghĩa gốc hay nghĩa chuyển, cần đặt từ vào ngữ cảnh cụ thể của câu văn, câu thơ.	- HS lắng nghe, nhắc lại ghi nhớ.
3. Luyện tập (15 phút) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức về từ đa nghĩa để xác định nghĩa của từ và đặt câu đúng. Cách tiến hành:	
Bài 3. Tìm nghĩa của từ lung trong các câu thơ, câu văn.	
- GV yêu cầu HS quan sát hình minh họa câu a trong SGK, đọc câu thơ có từ lung trời và lung núi.	- HS quan sát hình, đọc câu thơ và suy nghĩ nghĩa của từ lung.
	
- GV yêu cầu HS quan sát hình minh họa câu b trong SGK, đọc câu có từ lung mẹ.	- HS quan sát hình, đọc câu văn và chuẩn bị trình bày.



- GV mời HS trình bày kết quả, yêu cầu nêu rõ nghĩa gốc hoặc nghĩa chuyển.

- HS trả lời: Lưng mẹ là nghĩa gốc, chỉ phần sau của thân người. Lưng trời, lưng núi là nghĩa chuyển, chỉ phần ở khoảng giữa hoặc phần sườn của sự vật được liên tưởng giống lưng người.

- HS nêu thêm: Trong câu thơ “Tiếng trống thu không trên cái chòi của huyện nhỏ; từng tiếng một vang ra để gọi buổi chiều”, nếu có từ chỉ vị trí giữa, cần dựa vào ngữ cảnh để hiểu nghĩa chuyển chứ không đoán máy móc.

Bài 4. Chọn một trong hai từ ấm hoặc lạnh, đặt câu để phân biệt các nghĩa của từ đó.

- GV hướng dẫn HS đặt hai câu: một câu dùng nghĩa gốc, một câu dùng nghĩa chuyển; mời HS trình bày.

- GV gợi ý HS có thể chọn một từ rồi đặt hai câu rõ ngữ cảnh: “ấm” chỉ nhiệt độ dễ chịu hoặc “ấm” chỉ cảm giác tình cảm; “lạnh” chỉ nhiệt độ thấp hoặc thái độ xa cách.

- GV nhận xét, chốt cách đặt câu: Cần đặt từ vào ngữ cảnh rõ ràng để người đọc hiểu đúng nghĩa.

- HS đặt câu: Hôm nay trời ấm hơn hôm qua. Giọng nói ấm áp của mẹ làm em yên tâm. Hoặc: Em uống một cốc nước lạnh. Bạn ấy nhìn em bằng ánh mắt lạnh lùng.

- HS lắng nghe, chỉnh sửa câu nếu cần.

4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút)

Mục tiêu: Củng cố kiến thức về từ đa nghĩa và liên hệ cách dùng từ trong đời sống.

Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS tìm thêm một từ đa nghĩa và đặt hai câu với hai nghĩa khác nhau.

- GV chia lớp thành hai nhóm, mỗi nhóm bốc thăm một gói từ để vận dụng: gói 1 gồm chua, nhạt, cao; gói 2 gồm mặn, ngọt, thấp.

- GV yêu cầu mỗi nhóm đặt hai câu cho mỗi từ: một câu dùng nghĩa gốc và một câu dùng nghĩa chuyển; sau đó trình bày để cả lớp nhận xét.

- **Tích hợp NLS 3.4.CB2a - công cụ Scratch:** GV hướng dẫn HS dùng cấu trúc Nếu... thì... để lập trình

- HS trả lời: Từ đầu: Em đội mũ lên đầu. Bạn Nam đứng đầu hàng. Từ chân: Em bị đau chân. Chân bàn làm bằng gỗ.

- HS thực hiện theo nhóm, ví dụ: “Quả khế rất chua.” và “Bạn ấy nói giọng chua chát.”; “Canh hơi nhạt.” và “Câu chuyện nghe nhạt quá.”

- HS quan sát hoặc thực hành trên Scratch; nêu được câu theo cấu trúc Nếu... thì... để phân biệt nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ đa nghĩa.

<p>đoạn thơ/câu ngắn về từ đa nghĩa. GV làm mẫu: (1) mở Scratch; (2) chọn nhân vật; (3) kéo khối “khi bấm cờ xanh”; (4) nhập câu lệnh cho nhân vật nói: “Nếu lưng chỉ phần sau cơ thể thì đó là nghĩa gốc; nếu lưng núi chỉ sườn núi thì đó là nghĩa chuyên”; (5) chạy thử, kiểm tra và sửa câu cho đúng nghĩa. Nếu lớp không đủ thiết bị, GV trình chiếu mẫu để HS quan sát và nêu câu lệnh bằng lời.</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tiết học, dặn HS ghi lại 3 từ đa nghĩa tìm được ở nhà. - GV lưu ý HS vận dụng từ đa nghĩa trong nói và viết phải phù hợp tình huống, tránh gây hiểu nhầm; khi tạo sản phẩm số cần dùng ngôn ngữ trong sáng, đúng nội dung bài học. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

BÀI 13: MÀM NON**TIẾT 3: VIẾT: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Biết lựa chọn đề bài tả phong cảnh phù hợp; xác định đối tượng miêu tả và trình tự miêu tả.
- Lập được dàn ý cho bài văn tả phong cảnh đủ ba phần: mở bài, thân bài, kết bài.
- Biết chọn chi tiết tiêu biểu, sắp xếp ý hợp lí, thể hiện cảm xúc trước cảnh đẹp.
- Bước đầu biết trao đổi, góp ý và chỉnh sửa dàn ý cho rõ ràng, mạch lạc.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, hoàn thành nhiệm vụ học tập, tự điều chỉnh cách đọc, cách viết theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, trình bày ý kiến rõ ràng, lắng nghe và nhận xét lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn thông tin, sắp xếp ý, vận dụng kiến thức vào đọc hiểu, luyện từ và câu, viết đoạn/bài.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Biết yêu cảnh đẹp quê hương, đất nước.
- Chăm chỉ: Tích cực quan sát, ghi chép, lập dàn ý.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ gìn cảnh quan thiên nhiên.

4. Tích hợp

- AI 5.A2.2: Tìm hiểu AI hỗ trợ dự báo thời tiết, chăm sóc cây trồng và bảo vệ môi trường sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; kế hoạch bài dạy; bảng phụ hoặc màn hình trình chiếu.
- Tranh ảnh, phiếu học tập, bảng nhóm; hình/bài tập SGK được cắt đúng nội dung và đặt đúng vị trí câu lệnh GV.
- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi; công cụ số theo nội dung tích hợp của tiết học (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Gợi nhớ kiến thức về bố cục bài văn tả phong cảnh và kết nối với nhiệm vụ lập dàn ý. Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: Bài văn tả phong cảnh thường gồm mấy phần? Mỗi phần có nhiệm vụ gì? - GV hỏi thêm: Khi quan sát phong cảnh, em cần chú ý những gì để tìm được đặc điểm nổi bật của cảnh? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Bài văn tả phong cảnh gồm ba phần: mở bài giới thiệu phong cảnh; thân bài tả từng phần hoặc từng vẻ đẹp của phong cảnh; kết bài nêu cảm nghĩ hoặc nhận xét về phong cảnh. - HS trả lời thêm: Cần quan sát bằng nhiều giác quan, ở nhiều thời điểm khác nhau; chú ý màu sắc, âm thanh, chuyển động, hoạt động của con người và cảm xúc của mình.
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, dẫn dắt: Muốn viết bài văn hay, trước hết cần có dàn ý rõ ràng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, chuẩn bị vở viết.
2. Khám phá: Tìm hiểu yêu cầu lập dàn ý (10 phút) Mục tiêu: Giúp HS xác định đề bài, đối tượng tả, trình tự tả và các ý chính cần có trong dàn ý. Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu: Chọn một cảnh ao hồ, sông suối hoặc biển đảo mà em đã quan sát để lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh. - GV nêu rõ hai hướng lựa chọn: Đề 1 tả cảnh ao hồ, sông suối ở quê hương hoặc nơi em sống; Đề 2 tả cảnh biển đảo em đã thấy tận mắt hoặc qua phim ảnh, tranh ảnh. 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đọc yêu cầu, xác định: Em sẽ tả cảnh gì? Cảnh đó ở đâu? Em quan sát trực tiếp hay 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Em chọn tả dòng sông quê em; em đã quan sát trực tiếp vào buổi sáng. Hoặc: Em chọn tả

qua tranh ảnh, video? - GV nhắc HS dựa vào kết quả quan sát ở Bài 12 để lập dàn ý, không viết chung chung, cần có chi tiết thật hoặc chi tiết đã quan sát được.	biển Vũng Tàu, em quan sát qua chuyến đi cùng gia đình.
- GV hướng dẫn HS chọn trình tự tả: theo không gian, theo thời gian hoặc kết hợp cả hai; nhắc HS chỉ chọn các chi tiết tiêu biểu, không liệt kê lan man. - GV lưu ý khi lập dàn ý: chọn những cảnh vật được miêu tả, xác định đặc điểm chung của toàn cảnh và sắp xếp trình tự các sự vật, hiện tượng cho hợp lí.	- HS xác định trình tự: Em sẽ tả từ xa đến gần, từ mặt nước đến hai bên bờ; hoặc tả cảnh biển lúc bình minh, trưa và chiều.
- GV đưa mẫu dàn ý: Mở bài giới thiệu cảnh; thân bài tả bao quát, tả chi tiết, tả âm thanh/màu sắc/hoạt động; kết bài nêu cảm nghĩ và ý thức giữ gìn cảnh đẹp. - GV có thể dùng sơ đồ tư duy để HS triển khai: trung tâm là cảnh định tả, các nhánh là đặc điểm bao quát, các sự vật tiêu biểu, âm thanh, màu sắc, hoạt động và cảm xúc.	- HS lắng nghe, ghi nhanh khung dàn ý vào vở.

3. Luyện tập: Lập dàn ý (20 phút)

Mục tiêu: HS lập được dàn ý cho bài văn tả phong cảnh và biết góp ý cho bạn.

Mục tiêu tích hợp: AI 5.A2.2: HS hiểu AI có thể hỗ trợ dự báo thời tiết, chăm sóc cây trồng và bảo vệ môi trường sống; biết dùng ý gợi mở của AI một cách chọn lọc khi quan sát và lập dàn ý tả phong cảnh.

Cách tiến hành:

- Tích hợp AI 5.A2.2 - công cụ trợ lí AI ChatGPT và ứng dụng Thời tiết/Google Weather: GV giới thiệu AI có thể hỗ trợ con người dự báo thời tiết, gợi ý cách chăm sóc cây trồng và bảo vệ môi trường sống. GV hướng dẫn HS thao tác theo quy trình: (1) quan sát cảnh thật hoặc tranh ảnh trước; (2) đặt câu hỏi mẫu cho trợ lí AI: “Khi tả cảnh dòng sông sau cơn mưa, em có thể chú ý những chi tiết nào?” hoặc “Thời tiết nắng nóng ảnh hưởng đến cây xanh như thế nào?”; (3) đọc các ý gợi mở; (4) chọn ý phù hợp với trải nghiệm của mình; (5) không chép nguyên văn AI mà tự sắp xếp lại thành dàn ý ba phần. - GV yêu cầu HS tiếp tục lập dàn ý theo đề đã chọn, kết hợp quan sát thực tế và ý gợi mở phù hợp nếu có.	- HS lắng nghe, quan sát thao tác của GV; hiểu rằng AI chỉ là công cụ hỗ trợ gợi ý, không thay thế quan sát và cảm xúc thật của người viết. - HS lập dàn ý vào vở/phiếu học tập; nếu có thiết bị dùng chung, HS chọn lọc một vài ý phù hợp để bổ sung dàn ý, diễn đạt lại bằng lời của mình.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, chọn cảnh và lập dàn ý trong 8 – 10 phút. - GV yêu cầu HS ghi ý ngắn gọn, dùng cụm từ chính, tránh viết thành đoạn văn ngay trong dàn ý.	- HS lập dàn ý cá nhân: Mở bài giới thiệu cảnh; thân bài tả màu sắc, âm thanh, hoạt động, điểm nổi bật; kết bài nêu cảm nghĩ và mong muốn giữ gìn cảnh đẹp.
- GV quan sát, hỗ trợ HS còn lúng túng bằng câu hỏi gợi ý: Cảnh đẹp nhất ở điểm nào? Em nhìn thấy gì? Nghe thấy gì? Em có cảm xúc gì?	- HS bổ sung chi tiết vào dàn ý theo gợi ý của GV.
- GV tổ chức cho HS trao đổi dàn ý theo cặp; mỗi bạn góp ý cho bạn một điểm mạnh và một điểm cần bổ sung.	- HS trao đổi theo cặp, góp ý: Bạn nên thêm chi tiết về màu nước, âm thanh, hoạt động của con người và cảm xúc của mình.
- GV mời 2 – 3 HS trình bày dàn ý trước lớp. - GV khuyến khích HS trình bày rõ trình tự: từ bao quát đến chi tiết, từ xa đến gần, từ trái sang phải hoặc theo thời gian trong ngày.	- HS trình bày dàn ý cụ thể. Ví dụ: Tả dòng sông quê em: mở bài giới thiệu dòng sông; thân bài tả dòng sông buổi sáng, mặt nước, hàng cây, con thuyền, âm thanh; kết bài nêu tình yêu và ý thức không xả rác xuống sông.

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, chốt: Dàn ý cần đủ ba phần, các ý trong thân bài phải sắp xếp hợp lí, có chi tiết tiêu biểu và cảm xúc riêng. - GV chốt thêm: Dàn ý tốt giúp bài văn không bị thiếu ý, không lặp ý và giúp người viết dễ phát triển thành đoạn văn ở tiết sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, chỉnh sửa dàn ý.
--	--

4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút)

Mục tiêu: Hoàn thiện dàn ý và chuẩn bị cho tiết viết đoạn/bài văn tả phong cảnh.

Cách tiến hành:

<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nêu điều cần nhớ khi lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh. - GV giao thêm nhiệm vụ đọc mở rộng: Tìm đọc sách báo viết về núi, hang động, đại dương, các hành tinh trong hệ Mặt Trời hoặc hiện tượng tự nhiên như núi lửa phun trào, lốc xoáy, mưa đá. - GV dặn HS hoàn thiện dàn ý, chuẩn bị tiết sau viết đoạn văn tả phong cảnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Cần xác định cảnh định tả, chọn trình tự tả, sắp xếp ý thành mở bài, thân bài, kết bài và chọn chi tiết tiêu biểu. - HS ghi nhiệm vụ, chuẩn bị một tài liệu đọc phù hợp để sử dụng trong tiết Đọc mở rộng.
	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

BÀI 14: NHỮNG NGỌN NÚI NÓNG RẦY

TIẾT 1 - 2: ĐỌC: NHỮNG NGỌN NÚI NÓNG RẦY

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản thông tin Những ngọn núi nóng rầy; biết đọc rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở các từ ngữ chỉ đặc điểm, hoạt động của núi lửa.
- Nhận biết được các thông tin chính về hình dáng, hoạt động, tiếng động, vị trí và sự hình thành của núi lửa.
- Hiểu được cách tác giả dùng hình ảnh so sánh để giải thích hiện tượng tự nhiên; trả lời được các câu hỏi đọc hiểu.
- Biết trao đổi về thông tin thú vị, thông tin mới và điều muốn tìm hiểu thêm về núi lửa.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, hoàn thành nhiệm vụ học tập, tự điều chỉnh cách đọc, cách viết theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, trình bày ý kiến rõ ràng, lắng nghe và nhận xét lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn thông tin, sắp xếp ý, vận dụng kiến thức vào đọc hiểu, luyện từ và câu, viết đoạn/bài.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực đọc, tìm hiểu hiện tượng tự nhiên.
- Trách nhiệm: Có ý thức phòng tránh thiên tai, tôn trọng thông tin khoa học.
- Yêu nước: Biết tự hào và ham tìm hiểu các cảnh quan, hiện tượng thiên nhiên trên Trái Đất.

4. Tích hợp

- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục tinh thần bình tĩnh, trách nhiệm và biết chia sẻ khó khăn với cộng đồng vùng thiên tai.
- Quyền con người: Lòng ghép quyền được an toàn trước thiên tai; biết tìm kiếm sự hỗ trợ của người lớn khi có nguy cơ nguy hiểm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; kế hoạch bài dạy; bảng phụ hoặc màn hình trình chiếu.
- Tranh ảnh, phiếu học tập, bảng nhóm; hình/bài tập SGK được cắt đúng nội dung và đặt đúng vị trí câu lệnh GV.
- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi; công cụ số theo nội dung tích hợp của tiết học (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú, khơi gợi hiểu biết ban đầu của HS về núi lửa. Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS quan sát một số hình ảnh núi lửa trong SGK và nêu nhận xét: Những ngọn núi này có gì đặc biệt? - GV có thể cho HS xem video ngắn về hiện tượng núi lửa phun trào, sau đó yêu cầu HS nêu những điều quan sát được về khói, lửa, dung nham và tiếng động. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát, trả lời: Núi có miệng ở trên đỉnh, có khói, có lửa hoặc dung nham phun ra; nhìn rất hùng vĩ nhưng cũng nguy hiểm. - HS nêu: Em thấy dung nham đỏ rực trào ra, khói bốc lên, núi lửa có thể gây nguy hiểm nhưng cũng rất kì thú.
	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát hình ảnh, nói hiểu biết ban đầu về núi lửa.
<ul style="list-style-type: none"> - GV dẫn dắt: Núi lửa là một hiện tượng tự nhiên kì thú. Bài đọc hôm nay sẽ giúp các em hiểu vì sao có những ngọn núi nóng rầy. - GV giới thiệu: Văn bản cung cấp những thông tin khoa học giúp người đọc hiểu núi lửa có hình dáng, vị trí, tiếng động và cách hình thành rất đa dạng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, ghi tên bài.

2. Khám phá: Luyện đọc (20 phút)

Mục tiêu: Đọc đúng văn bản thông tin; luyện từ khó, câu dài và giọng đọc rành mạch.

Cách tiến hành:

<ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu văn bản với giọng rõ ràng, chậm rãi; nhấn giọng ở các từ ngữ: hình nón, thoải thoải, phun trào, mác-ma, sôi sùng sục, 700 đến 1300 độ C, kẽ nứt. - GV nhắc HS đọc với giọng diễn cảm nhưng rành mạch, phù hợp văn bản thông tin; chú ý các từ khóa quan trọng của bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe GV đọc mẫu, theo dõi văn bản trong SGK.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: nóng rẫy, thoải thoải, mây tro, Trái Đất, mác-ma, đặc quánh, sôi sùng sục, phun trào, kẽ nứt. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS luyện đọc từ khó cá nhân, theo cặp; sửa lỗi phát âm cho nhau.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn đọc câu dài: Lòng Trái Đất rất nóng,/ có những chỗ đá nóng chảy thành mác-ma,/ đặc quánh như cháo đặc,/ nhiệt độ từ 700 đến 1300 độ C. - GV hướng dẫn thêm câu dài: “Để hiểu núi lửa hình thành ra sao, bạn cần biết Trái Đất được tạo bởi nhiều lớp khác nhau, y hệt một củ hành khổng lồ với nhiều lớp áo.” - GV hướng dẫn thêm câu dài: “Nếu mặt đất tự nhiên nứt ra và từ kẽ nứt đó trào ra một thứ đá nóng chảy, thì chắc chắn là chúng ta đang thấy một quả núi lửa.” 	<ul style="list-style-type: none"> - HS luyện đọc câu dài, chú ý ngắt nghỉ đúng và đọc rõ số liệu.
<ul style="list-style-type: none"> - GV chia đoạn: đoạn 1 giới thiệu hình dáng và hoạt động của núi lửa; đoạn 2 giải thích cấu tạo Trái Đất và mác-ma; đoạn 3 giải thích sự hình thành núi lửa và thông tin mở rộng. - GV có thể chia văn bản thành 4 đoạn: đoạn 1 nêu đặc điểm chung; đoạn 2 nói về cấu tạo Trái Đất; đoạn 3 giải thích sự hình thành; đoạn 4 nêu những thông tin mở rộng về núi lửa. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu đoạn trong SGK.
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm 3; yêu cầu HS chú ý giọng đọc văn bản khoa học. - GV mời một nhóm đọc trước lớp, nhận xét và sửa lỗi. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nối tiếp trong nhóm; góp ý cho bạn về phát âm, tốc độ đọc, cách đọc số liệu. - HS đọc trước lớp; HS khác lắng nghe, nhận xét.

3. Luyện tập: Đọc hiểu (30 phút)

Mục tiêu: Giúp HS hiểu nội dung văn bản, nắm các đặc điểm của núi lửa và cách giải thích hiện tượng tự nhiên.

Cách tiến hành:

<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS quan sát hình minh họa cấu tạo núi lửa, đọc thầm văn bản và chuẩn bị trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn giải nghĩa: “nóng rẫy” là rất nóng do nhiệt độ cao; “mác-ma” là đá nóng chảy trong lòng đất. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát hình, đọc thầm văn bản, gạch chân thông tin quan trọng.
	
<p>Câu 1. Những đặc điểm nào của núi lửa được miêu</p>	

<p>tả trong bài?</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS quan sát sơ đồ trong SGK, tìm các nhóm thông tin: hình dáng, hoạt động, tiếng động, vị trí.</p>	<p>- HS quan sát sơ đồ, tìm thông tin trong văn bản.</p>
<div data-bbox="108 253 667 376">  </div>	
<p>- GV mời HS trình bày theo từng nhóm thông tin.</p>	<p>- HS trả lời: Bài đọc miêu tả hình dáng núi lửa có thể là hình nón hoặc hình tròn thoải thoải; hoạt động là phun dung nham, tro bụi, khí nóng; tiếng động có khi nổ kinh hoàng, có khi rít khe khẽ; vị trí có thể trên mặt đất hoặc dưới đáy biển. - HS bổ sung: Một số núi lửa chỉ phun khói, khí hoặc các đám mây tro; có núi lửa hoạt động ngầm dưới nước biển.</p>
<p>Câu 2. Vì sao tác giả so sánh Trái Đất với củ hành?</p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc lại đoạn nói về cấu tạo Trái Đất, suy nghĩ về điểm giống nhau giữa Trái Đất và củ hành.</p>	<p>- HS trả lời: Tác giả so sánh Trái Đất với củ hành vì Trái Đất gồm nhiều lớp, giống như củ hành có nhiều lớp. Cách so sánh này giúp người đọc dễ hình dung cấu tạo của Trái Đất. - HS nêu thêm: Hình ảnh củ hành rất quen thuộc nên giúp người đọc dễ hiểu Trái Đất có nhiều lớp, không chỉ là một khối đặc.</p>
<p>Câu 3. Lớp vỏ Trái Đất và mác-ma được miêu tả như thế nào?</p>	
<p>- GV yêu cầu HS tìm các từ ngữ miêu tả lớp vỏ và mác-ma; mời HS trả lời.</p>	<p>- HS trả lời: Lớp vỏ Trái Đất là lớp ngoài cùng, rất cứng. Mác-ma là đá nóng chảy trong lòng đất, đặc quánh như cháo đặc, có nhiệt độ rất cao, từ 700 đến 1300 độ C. - HS nêu thêm: Mác-ma sôi lục bục, đặc quánh, nhiệt độ có thể từ 700 đến 1300 độ C nên có sức nóng rất lớn.</p>
<p>Câu 4. Núi lửa được hình thành như thế nào?</p>	
<p>- GV gợi ý HS dựa vào các từ: mác-ma, kẽ nứt, phun trào, nguội lại, tích tụ.</p>	<p>- HS trả lời: Khi mác-ma từ lòng đất theo các kẽ nứt phun trào lên mặt đất, dung nham và vật chất núi lửa nguội lại, tích tụ dần, tạo thành núi lửa. - HS nêu thêm: Do nhiều nguyên nhân, mác-ma len lên trên, xuyên qua kẽ nứt ở lớp vỏ Trái Đất rồi phun trào tạo thành núi lửa.</p>
<p>Câu 5. Trao đổi với bạn những thông tin em đã biết, thông tin em thấy thú vị, thông tin mới và điều em muốn biết thêm về núi lửa.</p>	
<p>- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4, mỗi bạn nêu ít nhất một ý theo gợi ý.</p>	<p>- HS trao đổi: Em đã biết núi lửa có thể phun dung nham. Em thấy thú vị vì núi lửa có thể nằm dưới biển. Thông tin mới là mác-ma rất nóng và đặc quánh như cháo đặc. Em muốn biết thêm sau khi núi lửa phun trào, vùng đất xung quanh sẽ thay đổi như thế nào. - HS chia sẻ thêm: Thông tin em muốn biết là trước khi phun trào núi lửa có dấu hiệu gì, sau khi phun trào đất đai và con người bị ảnh hưởng ra sao.</p>
<p>- GV chốt nội dung: Bài đọc cung cấp cho chúng ta những thông tin khoa học về núi lửa: đặc điểm, cấu</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung bài. - HS nêu việc làm: bình tĩnh khi gặp tình huống</p>

<p>tạo, hoạt động và sự hình thành. Qua đó, các em biết thêm một hiện tượng tự nhiên vừa kì thú vừa cần tìm hiểu bằng thái độ khoa học.</p> <p>- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV liên hệ các hiện tượng thiên tai như núi lửa, động đất, bão lũ để giáo dục HS tinh thần bình tĩnh, trách nhiệm và biết chia sẻ khó khăn với cộng đồng vùng thiên tai. Khi nghe tin nơi nào gặp thiên tai, các em không tò mò, không lan truyền thông tin chưa kiểm chứng mà biết quan tâm, động viên, tham gia những việc làm phù hợp như quyên góp sách vở, đồ dùng hoặc gửi lời chia sẻ theo hướng dẫn của người lớn.</p> <p>- Tích hợp Quyền con người: GV lồng ghép quyền được an toàn trước thiên tai. HS cần biết khi có nguy cơ nguy hiểm phải báo ngay cho người lớn, nghe theo hướng dẫn sơ tán, không tự ý đến gần khu vực nguy hiểm, không xem hoặc chia sẻ hình ảnh gây hoang mang. Mỗi trẻ em có quyền được bảo vệ, được hỗ trợ và được sống trong môi trường an toàn.</p> <p>- GV mời HS tự rút ra nội dung bài học trước khi chốt: Núi lửa là một phần của thiên nhiên kì thú trên hành tinh chúng ta, vừa có nhiều nguy hiểm vừa có nhiều điều cần khám phá.</p>	<p>nguy hiểm, tìm người lớn giúp đỡ, nghe hướng dẫn của nhà trường/gia đình, biết chia sẻ với người gặp khó khăn do thiên tai.</p> <p>- HS hiểu quyền được an toàn trước thiên tai và biết không tự ý đến nơi nguy hiểm, không lan truyền thông tin chưa kiểm chứng.</p>
--	--

4. Vận dụng - Trải nghiệm (15 phút)

Mục tiêu: Luyện đọc lại, củng cố vốn từ và liên hệ hiểu biết về hiện tượng thiên nhiên.

Cách tiến hành:

<p>- GV tổ chức cho HS luyện đọc lại đoạn giải thích sự hình thành núi lửa, chú ý giọng đọc rõ ràng, đọc đúng số liệu.</p> <p>- GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung, ý nghĩa bài đọc trước khi luyện đọc lại; sau đó đọc nối tiếp 4 đoạn, chú ý giọng đọc ngạc nhiên, bất ngờ trước các thông tin về núi lửa.</p>	<p>- HS luyện đọc trong nhóm, một số HS đọc trước lớp.</p>
<p>Bài 1. Tìm các từ ngữ chỉ hiện tượng tự nhiên có thể gây thiệt hại cho con người.</p> <p>- GV mời HS trình bày, khuyến khích nêu thêm ngoài SGK.</p>	
<p>Bài 2. Từ quả và lửa trong các trường hợp nào được dùng với nghĩa gốc, nghĩa chuyển?</p> <p>- GV hướng dẫn HS đặt từ vào từng câu, xác định nghĩa dựa trên ngữ cảnh.</p>	
<p>- GV nhận xét tiết học, dặn HS đọc trước tiết Viết đoạn văn tả phong cảnh.</p> <p>- GV dặn HS về nhà kể cho người thân nghe một thông tin mới em biết về núi lửa.</p>	<p>- HS trả lời: bão, lũ lụt, động đất, núi lửa phun trào, hạn hán, sạt lở đất, sóng thần, lốc xoáy, mưa đá.</p> <p>- HS trả lời: Quả trong quả cam, quả bóng là nghĩa gốc hoặc nghĩa gần với vật có hình khối; quả trong quả tim, quả núi là nghĩa chuyển. Lửa trong ngọn lửa là nghĩa gốc; lửa trong lửa giận, lửa nhiệt tình là nghĩa chuyển.</p> <p>- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.</p> <p>- HS ghi nhớ nhiệm vụ và chuẩn bị tiết Viết đoạn văn tả phong cảnh.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

BÀI 14: NHỮNG NGỌN NÚI NÓNG RẦY

TIẾT 3: VIẾT: VIẾT ĐOẠN VĂN TẢ PHONG CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Viết được đoạn văn tả một phong cảnh dựa trên dàn ý đã lập, có câu mở đoạn, các câu phát triển ý và câu kết đoạn phù hợp.
- Biết lựa chọn chi tiết tiêu biểu, sử dụng từ ngữ gợi tả, biện pháp so sánh hoặc nhân hóa để làm nổi bật vẻ đẹp phong cảnh.
- Biết đọc lại, tự đánh giá, góp ý và chỉnh sửa đoạn văn cho mạch lạc, giàu hình ảnh, cảm xúc.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, hoàn thành nhiệm vụ học tập, tự điều chỉnh cách đọc, cách viết theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, trình bày ý kiến rõ ràng, lắng nghe và nhận xét lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn thông tin, sắp xếp ý, vận dụng kiến thức vào đọc hiểu, luyện từ và câu, viết đoạn/bài.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực viết, đọc lại, chỉnh sửa bài.
- Nhân ái: Biết góp ý cho bạn chân thành, lịch sự.
- Trách nhiệm: Biết trân trọng và giữ gìn cảnh đẹp thiên nhiên.

4. Tích hợp

- AI 5.A1.1: Liên hệ robot/AI quan trắc núi lửa giúp con người theo dõi nơi nguy hiểm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; kế hoạch bài dạy; bảng phụ hoặc màn hình trình chiếu.
- Tranh ảnh, phiếu học tập, bảng nhóm; hình/bài tập SGK được cắt đúng nội dung và đặt đúng vị trí câu lệnh GV.
- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi; công cụ số theo nội dung tích hợp của tiết học (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Gợi nhớ dàn ý đã lập và xác định nhiệm vụ viết đoạn văn. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS mở lại dàn ý tả phong cảnh đã lập ở tiết trước và nêu cảnh mình chọn tả.	- HS nêu: Em chọn tả dòng sông, hồ nước, bãi biển, con suối, cánh đồng hoặc khu vườn.
- GV hỏi thêm: Khi chuyển từ dàn ý sang đoạn văn, em cần chọn một ý hay viết toàn bộ bài?	- HS trả lời: Em chọn một ý hoặc một phần cảnh trong dàn ý để phát triển thành đoạn văn, không viết lan man toàn bộ bài.
- GV nhắc: Đoạn văn cần tập trung vào một ý hoặc một phần cảnh, không tả lan man toàn bài.	- HS lắng nghe, xác định phần cảnh sẽ viết thành đoạn.
2. Khám phá: Tìm hiểu cách viết đoạn văn tả phong cảnh (10 phút) Mục tiêu: Nhận biết cách chọn chi tiết, trình tự tả và cách diễn đạt trong đoạn văn tả cảnh. Cách tiến hành:	
- GV cho HS đọc hai đoạn văn mẫu trong SGK, yêu cầu xác định mỗi đoạn tả cảnh gì và tác giả quan sát bằng những giác quan nào.	
- GV nhắc HS quan sát cách đoạn văn mẫu mở đầu, phát triển ý và kết thúc; chú ý cách tác giả đưa cảm xúc vào câu văn.	
- GV hướng dẫn HS đọc thầm, gạch chân từ ngữ gợi tả màu sắc, âm thanh, chuyển động, cảm xúc.	- HS đọc thầm, gạch chân từ ngữ gợi tả trong đoạn văn mẫu.
- GV mời HS trình bày nhận xét về đoạn văn mẫu.	- HS trả lời: Đoạn văn tả phong cảnh cần có chi tiết cụ thể, từ ngữ gợi hình, gợi âm thanh, có thể tả theo không gian hoặc theo sự thay đổi của cảnh; người

	<p>viết có thể xen cảm xúc để đoạn văn sinh động hơn.</p> <p>- HS nêu thêm: Đoạn văn hay thường có chi tiết tiêu biểu, trình tự rõ, từ ngữ gợi tả và cảm xúc chân thật của người viết.</p>
<p>- GV chốt: Khi viết đoạn văn, cần có câu mở đoạn giới thiệu cảnh hoặc phần cảnh; các câu tiếp theo tả chi tiết; câu cuối nêu cảm xúc hoặc nhận xét.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ cách viết.</p>
<p>3. Luyện tập: Viết đoạn văn và chỉnh sửa (22 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS viết được đoạn văn tả phong cảnh và biết chỉnh sửa theo góp ý.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: AI 5.A1.1: HS nhận biết robot/AI quan trắc núi lửa có thể hỗ trợ con người theo dõi nơi nguy hiểm, từ đó biết lựa chọn chi tiết khoa học khi viết đoạn văn tả cảnh.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>- Tích hợp AI 5.A1.1 - công cụ video/hình ảnh mô phỏng robot quan trắc núi lửa, Google Earth/Google Search và trợ lý AI: GV giới thiệu ngắn gọn robot, cảm biến và AI có thể hỗ trợ con người theo dõi nhiệt độ, khói bụi, rung chấn ở khu vực núi lửa nguy hiểm. GV hướng dẫn HS: (1) quan sát hình/video mô phỏng trên màn hình; (2) nêu robot/AI giúp con người an toàn hơn như thế nào; (3) chọn chi tiết phù hợp để viết đoạn văn tả cảnh có thông tin đúng; (4) không biến đoạn văn tả cảnh thành bài thuyết minh dài về công nghệ.</p> <p>- GV yêu cầu HS viết đoạn văn tả một phần phong cảnh theo dàn ý đã lập, có thể vận dụng một chi tiết khoa học phù hợp nếu tả cảnh liên quan đến núi, biển, hang động hoặc hiện tượng thiên nhiên.</p>	<p>- HS quan sát hình/video mô phỏng; nêu được: robot/AI giúp theo dõi nơi nguy hiểm, cảnh báo sớm, giảm rủi ro cho con người.</p> <p>- HS viết đoạn văn cá nhân, chú ý câu mở đoạn, chi tiết gợi tả, cảm xúc và câu kết đoạn; dùng thông tin khoa học vừa đủ, phù hợp với nội dung tả cảnh.</p>
<p>- GV yêu cầu HS viết đoạn văn tả một phần phong cảnh theo dàn ý đã lập.</p> <p>- GV theo dõi, hỗ trợ HS bằng câu hỏi: Cảnh ấy có màu sắc gì? Âm thanh gì? Chi tiết nào nổi bật nhất? Em có cảm xúc gì?</p> <p>- GV gợi ý thêm: Có thể sử dụng so sánh hoặc nhân hóa nếu phù hợp, nhưng không lạm dụng để câu văn tự nhiên.</p>	<p>- HS viết đoạn văn cá nhân, chú ý câu mở đoạn, chi tiết gợi tả, cảm xúc và câu kết đoạn.</p> <p>- HS bổ sung chi tiết: màu nước, ánh nắng, hàng cây, tiếng chim, tiếng sóng, mùi hương, cảm xúc yêu thích hoặc tự hào.</p>
<p>- GV tổ chức cho HS đổi bài theo cặp, đọc đoạn văn của bạn và góp ý theo hai tiêu chí: có chi tiết tiêu biểu chưa, câu văn đã liên kết chưa.</p> <p>- GV yêu cầu khi góp ý, HS nói cụ thể: câu nào hay, câu nào cần sửa, cần thêm chi tiết gì, không góp ý chung chung.</p>	<p>- HS đổi bài, đọc và góp ý: Bạn nên thêm câu tả âm thanh; bạn nên thay từ lặp; bạn nên nêu cảm xúc rõ hơn ở câu cuối.</p>
<p>- GV mời 2 – 3 HS đọc đoạn văn trước lớp.</p>	<p>- HS đọc đoạn văn. Ví dụ: Buổi sáng, dòng sông quê em như một dải lụa mềm vắt qua cánh đồng. Mặt nước trong xanh, lăn tăn gợn sóng dưới ánh nắng đầu ngày. Hai bên bờ, hàng tre nghiêng mình soi bóng xuống nước. Tiếng chim ríu rít hòa với tiếng mái chèo khua nhẹ làm không gian thêm yên bình. Em rất yêu dòng sông quê hương và luôn nhắc mình không xả rác để dòng sông mãi trong lành.</p>
<p>- GV nhận xét, chốt cách sửa đoạn văn: thêm chi tiết cụ thể, thay từ lặp, sắp xếp câu hợp lí, bổ sung cảm xúc chân thật.</p> <p>- GV nhắc HS sau khi sửa cần đọc lại toàn đoạn để kiểm tra sự liên kết giữa các câu và tránh lặp từ.</p>	<p>- HS lắng nghe, chỉnh sửa đoạn văn.</p>

4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút)

Mục tiêu: Hoàn thiện đoạn văn và chuẩn bị bài Đọc mở rộng.

Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS nêu một điểm em đã sửa trong đoạn văn của mình sau khi được góp ý.	- HS trả lời: Em đã thêm câu tả âm thanh của sóng; em đã thay từ “đẹp” bằng “lung linh”; em đã viết rõ cảm xúc ở câu cuối.
- GV dặn HS hoàn thiện đoạn văn và chuẩn bị một bài đọc về thiên nhiên cho tiết Đọc mở rộng.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

BÀI 14: NHỮNG NGỌN NÚI NÓNG RẦY**TIẾT 4: ĐỌC MỞ RỘNG: TÌM ĐỌC VĂN BẢN VỀ THIÊN NHIÊN KÌ THÚ****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Tìm đọc được sách báo, bài viết phù hợp về thiên nhiên, môi trường sống hoặc các hiện tượng tự nhiên.
- Biết ghi phiếu đọc sách, nêu tên tài liệu, tác giả/nguồn, thông tin chính và điều em thấy thú vị.
- Biết trao đổi với bạn về nội dung đã đọc, đặt câu hỏi và chia sẻ cảm nghĩ.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, hoàn thành nhiệm vụ học tập, tự điều chỉnh cách đọc, cách viết theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, trình bày ý kiến rõ ràng, lắng nghe và nhận xét lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn thông tin, sắp xếp ý, vận dụng kiến thức vào đọc hiểu, luyện từ và câu, viết đoạn/bài.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực đọc, ghi chép và hoàn thành phiếu đọc sách.
- Trách nhiệm: Biết lựa chọn nguồn thông tin phù hợp, không sao chép máy móc.
- Nhân ái: Lắng nghe, tôn trọng nội dung chia sẻ của bạn.

4. Tích hợp

- NLS 4.1.CB2a: HS tìm hình ảnh núi lửa và thảo luận rủi ro khi xem nội dung giật gân trên mạng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; kế hoạch bài dạy; bảng phụ hoặc màn hình trình chiếu.
- Tranh ảnh, phiếu học tập, bảng nhóm; hình/bài tập SGK được cắt đúng nội dung và đặt đúng vị trí câu lệnh GV.
- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi; công cụ số theo nội dung tích hợp của tiết học (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Gọi hứng thú đọc mở rộng và kết nối với chủ điểm Thiên nhiên kì thú. Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: Sau khi học bài về núi lửa, em muốn tìm đọc thêm về hiện tượng thiên nhiên nào? - GV gợi mở thêm: Thiên nhiên không chỉ có núi lửa mà còn có hang động, đại dương, mưa đá, lốc xoáy, các hành tinh trong hệ Mặt Trời và nhiều điều bí ẩn khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Em muốn đọc thêm về động đất, núi lửa dưới biển, hang động, sa mạc, bão, cầu vồng, rừng nhiệt đới hoặc đại dương.
<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu nhiệm vụ đọc mở rộng: Tìm đọc một văn bản về thiên nhiên, ghi phiếu đọc sách và chia sẻ với bạn. - GV dẫn dắt: Tiết đọc mở rộng giúp các em có cơ hội khám phá thêm sự kì bí của thiên nhiên ở Việt Nam và trên thế giới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, chuẩn bị sách/bài báo đã đọc hoặc phiếu ghi chép.
2. Khám phá: Hướng dẫn đọc và ghi phiếu đọc sách (12 phút) Mục tiêu: HS biết chọn tài liệu phù hợp, đọc có mục đích và ghi lại thông tin quan trọng. Mục tiêu tích hợp: NLS 4.1.CB2a: HS tìm hình ảnh núi lửa bằng Google Search/YouTube Kids hoặc trang khoa học phù hợp, biết thảo luận rủi ro khi xem nội dung giật gân trên mạng. Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none"> - Tích hợp NLS 4.1.CB2a - công cụ Google Search/YouTube Kids/trang thông tin khoa học phù hợp: GV hướng dẫn HS tìm hình ảnh núi lửa và nội dung đọc mở rộng một cách an toàn: (1) gõ từ khóa rõ ràng như “hình ảnh núi lửa cho học sinh”, “núi lửa phun trào thông tin khoa học”; (2) ưu tiên trang 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe hướng dẫn, thực hành tìm hoặc chọn tài liệu đã chuẩn bị; ghi nhớ quy tắc an toàn khi tìm kiếm hình ảnh/thông tin về núi lửa và hiện tượng tự nhiên. - HS thảo luận: nội dung giật gân có thể làm người xem sợ hãi, hiểu sai sự thật hoặc chia sẻ thông tin

<p>có nguồn rõ ràng, nội dung phù hợp lứa tuổi; (3) không bám vào tiêu đề giật gân, hình ảnh gây sợ hãi hoặc quảng cáo lạ; (4) không nhập thông tin cá nhân; (5) khi gặp hình ảnh/video gây hoang mang, dừng xem và báo với người lớn; (6) ghi lại nguồn và thông tin chính bằng lời của mình.</p> <p>- GV nhắc HS khi chọn tài liệu cần đọc tên bài, tên sách hoặc nguồn; ưu tiên sách báo phù hợp lứa tuổi, nội dung rõ ràng, có thông tin đáng tin cậy.</p>	<p>chưa kiểm chứng; vì vậy cần chọn nguồn tin an toàn, phù hợp.</p>
<p>- GV cho HS quan sát mẫu phiếu đọc sách trong SGK, hướng dẫn các mục cần ghi.</p> <p>- GV hướng dẫn phiếu cần có: thông tin chính, điều ấn tượng, cảm nhận chung về bài đọc và câu hỏi em muốn tìm hiểu thêm.</p>	<p>- HS quan sát mẫu phiếu, xác định các mục: tên bài/sách, tác giả/nguồn, nội dung chính, thông tin thú vị, cảm nghĩ hoặc câu hỏi muốn tìm hiểu thêm.</p>
	
<p>3. Luyện tập: Viết phiếu và chia sẻ (20 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS hoàn thành phiếu đọc sách và trao đổi với bạn về nội dung đã đọc.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: đọc lại ghi chú hoặc tài liệu đã chuẩn bị, hoàn thành phiếu đọc sách.</p> <p>- GV khuyến khích HS sáng tạo cách trình bày phiếu: có thể viết ngắn gọn theo ý chính, thêm hình minh họa nhỏ hoặc kí hiệu đánh dấu thông tin quan trọng.</p>	<p>- HS viết phiếu đọc sách cá nhân, ghi ngắn gọn bằng lời của mình.</p>
<p>- GV quan sát, hỗ trợ HS bằng câu hỏi: Văn bản viết về điều gì? Thông tin nào mới nhất với em? Em muốn hỏi thêm điều gì?</p>	<p>- HS bổ sung vào phiếu: thông tin chính, điều thú vị, cảm nghĩ hoặc câu hỏi.</p>
<p>- GV tổ chức cho HS trao đổi theo nhóm 4, mỗi bạn chia sẻ trong 1 phút về tài liệu mình đã đọc.</p> <p>- GV khuyến khích HS đọc cho bạn nghe một đoạn văn hay, chi tiết hoặc hình ảnh thú vị trong tài liệu đã chọn.</p>	<p>- HS chia sẻ trong nhóm: Em đọc bài về núi lửa; em biết núi lửa có thể tạo nên đảo mới. Em thấy thông tin này rất thú vị và muốn tìm hiểu thêm về núi lửa dưới biển.</p>
<p>- GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp; yêu cầu HS khác lắng nghe, đặt câu hỏi hoặc bổ sung.</p> <p>- GV yêu cầu HS khi nghe bạn chia sẻ cần đặt câu hỏi lịch sự, ví dụ: Bạn tìm tài liệu ở đâu? Thông tin nào khiến bạn bất ngờ nhất?</p>	<p>- HS trình bày phiếu đọc sách trước lớp; HS khác lắng nghe, đặt câu hỏi: Nguồn bài đọc của bạn ở đâu? Điều gì trong bài khiến bạn ấn tượng nhất?</p>
<p>- GV nhận xét, khen HS biết chọn nguồn phù hợp, ghi chép ngắn gọn và chia sẻ tự tin.</p>	<p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm cho lần đọc mở rộng sau.</p>

4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút)

Mục tiêu: Duy trì thói quen đọc mở rộng và biết vận dụng thông tin đã đọc.

Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS nêu một thông tin em sẽ kể lại cho người thân sau tiết học.	- HS trả lời: Em sẽ kể cho người thân biết núi lửa hình thành từ mác-ma; hoặc em sẽ kể về một hang động, một loài vật, một hiện tượng thiên nhiên mà em đã đọc.
- GV khuyến khích HS kể lại cho người thân nội dung đã đọc bằng lời của mình, không đọc nguyên văn máy móc.	
- GV dặn HS tiếp tục tìm đọc một bài về thiên nhiên, môi trường sống và ghi thêm vào sổ đọc sách.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

TUẦN 8

BÀI 15: BÀI CA VỀ MẶT TRỜI

TIẾT 1: ĐỌC - BÀI CA VỀ MẶT TRỜI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng và diễn cảm văn bản Bài ca về mặt trời; biết nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả vẻ đẹp của mặt trời, âm thanh của chim sẻ và cảm xúc của nhân vật “tôi”.
- Hiểu được hình ảnh, chi tiết, biện pháp so sánh, liên tưởng trong bài đọc; nêu được nội dung chính và cảm xúc của bản thân về vẻ đẹp của thiên nhiên.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động chuẩn bị bài, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, thảo luận, trình bày ý kiến và lắng nghe bạn.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ và liên hệ thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Biết trân trọng vẻ đẹp thiên nhiên, yêu cuộc sống, có thái độ sống tích cực và hài hòa với các nguồn năng lượng của sự sống.
- Có ý thức sử dụng nước hợp lý trong sinh hoạt, nhất là trong những ngày nắng nóng.

4. Tích hợp

- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục thái độ trân trọng thiên nhiên, biết sống hài hòa với các nguồn năng lượng của sự sống.
- Tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: Liên hệ nắng nóng làm nước bốc hơi nhanh; nhắc HS sử dụng nước sinh hoạt hợp lý trong ngày nắng.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy, SGK, SGV Tiếng Việt 5 - Kết nối tri thức.
- Máy tính, máy chiếu; tranh minh họa bài đọc; phiếu học tập; hình ảnh/bài tập SGK đã cắt đúng nội dung.
- Học sinh chuẩn bị SGK, vở, bút và đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập; khơi gợi cảm xúc, trải nghiệm của HS về cảnh mặt trời mọc hoặc mặt trời lặn. Cách tiến hành:	
-GV yêu cầu HS trao đổi nhanh với bạn bên cạnh: “Em đã từng nhìn thấy cảnh mặt trời mọc hoặc mặt trời lặn ở đâu? Cảnh đó gợi cho em cảm xúc gì?”	- HS trao đổi theo cặp. HS có thể nêu: Em thấy mặt trời mọc ở quê/biển/sân trường; cảnh rất đẹp,

	rực rỡ, yên bình hoặc làm em thấy vui, ấm áp.
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ trước lớp, khuyến khích HS nói thành câu rõ ý, có cảm xúc.	- HS trình bày: Cảnh mặt trời mọc làm em nghĩ đến một ngày mới bắt đầu; mặt trời đem ánh sáng, hơi ấm và niềm vui cho mọi người.
- GV có thể cho HS xem nhanh một đoạn video/hình ảnh về Thần gió và mặt trời hoặc cảnh mặt trời mọc; yêu cầu HS nêu cảm nhận về nhân vật mặt trời và về đẹp bình minh.	- HS quan sát, chia sẻ: Mặt trời có sức mạnh, đem ánh sáng và hơi ấm; cảnh bình minh rực rỡ, yên bình, làm em thấy vui và yêu thiên nhiên hơn.
- GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa và đọc yêu cầu chia sẻ trong SGK; dẫn dắt: Bài đọc hôm nay đưa chúng ta đến với khoảnh khắc nhân vật “tôi” phát hiện vầng mặt trời trong tiếng chim sẻ rộn ràng.	- HS quan sát tranh, lắng nghe và ghi tên bài.
	
2. Khám phá - Luyện đọc (12 phút) Mục tiêu: HS đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn; bước đầu biết đọc diễn cảm văn bản. Cách tiến hành:	
- GV đọc mẫu toàn bài với giọng chậm rãi, trong sáng; nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả: sương mù, đàn đồng ca, vòm cây xanh thẫm, vành mũ màu đỏ, mâm đồng đỏ, bài ca về mặt trời.	- HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo SGK và chú ý cách ngắt nghỉ ở các câu dài.
- GV gọi 1 HS đọc toàn bài, sau đó hỏi: Theo em, văn bản này có thể chia làm mấy đoạn? GV gợi ý: đoạn 1 từ đầu đến “không thể cùng trông thấy được”; đoạn 2 từ “Tôi ngược nhìn...” đến “nhích dần lên”; đoạn 3 là phần còn lại.	- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm, đánh dấu đoạn và nêu lại cách chia đoạn theo hướng dẫn của GV.

-GV hướng dẫn HS chia đoạn: Đoạn 1 từ đầu đến “không thể cùng trông thấy được”;đoạn 2 từ “Tôi ngược nhìn...” đến “nhích dần lên”;đoạn 3 phần còn lại.	- HS dùng bút chì đánh dấu đoạn trong SGK; nêu lại cách chia đoạn.
- GV luyện đọc từ khó và câu dài: sương mù, trùm lấp, dàn đồng ca, vòm cây, chiêm lĩnh, mâm đồng đỏ. GV nhắc HS đọc rõ các cụm từ chỉ hình ảnh so sánh.	- HS luyện đọc cá nhân, đọc nối tiếp từ khó; sửa phát âm theo hướng dẫn của GV.
- GV luyện thêm câu dài: “Sương mù như tấm khăn voan mỏng màu sữa/ bay la đà trên những khóm cây quanh vườn,/ trùm lấp một khoảng sân.” GV nhắc HS ngắt nghỉ đúng ở các cụm từ chỉ hình ảnh so sánh.	- HS luyện đọc câu dài 2 - 3 lượt, chú ý đọc rõ hình ảnh so sánh “tấm khăn voan mỏng màu sữa” và ngắt nghỉ đúng nhịp.
- GV tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm 3; yêu cầu các bạn trong nhóm góp ý về tốc độ đọc, giọng đọc và cách nhấn giọng.	- HS đọc nối tiếp trong nhóm, góp ý cho bạn: đọc to, rõ, biết ngắt nghỉ sau các cụm từ dài.
- GV mời 1 nhóm đọc trước lớp; nhận xét, sửa lỗi phát âm và khen những HS biết thể hiện cảm xúc khi đọc.	- HS đọc trước lớp; HS còn lại lắng nghe, nhận xét cách đọc của bạn.

3. Luyện tập - Tìm hiểu bài (18 phút)

Mục tiêu: HS hiểu nội dung bài đọc, cảm nhận được vẻ đẹp của cảnh mặt trời mọc và cảm xúc của nhân vật “tôi”.

Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS đọc thầm lại bài và tìm những từ ngữ, hình ảnh cho thấy nhân vật “tôi” chú ý đến tiếng chim sẻ.

(Theo Nguyễn Trọng Tạo)

1. Đàn chim sẻ làm gì khiến nhân vật “tôi” chú ý? Nhân vật “tôi” nghĩ gì về chuyện đó?

2. Cảnh mặt trời mọc được miêu tả như thế nào?

3. Vì sao nhân vật “tôi” liên tưởng mặt trời như chiếc mũ đỏ rồi lại như chiếc mâm đồng đỏ?

4. Khi phát hiện ra vầng mặt trời như chiếc mâm đồng đỏ, cảm xúc của nhân vật “tôi” như thế nào? Em suy nghĩ gì về bài hát của nhân vật “tôi”?

5. Khi đọc đoạn văn tả mặt trời mọc, có hai bạn nhỏ đã nêu ý kiến như dưới đây. Em thích ý kiến của bạn nào hoặc có ý kiến nào khác? Vì sao?

Cảnh mặt trời mọc giống như một thước phim quay chậm. Vầng mặt trời chậm rãi xuất hiện, như một nghệ sĩ muốn màn mở đầu của mình phải thật đặc biệt để mang lại cảm xúc vỡ òa cho khán giả.
(Ngọc Minh)

Cảnh mặt trời mọc giống màn ảo thuật mà khán giả hồi hộp mong chờ. Khi mặt trời xuất hiện, bí mật được khám phá, “sân khấu” bầu trời sáng bừng rạng rỡ trong niềm vui của tất cả mọi người.
(Việt Phương)

- HS đọc thầm, gạch chân chi tiết: chim sẻ thì nhau cất tiếng hót; dàn đồng ca chim sẻ khi bông, khi trầm, khi nhanh, khi chậm, xôn xao vòm không gian.

- Câu 1: Đàn chim sẻ làm gì khiến nhân vật “tôi” chú ý?
Nhân vật “tôi” nghĩ gì về chuyện đó?

- HS trả lời: Đàn chim sẻ thì nhau cất tiếng hót trên những ngọn cau cao; tiếng chim khi bông, khi trầm làm xôn xao vòm không gian. Nhân vật “tôi” nghĩ đàn chim sẻ đang trông thấy một điều gì đó mà mình ở thấp quá chưa nhìn ra được.

- GV chốt ý câu 1: Tiếng chim sẻ là tín hiệu mở đầu, làm nhân vật “tôi” tò mò và hướng mắt về phía mặt trời.

- HS lắng nghe, ghi nhớ.

<p>- Câu 2: Cảnh mặt trời mọc được miêu tả như thế nào?</p>	<p>- HS trả lời: Ban đầu, mặt trời nhô lên sau vòm cây xanh thẫm như một vành mũ màu đỏ. Sau đó, chiếc mũ đỏ to lớn nhô dần lên trên nền trời. Cuối cùng, mặt trời bay lên khỏi vòm cây, to và đỏ giống như một chiếc mâm đồng, từ từ chiếm lĩnh nền trời xa rộng.</p>
<p>- Câu 3: Vì sao nhân vật “tôi” liên tưởng mặt trời như chiếc mũ đỏ rồi lại như chiếc mâm đồng đỏ?</p>	<p>- HS trả lời: Khi mới ló lên, mặt trời chỉ hiện một nửa hình tròn nên giống chiếc mũ đỏ. Khi lên cao hơn, mặt trời tròn đầy, đỏ rực nên giống chiếc mâm đồng đỏ. Cách liên tưởng thay đổi theo hình dáng mặt trời và cho thấy trí tưởng tượng phong phú của nhân vật “tôi”.</p>
<p>- Câu 4: Khi phát hiện vầng mặt trời như chiếc mâm đồng đỏ, cảm xúc của nhân vật “tôi” như thế nào? Em suy nghĩ gì về bài hát của nhân vật “tôi”?</p>	<p>- HS trả lời: Nhân vật “tôi” ngỡ ngàng, vui sướng, say mê; cảm xúc dâng trào khiến trong trái tim vang lên tiếng hát. Bài hát ấy rất độc đáo, giàu hình ảnh, chứa chan tình yêu thiên nhiên và niềm hân hoan trước ánh sáng mặt trời.</p>
<p>- Câu 5: GV cho HS đọc hai ý kiến trong SGK, trao đổi: Em thích ý kiến của bạn nào hoặc có ý kiến nào khác? Vì sao?</p>	<p>- HS nêu ý kiến: Em thích ý kiến ví cảnh mặt trời mọc như phim quay chậm vì mặt trời xuất hiện từ từ; hoặc em thích ý kiến ví như màn ảo thuật vì cảnh vật sáng bừng khi mặt trời lên.</p>
<p>- GV mời HS nêu nội dung bài đọc; sau đó chốt: Bài đọc ca ngợi vẻ đẹp kì diệu của cảnh mặt trời mọc, thể hiện niềm vui, tình yêu thiên nhiên và lòng biết ơn ánh sáng mặt trời.</p>	<p>- HS nêu nội dung theo cách hiểu; lắng nghe GV chốt và ghi nhớ.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS luyện đọc lại một đoạn em thích: nhấn giọng ở các từ ngữ gợi hình, gợi cảm như “dàn đồng ca”, “vành mũ màu đỏ”, “mâm đồng đỏ”, “bài ca về mặt trời”.</p>	<p>- HS luyện đọc diễn cảm theo cặp; 2 - 3 HS thi đọc trước lớp, cả lớp nhận xét giọng đọc, cách ngắt nghỉ và cảm xúc khi đọc.</p>
<p>Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Mặt trời đem ánh sáng, hơi ấm và nguồn năng lượng cho sự sống; nhờ có mặt trời, cây cối lớn lên, con người có một ngày mới để học tập, lao động và yêu thương. Từ vẻ đẹp của cảnh mặt trời mọc trong bài đọc, GV hướng HS biết trân trọng thiên nhiên, biết rung cảm trước những điều bình dị quanh mình như tiếng chim, ánh nắng, bầu trời trong xanh. GV gợi mở thêm bằng câu hỏi: Khi nhìn thấy bình minh, em có thể bắt đầu ngày mới bằng thái độ như thế nào? Em có thể nói hoặc làm điều gì để lan tỏa niềm vui cho bạn bè, người thân?</p>	<p>- HS liên hệ: Em biết yêu cảnh đẹp thiên nhiên, biết bắt đầu ngày mới bằng thái độ vui vẻ, chăm chỉ và tích cực; biết nói lời vui vẻ, động viên bạn bè, người thân.</p>

<p>GV chốt: Sống tích cực không phải là việc lớn lao mà bắt đầu từ việc chăm chỉ học tập, nói lời yêu thương, biết cảm ơn thiên nhiên và có trách nhiệm giữ gìn môi trường sống xung quanh.</p>	
<p>4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút) Mục tiêu: HS liên hệ bài học với thói quen sống hằng ngày và ý thức tiết kiệm nước trong ngày nắng. Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS nói một việc em có thể làm để bảo vệ sức khỏe và sử dụng nước hợp lí trong những ngày nắng nóng.</p>	<p>- HS trả lời: Uống đủ nước; đội mũ khi ra nắng; tắt vòi nước sau khi dùng; dùng nước vừa đủ khi rửa tay, rửa bình nước, tưới cây vào sáng sớm hoặc chiều mát.</p>
<p>- GV gợi mở thêm: Nếu mỗi ngày chúng ta biết ngắm nhìn và trân trọng thiên nhiên, điều đó có ý nghĩa gì với cuộc sống của chúng ta? Em có thể làm gì để giữ bầu trời luôn trong xanh?</p>	<p>- HS chia sẻ: Biết trân trọng thiên nhiên giúp em yêu đời, yêu cuộc sống hơn; em sẽ không vứt rác bừa bãi, trồng cây, chăm sóc cây xanh và giữ lớp học sạch đẹp.</p>
<p>Tích hợp Tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: GV nhấn mạnh: Trong những ngày nắng nóng, nước bốc hơi nhanh, cây cối và con người đều cần nhiều nước hơn, vì vậy nước sạch càng phải được sử dụng hợp lí. GV liên hệ với sinh hoạt hằng ngày của HS: khi rửa tay chỉ mở vòi vừa đủ, khóa vòi ngay sau khi dùng; khi uống nước lấy lượng vừa phải, không đổ bỏ nước thừa; khi tưới cây nên tưới vào sáng sớm hoặc chiều mát để hạn chế nước bốc hơi; có thể tận dụng nước rửa rau tưới cây nếu phù hợp. GV nhắc HS biết nhắc bạn bè và người thân không nghịch nước, không xả rác xuống cống rãnh, ao hồ để giữ nguồn nước sạch cho mọi người.</p>	<p>- HS lắng nghe, nêu một việc làm cụ thể để tiết kiệm nước ở nhà và ở trường; cam kết thực hiện trong tuần.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....
 ..

 ..

TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU - LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐA NGHĨA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Củng cố kiến thức về từ đa nghĩa; xác định được nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ trong ngữ cảnh cụ thể.
- Biết đặt câu để phân biệt nghĩa của từ, sử dụng từ đa nghĩa phù hợp trong nói và viết.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động chuẩn bị bài, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, thảo luận, trình bày ý kiến và lắng nghe bạn.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ và liên hệ thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, tích cực tham gia hoạt động cá nhân, nhóm; biết lắng nghe và bổ sung ý kiến cho bạn.

4. Tích hợp

- NLS: 6.1.CB2a - HS quan sát mô hình hệ Mặt Trời bằng ứng dụng số trực quan.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy, SGK, SGV Tiếng Việt 5 - Kết nối tri thức.
- Máy tính, máy chiếu; tranh minh họa bài đọc; phiếu học tập; hình ảnh/bài tập SGK đã cắt đúng nội dung.
- Học sinh chuẩn bị SGK, vở, bút và đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Củng cố nhanh hiểu biết về từ đa nghĩa, tạo tâm thế vào bài luyện tập. Cách tiến hành:	
- GV nêu nhanh một số từ: mắt, biển, lưng, chân và yêu cầu HS cho biết từ nào có thể dùng với nhiều nghĩa.	- HS trả lời: Các từ mắt, biển, lưng, chân đều có thể dùng với nhiều nghĩa; mỗi nghĩa cần đặt trong ngữ cảnh cụ thể.
- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”: HS xếp các từ vào nhóm dùng với nghĩa gốc và nhóm dùng với nghĩa chuyển: khuôn mặt, tay trái, cửa sổ, cửa biển, đứng đầu, đầu tóc, tay chân, mặt bàn, xâu bụng, đau bụng.	- HS tham gia trò chơi, phân loại và giải thích nhanh. Ví dụ: khuôn mặt, đầu tóc, tay trái, đau bụng dùng với nghĩa gốc; cửa biển, đứng đầu, mặt bàn, xâu bụng dùng với nghĩa chuyển.
- GV dẫn dắt: Hôm nay các em luyện tập nhận biết nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ đa nghĩa và sử dụng từ đúng trong câu.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. Khám phá - Thực hành bài tập 1, 2 (15 phút) Mục tiêu: HS xác định được nghĩa của từ trong ngữ cảnh cụ thể. Cách tiến hành:	
- GV mời HS đọc yêu cầu Bài 1: Nêu nghĩa của từ hạt trong mỗi đoạn thơ; từ hạt trong đoạn thơ nào được dùng với nghĩa gốc?	- HS đọc yêu cầu, xác định từ cần tìm hiểu là từ “hạt”.

<p>LUYỆN TỪ VÀ CÂU</p> <p>LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐA NGHĨA</p> <p>1. Nêu nghĩa của từ hạt trong mỗi đoạn thơ dưới đây. Từ hạt trong đoạn thơ nào được dùng với nghĩa gốc?</p> <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="width: 45%;"> <p>a. Hạt đang là hạt Cắm trong tay mình Chứa gieo xuống đất Hạt nằm lặng thinh. (Trần Hữu Thung)</p> </div> <div style="width: 45%;"> <p>b. Hạt mưa mãi miết trốn tìm Cây đào trước cửa lìm dìm mắt cười Quất gom từng hạt nắng rơi Lâm thành quả – những mặt trời tí hon. (Đỗ Quang Huỳnh)</p> </div> </div> <p>2. Trong hai đoạn thơ dưới đây, từ chân được dùng với các nghĩa nào? Các nghĩa đó có gì giống và khác nhau?</p> <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="width: 45%;"> <p>a. Cái gậy có một chân, Biết giúp bà khỏi ngã. Chiếc com-pa bố vẽ, Có chân đứng, chân quay. Cái kiềng đun hàng ngày. Ba chân xoè trong lửa. (Vũ Quần Phương)</p> </div> <div style="width: 45%;"> <p>b. Chân em bước thật êm Đường sau mưa ẩm ướt Trên lá non mịn mượt Những giọt nước trong lành. (Nguyễn Quỳnh Mai)</p> </div> </div> <p>3. Đặt câu để phân biệt các nghĩa của mỗi từ sau đây:</p> <p>Mũi</p> <p>Nghĩa 1: bộ phận nhô lên ở giữa mặt người hoặc động vật có xương sống, dùng để thở và ngửi.</p> <p>Nghĩa 2: bộ phận có đầu nhọn nhô ra phía trước của một số vật.</p> <p>Cao</p> <p>Nghĩa 1: có khoảng cách bao nhiêu đó từ đầu này đến đầu kia theo chiều thẳng đứng.</p> <p>Nghĩa 2: hơn mức trung bình về số lượng hay chất lượng.</p>	
<p>- GV chia nhóm và sử dụng kỹ thuật Mảnh ghép: nhóm chuyên gia 1, 3, 5, 7 thực hiện Bài 1; nhóm chuyên gia 2, 4, 6, 8 thực hiện Bài 2. Sau đó HS đổi nhóm để chia sẻ kết quả cho nhau.</p>	<p>- HS lắng nghe hướng dẫn, làm việc trong nhóm chuyên gia rồi di chuyển về nhóm mảnh ghép, trao đổi để mỗi bạn đều nắm được cách giải thích nghĩa của từ “hạt” và từ “chân”.</p>
<p>- GV tổ chức HS thảo luận nhóm đôi, so sánh nghĩa của từ hạt trong hai đoạn thơ.</p>	<p>- HS thảo luận: Ở đoạn a, hạt chỉ hạt giống/cái phần nhỏ để gieo xuống đất, đây là nghĩa gốc. Ở đoạn b, hạt chỉ những giọt nắng nhỏ, nghĩa chuyển.</p>
<p>- GV chốt Bài 1: Ở đoạn a, “hạt” chỉ bộ phận nằm trong quả, có thể nảy mầm thành cây con, đây là nghĩa gốc. Ở đoạn b, “hạt” chỉ phần nhỏ có hình giống hạt, như hạt mưa, hạt nắng, đây là nghĩa chuyển.</p>	<p>- HS ghi nhớ: Nghĩa chuyển thường phát triển từ nghĩa gốc dựa trên nét giống nhau về hình dáng, đặc điểm hoặc chức năng.</p>
<p>- GV chốt: Khi một từ được dùng để gọi sự vật theo nghĩa ban đầu, nghĩa thường gặp nhất, đó là nghĩa gốc; khi nghĩa được phát triển dựa trên nét tương đồng, đó là nghĩa chuyển.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ cách phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển.</p>
<p>- GV mời HS đọc yêu cầu Bài 2: Trong hai đoạn thơ, từ chân được dùng với các nghĩa nào? Các nghĩa đó giống và khác nhau ra sao?</p>	<p>- HS đọc yêu cầu và quan sát ngữ liệu trong SGK.</p>
<p>- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4: nhóm ghi nhanh các nghĩa của từ chân trong từng đoạn thơ, sau đó trình bày.</p>	<p>- HS trả lời: Ở đoạn a, chân chỉ bộ phận/điểm tựa của đồ vật như chân compa, chân kiềng; ở đoạn b, chân chỉ bộ phận cơ thể người dùng để đi, đứng. Các nghĩa đều gọi phần dưới, làm điểm tựa hoặc di chuyển.</p>

<p>- GV chốt Bài 2: Từ “chân” ở đoạn a chỉ phần dưới cùng của đồ vật như cái gậy, com-pa, kiềng, giúp đồ vật đứng được, đây là nghĩa chuyển; từ “chân” ở đoạn b chỉ bộ phận cơ thể dùng để đi, đứng, đây là nghĩa gốc.</p>	<p>- HS nêu điểm giống nhau: các nghĩa đều chỉ phần phía dưới cùng, có tác dụng nâng đỡ. Điểm khác nhau: một nghĩa chỉ bộ phận cơ thể người, một nghĩa chỉ bộ phận của đồ vật.</p>
<p>- GV nhận xét, bổ sung: Nghĩa của từ đa nghĩa có liên hệ với nhau, không tách rời hoàn toàn.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ.</p>
<p>3. Luyện tập - Thực hành bài tập 3 (15 phút) Mục tiêu: HS đặt được câu để phân biệt nghĩa của từ đa nghĩa. Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc Bài 3: Đặt câu để phân biệt các nghĩa của mỗi từ: mũi, cao.</p>	<p>- HS đọc đề bài, xác định mỗi từ có hai nghĩa cần phân biệt.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS phân tích nghĩa của từ mũi: Nghĩa 1 là bộ phận nhô lên ở giữa mặt người hoặc động vật, dùng để thở và ngửi; nghĩa 2 là bộ phận có đầu nhọn nhô ra phía trước của một số vật.</p>	<p>- HS đặt câu: Em bị nghẹt mũi nên thở khó. / Mũi thuyền rẽ sóng tiến về phía trước.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS phân tích nghĩa của từ cao: Nghĩa 1 chỉ khoảng cách theo chiều thẳng đứng; nghĩa 2 chỉ mức vượt trung bình về số lượng hoặc chất lượng.</p>	<p>- HS đặt câu: Cây phượng trước sân trường rất cao. / Bạn Nam đạt điểm cao trong bài kiểm tra.</p>
<p>- GV mời HS trình bày câu đã đặt; nhận xét câu đúng ngữ cảnh, rõ nghĩa.</p>	<p>- HS trình bày câu; các bạn nhận xét, bổ sung để câu rõ nghĩa hơn.</p>
<p>- GV giao thêm nhiệm vụ nhanh: đặt câu và giải thích nghĩa của các cặp từ tốt bụng/no bụng; xanh xanh/xanh xao; vị ngọt/nói ngọt.</p>	<p>- HS đặt câu: “Lan là bạn rất tốt bụng.” / “Em ăn cơm đến no bụng.”; “Chiếc bút màu xanh xanh.” / “Bạn ấy ốm nên xanh xao.”; “Bánh có vị ngọt.” / “Cô nói rất ngọt ngào.”</p>
<p>Tích hợp NLS: 6.1.CB2a - HS quan sát mô hình hệ Mặt Trời bằng ứng dụng số trực quan. GV mở sẵn mô hình hệ Mặt Trời bằng Solar System Scope/Google Earth Sky/video mô phỏng và hướng dẫn HS quan sát theo nhiệm vụ rõ ràng:</p> <p>(1) xác định vị trí của Mặt Trời trong mô hình; (2) nhận biết Trái Đất và các hành tinh chuyển động quanh Mặt Trời; (3) quan sát chiều chuyển động, khoảng cách tương đối và màu sắc của các hành tinh; (4) rút ra lợi ích của mô hình số khi tìm hiểu sự vật, hiện tượng khó quan sát trực tiếp ngoài đời thật.</p> <p>GV đặt câu hỏi định hướng: Mô hình số giúp em nhìn thấy điều gì mà mắt thường khó quan sát? Khi dùng thiết bị số, em cần tuân thủ quy tắc nào? GV nhắc HS chỉ xem nội dung GV mở sẵn, không tự ý bấm quảng cáo, đường liên kết lạ, không nhập họ tên, địa chỉ, số điện thoại hoặc hình ảnh cá nhân vào ứng dụng/trang web.</p>	<p>- HS quan sát mô hình số theo hướng dẫn của GV; trả lời được: Mặt Trời ở trung tâm hệ Mặt Trời, Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời; mô hình số giúp em nhìn rõ hiện tượng khó quan sát trực tiếp. HS thực hiện đúng quy tắc an toàn: không bấm liên kết lạ, không nhập thông tin cá nhân.</p>
<p>4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút)</p>	

Mục tiêu: HS vận dụng từ đa nghĩa vào nói, viết hằng ngày.

Cách tiến hành:

- GV giao nhiệm vụ: Chọn một từ đa nghĩa em biết, đặt hai câu để phân biệt nghĩa của từ đó.

- HS thực hiện: Ví dụ từ “đầu”: Đầu em đội mũ. / Đầu cầu có nhiều xe qua lại.

- GV nhận xét tiết học, dặn HS quan sát thêm các từ đa nghĩa trong sách báo, lời nói hằng ngày.

- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

..

TIẾT 3: VIẾT - VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Viết được bài văn tả phong cảnh theo dàn ý đã lập; biết trình bày đủ bố cục mở bài, thân bài, kết bài.
- Biết dùng từ ngữ gợi tả, hình ảnh so sánh, nhân hóa và cảm xúc cá nhân để làm nổi bật vẻ đẹp của phong cảnh.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động chuẩn bị bài, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, thảo luận, trình bày ý kiến và lắng nghe bạn.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ và liên hệ thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Có ý thức chăm chỉ, cẩn thận khi viết bài; biết yêu quý và trân trọng cảnh đẹp thiên nhiên.

4. Tích hợp

- AI: 5.C4.2 - Dùng mô phỏng AI trực quan để nhận biết chuyển động, vai trò của Mặt Trời đối với sự sống.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy, SGK, SGV Tiếng Việt 5 - Kết nối tri thức.
- Máy tính, máy chiếu; tranh minh họa bài đọc; phiếu học tập; hình ảnh/bài tập SGK đã cắt đúng nội dung.
- Học sinh chuẩn bị SGK, vở, bút và đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Giúp HS nhớ lại dàn ý đã lập và yêu cầu của bài văn tả phong cảnh. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nhắc lại bố cục bài văn tả phong cảnh và những điểm cần lưu ý khi viết.	- HS trả lời: Bài văn tả phong cảnh gồm mở bài, thân bài, kết bài; cần tả theo trình tự hợp lí, chọn chi tiết tiêu biểu, dùng từ ngữ gợi tả và nêu cảm xúc.
-GV dẫn dắt: Từ dàn ý đã lập, hôm nay các em viết thành bài văn hoàn chỉnh.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vở viết.
2. Khám phá - Chuẩn bị viết (10 phút) Mục tiêu: HS nắm chắc đề bài, cách trình bày và yêu cầu khi viết bài. Cách tiến hành:	

<p>- GV cho HS đọc yêu cầu: Chọn 1 trong 2 đề: tả cảnh ao hồ, sông suối ở quê hương/nơi sinh sống; hoặc tả cảnh biển đảo đã thấy tận mắt hoặc xem qua phim ảnh.</p> <div data-bbox="272 300 799 1061"> <p>VIẾT</p> <p>VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH</p> <p>Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:</p> <p>Đề 1: Tả một cảnh ao hồ, sông suối ở quê hương em hoặc ở nơi gia đình em sinh sống.</p> <p>Đề 2: Tả một cảnh biển đảo em đã được thấy tận mắt hoặc xem trên phim ảnh.</p> <p>1. Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động Viết ở Bài 13, viết bài văn theo yêu cầu của đề bài.</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày rõ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài. - Tả kĩ hơn những sự vật, hiện tượng đặc sắc, làm nên vẻ đẹp riêng cho phong cảnh được miêu tả. - Lựa chọn từ ngữ có sức gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của sự vật, hiện tượng; kết hợp sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá,... để lời văn sinh động, có sức cuốn hút đối với người đọc. <p>M:</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="border: 1px solid #ccc; padding: 5px; width: 45%;"> <p>Cơn sông Nậm Khan làm duyên nũng nịu, uốn mình một quãng rồi mới chịu hoá vào sông Mã Kông.</p> <p>(Theo Tô Hoài)</p> </div> <div style="border: 1px solid #ccc; padding: 5px; width: 45%;"> <p>Màn sương biển mịt. Khuôn mặt dòng sông lộ ra ửng hồng, tươi rói như khuôn mặt của em bé vừa ra khỏi chiếc chăn ấm.</p> <p>(Kim Vên)</p> </div> </div> <p>2. Đọc soát và chỉnh sửa.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; margin-top: 10px;"> Bố cục bài văn Trình tự miêu tả </div> <p>1. Đọc bài văn của em cho người thân nghe và tiếp thu góp ý.</p> <p>2. Tìm đọc đoạn văn, bài văn tả cảnh miền núi, trung du, đồng bằng,... và chép lại những câu văn hay.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>Nắng bốc hương hoa trầm thơm ngậy ngậy. Gió đưa mùi hương ngọt lặn xa, phảng phất khắp rừng. Mấy con kì nhông nằm phơi lưng trên gốc cây mục, sắc da luôn luôn biến đổi từ xanh hoá vàng, từ vàng hoá đỏ, từ đỏ hoá tím xanh...</p> <p>(Đoàn Giỏi)</p> </div>	<p>- HS đọc đề, xác định đề mình chọn và phong cảnh sẽ tả.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS xác định trọng tâm từng đề: Đề 1 cần làm rõ vẻ đẹp ao hồ, sông suối ở quê hương hoặc nơi sinh sống; Đề 2 cần làm rõ vẻ đẹp biển đảo đã tận mắt thấy hoặc xem qua phim ảnh.</p>	<p>- HS xác định rõ đối tượng miêu tả, lựa chọn một cảnh cụ thể, nhớ lại đặc điểm nổi bật và dự kiến trình tự miêu tả phù hợp.</p>
<p>- GV nhắc HS dựa vào dàn ý ở Bài 13; không viết lan man, cần tả kĩ hơn sự vật, hiện tượng đặc sắc tạo nên vẻ đẹp riêng của phong cảnh.</p>	<p>- HS mở dàn ý, rà soát các ý chính: cảnh được tả, trình tự miêu tả, chi tiết tiêu biểu, cảm xúc của người viết.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS chọn cách mở bài, trình tự thân bài và cách kết bài; khuyến khích sử dụng so sánh, nhân hóa tự nhiên, vừa phải.</p>	<p>- HS ghi nhanh cách triển khai: mở bài giới thiệu cảnh; thân bài tả theo không gian/thời gian; kết bài nêu cảm nghĩ.</p>
<p>- GV nhắc HS khi viết cần trình bày rõ 3 phần; tả kĩ những sự vật, hiện tượng đặc sắc làm nên vẻ đẹp riêng của phong cảnh; lựa chọn từ ngữ có sức gợi tả và sử dụng so sánh, nhân hóa vừa phải.</p>	<p>- HS rà soát dàn ý, bổ sung chi tiết tiêu biểu, chọn từ ngữ gợi tả và ghi chú những hình ảnh so sánh, nhân hóa có thể dùng trong bài viết.</p>
<p>3. Luyện tập - Viết bài (22 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS viết được bài văn tả phong cảnh theo đúng yêu cầu.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS viết bài cá nhân; trong quá trình HS viết, GV quan sát, hỗ trợ những em còn lúng túng về bố cục hoặc cách diễn đạt.</p>	<p>- HS viết bài cá nhân, bám sát dàn ý đã chuẩn bị.</p>
<p>- GV nhắc HS: mỗi đoạn cần có ý chính rõ; câu văn diễn đạt mạch lạc; tránh kể chuyện quá nhiều; tập</p>	<p>- HS tự điều chỉnh bài viết: thêm chi tiết miêu tả, lược bỏ ý lan man,</p>

<p>trung miêu tả cảnh và cảm xúc trước cảnh.</p> <p>- GV mời 1 - 2 HS đọc một đoạn hay hoặc đoạn còn cần chỉnh sửa để cả lớp góp ý.</p>	<p>kiểm tra lỗi chính tả.</p> <p>- HS lắng nghe, góp ý: đoạn đã tả rõ cảnh chưa, có từ ngữ gợi tả chưa, trình tự miêu tả có hợp lí không.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc soát nhanh sau khi viết: kiểm tra bố cục, trình tự miêu tả, lỗi chính tả, dấu câu và những câu văn còn lặp ý hoặc chưa rõ ý.</p>	<p>- HS đọc lại bài, đánh dấu câu cần sửa, bổ sung cảm xúc hoặc từ ngữ gợi tả để bài văn mạch lạc, sinh động hơn.</p>
<p>Tích hợp AI: 5.C4.2 - Dùng mô phỏng AI trực quan để nhận biết chuyển động, vai trò của Mặt Trời đối với sự sống.</p> <p>GV giới thiệu ngắn gọn: công cụ AI/mô phỏng trực quan có thể hỗ trợ tạo hình ảnh, mô phỏng chuyển động hoặc gợi ý thông tin để HS dễ hình dung hơn, nhưng không thay thế sự quan sát và suy nghĩ của các em.</p> <p>GV mở sẵn mô phỏng về chuyển động biểu kiến của Mặt Trời trong ngày, yêu cầu HS quan sát theo các câu hỏi: Buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều, Mặt Trời xuất hiện ở vị trí nào?</p> <p>Ánh sáng và hơi ấm của Mặt Trời giúp cây cối, con người và sự sống như thế nào?</p> <p>Nếu thiếu ánh sáng Mặt Trời, cây xanh, thời tiết và đời sống con người sẽ bị ảnh hưởng ra sao?</p> <p>GV hướng dẫn HS chỉ sử dụng nội dung được GV chuẩn bị, không tự nhập thông tin cá nhân, không sao chép máy móc câu trả lời của AI; sau khi quan sát, HS phải diễn đạt lại bằng lời của mình để phục vụ bài viết.</p>	<p>- HS quan sát mô phỏng AI theo nhiệm vụ GV giao, nêu nhận xét: Mặt Trời đem ánh sáng, hơi ấm; cây cối cần ánh sáng để quang hợp và phát triển; con người cần sử dụng năng lượng hợp lí, biết bảo vệ thiên nhiên. HS ghi nhớ cách dùng AI an toàn, có mục đích.</p>
<p>4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS biết tự rà soát bài viết và chuẩn bị cho tiết đánh giá, chỉnh sửa.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS tự đọc lại bài, đánh dấu câu văn cần sửa hoặc đoạn văn em thấy hay nhất.</p>	<p>- HS đọc lại bài, gạch chân lỗi cần sửa và chuẩn bị chia sẻ trong tiết sau.</p>
<p>- GV dặn HS hoàn thiện bài nếu chưa viết xong, giữ bản nháp để tiết sau đánh giá, chỉnh sửa.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

..

.....

..

BÀI 16: XIN CHÀO, XA-HA-RA

TIẾT 1 - 2: ĐỌC - XIN CHÀO, XA-HA-RA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản Xin chào, Xa-ha-ra; biết thể hiện giọng đọc phù hợp với nội dung miêu tả và cảm xúc trước vẻ đẹp, sự khắc nghiệt của sa mạc.
- Hiểu được các chi tiết miêu tả thiên nhiên sa mạc, cảm xúc của nhân vật “tôi” và ý nghĩa của bài đọc.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động chuẩn bị bài, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, thảo luận, trình bày ý kiến và lắng nghe bạn.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ và liên hệ thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Biết trân trọng cảnh đẹp thiên nhiên, có ý thức bảo vệ môi trường sống an toàn và nguồn nước sạch.

4. Tích hợp

- Quyền con người: Lòng ghép quyền được tiếp cận nước sạch và môi trường sống an toàn, phù hợp với điều kiện tự nhiên.
- Tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: Từ đặc điểm sa mạc, giáo dục ý thức tiết kiệm nước, bảo vệ nước sạch trong sinh hoạt hằng ngày.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy, SGK, SGV Tiếng Việt 5 - Kết nối tri thức.
- Máy tính, máy chiếu; tranh minh họa bài đọc; phiếu học tập; hình ảnh/bài tập SGK đã cắt đúng nội dung.
- Học sinh chuẩn bị SGK, vở, bút và đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Khởi gợi hiểu biết ban đầu của HS về sa mạc; tạo hứng thú đọc văn bản. Cách tiến hành:	
-GV yêu cầu HS trao đổi với bạn: Em biết gì về sa mạc?Hãy nêu một đặc điểm về thời tiết, cảnh vật, con vật hoặc cây cối ở sa mạc.	- HS trao đổi: Sa mạc thường nắng nóng, khô hạn, nhiều cát; có lạc đà, cây xương rồng; ban đêm có thể rất lạnh.
- GV cho HS quan sát video ngắn hoặc một số hình ảnh về sa mạc Xa-ha-ra;yêu cầu HS vừa quan sát vừa bộc lộ cảm xúc về cảnh cát, nắng, lạc đà và bầu trời sa mạc.	- HS xem video/hình ảnh, nêu cảm nhận: sa mạc rộng lớn, nắng nóng, nhiều cát, vừa khắc nghiệt vừa kì thú.
- GV mời 2 - 3 HS trình bày, sau đó hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa trong SGK và dẫn vào bài đọc.	- HS trình bày, quan sát tranh và lắng nghe GV giới thiệu bài.

<div style="text-align: center;"> <p>Bài 16</p> <p>XIN CHÀO, XA-HA-RA</p> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-top: 10px;"> <p>ĐỌC</p> </div> <div style="margin-top: 10px;"> <p> Trao đổi với bạn những điều em biết về sa mạc (thời tiết, cảnh vật, con vật, cây cối,...).</p> </div> <div style="margin-top: 10px;"> <p> XIN CHÀO, XA-HA-RA</p> <p>Sang phía nam dãy Ất-lát, tôi như lạc vào phim khoa học viễn tưởng. Những rặng đá xám bóng xin màu rồi ngã sang đen rậm hoặc đỏ quạch. Bốn bề giống như sao Hỏa.</p> <p>Nghỉ vài chặng, xe bắt đầu quanh vào sa mạc. Chúng tôi xuống xe dưới cái nắng như rải lửa khiến tóc của mọi người trở nên giòn tan. Nhưng tôi đã quên mất nắng nóng. Tôi còn bận thì thím: “Xin chào, Xa-ha-ra”.</p> <p>Xa-ha-ra, sa mạc lớn nhất châu Phi đang ở ngay trước mắt tôi. Chân tôi đang giẫm lên nó. Cát của nó lôm côm dưới đế giày. Cát sa mạc mịn như bột và mỏng manh như gió bụi, không to như cát Phan Thiết hay ẩm ướt như cát Sầm Sơn. Chúng tôi phấn khích nhảy nhót. Giác mạc này là có thật. Chúng tôi đang ở đây, một trong những nơi hoang vu nhất địa cầu.</p> <p>Chúng tôi trèo lên yên lạc đà. Chúng đứng bồng bềnh, cao lừng lừng. Những người dắt lạc đà phải ghim để chúng không chạy. Chạy trên cát lùn thì lạc đà là vô địch.</p> </div>	
<p>- GV dẫn dắt: Bài đọc “Xin chào, Xa-ha-ra” miêu tả một hoang mạc nhiều cát, nắng và gió; tuy thời tiết khắc nghiệt nhưng bình minh rất đẹp, thu hút nhiều người đến khám phá.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi tên bài và chuẩn bị tâm thế đọc văn bản.</p>
<p>2. Khám phá - Luyện đọc (20 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS đọc đúng, đọc rõ mạch kể và các chi tiết miêu tả sa mạc.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV đọc mẫu toàn bài với giọng kể chậm rãi, giàu cảm xúc; nhấn giọng ở các từ ngữ: nắng như rải lửa, giòn tan, lôm côm, mênh mông, vàng vấy quanh, bình minh.</p>	<p>- HS nghe GV đọc, đọc thầm theo và chú ý các từ ngữ gợi tả sự khắc nghiệt, rộng lớn của sa mạc.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS chia đoạn: Đoạn 1 từ đầu đến “một trong những nơi hoang vu nhất địa cầu”; đoạn 2 tiếp theo đến “chạy trên cát lùn thì lạc đà là vô địch”; đoạn 3 tiếp theo đến “đêm duy nhất giữa sa mạc mênh mông”; đoạn 4 còn lại.</p>	<p>- HS đánh dấu đoạn trong SGK; nêu lại cách chia đoạn.</p>
<p>- GV luyện đọc từ khó: Xa-ha-ra, Ả-rập, lạc đà, khăn trùm đầu, du mục, cồn cát, quốc tịch; luyện đọc các câu dài miêu tả sự thay đổi của thời tiết.</p>	<p>- HS đọc từ khó, đọc câu dài theo nhịp ngắt GV hướng dẫn.</p>
<p>- GV luyện thêm câu dài: “Cát sa mạc mịn như bột/ và mỏng manh như gió bụi,/ không to như cát Phan Thiết/ hay ẩm ướt như cát Sầm Sơn.” và câu “Mọi người nằm kềnh ra những tấm chiếu dạ trải trên cát/ để ngắm sao,/ tận hưởng đêm duy nhất giữa sa mạc mênh mông.”</p>	<p>- HS luyện đọc câu dài, chú ý ngắt nghỉ theo cụm ý và đọc rõ các từ ngữ gợi tả đặc điểm của cát, bầu trời, đêm sa mạc.</p>
<p>- GV tổ chức đọc nối tiếp đoạn theo nhóm 4; yêu cầu HS đọc đúng giọng kể, không đọc quá nhanh ở các đoạn tả cảnh.</p>	<p>- HS đọc nối tiếp theo nhóm; bạn nghe góp ý về phát âm, ngắt nghỉ, giọng đọc.</p>

3. Luyện tập - Tìm hiểu bài (35 phút)

Mục tiêu: HS hiểu sự khác biệt của thiên nhiên trên đường đến sa mạc, ở sa mạc và cảm xúc của nhân vật “tôi”.

Cách tiến hành:

- GV hướng dẫn giải nghĩa từ: viễn tượng, hoang vu, lộn cộn, du mục, mênh mông; yêu cầu HS đặt câu với một từ khó.

- HS lắng nghe, ghi nghĩa từ; đặt câu: Sa mạc Xa-ha-ra rất hoang vu và mênh mông.

- GV giải nghĩa thêm: “quanh” là vòng ngược lại hoặc rẽ sang một bên; “túp lều du mục” là lều của những người không cố định nơi ở; “cồn cát” là dải cát lớn nổi lên thành dãy.

- HS nghe giải nghĩa từ, đặt câu gắn với một từ vừa học. Ví dụ: Những cồn cát nối tiếp nhau dưới nắng vàng.

- Câu 1: Tìm những chi tiết miêu tả sự khắc nghiệt của thiên nhiên trên con đường dẫn đến sa mạc Xa-ha-ra và ở sa mạc Xa-ha-ra.

hoang mạc, ai cũng trở nên nhỏ bé như một hạt cát. (Theo Di Lữ)

1. Tìm những chi tiết miêu tả sự khắc nghiệt của thiên nhiên:
- Trên con đường dẫn đến sa mạc Xa-ha-ra.
- Ở sa mạc Xa-ha-ra.

2. Nhân vật “tôi” có cảm xúc gì khi được đến Xa-ha-ra? Cảm xúc đó được thể hiện ra sao?

3. Những điều đặc biệt ở Xa-ha-ra được miêu tả thế nào?

Thời tiết Cát Lạc đà Bình minh

4. Theo em, chi tiết đoàn khách du lịch muốn nằm ngoài trời để ngắm sao cho thấy cảm xúc gì của họ?

5. Câu cuối bài đọc cho biết điều gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.

A. Thiên nhiên quá hùng vĩ, con người quá bé nhỏ.
B. Ở một nơi kì vĩ như Xa-ha-ra, con người chỉ cần chú ý đến cảnh sắc thiên nhiên.
C. Thiên nhiên giúp xóa nhòa khoảng cách giữa người với người.

- HS trả lời: Trên đường đến Xa-ha-ra, những tảng đá xám xịt màu rồi ngả sang đen r ám hoặc đỏ quạch; không gian giống như sao Hỏa, gọi cảm giác hoang vu. Ở sa mạc, nắng như rải lửa, nắng sấy tóc người giòn tan; ngày nóng, đêm lại rất mát, thậm chí lạnh.

- GV chốt ý: Tác giả miêu tả sự đối lập giữa cái nắng gay gắt ban ngày và cái lạnh ban đêm để làm nổi bật sự khắc nghiệt của sa mạc.

- HS lắng nghe, ghi nhớ.

- Câu 2: Nhân vật “tôi” có cảm xúc gì khi được đến Xa-ha-ra? Cảm xúc đó được thể hiện ra sao?

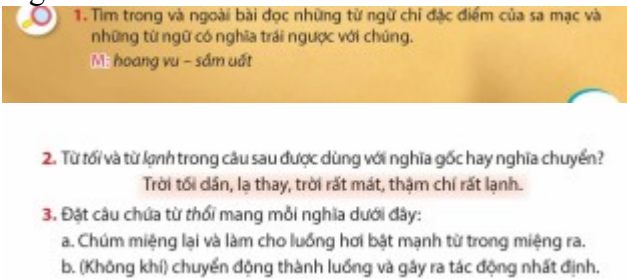
- HS trả lời: Nhân vật “tôi” phấn khích, háo hức, sung sướng vì giấc mơ đặt chân đến Xa-ha-ra đã thành sự thật. Cảm xúc ấy thể hiện qua việc bạn quên cả nắng nóng, thì thầm “Xin chào, Xa-ha-ra”, muốn giẫm lên cát, sờ vào cát và cảm nhận sự khác biệt của sa mạc.

- Câu 3: Những điều đặc biệt ở Xa-ha-ra được miêu tả như thế nào? GV hướng dẫn HS dựa vào các gợi ý: thời tiết, cát, lạc đà, bình minh.

- HS trả lời: Thời tiết thay đổi rõ rệt: ngày nóng như rải lửa, đêm mát hoặc lạnh. Cát mịn như bột, mỏng manh như gió bụi. Lạc đà cao lừng lừng, chạy trên cát lún rất giỏi. Bình minh làm cồn cát óng vàng, bầu trời rải nắng non lóng lánh trên những hạt cát mịn.

- Câu 4: Chi tiết đoàn khách du lịch muốn nằm ngoài trời để ngắm sao cho thấy cảm xúc gì của họ?

- HS trả lời: Chi tiết ấy cho thấy đoàn khách rất sung sướng, háo hức, say mê và muốn tận hưởng vẻ đẹp hiếm có của bầu trời đêm sa mạc; họ

	không muốn bỏ lỡ thời gian quý giá giữa thiên nhiên rộng lớn.
- Câu 5: Câu cuối bài đọc cho biết điều gì? GV tổ chức HS chọn đáp án hoặc nêu ý kiến của mình.	- HS trả lời: Đáp án C. Thiên nhiên giúp xóa nhòa khoảng cách giữa người với người. Ở giữa hoang mạc mênh mông, ai cũng nhỏ bé như một hạt cát nên con người trở nên gần gũi, biết chia sẻ và gắn bó với nhau hơn.
- GV chốt nội dung: Bài đọc miêu tả vẻ đẹp vừa khắc nghiệt vừa kì thú của sa mạc Xa-ha-ra, đồng thời thể hiện cảm xúc háo hức, ngỡ ngàng và suy ngẫm của con người trước thiên nhiên rộng lớn.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung bài.
- GV hướng dẫn HS rút ý từng đoạn: đoạn 1 nêu sự khắc nghiệt của sa mạc; đoạn 2 thể hiện cảm xúc của nhân vật khi tới sa mạc; đoạn 3, 4 miêu tả đặc điểm và những điều đặc biệt của Xa-ha-ra.	- HS nêu ý nghĩa bài đọc: Sa mạc khắc nghiệt nhưng kì thú, là ước mơ khám phá của nhiều người; từ thiên nhiên rộng lớn, con người biết suy ngẫm nhiều hơn về cuộc sống.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc lại đoạn em thích; lưu ý đọc giọng reo vui, mừng rỡ ở câu “Xin chào, Xa-ha-ra” và đọc chậm rãi ở các đoạn tả cảnh sa mạc.	- HS luyện đọc theo cặp; 2 - 3 HS thi đọc trước lớp, cả lớp nhận xét cách đọc và cảm xúc khi thể hiện văn bản.
- GV tổ chức luyện tập sau đọc: Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm của sa mạc và từ trái nghĩa với chúng; xác định nghĩa của từ “tối”, “lạnh”; đặt câu với từ “thối” theo hai nghĩa. 	- HS thực hiện: hoang vu - sầm uất, nóng bức - mát lạnh, khô cằn - màu mỡ; đặt câu: “Em thối bong bóng.” / “Gió thối qua hàng cây.”
Tích hợp Quyền con người: GV dẫn dắt: Qua bài đọc Xin chào, Xa-ha-ra, HS thấy ở sa mạc, nước sạch, bóng mát và môi trường sống an toàn vô cùng quý giá. GV diễn giải: Con người ở bất cứ nơi đâu cũng có quyền được tiếp cận nước sạch, được sống trong môi trường an toàn, được bảo vệ sức khỏe phù hợp với điều kiện tự nhiên. Ở những vùng khan hiếm nước, việc có nước để uống, nấu ăn, vệ sinh và học tập là điều rất quan trọng. GV gợi mở để HS liên hệ: Em cảm thấy thế nào nếu phải sống ở nơi nắng nóng, thiếu nước? Khi đang có nước sạch ở nhà và ở trường, chúng ta cần sử dụng ra sao? GV chốt: Biết tiết kiệm nước, không làm ô nhiễm nguồn nước và biết cảm thông với những nơi còn khó	- HS liên hệ: Em cần sử dụng nước sạch tiết kiệm, không làm ô nhiễm nguồn nước; biết cảm thông và chia sẻ với những nơi còn khó khăn về nước sinh hoạt.

khẩn chính là cách các em thể hiện sự tôn trọng quyền được sống an toàn, khỏe mạnh của mọi người.

4. Vận dụng - Trải nghiệm (10 phút)

Mục tiêu: HS liên hệ thực tế, có ý thức tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước.

Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS nêu 2 việc em có thể làm để tiết kiệm nước ở nhà, ở trường.

- HS trả lời: Khóa vòi nước sau khi rửa tay; dùng cốc khi đánh răng; không nghịch nước; nhắc bạn không xả nước quá lâu; tận dụng nước rửa rau để tưới cây.

- GV gợi mở thêm: Nếu quê hương chúng ta bị nắng nóng, khô hạn như sa mạc, em sẽ làm gì để góp phần bảo vệ môi trường sống?

- HS chia sẻ: Em sẽ trồng và chăm sóc cây xanh, tiết kiệm nước, không xả rác, tiết kiệm điện và nhắc bạn bè cùng giữ gìn môi trường.

Tích hợp Tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: GV nhấn mạnh: Sa mạc cho ta thấy nước quý giá như thế nào; nếu thiếu nước, cây cối khó phát triển, con người và động vật gặp nhiều khó khăn trong sinh hoạt. GV hướng dẫn HS chuyển hiểu biết thành việc làm cụ thể: ở lớp khóa vòi nước sau khi rửa tay, không mở nước quá mạnh, không đùa nghịch làm lãng phí nước; ở nhà dùng cốc khi đánh răng, dùng nước vừa đủ khi rửa rau, rửa bát, nhắc người thân sửa vòi nước bị rò rỉ; ngoài cộng đồng không vứt rác xuống kênh rạch, ao hồ, không đổ hóa chất bừa bãi gây ô nhiễm nguồn nước. GV yêu cầu mỗi HS chọn một việc tiết kiệm nước có thể thực hiện ngay trong tuần và chia sẻ với bạn bên cạnh.

- HS nêu việc làm cụ thể: khóa vòi nước sau khi rửa tay, dùng cốc khi đánh răng, không nghịch nước, không xả rác xuống nguồn nước; cam kết thực hiện một việc tiết kiệm nước trong tuần.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

TIẾT 3: VIẾT - ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Biết đánh giá, chỉnh sửa bài văn tả phong cảnh theo các tiêu chí: bố cục, trình tự miêu tả, từ ngữ, cảm xúc, chính tả và diễn đạt.
- Biết tự chỉnh sửa bài viết của mình và góp ý cho bài viết của bạn bằng thái độ xây dựng.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động chuẩn bị bài, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, thảo luận, trình bày ý kiến và lắng nghe bạn.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ và liên hệ thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, cẩn thận, có trách nhiệm với sản phẩm viết của bản thân; biết tôn trọng bài viết của bạn.

4. Tích hợp

- NLS: 4.2.CB2a - HS tìm thông tin về sa mạc và biết bảo vệ dữ liệu cá nhân khi truy cập website lạ.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy, SGK, SGV Tiếng Việt 5 - Kết nối tri thức.
- Máy tính, máy chiếu; tranh minh họa bài đọc; phiếu học tập; hình ảnh/bài tập SGK đã cắt đúng nội dung.
- Học sinh chuẩn bị SGK, vở, bút và đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Giúp HS nhớ lại bài văn đã viết và chuẩn bị tâm thế chỉnh sửa. Cách tiến hành:	
-GV yêu cầu HS lấy bài văn tả phong cảnh đã viết ở tiết trước, đọc nhanh lại mở bài, thân bài, kết bài.	- HS lấy bài viết, đọc lại bài của mình và đánh dấu chỗ cần chú ý.
-GV dẫn dắt: Một bài văn hay không chỉ cần viết xong mà còn cần được đọc lại, lắng nghe góp ý và chỉnh sửa cẩn thận.	- HS lắng nghe, chuẩn bị bút để sửa bài.
2. Khám phá - Đánh giá bài viết (12 phút) Mục tiêu: HS biết dùng tiêu chí để tự đánh giá bài văn. Cách tiến hành:	
<p>- GV cho HS đọc các tiêu chí trong SGK: có đủ ba phần; sắp xếp nội dung theo trình tự hợp lí; dùng từ ngữ, so sánh, nhân hóa; bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc; không mắc lỗi chính tả, diễn đạt, chữ viết sạch, rõ ràng.</p>  <p>The screenshot shows a page titled 'VIẾT' with the subtitle 'ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH'. It lists three criteria for evaluating and revising a landscape description essay. Criterion 1 is about having a clear structure (introduction, body, conclusion) and using appropriate language (concrete nouns, verbs, adjectives, and figurative language like metaphors and personification). Criterion 2 is about using descriptive words to create a clear picture. Criterion 3 is about using appropriate punctuation and capitalization. Examples are provided for each criterion, such as describing a river or a mountain.</p>	- HS đọc tiêu chí và đối chiếu với bài viết của mình.
- GV nhận xét chung bài làm của lớp: nêu những ưu điểm về bố cục, trình tự miêu tả, cách dùng từ; đồng thời chỉ ra một số lỗi thường gặp như thiếu cảm xúc, lặp từ, diễn đạt chưa rõ hoặc sắp xếp ý chưa hợp lí.	- HS lắng nghe nhận xét chung, đối chiếu với bài của mình để nhận ra điểm mạnh và điểm cần sửa.
- GV hướng dẫn HS dùng kí hiệu: dấu ✓ cho nội dung đã đạt, dấu ? cho nội dung cần xem lại.	- HS tự đánh giá bài viết theo từng tiêu chí.
- GV mời 1 - 2 HS nêu điểm bài mình đã làm tốt và một điểm muốn chỉnh sửa.	- HS chia sẻ: Em đã có đủ bố cục nhưng cần thêm từ ngữ gợi tả; hoặc em cần sắp xếp lại trình tự miêu tả.

- GV tổ chức HS thống kê nhanh lỗi cần sửa theo nhóm: lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi câu, lỗi trình tự miêu tả và lỗi thiếu cảm xúc.	- HS ghi lỗi vào vở nháp, chọn 1 - 2 lỗi quan trọng nhất trong bài của mình để sửa trước.
3. Luyện tập - Chỉnh sửa bài viết (20 phút) Mục tiêu: HS biết sửa câu, đoạn văn để bài viết hay và mạch lạc hơn. Cách tiến hành:	
- GV hướng dẫn Cách 1: Sử dụng từ ngữ giàu sức gợi tả và hình ảnh so sánh, nhân hóa để cảnh vật hiện ra sống động hơn.	- HS sửa câu văn đơn giản thành câu văn giàu hình ảnh hơn. Ví dụ: Dòng sông chảy êm đềm -> Dòng sông uốn mình mềm mại giữa đôi bờ xanh mát.
- GV hướng dẫn Cách 2: Đan xen câu văn nêu suy nghĩ, cảm xúc đối với phong cảnh được miêu tả.	- HS bổ sung câu cảm xúc: Nhìn cảnh ấy, em càng yêu hơn quê hương bình dị của mình.
- GV tổ chức HS đổi bài cho bạn đọc, góp ý theo 2 nội dung: điều bạn viết tốt và điều bạn nên sửa.	- HS đọc bài của bạn, góp ý lịch sự, rõ ràng; tiếp thu góp ý để chỉnh sửa bài của mình.
- GV mời một số HS đọc đoạn đã chỉnh sửa; nhận xét, tuyên dương câu văn hay.	- HS đọc đoạn đã chỉnh sửa; cả lớp lắng nghe, nhận xét.
- GV khích lệ HS chia sẻ cách khắc phục hạn chế và phát huy điểm mạnh, ví dụ: thêm chi tiết tiêu biểu, thay từ chung chung bằng từ gợi tả, thêm câu nêu cảm xúc.	- HS nêu phương án chỉnh sửa bài: bổ sung hình ảnh so sánh, sắp xếp lại đoạn, thêm câu bộc lộ tình yêu quê hương hoặc cảnh đẹp đã tả.
<p>Tích hợp NLS: 4.2.CB2a - HS tìm thông tin về sa mạc và biết bảo vệ dữ liệu cá nhân khi truy cập website lạ.</p> <p>GV thao tác mẫu trên Google Search hoặc website chính thống do GV giới thiệu, sau đó hướng dẫn HS thực hiện theo quy trình an toàn:</p> <p>(1) gõ từ khóa ngắn gọn, đúng nội dung như “sa mạc Xa-ha-ra”, “đặc điểm sa mạc”;</p> <p>(2) đọc tên trang, địa chỉ trang trước khi mở;</p> <p>(3) ưu tiên nguồn giáo dục, khoa học, thư viện, bảo tàng hoặc trang thông tin chính thống;</p> <p>(4) đối chiếu thông tin với SGK, không tin ngay mọi kết quả tìm kiếm;</p> <p>(5) ghi lại thông tin bằng lời của mình, không sao chép nguyên văn;</p> <p>(6) không bấm quảng cáo, không tải tệp lạ, không đăng nhập hoặc nhập họ tên, địa chỉ, số điện thoại, hình ảnh cá nhân vào website không rõ nguồn gốc.</p> <p>GV nhắc HS khi gặp trang lạ, hình ảnh không phù hợp hoặc yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân thì phải dừng lại và báo ngay với GV/người lớn.</p>	- HS thực hành tìm kiếm dưới sự hướng dẫn của GV; ghi lại 2 - 3 thông tin phù hợp về sa mạc. HS nêu lại quy tắc an toàn: chỉ dùng nguồn đáng tin cậy, không chia sẻ dữ liệu cá nhân, hỏi GV/người lớn khi gặp trang lạ.
4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút) Mục tiêu: HS hoàn thiện bài sau góp ý. Cách tiến hành:	

- GV giao nhiệm vụ: Về nhà đọc lại bài văn cho người thân nghe và chỉnh sửa lần cuối nếu cần.

- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE - CẢNH ĐẸP THIÊN NHIÊN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Biết giới thiệu một cảnh đẹp thiên nhiên của đất nước ta; trình bày rõ ràng, tự tin, có sử dụng tranh ảnh hoặc thông tin phù hợp.
- Biết lắng nghe, nhận xét và trao đổi với bạn về nội dung trình bày.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động chuẩn bị bài, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, thảo luận, trình bày ý kiến và lắng nghe bạn.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ và liên hệ thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Có niềm tự hào về cảnh đẹp thiên nhiên đất nước; biết tôn trọng ý kiến khác biệt khi trao đổi.

4. Tích hợp

- Quyền con người: Rèn quyền được bày tỏ ý kiến, biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến khác biệt khi trao đổi về chủ điểm Xin chào, Xa-ha-ra.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy, SGK, SGV Tiếng Việt 5 - Kết nối tri thức.
- Máy tính, máy chiếu; tranh minh họa bài đọc; phiếu học tập; hình ảnh/bài tập SGK đã cắt đúng nội dung.
- Học sinh chuẩn bị SGK, vở, bút và đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú chia sẻ về cảnh đẹp thiên nhiên của đất nước ta. Cách tiến hành:	
- GV cho HS kể nhanh tên một cảnh đẹp thiên nhiên của Việt Nam mà em biết hoặc đã từng đến.	- HS nêu: vịnh Hạ Long, Phong Nha - Kẻ Bàng, đảo Phú Quốc, cao nguyên đá Đồng Văn, Sa Pa, Đà Lạt, biển Nha Trang...
- GV dẫn dắt: Hôm nay các em sẽ giới thiệu một cảnh đẹp thiên nhiên của đất nước ta sao cho rõ ràng, hấp dẫn và thể hiện niềm tự hào.	- HS lắng nghe, chuẩn bị nội dung nói.
2. Khám phá - Chuẩn bị bài nói (10 phút) Mục tiêu: HS biết chuẩn bị thông tin, tranh ảnh và dàn ý nói. Cách tiến hành:	
- GV cho HS đọc yêu cầu: Giới thiệu một cảnh đẹp thiên nhiên của đất nước ta. GV hướng dẫn HS chuẩn bị: tên thắng cảnh, địa điểm, đặc điểm nổi bật, thông tin đặc sắc.	- HS đọc yêu cầu, lựa chọn cảnh đẹp sẽ giới thiệu.

<div> <div>NÓI VÀ NGHE</div> <div>CẢNH ĐẸP THIÊN NHIÊN</div> <div>Yêu cầu: Giới thiệu một cảnh đẹp thiên nhiên của đất nước ta.</div> <div> <div>1. Chuẩn bị.</div> <div> <div>– Tìm hiểu những thắng cảnh nổi tiếng của Việt Nam.</div> <div>G: Cao nguyên đá Đồng Văn (Hà Giang), vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), động Phong Nha – Kẻ Bàng (Quảng Bình), đảo Ngọc – Phú Quốc (Kiên Giang),...</div> <div>– Tìm đọc trên sách báo, in-tơ-nét,... thông tin về một thắng cảnh em muốn giới thiệu. Ghi chép những thông tin quan trọng về thắng cảnh.</div> </div> </div> <div> <div>2. Trình bày.</div> <div> <div>G:</div> <div>Mở đầu</div> <div> <div>Giới thiệu khái quát tên thắng cảnh, địa điểm, đặc điểm nổi bật.</div> <div> <div>Nêu những thông tin đặc sắc về thắng cảnh. Ví dụ:</div> <div> <div>– Vịnh Hạ Long bao gồm gần 2.000 hòn đảo lớn nhỏ với nhiều hang động.</div> <div>– Đảo Ngọc – Phú Quốc là thiên đường du lịch của miền nhiệt đới với những hòn đảo xa đầy bí ẩn, những khu rừng xanh muốt,...</div> </div> </div> <div>Triển khai</div> <div> <div>– Khẳng định giá trị và sức hấp dẫn của thắng cảnh.</div> <div>– Mời gọi bạn bè quốc tế đến tham quan.</div> </div> <div>Kết thúc</div> <div> <div>Em có thể:</div> <div>– Dùng thêm tranh ảnh hoặc đoạn phim ngắn để thuyết minh.</div> <div>– Thể hiện sự tự hào về cảnh đẹp đất nước qua giọng nói.</div> <div>– Ghi lại những điều thú vị trong bài trình bày của bạn.</div> </div> </div> </div> <div> <div>3. Trao đổi, góp ý.</div> <div> <div>Giới thiệu được các thông tin thú vị.</div> <div>Sử dụng những từ ngữ miêu tả gây ấn tượng.</div> <div></div> </div> <div> <div>Tìm đọc sách báo hoặc xem video về những miền đất xa xôi mà con người ít có cơ hội đặt chân đến (Nam Cực, Bắc Cực, sa mạc Xa-ha-ra,...).</div> </div> </div> </div></div>	
<p>- GV gợi ý cấu trúc bài nói: Mở đầu giới thiệu khái quát; triển khai nêu thông tin đặc sắc; kết thúc khẳng định giá trị, sức hấp dẫn hoặc lời mời gọi tham quan.</p>	<p>- HS lập dàn ý ngắn: tên cảnh đẹp, vị trí, vẻ đẹp nổi bật, cảm xúc của em, lời kết.</p>
<p>- GV nhắc HS khi chuẩn bị bài nói cần chọn thông tin chính xác, sắp xếp theo trình tự: tên thắng cảnh, vị trí, vẻ đẹp nổi bật, điều em ấn tượng và lời mời gọi hoặc thông điệp giữ gìn cảnh đẹp.</p>	<p>- HS bổ sung dàn ý, chọn 2 - 3 từ ngữ miêu tả gây ấn tượng và chuẩn bị cách mở đầu, kết thúc tự nhiên.</p>
<p>- GV nhắc HS có thể dùng tranh ảnh hoặc đoạn phim ngắn để thuyết minh, nhưng nội dung nói cần là lời của chính mình.</p>	<p>- HS chuẩn bị tranh ảnh/ghi chú nếu có; không đọc nguyên văn tài liệu.</p>
<div> <div>3. Luyện tập - Trình bày và góp ý (20 phút)</div> <div>Mục tiêu: HS trình bày rõ ràng, biết lắng nghe và góp ý cho bạn.</div> <div>Cách tiến hành:</div> </div>	
<p>- GV tổ chức HS luyện nói trong nhóm 4; mỗi em trình bày 2 - 3 phút, các bạn ghi nhanh điều thú vị trong bài nói.</p>	<p>- HS trình bày trong nhóm; bạn nghe ghi nhận: thông tin mới, cách nói hay, điều cần góp ý.</p>
<p>- GV mời 3 - 4 HS trình bày trước lớp; yêu cầu HS nói đủ nghe, nhìn người nghe, dùng từ ngữ miêu tả gây ấn tượng.</p>	<p>- HS trình bày trước lớp. Ví dụ: Em giới thiệu vịnh Hạ Long, nơi có hàng nghìn hòn đảo đá vôi, là thắng cảnh nổi tiếng của Việt Nam.</p>
<p>- GV hướng dẫn cả lớp góp ý theo tiêu chí: giới thiệu được thông tin thú vị; sử dụng từ ngữ miêu tả gây ấn tượng; giọng nói rõ ràng, tự tin.</p>	<p>- HS góp ý lịch sự: Bạn nói rõ tên cảnh đẹp; bạn có thể thêm cảm xúc hoặc nêu vị trí cụ thể hơn.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS góp ý bằng lời nói lịch sự: nêu điều bạn làm tốt trước, sau đó góp ý điều cần bổ sung; tránh chê bai hoặc cắt lời khi bạn đang trình bày.</p>	<p>- HS thực hành góp ý: “Em thích phần bạn giới thiệu vị trí vì rất rõ.”; “Bạn có thể thêm cảm xúc của mình ở phần kết.”</p>
<p>Tích hợp Quyền con người: GV nhấn mạnh: Khi trao</p>	<p>- HS thực hành lắng nghe, tôn trọng</p>

<p>đổi về chủ điểm Xin chào, Xa-ha-ra và cảnh đẹp thiên nhiên, mỗi HS đều có quyền được bày tỏ ý kiến, cảm xúc, hiểu biết riêng của mình.</p> <p>GV diễn giải cụ thể: Có bạn thích vịnh Hạ Long, có bạn thích Sa Pa, Đà Lạt, Phú Quốc hoặc một cảnh đẹp gần nơi mình sống; mỗi lựa chọn đều đáng được lắng nghe và tôn trọng.</p> <p>GV hướng dẫn HS thực hiện quyền bày tỏ ý kiến bằng thái độ văn minh: nói rõ ràng, đúng nội dung, không áp đặt ý kiến của mình lên bạn; khi nghe bạn trình bày cần nhìn vào người nói, không cười chê, không ngắt lời, không so sánh làm bạn tự ti.</p> <p>GV hướng dẫn mẫu câu góp ý lịch sự: “Em thích phần bạn nói về...”, “Em muốn hỏi thêm...”, “Em có ý kiến khác là...”, “Theo em, bạn có thể bổ sung...”.</p> <p>GV chốt: Tôn trọng quyền được nói và được lắng nghe giúp giờ học an toàn, thân thiện, giúp mỗi bạn tự tin hơn khi chia sẻ trước tập thể.</p>	<p>người nói; biết nói “Em đồng ý vì...”, “Em có ý kiến khác là...” một cách lịch sự, không chê bai hay ngắt lời bạn.</p>		
<p>4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS biết chia sẻ bài nói với người thân và mở rộng đọc hiểu về thiên nhiên.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <table border="1" data-bbox="193 965 1401 1131"> <tr> <td data-bbox="193 965 911 1131"> <p>- GV giao nhiệm vụ: Về nhà giới thiệu cảnh đẹp em đã chọn cho người thân nghe; tìm đọc sách báo hoặc xem video về những miền đất xa xôi như Nam Cực, Bắc Cực, sa mạc Xa-ha-ra.</p> </td><td data-bbox="911 965 1401 1131"> <p>- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ; chuẩn bị chia sẻ trong tiết học sau nếu được yêu cầu.</p> </td></tr> </table>		<p>- GV giao nhiệm vụ: Về nhà giới thiệu cảnh đẹp em đã chọn cho người thân nghe; tìm đọc sách báo hoặc xem video về những miền đất xa xôi như Nam Cực, Bắc Cực, sa mạc Xa-ha-ra.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ; chuẩn bị chia sẻ trong tiết học sau nếu được yêu cầu.</p>
<p>- GV giao nhiệm vụ: Về nhà giới thiệu cảnh đẹp em đã chọn cho người thân nghe; tìm đọc sách báo hoặc xem video về những miền đất xa xôi như Nam Cực, Bắc Cực, sa mạc Xa-ha-ra.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ; chuẩn bị chia sẻ trong tiết học sau nếu được yêu cầu.</p>		

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

..

.....

..

TUẦN 9

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I

PHẦN I - ÔN TẬP

TIẾT 1

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng, đọc diễn cảm các văn bản đã học; biết chọn nhiệm vụ đọc phù hợp với khả năng.
- Trả lời được câu hỏi đọc hiểu; tóm tắt được nội dung chính, nêu được chi tiết quan trọng trong văn bản.
- Củng cố vốn từ đồng nghĩa; biết sử dụng từ đồng nghĩa để đặt câu và viết câu có nghĩa rõ ràng.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Tự lựa chọn nhiệm vụ ôn tập và thực hiện nghiêm túc.
- Giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, góp ý trong nhóm khi đọc và trả lời câu hỏi.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng từ đồng nghĩa để tạo câu đúng, hay.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực đọc lại văn bản, hoàn thành bài tập ôn tập.
- Trách nhiệm: Tự đánh giá kết quả học tập của bản thân.
- Nhân ái: Biết lắng nghe bạn đọc và góp ý nhẹ nhàng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, vở bài tập, sổ tay đọc sách.
- Phiếu nhiệm vụ đọc hiểu; thẻ từ đồng nghĩa.
- Bảng phụ ghi nhóm từ đồng nghĩa và câu mẫu.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo tâm thế ôn tập; giúp HS nhớ lại các văn bản, kiến thức đã học trong 8 tuần đầu. Cách tiến hành:	
– GV tổ chức trò chơi “Gọi tên bài học”: nêu một chi tiết, một nhân vật hoặc một hình ảnh tiêu biểu để HS đoán tên văn bản đã học.	– HS tham gia trò chơi, nêu tên bài học và chi tiết giúp em nhận ra bài đó.
– GV mời HS chia sẻ nhanh: Trong các bài đã học, em thích bài nào nhất? Vì sao?	– HS chia sẻ ngắn gọn: Em thích bài... vì bài có hình ảnh đẹp, nhân vật thú vị hoặc giúp em hiểu thêm về thiên nhiên, quê hương.
– GV nhận xét, dẫn dắt: Tiết học hôm nay giúp các em hệ thống lại kiến thức đọc hiểu và luyện sử dụng từ đồng nghĩa.	– HS lắng nghe, xác định nhiệm vụ ôn tập.
2. Luyện đọc và đọc hiểu (15 phút) Mục tiêu: HS chọn nhiệm vụ đọc phù hợp, đọc thành tiếng hoặc đọc hiểu và trả lời được câu hỏi. Cách tiến hành:	
– GV nêu yêu cầu Bài tập 1 : Chọn 1 trong 2 nhiệm vụ: đọc một truyện đã học và thực hiện yêu cầu đọc hiểu; hoặc đọc một bài thơ đã học và trả lời câu hỏi. – GV chiếu/cắt hình bài tập trong SGK/SGK và nhắc HS đọc kỹ từng lựa chọn trước khi thực hiện. – GV lưu ý: nếu chọn nhiệm vụ a, HS cần đọc rõ văn bản đã học và nêu nội dung chính; nếu chọn nhiệm vụ b, HS đọc bài thơ và trả lời câu hỏi dựa vào hình ảnh, chi tiết trong bài.	
	
– GV nhắc HS khi đọc cần chú ý tốc độ, ngắt nghỉ, giọng đọc; khi trả lời câu hỏi cần dựa vào chi tiết trong văn bản.	– HS lắng nghe, tự lựa chọn nhiệm vụ phù hợp.
– GV cho HS làm việc cá nhân: đọc lại bài đã chọn, ghi nhanh câu trả lời hoặc ý chính vào	– HS đọc thầm hoặc đọc thành tiếng nhỏ, ghi ý chính, chi tiết quan trọng và câu trả lời của

vở/phiếu.	mình.
– GV tổ chức cho HS trao đổi trong nhóm đôi: lần lượt đọc hoặc trình bày câu trả lời, bạn góp ý bổ sung.	– HS trao đổi theo cặp; góp ý về cách đọc, cách trả lời và bổ sung chi tiết còn thiếu.
– GV mời một số HS trình bày trước lớp.	– HS trình bày: Bài em chọn là...; nội dung chính của bài là...; chi tiết em nhớ nhất là... vì...
– GV nhận xét, chốt: Khi ôn tập đọc, cần đọc đúng, hiểu ý chính, biết dựa vào chi tiết để trả lời và biết nêu cảm nhận của bản thân.	– HS lắng nghe, ghi nhớ cách ôn tập đọc hiểu.

3. Ôn tập từ đồng nghĩa (13 phút)

Mục tiêu: HS tìm được nhóm từ đồng nghĩa, hiểu tác dụng và sử dụng được trong câu.

Cách tiến hành:

<ul style="list-style-type: none"> – GV nêu yêu cầu Bài tập 2: Chơi trò chơi “Tìm từ đồng nghĩa”. GV chuẩn bị các bộ thẻ từ để HS ghép thành nhóm từ đồng nghĩa. – GV có thể ghi sẵn 3 nhóm nghĩa lên bảng để HS phân loại nhanh: nhóm chỉ sự chăm chỉ; nhóm chỉ sự chăm sóc; nhóm chỉ sự che chở, bảo vệ. – GV nhắc HS không chỉ ghép từ giống nghĩa mà còn phải giải thích được nét nghĩa chung của từng nhóm. 	
– GV chia nhóm, phát thẻ và hướng dẫn HS xếp các từ thành nhóm có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.	– HS làm việc nhóm, phân loại thẻ từ: siêng năng, chịu khó, cần mẫn, chuyên cần, cần cù; chăm chút, chăm lo, trông nom, săn sóc; che chở, bênh vực, bảo vệ.
– GV mời đại diện nhóm nêu kết quả và giải thích vì sao các từ được xếp chung nhóm.	– HS trình bày: Nhóm 1 gồm các từ chỉ sự chăm chỉ; nhóm 2 gồm các từ chỉ sự chăm sóc; nhóm 3 gồm các từ chỉ sự bảo vệ, giúp đỡ.
<ul style="list-style-type: none"> – GV nêu yêu cầu Bài tập 3: Đặt 2 câu với các từ đồng nghĩa vừa tìm được. – GV yêu cầu mỗi câu đặt phải đúng ngữ cảnh, có đủ chủ ngữ - vị ngữ và thể hiện rõ nghĩa của từ đã chọn. – GV khuyến khích HS dùng các từ đồng nghĩa khác nhau để câu văn không bị lặp. 	
– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, sau đó đọc câu trong nhóm để bạn góp ý.	– HS đặt câu, ví dụ: Bạn An rất chăm chỉ học bài. Mẹ tôi chăm chút từng bữa ăn cho gia đình. Chúng em cần bảo vệ cây xanh trong sân trường.
– GV chốt: Từ đồng nghĩa giúp câu văn phong phú hơn; khi dùng cần chọn từ phù hợp với ngữ cảnh.	– HS lắng nghe, ghi nhớ.

4. Vận dụng - trải nghiệm (7 phút)

Mục tiêu: HS vận dụng từ đồng nghĩa để nói/viết câu ngắn về bài học đã đọc.

Cách tiến hành:

– GV yêu cầu HS viết nhanh 2 câu về một văn	
---	--

bản đã học, trong đó có sử dụng ít nhất một cặp từ đồng nghĩa.	
– GV mời HS đọc câu và nêu cặp từ đồng nghĩa đã sử dụng.	– HS đọc câu, ví dụ: Cảnh thiên nhiên trong bài rất đẹp và thơ mộng. Bạn nhỏ chăm chỉ, siêng năng quan sát cảnh vật quanh mình.
– GV nhận xét tiết học, dẫn HS tiếp tục đọc lại các bài thơ đã học để chuẩn bị cho tiết sau.	– HS lắng nghe, thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

TUẦN 9

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I

PHẦN I - ÔN TẬP

TIẾT 2

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Củng cố vốn từ miêu tả màu sắc, nhận biết được sắc thái nghĩa của từ ngữ trong câu văn.
- Biết nhận xét tác dụng của từ ngữ chỉ màu sắc trong miêu tả.
- Viết được đoạn văn ngắn tả cảnh thiên nhiên có sử dụng từ ngữ chỉ màu sắc phù hợp.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động ôn lại kiến thức, tự hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận với bạn; biết lắng nghe và góp ý xây dựng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức đã học để xử lý bài tập, câu hỏi và nhiệm vụ thực hành.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực ôn tập, luyện đọc, luyện viết và hoàn thành bài học.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, làm việc nghiêm túc, tự đánh giá kết quả học tập.
- Nhân ái: Biết tôn trọng ý kiến của bạn, hợp tác trong hoạt động chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK Tiếng Việt 5, vở bài tập, phiếu học tập.
- Thẻ từ, bảng phụ hoặc trình chiếu nhiệm vụ ôn tập.
- Sổ tay đọc sách, bút màu, giấy nháp để HS làm việc cá nhân/nhóm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: Gợi nhớ kiến thức về từ ngữ miêu tả màu sắc và tạo hứng thú ôn tập.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
– GV cho HS quan sát bảng màu hoặc tranh thiên nhiên, yêu cầu HS nêu nhanh các từ chỉ màu sắc đã học.	– HS nêu: vàng, vàng ươm, vàng hoe, vàng tươi, xanh biếc, xanh rì, đỏ thắm, trắng muốt...
– GV dẫn dắt vào bài: Trong tiết này, các em ôn cách cảm nhận sắc thái của từ chỉ màu và luyện viết đoạn văn có sử dụng từ ngữ miêu tả.	– HS lắng nghe, chuẩn bị vào hoạt động ôn tập.
2. Tìm và cảm nhận từ chỉ màu sắc (15 phút) <i>Mục tiêu: HS tìm được từ ngữ chỉ màu sắc trong câu văn và nhận xét được sắc thái biểu cảm của từ.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
– GV nêu yêu cầu Bài tập 4 : Tìm từ ngữ chỉ màu sắc trong đoạn văn và nêu nhận xét về cách sử dụng từ ngữ chỉ màu sắc của nhà văn.	

- GV hướng dẫn HS quan sát bảng nghĩa một số từ chỉ màu vàng; yêu cầu HS đối chiếu nghĩa của từ với cảnh vật được miêu tả trong đoạn văn.
- GV nhấn mạnh: cùng là màu vàng nhưng mỗi từ gợi một sắc độ và cảm giác riêng.

+ Mẹ tôi chăm chút chúng tôi từng li từng tí.
+ Trong truyền cổ tích, ông vua, ông tiên thường bành vực, bảo vệ những người hiền lành, lương thiện.
– HS làm việc cá nhân: Tự đặt câu, sau đó đọc câu của mình trong nhóm, cả nhóm nhận xét, góp ý.
– 1 – 2 HS đặt câu trước lớp. GV hướng dẫn nhận xét.

Bài tập 4. Tìm từ ngữ chỉ màu sắc trong đoạn văn và nêu nhận xét về cách sử dụng từ ngữ chỉ màu sắc của nhà văn.

Đoạn văn này nhằm giúp các em hiểu được các từ ngữ được sử dụng linh hoạt, tinh tế trong miêu tả màu sắc của sự vật, hiện tượng theo cảm nhận riêng của từng người.

Lưu ý: Ở bài tập này, GV chú ý yêu cầu HS tìm hiểu nghĩa của từ ngữ trong câu văn, đoạn văn, không yêu cầu xác định đó là từ hay cụm từ.

- HS làm việc theo cặp, có thể trao đổi về nghĩa của từ ngữ (nếu ghi sai gây nhầm lẫn, phiếu học tập, ...)
- HS phát biểu ý kiến trước lớp. GV hướng dẫn HS chữa bài trước lớp. VD:

+ Những từ ngữ chỉ màu vàng: (tàn chân) vàng xuộm, (nắng) vàng hoe, (những chùm quả xoan) vàng ươm, (lá mít, những tia lá chuối) vàng óng, (táo đu đủ, lá sen búp) vàng tươi, (huống chuối) vàng, (trên) vàng mờ, (bụi mía) vàng xoang, (trên và thức) vàng giòn, (con gà, con chó) vàng mượt.

+ Những từ chỉ màu sắc khác: (mây trắng) trắng, (mây quả ớt) đỏ chói, (phần mía) trắng.

+ Nhận xét cách sử dụng từ ngữ chỉ màu sắc: từ ngữ phong phú, mới mẻ, gây ấn tượng, thể hiện sự cảm nhận tinh tế của nhà văn về các sắc màu của sự vật, hiện tượng. Nhiều từ ngữ chỉ màu vàng gợi nên nét đẹp riêng của làng quê vào ngày mùa.

- GV có thể khích lệ HS cảm nhận nghĩa của một số từ ngữ chỉ màu vàng trong bài (nếu có thời gian). VD:

vàng xoang	(có) màu vàng gợi cảm giác như có nước đọng ở bên trong (trong nước)
vàng, xuộm, vàng óng	(có) màu vàng đậm và đều khắp
vàng hoe	(có) màu vàng nhạt, tươi và ánh lên
vàng tươi	(có) màu vàng sáng, đẹp mắt, đầy sức sống
vàng ươm	(có) màu vàng của quả chín, gợi cảm giác rất ngọt
vàng giòn	(có) màu vàng của vật được phơi khô nắng nên giòn, dễ vỡ, dễ gãy
vàng mượt	(có) màu vàng của những con vật béo tốt, óng bóng óng ả, mượt mà
vàng mờ	(có) màu vàng của vật mới có, mới xuất hiện, mới hình thành (còn mới)

Lưu ý: HS có thể nêu cách cảm nhận nghĩa của từ ngữ trong đoạn văn theo cách của

- GV hướng dẫn HS đọc kỹ đoạn văn, gạch chân các từ chỉ màu, chú ý sự khác nhau giữa các sắc độ màu.

- HS đọc đoạn văn, tìm từ chỉ màu và ghi ra nháp.

- GV cho HS làm việc theo cặp, trao đổi nghĩa của một số từ ngữ.

- HS trao đổi: vàng xuộm là màu vàng đậm, đều khắp; vàng hoe là vàng nhạt, tươi; vàng giòn gợi cảm giác nắng khô, giòn; vàng mượt gợi sự óng ả, mềm mại.

- GV mời HS trình bày kết quả.

- HS trình bày: Các từ chỉ màu làm cảnh vật hiện lên sinh động, có nhiều sắc thái khác nhau; người đọc cảm nhận rõ vẻ đẹp riêng của làng quê vào ngày mùa.

- GV chốt: Khi miêu tả, không chỉ dùng từ màu chung chung mà nên chọn từ có sắc thái phù hợp để câu văn giàu hình ảnh hơn.

- HS lắng nghe, ghi nhớ cách dùng từ chỉ màu.

3. Viết đoạn văn miêu tả màu xanh (15 phút)

Mục tiêu: HS vận dụng từ chỉ màu để viết đoạn văn ngắn miêu tả cảnh thiên nhiên.

Cách tiến hành:

- GV nêu yêu cầu **Bài tập 5**: Viết đoạn văn 3 - 5 câu tả cảnh thiên nhiên, trong đó có ít nhất 2 từ ngữ chỉ màu xanh.
- GV yêu cầu HS chọn cảnh trước, sau đó chọn từ chỉ màu xanh phù hợp với cảnh đã chọn, không liệt kê từ rời rạc.
- GV nhắc HS viết thành đoạn có liên kết: câu mở giới thiệu cảnh, các câu sau tả màu sắc và cảm xúc.

<p>– GV có thể kích lệ HS tìm thêm từ ngữ chỉ màu vàng, VD:</p> <ul style="list-style-type: none"> + vàng rực (có màu vàng trông bừng lên, như toả ánh sáng rực sáng quanh): Những đôi hương dương vàng rực trong nắng. + vàng tươi (có màu vàng tươi và đều, nhìn đẹp mắt): Nong lên vàng tươi. + vàng óng (có màu vàng bóng mượt, trông thích mắt): Sợi tơ vàng óng. + vàng óng, vàng rực, vàng rực, vàng chói, vàng chói, vàng ánh, vàng ánh, ... <p>Bài tập 5, Viết đoạn văn (3 – 5 câu) tả cảnh thiên nhiên, trong đó có ít nhất 2 từ ngữ chỉ màu xanh.</p>	
<p>– GV gợi ý HS chọn cảnh để viết: công viên, vườn cây, bãi cỏ, mặt biển, dòng sông, hàng tre hoặc cánh đồng.</p>	<p>– HS chọn cảnh mình muốn miêu tả.</p>
<p>– GV nhắc HS có thể dùng các từ: xanh biếc, xanh non, xanh mượt, xanh rì, xanh thẳm, xanh ngắt, xanh trong.</p>	<p>– HS ghi nhanh một số từ phù hợp với cảnh đã chọn.</p>
<p>– GV cho HS viết cá nhân vào vở.</p>	<p>– HS viết đoạn văn, ví dụ: Sau cơn mưa, khu vườn như được khoác chiếc áo mới. Những luống rau xanh mượt trải dài dưới nắng. Hàng cau vươn lên nền trời xanh biếc. Cảnh vật trong lành khiến em thấy rất dễ chịu.</p> <p>– HS tự rà soát đoạn văn: đã có đủ 3 – 5 câu, có ít nhất 2 từ chỉ màu xanh và câu văn thể hiện được cảm xúc trước cảnh thiên nhiên.</p>
<p>– GV mời 2 - 3 HS đọc đoạn văn trước lớp.</p>	<p>– HS đọc đoạn văn; cả lớp lắng nghe, nhận xét về cách dùng từ chỉ màu và hình ảnh miêu tả.</p>
<p>– GV nhận xét, sửa nhanh một số lỗi dùng từ, diễn đạt; khen những câu văn có hình ảnh đẹp.</p>	<p>– HS lắng nghe và tự chỉnh sửa đoạn văn của mình.</p>
<p>4. Vận dụng - trải nghiệm (5 phút) Mục tiêu: Củng cố cách lựa chọn từ ngữ miêu tả phù hợp. Cách tiến hành:</p>	
<p>– GV yêu cầu HS về nhà quan sát một cảnh vật quanh em và ghi lại 5 từ ngữ chỉ màu sắc dùng để tả cảnh đó.</p>	<p>– HS lắng nghe và ghi nhiệm vụ.</p>
<p>– GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị đọc thuộc lòng một bài thơ đã học.</p>	<p>– HS lắng nghe, thực hiện ở nhà.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

TUẦN 9 ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I PHẦN I - ÔN TẬP TIẾT 3

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc thuộc lòng được đoạn thơ đã học; trả lời được câu hỏi về hình ảnh, nội dung, cảm xúc trong thơ.
- Nhận biết được nghĩa gốc, nghĩa chuyển của một số từ đa nghĩa.
- Đặt được câu để phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động ôn lại kiến thức, tự hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận với bạn; biết lắng nghe và góp ý xây dựng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức đã học để xử lý bài tập, câu hỏi và nhiệm vụ thực hành.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực ôn tập, luyện đọc, luyện viết và hoàn thành bài học.

- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, làm việc nghiêm túc, tự đánh giá kết quả học tập.
- Nhân ái: Biết tôn trọng ý kiến của bạn, hợp tác trong hoạt động chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK Tiếng Việt 5, vở bài tập, phiếu học tập.
- Thẻ từ, bảng phụ hoặc trình chiếu nhiệm vụ ôn tập.
- Sổ tay đọc sách, bút màu, giấy nháp để HS làm việc cá nhân/nhóm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: Ôn lại các bài thơ đã học và tạo hứng thú học thuộc lòng.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
– GV tổ chức trò chơi “Đọc tiếp sức”: GV đọc một câu thơ, HS đoán tên bài và đọc tiếp câu thơ sau.	– HS tham gia trò chơi, nêu tên bài thơ và đọc tiếp câu thơ theo trí nhớ.
– GV nhận xét, dẫn vào tiết ôn tập đọc thuộc lòng và từ đa nghĩa.	– HS lắng nghe.
2. Đọc thuộc lòng và trả lời câu hỏi (13 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc thuộc lòng một đoạn thơ và trả lời được câu hỏi về nội dung, hình ảnh thơ.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
<ul style="list-style-type: none"> – GV nêu yêu cầu Bài tập 1: Đọc thuộc lòng đoạn thơ khoảng 100 chữ trong một bài thơ đã học và trả lời câu hỏi. – GV yêu cầu HS ghi rõ tên bài thơ, đoạn thơ đã chọn và câu hỏi đọc hiểu sẽ trả lời sau khi đọc thuộc lòng. – GV nhắc HS đọc thuộc lòng không chỉ đúng câu chữ mà còn thể hiện được cảm xúc, nhịp thơ. 	
– GV cho HS làm việc cá nhân, tự chọn đoạn thơ, luyện đọc nhẩm và chuẩn bị câu trả lời.	– HS tự chọn đoạn thơ, luyện đọc thuộc lòng, chuẩn bị nêu tên bài thơ, hình ảnh em thích và nội dung chính.
– GV tổ chức cho HS đọc trong nhóm; bạn nghe và góp ý về độ chính xác, giọng đọc, cách ngắt nghỉ.	– HS đọc trong nhóm, góp ý cho bạn: đọc đúng câu, nhấn giọng ở từ ngữ gợi tả, đọc rõ cảm xúc.
– GV mời một số HS đọc trước lớp.	– HS đọc thuộc lòng trước lớp và trả lời: Đoạn thơ nói về...; hình ảnh em thích là... vì...
– GV nhận xét, tuyên dương HS đọc thuộc, đọc diễn cảm và trả lời rõ ý.	– HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

3. Ôn tập từ đa nghĩa (15 phút)

Mục tiêu: HS phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ đa nghĩa.

Cách tiến hành:

<ul style="list-style-type: none"> – GV nêu yêu cầu Bài tập 2: Từ “ngọn” và từ “gốc” trong mỗi câu được nêu trong SGK mang nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? – GV gợi ý HS xác định nghĩa gốc trước: ngọn là phần trên cùng của cây; gốc là phần dưới cùng của cây hoặc nơi cây bám vào đất. – GV hướng dẫn HS so sánh với nghĩa trong câu để nhận ra nghĩa chuyển. 	
<ul style="list-style-type: none"> – GV hướng dẫn HS đọc từng câu, xác định sự vật mà từ “ngọn”, “gốc” đang chỉ, rồi kết luận nghĩa gốc hay nghĩa chuyển. 	<ul style="list-style-type: none"> – HS đọc câu, suy nghĩ cá nhân và ghi kết quả ra nháp.
<ul style="list-style-type: none"> – GV mời HS trình bày. 	<ul style="list-style-type: none"> – HS trả lời: “ngọn” trong “bầy chim ríu rít làm tổ trên ngọn cây” là nghĩa gốc; “ngọn lửa bập bùng” và “những ngọn núi ẩn hiện trong mây trời” là nghĩa chuyển. “gốc” trong “gốc cây” là nghĩa gốc; “người gốc Việt” và “gốc ở đầu làng” là nghĩa chuyển theo ngữ cảnh.
<ul style="list-style-type: none"> – GV chốt: Từ đa nghĩa có một nghĩa gốc và một hoặc một số nghĩa chuyển; muốn xác định nghĩa cần đặt từ trong câu cụ thể. 	<ul style="list-style-type: none"> – HS lắng nghe, ghi nhớ.

4. Đặt câu phân biệt nghĩa của từ (10 phút)

Mục tiêu: HS đặt được câu thể hiện nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ.

Cách tiến hành:

<ul style="list-style-type: none"> – GV nêu yêu cầu Bài tập 3: Đặt câu để phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ “lá”, “nụ”. – GV yêu cầu HS đặt mỗi từ ít nhất 2 câu: một câu dùng nghĩa gốc, một câu dùng nghĩa chuyển. – GV nhắc HS sau khi đặt câu phải giải thích ngắn gọn từ đó được dùng với nghĩa nào. 	
--	--

<p>+ Những ngọn núi ẩn hiện trong mây trời. (nghĩa chuyển) – Từ gốc: + Ông từ mới trồng thêm 5 gốc cam ở góc vườn. (nghĩa chuyển) + Các bạn nhỏ ngã chen dưới gốc cây đa đầu làng. (nghĩa gốc) + Nhiều người gốc Việt đã về Việt Nam làm việc. (nghĩa chuyển) Ngọn: phần trên cùng của cây, là phần cao nhất và có hình nón, dốc lợp với gốc. Hươ: bộ phận sinh sản của nhiều loài cây, thường có màu sắc và hương thơm. Bài tập 3: Đặt câu để phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ “mù”, “mù”. – HS làm việc cá nhân hoặc trao đổi theo cặp để cùng tìm các nghĩa của từ đã cho rồi đặt câu với nghĩa gốc và 1 – 2 nghĩa chuyển của từ đó. Nêu viết các câu đã đặt vào vở hoặc vở bài tập (nếu có). – HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp. Một số em đọc các câu mình đã viết. GV và cả lớp nhận xét, góp ý. Đáp án tham khảo: Lũ: Lá cây rì rào trong gió. (nghĩa gốc) Chỉ em thì chăm đầu đọc là thư của bố. (nghĩa chuyển) Lá cờ đỏ sao vàng tung bay trong gió. (nghĩa chuyển) Mù: Cây hoa hồng đã ra những cái nụ nhỏ xinh. Di tích nở nụ cười thật tươi. ... Bài tập 4: Đặt đoạn văn và trả lời câu hỏi: a. Từ “bá” ở vị trí nào được dùng để xưng hô? b. Trong đoạn văn, còn có danh từ nào cũng được dùng để xưng hô? HS làm việc cá nhân hoặc làm việc chung cả lớp. Đáp án: a. Từ bá ở vị trí thứ 2 được dùng để xưng hô. b. Trong đoạn văn, còn có danh từ cháu được dùng để xưng hô. Bài tập 5: Tìm đại từ thay thế phù hợp thay cho mỗi tiếng in đậm. – GV hướng dẫn HS nhận biết yếu cầu của bài tập 5. – GV nói thêm: Có thể tìm được các đại từ thay thế khác nhau có cùng 1 vị trí. Đáp án tham khảo: Ngày xưa, trên cao nguyên có một đồng cỏ ở rất xa chỗ sinh sống của loài người. Nơi ấy có một đồng cỏ xanh như phủ lá và những tảng đá vẫn nằm giữa những đám hoa.</p>	
<p>– GV cho HS làm việc cá nhân hoặc theo cặp, mỗi em chọn một từ để đặt 2 câu.</p>	<p>– HS đặt câu, ví dụ: Lá cây rì rào trong gió. Chỉ em thêu những chiếc lá nhỏ trên khăn. Hoa hồng đã ra những cái nụ nhỏ xinh. Bé nở nụ cười thật tươi.</p>
<p>– GV mời HS đọc câu, lớp nhận xét nghĩa của từ trong từng câu.</p>	<p>– HS đọc câu và nêu: câu nào dùng nghĩa gốc, câu nào dùng nghĩa chuyển.</p>
<p>– GV nhận xét, sửa lỗi dùng từ và nhắc HS đặt câu phải rõ ngữ cảnh.</p>	<p>– HS lắng nghe, chỉnh sửa câu của mình.</p>
<p>5. Vận dụng - trải nghiệm (2 phút) Mục tiêu: HS ghi nhớ cách ôn tập từ đa nghĩa. Cách tiến hành:</p>	
<p>– GV dặn HS về nhà tìm thêm 3 từ đa nghĩa trong các văn bản đã học và đặt câu minh họa.</p>	<p>– HS lắng nghe, ghi nhiệm vụ.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

TUẦN 9 ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I PHẦN I - ÔN TẬP TIẾT 4

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Củng cố kiến thức về đại từ, danh từ dùng để xưng hô và từ ngữ thay thế.
- Biết lựa chọn đại từ hoặc từ thay thế phù hợp để tránh lặp từ trong đoạn văn.
- Viết được đoạn văn ngắn có sử dụng từ ngữ liên kết hợp lí.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động ôn lại kiến thức, tự hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận với bạn; biết lắng nghe và góp ý xây dựng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức đã học để xử lí bài tập, câu hỏi và nhiệm vụ thực hành.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực ôn tập, luyện đọc, luyện viết và hoàn thành bài học.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, làm việc nghiêm túc, tự đánh giá kết quả học tập.
- Nhân ái: Biết tôn trọng ý kiến của bạn, hợp tác trong hoạt động chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK Tiếng Việt 5, vở bài tập, phiếu học tập.
- Thẻ từ, bảng phụ hoặc trình chiếu nhiệm vụ ôn tập.
- Sổ tay đọc sách, bút màu, giấy nháp để HS làm việc cá nhân/nhóm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: <i>Củng cố kiến thức về đại từ và từ thay thế.</i> Cách tiến hành:	
– GV nêu một đoạn văn ngắn có lặp từ, yêu cầu HS phát hiện từ bị lặp và đề xuất cách thay thế.	– HS nêu: có thể dùng đại từ hoặc từ ngữ thay thế để tránh lặp và làm đoạn văn mạch lạc hơn.
– GV dẫn vào tiết học: Các em tiếp tục ôn luyện cách dùng đại từ, từ thay thế và hoàn thiện đoạn văn.	– HS lắng nghe.
2. Ôn tập đại từ, từ ngữ thay thế (15 phút) Mục tiêu: <i>HS nhận biết đại từ, danh từ được dùng để xưng hô và thay thế trong văn bản.</i> Cách tiến hành:	
<p>– GV nêu yêu cầu Bài tập 4: Đọc đoạn văn và trả lời: Từ “ở” ở vị trí nào được dùng để xưng hô? Trong đoạn văn, còn danh từ nào được dùng để xưng hô?</p> <p>– GV yêu cầu HS đọc cả đoạn trước khi trả lời, không chỉ nhìn riêng câu chứa từ “ở”.</p> <p>– GV gợi ý HS xác định người nói, người nghe và người/vật được nói đến để tìm đúng từ xưng hô.</p> <p>+ Những ngọn núi ẩn hiện trong mây trời. (nghĩa chuyển) – Từ gốc: + Ông từ môi trăng thềm 5 góc cùn ở góc vườn. (nghĩa chuyển) + Các bạn nhỏ ngồi chơi dưới gốc cây đa đầu làng. (nghĩa gốc) + Nhiều ngọn núi Việt dã và Việt Nam làm việc. (nghĩa chuyển) Ngọn: phần trên cùng của cây, là phần cao nhất và có hình nón, dốc lợp với gốc. Hươu: bộ phận sinh sản của nhiều loài cây, thường có màu sắc và hương thơm. Bài tập 3. Đặt câu để phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ “lá”, “mẹ”.</p> <p>– HS làm việc cá nhân hoặc trao đổi theo cặp để cùng tìm các nghĩa của 2 từ đã cho rồi đặt câu với nghĩa gốc và 1 – 2 nghĩa chuyển của từ đó. Nắm viết các câu đã đặt vào vở hoặc vở bài tập (nếu có).</p> <p>– HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp. Một số em đọc các câu mình đã viết. GV và cả lớp nhận xét, góp ý. Đáp án tham khảo: Lá Lá cây ở trong giỏ. (nghĩa gốc) Chỉ em thì chạm đầu đọc là thư của bố. (nghĩa chuyển) Lá cờ đỏ sao vàng tung bay trong gió. (nghĩa chuyển) Mẹ Cây hoa hồng đã ra những cái nụ nhỏ xinh. Di tích nữ cụ nước thật tươi.</p> <p>Bài tập 4. Đọc đoạn văn và trả lời các câu hỏi: a. Từ “ở” ở vị trí nào được dùng để xưng hô? b. Trong đoạn văn, còn danh từ nào cũng được dùng để xưng hô? HS làm việc cá nhân hoặc làm việc chung cả lớp. Đáp án: a. Từ “ở” ở vị trí thứ 2 được dùng để xưng hô. b. Trong đoạn văn, còn có danh từ chân được dùng để xưng hô.</p> <p>Bài tập 5. Tìm đại từ thay thế phù hợp thay cho mỗi tiếng hoa. – GV hướng dẫn HS nhận biết yếu cầu của bài tập 5. – GV nêu thêm: Có thể tìm được các đại từ thay thế khác nhau có cùng 1 vị trí. Đáp án tham khảo: Ngày xưa, trên cao nguyên có một dòng sông ở rìa sa mạc sinh sống của loài người. Nơi đây có một dòng nước trong như pha lê và những tảng đá viên nằm giữa những đầm lầy.</p>	
– GV hướng dẫn HS đọc kĩ đoạn văn, đánh dấu các từ dùng để xưng hô.	– HS đọc đoạn văn, xác định từ dùng để xưng hô và ghi ra nháp.
– GV mời HS trình bày.	– HS trả lời: Từ “ở” ở vị trí thứ hai được dùng để xưng hô. Trong đoạn văn, danh từ “cháu” cũng được dùng để xưng hô.
– GV chốt: Khi nói và viết, đại từ hoặc danh từ	– HS lắng nghe, ghi nhớ.

xung hô cần phù hợp với vai giao tiếp, thể hiện sự lễ phép, thân mật hoặc tôn trọng.	
3. Tìm đại từ thay thế phù hợp (15 phút) <i>Mục tiêu: HS lựa chọn được đại từ hoặc cụm từ thay thế để đoạn văn không bị lặp từ.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
<ul style="list-style-type: none"> – GV nêu yêu cầu Bài tập 5: Tìm đại từ thay thế phù hợp cho mỗi bông hoa trong đoạn văn. – GV nhắc HS đọc kĩ câu trước và câu sau bông hoa để chọn đại từ thay thế phù hợp, tránh làm câu văn lủng củng. – GV hướng dẫn HS thử thay từng đại từ rồi đọc lại toàn đoạn để kiểm tra sự liên kết. 	
– GV hướng dẫn HS đọc toàn đoạn trước, xác định từ ngữ được nhắc lại, sau đó chọn từ thay thế phù hợp.	– HS đọc đoạn văn, gạch chân những chỗ cần thay thế.
– GV cho HS làm việc nhóm đôi, trao đổi kết quả và lí do chọn từ.	<ul style="list-style-type: none"> – HS trao đổi: có thể dùng “đấy/đó/nơi ấy/muông thú đó” tùy vị trí để tránh lặp và giữ mạch câu. – <i>HS giải thích: đại từ hoặc danh từ được chọn phải thay thế đúng đối tượng đã nói ở câu trước, giúp đoạn văn tránh lặp và mạch lạc hơn.</i>
– GV mời 2 - 3 nhóm trình bày.	– HS trình bày đoạn văn sau khi thay thế, nêu lí do chọn từ thay thế.
– GV nhận xét, nhấn mạnh: Từ thay thế phải rõ nghĩa, không làm người đọc hiểu lầm và giúp đoạn văn liên kết tốt hơn.	– HS lắng nghe, chỉnh sửa.
4. Luyện viết đoạn văn có liên kết (8 phút) <i>Mục tiêu: HS vận dụng cách dùng đại từ, từ thay thế trong đoạn văn ngắn.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
– GV yêu cầu HS viết 3 - 4 câu giới thiệu một cảnh thiên nhiên hoặc một nhân vật trong bài đã học, có dùng ít nhất một đại từ hoặc từ ngữ thay thế.	
– GV mời HS đọc bài viết.	– HS đọc đoạn văn, ví dụ: Em rất thích nhân vật bạn nhỏ trong Bài ca về mặt trời. Bạn ấy có trí tưởng tượng phong phú. Nhờ điều đó, cảnh mặt trời mọc hiện lên thật đẹp.
– GV nhận xét, sửa nhanh cách dùng từ thay thế chưa rõ nghĩa.	– HS lắng nghe, tự chỉnh sửa đoạn văn.
5. Vận dụng - trải nghiệm (2 phút) <i>Mục tiêu: Củng cố cách dùng đại từ và từ thay thế.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
– GV dặn HS đọc lại bài viết của mình, tìm chỗ lặp từ và thay thế cho phù hợp.	– HS ghi nhiệm vụ, thực hiện ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

TUẦN 9
ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I
PHẦN I - ÔN TẬP
TIẾT 5

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc hiểu được văn bản mới; trả lời được câu hỏi về nhân vật, sự việc và nội dung câu chuyện.
- Nhận xét được tính cách nhân vật dựa vào chi tiết trong văn bản.
- Viết/kể thêm được một đoạn tiếp nối câu chuyện theo tưởng tượng, bảo đảm hợp lí và mạch lạc.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động ôn lại kiến thức, tự hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận với bạn; biết lắng nghe và góp ý xây dựng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức đã học để xử lí bài tập, câu hỏi và nhiệm vụ thực hành.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực ôn tập, luyện đọc, luyện viết và hoàn thành bài học.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, làm việc nghiêm túc, tự đánh giá kết quả học tập.
- Nhân ái: Biết tôn trọng ý kiến của bạn, hợp tác trong hoạt động chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK Tiếng Việt 5, vở bài tập, phiếu học tập.
- Thẻ từ, bảng phụ hoặc trình chiếu nhiệm vụ ôn tập.
- Sổ tay đọc sách, bút màu, giấy nháp để HS làm việc cá nhân/nhóm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: Gợi lại cách đọc hiểu văn bản mới và cách viết tiếp đoạn kết.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
– GV đặt câu hỏi: Khi đọc một văn bản mới, em cần chú ý những điều gì để hiểu bài?	– HS trả lời: Cần đọc kĩ nhan đề, nhân vật, sự việc, chi tiết quan trọng, cảm xúc của nhân vật và thông điệp của câu chuyện.
– GV dẫn vào tiết học: Hôm nay, các em đọc một câu chuyện mới và luyện tưởng tượng, viết tiếp đoạn kết.	– HS lắng nghe.
2. Đọc hiểu văn bản mới (18 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc hiểu câu chuyện mới, trả lời được câu hỏi về nhân vật, sự việc và tính cách nhân vật.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
– GV nêu yêu cầu Bài tập 1 : Đọc câu chuyện “Tôi sống độc lập từ thuở bé” trong SGK và trả lời câu hỏi. – GV hướng dẫn HS đọc câu chuyện theo trình tự: đọc nhan đề, xác định nhân vật, tìm sự việc chính, tìm cảm xúc của chú dê út. – GV yêu cầu HS dùng bút chì gạch dưới các chi tiết thể hiện suy nghĩ của chú dê út.	

<p style="text-align: center;">TIẾT 5</p> <p>Bài tập 1. Đọc câu chuyện “Tôi sống độc lập từ thuở bé” trong SHS và trả lời câu hỏi. Ở bài tập này, HS được luyện tập kĩ năng đọc hiểu 1 văn bản mới. HS cần tự thực hiện các yêu cầu để làm quen với đề kiểm tra đọc hiểu giữa kì.</p> <p>a. Ba anh em đã được mẹ giảng giải thế nào về tục lệ lâu đời của họ nhà dê?</p> <p>Đáp án: Ba anh em đã được mẹ giảng giải về tục lệ lâu đời của họ nhà dê: sống độc lập ngay từ nhỏ, để sớm biết tự lo liệu, không ỷ lại vào cha mẹ.</p> <p>b. Chú dê út có cảm nghĩ thế nào trước việc mẹ cho ở riêng?</p> <p>Đáp án: Cảm nghĩ của chú dê út trước việc mẹ cho ở riêng:</p> <p>Lúc theo mẹ đi trên đường: cảm thấy buồn lo ngại vì.</p> <p>Lúc được mẹ dẫn vào chỗ ở riêng: không buồn, trái lại, còn lấy làm khoan khoái vì được ở một mình nơi thoáng đãng, mát mẻ, thảnh thơi cảm ơn mẹ.</p> <p>c. Vì sao chú dê út thán cảm ơn mẹ?</p> <p>GV có thể đưa thêm câu hỏi: Những chi tiết cho biết thái độ của chú dê út khi bước vào cuộc sống độc lập? (1) không buồn mà còn cảm thấy làm khoan khoái vì được ở một mình nơi thoáng đãng, mát mẻ; (2) sự ngạc nhiên từ cái hang mẹ dẫn đến; (3) khi đã xem xét căn nhà rồi, để ra đứng ngoài cửa, ngắm mặt trăng tròn trong xanh; (4) dọn giường, vẽ đôi cánh nhỏ trên tường để ngủ, cao hứng gây lên mây trắng rồi to).</p> <p>Đáp án: Chú dê út thán cảm ơn mẹ vì mẹ đã làm cho ba anh em đã mãi mãi một cái hang đầy ắp hương thơm, chỗ đứng ra đêm nước; mẹ đã cho chú dê út ở một mình, ba em hạnh phúc thành hương, thành nhà cho ba anh em để từ bao giờ không ai huy. Để út chỉ có thể thán cảm ơn mẹ vì lúc đó mẹ đã vẽ, để không thể nói để mẹ nghe được.</p> <p>d. Em có nhận xét gì về thái độ của chú dê út qua đoạn kết của câu chuyện?</p> <p>– HS làm việc cá nhân (chuyển bị của trả lời) trước khi làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp.</p> <p>– HS có thể có những nhận xét khác nhau, cần tôn trọng sự khác biệt.</p> <p>Đáp án tham khảo: Chú dê út có tính cách mạnh mẽ/ Chú dê út thích tự do, tự lập/ Chú dê út sống thảnh thơi/...</p> <p>Bài tập 2. Kể thêm một đoạn cho câu chuyện “Tôi sống độc lập từ thuở bé” theo mong muốn của em. G: Có thể kể đến buổi nằm trong của chú dê út trong đêm đầu tiên ra mẹ, tự các anh.</p> <p>Bài tập này yêu cầu HS kể tiếp đoạn kết của câu chuyện, phát huy trí tưởng tượng và khả năng sáng tạo.</p> <p>– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân. Quan sát tranh, đọc lại hoặc nhớ lại câu chuyện “Tôi sống độc lập từ thuở bé”, tưởng tượng sau những giờ phút vui sướng, phấn khởi được làm chủ một “ngôi nhà” mới, tự do, thoải mái, để Mien sẽ cảm thấy thế nào trong ...</p>	
<p>– GV tổ chức cho HS đọc thầm văn bản, chú ý các chi tiết về chú dê út và cảm xúc của chú dê khi được mẹ cho ở riêng.</p>	<p>– HS đọc thầm, ghi lại chi tiết quan trọng.</p>
<p>– GV nêu câu hỏi: Ba anh em đã được mẹ giảng giải thế nào về tục lệ lâu đời của họ nhà dê?</p>	
<p>– GV mời HS trả lời.</p>	<p>– HS trả lời: Ba anh em đã được mẹ giảng giải về tục lệ lâu đời của họ nhà dê là phải sống độc lập, đi kiếm ăn, không ỷ lại vào cha mẹ.</p>
<p>– GV nêu câu hỏi: Chú dê út có cảm nghĩ thế nào trước việc mẹ cho ở riêng?</p>	
<p>– GV mời HS trình bày.</p>	<p>– HS trả lời: Chú dê út không buồn, trái lại còn lâng lâng khoan khoái vì được ở trong một căn phòng mát mẻ, thơm mùi lá non.</p>
<p>– GV nêu câu hỏi: Vì sao chú dê út thán cảm ơn mẹ?</p>	
<p>– GV tổ chức cho HS trao đổi nhóm đôi trước khi trả lời.</p>	<p>– HS trao đổi và trả lời: Chú dê út thán cảm ơn mẹ vì mẹ đã lo cho chú một nơi ở riêng, giúp chú có cơ hội tự lập, trưởng thành.</p>
<p>– GV nêu câu hỏi: Em có nhận xét gì về tính cách của chú dê út qua đoạn kết câu chuyện?</p>	
<p>– GV mời HS trả lời và khuyến khích HS có nhận xét khác nhau.</p>	<p>– HS trả lời: Chú dê út mạnh mẽ, thích tự do, tự lập, biết cảm nhận tình yêu thương của mẹ.</p>
<p>– GV chốt: Khi đọc một câu chuyện mới, cần dựa vào hành động, suy nghĩ và lời nói của nhân vật để nhận xét tính cách nhân vật.</p>	<p>– HS lắng nghe, ghi nhớ.</p>
<p>3. Viết tiếp đoạn kết câu chuyện (15 phút) Mục tiêu: HS viết được đoạn kết sáng tạo, hợp lí với nội dung câu chuyện. Cách tiến hành:</p>	
<p>– GV nêu yêu cầu Bài tập 2: Kể thêm một đoạn cho câu chuyện “Tôi sống độc lập từ thuở bé” theo tưởng tượng của em.</p>	

<ul style="list-style-type: none"> – GV hướng dẫn HS chọn một hướng kể tiếp: đêm đầu tiên ở riêng, buổi sáng tự kiếm ăn, hoặc một tình huống giúp dê út nhận ra mình đã trưởng thành. – GV nhắc HS đoạn kể thêm phải cùng mạch truyện, không biến nhân vật thành người hoàn toàn khác với câu chuyện đã đọc. 	
<ul style="list-style-type: none"> – GV gợi ý HS tưởng tượng: Đêm đầu tiên ở căn nhà riêng, dê út sẽ làm gì? Dê út cảm thấy thế nào? Có điều gì bất ngờ xảy ra không? 	<ul style="list-style-type: none"> – HS suy nghĩ, lựa chọn hướng phát triển câu chuyện.
<ul style="list-style-type: none"> – GV nhắc HS đoạn viết cần có sự việc tiếp nối hợp lí, có cảm xúc của nhân vật và không làm thay đổi ý chính của câu chuyện. 	<ul style="list-style-type: none"> – HS lắng nghe, chuẩn bị viết.
<ul style="list-style-type: none"> – GV cho HS viết cá nhân vào vở. 	<ul style="list-style-type: none"> – HS viết đoạn kết, ví dụ: Đêm ấy, dê út nằm trên chiếc giường lá non, nghe tiếng gió thổi ngoài cửa. Ban đầu chú hơi hồi hộp, nhưng rồi nhớ lời mẹ dặn, chú tự nhủ mình phải mạnh mẽ. Sáng hôm sau, chú dậy sớm, tự tìm đường ra bãi cỏ. Chú thấy mình đã lớn thêm một chút.
<ul style="list-style-type: none"> – GV mời một số HS đọc bài trước lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> – HS đọc đoạn viết; cả lớp nhận xét về sự hợp lí, cách diễn đạt và chi tiết sáng tạo.
<ul style="list-style-type: none"> – GV nhận xét, khen những đoạn viết có chi tiết tự nhiên, thể hiện rõ tâm trạng nhân vật. 	<ul style="list-style-type: none"> – HS lắng nghe, hoàn thiện đoạn viết.
4. Vận dụng - trải nghiệm (2 phút) <i>Mục tiêu: HS biết tiếp tục hoàn thiện bài viết sau tiết học.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
<ul style="list-style-type: none"> – GV dặn HS về nhà đọc lại đoạn văn, sửa lỗi dùng từ, đặt câu và chuẩn bị cho phần kiểm tra đánh giá. 	<ul style="list-style-type: none"> – HS lắng nghe, ghi nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

TUẦN 9

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I

PHẦN II - ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I

TIẾT 6 - KIỂM TRA ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc thành tiếng đúng, rõ ràng, tốc độ phù hợp; biết ngắt nghỉ và thể hiện giọng đọc theo nội dung.
- Trả lời được câu hỏi trực tiếp về văn bản/đoạn đã đọc.
- Biết tự nhận xét ưu điểm, hạn chế của bản thân trong quá trình đọc.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động ôn lại kiến thức, tự hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận với bạn; biết lắng nghe và góp ý xây dựng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức đã học để xử lí bài tập, câu hỏi và nhiệm vụ thực hành.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực ôn tập, luyện đọc, luyện viết và hoàn thành bài học.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, làm việc nghiêm túc, tự đánh giá kết quả học tập.
- Nhân ái: Biết tôn trọng ý kiến của bạn, hợp tác trong hoạt động chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Phiếu đọc thành tiếng, bảng tiêu chí đánh giá đọc.
- SGK, sổ theo dõi kết quả đọc của GV.
- Phiếu tự đánh giá sau kiểm tra.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động và phổ biến yêu cầu kiểm tra (5 phút) <i>Mục tiêu: Giúp HS nắm yêu cầu, giữ tâm thế bình tĩnh trước khi kiểm tra đọc.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
– GV ổn định lớp, nhắc HS chuẩn bị SGK, phiếu kiểm tra và giữ trật tự khi bạn kiểm tra.	– HS ổn định chỗ ngồi, chuẩn bị đồ dùng cần thiết.
– GV phổ biến yêu cầu kiểm tra đọc: đọc thành tiếng một văn bản/đoạn văn theo phiếu và trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.	– HS lắng nghe quy định, hiểu cách thực hiện bài kiểm tra.
2. Kiểm tra đọc thành tiếng (25 phút) <i>Mục tiêu: Đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng, tốc độ đọc, giọng đọc và khả năng trả lời câu hỏi trực tiếp.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
– GV chuẩn bị phiếu đọc, gọi HS theo thứ tự hoặc bốc thăm. Mỗi HS đọc đoạn văn/bài thơ phù hợp và trả lời 1 - 2 câu hỏi. – GV chuẩn bị danh sách văn bản/đoạn đọc; mỗi phiếu có tên văn bản, đoạn đọc, câu hỏi kiểm tra hiểu văn bản và tiêu chí đọc. – GV có thể dùng đề tham khảo trong SGK: đọc thành tiếng bài “Vườn mặt trời, quả mặt trăng” và trả lời câu hỏi về hình ảnh so sánh, cảm nhận của tác giả.	
	
– GV hướng dẫn HS chưa đến lượt đọc thăm lại văn bản hoặc hoàn thành phiếu tự ôn.	– HS chờ đến lượt, đọc thăm, giữ trật tự; khi được gọi thì bốc thăm/nhận phiếu đọc.
– GV lắng nghe HS đọc, ghi nhận các tiêu chí: đọc đúng tiếng, ngắt nghỉ hợp lí, diễn cảm phù hợp, tốc độ khoảng 90 - 100 tiếng/phút.	– HS đọc thành tiếng rõ ràng, ngắt nghỉ theo dấu câu, thể hiện giọng đọc phù hợp với nội dung văn bản.
– GV nêu câu hỏi đọc hiểu sau khi HS đọc.	– HS trả lời ngắn gọn, đúng trọng tâm, dựa vào nội dung đoạn vừa đọc.

– GV nhận xét nhẹ nhàng, ghi kết quả kiểm tra theo tiêu chí đã thống nhất.	– HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
3. Tự đánh giá sau kiểm tra (7 phút) <i>Mục tiêu: HS biết nhìn lại ưu điểm, hạn chế trong phần đọc của mình.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
– GV phát phiếu tự đánh giá ngắn: Em đọc đúng chưa? Em có ngắt nghỉ hợp lí không? Em trả lời câu hỏi rõ ý chưa?	– HS tự đánh giá mức độ hoàn thành của bản thân.
– GV mời một số HS chia sẻ cách luyện đọc để tiến bộ hơn.	– HS chia sẻ: đọc lại nhiều lần, chú ý dấu câu, luyện phát âm từ khó, đọc trước gương hoặc đọc cho người thân nghe.
4. Củng cố - dặn dò (3 phút) <i>Mục tiêu: Ổn định tâm thế cho tiết kiểm tra đọc hiểu - viết.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
– GV nhắc HS chuẩn bị bút, vở/giấy kiểm tra và đọc kĩ yêu cầu trước khi làm bài ở tiết sau.	– HS lắng nghe, ghi nhớ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

TUẦN 9

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I

PHẦN II - ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I

TIẾT 7 - KIỂM TRA ĐỌC HIỂU - VIẾT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc hiểu được văn bản mới; trả lời câu hỏi về chi tiết, nội dung, từ ngữ, hình ảnh và biện pháp nghệ thuật.
- Viết được bài văn đúng kiểu bài đã học; bố cục rõ ràng, diễn đạt mạch lạc, có cảm xúc.
- Biết kiểm tra, đọc soát bài làm trước khi nộp.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động ôn lại kiến thức, tự hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận với bạn; biết lắng nghe và góp ý xây dựng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức đã học để xử lí bài tập, câu hỏi và nhiệm vụ thực hành.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực ôn tập, luyện đọc, luyện viết và hoàn thành bài học.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, làm việc nghiêm túc, tự đánh giá kết quả học tập.
- Nhân ái: Biết tôn trọng ý kiến của bạn, hợp tác trong hoạt động chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Đề/phiếu kiểm tra đọc hiểu - viết, giấy kiểm tra.
- Bảng nhắc tiêu chí làm bài viết: đúng đề, đủ bố cục, rõ ý, sạch đẹp.
- Đồng hồ theo dõi thời gian.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động và phổ biến yêu cầu làm bài (5 phút) <i>Mục tiêu: Giúp HS nắm cấu trúc bài kiểm tra đọc hiểu - viết, làm bài nghiêm túc.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
– GV ổn định lớp, kiểm tra đồ dùng, phát đề/phiếu kiểm tra đọc hiểu - viết.	– HS ổn định chỗ ngồi, nhận đề, kiểm tra số trang và ghi thông tin cá nhân.
– GV nhắc HS đọc kĩ yêu cầu, làm bài độc lập,	– HS lắng nghe quy định, chuẩn bị làm bài.

trình bày sạch đẹp, không trao đổi trong giờ kiểm tra.

2. Làm bài đọc hiểu (20 phút)

Mục tiêu: Đánh giá khả năng đọc hiểu văn bản mới, nhận diện chi tiết, nghĩa từ, biện pháp nghệ thuật và nội dung chính.

Cách tiến hành:

- GV hướng dẫn HS đọc thâm văn bản kiểm tra, ví dụ văn bản “Cánh đồng vàng”, sau đó trả lời các câu hỏi trong đề.
- GV có thể sử dụng văn bản tham khảo “Cánh đồng vàng”; HS đọc thâm và lần lượt làm các câu hỏi trắc nghiệm, tự luận ngắn.
- GV nhắc HS với câu tự luận phải viết thành câu đầy đủ, không trả lời cụt lủn.

hóa mùa nào ngợ? Quai sáng mặt đất ngợ? Dập như mặt trăng mềm mềm. Những hình ảnh so sánh đó gợi hình ảnh khu vườn kì diệu với rất nhiều mặt trời, mặt trăng lung linh. Gợi lên thế giới huyền ảo như trong những câu chuyện cổ tích (...).

Câu 2. Những từ ngữ nào cho thấy đối với con người, vườn cây này rất thân thiện, đáng yêu?

Đáp án: Con người thấy vườn cây này rất thân thiện, đáng yêu, trái cây như vậy gọi, như mời chào, như đùa vui với con người qua các từ ngữ:

“Trái anh nhón tay mặt trời
Cánh cào cào lột mặt nạ
Đang đùa chào quả ngọt ngợ.”

“Quai sáng mặt đất ngợ
Dập như mặt trăng mềm mềm
Ria rít tiếng cười trẻ thơ.”

Câu 3. Tác giả đã có cảm nghĩ thế nào khi đi trong vườn cây? Vì sao?

Đáp án tham khảo: Đi trong vườn cây, tác giả có cảm tưởng như mình lạc vào một thế giới huyền ảo với rất nhiều mặt trời, mặt trăng, còn mặt đất thì dường như hương thơm của trái chín. Đi trong vườn cây với những trái chín thơm hương, nhà thơ thấy nói lời cảm ơn với đất, với trời, với cây, và đặc biệt là với những người trồng cây ngày đêm vất vả cho mình được hái quả chín hôm nay.

B. Đọc - hiểu.

– HS làm bài tập cá nhân dựa trên các yêu cầu của bài đọc hiểu văn bản Cánh đồng vàng.

– Đáp án

Câu 1. Dựa vào ngôn cảnh đồng lúa thời gian nào trong ngày? Chọn đáp án đúng.

A. Buổi sáng B. Buổi trưa C. Buổi chiều D. Buổi tối

Đáp án: C (Buổi chiều).

Câu 2. Cảnh đồng lúa hiện ra như thế nào qua cảm nhận của bạn nhỏ khi ngồi trên di (tả màu sắc, vẽ âm thanh, vẽ sự chuyển động, phát triển)?

Đáp án: Khi ngồi trên di ngắm cảnh đồng lúa, bạn nhỏ cảm nhận được màu vàng rực của lúa chín trong nắng chiều hazy, cảm thấy cả cánh đồng lúa đang chuyển động, đang chen lấn nhau mà chín, như nghe thấy tiếng những bông lúa nói với nhau, giao nhau chín nhanh lên.

Câu 3. Tìm trong bài những từ ngữ tả màu sắc của cánh đồng lúa.

Đáp án: Những từ ngữ chỉ màu sắc của cánh đồng: vàng rực; vàng chanh; vàng cam; vàng chói.

147

Câu 4. Trong bài, cây lúa được nhân hoá bằng những cách nào?

Đáp án: Cây lúa trong bài được nhân hoá bằng các cách: (1) sử dụng từ ngữ chỉ hoạt động của người để tả, tả về cây lúa (chọn từ như: lắc lư, rung rinh, nhún nhảy, ...); (2) trò chuyện với cây lúa như trò chuyện với người.

– Ai ngồi trên di cao? Chín nhanh lên!

Tôi cũng thì nhún nhảy khi chùng:

– Tôi ngồi trên di cao. Tôi cũng đang chào rồi các bạn đây.

Câu 5. Nội dung của biện pháp nhân hoá trong nội dung câu thơ dưới đây đúng chưa.

Đáp án: Biện pháp nhân hoá góp phần làm cho cảnh đồng lúa càng trở nên gần gũi, thân thiết với con người (bạn nhỏ trong bài), chứng như có sức sống mãnh liệt, đang náo nức lên, trưởng thành, đang cho người những bông lúa trĩu hạt, cho mùa vàng bội thu.

Lưu ý: Ở lớp 4, HS đã được học các cách nhân hoá và tác dụng của biện pháp nhân hoá là làm cho các vật, hiện tượng tự nhiên trở nên gần gũi, sinh động hơn. Với câu hỏi 5 này, HS có thể trả lời theo cách cảm nhận riêng của mình và phù hợp với nội dung được miêu tả trong bài.

Câu 6. Theo em, vì sao bạn nhỏ cảm thấy mình gặp hạnh phúc trên con thuyền giữa biển mây rừng?

Đáp án tham khảo: Nhân vật “tôi” cảm thấy mình gặp hạnh phúc trên con thuyền giữa biển mây rừng là vì: Khi mặt trời xuống thấp, cánh đồng lúa như dòng lư, trôi ra mỗi lúc một rộng, giống như toàn bộ cánh đồng là một hồ nước mảnh mỏng màu vàng chói. Cánh đồng lấp lánh, lấp lánh. Trong khung cảnh đó, nhân vật “tôi” thấy mình như ngồi trên con thuyền giữa biển mây vàng. (HS có thể trả lời đơn giản, ngắn gọn hơn nhưng đảm bảo ý: Bạn nhỏ gặp niềm vui, có trí tưởng tượng phong phú. Bạn nhỏ là người rất yêu quê hương mình. (HS có thể trả lời đơn giản, ngắn gọn hơn nhưng đảm bảo ý: Bạn nhỏ gặp niềm vui, có trí tưởng tượng phong phú và có tình yêu đối với quê hương.)

Câu 7. Qua cách quan sát, cảm nhận về cánh đồng lúa đang chín, em thấy bạn nhỏ là người thế nào?

Đáp án tham khảo: Qua cách quan sát, cảm nhận về đồng lúa đang chín (cảm nhận các sắc màu khác nhau của cánh đồng lúa, nghe thấy lời thì thầm của lúa, thấy mình đang “chín vàng” cùng lúa và hoà chung niềm vui mùa lúa chín,...), có thể thấy bạn nhỏ (nhân vật “tôi”) có những cảm nhận tinh tế về mọi sự vật của cảnh vật thiên nhiên, là người giàu cảm xúc và có trí tưởng tượng phong phú. Bạn nhỏ là người rất yêu quê hương mình. (HS có thể trả lời đơn giản, ngắn gọn hơn nhưng đảm bảo ý: Bạn nhỏ gặp niềm vui, có trí tưởng tượng phong phú và có tình yêu đối với quê hương.)

Câu 8. Em hiểu thế nào về câu “Hòa nhập vào hạnh phúc lúa lao của người khác, bạn nhỏ sẽ hạnh phúc.”?

Đáp án tham khảo: Câu văn này muốn nói rằng: Chúng ta sẽ cảm thấy vui, thấy hạnh phúc, thấy cuộc sống đẹp và có ý nghĩa hơn khi biết sẻ chia, đồng cảm, chan hoà với

148

<p>mọi người quanh ta. (HS có thể trả lời đơn giản, ngắn gọn hơn, VD: Cầu vồng xuất hiện sau cơn mưa. Cầu vồng cũng giống như chiếc cầu, chính vì vậy ta cũng thấy nó có hình dáng như vậy.)</p> <p>Câu 9: Tìm nghĩa của từ <i>chất</i> trong mỗi câu được nêu trong SRS.</p> <p>Đáp án:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Nghĩa của từ <i>chất</i> trong câu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>a. Hòa nhập với cảnh đồng, tôi có niềm vui của lúa chín vàng.</td> <td>(quả) ở vào giai đoạn phát triển đầy đủ nhất, thường có màu đỏ hoặc vàng, có hương thơm, vị ngọt</td> </tr> <tr> <td>b. Một ngôi nhà <i>chất</i> còn hơn chín ngôi.</td> <td>thành thực, an hòa đầy đủ mọi khía cạnh</td> </tr> <tr> <td>c. Ăn <i>chất</i>, uống sữa.</td> <td>(thức ăn) được nấu nướng kĩ, đến độ ăn được</td> </tr> </tbody> </table>		Nghĩa của từ <i>chất</i> trong câu	a. Hòa nhập với cảnh đồng, tôi có niềm vui của lúa chín vàng.	(quả) ở vào giai đoạn phát triển đầy đủ nhất, thường có màu đỏ hoặc vàng, có hương thơm, vị ngọt	b. Một ngôi nhà <i>chất</i> còn hơn chín ngôi.	thành thực, an hòa đầy đủ mọi khía cạnh	c. Ăn <i>chất</i> , uống sữa.	(thức ăn) được nấu nướng kĩ, đến độ ăn được	
	Nghĩa của từ <i>chất</i> trong câu								
a. Hòa nhập với cảnh đồng, tôi có niềm vui của lúa chín vàng.	(quả) ở vào giai đoạn phát triển đầy đủ nhất, thường có màu đỏ hoặc vàng, có hương thơm, vị ngọt								
b. Một ngôi nhà <i>chất</i> còn hơn chín ngôi.	thành thực, an hòa đầy đủ mọi khía cạnh								
c. Ăn <i>chất</i> , uống sữa.	(thức ăn) được nấu nướng kĩ, đến độ ăn được								
<p>– GV nhắc HS làm từng câu theo trình tự: đọc câu hỏi, quay lại văn bản tìm chi tiết, chọn hoặc viết câu trả lời rõ ý.</p>	<p>– HS đọc thầm văn bản, trả lời câu hỏi đọc hiểu về thời gian, hình ảnh, từ ngữ miêu tả, biện pháp nhân hóa, nghĩa của từ và nội dung văn bản.</p>								
<p>– GV theo dõi lớp, nhắc HS giữ trật tự và quản lí thời gian.</p>	<p>– HS làm bài độc lập, trình bày câu trả lời ngắn gọn, đúng trọng tâm.</p>								
<p>3. Làm bài viết (22 phút) Mục tiêu: Đánh giá năng lực viết bài văn đã học trong 8 tuần đầu. Cách tiến hành:</p>									
<p>– GV nêu yêu cầu phần viết: HS chọn đề theo hướng dẫn trong đề kiểm tra, có thể viết bài văn kể chuyện sáng tạo hoặc bài văn tả phong cảnh theo yêu cầu.</p> <p>– GV nêu rõ phần viết có thể chọn một trong hai kiểu bài đã học ở 8 tuần đầu: bài văn kể chuyện sáng tạo hoặc bài văn tả phong cảnh.</p> <p>– GV nhắc HS trước khi viết cần lập nhanh ý chính ra nháp: nhân vật/sự việc nếu kể chuyện; cảnh vật/trình tự tả nếu tả phong cảnh.</p>									
<p>– GV nhắc HS đọc kĩ đề, xác định kiểu bài, lập nhanh ý chính trước khi viết.</p>	<p>– HS xác định kiểu bài: kể chuyện sáng tạo hoặc tả phong cảnh; ghi nhanh các ý chính.</p>								
<p>– GV nhắc HS bài văn cần có đủ bố cục, diễn đạt rõ ràng, dùng từ phù hợp, câu văn có hình ảnh và hạn chế lỗi chính tả.</p>	<p>– HS viết bài vào giấy kiểm tra, chú ý mở bài, thân bài, kết bài; đọc lại để sửa lỗi.</p>								
<p>4. Thu bài, nhận xét chung (3 phút) Mục tiêu: Kết thúc kiểm tra đúng quy định, giúp HS tự nhìn lại quá trình làm bài. Cách tiến hành:</p>									
<p>– GV yêu cầu HS kiểm tra lại họ tên, lớp, số tờ và nộp bài theo thứ tự.</p>	<p>– HS kiểm tra lại bài làm, nộp bài đúng quy định.</p>								
<p>– GV nhận xét tinh thần làm bài của lớp, dặn HS chuẩn bị chủ đề tiếp theo.</p>	<p>– HS lắng nghe, chuẩn bị bài học sau.</p>								

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT 5 CHỦ ĐIỂM: TRÊN CON ĐƯỜNG HỌC TẬP TUẦN 10

BÀI 17: THƯ GỬI CÁC HỌC SINH TIẾT 1: ĐỌC: THƯ GỬI CÁC HỌC SINH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng và diễn cảm bài Thư gửi các học sinh; biết điều chỉnh giọng đọc và ngữ điệu để thể hiện tình cảm triu mến, sự tin tưởng của Bác Hồ đối với thiếu nhi Việt Nam.
- Hiểu nội dung bức thư; cảm nhận tình cảm của Bác Hồ dành cho thiếu nhi trong niềm vui ngày khai trường đầu tiên sau khi nước nhà giành được độc lập; hiểu mong muốn của Bác qua lời khuyên học sinh chăm học, nghe thầy, yêu bạn.
- Hiểu sự tin tưởng của Bác Hồ: học sinh sẽ là những người kế tục xứng đáng sự nghiệp của cha ông, xây dựng đất nước Việt Nam sánh vai với các cường quốc năm châu.
- Biết nêu cảm nghĩ sau khi đọc thư của Bác Hồ; học thuộc lòng đoạn thư từ “Sau 80 năm giời nô lệ...” đến “nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, tự luyện đọc và tự điều chỉnh cách đọc theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi với bạn về lễ khai giảng, thảo luận câu hỏi đọc hiểu, lắng nghe và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết trong văn bản, suy luận để nêu ý nghĩa lời khuyên của Bác Hồ.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: yêu Tổ quốc, biết tự hào về ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập.
- Chăm chỉ: có ý thức cố gắng, siêng năng học tập, nghe thầy, yêu bạn.
- Trách nhiệm: biết rèn luyện bản thân để góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

4. Tích hợp

- QPAN: Liên hệ trách nhiệm của thế hệ trẻ trong giữ gìn thành quả độc lập, yêu Tổ quốc và có ý thức học tập vì tương lai đất nước.
- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục HS thực hiện lời Bác dạy, chăm học, chăm làm, rèn luyện để góp phần xây dựng đất nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh minh họa chủ điểm Trên con đường học tập; tranh minh họa bài đọc Thư gửi các học sinh.
- Toàn văn bức thư Bác Hồ gửi học sinh cả nước (nếu có); một số tác phẩm, tranh ảnh viết về Bác Hồ.
- Màn hình hoặc máy chiếu; hình và bài tập trong SGK được cắt, chèn ngay dưới câu lệnh GV tương ứng.
- Phiếu học tập, bút dạ dùng cho hoạt động đọc hiểu và luyện đọc thuộc lòng.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: Giúp HS hiểu chủ điểm mới Trên con đường học tập, tạo hứng thú với bài đọc Thư gửi các học sinh.</i> Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu chủ điểm mới: Hôm nay, các em bước sang chủ điểm thứ ba: Trên con đường học tập. GV yêu cầu HS quan sát tranh chủ điểm và cho biết bức tranh nói với em điều gì về chủ điểm này.	- HS quan sát tranh chủ điểm, nêu cảm nhận cá nhân về bức tranh.



- GV tổng hợp ý kiến của HS và nói thêm: Hình ảnh những cuốn sách xếp tầng tầng lớp lớp gợi tri thức của loài người là vô tận; con đường mở ra từ cuốn sách như vậy gọi các em học tập, vững bước đến với tri thức để khôn lớn, trưởng thành.

- HS lắng nghe, hiểu ý nghĩa của chủ điểm mới và liên hệ với việc học tập của bản thân.

- GV nêu tên bài học Thư gửi các học sinh và nói về ngày khai trường đặc biệt năm 1945, sau Cách mạng tháng Tám thành công, ngày khai trường hoà trong niềm vui chung của đất nước vừa giành được độc lập.

- HS nêu tên bài đọc, chuẩn bị tâm thế đọc văn bản.

- GV giao nhiệm vụ cho các nhóm: Kể về một lễ khai giảng để lại nhiều ấn tượng đẹp đối với em; có thể giải thích vì sao lễ khai giảng ấy khiến em nhớ nhất.

- HS trao đổi theo nhóm, kể về một lễ khai giảng đáng nhớ của mình.

- GV mời 1 - 2 nhóm trình bày, nhận xét và dẫn vào bài: Đây là bức thư Bác Hồ gửi học sinh cả nước nhân ngày khai giảng đầu tiên, sau khi nước ta giành được độc lập, chấm dứt ách thống trị hơn 80 năm của thực dân Pháp.

- Đại diện nhóm trình bày; các nhóm khác lắng nghe, bổ sung.

2. Khám phá: Hoạt động luyện đọc (15 phút)

Mục tiêu: HS đọc đúng, đọc diễn cảm bài Thư gửi các học sinh; biết ngắt nghỉ, nhấn giọng phù hợp và hiểu nghĩa một số từ ngữ trong bài.

Cách tiến hành:

- GV đọc mẫu toàn bài với giọng đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ phù hợp để thể hiện tình cảm yêu thương, thái độ triu mến, lòng tin tưởng của Bác Hồ dành cho thiếu nhi.

- HS nghe GV đọc mẫu, theo dõi bài đọc trong SGK.

- GV hướng dẫn HS quan sát văn bản và tranh minh hoạ trong SGK.



- HS quan sát tranh minh hoạ, hình dung bối cảnh ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập.

- GV hướng dẫn đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, chuyển biến khác thường, siêng năng, cơ đồ, hoàn cầu, cường quốc, tựu trường,...

- HS luyện đọc từ khó theo hướng dẫn, sửa lỗi phát âm cho nhau.

- GV hướng dẫn ngắt giọng ở câu dài: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không,/ dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang/ để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không,/ chính là nhờ một phần lớn/ ở công học tập của các em.”

- HS luyện ngắt nghỉ đúng ở câu dài, đọc lại câu theo nhịp GV hướng dẫn.

- GV mời 2 HS đọc nối tiếp bức thư trước lớp; nhận xét việc đọc diễn cảm của HS.

- 2 HS đọc nối tiếp bức thư trước lớp; lớp nhận xét cách đọc.

- GV tổ chức cho HS đọc trong nhóm, đọc nối tiếp theo cặp; nhắc HS chú ý giọng đọc trù mến, trang trọng.

- HS đọc nối tiếp theo cặp, góp ý cho bạn về phát âm, ngắt nghỉ, giọng đọc.

- GV mời HS đọc thầm phần giải nghĩa từ ngữ dưới bài đọc và hỏi HS có từ nào chưa hiểu; GV giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển.

- HS đọc phần Từ ngữ, nêu nghĩa của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, 80 năm giờ nô lệ, cơ đồ, hoàn cầu.

3. Luyện tập: Hoạt động đọc hiểu (15 phút)

Mục tiêu: HS trả lời đầy đủ các câu hỏi đọc hiểu trong SGK; biết dựa vào chi tiết trong thư để hiểu tình cảm, mong muốn và niềm tin của Bác Hồ.

Mục tiêu tích hợp: HS liên hệ trách nhiệm của thế hệ trẻ trong giữ gìn thành quả độc lập; thực hiện lời Bác dạy, chăm học, chăm làm để góp phần xây dựng đất nước.

Cách tiến hành:

- GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các câu hỏi trong SGK: có thể làm việc cá nhân, trao đổi theo cặp/nhóm rồi trình bày trước lớp.

Từ ngữ

- *Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*: tên nước ta từ năm 1945 đến năm 1976. Văn bản trên được trích từ thư của Bác Hồ gửi học sinh cả nước nhân ngày khai giảng năm học đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, tháng 9 năm 1945.
- *Bao nhiêu cuộc chuyển biến khác thường*: ý nói những sự kiện lớn từ giữa năm 1945 đến ngày khai trường, nổi bật là cuộc Cách mạng tháng Tám và sự ra đời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
- *80 năm giới nô lệ*: 80 năm nước ta bị thực dân Pháp đô hộ.
- *Cơ đồ: sự nghiệp lớn, đồ đạc có nghĩa là đất nước, giang sơn.*
- *Hoàn cầu: thế giới.*



1. Câu nào trong thư của Bác Hồ cho thấy ngày khai trường tháng 9 năm 1945 rất đặc biệt?
2. Chi tiết nào trong thư cho thấy Bác vui cùng niềm vui của học sinh nhân ngày khai trường?
3. Bác nhắc học sinh nhớ đến ai, nghĩ đến điều gì trong giờ phút hạnh phúc của ngày tựu trường?
4. Vì sao Bác khuyên các em học sinh phải cố gắng, siêng năng học tập,... trong những năm học tới?
5. Nêu cảm nghĩ của em sau khi đọc thư Bác Hồ gửi các học sinh.

- HS đọc lại đoạn đầu của bức thư, tìm câu văn trả lời câu hỏi.

- **Câu 1.** GV nêu câu hỏi: Câu nào trong thư của Bác Hồ cho thấy ngày khai trường tháng 9 năm 1945 rất đặc biệt?

- HS trả lời: “Ngày hôm nay là ngày khai trường đầu tiên ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.” Câu văn này cho thấy đây là ngày khai trường đầu tiên sau khi nước ta giành được độc lập.

- GV hướng dẫn HS đọc lướt văn bản để tìm chi tiết cho thấy mốc đặc biệt của ngày khai trường tháng 9 năm 1945.

- **Câu 2.** GV nêu câu hỏi: Chi tiết nào trong thư cho thấy Bác vui cùng niềm vui của học sinh nhân ngày khai trường?

- HS trả lời: Bác tưởng tượng thấy cảnh nhộn nhịp, tưng bừng của ngày tựu trường ở khắp nơi; Bác hình dung các em đều vui vẻ vì sau mấy tháng nghỉ học lại được gặp thầy, gặp bạn; Bác chúc các em một năm đầy vui vẻ và kết quả tốt đẹp.

- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi nhóm để thống nhất câu trả lời.

- **Câu 3.** GV nêu câu hỏi: Bác nhắc học sinh nhớ đến ai, nghĩ đến điều gì trong giờ phút hạnh phúc của ngày tựu trường?

- HS trả lời: Bác nhắc HS nhớ đến công ơn của biết bao đồng bào đã chiến đấu, hi sinh để giành lại độc lập, tự do cho dân tộc.

- GV có thể kẻ bảng gồm hai cột: Bác nhắc HS nhớ đến ai? Bác nhắc HS nghĩ đến điều gì? để HS điền ý.

- **HS bổ sung:** Bác nhắc HS nghĩ đến trách nhiệm cố gắng, siêng năng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy, yêu bạn; nghĩ đến công cuộc xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên để lại.

- **Tích hợp QPAN:** GV đặt câu hỏi dẫn: Được học trong một đất nước độc lập là niềm hạnh phúc lớn. Theo em, thế hệ học sinh hôm nay cần làm gì để giữ gìn thành quả độc lập và thể hiện lòng yêu Tổ quốc?

- HS liên hệ: Em cần biết ơn Bác Hồ, biết ơn những người đã hi sinh vì độc lập; chăm học, chăm làm, thực hiện tốt nội quy trường lớp, yêu quê hương đất nước.

- GV chốt: Yêu Tổ quốc không chỉ là lời nói mà thể hiện qua việc học tập nghiêm túc, biết ơn thế hệ đi trước, giữ gìn truyền thống và sống có trách nhiệm với cộng đồng.

- **HS liên hệ thêm:** Em thể hiện lòng yêu Tổ quốc bằng cách học tốt, lễ phép, giữ gìn trường lớp sạch đẹp, biết ơn Bác Hồ và các anh hùng liệt sĩ.

- GV diễn giải thêm: Bác Hồ viết thư trong ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, vì

- HS nêu việc làm cụ thể: Em sẽ chấp hành nội quy, tham gia hoạt động của lớp, giúp đỡ bạn và cố gắng

vậy việc các em được học tập hôm nay gắn với công lao của các thế hệ đi trước và trách nhiệm tiếp nối, giữ gìn thành quả độc lập.	rèn luyện mỗi ngày.
- GV yêu cầu HS liên hệ bằng việc làm cụ thể: học tập nghiêm túc, hát Quốc ca đúng thái độ, giữ gìn tài sản trường lớp, nói lời hay, làm việc tốt, biết giúp đỡ bạn và không thờ ơ trước những việc chung của lớp.	
- GV nhấn mạnh: Lòng yêu Tổ quốc của học sinh tiểu học được thể hiện từ những hành động nhỏ, bền bỉ hằng ngày; khi mỗi em chăm học, sống kỉ luật và biết ơn, các em đã góp phần làm đẹp hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam.	
- Câu 4. GV nêu câu hỏi: Vì sao Bác khuyên các em học sinh phải cố gắng, siêng năng học tập,... trong những năm học tới?	- HS trả lời: Vì sau 80 năm bị đô hộ, đất nước cần được xây dựng lại; chỉ bằng con đường học tập, học sinh mới có kiến thức, hiểu biết để góp phần làm cho nước nhà theo kịp các nước khác trên hoàn cầu, sánh vai với các cường quốc năm châu.
- GV khích lệ HS nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ, suy luận hợp lí.	
- Câu 5. GV nêu câu hỏi: Nêu cảm nghĩ của em sau khi đọc thư Bác Hồ gửi các học sinh.	- HS nêu cảm nghĩ: Em xúc động vì Bác Hồ rất yêu thương và tin tưởng học sinh. Em hiểu việc học của mình có ý nghĩa đối với tương lai đất nước.
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV gợi mở: Qua lời Bác dạy, em thấy mình cần rèn luyện những điều gì trong học tập và cuộc sống hằng ngày?	- HS liên hệ: Em cần siêng năng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy cô, yêu thương bạn bè, cố gắng trở thành người có ích.
- GV chốt: Thực hiện lời Bác dạy là chăm học, chăm làm, nghe thầy, yêu bạn, biết rèn luyện để góp phần xây dựng đất nước.	- HS tự liên hệ: Em cần học đều hơn, đọc bài trước ở nhà, không nói chuyện riêng trong giờ học và biết giúp bạn khi bạn chưa hiểu bài.
- GV diễn giải sâu: Lời Bác không chỉ nhắc học sinh chăm học mà còn gửi gắm niềm tin vào thế hệ trẻ; các em cần hiểu rằng việc học hôm nay có ý nghĩa chuẩn bị cho tương lai của bản thân, gia đình và đất nước.	- HS cam kết: Em sẽ chọn một việc làm theo lời Bác dạy như chăm học hơn, giữ lớp sạch hơn hoặc lễ phép hơn với người lớn.
- GV hướng dẫn HS soi lại bản thân: Em đã chăm chỉ ở điểm nào? Em còn cần rèn thói quen nào để xứng đáng với lời dạy của Bác? Mỗi em chọn một việc làm cụ thể sẽ thực hiện trong tuần.	
- GV chốt mở rộng: Thực hiện lời Bác dạy là biết tự giác học bài, trung thực trong kiểm tra, đoàn kết với bạn, kính trọng thầy cô, biết nhận lỗi và sửa lỗi để trở thành người công dân có ích.	
4. Vận dụng: Luyện đọc lại và học thuộc lòng (5 phút) Mục tiêu: HS luyện đọc lại đoạn thư yêu thích, học thuộc lòng đoạn thư theo yêu cầu và củng cố ý nghĩa bài đọc. Cách tiến hành:	
- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bức thư, chú ý giọng trang trọng, trù mến ở những câu thể hiện	- HS luyện đọc diễn cảm theo cặp hoặc cá nhân.

tình cảm và niềm tin của Bác Hồ.	
- GV yêu cầu HS học thuộc lòng đoạn thư từ “Sau 80 năm giờ nô lệ...” đến “nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”.	- HS học thuộc lòng đoạn thư, đọc cho bạn nghe và góp ý cho nhau.
- GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS đọc tốt, trả lời sâu sắc; dặn HS tiếp tục luyện đọc và chuẩn bị tiết Luyện từ và câu: Sử dụng từ điển.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ học tập.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 17: THƯ GỬI CÁC HỌC SINH TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU - SỬ DỤNG TỪ ĐIỂN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Biết cách sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa và các thông tin cần thiết của từ.
- Biết sắp xếp các bước tra cứu nghĩa của từ trong từ điển theo trình tự đúng.
- Biết đọc thông tin của một mục từ: từ loại, nghĩa gốc, nghĩa chuyển, ví dụ về cách sử dụng.
- Biết tra cứu nghĩa của các từ học tập, tập trung, trôi chảy và đặt câu với một nghĩa chuyển của mỗi từ.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự tra cứu từ điển, tự kiểm tra kết quả tra cứu.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm, thống nhất đáp án, góp ý câu đặt của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết chọn nguồn tra cứu phù hợp, vận dụng nghĩa của từ để đặt câu đúng ngữ cảnh.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực thực hành tra từ điển và hoàn thành nhiệm vụ.
- Trung thực: đối chiếu kết quả tra cứu với nguồn tin cậy, không chép máy móc.
- Trách nhiệm: sử dụng thiết bị số đúng mục đích, biết kiểm chứng thông tin khi dùng từ điển số/chatbot.

4. Tích hợp

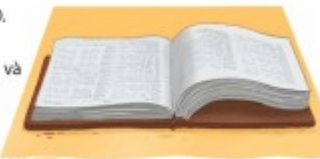
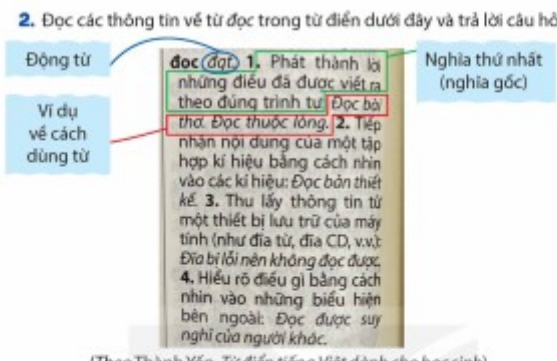
- NLS: 6.2.CB2a - HS dùng từ điển số/chatbot để giải nghĩa từ khó, đối chiếu với nguồn tin cậy.

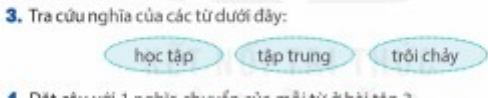
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Từ điển học sinh, từ điển tiếng Việt; tranh minh họa bài tập 2 trong SGK phóng to hoặc trình chiếu.
- Máy chiếu/màn hình; thiết bị có kết nối Internet để GV minh họa từ điển số hoặc chatbot theo hướng dẫn.
- Thẻ chữ ghi các bước tra cứu nghĩa của từ; phiếu học tập cho hoạt động nhóm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Ôn lại hiểu biết của HS về từ điển và tạo hứng thú với bài học Sử dụng từ điển. CÁCH TIẾN HÀNH:	
- GV hỏi: Ở lớp 4, các em đã biết những công dụng nào của từ điển? Khi gặp một từ chưa hiểu, em thường làm gì?	- HS trả lời: Từ điển giúp tra nghĩa của từ, cách viết, từ loại, ví dụ sử dụng; khi gặp từ chưa hiểu, em có thể hỏi thầy cô, hỏi bạn hoặc tra từ điển.
- GV giới thiệu: Trong tiết học này, các em tiếp tục học cách sử dụng từ điển và học kỹ hơn cách tra các thông tin cần thiết trong một mục từ.	- HS lắng nghe, chuẩn bị thực hành.
2. Khám phá: Bài tập 1 - Sắp xếp các bước tra cứu (8 phút) Mục tiêu: HS nhận biết trình tự đúng khi tra cứu nghĩa của từ đọc trong từ điển. CÁCH TIẾN HÀNH:	
- GV mời 1 HS đọc câu lệnh bài tập 1 và các bước tra cứu nghĩa của từ đọc trong SGK.	- 1 HS đọc yêu cầu; cả lớp theo dõi các bước trong SGK.

<p>* Học thuộc lòng đoạn thơ từ Sau 80 năm giới nô lệ đến nhờ một phần lớn ở công học tập của các em.</p> <p>LUYỆN TỪ VÀ CÂU</p> <p>SỬ DỤNG TỪ ĐIỂN</p> <p>1. Sắp xếp các bước sau theo trình tự tra cứu nghĩa của từ đọc trong từ điển.</p> <ol style="list-style-type: none"> Tìm từ đọc. Tìm mục từ bắt đầu bằng chữ Đ. Chọn từ điển phù hợp. Đọc ví dụ để hiểu thêm ý nghĩa và cách dùng từ đọc. Đọc nghĩa của từ đọc. 	
<p>- GV có thể sử dụng thẻ chữ dán trên bảng để HS đảo thẻ theo trật tự đúng.</p>	<p>- HS quan sát thẻ chữ, chuẩn bị sắp xếp.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân trước, sau đó trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả.</p>	<p>- HS làm việc cá nhân, đọc kĩ các bước tra cứu, tìm thứ tự sắp xếp phù hợp.</p>
<p>- GV mời đại diện nhóm trình bày và chốt đáp án: c - b - a - e - d.</p>	<p>- HS thống nhất đáp án: c. Chọn từ điển phù hợp; b. Tìm mục từ bắt đầu bằng chữ Đ; a. Tìm từ đọc; e. Đọc nghĩa của từ đọc; d. Đọc ví dụ để hiểu thêm ý nghĩa và cách dùng từ đọc.</p>
<p>3. Luyện tập: Bài tập 2 - Đọc thông tin trong mục từ (12 phút) Mục tiêu: HS đọc được các thông tin về từ đọc trong trang minh họa từ điển: từ loại, nghĩa gốc, nghĩa chuyển và ví dụ sử dụng. Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV nêu yêu cầu bài tập 2; trình chiếu hình ảnh mục từ đọc trong SGK hoặc dán tranh phóng to lên bảng.</p>  <p>2. Đọc các thông tin về từ đọc trong từ điển dưới đây và trả lời câu hỏi.</p> <p>Động từ</p> <p>Ví dụ về cách dùng từ</p> <p>Nghĩa thứ nhất (nghĩa gốc)</p> <p>(Theo Thành Yển, Từ điển tiếng Việt dành cho học sinh)</p> <ol style="list-style-type: none"> Từ đọc là danh từ, động từ hay tính từ? Nghĩa gốc của từ đọc là gì? Từ đọc có mấy nghĩa chuyển? Nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ được sắp xếp như thế nào? <p>3. Tra cứu nghĩa của các từ dưới đây:</p> <p>học tập tập trung trôi chảy</p>	<p>- HS quan sát mục từ đọc trong SGK, đọc các thông tin được chỉ dẫn.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc các chỉ dẫn: (đgt) là động từ; “Phát thành lời những điều đã được viết ra theo đúng trình tự” là nghĩa thứ nhất, nghĩa gốc; phần in nghiêng là ví dụ về cách sử dụng.</p>	<p>- HS nhận biết từ loại, nghĩa gốc, nghĩa chuyển, ví dụ sử dụng của từ đọc.</p>
<p>- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi a, b, c, d trong SGK; nhắc HS với thông tin chứa chữ viết tắt cần tra bảng viết tắt hoặc hỏi nguồn đáng tin cậy.</p>	<p>- HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi nhóm để thống nhất câu trả lời.</p>

- GV mời đại diện 2 - 3 nhóm trình bày, cả lớp nhận xét và thống nhất đáp án.	- HS trả lời: a. Từ đọc là động từ. b. Nghĩa gốc là phát thành lời những điều đã được viết ra theo đúng trình tự. c. Từ đọc có 3 nghĩa chuyển. d. Nghĩa gốc được viết đầu tiên; các nghĩa chuyển được viết sau nghĩa gốc.
- GV nói thêm: Ví dụ về cách sử dụng từ rất quan trọng vì giúp chúng ta hiểu rõ từ ấy được dùng trong hoàn cảnh nào.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách đọc ví dụ để hiểu nghĩa và cách dùng từ.
4. Thực hành: Bài tập 3, 4 - Tra cứu nghĩa và đặt câu (15 phút) <i>Mục tiêu: HS tra cứu nghĩa các từ học tập, tập trung, trôi chảy; biết đặt câu với một nghĩa chuyển của mỗi từ.</i> Mục tiêu tích hợp: HS dùng từ điển số/chatbot để giải nghĩa từ khó, biết đối chiếu với từ điển học sinh hoặc nguồn tin cậy trước khi sử dụng. Cách tiến hành:	
- GV mời 1 HS đọc câu lệnh bài tập 3: Tra cứu nghĩa của các từ học tập, tập trung, trôi chảy. d. Nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ được sắp xếp như thế nào? 	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập; cả lớp xác định nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân: tra cứu nghĩa, từ loại của từng từ, ghi nhanh vào vở hoặc phiếu học tập; sau đó trình bày trong nhóm theo thứ tự: nghĩa của từ, từ loại, câu đã đặt.	- HS tra cứu từng từ, ghi nghĩa và từ loại; sau đó trình bày trong nhóm, nghe bạn góp ý.
- Tích hợp NLS 6.2.CB2a: GV hướng dẫn HS dùng từ điển số/chatbot đúng mục đích: gõ từ cần tra, đọc kết quả, đối chiếu với từ điển học sinh hoặc trang/tài liệu đáng tin cậy; nếu kết quả khác nhau, cần hỏi GV hoặc kiểm tra lại trước khi ghi vào vở.	- HS thực hành theo hướng dẫn: tra cứu trên từ điển giấy hoặc từ điển số; đối chiếu nghĩa tìm được với nguồn tin cậy.
- GV nhấn mạnh: Chatbot có thể hỗ trợ gợi ý nghĩa và ví dụ nhưng HS không chép nguyên xi; phải kiểm chứng thông tin và hiểu nghĩa trước khi sử dụng.	- HS nêu: Em cần kiểm chứng kết quả, không sử dụng thông tin khi chưa hiểu rõ.
- GV diễn giải cụ thể thao tác số: HS chỉ dùng thiết bị khi được GV cho phép; nhập đúng từ cần tra, đọc kỹ nhiều nghĩa của từ, chọn nghĩa phù hợp với ngữ cảnh trong bài, sau đó ghi lại bằng lời hiểu của mình.	- HS thực hành: Em tra từ, đọc các nghĩa, chọn nghĩa phù hợp với câu trong bài rồi nói lại bằng lời của mình.
- GV nhắc quy tắc kiểm chứng: Kết quả từ chatbot hoặc từ điển số cần được so sánh với SGK, từ điển học sinh hoặc ý kiến của GV; không vội tin vào kết quả đầu tiên, không chép máy móc ví dụ do công cụ tạo ra.	- HS nêu quy tắc: Em cần kiểm chứng với SGK hoặc hỏi GV; em không nhập thông tin cá nhân và không chép nguyên xi câu trả lời của chatbot.
- GV liên hệ an toàn số: Khi tra cứu, HS không bấm vào quảng cáo, không nhập họ tên, số điện thoại, địa chỉ hoặc thông tin riêng tư; chỉ truy cập nguồn được GV hướng dẫn và sử dụng công cụ để phục vụ nhiệm vụ học tập.	
- GV mời đại diện 2 - 3 nhóm trình bày kết quả tra cứu; cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất nghĩa phù hợp.	- Đại diện nhóm trình bày kết quả tra cứu.

- GV hướng dẫn bài tập 4: Chọn một nghĩa chuyển của mỗi từ ở bài tập 3 để đặt câu; câu phải rõ nghĩa, đúng ngữ cảnh.	- HS đặt câu, ví dụ: Em đọc được suy nghĩ lo lắng của bạn qua nét mặt. Cả lớp tập trung hướng về sân khấu. Dòng nước trôi chảy qua khe đá.
5. Vận dụng (5 phút) <i>Mục tiêu: HS củng cố cách sử dụng từ điển và vận dụng trong học tập hằng ngày.</i> Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nhắc lại trình tự tra cứu nghĩa của từ trong từ điển và những điều cần chú ý khi dùng từ điển số/chatbot.	- HS nhắc lại: chọn từ điển phù hợp, tìm mục từ, tìm từ cần tra, đọc nghĩa, đọc ví dụ, đối chiếu thông tin.
- GV nhận xét tiết học, khen ngợi những HS tra cứu nhanh, đúng và biết đặt câu hay; dặn HS chuẩn bị tiết Viết.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 17: THƯ GỬI CÁC HỌC SINH

TIẾT 3: VIẾT - TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT CUỐN SÁCH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Biết cách viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ,...
- Nhận biết nội dung chính, phần mở đầu, phần triển khai và phần kết thúc của đoạn văn giới thiệu nhân vật Mi-lô.
- Xác định được các đặc điểm nổi bật của nhân vật và dẫn chứng làm rõ đặc điểm.
- Biết trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc ngữ liệu, tự xác định bố cục và đặc điểm nhân vật.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm, trình bày kết quả, góp ý cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết chọn đặc điểm tiêu biểu, tìm dẫn chứng phù hợp để giới thiệu nhân vật.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực đọc, phân tích đoạn văn và ghi nhớ cách viết.
- Nhân ái: biết trân trọng những nhân vật có ý chí, ước mơ và nghị lực.
- Trách nhiệm: sử dụng công cụ AI đúng mục đích, biết kiểm chứng thông tin trước khi vận dụng.

4. Tích hợp

- AI: 5.A3.1 - Sử dụng chatbot AI giải nghĩa từ khó trong thư của Bác Hồ; rèn thói quen kiểm chứng thông tin.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Sơ đồ trong câu c của bài tập 1, mục Viết; đoạn văn giới thiệu nhân vật Mi-lô trong SGK.
- Phiếu bài tập dành cho bài tập 1; máy chiếu/màn hình để trình chiếu ngữ liệu.
- Thiết bị minh họa cách hỏi chatbot AI và đối chiếu kết quả với từ điển, SGK hoặc hướng dẫn của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: Kết nối kiến thức tiết Luyện từ và câu với hoạt động tìm hiểu cách viết đoạn văn giới thiệu nhân vật.</i> Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Khi giới thiệu một nhân vật trong sách, em cần cho người nghe biết những thông tin nào?	- HS trả lời: Cần nêu tên sách, tên tác giả, tên nhân vật, ấn tượng chung, đặc điểm nổi bật, dẫn chứng và cảm nghĩ về nhân vật.
- GV dẫn vào bài: Hôm nay, các em đọc một đoạn	- HS lắng nghe, chuẩn bị đọc ngữ liệu.

văn giới thiệu nhân vật Mi-lô để tìm hiểu cách viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.

2. Khám phá: Bài tập 1 - Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi (20 phút)

Mục tiêu: HS nhận biết nội dung chính, bố cục và cách triển khai đặc điểm nhân vật trong đoạn văn mẫu.

Mục tiêu tích hợp: HS biết sử dụng chatbot AI để giải nghĩa từ khó khi cần, đồng thời đối chiếu với nguồn tin cậy, không phụ thuộc hoàn toàn vào kết quả do AI tạo ra.

Cách tiến hành:

- GV mời 2 HS đọc đoạn văn trong SGK về nhân vật Mi-lô.

4. Đặt câu với 1 nghĩa chuyển của mỗi từ ở bài tập 3.

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT CUỐN SÁCH

1. Đọc đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi.

Truyện kể hằng đêm dành cho các cô bé cá tính của tác giả Ê-lê-na Pha-vi-li và Phran-xét-ca Ca-va-lô là cuốn sách thú vị kể về 100 phụ nữ nổi tiếng toàn cầu. Trong đó, người để lại ấn tượng mạnh nhất là Mi-lô – nữ nghệ sĩ trống người Cu-ba. Ngay từ nhỏ, Mi-lô đã bộc lộ rõ năng khiếu âm nhạc của mình. Trống tim-pan-ni, công-ga, bông-gô,... loại nào cô cũng chơi được.

Mi-lô mơ ước trở thành một nghệ sĩ trống, mặc dù ở quê hương cô, chỉ con trai mới được chơi trống. Cô quyết tâm theo đuổi ước mơ của mình. Hằng ngày, cô rèn khả năng cảm nhận âm thanh bằng cách lắng nghe những tiếng động xung quanh: tiếng lá đu đưa, tiếng chim ruồi vỗ cánh,... Với sự kiên trì, cô đã thuyết phục được cha cho tham gia lớp học nhạc. Trải qua bao khó khăn, Mi-lô vẫn tin: “Sẽ đến một ngày mình được chơi trong một ban nhạc thú thật!”. Nhờ tài năng, sự nỗ lực và niềm tin của Mi-lô, thế giới đã có một nghệ sĩ trống nổi tiếng. Mi-lô đã trở thành tấm gương về lòng quyết tâm theo đuổi ước mơ.

(Vũ Mạnh Hùng)

a. Đoạn văn trên có nội dung chính là gì? Chọn đáp án đúng.
 A. Nêu tình cảm, cảm xúc của người viết đối với nhân vật Mi-lô.
 B. Giới thiệu về nhân vật Mi-lô trong cuốn sách *Truyện kể hằng đêm* dành cho các cô bé cá tính.

- 2 HS đọc đoạn văn; cả lớp theo dõi SGK.

- GV yêu cầu HS đọc câu hỏi a: Đoạn văn trên có nội dung chính là gì? Chọn đáp án đúng.

- HS trao đổi nhóm đôi và chọn đáp án.

- GV gợi ý HS nhớ lại kiểu đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc; đoạn văn nêu lí do thích câu chuyện; đoạn văn kể lại câu chuyện để lựa chọn đáp án đúng.

- HS trả lời: Đáp án B - Giới thiệu về nhân vật Mi-lô trong cuốn sách *Truyện kể hằng đêm* dành cho các cô bé cá tính.

- GV nêu yêu cầu câu b: Tìm phần mở đầu và kết thúc của đoạn văn. Mỗi phần cho biết thông tin gì?

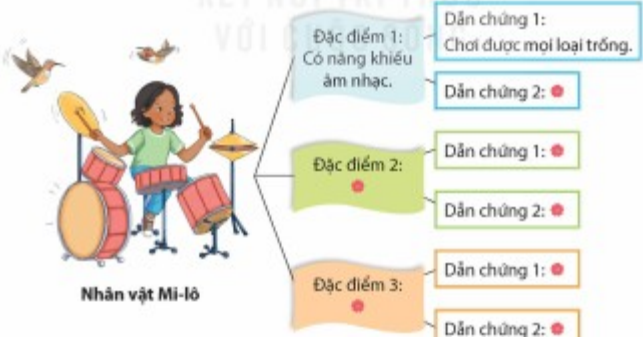
- HS trao đổi nhóm 4 để thống nhất câu trả lời.

- GV trình chiếu đoạn văn, hướng dẫn HS xác định vị trí và nội dung phần mở đầu, phần kết thúc.

- HS trả lời: Phần mở đầu là câu giới thiệu cuốn sách, tác giả, nhân vật Mi-lô và ấn tượng chung. Phần kết thúc là câu “Mi-lô đã trở thành tấm gương về lòng quyết tâm theo đuổi ước mơ.”, nêu nhận định tổng quan của người đọc về nhân vật.

- GV nêu yêu cầu câu c: Phân triển khai nói về những đặc điểm nào của nhân vật Mi-lô? Với mỗi đặc điểm, người viết đã đưa những dẫn chứng gì về hành động, suy nghĩ của nhân vật?

- HS đọc lại đoạn văn, trao đổi nhóm 4 và hoàn thành sơ đồ.

<p>...Sách truyện mà chúng tôi tìm ra trong sách truyện mà chúng tôi dành cho các cô bé cô tính.</p> <p>C. Nếu li do người viết yêu thích cuốn sách <i>Truyện kể hàng đêm</i> dành cho các cô bé cô tính.</p> <p>D. Kể về 100 phụ nữ nổi tiếng trên thế giới.</p> <p>b. Tìm phần mở đầu và kết thúc của đoạn văn. Mỗi phần cho biết thông tin gì?</p> <p>c. Phân triển khai nói về những đặc điểm nào của nhân vật Mi-lô? Với mỗi đặc điểm, người viết đã đưa những dẫn chứng gì (về hành động, suy nghĩ,... của nhân vật)?</p>  <p>Nhân vật Mi-lô</p>	
<p>- GV trình chiếu sơ đồ đặc điểm của nhân vật Mi-lô; có thể phát phiếu học tập cho từng nhóm để ghi kết quả.</p>	<p>- HS trả lời: Mi-lô có năng khiếu âm nhạc: chơi được trống tim-pan-ni, công-ga, bông-gô. Mi-lô kiên trì theo đuổi ước mơ: vượt qua quan niệm chỉ con trai mới được chơi trống, rèn khả năng cảm nhận âm thanh, thuyết phục cha cho tham gia lớp học nhạc. Mi-lô tự tin: tin có ngày được chơi trong một ban nhạc thứ thiệt.</p>
<p>- Tích hợp AI 5.A3.1: GV minh hoạ ngắn cách dùng chatbot AI để giải nghĩa một từ khó hoặc cụm từ trong thư của Bác Hồ như “cơ đồ”, “hoàn cầu”, “cường quốc”; sau đó yêu cầu HS đối chiếu lại với phần Từ ngữ trong SGK hoặc từ điển.</p>	<p>- HS quan sát cách GV đặt câu hỏi cho chatbot AI và đối chiếu kết quả với SGK/từ điển.</p>
<p>- GV nhắc HS: AI hỗ trợ giải thích nhanh nhưng có thể trả lời chưa chính xác; khi viết đoạn văn giới thiệu nhân vật, cần kiểm chứng tên sách, tên tác giả, thông tin nhân vật trước khi đưa vào bài viết.</p>	<p>- HS nêu: Em không chép ngay câu trả lời của AI; em phải kiểm tra lại bằng SGK, từ điển hoặc hỏi GV.</p>
<p>- GV diễn giải quy trình dùng AI: GV nêu một câu lệnh ngắn, rõ ràng, ví dụ “Giải nghĩa từ cơ đồ trong câu văn này cho học sinh lớp 5”; sau khi AI trả lời, GV cùng HS gạch dưới ý đúng, bỏ ý chưa phù hợp và đối chiếu với SGK.</p>	<p>- HS quan sát: Em thấy cần đặt câu hỏi rõ ràng cho AI, sau đó kiểm tra lại với SGK và lời giảng của GV.</p>
<p>- GV hướng dẫn thái độ học tập: AI là công cụ hỗ trợ hiểu nhanh một số từ khó, nhưng người học vẫn phải đọc văn bản, suy nghĩ, hỏi lại khi chưa rõ và tự diễn đạt ý hiểu của mình bằng lời văn trong sáng.</p>	<p>- HS nêu: Em có thể dùng AI để hiểu từ khó nhưng đoạn văn giới thiệu nhân vật phải do em tự nghĩ, tự viết và tự chịu trách nhiệm.</p>
<p>- GV nhấn mạnh trách nhiệm khi viết: Khi giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách, HS phải dựa vào cuốn sách đã đọc; AI chỉ được dùng để gợi ý cách giải nghĩa từ hoặc kiểm tra thông tin, không dùng để viết thay cảm nghĩ cá nhân.</p>	
<p>3. Luyện tập: Bài tập 2 - Trao đổi điều cần lưu ý khi viết đoạn văn (8 phút) Mục tiêu: HS rút ra những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách. Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV mời 1 - 2 HS đọc yêu cầu bài tập 2: Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn giới</p>	<p>- HS đọc yêu cầu, trao đổi nhóm 4 và thống nhất ý kiến.</p>

<p>thiệu nhân vật trong một cuốn sách.</p> <p>- GV gợi ý nội dung trao đổi: bố cục đoạn văn; cách lựa chọn đặc điểm của nhân vật; cách đưa dẫn chứng; tình cảm, cảm xúc của người đọc đối với nhân vật.</p>	<p>- HS trình bày: Đoạn văn cần có 3 phần; chọn đặc điểm nổi bật của nhân vật; đưa dẫn chứng cụ thể từ cuốn sách; thể hiện tình cảm, cảm xúc của người đọc đối với nhân vật.</p>
<p>- GV nhận xét, ghi nhận những kết quả trao đổi hợp lý; mời 1 - 2 HS đọc phần Ghi nhớ trong SGK.</p> <div data-bbox="172 436 775 808"> <p>2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố cục của đoạn văn (mở đầu, triển khai, kết thúc) - Cách lựa chọn đặc điểm của nhân vật để giới thiệu - Cách đưa dẫn chứng làm rõ đặc điểm của nhân vật - Tình cảm, cảm xúc của người đọc đối với nhân vật <p>Ghi nhớ</p> <p>Đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách thường có 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở đầu: Giới thiệu tên sách, tên tác giả, tên nhân vật và nêu ấn tượng chung về nhân vật. - Triển khai: Cung cấp những thông tin về đặc điểm nổi bật của nhân vật (về ngoại hình, hành động, lời nói, suy nghĩ,...) và đưa ra dẫn chứng minh họa. - Kết thúc: Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ về nhân vật,... </div> <p>1. Thực hiện dự án: Sổ tay từ ngữ tiếng Việt của em.</p>	<p>- 1 - 2 HS đọc Ghi nhớ; cả lớp đọc thầm và ghi nhớ cách viết đoạn văn.</p>
<p>- GV dành 1 - 2 phút cho cả lớp tự đọc và học thuộc ghi nhớ.</p>	<p>- HS nêu lại: Mở đầu giới thiệu tên sách, tác giả, nhân vật và ấn tượng chung; triển khai nêu đặc điểm và dẫn chứng; kết thúc nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ.</p>
<p>4. Vận dụng (5 phút)</p> <p><i>Mục tiêu: HS biết chuẩn bị tư liệu cho hoạt động viết đoạn văn giới thiệu nhân vật ở bài sau.</i></p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS thực hiện dự án Sổ tay từ ngữ tiếng Việt của em: chọn một số từ ngữ trong các bài đọc đã học, tra cứu nghĩa và thông tin khác trong từ điển, sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái và trình bày đẹp.</p> <div data-bbox="119 1332 790 1892"> <p>1. Thực hiện dự án: Sổ tay từ ngữ tiếng Việt của em.</p> <p>Tập hợp một số từ ngữ cần giải thích trong các bài đọc đã học.</p> <p>Tra cứu nghĩa và các thông tin khác của những từ ngữ đó trong từ điển.</p> <p>Sắp xếp từ ngữ theo thứ tự trong bảng chữ cái, ghi chép từ ngữ và thông tin đã tra cứu vào sổ.</p> <p>Thêm các quy ước và trình bày sổ tay giống như một từ điển. Trang trí thật đẹp.</p> <p>M:</p> <p>N</p> <p>- Ngôi sao (dt): người đạt thành tích nổi bật trong biểu diễn nghệ thuật hoặc hoạt động thể thao: Ngôi sao sân cỏ.</p> <p>ngôi sao, trung du, thường thức, du mục, kì vĩ, siêng năng, tha thần</p> <p>2. Tìm đọc câu chuyện về nhà trường, thầy cô, học sinh.</p> </div>	<p>- HS ghi nhớ cách thực hiện dự án Sổ tay từ ngữ tiếng Việt của em.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS tìm đọc câu chuyện về nhà trường, thầy cô, học sinh để chuẩn bị cho tiết Đọc mở rộng ở bài sau.</p>	<p>- HS ghi nhiệm vụ tìm đọc câu chuyện về nhà trường, thầy cô, học sinh.</p>
<p>- GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung chính của Bài</p>	<p>- HS nhắc lại các nội dung chính của bài học.</p>

17: Đọc - hiểu Thư gửi các học sinh; Luyện từ và câu: Sử dụng từ điển; Viết: Tìm hiểu cách viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.

- GV nhận xét kết quả học tập, khen ngợi HS tiến bộ và dặn HS đọc trước **Bài 18**.

- HS lắng nghe, chuẩn bị bài mới.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 18: TẤM GƯƠNG TỰ HỌC TIẾT 1 - 2: ĐỌC: TẤM GƯƠNG TỰ HỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng, rõ ràng văn bản Tấm gương tự học; ngữ điệu nhẹ nhàng, pha chút ngưỡng mộ, tự hào; biết ngắt, nghỉ hơi hợp lí.
- Nhận biết được những chi tiết chính trong văn bản và hiểu ý nghĩa của văn bản: Tạ Quang Bửu là một tấm gương sáng về tự học; nên học tập ông.
- Hiểu nghĩa của một số từ ngữ trong bài; biết tìm nghĩa cho các từ chính khoá, chính khách, chính phủ và sử dụng đúng trong câu.
- Biết liên hệ bản thân về tinh thần tự học, học suốt đời và học say mê.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, tự tìm hiểu thông tin về Tạ Quang Bửu, tự rút ra bài học học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm về câu hỏi đọc hiểu, trình bày ý kiến, lắng nghe và bổ sung cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết khai thác thông tin trong văn bản, suy luận để giải thích sự đa tài, uyên bác của nhân vật.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: học tập tinh thần tự học, kiên trì, nỗ lực của Tạ Quang Bửu.
- Yêu nước: tự hào về nhà khoa học, nhà giáo dục Việt Nam có đóng góp cho đất nước.
- Trách nhiệm: biết sử dụng quyền được học tập để rèn luyện bản thân, trở thành người có ích.

4. Tích hợp

- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục tinh thần tự học, vượt khó, kiên trì rèn luyện để hoàn thiện bản thân.
- Quyền con người: Lòng ghép quyền được học tập suốt đời và trách nhiệm sử dụng cơ hội học tập một cách tích cực.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, clip minh hoạ về Tạ Quang Bửu; tranh minh hoạ bài đọc trong SGK.
- Từ điển tiếng Việt hoặc bảng giải nghĩa từ chính khách, chính khoá, chính phủ.
- Phiếu học tập cho hoạt động đọc hiểu; máy chiếu/màn hình để trình chiếu câu hỏi và hình ảnh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động và ôn bài cũ (8 phút) <i>Mục tiêu: Ôn bài Thư gửi các học sinh và tạo hứng thú tìm hiểu văn bản Tấm gương tự học.</i> Cách tiến hành:	
- GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài Thư gửi các học sinh và trả lời 1 - 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài.	- 2 HS đọc nối tiếp bài Thư gửi các học sinh và trả lời câu hỏi.
- GV nhận xét phần đọc và câu trả lời của HS.	- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nêu tên bài học Tấm gương tự học và giao nhiệm vụ: Đọc lời nhận xét dưới đây và cho biết lời nhận xét cho em hiểu điều gì về giáo sư Tạ Quang Bửu: “Có những nhân cách và tài năng mà chỉ sau khi vắng bóng họ, người đời mới thấy hết khoảng trống mênh mông họ để lại. Tạ Quang Bửu là một	- HS đọc yêu cầu khởi động, thảo luận theo cặp.

<p>người như thế.”</p>	
<p>- GV gợi ý: Đây là lời nhận xét của giáo sư Hoàng Tụy - một nhà Toán học - về giáo sư Tạ Quang Bửu.</p>	<p>- HS trả lời: Tạ Quang Bửu chắc chắn là người rất giỏi, có nhân cách đẹp và là tấm gương sáng về tài năng, tri thức.</p>
<p>- GV giới thiệu khái quát: Tấm gương tự học nói về Tạ Quang Bửu - một nhà giáo dục, nhà quân sự, ngoại giao nổi tiếng ở Việt Nam. Ông là tấm gương sáng của tinh thần tự học.</p>	<p>- HS lắng nghe, chuẩn bị đọc văn bản.</p>
<p>2. Khám phá: Hoạt động luyện đọc (17 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc đúng, rõ ràng văn bản Tấm gương tự học; biết đọc với giọng nhẹ nhàng, ngưỡng mộ và tự hào.</i> Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV đọc mẫu toàn bài với giọng đọc nhẹ nhàng, tha thiết, tự hào; nếu trong lớp có HS đọc tốt, GV có thể mời 4 em đọc nối tiếp 4 đoạn trong bài.</p> 	<p>- HS nghe GV đọc mẫu, theo dõi văn bản trong SGK.</p>
<p>- GV hướng dẫn: Đây là văn bản về tiểu sử của người nổi tiếng; khi đọc cần thể hiện sự ngưỡng mộ và tự hào đối với nhân vật Tạ Quang Bửu.</p>	<p>- HS chú ý giọng đọc, cách ngắt nghỉ và nhấn giọng.</p>
<p>- GV hướng dẫn đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: Tạ Quang Bửu, uyên bác, chính khách, công hàm, La-tinh, Lê Quý Đôn,...</p>	<p>- HS luyện đọc từ khó theo hướng dẫn.</p>
<p>- GV chia bài đọc thành 4 đoạn tương ứng với các đoạn văn trong SGK; mời 4 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.</p> <p>“hoàn hảo đến mức người Anh phải kinh ngạc”. Ngoài ra, ông còn có hiểu biết sâu rộng về âm nhạc, hội họa, kiến trúc, thể thao,... Ông luôn tranh thủ thời gian tự học, để thỏa mãn niềm đam mê của mình. Nhiều người coi ông là “Lê Quý Đôn thời nay”.</p> <p>Tên của Tạ Quang Bửu được đặt cho các con phố ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng,... Ở Việt Nam, có một giải thưởng dành cho các nhà khoa học xuất sắc mang tên ông – Giải thưởng Tạ Quang Bửu.</p> <p>(Phạm Sơn tổng hợp) (Ảnh: Ngọc Tiến)</p> <p>Từ ngữ Công hàm: công văn ngoại giao của nước này gửi cho nước khác.</p>	<p>- 4 HS đọc nối tiếp các đoạn; lớp nhận xét về phát âm, ngắt nghỉ, giọng đọc.</p>
<p>- GV tổ chức cho HS đọc theo cặp: mỗi HS đọc hai đoạn, sau đó đổi đoạn để đọc; tiếp theo HS đọc thầm toàn bài một lượt.</p>	<p>- HS đọc nối tiếp theo cặp, góp ý cho nhau.</p>
<p>- GV hỏi HS có từ ngữ nào trong bài chưa hiểu; giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển, lưu ý thêm từ chính khách để HS tìm hiểu trong phần luyện tập.</p>	<p>- HS đọc thầm toàn bài, nêu từ chưa hiểu; đọc nghĩa từ công hàm và nghe GV giải thích thêm.</p>

3. Luyện tập: Hoạt động đọc hiểu (30 phút)

Mục tiêu: HS trả lời đầy đủ 5 câu hỏi đọc hiểu trong SGK, hiểu Tạ Quang Bửu là tấm gương sáng về tự học, học suốt đời và học say mê.

Mục tiêu tích hợp: HS nhận thức quyền được học tập suốt đời và trách nhiệm sử dụng cơ hội học tập tích cực; biết học tập tinh thần tự học, vượt khó, kiên trì rèn luyện.

Cách tiến hành:

- GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các câu hỏi trong SGK.

Đoạn văn thứ nhất
Công hàm: công văn ngoại giao của nước này gửi cho nước khác.

1. Đoạn văn thứ nhất giới thiệu điều gì về Tạ Quang Bửu?

2. Những chi tiết nào cho thấy Tạ Quang Bửu là tấm gương tự học, học suốt đời và học say mê?

3. Theo em, vì sao Tạ Quang Bửu nhiều lần được cùng Bác Hồ tiếp các chính khách nước ngoài?

4. Sự đa tài, uyên bác của Tạ Quang Bửu được thể hiện như thế nào?

5. Tài năng, công lao của Tạ Quang Bửu được ghi nhận thế nào?

1. Dựa vào gợi ý, tìm nghĩa cho mỗi từ dưới đây:

chính khách chính phủ chính khoá

a. Chương trình học tập chính thức, bắt buộc.
b. Người chuyên hoạt động chính trị, khá nổi tiếng.
c. Cơ quan hành chính nhà nước cao nhất.

2. Chọn các từ ở bài tập 1 để hoàn thiện các câu dưới đây:

a. Nhiều quốc tế đã có mặt tại hội nghị này.
b. các nước phải đảm bảo mọi quyền lợi cho trẻ em.
c. Một số hoạt động trải nghiệm sẽ được tổ chức ngoài giờ học.

- HS đọc đoạn văn thứ nhất và trao đổi theo cặp.

- **Câu 1.** GV nêu câu hỏi: Đoạn văn thứ nhất giới thiệu điều gì về Tạ Quang Bửu?

- HS trả lời: Đoạn văn thứ nhất giới thiệu quê quán, gia đình của Tạ Quang Bửu, đồng thời giới thiệu khái quát ông là nhà khoa học và nhà giáo dục đa tài, uyên bác hiếm có.

- GV hướng dẫn HS đọc đoạn văn thứ nhất, trao đổi với bạn để tìm câu trả lời.

- **Câu 2.** GV nêu câu hỏi: Những chi tiết nào cho thấy Tạ Quang Bửu là tấm gương tự học, học suốt đời và học say mê?

- HS làm việc nhóm, tìm chi tiết trong văn bản.

- GV gợi ý HS đọc kĩ đoạn 2 và đoạn 3 để tìm thông tin; tổ chức cho HS làm việc nhóm, từng bạn phát biểu rồi thống nhất ý kiến.

- HS trả lời: Ông đọc sách ở mọi lúc, mọi nơi, đọc rất nhanh và nhớ rất lâu; mãi đọc sách đến mức ngã xuống xuôi; tự học tiếng Nga trong ba tháng mà dịch trôi chảy tài liệu quân sự tiếng Nga; học từ lúc còn trẻ đến cuối đời, ngay cả khi đau ốm; luôn tranh thủ thời gian tự học.

- **Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống:** GV đặt câu hỏi dẫn: Tinh thần tự học của Tạ Quang Bửu gợi cho em điều gì về việc học của mình?

- HS liên hệ: Em cần tự giác học bài, đọc sách, đặt câu hỏi khi chưa hiểu, không nản khi gặp bài khó, biết học đều đặn và học suốt đời.

- GV chốt: Tự học, vượt khó, kiên trì rèn luyện là con đường giúp mỗi người hoàn thiện bản thân và đóng góp cho đất nước.

- HS liên hệ: Khi gặp bài khó, em sẽ đọc lại đề, tìm cách làm, hỏi bạn hoặc hỏi thầy cô, không bỏ cuộc giữa chừng.

- GV diễn giải sâu: Tạ Quang Bửu không chỉ học khi có thầy cô hướng dẫn mà còn tự đọc, tự tìm hiểu, tự đặt câu hỏi và kiên trì vượt qua khó khăn; đó là biểu hiện của người học có lý tưởng và có trách nhiệm với bản thân.

- HS nêu thói quen cần rèn: Em cần đọc sách đều hơn, ghi chép cẩn thận hơn, chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- GV tổ chức cho HS liên hệ: Khi gặp bài khó, em thường làm gì? Em có biết tự đọc lại bài, tìm ví dụ, hỏi bạn, hỏi thầy cô hoặc luyện thêm không? Từ tầm gương trong bài, em chọn một thói quen tự học cần rèn.	
- GV chốt mở rộng: Tự học không phải học một mình trong im lặng mà là biết chủ động tìm cách hiểu bài, biết hợp tác đúng lúc, biết bền bỉ rèn luyện để sau này góp phần xây dựng quê hương, đất nước.	
- Câu 3. GV nêu câu hỏi: Theo em, vì sao Tạ Quang Bửu nhiều lần được cùng Bác Hồ tiếp các chính khách nước ngoài?	- HS trả lời: Vì Tạ Quang Bửu rất giỏi ngoại ngữ, có hiểu biết sâu rộng và có năng lực trong lĩnh vực ngoại giao, quân sự, chính trị nên được cùng Bác Hồ tiếp các chính khách nước ngoài.
- GV gợi ý HS đọc đoạn 3 và suy luận dựa vào chi tiết về ngoại ngữ, tri thức và vai trò của ông.	
- Câu 4. GV nêu câu hỏi: Sự đa tài, uyên bác của Tạ Quang Bửu được thể hiện như thế nào?	- HS trả lời: Ông xuất sắc ở nhiều lĩnh vực như toán, lí, hoá, sinh, triết học, đặc biệt là ngoại ngữ; thành thạo tiếng Anh, Pháp, Đức, Ba Lan, đọc hiểu tiếng Nga, Trung, Hy Lạp cổ và La-tinh; có hiểu biết sâu rộng về âm nhạc, hội hoạ, kiến trúc, thể thao; được coi là “Lê Quý Đôn thời nay”.
- GV hướng dẫn HS tìm các lĩnh vực được nhắc trong bài và giải thích cụm “Lê Quý Đôn thời nay” nếu cần.	
- Câu 5. GV nêu câu hỏi: Tài năng, công lao của Tạ Quang Bửu được ghi nhận thế nào?	- HS trả lời: Tên của Tạ Quang Bửu được đặt cho các con phố ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng; ở Việt Nam có Giải thưởng Tạ Quang Bửu dành cho các nhà khoa học xuất sắc.
- GV hướng dẫn HS đọc đoạn cuối, thảo luận nhóm và trình bày.	
- Tích hợp Quyền con người: GV gợi mở: Mỗi người đều có quyền được học tập suốt đời. Theo em, quyền được học tập đi cùng trách nhiệm nào của học sinh?	- HS nêu: Em có quyền được học tập, đọc sách, tìm hiểu tri thức; em có trách nhiệm học nghiêm túc, không bỏ phí thời gian, biết tự học và giúp đỡ bạn.
- GV phân tích: Các em được gia đình, nhà trường và xã hội tạo điều kiện học tập; vì vậy cần sử dụng cơ hội ấy một cách tích cực, tự giác và có ích.	- HS nêu: Em được học tập, đọc sách, hỏi thầy cô và chia sẻ điều mình biết; em cần học nghiêm túc để không bỏ phí cơ hội.
- GV chốt: Quyền học tập giúp mỗi người phát triển, nhưng muốn học tập hiệu quả cần có trách nhiệm, sự kiên trì và tinh thần tự học.	- HS bổ sung: Em phải tôn trọng việc học của bạn, không làm ồn, không chê bạn khi bạn trả lời sai và cùng bạn tiến bộ.
- GV diễn giải thêm: Quyền được học tập giúp mỗi người có cơ hội mở rộng hiểu biết, phát triển năng lực và thay đổi cuộc sống; quyền này cần được trân trọng vì không phải ở hoàn cảnh nào việc học cũng dễ dàng.	
- GV hướng dẫn HS liên hệ trách nhiệm: Được học tập thì cần đi học đúng giờ, chuẩn bị bài, giữ gìn sách vở, tôn trọng thầy cô, hợp tác với bạn và không làm ảnh hưởng đến quyền học tập của người khác.	

- GV chốt sâu: Học tập suốt đời không chỉ là học ở trường mà còn là đọc sách, quan sát cuộc sống, lắng nghe người khác, học từ sai lầm và luôn cố gắng hoàn thiện bản thân.

4. Luyện tập theo văn bản đọc (10 phút)

Mục tiêu: HS luyện tập nghĩa của các yếu tố Hán Việt đồng âm khác nghĩa qua các từ chính khách, chính phủ, chính khoa.

Cách tiến hành:

- GV mời HS đọc yêu cầu bài tập 1: Dựa vào gợi ý, tìm nghĩa cho mỗi từ chính khách, chính phủ, chính khoa.



1. Dựa vào gợi ý, tìm nghĩa cho mỗi từ dưới đây:

chính khách chính phủ chính khoa

a. Chương trình học tập chính thức, bắt buộc.
b. Người chuyên hoạt động chính trị, khá nổi tiếng.
c. Cơ quan hành chính nhà nước cao nhất.

2. Chọn các từ ở bài tập 1 để hoàn thiện các câu dưới đây:

a. Nhiều quốc tế đã có mặt tại hội nghị này.
b. các nước phải đảm bảo mọi quyền lợi cho trẻ em.
c. Một số hoạt động trải nghiệm sẽ được tổ chức ngoài giờ học.

- HS đọc yêu cầu và tự làm bài.

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân trước, sau đó trao đổi nhóm để thống nhất câu trả lời.

- HS trả lời: a. Chương trình học tập chính thức, bắt buộc: chính khoa. b. Người chuyên hoạt động chính trị, khá nổi tiếng: chính khách. c. Cơ quan hành chính nhà nước cao nhất: chính phủ.

- GV mời HS đọc yêu cầu bài tập 2: Chọn các từ ở bài tập 1 để hoàn thiện câu.

- HS làm bài và nêu đáp án.

- GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ và nhận xét trước lớp.

- HS trả lời: a. Nhiều chính khách quốc tế đã có mặt tại hội nghị này. b. Chính phủ các nước phải đảm bảo mọi quyền lợi cho trẻ em. c. Một số hoạt động trải nghiệm sẽ được tổ chức ngoài giờ học chính khoa.

5. Vận dụng và luyện đọc lại (5 phút)

Mục tiêu: HS luyện đọc lại văn bản và rút ra bài học cho bản thân.

Cách tiến hành:

- GV mời 3 - 4 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp; GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

- HS đọc nối tiếp các đoạn, điều chỉnh giọng đọc theo góp ý.

- GV yêu cầu HS nêu một việc cụ thể em sẽ làm để rèn tinh thần tự học sau bài học này.

- HS nêu: Em sẽ đọc sách mỗi ngày, tự làm bài trước khi hỏi bạn, lập thời gian biểu học tập, tra cứu từ khó bằng từ điển.

- GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực; dặn HS chuẩn bị tiết Viết: Tìm ý cho đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.

- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 18: TẤM GƯƠNG TỰ HỌC

TIẾT 3: VIẾT - TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT CUỐN SÁCH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Biết chuẩn bị thông tin về cuốn sách, tác giả và nhân vật được chọn để giới thiệu.

- Tìm được ý để viết đoạn văn giới thiệu một nhân vật trong cuốn sách đã đọc theo bố cục mở đầu, triển khai, kết thúc.
- Biết đưa dẫn chứng cụ thể về ngoại hình, hành động, lời nói, suy nghĩ,... để làm rõ đặc điểm của nhân vật.
- Biết góp ý và chỉnh sửa kết quả tìm ý của bản thân.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự chọn nhân vật, xem lại sách, tự ghi ý vào vở hoặc phiếu.
- Giao tiếp và hợp tác: chia sẻ trong nhóm, tiếp thu góp ý và điều chỉnh ý.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn đặc điểm tiêu biểu và dẫn chứng thuyết phục.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: chuẩn bị bài chu đáo, tìm ý đầy đủ.
- Trách nhiệm: biết kiểm tra tính chính xác của thông tin về sách và nhân vật.
- Trung thực: giới thiệu đúng thông tin đã đọc, không bịa tên sách, tác giả hoặc chi tiết.

4. Tích hợp

- AI: 5.D2.1 - Liên hệ con người cần tự học thường xuyên cũng như AI cần dữ liệu cập nhật để cải tiến.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK, vở viết, phiếu bài tập tìm ý; một số cuốn sách HS đã đọc nếu có.
- Máy chiếu/màn hình để trình chiếu gợi ý tìm ý trong SGK.
- Bảng phụ hoặc phiếu có khung: Mở đầu - Triển khai - Kết thúc.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: Giúp HS nhớ lại cách viết đoạn văn giới thiệu nhân vật và chuẩn bị nhiệm vụ tìm ý.</i> Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách thường có mấy phần? Mỗi phần cần nêu những nội dung gì?	- HS trả lời: Đoạn văn thường có 3 phần: mở đầu, triển khai, kết thúc.
- GV dẫn vào bài: Ở tiết trước, các em đã tìm hiểu cách viết đoạn văn giới thiệu nhân vật. Tiết học hôm nay giúp các em tìm ý cho đoạn văn của mình.	- HS lắng nghe, chuẩn bị sách, vở, phiếu học tập.
2. Khám phá: Chuẩn bị thông tin (8 phút) <i>Mục tiêu: HS xác định nhân vật, tên sách, tác giả và điều muốn giới thiệu về nhân vật.</i> Cách tiến hành:	
- GV mời 2 HS đọc đề bài và nêu yêu cầu: Viết đoạn văn giới thiệu một nhân vật trong cuốn sách em đã đọc.	- 2 HS đọc đề bài; cả lớp xác định nhiệm vụ.

<div> <div>VIẾT</div> <div> <div>TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN</div> <div>GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT CUỐN SÁCH</div> </div> <div> Đề bài: Viết đoạn văn giới thiệu một nhân vật trong cuốn sách em đã đọc. </div> <div> <div>1. Chuẩn bị.</div> <ul style="list-style-type: none"> Em chọn nhân vật trong cuốn sách nào để giới thiệu? Tác giả cuốn sách đó là ai? Nhân vật đó có tên là gì? Em muốn giới thiệu điều gì về nhân vật? </div> <div> <div>2. Tìm ý.</div> <div>G:</div> <div> <div>Mở đầu</div> <div>Giới thiệu chung về nhân vật trong cuốn sách (tên sách, tên tác giả, tên nhân vật) và nêu ấn tượng chung về nhân vật.</div> </div> <div> <div>Triển khai</div> <div>Chỉ ra những đặc điểm ngoại hình, hành động, lời nói, suy nghĩ,... của nhân vật; nêu các dẫn chứng được lấy ra từ cuốn sách để minh họa cho các đặc điểm của nhân vật.</div> </div> <div> <div>Kết thúc</div> <div>Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ về nhân vật. Em có thể nêu bài học mà nhân vật đem đến cho em.</div> </div> </div> <div> <div>3. Góp ý và chỉnh sửa.</div> <div> <div>Nêu thông tin chính xác về cuốn sách.</div> <div>Giới thiệu đúng đặc điểm nhân vật.</div> <div>Đưa dẫn chứng cụ thể về hành động, lời nói, suy nghĩ,... của nhân vật.</div> </div> </div> </div>	
<p>- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân: chọn nhân vật trong sách để giới thiệu; xem lại tên cuốn sách, tác giả, tên nhân vật và những điều muốn giới thiệu về nhân vật.</p>	<p>- HS ghi nhanh: tên sách, tên tác giả, tên nhân vật, điều em muốn giới thiệu.</p>
<p>- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4: từng HS báo cáo kết quả chuẩn bị, tiếp thu ý kiến của nhóm.</p>	<p>- HS lần lượt trình bày trong nhóm; nhóm góp ý để bạn chọn nhân vật phù hợp.</p>
<p>- GV mời đại diện 1 - 2 nhóm báo cáo kết quả chuẩn bị, khen ngợi HS chuẩn bị chu đáo.</p>	<p>- Đại diện nhóm báo cáo; cả lớp lắng nghe.</p>
<div> <div>3. Luyện tập: Tìm ý theo gợi ý (17 phút)</div> <div>Mục tiêu: HS tìm ý cho đoạn văn theo bố cục mở đầu, triển khai, kết thúc; biết lựa chọn đặc điểm nổi bật và dẫn chứng cụ thể.</div> <div>Mục tiêu tích hợp: HS liên hệ con người cần tự học thường xuyên; hiểu AI cũng cần dữ liệu cập nhật để cải tiến, từ đó biết dùng công nghệ hỗ trợ học tập nhưng không thay thế nỗ lực của bản thân.</div> <div>Cách tiến hành:</div> </div>	
<p>- GV trình chiếu gợi ý trong SGK về hoạt động tìm ý; mời 1 - 2 HS nói lại gợi ý theo cách hiểu của mình.</p>	<p>- HS đọc gợi ý trong SGK, nói lại theo cách hiểu.</p>
<p>- GV nhắc lại: Mở đầu giới thiệu chung về nhân vật và nêu ấn tượng chung; triển khai giới thiệu từng đặc điểm nổi bật và đưa dẫn chứng; kết thúc nêu nhận xét, cảm nghĩ hoặc bài học nhân vật đem đến.</p>	<p>- HS nắm cấu trúc tìm ý và chuẩn bị viết vào vở hoặc phiếu.</p>
<p>- GV phát phiếu bài tập hoặc hướng dẫn HS kẻ bảng vào vở: Mở đầu - Triển khai - Kết thúc.</p>	<p>- HS làm việc cá nhân, ghi ý vào vở hoặc phiếu.</p>
<p>- GV quan sát và giúp đỡ những HS gặp khó khăn</p>	<p>- HS viết: Mở đầu nêu tên sách, tác giả, nhân vật và</p>

<p>khi chọn đặc điểm, tìm dẫn chứng.</p>	<p>ấn tượng chung; triển khai nêu đặc điểm 1, 2, 3 và dẫn chứng; kết thúc nêu cảm nghĩ hoặc bài học.</p>
<p>- Tích hợp AI 5.D2.1: GV liên hệ: Muốn tiến bộ, con người cần tự học thường xuyên, cập nhật tri thức mới như tấm gương Tạ Quang Bửu. AI cũng cần dữ liệu cập nhật để cải tiến, nhưng AI không thể thay thế ý chí, cảm xúc và sự rèn luyện của con người.</p>	<p>- HS lắng nghe và liên hệ: Em cần tự đọc sách, tự ghi ý, tự diễn đạt; công cụ số chỉ hỗ trợ kiểm tra thông tin.</p>
<p>- GV nhắc HS: Khi cần dùng công cụ số để tìm thông tin về sách, tác giả hoặc nhân vật, các em phải kiểm tra lại bằng sách đã đọc hoặc nguồn đáng tin cậy; bài viết vẫn cần là suy nghĩ và cảm nhận của chính mình.</p>	<p>- HS nêu: Em không để AI viết thay cảm nghĩ của em về nhân vật.</p>
<p>- GV diễn giải rõ mối liên hệ: Con người muốn tiến bộ cần tự học, đọc thêm, luyện tập và cập nhật tri thức mới; AI muốn cải tiến cũng cần được cung cấp dữ liệu phù hợp, nhưng AI không có ý chí, tình cảm và trải nghiệm sống như con người.</p>	<p>- HS liên hệ: Em có thể dùng công cụ số để kiểm tra thông tin nhưng phải đọc sách thật và tự ghi ý của mình.</p>
<p>- GV hướng dẫn sử dụng công cụ đúng cách: Khi tìm thông tin về nhân vật hoặc cuốn sách, HS có thể dùng công cụ số để gợi ý, nhưng phải kiểm tra tên tác giả, tên nhân vật, sự việc chính bằng cuốn sách hoặc nguồn tin cậy.</p>	<p>- HS nêu: AI không thay em cảm nhận nhân vật; em cần tự viết bằng suy nghĩ của mình.</p>
<p>- GV chốt: Công nghệ hỗ trợ học tập nhanh hơn, song giá trị của đoạn văn nằm ở việc HS tự đọc, tự chọn chi tiết, tự nêu cảm nhận và biết chịu trách nhiệm về nội dung mình viết.</p>	
<p>4. Góp ý và chỉnh sửa (10 phút) Mục tiêu: HS trình bày kết quả tìm ý, nghe góp ý và chỉnh sửa để chuẩn bị viết đoạn văn. Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV mời đại diện 2 - 3 nhóm trình bày kết quả tìm ý trước lớp.</p>	<p>- Đại diện nhóm trình bày kết quả tìm ý.</p>
<p>- GV định hướng lớp góp ý theo các vấn đề: Thông tin về cuốn sách có chính xác không? Đã giới thiệu đúng và đủ đặc điểm của nhân vật chưa? Dẫn chứng có cụ thể, thuyết phục không? Bài học hoặc cảm nghĩ đã rõ chưa?</p>	<p>- HS lắng nghe, nhận xét, góp ý cụ thể cho bạn.</p>
<p>- GV yêu cầu HS bổ sung hoặc chỉnh sửa ý nếu cần.</p>	<p>- HS chỉnh sửa phiếu/vở của mình sau khi nghe góp ý.</p>
<p>- GV đánh giá chung về kết quả hoạt động tìm ý; khen ngợi HS hoàn thành tốt; nhắc HS lưu ý khi tìm ý cho bài giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.</p>	<p>- HS ghi nhớ cách hoàn thiện ý để tiết sau viết đoạn văn.</p>
<p>5. Vận dụng (5 phút) Mục tiêu: HS củng cố nội dung tìm ý và chuẩn bị cho bài viết sau. Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc lại dàn ý của mình, chọn một ý em tâm đắc nhất để chia sẻ với bạn bên cạnh.</p>	<p>- HS chia sẻ một ý hay hoặc một dẫn chứng tiêu biểu về nhân vật mình chọn.</p>
<p>- GV nhận xét tiết học và dặn HS giữ lại kết quả tìm</p>	<p>- HS lắng nghe, giữ phiếu/vở tìm ý cẩn thận.</p>

ý để viết đoạn văn ở bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 18: TÁM GƯƠNG TỰ HỌC TIẾT 4: ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc được câu chuyện viết về nhà trường, thầy cô, học sinh phù hợp với chủ điểm Trên con đường học tập.
- Biết viết phiếu đọc sách theo mẫu: tên câu chuyện, tác giả, ngày đọc, tên nhân vật, nội dung chính, sự việc đáng nhớ, mức độ yêu thích.
- Biết trao đổi với bạn hoặc người thân về nội dung, ý nghĩa của câu chuyện đã đọc.
- Biết giới thiệu với bạn hoặc người thân về một người mà em khâm phục, ngưỡng mộ.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động tìm đọc sách, ghi chép phiếu đọc sách.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi trong nhóm, đặt câu hỏi để hiểu rõ hơn nội dung bạn chia sẻ.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết chọn thông tin tiêu biểu để giới thiệu câu chuyện ngắn gọn, hấp dẫn.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: duy trì thói quen đọc sách, ghi phiếu đọc sách cẩn thận.
- Nhân ái: biết trân trọng thầy cô, bạn bè và những tấm gương học tập đáng quý.
- Trách nhiệm: chọn thông tin phù hợp, đáng tin cậy khi tra cứu tư liệu.

4. Tích hợp

- NLS: 1.2.CB2a - HS tra cứu tư liệu về tấm gương tự học, chọn thông tin phù hợp và đáng tin cậy.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Sách, truyện về nhà trường, thầy cô, học sinh; phiếu đọc sách theo mẫu trong SGK.
- Máy chiếu/màn hình để trình chiếu mẫu phiếu đọc sách và gợi ý trao đổi.
- Thiết bị kết nối Internet dùng cho hoạt động minh họa tra cứu tư liệu theo hướng dẫn của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Gợi nhớ nhiệm vụ đọc mở rộng và tạo hứng thú chia sẻ sách đã đọc. Cách tiến hành:	
- GV kiểm tra nhanh việc chuẩn bị sách/truyện của HS: câu chuyện về nhà trường, thầy cô, học sinh.	- HS lấy sách/truyện hoặc ghi chú đã chuẩn bị.
- GV hỏi: Em chọn câu chuyện nào để đọc? Vì sao em chọn câu chuyện đó?	- HS trả lời tên câu chuyện, lí do lựa chọn.
2. Khám phá: Đọc câu chuyện và viết phiếu đọc sách (15 phút) Mục tiêu: HS đọc câu chuyện phù hợp chủ điểm và ghi chép phiếu đọc sách theo mẫu. Cách tiến hành:	
- GV nêu yêu cầu đọc mở rộng: đọc câu chuyện về nhà trường, thầy cô, học sinh; nhắc HS đọc gợi ý trong SGK để biết câu chuyện của mình có phù hợp với chủ điểm hay không.	- HS đọc câu chuyện đã chuẩn bị hoặc đọc câu chuyện bạn chia sẻ.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc câu chuyện về nhà trường, thầy cô, học sinh.

G:

"Hôm nay là một ngày đầu thu, nắng đẹp khắp bờ tre ngon cỏ. Hương lúa chín bay lảng lảng vào các lớp học. Và, sáng nay là ngày cu Tí đứng dậy lễ phép nói với thầy giáo:

– Thưa thầy, em tên là Nguyễn Văn Thắng chứ không phải là cu Tí ạ."

LE PHUONG LIEN
Ngày em
tới trường

"Trường của chúng tôi còn nghèo, mái lá tường đất, vách nứa, cửa tre. Nhưng thân thiết biết nhường nào, ở đây có sân bóng đá, có tủ sách của liên đội, có vườn địa lí với lá cờ đỏ phấp phới bay trên đỉnh con quay gió,... Và hơn hết, ở đây có những người tôi đã coi như ruột thịt."

"Thầy hiệu trưởng của chúng tôi là một người ôn hoà, dễ mến,... Sáng nào thầy cũng là người đầu tiên đến trường. Thấy chờ học sinh đến lớp, chờ phụ huynh tìm gặp mình nói chuyện. Khi tan học, thầy là người cuối cùng rời khỏi trường. Bởi vì thầy phải đi kiểm tra ở quanh trường xem có học sinh nào đi trên đường mà không chú ý an toàn hay không, xem có học sinh nào mãi chơi không về nhà hay không..."

A-NH-SI
Những
tấm lòng
cao cả

2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH		
Tên câu chuyện: ●	Tác giả: ●	Ngày đọc: ●
Tên nhân vật: ●	Nội dung chính của câu chuyện: ●	
Sự việc đáng nhớ về nhân vật: ●	Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆	

3. Dựa vào những ghi chép trong phiếu đọc sách, trao đổi với bạn về nội dung và ý nghĩa của câu chuyện đã đọc.



Giới thiệu với bạn hoặc người thân về một người mà em khâm phục, ngưỡng mộ (có thể là một nhân vật trong cuốn sách em đã đọc).

- GV nhắc HS có thể chia sẻ sách báo cho nhau; khi đọc cần giữ trật tự, không làm ảnh hưởng đến bạn.

- HS giữ trật tự, tập trung đọc.

- GV hướng dẫn HS viết phiếu đọc sách theo mẫu trong SGK: tên câu chuyện, tác giả, ngày đọc, tên nhân vật, nội dung chính, sự việc đáng nhớ, mức độ yêu thích.

- HS hoàn thành phiếu đọc sách.

- GV cho phép HS viết thêm những nội dung khác theo ý thích nếu phù hợp.

- HS ghi rõ thông tin chính và sự việc đáng nhớ về nhân vật.

3. Luyện tập: Trao đổi về nội dung và ý nghĩa câu chuyện (15 phút)

Mục tiêu: HS dựa vào phiếu đọc sách để trao đổi với bạn về nội dung, ý nghĩa câu chuyện đã đọc.

Mục tiêu tích hợp: HS biết tra cứu tư liệu về tấm gương tự học, chọn thông tin phù hợp và đáng tin cậy trước khi chia sẻ.

Cách tiến hành:

- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm: từng em nói về những điều mình muốn chia sẻ với bạn: tên câu chuyện, tác giả, nhân vật chính, tóm tắt câu chuyện, sự việc đáng nhớ, ý nghĩa hoặc bài học rút ra.

- HS lần lượt chia sẻ dựa vào phiếu đọc sách.

- GV nhắc các thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về thông tin bạn chia sẻ.

- HS khác lắng nghe, nêu câu hỏi, bổ sung hoặc bày tỏ sự yêu thích.

- Tích hợp NLS 1.2.CB2a: GV hướng dẫn HS cách tra cứu tư liệu về một tấm gương tự học: gõ từ khoá rõ ràng, đọc tiêu đề và nguồn, ưu tiên sách, báo, trang giáo dục chính thống; không chọn thông tin giật gân, không rõ nguồn.

- HS thực hành nêu cách chọn nguồn đáng tin cậy.

- GV yêu cầu HS khi chia sẻ tư liệu cần nói ngắn gọn nguồn mình tham khảo và chọn thông tin phù hợp với lứa tuổi.	- HS nêu: Em cần xem nguồn, đối chiếu thông tin, chọn tư liệu phù hợp trước khi chia sẻ với bạn.
- GV diễn giải thao tác tra cứu: Trước khi chia sẻ về một tấm gương tự học, HS cần xác định từ khoá chính, ví dụ “tấm gương tự học”, “nhân vật tự học nổi tiếng”, “câu chuyện tự học của học sinh”; sau đó đọc tiêu đề, tên tác giả hoặc tên trang đăng.	- HS thực hành: Em chọn từ khoá rõ ràng, đọc nguồn, chọn thông tin phù hợp rồi ghi lại bằng lời của mình.
- GV hướng dẫn chọn lọc thông tin: Ưu tiên tư liệu từ sách, báo thiếu nhi, trang giáo dục hoặc thư viện số đáng tin cậy; chỉ chọn chi tiết phù hợp với lứa tuổi, có ý nghĩa giáo dục và liên quan trực tiếp đến tinh thần tự học.	- HS nêu: Khi chia sẻ, em cần nói nguồn tham khảo, không sao chép nguyên văn và không bấm vào đường link lạ.
- GV nhắc nghi thức số: Khi kể lại thông tin tìm được, HS cần nói rõ “Em đọc được trong...” hoặc “Em tham khảo từ...”; không chia sẻ đường link lạ, không sao chép nguyên văn dài và biết tôn trọng công sức của người viết.	

4. Vận dụng (5 phút)

Mục tiêu: HS biết giới thiệu với bạn hoặc người thân về người mình khâm phục, ngưỡng mộ.

Cách tiến hành:

- GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng: Giới thiệu với bạn hoặc người thân về một người mà em khâm phục, ngưỡng mộ; có thể là một nhân vật trong cuốn sách em đã đọc.	- HS luyện nói ngắn gọn với bạn bên cạnh.
- GV gợi ý HS nói theo trình tự: người em khâm phục là ai, em biết người đó qua đâu, người đó có điểm gì đáng quý, em học được điều gì từ người đó.	- HS có thể giới thiệu: Em khâm phục Tạ Quang Bửu vì ông tự học suốt đời, giỏi nhiều lĩnh vực và có nhiều đóng góp cho đất nước; em học được tinh thần chăm đọc sách, kiên trì học tập.
- GV tổng kết tiết học, khen ngợi HS đọc nhiều sách, chia sẻ được nhiều thông tin với bạn; động viên các em tự tin nói trước lớp hoặc mạnh dạn chia sẻ, đề xuất ý kiến.	- HS lắng nghe, tự đánh giá hoạt động đọc mở rộng.
- GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 18 : Đọc - hiểu Tấm gương tự học; Viết: Tìm ý cho đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách; Đọc mở rộng: Đọc câu chuyện về nhà trường, thầy cô, học sinh.	- HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 18 và ghi nhớ chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT 5

CHỦ ĐIỂM: TRÊN CON ĐƯỜNG HỌC TẬP

TUẦN 11

BÀI 19: TRẢI NGHIỆM ĐỀ SÁNG TẠO

TIẾT 1: ĐỌC: TRẢI NGHIỆM ĐỀ SÁNG TẠO

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng và diễn cảm văn bản Trải nghiệm đề sáng tạo; biết ngắt nghỉ hợp lí ở câu dài, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện trải nghiệm, năng khiếu và quá trình sáng tạo của An-đéc-xen.

- Hiểu nghĩa một số từ khó; nhận biết được các trải nghiệm tuổi thơ, tâm nguyện và quá trình sáng tác của An-đéc-xen.

- Trả lời được các câu hỏi đọc hiểu trong SGK; hiểu điều tác giả muốn nói: trải nghiệm phong phú và trải tim nhân hậu giúp con người sáng tạo nên những giá trị tốt đẹp.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, chủ động thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh sản phẩm học tập theo góp ý.

- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, vận dụng vốn từ và trải nghiệm để nói, viết sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, đọc trước bài, trả lời câu hỏi và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Nhân ái: biết cảm thông với những thân phận bé nhỏ, thiếu may mắn trong cuộc sống.

- Trách nhiệm: chủ động tham gia trải nghiệm, biết rút kinh nghiệm và chia sẻ điều học được.

4. Tích hợp

Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Rèn lối sống chủ động, dám thử nghiệm, biết rút kinh nghiệm từ hoạt động thực tế.

Quyền con người: Giáo dục quyền được tham gia hoạt động trải nghiệm, được bày tỏ ý tưởng và phát triển năng lực sáng tạo.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; tranh minh họa và văn bản Trải nghiệm để sáng tạo.

- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi; hình SGK được cắt đúng nội dung bài đọc và câu hỏi.

- Phiếu học tập đọc hiểu; bảng phụ ghi từ khó, câu dài cần luyện đọc.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: Tạo tâm thế vào bài; khơi gợi trải nghiệm thực tế của HS.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu khởi động trong SGK: Kể về một hoạt động trải nghiệm em đã được tham gia ở trường. Sau trải nghiệm đó, em học thêm được điều gì?	- 1 HS đọc yêu cầu; cả lớp đọc thầm.
	

- GV hướng dẫn HS nhớ lại các hoạt động đã tham gia: tham quan, làm thí nghiệm, trồng cây, ngày hội đọc sách, ngày hội STEM, sinh hoạt câu lạc bộ,...	- HS nhớ lại một hoạt động trải nghiệm cụ thể của bản thân.
- GV cho HS thảo luận nhóm 2, từng em kể ngắn gọn hoạt động đã tham gia và điều học được sau trải nghiệm đó.	- HS trao đổi nhóm 2. Ví dụ: Em tham gia trồng cây ở sân trường. Sau hoạt động đó, em biết xới đất, tưới nước vừa đủ và hiểu rằng cây xanh cần được chăm sóc hằng ngày.
- GV gọi 2 - 3 HS trình bày trước lớp.	- HS trình bày cụ thể: + Em tham gia ngày hội đọc sách. + Em được giới thiệu nhiều cuốn sách hay. + Em học được cách chọn sách phù hợp với lứa tuổi.
- GV nhận xét, dẫn vào bài Trải nghiệm để sáng tạo.	- HS lắng nghe, mở SGK và chuẩn bị vào bài đọc.
2. Khám phá: Hoạt động luyện đọc (15 phút) <i>Mục tiêu: Đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản; hiểu nghĩa từ khó.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV đọc cả bài với giọng đọc chung chậm rãi, vui tươi, xen lẫn tự hào; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện trải nghiệm của nhân vật trong câu chuyện: chim chóc trên trời, thiên nga trong hồ nước, dãy núi cuối làng, di chuyển và lắc lư cái đầu, vượt qua bầu trời,... GV có thể mời 2 HS có năng lực đọc khá tốt đọc nối tiếp các đoạn.	- HS nghe GV đọc mẫu, theo dõi văn bản trong SGK; 2 HS đọc nối tiếp nếu được mời.
- GV hướng dẫn HS đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: An-đéc-xen, rồi gỗ, biểu diễn, Cô-pen-ha-ghen, thoải nguyện,...; quan tâm hơn đến những HS hay mắc lỗi phát âm.	- HS đọc nối tiếp đoạn lần 1; HS nêu từ khó cụ thể: An-đéc-xen, rồi gỗ, biểu diễn, Cô-pen-ha-ghen, thoải nguyện, Đan Mạch, tâm nguyện, chu du.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc câu dài, ngắt nghỉ đúng: Đọc cuốn sách,/ Quốc vương Đan Mạch/ rất thích thú,/ cho gọi An-đéc-xen đến/ và hỏi ông/ có tâm nguyện gì,...	- HS luyện ngắt nghỉ đúng câu dài theo nhịp GV hướng dẫn; HS đọc lại câu trước lớp.
- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm một số câu: + Những câu thể hiện sự sáng tạo của An-đéc-xen đọc với giọng vui tươi, tự hào. + Những câu thể hiện thái độ của An-đéc-xen đọc với giọng rõ ràng, dứt khoát.	- HS luyện đọc diễn cảm theo hướng dẫn: + Quan sát mỗi sự vật, câu lại liên tưởng đến một câu chuyện kì diệu, rồi kể cho cha nghe. + An-đéc-xen vui sướng cho chúng di chuyển, lắc lư cái đầu và trò chuyện cùng nhau. + Ông bất bình trước những kẻ coi thường dân nghèo.
- GV chia bài đọc thành 4 đoạn và nêu nội dung từng đoạn: + Đoạn 1: Từ đầu đến “kể cho cha nghe” - gia cảnh và trải nghiệm của An-đéc-xen	- HS đánh dấu 4 đoạn trong SGK; nắm nội dung chính của từng đoạn để chuẩn bị đọc nối tiếp.

<p>trong những năm đầu đời.</p> <p>+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “Sao chổi” - những trải nghiệm khi An-đéc-xen lên năm tuổi.</p> <p>+ Đoạn 3: Tiếp theo đến “giúp ông thoả nguyện” - cuộc gặp gỡ Quốc vương Đan Mạch và tâm nguyện của ông.</p> <p>+ Đoạn 4: Còn lại - trải nghiệm lúc trưởng thành và những sáng tạo của An-đéc-xen.</p>	
<p>- GV tổ chức cho HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp; sau mỗi lượt đọc, GV sửa lỗi phát âm, ngắt nghỉ và cách thể hiện giọng đọc.</p>	<p>- 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc về phát âm, ngắt nghỉ, giọng đọc.</p>
<p>- GV cho HS làm việc theo cặp: mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài, sau đó đổi đoạn để đọc. GV yêu cầu HS đọc nhằm toàn bài một lượt và nêu từ ngữ chưa hiểu. GV giải nghĩa từ khó:</p> <p>+ Sao chổi: thiên thể bay ngoài không gian, khi đến gần Mặt Trời tạo thành vệt trông giống chiếc chổi.</p> <p>+ Đan Mạch: đất nước thuộc Bắc Âu.</p> <p>+ Cô-pen-ha-ghen: thủ đô của Đan Mạch.</p> <p>+ Chu du: đi chơi, đi du lịch nhiều nơi xa.</p> <p>+ Tâm nguyện: mong muốn, ước nguyện từ tận đáy lòng.</p>	<p>- HS đọc nối tiếp theo cặp; mỗi em đọc một đoạn rồi đổi đoạn.</p> <p>- HS đọc nhằm toàn bài một lượt.</p> <p>- HS nêu từ chưa hiểu: Sao chổi, Đan Mạch, Cô-pen-ha-ghen, chu du, tâm nguyện.</p> <p>- HS lắng nghe, ghi nhớ nghĩa từ và nêu lại nghĩa của 1 - 2 từ.</p>
<p>3. Luyện tập: Hoạt động đọc hiểu (15 phút)</p> <p><i>Mục tiêu: Trả lời đúng câu hỏi đọc hiểu; biết dựa vào chi tiết trong văn bản.</i></p> <p><i>Mục tiêu tích hợp: HS hiểu giá trị của trải nghiệm thực tế; biết chủ động tham gia hoạt động, bày tỏ ý tưởng và phát triển năng lực sáng tạo.</i></p> <p><i>Cách tiến hành:</i></p>	
<p>- GV cho HS quan sát phần câu hỏi đọc hiểu trong SGK.</p>	<p>- HS quan sát câu hỏi đọc hiểu.</p>

<p>Lên năm tuổi, An-đéc-xen được cha làm cho mấy con rối gi vui sướng cho chúng di chuyển, lắc lư cái đầu và trò chuyện. Cha An-đéc-xen thấy vậy liền dựng một cái sân khấu ngoài may quần áo cho rối gỗ, đưa rối lên biểu diễn. Tối nọ, An-đéc-xen sân khấu, ca hát và đọc thơ. Đột nhiên, có ngôi sao chổi vụt Xúc động bởi hiện tượng độc đáo ấy, cậu viết câu chuyện Sao chổi.</p> <p>Những ngày lên Cô-pen-ha-gen kiếm việc làm, An-say mê sáng tác. Cuốn sách đầu tiên của ông đã được x cuốn sách, Quốc vương Đan Mạch rất thích thú, cho gọi An và hỏi ông có tâm nguyện gì. Ông nói rằng mình muốn đến trải nghiệm cuộc sống. Quốc vương bèn tặng ông một số ông thoả nguyện.</p> <p>Trong những ngày chu du khắp các nước, An-đéc-xen nhiều người thuộc các tầng lớp khác nhau. Ông bất bình tr coi thường dân nghèo. Ông thương cảm với bao thân phận may mắn. Ông trân trọng những tâm hồn trong sáng, cao những trải nghiệm phong phú và một trái tim nhân hậu, ông một loạt tác phẩm: <i>Vật con xấu xí</i>, <i>Cô bé bán diêm</i>, <i>Nàng tiên c dũng cảm</i>,... Đây là những câu chuyện đã làm xúc động hàn trên thế giới.</p> <p style="text-align: right;">(Phan Thế)</p> <p> 1. Những trải nghiệm nào ngày thơ ấu đã hun đúc nên An-đéc-xen?</p> <p>2. Tìm những chi tiết cho thấy An-đéc-xen bộc lộ năng khiếu nghệ thuật ngay từ khi còn nhỏ.</p> <p>3. An-đéc-xen đã bày tỏ tâm nguyện gì với Quốc vương Đan em, vì sao Quốc vương Đan Mạch ủng hộ tâm nguyện của</p> <p>4. Nhờ đâu An-đéc-xen viết được nhiều tác phẩm hay?</p> <p>5. Câu chuyện <i>Trải nghiệm để sáng tạo</i> muốn nói với chúng Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.</p> <p>A. Muốn sáng tạo nghệ thuật, phải có nhiều trải nghiệm t</p> <p>B. Thành công sẽ đến khi chúng ta biết nỗ lực vượt qua kh</p>	
<p>- Câu 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Những trải nghiệm nào ngày thơ ấu đã hun đúc nên tài năng của An-đéc-xen?</p>	<p>- HS đọc câu 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 2.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: Cha đưa An-đéc-xen tới đồng cỏ chơi, làm chiếc kính để cậu nhìn ra xa. Cậu quan sát chim chóc, thiên nga, dãy núi rồi liên tưởng đến câu chuyện kì diệu. Cha làm rối gỗ, dựng sân khấu; cậu may quần áo cho rối, biểu diễn, ca hát, đọc thơ. Cậu xúc động trước sao chổi và viết câu chuyện Sao chổi.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Vì sao những quan sát nhỏ trong tuổi thơ lại giúp ích cho việc sáng tác?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- GV kết luận: Trải nghiệm tuổi thơ giúp An-đéc-xen có trí tưởng tượng, biết quan sát và có chất liệu để sáng tạo.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<p>- Câu 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Tìm những chi tiết cho thấy An-đéc-xen bộc lộ năng khiếu sáng tác nghệ thuật</p>	<p>- HS đọc câu 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>

ngay từ khi còn nhỏ.	
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: An-đéc-xen quan sát mỗi sự vật rồi liên tưởng đến một câu chuyện kì diệu. Cậu cho rối gỗ di chuyển, lắc lư cái đầu và trò chuyện. Cậu may quần áo cho rối gỗ, đưa rối lên biểu diễn. Cậu đứng trên sân khấu ca hát và đọc thơ. Cậu viết câu chuyện Sao chổi.
- GV hỏi mở rộng: Những chi tiết đó cho thấy An-đéc-xen là người như thế nào?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: An-đéc-xen có trí tưởng tượng phong phú, say mê nghệ thuật và sớm có năng khiếu sáng tác.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: An-đéc-xen đã bày tỏ tâm nguyện gì với Quốc vương Đan Mạch? Theo em, vì sao Quốc vương Đan Mạch ủng hộ tâm nguyện của An-đéc-xen?	- HS đọc câu 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: An-đéc-xen bày tỏ rằng mình muốn đến nhiều nơi để trải nghiệm cuộc sống. Quốc vương ủng hộ vì yêu thích cuốn sách đầu tiên của ông, trân trọng tài năng của ông và hiểu rằng trải nghiệm sẽ giúp ông sáng tác tốt hơn.
- GV hỏi mở rộng: Nếu được tham gia một chuyến trải nghiệm để viết bài, em muốn đi đâu?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Người biết học hỏi từ cuộc sống sẽ có thêm hiểu biết, cảm xúc và chất liệu sáng tạo.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 4. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Nhờ đâu An-đéc-xen viết được nhiều tác phẩm hay?	- HS đọc câu 4 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm vở cá nhân, sau đó trao đổi nhóm 2.	- HS làm vở cá nhân, sau đó trao đổi nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác	- HS trình bày: Nhờ những trải nghiệm

nhận xét, bổ sung.	phong phú khi chu du khắp các nước. Ông quen biết nhiều người thuộc nhiều tầng lớp. Ông có trái tim nhân hậu, biết bất bình trước cái xấu, thương cảm với thân phận bé nhỏ và trân trọng tâm hồn trong sáng, cao thượng.
- GV hỏi mở rộng: Theo em, chỉ trải nghiệm thôi đã đủ để viết hay chưa?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Trải nghiệm cần đi cùng quan sát tinh tế, trái tim nhân hậu và thái độ học hỏi nghiêm túc.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 5. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Câu chuyện Trải nghiệm để sáng tạo muốn nói với chúng ta điều gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.	- HS đọc câu 5 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 2.	- HS thảo luận nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS chọn đáp án A: Muốn sáng tạo nghệ thuật, phải có nhiều trải nghiệm thực tế. HS có thể nêu thêm: Càng trải nghiệm thực tế, chúng ta càng mở rộng hiểu biết và có thêm ý tưởng sáng tạo.
- GV hỏi mở rộng: Em sẽ làm gì để biến một hoạt động trải nghiệm thành bài học cho bản thân?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Bài đọc khuyến khích chúng ta chủ động trải nghiệm, quan sát, lắng nghe và ghi nhận điều học được để phát triển năng lực sáng tạo.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- GV diễn giải tích hợp: + Trải nghiệm giúp HS học bằng việc làm thật, quan sát thật và cảm nhận thật. + Khi được tham gia hoạt động trải nghiệm, HS có quyền bày tỏ ý tưởng, nêu cảm xúc và chia sẻ điều mình học được. + HS cần chủ động thử nghiệm, biết rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động. + Khi trải nghiệm, HS cần đảm bảo an toàn, tuân thủ hướng dẫn của thầy cô và tôn trọng bạn bè.	- HS lắng nghe. - HS nêu việc bản thân sẽ làm: tích cực tham gia trải nghiệm, ghi lại điều học được, mạnh dạn chia sẻ ý tưởng với bạn.
4. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút) Mục tiêu: Liên hệ nội dung bài đọc với trải nghiệm của bản thân. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS viết nhanh 2 - 3 câu: “Một trải nghiệm giúp em có thêm ý tưởng sáng	- HS viết vào vở. Ví dụ: Một lần tham gia ngày hội STEM, em

tạo là...”	được làm mô hình xe chạy bằng bóng bay. Trải nghiệm đó giúp em hiểu rằng khi thử nhiều cách khác nhau, em sẽ tìm được cách làm tốt hơn.
- GV gọi 1 - 2 HS chia sẻ; nhận xét và dặn HS chuẩn bị bài Luyện tập sử dụng từ điển.	- HS chia sẻ; ghi nhiệm vụ chuẩn bị tiết sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 19: TRẢI NGHIỆM ĐỂ SÁNG TẠO

TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: LUYỆN TẬP SỬ DỤNG TỪ ĐIỂN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Biết sử dụng từ điển tiếng Việt để tra cứu nghĩa của từ; biết lựa chọn loại từ điển phù hợp với mục đích tra cứu.
- Tìm được nghĩa của thành ngữ theo các bước gợi ý trong SGK; nêu được tên một số loại từ điển thường dùng.
- Vận dụng việc tra cứu từ điển để mở rộng vốn từ phục vụ nói và viết.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, chủ động thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh sản phẩm học tập theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, vận dụng vốn từ và trải nghiệm để nói, viết sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực tra cứu, ghi chép nghĩa từ và hoàn thành bài tập.
- Trách nhiệm: sử dụng từ điển, công cụ số đúng mục đích; không sao chép máy móc.

4. Tích hợp

NLS: 3.1.CB2a - HS lập bản đồ ý tưởng số về trải nghiệm và vốn từ phục vụ viết sáng tạo.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; hình bài tập Luyện tập sử dụng từ điển được cắt đúng vị trí.
- Một số cuốn từ điển giấy hoặc từ điển số; phiếu học tập nhóm.
- Máy tính, máy chiếu; có thể dùng Canva, Google Docs, Jamboard hoặc phần mềm sơ đồ tư duy.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: Ôn lại cách sử dụng từ điển đã học và tạo tâm thế làm bài.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV hỏi: Khi gặp một từ chưa hiểu, em có thể làm gì để biết nghĩa của từ?	- HS trả lời: Em có thể hỏi thầy cô, hỏi người lớn, đọc chú thích, tra từ điển giấy hoặc từ điển số.
- GV yêu cầu HS nhắc lại lợi ích của việc dùng từ điển.	- HS nêu: Từ điển giúp em hiểu nghĩa từ, biết cách dùng từ, mở rộng vốn từ và viết câu chính xác hơn.
2. Luyện tập: Bài 1 (7 phút) <i>Mục tiêu: HS sử dụng từ điển tiếng Việt để tra cứu nghĩa của từ.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS quan sát Bài 1 trong SGK.	- HS quan sát Bài 1 .

<p>LUYỆN TỪ VÀ CÂU</p> <p>LUYỆN TẬP SỬ DỤNG TỪ ĐIỂN</p> <p>1. Sử dụng từ điển tiếng Việt để tra cứu nghĩa của các từ <i>chăm chỉ</i> và <i>kiên trì</i>.</p> <p>2. Đọc tên các cuốn từ điển dưới đây và trả lời câu hỏi.</p>  <p>a. Từ điển nào giúp em tìm được những từ đồng nghĩa với từ <i>kiên trì</i>?</p> <p>b. Em sử dụng từ điển nào để tìm hiểu nghĩa của thành ngữ <i>biết mười</i> hoặc thành ngữ <i>mất thấy tai nghe</i>?</p> <p>3. Tìm nghĩa của thành ngữ <i>mất thấy tai nghe</i> dựa vào mẫu dưới đây.</p> <p>M: Tìm nghĩa của thành ngữ <i>học một biết mười</i>. Bước 1: Chọn từ điển thành ngữ. Bước 2: Tìm mục từ bắt đầu bằng chữ H. Bước 3: Tìm thành ngữ <i>học một biết mười</i>. – Tìm tiếng học. – Tìm thành ngữ <i>học một biết mười</i>. Bước 4: Đọc nghĩa của thành ngữ <i>học một biết mười</i>. Lưu ý: Đọc bằng chữ viết tắt để biết quy ước chữ viết tắt tra (Vd: ví dụ, Gngh: gần nghĩa,...).</p> <p>Học một biết mười: thông minh (sáng dạ), từ điều học suy rộng ra biết nhiều hơn. Vd: <i>Ngay từ nhỏ, Lê Quý Đôn đã học một biết mười</i>. Gngh: học đâu hiểu đó.</p>	
<p>- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Sử dụng từ điển tiếng Việt để tra cứu nghĩa của các từ <i>chăm chỉ</i> và <i>kiên trì</i>.</p>	<p>- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 2.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: Chăm chỉ: siêng năng, chịu khó làm việc, học tập. Kiên trì: bền bỉ theo đuổi công việc, không nản lòng trước khó khăn.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Hai từ <i>chăm chỉ</i> và <i>kiên trì</i> giống, khác nhau thế nào?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- GV kết luận: Khi tra từ điển, cần đọc đúng mục từ và chọn nghĩa phù hợp ngữ cảnh.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<p>3. Luyện tập: Bài 2 (8 phút) Mục tiêu: HS biết chọn đúng loại từ điển theo mục đích tra cứu. Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Đọc tên các cuốn từ điển dưới đây và trả lời câu hỏi.</p>	<p>- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác</p>	<p>- HS trình bày: Câu a: Từ điển từ đồng nghĩa</p>

nhận xét, bổ sung.	tiếng Việt giúp tìm từ đồng nghĩa với chăm chỉ, kiên trì. Câu b: Từ điển thành ngữ và tục ngữ giúp tìm hiểu nghĩa thành ngữ học một biết mười hoặc thành ngữ mắt thấy tai nghe.
- GV hỏi mở rộng: Vì sao không dùng từ điển Anh - Việt để tìm nghĩa thành ngữ tiếng Việt?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Mỗi loại từ điển có công dụng riêng, cần chọn đúng từ điển theo mục đích tra cứu.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.

4. Luyện tập: Bài 3 (8 phút)

Mục tiêu: HS thực hành tìm nghĩa thành ngữ theo các bước gợi ý trong SGK.

Mục tiêu tích hợp: HS biết dùng công cụ số để lập bản đồ ý tưởng về trải nghiệm và vốn từ phục vụ viết sáng tạo.

Cách tiến hành:

- Bài 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Tìm nghĩa của thành ngữ mắt thấy tai nghe dựa vào mẫu dưới đây.	- HS đọc bài 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Mắt thấy tai nghe nghĩa là chính mình trực tiếp nhìn thấy, nghe thấy, chứng kiến sự việc nên thông tin có cơ sở, đáng tin cậy.
- GV hỏi mở rộng: Em hãy đặt một câu có thành ngữ mắt thấy tai nghe.	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Khi tra thành ngữ, cần tìm theo tiếng đầu và đọc ví dụ để hiểu cách dùng.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- GV hướng dẫn tích hợp NLS: + GV hướng dẫn HS dùng Canva, Jamboard, Google Docs hoặc phần mềm sơ đồ tư duy để lập bản đồ ý tưởng. + Ở trung tâm bản đồ, HS ghi “Trải nghiệm”. + Các nhánh có thể ghi: hoạt động đã tham gia, cảm xúc, từ ngữ miêu tả, nhân vật, bài học rút ra. + HS chọn từ ngữ đã tra trong từ điển để đưa vào bản đồ. + HS không nhập thông tin cá nhân lên công cụ số, không sao chép máy móc và ghi nguồn nếu dùng tư liệu ngoài SGK.	- HS thực hiện theo hướng dẫn. - HS có thể lập bản đồ ý tưởng trên giấy nếu lớp không sử dụng thiết bị số. - HS chia sẻ sản phẩm và nhận xét sản phẩm của bạn bằng lời lịch sự.

5. Luyện tập: Bài 4 (5 phút)

Mục tiêu: HS nêu được tên một số từ điển thường dùng.

Cách tiến hành:

- Bài 4. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Nêu tên một số từ điển mà em biết.	- HS đọc bài 4 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm vở cá nhân, sau đó trao đổi nhóm 2.	- HS làm vở cá nhân, sau đó trao đổi nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Từ điển Anh - Việt. Từ điển bằng tranh - Thế giới động vật. Từ điển tiếng Việt. Từ điển Việt - Anh. Từ điển từ đồng nghĩa tiếng Việt. Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam.
- GV hỏi mở rộng: Khi dùng từ điển số, em cần lưu ý điều gì?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Biết chọn và dùng từ điển đúng cách giúp bài nói, bài viết rõ ràng, giàu vốn từ.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
6. Vận dụng - Trải nghiệm (2 phút) <i>Mục tiêu: Vận dụng cách sử dụng từ điển để mở rộng vốn từ.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS chọn một từ muốn dùng trong đoạn văn giới thiệu nhân vật và nêu cách tra nghĩa.	- HS nêu: Em chọn từ nhân hậu. Em sẽ tra trong Từ điển tiếng Việt để hiểu nghĩa và tìm ví dụ cách dùng.
- GV dặn HS chuẩn bị đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách ở tiết Viết.	- HS ghi nhiệm vụ học tập.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 19: TRẢI NGHIỆM ĐỀ SÁNG TẠO**TIẾT 3: VIẾT: VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT CUỐN SÁCH****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Viết được đoạn văn giới thiệu một nhân vật trong cuốn sách đã đọc; tập trung nêu đặc điểm nổi bật của nhân vật.
- Biết thể hiện tình cảm, cảm xúc đối với nhân vật và khích lệ người đọc tìm đọc cuốn sách.
- Biết đọc soát, chỉnh sửa đoạn văn về nội dung, dùng từ, đặt câu và trình bày.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, chủ động thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh sản phẩm học tập theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, vận dụng vốn từ và trải nghiệm để nói, viết sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực viết, đọc soát và chỉnh sửa bài viết.
- Nhân ái: biết trân trọng phẩm chất tốt đẹp của nhân vật trong sách.
- Trách nhiệm: viết bằng suy nghĩ của mình, không sao chép bài của người khác hoặc công cụ số.

4. Tích hợp

AI: 5.C4.2 - Dùng trợ lí số tìm từ đồng nghĩa, từ láy giàu hình ảnh để mở rộng vốn từ khi viết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; hình phần Viết được cắt đúng vị trí.
- Dàn ý/tìm ý đã chuẩn bị ở **Bài 18**; phiếu đọc soát đoạn văn.
- Máy tính, máy chiếu; có thể minh họa cách dùng trợ lí số để gợi ý từ ngữ nhưng không viết thay HS.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Nhắc lại kết quả tìm ý ở Bài 18 và kết nối vào nhiệm vụ viết đoạn văn. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nhắc lại tên nhân vật, tên cuốn sách và đặc điểm nổi bật của nhân vật đã tìm ý.	- HS nêu: Em chọn nhân vật Ma-ri-a; nhân vật có đặc điểm ham quan sát, say mê khám phá.
- GV hỏi: Đoạn văn giới thiệu nhân vật cần tập trung vào điều gì?	- HS trả lời: Cần giới thiệu tên nhân vật, tên cuốn sách, đặc điểm nổi bật, dẫn chứng và tình cảm của người viết.
2. Khám phá: Xác định yêu cầu đề bài (8 phút) Mục tiêu: HS đọc đề bài, xác định đúng nhiệm vụ viết. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát phần Viết trong SGK.	- HS quan sát đề bài và phần lưu ý.

<div> <div>VIỆT</div> <div> <div>VIẾT ĐOẠN VĂN</div> <div>GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT CUỐN SÁCH</div> </div> <div> <p>Đề bài: Viết đoạn văn giới thiệu một nhân vật trong cuốn đã đọc.</p> <p>1. Dựa vào kết quả tìm ý trong hoạt động Viết ở Bài 18, viết giới thiệu nhân vật trong cuốn sách mà em đã đọc.</p> <p><i>Lưu ý:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Tập trung giới thiệu những đặc điểm nổi bật của nhân vật. <p><i>Ví dụ:</i></p> <p>Ma-ri-a rất ưa quan sát. Hồi 6 tuổi, mỗi khi gia nhân bưng lại để ý sự chuyển động của tách đựng trà trên đĩa. Là say mê khám phá, Ma-ri-a làm đi làm lại thí nghiệm để gì điều kì lạ cô đã thấy. Cuối cùng, cô đã phát hiện ra: Khi giữ đĩa có một chút nước thì tách trà sẽ đứng yên.</p> <p><i>Thế hiện tình cảm, cảm xúc đối với nhân vật, qua đó khích lệ cùng tìm đọc cuốn sách.</i></p> <p><i>Ví dụ:</i></p> <p>Đọc cuốn <i>Những tấm lòng cao cả</i> của A-mi-xi, tôi vô cùng thấy Cơ-rô-xét-ti. Sau rất nhiều năm, thấy vẫn nhớ tên, nhớ chỗ ngồi của học trò và còn giữ được cả bức học trò ngày ấy.</p> <p>2. Đọc soát và chỉnh sửa.</p> <div> <div>Bố cục đoạn văn</div> <div>Nội dung giới thiệu nhân vật</div> </div> </div> </div>	
<p>- Đề bài. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Viết đoạn văn giới thiệu một nhân vật trong cuốn sách em đã đọc.</p>	<p>- HS đọc đề bài và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 2.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: Đề bài yêu cầu viết một đoạn văn.</p> <p>Nội dung là giới thiệu một nhân vật trong cuốn sách em đã đọc.</p> <p>Đoạn văn cần nêu tên nhân vật, tên cuốn sách, đặc điểm nổi bật và tình cảm của người viết.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Đề bài yêu cầu kể lại cả câu chuyện hay giới thiệu nhân vật?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- GV kết luận: HS cần giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách đã đọc, không kể lại toàn bộ câu chuyện.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<div> <p>3. Khám phá: Hướng dẫn cách viết (10 phút)</p> <p><i>Mục tiêu: HS nắm được bố cục và nội dung cần có trong đoạn văn.</i></p> <p><i>Mục tiêu tích hợp: HS biết sử dụng trợ lí số ở mức tham khảo, không nhờ AI viết thay bài.</i></p> <p><i>Cách tiến hành:</i></p> </div>	
<p>- GV hướng dẫn bố cục đoạn văn:</p> <p>+ Câu mở đoạn: giới thiệu tên nhân vật và tên cuốn sách.</p>	<p>- HS lắng nghe và đối chiếu với phần tìm ý đã chuẩn bị.</p>

<ul style="list-style-type: none"> + Các câu tiếp theo: nêu đặc điểm nổi bật của nhân vật và dẫn chứng cụ thể. + Câu kết đoạn: nêu tình cảm, cảm xúc hoặc lời khích lệ đọc sách. 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn tích hợp AI: + GV minh họa cách hỏi trợ lý số để tìm từ đồng nghĩa, từ láy giàu hình ảnh cho các từ như chăm chỉ, nhân hậu, kiên trì, thông minh. + HS chỉ dùng gợi ý của AI để tham khảo, sau đó tự chọn từ phù hợp. + HS kiểm chứng lại từ ngữ bằng từ điển hoặc hỏi GV khi chưa chắc chắn. + HS không nhập thông tin cá nhân vào công cụ AI. + HS không nhờ AI viết hộ; câu văn và cảm xúc phải do HS tự viết. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhắc lại nguyên tắc sử dụng AI: + Chỉ tham khảo từ ngữ. + Không sao chép máy móc. + Không nhập thông tin cá nhân. + Tự viết bằng suy nghĩ và cảm xúc của mình.
<p>4. Luyện tập: Bài 1 (15 phút) Mục tiêu: HS viết được đoạn văn giới thiệu nhân vật. Cách tiến hành:</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Dựa vào kết quả tìm ý trong hoạt động Viết ở Bài 18, viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong cuốn sách mà em đã đọc. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm vở cá nhân. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm vở cá nhân; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
<ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày: HS viết đoạn văn khoảng 6 - 8 câu. Ví dụ: Trong cuốn Những tấm lòng cao cả, em rất ấn tượng với thầy Cơ-rô-xét-ti. Thầy là người yêu thương học trò và có trí nhớ thật đặc biệt. Sau nhiều năm, thầy vẫn nhớ tên, nhớ tính nết, nhớ chỗ ngồi của học trò. Em cảm phục tấm lòng tận tụy của thầy. Nhân vật thầy Cơ-rô-xét-ti khiến em muốn đọc kĩ hơn cuốn sách này.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi mở rộng: Đoạn văn của bạn đã có dẫn chứng cho đặc điểm nhân vật chưa? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
<ul style="list-style-type: none"> - GV kết luận: Đoạn văn giới thiệu nhân vật cần có thông tin chính xác, chi tiết tiêu biểu và tình cảm chân thành. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
<p>5. Luyện tập: Bài 2 (5 phút) Mục tiêu: HS biết đọc soát và chỉnh sửa đoạn văn. Cách tiến hành:</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Đọc soát và chỉnh sửa. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả

gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS nhóm 2.	lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS đọc soát theo các tiêu chí: + Bố cục đoạn văn. + Nội dung giới thiệu. + Dẫn chứng minh họa. + Cách dùng từ, viết câu.
- GV hỏi mở rộng: Khi góp ý bài của bạn, em cần chú ý điều gì?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Đọc soát giúp đoạn văn đúng hơn, rõ hơn và thể hiện cảm xúc tốt hơn.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
6. Vận dụng - Trải nghiệm (2 phút) <i>Mục tiêu: Chia sẻ đoạn văn với người thân.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS về nhà chia sẻ với người thân nội dung đã viết ở đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.	- HS ghi nhiệm vụ về nhà, hoàn thiện đoạn văn sau khi được góp ý.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 20: KHỔ LUYỆN THÀNH TÀI

TIẾT 1 - 2: ĐỌC: KHỔ LUYỆN THÀNH TÀI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng và diễn cảm văn bản Khổ luyện thành tài; biết đọc lời kể và lời nhân vật với giọng phù hợp.
- Hiểu nghĩa một số từ khó; nhận biết được quá trình học vẽ của Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi và ý nghĩa lời dạy của thầy Vê-rô-ki-ô.
- Trả lời được câu hỏi đọc hiểu và làm được bài tập luyện tập theo văn bản đọc; hiểu rằng thành công cần sự rèn luyện bền bỉ.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, chủ động thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh sản phẩm học tập theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, vận dụng vốn từ và trải nghiệm để nói, viết sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, tìm chi tiết và hoàn thành bài tập.
- Trách nhiệm: biết tự giác luyện tập để phát triển năng khiếu, năng lực của bản thân.
- Nhân ái: biết tôn trọng, khích lệ sự cố gắng của bạn trong học tập.

4. Tích hợp

Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục đức tính kiên trì, tự giác, vượt khó; hiểu thành công cần quá trình rèn luyện bền bỉ.

Quyền con người: Lòng ghép quyền được phát triển năng khiếu và được khích lệ trong quá trình học tập, luyện tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; tranh minh họa và văn bản Khổ luyện thành tài.
- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi; hình SGK được cắt đúng nội dung bài đọc, câu hỏi và bài tập.
- Phiếu học tập đọc hiểu; bảng phụ ghi từ khó, câu dài cần luyện đọc.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Gợi suy nghĩ của HS về nhan đề Khổ luyện thành tài. Cách tiến hành:	
- GV mời HS đọc yêu cầu khởi động trong SGK: Nhan đề bài đọc Khổ luyện thành tài gợi cho em suy nghĩ gì?	- 1 HS đọc yêu cầu; cả lớp đọc thầm.

 <p>20 KHỔ LUYỆN THÀNH TÀI</p> <p>ĐỌC</p> <p>Nhan đề bài đọc <i>Khổ luyện thành tài</i> gợi cho em suy nghĩ gì?</p> <p>KHỔ LUYỆN THÀNH TÀI</p> <p>Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi có niềm đam mê hội họa từ nhỏ. Năm 14 tu được cha đưa đến gặp danh họa Vê-rô-ki-ô để học vẽ.</p> <p>Buổi học đầu tiên, thầy giáo đưa một quả trứng gà và bảo Lê-ô-nác-đô vẽ. Cậu bé rất vui, vì vẽ trứng là việc quá dễ dàng. Cậu cầm cọ cẩn thận vẽ từng nét, từng nét. Ngày hôm sau, thầy giáo lại đưa trứng gà và bảo Lê-ô-nác-đô vẽ tiếp. Rồi mấy ngày sau cũng vậy. Cậu có chút không vui, nghĩ: "Trứng gà có gì hay ho đâu mà thầy bắt như thế?". Dần dần, cậu cảm thấy chán nản với yêu cầu của thầy giáo rằng thầy coi thường năng lực của mình.</p> <p>Một hôm, cậu mạnh dạn hỏi thầy: "Tại sao thầy luôn bắt vẽ trứng thế ạ?". Thầy giáo nói: "Em đúng nghĩ vẽ trứng gà là đơn giản. Trong một nghìn quả trứng, không thể tìm ra hai quả hoàn toàn giống nhau. Cho dù là cùng một quả trứng, nhưng nếu em nhìn những góc độ khác nhau thì cũng sẽ thấy những hình dạng khác. Hơn nữa, ánh sáng cũng là yếu tố ảnh hưởng đến hình dạng của nó. Muốn thể hiện chính xác quả trứng trên giấy, không thể bỏ qua khổ luyện."</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS thảo luận nhóm 2 để nêu suy nghĩ về nhan đề. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trao đổi: Nhan đề gợi em nghĩ đến việc muốn thành công phải chăm chỉ, kiên trì luyện tập.
<ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 2 - 3 HS trình bày. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày: Người có tài không chỉ do năng khiếu mà còn do khổ luyện, không bỏ cuộc trước khó khăn.
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét và dẫn vào bài đọc <i>Khổ luyện thành tài</i>. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, chuẩn bị đọc bài.
<p>2. Khám phá: Hoạt động luyện đọc (20 phút)</p> <p><i>Mục tiêu: Đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản; hiểu nghĩa từ khó.</i></p> <p><i>Cách tiến hành:</i></p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV đọc cả bài; đọc diễn cảm theo lời nhân vật và lời người dẫn chuyện. GV chú ý giọng kể chậm rãi; giọng thầy giáo ân cần nhưng nghiêm khắc. Nếu trong lớp có HS đọc tốt, GV có thể mời 3 em đọc nối tiếp các đoạn trong bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe GV đọc mẫu, theo dõi văn bản trong SGK; 3 HS đọc nối tiếp nếu được mời.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn cách đọc: Đây là văn bản truyện, HS cần đọc thể hiện được tình cảm, cảm xúc của mỗi nhân vật qua các lời thoại trong văn bản; biết phân biệt lời người dẫn chuyện với lời nhân vật. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, xác định giọng đọc: <ul style="list-style-type: none"> + Lời người dẫn chuyện: rõ ràng, chậm rãi. + Lời thầy giáo: ân cần nhưng nghiêm khắc. + Lời Lê-ô-nác-đô: lúc đầu chán nản, sau đó hiểu ra và quyết tâm.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi, năng lực, sự khổ công, thắc mắc,...; GV sửa lỗi cụ thể cho HS khi đọc bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nối tiếp đoạn lần 1; HS nêu từ khó cụ thể: Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi, Vê-rô-ki-ô, năng lực, sự khổ công, thắc mắc, khổ luyện, hội họa.
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp; GV theo dõi, sửa lỗi phát âm, ngắt 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc về phát âm, ngắt nghỉ,

nghe và nhắc HS thể hiện đúng lời nhân vật.	giọng đọc lời người dẫn chuyện và lời nhân vật.
- GV cho HS làm việc theo nhóm: mỗi HS đọc hai đoạn, đọc nối tiếp, sau đó đổi đoạn để đọc.	- HS làm việc theo nhóm; mỗi em đọc hai đoạn, nghe bạn đọc, góp ý cho bạn và đổi đoạn để đọc.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: đọc nhằm toàn bài một lượt. GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.	- HS đọc nhằm toàn bài một lượt, chú ý lời thầy giáo và lời Lê-ô-nác-đô.
- GV hỏi HS có từ ngữ nào trong bài đọc mà chưa hiểu. GV giải thích hoặc hướng dẫn HS tra từ điển: + Khổ luyện: luyện tập rất vất vả, bền bỉ trong thời gian dài. + Thắc mắc: điều chưa hiểu, muốn hỏi cho rõ. + Danh hoạ: hoạ sĩ nổi tiếng. + Hội hoạ: nghệ thuật vẽ tranh. + Chán nản: mất hứng thú, không còn muốn tiếp tục.	- HS nêu từ chưa hiểu: khổ luyện, thắc mắc, danh hoạ, hội hoạ, chán nản. - HS lắng nghe GV giải nghĩa hoặc tra từ điển; HS nêu lại nghĩa của 1 - 2 từ theo cách hiểu của mình.
3. Luyện tập: Hoạt động đọc hiểu (25 phút) <i>Mục tiêu: Trả lời các câu hỏi đọc hiểu trong SGK.</i> Mục tiêu tích hợp: HS hiểu đức tính kiên trì, tự giác, vượt khó và quyền được khích lệ trong học tập, luyện tập. <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV cho HS quan sát phần câu hỏi đọc hiểu trong SGK.	- HS quan sát câu hỏi, bài tập.

<p>Ngừng một lát, thầy nói tiếp: “Trong quá trình vẽ, em chú ý điều gì? Thầy muốn luyện tầm nhìn cho em, đây là bước dẫn đến thành công của hội họa. Chỉ có vẽ tốt quả trứng gà mới có thể vẽ được những sự vật phức tạp.”</p> <p>Nghe những lời nói đó, Lê-ô-nác-đô bỗng hiểu ra mọi điều và cảm nhận được sự khổ công của thầy.</p> <p>Từ đó về sau, Lê-ô-nác-đô luôn nhớ lời thầy, khổ luyện vẽ tranh. Một năm... hai năm..., trình độ vẽ tranh của Lê-ô-nác-đô ngày càng được nâng cao, cuối cùng đã xuất sắc hơn thầy của mình. Lê-ô-nác-đô đã Vin-xi trở thành họa sĩ Ý nổi tiếng thế giới.</p> <p>(Theo 101 câu chuyện học sinh cần đọc giúp các em trở thành nhà khoa học tương lai)</p> <p>Lê-ô-nác-đô (145)</p> <p>? 1. Những ngày đầu tiên đi học vẽ, vì sao Lê-ô-nác-đô đã Vin-xi chán nản?</p> <p>2. Vì sao thầy giáo cho rằng việc vẽ trứng là không dễ dàng?</p> <p>3. Lê-ô-nác-đô hiểu ra điều gì từ câu trả lời của thầy giáo?</p> <p>4. Em học hỏi được điều gì từ câu chuyện của Lê-ô-nác-đô?</p> <p>5. Câu tục ngữ nào sau đây nói lên ý nghĩa của câu chuyện? Chọn</p> <p>A. Có công mài sắt, có ngày nên kim. B. Không thấy đổ mỳ làm nên. C. Lá lành đùm lá rách. D. Ăn quả nhớ người trồng cây.</p> <p>? 1. Tìm các từ ngữ trong và ngoài bài thể hiện nỗ lực của một người trên con đường đi đến thành công.</p> <p>M: khổ công, kiên trì</p> 	
<p>- Câu 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Những ngày đầu tiên đi học vẽ, vì sao Lê-ô-nác-đô đã Vin-xi cảm thấy chán nản?</p>	<p>- HS đọc câu 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 2.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: Vì thầy giáo chỉ đưa một quả trứng gà và bảo cậu vẽ. Ngày hôm sau, thầy lại đưa quả trứng gà và bảo cậu vẽ tiếp. Rồi mấy ngày sau cũng vậy nên cậu nghĩ việc vẽ trứng quá dễ, quá đơn điệu và cho rằng thầy coi thường năng lực của mình.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Nếu em phải luyện đi luyện lại một việc đơn giản, em sẽ cảm thấy thế nào?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- GV kết luận: Lê-ô-nác-đô thấy chán nản vì chưa hiểu ý nghĩa của việc luyện tập từ những điều cơ bản.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<p>- Câu 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Vì sao thầy giáo cho rằng việc vẽ trứng là không dễ dàng?</p>	<p>- HS đọc câu 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập,</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống</p>

gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Vì trong một nghìn quả trứng không thể tìm ra hai quả hoàn toàn giống nhau. Khi nhìn từ những góc độ khác nhau, quả trứng có những hình dạng khác nhau. Ánh sáng cũng là yếu tố ảnh hưởng đến hình dạng của vật. Muốn thể hiện chính xác trên giấy cần khổ luyện.
- GV hỏi mở rộng: Qua lời thầy, em hiểu điều gì về việc học một kỹ năng mới?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Việc tưởng đơn giản cũng cần quan sát kỹ, luyện tập nhiều và làm cẩn thận.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Lê-ô-nác-đô hiểu ra điều gì từ câu trả lời của thầy giáo?	- HS đọc câu 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 2.	- HS thảo luận nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Lê-ô-nác-đô hiểu rằng thầy muốn luyện tầm nhìn cho mình. Vẽ quả trứng là bước đầu tiên dẫn đến thành công của hội họa. Muốn vẽ được những sự vật phức tạp thì không thể bỏ qua sự khổ luyện từ những điều đơn giản.
- GV hỏi mở rộng: Tại sao thầy lại bắt đầu bằng quả trứng chứ không phải vật phức tạp?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Bài học cơ bản là nền tảng để người học tiến tới những kỹ năng khó hơn.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 4. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Em học hỏi được điều gì từ câu chuyện của Lê-ô-nác-đô?	- HS đọc câu 4 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS nhóm 4.	- HS nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Em học được cần kiên trì rèn luyện. Không nên xem thường những bài học cơ bản. Muốn thành công phải tự giác, chăm chỉ và biết nghe lời hướng dẫn đúng đắn của thầy cô.
- GV hỏi mở rộng: Trong học tập, em cần	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên

khô luyện ở môn hoặc kĩ năng nào?	hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Câu chuyện nhắc HS biết kiên trì, tự giác luyện tập và không nản lòng trước việc khó.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 5. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Câu tục ngữ nào sau đây nói lên ý nghĩa của câu chuyện? Chọn đáp án đúng.	- HS đọc câu 5 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm vở cá nhân, sau đó trao đổi nhóm 2.	- HS làm vở cá nhân, sau đó trao đổi nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Đáp án đúng: A. Có công mài sắt, có ngày nên kim. Câu tục ngữ này nói về sự kiên trì, bền bỉ luyện tập để đạt thành công.
- GV hỏi mở rộng: Vì sao các đáp án B, C, D không phù hợp bằng đáp án A?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Ý nghĩa chính của câu chuyện là thành công đến từ sự kiên trì và quá trình rèn luyện bền bỉ.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- GV diễn giải tích hợp: + Mỗi HS đều có quyền được học tập, được phát triển năng khiếu và được khích lệ trong quá trình luyện tập. + Để phát triển năng khiếu, HS cần tự giác, kiên trì và không bỏ cuộc khi gặp khó khăn. + GV và bạn bè cần động viên, góp ý tích cực để người học có thêm niềm tin. + Thành công không đến ngay lập tức mà cần quá trình rèn luyện bền bỉ từ những việc nhỏ nhất.	- HS lắng nghe. - HS nêu việc bản thân cần rèn luyện: luyện viết chữ, luyện đọc diễn cảm, luyện vẽ, luyện tính toán, luyện thuyết trình,...
4. Luyện tập theo văn bản đọc (15 phút) Mục tiêu: HS tìm từ ngữ trong và ngoài bài thể hiện nỗ lực; biết dùng từ phù hợp với ngữ cảnh. Cách tiến hành:	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Tìm các từ ngữ trong và ngoài bài thể hiện nỗ lực của một người trên con đường đi đến thành công.	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS nhóm 4.	- HS nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Từ ngữ trong bài: khô công, kiên trì, khô luyện, cố gắng, chăm chỉ. Từ ngữ ngoài bài: bền bỉ, nỗ lực, quyết tâm, tự giác, vượt khó, miệt mài, không bỏ cuộc.
- GV hỏi mở rộng: Từ nào em muốn dùng để	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên

nói về việc học của mình?	hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Những từ ngữ này giúp chúng ta diễn đạt rõ quá trình cố gắng để đạt thành công.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Dùng 2 từ em tìm được ở bài tập 1 để hoàn thiện câu dưới đây: Thành công của Lê-ô-nác-đô là sự kết hợp của hai yếu tố: sự ... dạy dỗ của thầy giáo và sự ... của chính bản thân mình.	- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm vở cá nhân.	- HS làm vở cá nhân; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Thành công của Lê-ô-nác-đô là sự kết hợp của hai yếu tố: sự kiên trì dạy dỗ của thầy giáo và sự khổ luyện của chính bản thân mình. HS có thể chọn: sự tận tình dạy dỗ của thầy giáo và sự kiên trì/khổ luyện của chính bản thân mình.
- GV hỏi mở rộng: Vì sao trong câu này cần chọn từ phù hợp với cả thầy giáo và học trò?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Khi dùng từ, cần chọn từ đúng nghĩa và phù hợp với đối tượng trong câu.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
5. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút) <i>Mục tiêu: Liên hệ bài học về sự kiên trì với bản thân.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS viết 2 - 3 câu nêu việc mình sẽ kiên trì luyện tập trong tuần này.	- HS viết vào vở. Ví dụ: Tuần này em sẽ luyện đọc diễn cảm mỗi ngày 10 phút. Em sẽ đọc chậm, rõ tiếng và nhờ mẹ góp ý để tiến bộ hơn.
- GV gọi 1 - 2 HS chia sẻ, khen HS có kế hoạch rèn luyện cụ thể.	- HS chia sẻ; các bạn lắng nghe, động viên.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 20: KHỔ LUYỆN THÀNH TÀI**TIẾT 3: VIẾT: ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT CUỐN SÁCH****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Nghe được nhận xét chung về đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.
- Biết tự đọc soát, đánh giá đoạn văn theo các tiêu chí: cách mở đoạn, cách giới thiệu đặc điểm nhân vật, cách kết thúc, cách dùng từ, đặt câu.
- Viết lại được một số câu trong bài cho đúng hơn hoặc hay hơn.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, chủ động thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh sản phẩm học tập theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, vận dụng vốn từ và trải nghiệm để nói, viết sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: chủ động đọc soát, chỉnh sửa đoạn văn.
- Trách nhiệm: góp ý cho bạn bằng thái độ tích cực, lịch sự.
- Nhân ái: tôn trọng sản phẩm viết của bạn, biết động viên bạn tiến bộ.

4. Tích hợp

NLS: 2.5.CB2a - HS trao đổi trực tuyến văn minh về ý chí khổ luyện, biết phản hồi tích cực cho bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; hình phần Đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn được cắt đúng vị trí.
- Bài viết của HS; phiếu tự đánh giá và chỉnh sửa đoạn văn.
- Máy tính, máy chiếu; có thể dùng Padlet, Classroom hoặc Google Docs để HS phản hồi văn minh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Gọi nhớ bài viết và tạo tâm thế chỉnh sửa tích cực. Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Khi chỉnh sửa đoạn văn, chúng ta cần xem lại những nội dung nào?	- HS trả lời: Cần xem lại tên nhân vật, tên sách, đặc điểm nhân vật, dẫn chứng, cách dùng từ, đặt câu, lỗi chính tả và cách trình bày.
2. Khám phá: Bài 1 (8 phút) Mục tiêu: HS nghe nhận xét chung và biết ưu điểm, lỗi thường gặp trong đoạn văn giới thiệu nhân vật. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát phần Đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn trong SGK. 	- HS quan sát các tiêu chí đánh giá.

- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Nghe thầy cô nhận xét chung.	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cả lớp.	- HS làm việc cả lớp; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS lắng nghe nhận xét chung theo các tiêu chí: + Cách mở đoạn. + Cách giới thiệu đặc điểm nhân vật. + Cách kết thúc. + Cách dùng từ, đặt câu.
- GV hỏi mở rộng: Vì sao cần nghe nhận xét chung trước khi tự sửa bài?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Nghe nhận xét chung giúp HS biết ưu điểm cần phát huy và lỗi thường gặp cần tránh.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
3. Luyện tập: Bài 2 (14 phút) <i>Mục tiêu: HS tự đọc soát và đánh giá bài viết theo tiêu chí.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết trao đổi trực tuyến hoặc trực tiếp văn minh; phản hồi tích cực để giúp bạn tiến bộ.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Tự đọc soát và đánh giá.	- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS nhóm 2.	- HS nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS tự đánh giá theo các câu hỏi: + Tên nhân vật, tên cuốn sách và chi tiết liên quan có chính xác không? + Các ý trong phần triển khai đã hợp lí chưa? + Dẫn chứng cho đặc điểm của nhân vật đã đầy đủ, phù hợp chưa? + Có lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, trình bày đoạn văn không? Ví dụ trình bày: Bài của em đã có câu mở đoạn và đặc điểm nhân vật, nhưng em cần thêm dẫn chứng và sửa một câu còn lặp từ.
- GV hỏi mở rộng: Khi góp ý cho bạn, em cần nói thế nào để bạn dễ tiếp nhận?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Tự đánh giá giúp HS biết bài viết mạnh ở đâu, cần sửa ở đâu; góp ý lịch sự giúp cả hai bạn cùng tiến bộ.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- GV hướng dẫn tích hợp NLS: + Khi trao đổi bài viết trên Padlet, Classroom hoặc Google Docs, HS cần dùng lời nhận xét văn minh.	- HS thực hành phản hồi tích cực. Ví dụ: Đoạn văn của bạn đã nêu được nhân vật em yêu thích. Bạn có thể thêm một chi tiết trong sách để làm rõ vì sao nhân vật ấy

<p>+ Phản hồi nên có cấu trúc: nêu điểm tốt, nêu điều cần sửa, gợi ý cách sửa.</p> <p>+ HS không viết lời chê bai, không dùng biểu tượng hoặc lời nói làm bạn buồn.</p> <p>+ HS chỉ nhận xét nội dung học tập, không nhận xét ngoại hình hay thông tin cá nhân.</p> <p>+ HS biết phản hồi tích cực về ý chí khổ luyện của bạn: khen bạn biết sửa bài, biết cố gắng viết lại câu cho hay hơn.</p>	<p>kiên trì.</p>
<p>4. Luyện tập: Bài 3 (10 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS viết lại một số câu trong bài cho đúng hơn hoặc hay hơn.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Viết lại một số câu trong bài viết của em cho đúng hơn hoặc hay hơn.</p>	<p>- HS đọc bài 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm vở cá nhân.</p>	<p>- HS làm vở cá nhân; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: Câu cũ: Bạn ấy rất tốt. Câu sửa: Nhân vật ấy luôn giúp đỡ bạn bè khi gặp khó khăn, vì vậy em rất cảm phục tấm lòng nhân hậu của bạn.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Vì sao câu sửa hay hơn câu cũ?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- GV kết luận: Sửa câu cụ thể giúp đoạn văn rõ ý, có dẫn chứng và giàu cảm xúc hơn.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<p>5. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)</p> <p>Mục tiêu: Hoàn thiện bài viết sau khi được góp ý.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS về nhà chép lại đoạn văn đã chỉnh sửa sạch đẹp vào vở.</p>	<p>- HS ghi nhiệm vụ về nhà.</p>
<p>- GV dặn HS chuẩn bị một cuốn sách yêu thích hoặc ghi thông tin về cuốn sách để tiết sau nói và nghe.</p>	<p>- HS chuẩn bị tên sách, tên tác giả, nội dung chính, nhân vật yêu thích và điều em học được từ sách.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 20: KHỔ LUYỆN THÀNH TÀI

TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE: CUỐN SÁCH TÔI YÊU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Biết giới thiệu về một cuốn sách em yêu thích theo nội dung đã chuẩn bị.
- Biết ghi chép thông tin quan trọng khi nghe bạn trình bày; biết đặt câu hỏi để hiểu rõ hơn cuốn sách bạn giới thiệu.
- Biết đánh giá phần trình bày của bạn theo hướng tích cực, lịch sự.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, chủ động thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh sản phẩm học tập theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, vận dụng vốn từ và trải nghiệm để nói, viết sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: chuẩn bị nội dung nói và tích cực tham gia trao đổi.
- Nhân ái: lắng nghe, tôn trọng ý kiến và sở thích đọc sách của bạn.
- Trách nhiệm: chia sẻ sách phù hợp lứa tuổi, nội dung lành mạnh.

4. Tích hợp

Quyền con người: Rèn quyền được bày tỏ ý kiến, biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến khác biệt khi trao đổi về chủ đề khổ luyện thành tài.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; hình phần Nói và nghe được cắt đúng vị trí.
- Một số cuốn sách thiếu nhi phù hợp; phiếu ghi chép khi nghe bạn trình bày.
- Máy tính, máy chiếu hoặc tranh ảnh bìa sách nếu có.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú chia sẻ về cuốn sách yêu thích.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV hỏi: Em đang yêu thích cuốn sách nào? Vì sao em thích cuốn sách đó?	- HS trả lời: Em thích Dế Mèn phiêu lưu kí vì câu chuyện hấp dẫn và có nhiều bài học về tình bạn.
2. Khám phá: Bài 1 - Chuẩn bị (10 phút) <i>Mục tiêu: HS biết chuẩn bị thông tin cần giới thiệu về cuốn sách.</i> Mục tiêu tích hợp: HS được bày tỏ sở thích đọc sách, đồng thời biết tôn trọng sở thích và ý kiến khác biệt của bạn. <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS quan sát phần Nói và nghe trong SGK.	- HS quan sát yêu cầu Chuẩn bị, Trình bày, Đánh giá.

<p>- Còn lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, lỗi trình bày đoạn văn hay</p> <p>3. Viết lại một số câu trong bài viết của em cho đúng hơn hoặc hay</p> <p>NÓI VÀ NGHE</p> <p>CUỐN SÁCH TÔI YÊU</p> <p>Yêu cầu: Giới thiệu cuốn sách mà em yêu thích.</p> <p>1. Chuẩn bị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn 1 cuốn sách em yêu thích. - Dự kiến những thông tin sẽ giới thiệu về cuốn sách. G: + Tên sách, tên tác giả, nội dung chính, các nhân vật,... + Những điều khiến em yêu thích cuốn sách (nhân vật gây ấn tượng, bài học bổ ích trong cuốn sách,...) + Suy nghĩ, cảm xúc của em khi đọc cuốn sách đó <p>2. Trình bày.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về cuốn sách em yêu thích theo nội dung đã chuẩn bị. - Trả lời câu hỏi của bạn về cuốn sách em giới thiệu. <p><i>Lưu ý:</i> Khi nghe bạn trình bày, ghi chép những thông tin quan trọng để chuẩn bị câu hỏi để hiểu rõ hơn cuốn sách bạn giới thiệu.</p>	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Chuẩn bị.	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 2.	- HS thảo luận nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS chuẩn bị theo gợi ý: + Tên sách: <i>Dế Mèn phiêu lưu kí</i> . + Tác giả: Tô Hoài. + Nội dung chính: hành trình phiêu lưu và trưởng thành của Dế Mèn. + Điều em thích: Dế Mèn biết nhận lỗi, biết sống có trách nhiệm.
- GV hỏi mở rộng: Khi giới thiệu sách, em cần nói những thông tin nào?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Bài nói cần có tên sách, tác giả, nội dung chính, điều em yêu thích và cảm xúc của em.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
<p>3. Luyện tập: Bài 2 - Trình bày (22 phút)</p> <p><i>Mục tiêu:</i> Trình bày được về cuốn sách yêu thích; biết lắng nghe, ghi chép và đặt câu hỏi.</p> <p><i>Cách tiến hành:</i></p>	
- GV mời HS đọc Bài 2: Trình bày.	- 1 HS đọc yêu cầu; cả lớp đọc thầm.
- GV tổ chức cho HS trình bày trong nhóm 4; khi nghe bạn nói, HS ghi chép thông tin quan trọng và chuẩn bị câu hỏi.	- HS trình bày trong nhóm 4; các bạn ghi chép tên sách, tác giả, điều thú vị và câu hỏi muốn hỏi.
- GV gọi 2 - 3 HS trình bày trước lớp.	- HS trình bày cụ thể: Em xin giới thiệu cuốn <i>Dế Mèn phiêu lưu kí</i> của nhà văn Tô Hoài. Cuốn sách kể về hành trình phiêu lưu của Dế Mèn. Em yêu thích cuốn sách vì Dế Mèn từ một chú dế kiêu căng đã biết nhận lỗi, biết sống có trách nhiệm và biết giúp đỡ bạn bè. Cuốn sách giúp em hiểu rằng ai cũng có thể trưởng thành nếu biết sửa sai. Em mong các bạn sẽ

	tìm đọc cuốn sách này.
- GV mời HS đặt câu hỏi cho bạn sau khi nghe trình bày.	- HS đặt câu hỏi: + Nhân vật nào trong sách làm bạn ấn tượng nhất? + Bài học nào trong cuốn sách khiến bạn nhớ nhất? + Vì sao bạn muốn giới thiệu cuốn sách này cho chúng em?
- GV hỏi mở rộng: Khi bạn giới thiệu cuốn sách khác với sở thích của em, em cần làm gì?	- HS trả lời: Em cần lắng nghe, tôn trọng sở thích của bạn, có thể đặt câu hỏi lịch sự để hiểu thêm.
- GV kết luận: Mỗi bạn có quyền bày tỏ sở thích đọc sách, đồng thời cần biết lắng nghe, tôn trọng và trao đổi văn minh với bạn.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách trao đổi.
- GV diễn giải tích hợp: + HS có quyền được bày tỏ ý kiến về cuốn sách mình yêu thích. + Khi bạn nói, HS cần lắng nghe, không cắt lời, không chê bai lựa chọn của bạn. + HS có thể có sở thích đọc sách khác nhau; sự khác biệt cần được tôn trọng. + Khi đặt câu hỏi, HS dùng lời lịch sự, hỏi để hiểu rõ hơn chứ không làm bạn lúng túng. + Qua trao đổi, HS học hỏi những điều tốt đẹp về ý chí khổ luyện, sự cố gắng và tinh thần vượt khó từ sách.	- HS thực hành lắng nghe và tôn trọng bạn; nhận xét bằng lời tích cực, cụ thể.
4. Vận dụng - Trải nghiệm: Bài 3 - Đánh giá (3 phút) <i>Mục tiêu: Đánh giá phần trình bày và chia sẻ với người thân.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- Bài 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Đánh giá.	- HS đọc bài 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cả lớp.	- HS làm việc cả lớp; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Ý kiến hay: Bạn nói rõ tên sách, tác giả, nội dung chính và bài học. Điều cần rút kinh nghiệm: Cần nói to hơn, nhìn người nghe nhiều hơn.
- GV hỏi mở rộng: Đánh giá như thế nào để bạn cảm thấy được khích lệ?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Đánh giá giúp người nói biết phát huy ưu điểm và điều chỉnh cách trình bày.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- GV dặn HS về nhà chia sẻ với người thân về cuốn sách đã thảo luận cùng bạn bè ở lớp.	- HS ghi nhiệm vụ về nhà, chuẩn bị bài Tuần 12.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT 5
CHỦ ĐIỂM: TRÊN CON ĐƯỜNG HỌC TẬP
TUẦN 12

BÀI 21: THẾ GIỚI TRONG TRANG SÁCH
TIẾT 1: ĐỌC: THẾ GIỚI TRONG TRANG SÁCH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Thế giới trong trang sách; biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện vẻ đẹp, sự kì diệu của thế giới trong những trang sách cùng bài học quý báu của những trang sách đối với trí tuệ, tâm hồn người đọc.
- Nhận biết được những hình ảnh đẹp, có sức gợi tả về một thế giới kì diệu từ những trang sách và ý nghĩa của những trang sách đối với trí tuệ, tâm hồn, nhân cách, phẩm chất của người đọc.
- Hiểu điều nhà thơ muốn nhấn nhủ qua bài thơ: Qua những trang sách, chúng ta cảm nhận được rằng nhân nghĩa là lẽ sống đẹp của dân tộc mà mỗi con người cần hướng tới.
- Biết chia sẻ với bạn về một bài học bổ ích rút ra từ những trang sách đã đọc; biết nêu cảm nhận riêng về khổ thơ em thích.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, tự luyện đọc và tự tìm hiểu nghĩa từ trong bài.
- Giao tiếp và hợp tác: chia sẻ bài học từ sách, thảo luận câu hỏi đọc hiểu, lắng nghe và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: liên hệ trải nghiệm đọc sách để nêu cách hiểu riêng về câu thơ, khổ thơ.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: chủ động đọc sách, đọc bài, tích cực tham gia các hoạt động học tập.
- Nhân ái: biết hướng tới lẽ sống nhân nghĩa, yêu thương và tôn trọng con người.
- Trách nhiệm: biết chọn sách phù hợp, giữ gìn sách và chia sẻ điều hay từ sách với bạn.

4. Tích hợp

- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục thói quen đọc sách lành mạnh, biết chọn sách phù hợp và chia sẻ điều hay từ sách.
- Quyền con người: Lòng ghép quyền được tiếp cận thông tin, được đọc sách và được học tập trong môi trường an toàn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh minh họa bài đọc Thế giới trong trang sách; hình ảnh sách, thư viện, tủ sách lớp.
- SGK Tiếng Việt 5, tập một; phiếu học tập hoặc bảng phụ ghi câu hỏi đọc hiểu.
- Màn hình hoặc máy chiếu để trình chiếu nội dung bài học; hình trong SGK được cắt, chèn ngay dưới câu lệnh GV tương ứng.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập; giúp HS kết nối với chủ điểm Trên con đường học tập và bài đọc Thế giới trong trang sách. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát tên chủ điểm Trên con đường học tập và nêu suy nghĩ ban đầu về chủ điểm.	- HS nêu: Chủ điểm nói về việc học tập, đọc sách, rèn luyện, cố gắng để trưởng thành.
- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu khởi động trong SGK: Chia sẻ với bạn về một bài học bổ ích từ những trang sách em đã đọc.	- HS đọc yêu cầu, nhớ lại một cuốn sách hoặc một câu chuyện đã đọc.
- GV cho HS làm việc theo nhóm đôi: từng em nói tên sách, tên câu chuyện và bài học bổ ích rút ra từ trang sách đã đọc.	- HS chia sẻ: tên sách hoặc câu chuyện; nhân vật em nhớ; bài học em nhận được; việc em muốn làm sau khi đọc sách.
- GV mời 2 - 3 HS trình bày trước lớp.	- HS trình bày: Em đã đọc truyện Dế Mèn phiêu lưu kí. Em học được bài học không nên kiêu căng, phải biết yêu thương và giúp đỡ bạn bè.

<p>- GV nhận xét cách chia sẻ của HS, khen những em biết nêu bài học rõ ràng, phù hợp.</p>	<p>- HS lắng nghe nhận xét, điều chỉnh cách trình bày của mình.</p>
<p>- GV yêu cầu HS quan sát tranh minh họa bài thơ và hỏi: Tranh minh họa bài thơ cho biết điều gì?</p>	<p>- HS quan sát tranh, trả lời: Tranh vẽ bạn nhỏ đang đọc sách; từ trang sách mở ra biển xanh, cánh bướm, cầu vồng, bầu trời sao, con đường,...</p>
<p>- GV dẫn vào bài: Những trang sách không chỉ cho ta kiến thức mà còn mở ra một thế giới diệu kì. Hôm nay, các em sẽ đọc bài thơ Thế giới trong trang sách để hiểu trang sách có ý nghĩa như thế nào với tuổi thơ.</p>	<p>- HS lắng nghe, mở SGK và chuẩn bị vào bài đọc.</p>
<p>2. Khám phá: Hoạt động luyện đọc (15 phút) Mục tiêu: HS đọc đúng và diễn cảm bài thơ; biết nhấn giọng vào các từ ngữ thể hiện vẻ đẹp, sự kì diệu của thế giới trong trang sách; hiểu nghĩa từ xứ sở, nhân nghĩa. Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV đọc mẫu toàn bài thơ với giọng nhẹ nhàng, tha thiết; nhấn giọng ở các từ ngữ gợi hình ảnh đẹp và cảm xúc: thế giới diệu kì, sao lấp lánh, bảy sắc cầu vồng, câu hỏi tuổi thơ, ngọn lửa khát khao, bài học thiết tha.</p> 	<p>- HS nghe GV đọc mẫu, theo dõi văn bản trong SGK.</p>
<p>- GV mời HS đọc nối tiếp toàn bài thơ lần 1 để phát hiện từ khó.</p>	<p>- HS đọc nối tiếp từng khổ thơ; nêu một số từ khó: lấp lánh, bảy sắc cầu vồng, vũ trụ, chinh phục, xứ sở, khát khao, nhân nghĩa.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: lấp lánh, bướm nâu, bảy sắc cầu vồng, vũ trụ, bí mật, chinh phục, xứ sở, khát khao, thiết tha, nhân nghĩa.</p>	<p>- HS luyện đọc từ khó theo hướng dẫn, sửa lỗi phát âm cho nhau.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS ngắt nhịp ở một số dòng thơ: Trang sách mở ra/ thế giới diệu kì//; Trang sách trả lời/ câu hỏi tuổi thơ//; Trang sách thấp lên/ ngọn lửa khát khao//.</p>	<p>- HS luyện đọc ngắt nhịp đúng, đọc lại từng dòng thơ theo nhịp GV hướng dẫn.</p>
<p>- GV hướng dẫn giọng đọc: đọc diễn cảm</p>	<p>- HS luyện đọc thể hiện giọng nhẹ nhàng, tha</p>

những từ ngữ, câu thơ thể hiện cảm xúc, suy tư của tác giả về những trang sách đã đọc, đặc biệt ở các câu mở đầu mỗi khổ thơ.	thiết, nhấn giọng vào hình ảnh đẹp và ý nghĩa của trang sách.
- GV tổ chức cho HS đọc nối tiếp 4 khổ thơ; mỗi HS đọc một khổ.	- 4 HS đọc nối tiếp khổ thơ trước lớp; lớp nhận xét về phát âm, ngắt nghỉ và giọng đọc.
- GV yêu cầu HS đọc phần Từ ngữ cuối văn bản.	- HS đọc: Xứ sở: quê hương, đất nước; Nhân nghĩa: lòng thương người và tôn trọng lễ phải.
- GV ghi các từ HS nêu và giải nghĩa: + Vũ trụ là khoảng không gian rộng lớn có Trái Đất, Mặt Trời, Mặt Trăng và các vì sao. + Chinh phục là vượt qua khó khăn để đạt được điều mình mong muốn. + Khát khao là mong muốn mạnh mẽ. + Xứ sở là quê hương, đất nước. + Nhân nghĩa là lòng thương người và tôn trọng lễ phải.	- HS nêu một số từ khó: vũ trụ, chinh phục, khát khao, xứ sở, nhân nghĩa. - HS nghe GV giải nghĩa, nhắc lại nghĩa của từ và đặt câu nếu được yêu cầu.
- GV cho HS luyện đọc theo cặp, mỗi bạn đọc một lượt và góp ý cho nhau.	- HS đọc theo cặp; góp ý bạn đọc rõ hơn, đúng nhịp hơn.
- GV mời 1 - 2 HS đọc toàn bài trước lớp.	- 1 - 2 HS đọc toàn bài; lớp nhận xét, bình chọn giọng đọc phù hợp.
3. Luyện tập: Hoạt động đọc hiểu (15 phút) Mục tiêu: HS trả lời đầy đủ các câu hỏi trong SGK; biết dựa vào hình ảnh thơ và trải nghiệm đọc sách để nêu cảm nhận. Mục tiêu tích hợp: HS hình thành thói quen đọc sách lành mạnh, biết chọn sách phù hợp, chia sẻ điều hay từ sách; hiểu trẻ em có quyền được tiếp cận thông tin, được đọc sách và học tập trong môi trường an toàn. Cách tiến hành:	
- Câu 1. GV yêu cầu HS đọc câu hỏi trong SGK: Thế giới diệu kì mà sách mang đến cho người đọc được thể hiện qua những hình ảnh nào?	- HS đọc câu hỏi 1 và đọc lại khổ thơ thứ nhất.
- GV hướng dẫn HS đọc lại khổ thơ thứ nhất, gạch dưới các hình ảnh nói về thế giới trong trang sách.	- HS gạch dưới các hình ảnh: bầu trời những vì sao lấp lánh, mặt biển xanh với cánh buồm nâu trong nắng, bảy sắc cầu vồng sau cơn mưa.
- GV cho HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất các hình ảnh tìm được.	- HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất câu trả lời.
- GV mời 2 - 3 HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Thế giới diệu kì mà sách mang đến được thể hiện qua các hình ảnh: bầu trời đầy sao lấp lánh, mặt biển xanh với cánh buồm nâu trong nắng, bảy sắc cầu vồng sau cơn mưa.
- GV hỏi mở rộng: Những hình ảnh đó gợi cho em cảm giác gì về thế giới trong trang sách?	- HS nêu: Trang sách mở ra một thế giới đẹp, rộng lớn, nhiều màu sắc, có thiên nhiên, biển trời, cầu vồng và những điều mới lạ.
- GV kết luận: Những hình ảnh thơ mở ra một thế giới đẹp, rộng lớn, nhiều màu sắc và kì diệu mà sách đem đến cho người đọc.	- HS lắng nghe và ghi nhớ ý chính của khổ thơ đầu.
- Câu 2. GV yêu cầu HS đọc câu hỏi trong SGK: Dựa vào khổ thơ thứ hai và những trải nghiệm đọc sách, nêu cách hiểu của em về câu thơ “Trang sách trả lời câu hỏi tuổi thơ”.	- HS đọc câu hỏi 2 và đọc thầm khổ thơ thứ hai.
- GV hướng dẫn HS đọc kĩ khổ thơ thứ hai,	- HS chú ý các từ ngữ gợi ý trong khổ thơ.

chú ý các từ ngữ: câu hỏi tuổi thơ, bí mật, vũ trụ bao la.	
- GV cho HS thảo luận nhóm đôi, liên hệ với trải nghiệm đọc sách của bản thân.	- HS thảo luận nhóm đôi, nêu cách hiểu của mình.
- GV mời đại diện nhóm trình bày; GV yêu cầu nhóm khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Đọc sách giúp các bạn nhỏ tìm thấy câu trả lời cho những băn khoăn, thắc mắc về sự vật, hiện tượng và thế giới xung quanh.
- GV hỏi mở rộng: Em đã từng tìm được câu trả lời nào nhờ đọc sách?	- HS liên hệ: Em từng đọc sách để biết vì sao có mưa, vì sao có cầu vồng, các hành tinh trong vũ trụ, các loài động vật,...
- GV kết luận: Sách giúp tuổi thơ giải đáp nhiều câu hỏi, mở rộng hiểu biết và nuôi dưỡng trí tò mò lành mạnh.	- HS lắng nghe, ghi nhớ vai trò của sách đối với việc học tập.
- GV gợi mở: Khi còn bé, ta có thể thắc mắc về vàng trắng, Mặt Trời, Trái Đất, vì sao có cầu vồng,... Sách giúp ta hiểu thêm về thế giới.	- HS liên hệ: Em từng đọc sách để biết vì sao có mưa, vì sao có cầu vồng, các hành tinh trong vũ trụ, các loài động vật,...
- Câu 3. GV yêu cầu HS đọc câu hỏi trong SGK: Khổ thơ thứ ba giúp em cảm nhận được gì về ý nghĩa của những trang sách đối với tuổi thơ?	- HS đọc câu hỏi 3 và đọc lại khổ thơ thứ ba.
- GV hướng dẫn HS đọc lại khổ thơ thứ ba, chú ý hình ảnh ngọn lửa khát khao và con đường dài.	- HS tìm các hình ảnh nói về ước mơ, khát vọng.
- GV cho HS làm việc cá nhân vào vở nháp, sau đó trao đổi nhóm đôi để bổ sung ý.	- HS ghi nhanh ý vào vở nháp, trao đổi với bạn để hoàn thiện câu trả lời.
- GV mời HS trình bày trước lớp; GV khuyến khích các cách diễn đạt khác nhau.	- HS trình bày: Trang sách thắp lên ước mơ, mở ra con đường dài của khát vọng, giúp tuổi thơ mở rộng hiểu biết, mở tầm mắt và mong muốn làm được những điều cao đẹp.
- GV hỏi mở rộng: Sau khi đọc một cuốn sách hay, em đã có thêm ước mơ hoặc mong muốn nào?	- HS liên hệ: Đọc sách làm em muốn khám phá thế giới, học giỏi hơn, làm việc có ích hơn.
- GV kết luận: Đọc sách giúp chúng ta nhìn xa hơn, biết ước mơ và có thêm động lực học tập.	- HS lắng nghe, tự liên hệ với bản thân.
- Câu 4. GV yêu cầu HS đọc câu hỏi và các phương án trong SGK: Theo em, tác giả muốn nhắn gửi các bạn nhỏ điều gì qua khổ thơ cuối? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.	- HS đọc câu hỏi 4, đọc các phương án và đọc lại khổ thơ cuối.
- GV hướng dẫn HS đọc khổ thơ cuối, đối chiếu với từng phương án A, B, C.	- HS đối chiếu ý thơ với từng phương án.
- GV cho HS thảo luận nhóm 4, lựa chọn phương án phù hợp và chuẩn bị lí do.	- HS thảo luận nhóm 4, thống nhất câu trả lời và lí do lựa chọn.
- GV mời đại diện nhóm trình bày; GV yêu cầu nhóm khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Cả ba ý A, B, C đều phù hợp; qua trang sách, ta nhận ra nhân nghĩa là lẽ sống đẹp, biết nhớ về cội nguồn và gìn giữ truyền thống tốt đẹp cha ông để lại.
- GV hỏi mở rộng: Qua sách, em đã học được bài học sống đẹp nào?	- HS nêu: Qua sách, em học được cách sống yêu thương, trung thực, biết ơn cha mẹ, kính trọng thầy cô và giúp đỡ người gặp khó khăn.
- GV kết luận: Qua trang sách, người đọc	- HS lắng nghe và ghi nhớ nội dung khổ thơ

không chỉ có tri thức mà còn học được cách sống nhân nghĩa, biết yêu thương và giữ gìn truyền thống tốt đẹp.	cuối.
- Câu 5. GV yêu cầu HS đọc câu hỏi trong SGK: Em thích khổ thơ nào trong bài? Vì sao?	- HS đọc câu hỏi 5 và chọn khổ thơ mình thích.
- GV hướng dẫn HS chọn một khổ thơ mình thích, đọc lại khổ thơ và tìm lí do yêu thích.	- HS đọc lại khổ thơ, chuẩn bị lí do yêu thích.
- GV cho HS thảo luận nhóm đôi, nói cho bạn nghe khổ thơ mình thích và lí do.	- HS trao đổi nhóm đôi, lắng nghe bạn chia sẻ.
- GV mời một số HS trình bày trước lớp.	- HS trình bày: Em thích khổ thơ thứ nhất vì có nhiều hình ảnh đẹp; em thích khổ thơ thứ ba vì nói về ước mơ; em thích khổ thơ cuối vì nhắc em sống nhân nghĩa.
- GV hỏi mở rộng: Khổ thơ em thích gợi cho em việc làm nào sau bài học?	- HS nêu việc làm: đọc sách hằng ngày, chọn sách tốt, giữ gìn sách, giới thiệu sách hay cho bạn.
- GV kết luận: Mỗi khổ thơ đều gợi một vẻ đẹp riêng của sách; điều quan trọng là biết đọc sách phù hợp, giữ gìn sách và chia sẻ điều hay với bạn bè.	- HS lắng nghe, hoàn thiện câu trả lời của mình.
- GV diễn giải tích hợp: + Đọc sách giúp các em mở rộng tri thức, làm giàu vốn từ và bồi dưỡng tâm hồn. + Mỗi quyển sách hay giúp các em biết yêu thương, sống nhân ái và hướng tới lẽ sống đẹp. + Mỗi trẻ em có quyền được tiếp cận thông tin, được đọc sách và học tập trong môi trường an toàn. + Khi đọc sách, các em cần chọn sách phù hợp lứa tuổi, tránh sách có nội dung không lành mạnh. + Các em cần giữ gìn sách, chia sẻ điều hay với bạn và tôn trọng cảm nhận của người khác.	- HS lắng nghe và liên hệ bản thân: + Chọn sách phù hợp với lứa tuổi. + Đọc sách cẩn thận, không làm rách, không viết bậy vào sách. + Ghi lại điều hay, bài học bổ ích từ sách. + Chia sẻ điều em học được với bạn bằng lời nói lịch sự.
- GV chốt nội dung bài đọc: Những trang sách mở ra thế giới diệu kì, trả lời câu hỏi tuổi thơ, thắp lên ước mơ và bồi dưỡng lẽ sống nhân nghĩa cho con người.	- HS nhắc lại nội dung chính của bài thơ.
4. Vận dụng - Củng cố (5 phút) Mục tiêu: HS đọc thuộc lòng một khổ thơ yêu thích và biết vận dụng bài học đọc sách vào cuộc sống. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS tự chọn một khổ thơ em thích và đọc thầm để chuẩn bị đọc thuộc lòng.	- HS tự chọn khổ thơ, đọc thầm và ghi nhớ.
- GV mời 2 - 3 HS đọc thuộc lòng khổ thơ đã chọn.	- 2 - 3 HS đọc thuộc lòng; lớp nhận xét, động viên.
- GV hỏi: Sau bài học, em sẽ làm gì để việc đọc sách của mình có ích hơn?	- HS nêu: đọc sách hằng ngày, chọn sách tốt, ghi lại điều hay, chia sẻ sách với bạn, giữ gìn sách cẩn thận.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS đọc lại bài và chuẩn bị tiết Luyện từ và câu: Dấu gạch ngang.	- HS lắng nghe, ghi nhiệm vụ học tập.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-

BÀI 21: THẾ GIỚI TRONG TRANG SÁCH

TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: DẤU GẠCH NGANG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Biết thêm một công dụng của dấu gạch ngang: đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.
- Nhận biết được vị trí và công dụng của dấu gạch ngang trong các trường hợp cụ thể.
- Viết được 2 - 3 câu về một danh nhân, trong đó có dùng dấu gạch ngang để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự đọc yêu cầu bài tập, tự hoàn thành nhiệm vụ trước khi trao đổi.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm đôi, nhóm 4 để thống nhất câu trả lời.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng kiến thức để tạo câu có dùng dấu gạch ngang đúng công dụng.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực làm bài, sửa bài và ghi nhớ kiến thức mới.
- Trách nhiệm: sử dụng công cụ số đúng mục đích, biết lưu trữ thông tin học tập rõ ràng.
- Trung thực: tự làm bài, không sao chép câu của bạn khi viết câu vận dụng.

4. Tích hợp

- NLS: 1.3.CB2a - HS lập thư mục/phiếu đọc sách số để lưu thông tin sách đã đọc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

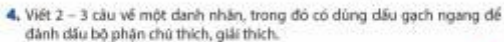
- SGK Tiếng Việt 5, tập một; bảng phụ hoặc phiếu bài tập ghi các câu ở bài 1, bài 2, bài 3, bài 4.
- Máy tính/máy chiếu để trình chiếu bài tập trong SGK; có thể chuẩn bị mẫu thư mục hoặc phiếu đọc sách số.
- Một số câu văn có sử dụng dấu gạch ngang để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Kích hoạt kiến thức đã học về dấu gạch ngang và tạo tâm thế vào bài. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nhắc lại những công dụng của dấu gạch ngang đã học ở lớp dưới.	- HS nêu: Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật, đánh dấu các ý liệt kê, nối các từ ngữ trong một liên danh.
- GV viết nhanh một câu có dấu gạch ngang lên bảng và yêu cầu HS nêu công dụng của dấu gạch ngang trong câu đó.	- HS quan sát câu, nêu công dụng theo hiểu biết đã học.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay giúp các em biết thêm một công dụng của dấu gạch ngang: đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.	- HS lắng nghe, chuẩn bị làm bài tập.
2. Luyện tập: Bài 1 (7 phút) Mục tiêu: HS nhận biết được công dụng của dấu gạch ngang trong hai câu cho sẵn. Cách tiến hành:	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Dấu gạch ngang trong các câu dưới đây được dùng để làm gì?	- HS đọc yêu cầu bài 1, quan sát hai câu trong SGK.

 <p>LUYỆN TỪ VÀ CÂU</p> <p>DẤU GẠCH NGANG</p> <p>1. Dấu gạch ngang trong các câu dưới đây được dùng để làm gì?</p> <p>Ngày Sách và Văn hoá đọc Việt Nam – sự kiện văn hoá quan trọng đối với người yêu thích sách – được tổ chức vào ngày 21 tháng 4 hằng năm.</p> <p>Ha-ni Pô-tô – bộ truyện của nhà văn Giô-an Rô-linh – có sức hấp dẫn lạ lẫm với nhiều trẻ em trên thế giới.</p> <p>A. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật. B. Đánh dấu các ý liệt kê. C. Nối các từ ngữ trong một liên danh. D. Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS đọc từng câu, tìm bộ phận đứng giữa hai dấu gạch ngang.</p>	<p>- HS đọc từng câu, gạch dưới bộ phận đứng giữa hai dấu gạch ngang.</p>
<p>- GV cho HS thảo luận nhóm đôi, xác định công dụng của dấu gạch ngang trong hai câu.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất công dụng của dấu gạch ngang.</p>
<p>- GV mời HS trình bày ý kiến; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: Chọn D. Dấu gạch ngang trong hai câu dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích: “sự kiện văn hóa quan trọng đối với người yêu thích sách” và “bộ truyện của nhà văn Giô-an Rô-linh”.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Bộ phận nằm giữa hai dấu gạch ngang giúp người đọc hiểu rõ thêm điều gì?</p>	<p>- HS nêu: Bộ phận giữa hai dấu gạch ngang giải thích rõ hơn cho từ ngữ đứng trước nó.</p>
<p>- GV kết luận: Dấu gạch ngang trong hai câu được dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.</p>	<p>- HS sửa bài, ghi nhớ công dụng mới của dấu gạch ngang.</p>
<p>3. Luyện tập: Bài 2 (9 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS nêu được đặc điểm về vị trí và công dụng của dấu gạch ngang trong mỗi trường hợp được nêu trong SGK.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: HS bước đầu biết lập thư mục/phiếu đọc sách số để lưu thông tin sách đã đọc; biết đặt tên tệp, thư mục rõ ràng, không đưa thông tin cá nhân không cần thiết vào sản phẩm số.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Nêu đặc điểm về vị trí và công dụng của dấu gạch ngang trong mỗi trường hợp dưới đây.</p>  <p>2. Nêu đặc điểm về vị trí và công dụng của dấu gạch ngang trong mỗi trường hợp dưới đây:</p> <p>a. Lê Quý Đôn – tên lúc nhỏ là Lê Danh Phương – nổi tiếng ham học, thông minh, có trí nhớ tốt. (Thế An)</p> <p>b. Thế giới biết ơn những nhà phát minh đã góp phần thay đổi cuộc sống: – Lát-xô Bi-rô chế tạo nên bút bi. – Lu-i Brai tìm ra chữ nổi dành cho người mù. – Giôn Đun-lốp sáng chế ra lốp xe rộng bơm hơi thay cho lốp cao su đặc. (Bùi Diệp Anh)</p> <p>c. Đến Phong Nha – Kẻ Bàng, chúng tôi thích thú ngắm nhìn dòng Thiên Đường kì vĩ với các nhũ đá đẹp lộng lẫy. (Đặng Đức)</p> <p>Ghi nhớ Ngoài việc dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật, đánh dấu các ý liệt kê, nối các từ ngữ trong một liên danh, dấu gạch ngang có thể được</p>	<p>- HS đọc yêu cầu bài 2, quan sát các trường hợp a, b, c trong SGK.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lần lượt các trường hợp a, b, c và xác định dấu gạch ngang xuất hiện ở vị trí nào.</p>	<p>- HS đọc từng trường hợp, tìm vị trí của dấu gạch ngang.</p>
<p>- GV cho HS thảo luận nhóm 4, hoàn thành bảng: trường hợp - vị trí - công dụng.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 4, dùng bút chì gạch dưới bộ phận được đánh dấu bằng dấu gạch ngang.</p>
<p>- GV mời đại diện nhóm trình bày từng trường hợp; GV yêu cầu nhóm khác nhận xét,</p>	<p>- Đại diện nhóm trình bày: + Trường hợp a: Dấu gạch ngang đặt giữa</p>

bổ sung.	câu, đánh dấu bộ phận chú thích “tên lúc nhỏ là Lê Danh Phương”. + Trường hợp b: Dấu gạch ngang đặt ở đầu các dòng, đánh dấu các ý liệt kê về nhà phát minh. + Trường hợp c: Dấu gạch ngang đặt giữa các từ trong “Phong Nha - Kẻ Bàng”, nối các từ ngữ trong một liên danh.
- GV hỏi mở rộng: Dựa vào vị trí của dấu gạch ngang, em phân biệt các công dụng như thế nào?	- HS nêu: Dấu gạch ngang ở giữa câu có thể đánh dấu chú thích; đứng đầu các dòng có thể đánh dấu ý liệt kê; nằm giữa các từ có thể nối các từ ngữ trong liên danh.
- GV kết luận: Dấu gạch ngang có thể đánh dấu bộ phận chú thích trong câu, đánh dấu ý liệt kê hoặc nối các từ ngữ trong một liên danh.	- HS nhắc lại 3 công dụng của dấu gạch ngang đã ôn trong bài.
- GV diễn giải tích hợp NLS: + Khi ghi thông tin về sách đã đọc trên máy tính, các em có thể lập thư mục “Phiếu đọc sách lớp 5”. + Các em đặt tên tệp rõ ràng như “Le_Quy_Don.docx”, “Sach_em_da_doc.xlsx” để dễ tìm lại. + Nội dung lưu trữ chỉ cần ghi tên sách, tác giả, nội dung chính và điều học được. + Các em không đưa số điện thoại, địa chỉ nhà hoặc thông tin riêng tư vào phiếu chia sẻ. - GV hướng dẫn HS thực hiện: + Bước 1: Tạo thư mục hoặc mở phiếu đọc sách số theo mẫu GV cung cấp. + Bước 2: Nhập thông tin sách đã đọc bằng câu ngắn gọn, rõ ý. + Bước 3: Kiểm tra lại tên tệp, lỗi chính tả và thông tin riêng tư trước khi lưu hoặc chia sẻ. + Bước 4: Chỉ chia sẻ sản phẩm trong nhóm/lớp theo yêu cầu của GV.	- HS nêu cách thực hiện NLS: + Em tạo thư mục “Phiếu đọc sách lớp 5”. + Em đặt tên tệp rõ ràng theo tên sách hoặc tên nhân vật. + Em ghi tên sách, tác giả, nội dung chính và điều học được. + Em không ghi số điện thoại, địa chỉ nhà hoặc thông tin riêng tư vào phiếu chia sẻ.
4. Luyện tập: Bài 3 (8 phút) Mục tiêu: HS xác định được câu có dấu gạch ngang dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích. Cách tiến hành:	
- Bài 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Dấu gạch ngang trong câu nào dưới đây dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích? 	- HS đọc yêu cầu bài 3 và đọc đoạn văn trong SGK.
- GV hướng dẫn HS đọc đoạn văn về Giuyn	- HS đánh số các câu có dấu gạch ngang.

Véc-nơ, đánh số các câu có dấu gạch ngang.	
- GV cho HS thảo luận nhóm đôi, xác định công dụng của dấu gạch ngang ở từng câu.	- HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất câu trả lời.
- GV mời 2 - 3 nhóm trình bày kết quả; GV yêu cầu nhóm khác nhận xét, bổ sung.	- Đại diện nhóm trình bày: Câu (1) và câu (2) dùng dấu gạch ngang để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích. Ở câu (1), bộ phận chú thích là “một trong những người được gọi là cha đẻ của khoa học viễn tưởng”. Ở câu (2), bộ phận chú thích là “chiếc thuyền mà cậu hi vọng sẽ căng buồm đi khắp đó đây”.
- GV hỏi mở rộng: Vì sao không chọn các dấu gạch ngang dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp hoặc ý liệt kê?	- HS nêu: Vì những dấu gạch ngang đó có công dụng khác, không phải chú thích, giải thích.
- GV kết luận: Câu 1 và câu 2 dùng dấu gạch ngang để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.	- HS sửa bài: câu 1 và câu 2 dùng dấu gạch ngang để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.
5. Vận dụng - Trải nghiệm: Bài 4 (6 phút) Mục tiêu: HS viết được 2 - 3 câu về một danh nhân, trong đó có dùng dấu gạch ngang để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích. Cách tiến hành:	
- Bài 4. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Viết 2 - 3 câu về một danh nhân, trong đó có dùng dấu gạch ngang để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích. <div style="text-align: right;">(Theo Bảo Ngọc)</div> 	- HS đọc yêu cầu bài 4, xác định phải viết về một danh nhân và dùng dấu gạch ngang đúng công dụng.
- GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu: viết về danh nhân và dùng dấu gạch ngang đúng công dụng.	- HS nêu yêu cầu của bài bằng lời của mình.
- GV cho HS làm bài cá nhân vào vở; HS có thể chọn danh nhân quen thuộc và viết nháp trước.	- HS viết 2 - 3 câu vào vở.
- GV cho HS chia sẻ trong nhóm 4, nghe góp ý của bạn để chỉnh sửa câu.	- HS đọc câu trong nhóm 4, nhận xét bạn dùng dấu gạch ngang đã đúng chưa.
- GV mời 2 - 3 HS trình bày trước lớp; GV hỏi mở rộng: Bộ phận nào trong câu của em là bộ phận chú thích, giải thích?	- HS trình bày, ví dụ: Lê Quý Đôn - nhà bác học lớn của Việt Nam - nổi tiếng ham học, thông minh từ nhỏ. Ông để lại nhiều công trình có giá trị cho đời sau.
- GV kết luận: Khi viết, các em cần đặt dấu gạch ngang thành cặp nếu bộ phận chú thích chen vào giữa câu.	- HS hoàn thiện câu trong vở, ghi nhớ cách dùng dấu gạch ngang.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-

BÀI 21: THỂ GIỚI TRONG TRANG SÁCH**TIẾT 3: VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT CÂU CHUYỆN****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.
- Biết xác định nội dung 3 phần của đoạn văn: mở đầu, triển khai, kết thúc.
- Tìm được trong đoạn văn những từ ngữ hoặc câu văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết.
- Biết trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự đọc văn bản mẫu, tự trả lời câu hỏi và ghi nhớ cấu trúc đoạn văn.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm, trình bày ý kiến, lắng nghe và bổ sung cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: rút ra cách viết đoạn văn từ ví dụ cụ thể để vận dụng ở bài sau.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: đọc kỹ câu chuyện và đoạn văn mẫu, hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: biết yêu quý, trân trọng sự sống của muôn loài qua câu chuyện Không nên phá tổ chim.
- Trách nhiệm: biết bảo vệ động vật, biết suy nghĩ kỹ trước khi làm việc có thể gây hại.

4. Tích hợp

- AI: 5.C4.2 - Dùng công cụ gợi ý sách phù hợp lứa tuổi, sau đó kiểm chứng và lựa chọn sách lành mạnh.

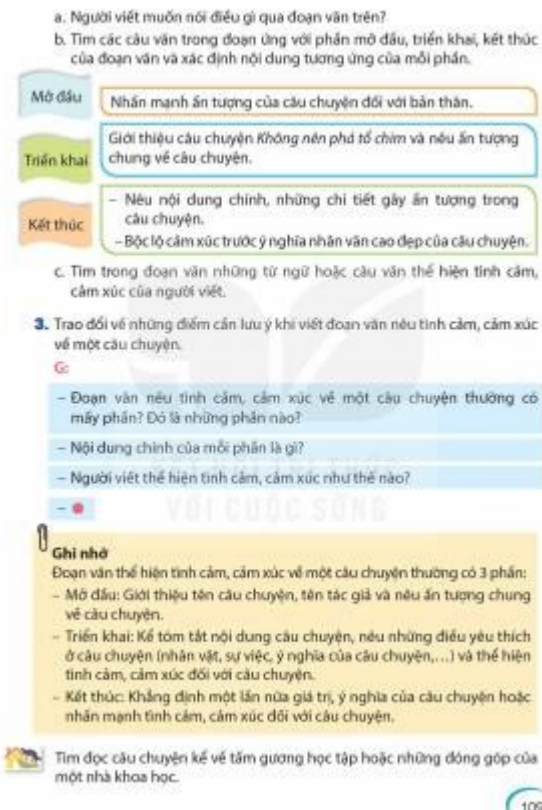
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; câu chuyện và đoạn văn mẫu trong SGK.
- Bảng phụ/phiếu học tập kẻ 3 phần: mở đầu, triển khai, kết thúc.
- Máy tính/máy chiếu để trình chiếu bài tập; có thể chuẩn bị ví dụ về gợi ý sách phù hợp lứa tuổi và cách kiểm chứng.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Gợi nhớ nội dung đọc sách và kết nối với kiểu đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện. Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Khi đọc xong một câu chuyện, em thường muốn chia sẻ điều gì với bạn?	- HS nêu: Em muốn chia sẻ nội dung câu chuyện, nhân vật em thích, chi tiết em nhớ nhất, cảm xúc của em và bài học rút ra.
- GV hỏi tiếp: Em có thể nói cảm xúc của mình bằng những từ ngữ nào?	- HS nêu: xúc động, cảm phục, yêu thích, thương, vui, buồn, ấn tượng, khó quên,...
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay giúp các em tìm hiểu cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện đã đọc, đã nghe.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài.
2. Khám phá: Bài 1 (10 phút) Mục tiêu: HS đọc câu chuyện Không nên phá tổ chim và trả lời các câu hỏi a, b, c trong SGK. Cách tiến hành:	
- Bài 1. GV nêu yêu cầu: Đọc câu chuyện dưới đây và trao đổi với bạn.	- HS đọc yêu cầu bài 1, quan sát câu chuyện Không nên phá tổ chim trong SGK.

<div> <div> <div>VIẾT</div> <div> <div>TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN</div> <div>THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT CÂU CHUYỆN</div> </div> </div> <div> <div>1. Đọc câu chuyện dưới đây và trao đổi với bạn.</div> <div> <div>Không nên phá tổ chim</div> <p>Thấy trên cành cây có một tổ chim chích choè, ba con chim non mới nở, tôi liền trèo lên cây, bắt chim non xuống để chơi. Chị tôi thấy vậy, nhẹ nhàng bảo: "Chim non đang sống với mẹ, sao em nỡ bắt nó? Lát nữa chim mẹ về, không thấy con, sẽ buồn lắm đấy. Còn lũ chim non xa mẹ, chúng sẽ chết. Hãy đặt lại chim vào tổ. Sau này chim lớn, chim sẽ hát ca, bay lượn, ăn sâu bọ giúp ích cho con người".</p> <p>Nghe lời chị, tôi đem những chú chim non đặt lại vào tổ.</p> <p>(Theo Quốc văn giáo khoa thư)</p> <div> <div>a. Vì sao người chị khuyên em không nên phá tổ chim?</div> <div>b. Theo lời người chị, loài chim có ích gì đối với con người?</div> <div>c. Câu chuyện này giúp em nhận ra điều gì?</div> </div> </div> <div> <div>2. Đọc đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi.</div> <div> <div>Không nên phá tổ chim là một câu chuyện giản dị nhưng lại mang đến cho tôi nhiều cảm xúc khó quên. Câu chuyện kể về một em nhỏ vì tò mò mà trèo lên cây, bắt ba con chim non xuống để chơi. Nhưng lời khuyên của chị gái đã làm cho em tỉnh ngộ. Chị đã nói về nỗi buồn của chim mẹ khi không tìm thấy con, số phận của những con chim non khi bị tách ra khỏi mẹ. Chị còn nói với em về lợi ích mà loài chim mang lại cho con người. Lời khuyên của chị thật nhẹ nhàng mà thấm thía. Nó giúp người em có một hành động đáng khen: đem những con chim non đặt lại tổ của chúng. Câu chuyện tuy ngắn nhưng thật xúc động bởi ý nghĩa nhân văn cao đẹp: Cuộc đời sẽ tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn nếu chúng ta biết yêu quý và trân trọng sự sống của muôn loài. Gấp trang sách lại, hình ảnh những chú chim non bé bỏng quần quýt bên mẹ vẫn in đậm trong tâm trí tôi.</div> <div>(Phan Nguyên)</div> </div> </div> </div> </div>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc câu chuyện Không nên phá tổ chim trước lớp; cả lớp đọc thầm theo. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc và theo dõi câu chuyện.
<ul style="list-style-type: none"> - Câu a. GV yêu cầu HS đọc câu hỏi trong SGK: Vì sao người chị khuyên em không nên phá tổ chim? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc câu hỏi a và đọc lại lời khuyên của người chị.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đọc lại lời khuyên của người chị trong câu chuyện. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tìm chi tiết liên quan trong câu chuyện.
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, tìm lí do trong văn bản. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất câu trả lời.
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày: Vì khi chim mẹ về không thấy con sẽ buồn, chim non xa mẹ sẽ chết; hơn nữa, loài chim còn có rất nhiều lợi ích.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi mở rộng: Nếu em là người em trong câu chuyện, em sẽ làm gì sau khi nghe chị khuyên? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu: Em sẽ không phá tổ chim, khuyên bạn cùng bảo vệ chim non.
<ul style="list-style-type: none"> - GV kết luận: Người chị khuyên em không phá tổ chim vì thương chim mẹ, chim non và biết loài chim có ích cho con người. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung câu chuyện.
<ul style="list-style-type: none"> - Câu b. GV yêu cầu HS đọc câu hỏi trong SGK: Theo lời người chị, loài chim có ích gì đối với con người? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc câu hỏi b và tìm chi tiết trong câu chuyện.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS tìm câu văn nói về ích lợi của loài chim. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS gạch dưới câu văn nói về ích lợi của chim.
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS thảo luận nhóm đôi và ghi nhanh ý trả lời vào vở nháp. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm đôi, ghi nhanh ý trả lời.
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày: Khi lớn, chim sẽ hát ca, bay lượn, ăn sâu bọ giúp ích cho con người.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi mở rộng: Ngoài ích lợi trong câu chuyện, em còn biết loài chim có ích lợi nào khác? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu thêm: Chim làm đẹp thiên nhiên, phát tán hạt cây, góp phần cân bằng môi trường.
<ul style="list-style-type: none"> - GV kết luận: Chim giúp cuộc sống thêm vui 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe và hoàn thiện câu trả lời.

<p>tươi, góp phần bảo vệ mùa màng và cần được yêu quý, bảo vệ.</p>	
<p>- Câu c. GV yêu cầu HS đọc câu hỏi trong SGK: Câu chuyện này giúp em nhận ra điều gì?</p>	<p>- HS đọc câu hỏi c và suy nghĩ bài học của câu chuyện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS suy nghĩ về bài học rút ra từ lời khuyên của người chị và hành động của người em.</p>	<p>- HS dựa vào nội dung câu chuyện để tìm ý.</p>
<p>- GV cho HS làm việc cá nhân vào vở, sau đó chia sẻ nhóm đôi.</p>	<p>- HS viết nhanh câu trả lời vào vở, rồi chia sẻ với bạn.</p>
<p>- GV mời HS trình bày trước lớp.</p>	<p>- HS trình bày: Cần bảo vệ động vật; trước khi làm một việc gì cần suy nghĩ thật kỹ; cần trân trọng sự sống của muôn loài.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Trong cuộc sống, em có thể làm gì để bảo vệ những con vật nhỏ bé quanh mình?</p>	<p>- HS nêu: Không bắt chim non, không phá tổ, nhắc bạn không làm hại động vật.</p>
<p>- GV kết luận: Câu chuyện nhắc chúng ta biết yêu quý sự sống, bảo vệ động vật và suy nghĩ kỹ trước khi làm việc có thể gây hại cho muôn loài.</p>	<p>- HS lắng nghe và ghi nhớ bài học.</p>
<p>3. Luyện tập: Bài 2 (15 phút) Mục tiêu: HS xác định nội dung, cấu trúc và từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc trong đoạn văn mẫu. Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài 2. GV nêu yêu cầu: Đọc đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi.</p> 	<p>- HS đọc đoạn văn mẫu trong SGK.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc kỹ đoạn văn, chú ý các câu văn bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người viết.</p>	<p>- HS đọc thầm đoạn văn, dùng bút chì gạch dưới từ ngữ/câu văn gây chú ý.</p>
<p>- Câu a. GV yêu cầu HS đọc câu hỏi trong SGK: Người viết muốn nói điều gì qua</p>	<p>- HS đọc câu hỏi a và đọc lại đoạn văn mẫu.</p>

đoạn văn trên?	
- GV hướng dẫn HS đọc đoạn văn mẫu, chú ý câu mở đầu và cảm xúc chung của người viết.	- HS chú ý câu mở đầu, các câu bộc lộ cảm xúc.
- GV cho HS thảo luận nhóm đôi, xác định ý chính của đoạn văn.	- HS trao đổi nhóm đôi, thống nhất ý chính.
- GV mời HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Người viết muốn thể hiện những tình cảm, cảm xúc của mình về câu chuyện Không nên phá tổ chim.
- GV hỏi mở rộng: Đoạn văn này chỉ kể lại câu chuyện hay còn bộc lộ điều gì?	- HS nêu: Đoạn văn không chỉ kể lại mà còn bộc lộ tình cảm, cảm xúc.
- GV kết luận: Đoạn văn nhằm thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết về câu chuyện Không nên phá tổ chim.	- HS lắng nghe, ghi nhớ mục đích của kiểu đoạn văn.
- Câu b. GV yêu cầu HS đọc câu hỏi trong SGK: Tìm các câu văn trong đoạn ứng với phần mở đầu, triển khai, kết thúc của đoạn văn và xác định nội dung tương ứng của mỗi phần.	- HS đọc câu hỏi b và đánh số các câu trong đoạn văn mẫu.
- GV hướng dẫn HS đánh số các câu trong đoạn văn mẫu, sau đó đối chiếu với bảng gợi ý trong SGK.	- HS đối chiếu từng câu với bảng gợi ý trong SGK.
- GV cho HS thảo luận nhóm 4, xác định ranh giới ba phần và nội dung của từng phần.	- HS thảo luận nhóm 4, thống nhất cách chia ba phần.
- GV mời đại diện nhóm trình bày; GV yêu cầu nhóm khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Mở đầu là câu thứ nhất; kết thúc là câu cuối cùng; các câu còn lại thuộc phần triển khai.
- GV hỏi mở rộng: Phần triển khai cần nêu những nội dung nào để bộc lộ cảm xúc rõ hơn?	- HS nêu: Phần triển khai cần nêu nội dung chính, chi tiết yêu thích, cảm xúc và bài học.
- GV kết luận: Đoạn văn có ba phần: mở đầu giới thiệu câu chuyện và ấn tượng chung; triển khai nêu nội dung, chi tiết gây ấn tượng và cảm xúc; kết thúc nhấn mạnh ấn tượng của câu chuyện.	- HS ghi nhớ cấu trúc đoạn văn.
- Câu c. GV yêu cầu HS đọc câu hỏi trong SGK: Tìm trong đoạn văn những từ ngữ hoặc câu văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết.	- HS đọc câu hỏi c và đọc lại đoạn văn mẫu.
- GV hướng dẫn HS đọc lại đoạn văn, dùng bút chì gạch dưới từ ngữ/câu văn bộc lộ cảm xúc.	- HS gạch dưới từ ngữ/câu văn thể hiện tình cảm, cảm xúc.
- GV cho HS thảo luận nhóm đôi, trao đổi những từ ngữ/câu văn đã tìm được.	- HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất kết quả.
- GV mời HS trình bày trước lớp; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Lời khuyên của chị thật nhẹ nhàng mà thấm thía; hành động của người em thật đáng khen; câu chuyện tuy ngắn nhưng thật xúc động,...
- GV hỏi mở rộng: Những từ ngữ, câu văn ấy có tác dụng gì trong đoạn văn?	- HS nêu: Chúng giúp người đọc thấy rõ tình cảm, cảm xúc của người viết.
- GV kết luận: Từ ngữ, câu văn bộc lộ cảm xúc giúp đoạn văn thể hiện rõ tình cảm thật của người viết đối với câu chuyện.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách dùng từ ngữ bộc lộ cảm xúc.
4. Vận dụng - Trải nghiệm: Bài 3 và Ghi nhớ (5 phút)	
Mục tiêu: HS trao đổi được những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm	

<p>xúc về một câu chuyện.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: HS biết AI có thể gợi ý sách phù hợp lứa tuổi nhưng cần kiểm chứng thông tin, lựa chọn sách lành mạnh và tự viết cảm nhận bằng cảm xúc thật của mình.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.</p>	<p>- HS đọc yêu cầu bài 3 và đọc các gợi ý trong SGK.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc các gợi ý: đoạn văn thường có mấy phần; nội dung chính của mỗi phần là gì; người viết thể hiện tình cảm, cảm xúc như thế nào.</p>	<p>- HS xác định các nội dung cần trao đổi.</p>
<p>- GV cho HS thảo luận nhóm đôi, ghi nhanh các điểm cần lưu ý vào vở nháp.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm đôi, ghi nhanh ý vào vở nháp.</p>
<p>- GV mời đại diện nhóm trình bày; GV yêu cầu nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: Đoạn văn có 3 phần; cần giới thiệu câu chuyện, nêu nội dung/chi tiết yêu thích, bộc lộ cảm xúc và khẳng định giá trị câu chuyện.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Khi viết cảm xúc về câu chuyện, vì sao không nên chỉ kể lại toàn bộ câu chuyện?</p>	<p>- HS nêu: Vì yêu cầu chính là bộc lộ tình cảm, cảm xúc chứ không phải kể lại đầy đủ câu chuyện.</p>
<p>- GV kết luận: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc cần có ba phần, chọn chi tiết tiêu biểu và bộc lộ cảm xúc chân thật.</p>	<p>- HS lắng nghe, chuẩn bị đọc Ghi nhớ.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc phần Ghi nhớ trong SGK.</p>	<p>- HS đọc Ghi nhớ: Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện thường có 3 phần: mở đầu, triển khai, kết thúc.</p>
<p>- GV diễn giải tích hợp AI:</p> <p>+ AI có thể gợi ý một số tên sách, tên câu chuyện phù hợp với lứa tuổi và chủ đề học tập.</p> <p>+ Gợi ý của AI chỉ là thông tin tham khảo, không phải lúc nào cũng đúng hoàn toàn.</p> <p>+ Các em cần kiểm chứng tên sách, tác giả, nội dung bằng SGK, thư viện, thầy cô, người thân hoặc nguồn tin cậy.</p> <p>+ Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc phải xuất phát từ việc các em tự đọc và tự cảm nhận.</p> <p>+ Không sao chép câu trả lời của AI vì cảm xúc trong bài viết phải là cảm xúc thật của người viết.</p> <p>- GV hướng dẫn HS sử dụng AI an toàn:</p> <p>+ Chỉ đặt câu hỏi học tập chung, ví dụ: “Gợi ý một số truyện thiếu nhi về lòng nhân ái”.</p> <p>+ Không nhập họ tên đầy đủ, số điện thoại, địa chỉ nhà, hình ảnh cá nhân vào công cụ AI.</p> <p>+ Chọn 1 - 2 gợi ý phù hợp rồi kiểm chứng lại trước khi đọc.</p> <p>+ Tự đọc câu chuyện, tự chọn chi tiết và tự viết cảm nhận bằng lời của mình.</p>	<p>- HS nêu nguyên tắc dùng AI:</p> <p>+ Chỉ dùng AI để tham khảo gợi ý sách hoặc câu chuyện.</p> <p>+ Kiểm chứng thông tin trước khi tin và sử dụng.</p> <p>+ Không nhập thông tin cá nhân vào AI.</p> <p>+ Tự đọc, tự nghĩ, tự viết cảm nhận của mình.</p>
<p>- GV nhận xét tiết học và giao nhiệm vụ: Tìm đọc câu chuyện kể về tấm gương học tập hoặc những đóng góp của một nhà khoa học.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ chuẩn bị cho bài sau.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-

BÀI 22: TỪ NHỮNG CÂU CHUYỆN ẬU THƠ
TIẾT 1 - 2: ĐOC: TỪ NHỮNG CẬU CHUYỆN ẬU THƠ

I. YẾU CẬU CẦN ĐẬT

1. Năng lực đặc thù

- Đoc đúng, rõ ràng văn bản Từ những câu chuyện ấu thơ với ngữ điệu nhẹ nhàng, giống như tâm tình; biết ngắt, nghỉ hơi hợp lí.
- Nhận biết được những ý chính trong bài đoc; hiểu được ý nghĩa của bài đoc: Mỗi người có một con đường riêng để đi đến thành công. Với Nguyễn Nhật Ánh, đó là con đường đoc sách, đoc thật nhiều để tích lũy kiến thức, dù ban đầu niềm đam mê đoc sách đến với ông một cách hoàn toàn tự nhiên.
- Sắp xếp được các thông tin theo lời kể về hành trình đoc sách của bạn nhỏ; nêu được ý nghĩa của sách đối với bạn nhỏ.
- Luyện tập mở rộng vốn từ với các từ có yếu tố vô và đặt câu đúng.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đoc trước bài, tự tìm hiểu nghĩa từ và chuẩn bị câu trả lời.
- Giao tiếp và hợp tác: chia sẻ câu chuyện từng nghe, thảo luận câu hỏi đoc hiểu, góp ý cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ hành trình đoc sách của nhân vật với thói quen đoc sách của bản thân.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: ham học hỏi, ham đoc sách, tích cực tham gia hoạt động học tập.
- Nhân ái: biết ơn những người thân đã kể chuyện, nuôi dưỡng thói quen tốt cho mình.
- Trách nhiệm: giữ gìn sách chung, đoc sách có trách nhiệm và tôn trọng tài sản tập thể.

4. Tích hợp

- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Rèn ý thức giữ gìn sách chung, đoc sách có trách nhiệm và tôn trọng tài sản tập thể.
- Quyền con người: Giáo dục quyền đoc đoc sách, đoc tham gia xây dựng tủ sách lớp và chia sẻ tri thức với bạn bè.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh minh họa bài đoc Từ những câu chuyện ấu thơ; tranh ảnh, clip minh họa về nhà văn Nguyễn Nhật Ánh và các cuốn sách của ông nếu có.
- SGK Tiếng Việt 5, tập một; phiếu học tập để sắp xếp thông tin về hành trình đoc sách của bạn nhỏ.
- Máy tính/máy chiếu; hình bài đoc và phần luyện tập theo văn bản đoc trong SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập; giúp HS kết nối với trải nghiệm nghe người thân kể chuyện. Cách tiến hành:	
- GV nêu tên bài học Từ những câu chuyện ấu thơ và giao nhiệm vụ đoc yêu cầu khởi động trong SGK: Em từng được nghe người thân kể những câu chuyện nào? Hãy chia sẻ với bạn câu chuyện mà em nhớ nhất.	- HS đoc yêu cầu, nhớ lại các câu chuyện đã từng được nghe người thân kể.
- GV cho HS thảo luận theo cặp: mỗi em chia sẻ một câu chuyện mình ấn tượng nhất.	- HS chia sẻ theo cặp; bạn lắng nghe và có thể đặt câu hỏi.
- GV mời 2 - 3 HS trình bày trước lớp.	- HS trình bày: Em từng được bà kể truyện Tấm Cám, Thạch Sanh, Cây tre trăm đốt. Em nhớ nhất truyện Thạch Sanh vì nhân vật hiền lành, dũng cảm và luôn giúp đỡ người khác.
- GV hỏi thêm: Các em có biết nhà văn Nguyễn Nhật Ánh không? Đã đoc câu chuyện hay bài thơ nào của ông chưa?	- HS nêu hiểu biết: Nguyễn Nhật Ánh là nhà văn viết nhiều tác phẩm cho thiếu nhi; một số tác phẩm của ông được dựng thành phim như Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh, Mất biếc, Cô gái đến từ hôm qua,...
- GV giới thiệu khái quát: Bài đoc Từ những câu chuyện ấu thơ ghi lại một cách chân thực	- HS lắng nghe, chuẩn bị đoc bài.

<p>hành trình đến với sách vở của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh.</p>	
<p>2. Khám phá: Hoạt động luyện đọc (25 phút) Mục tiêu: HS đọc đúng, rõ ràng văn bản; biết đọc với giọng tâm tình, thể hiện tình cảm của tác giả qua từng chi tiết trong văn bản. Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV đọc mẫu toàn bài với giọng diễn cảm, tâm tình, tha thiết.</p> 	<p>- HS nghe GV đọc mẫu, theo dõi văn bản trong SGK.</p>
<p>- GV hướng dẫn đọc: Đây là văn bản tự sự, lời kể về cuộc đời mình của chính nhà văn. Các em chú ý đọc để thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả qua từng chi tiết.</p>	<p>- HS lắng nghe, nắm yêu cầu về giọng đọc.</p>
<p>- GV có thể đặt câu hỏi: Nhân vật “tôi” trong văn bản là ai?</p>	<p>- HS trả lời: Nhân vật “tôi” trong văn bản là nhà văn Nguyễn Nhật Ánh.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, đặc biệt là tên các câu chuyện: Tấm Cám, Thạch Sanh, Cây tre trăm đốt, Đồi hải bầy dậm, Nghìn lẻ một đêm, Không gia đình, Những người khốn khổ.</p>	<p>- HS luyện đọc một số từ khó, tên tác phẩm và tên riêng: Tấm Cám, Thạch Sanh, Cây tre trăm đốt, Đồi hải bầy dậm, Nghìn lẻ một đêm, Không gia đình, Những người khốn khổ.</p>
<p>- GV chia văn bản thành 6 đoạn để luyện đọc; mỗi HS đọc 2 đoạn khi làm việc nhóm 3.</p>	<p>- HS đánh dấu đoạn vào SGK, chuẩn bị đọc nối tiếp.</p>
<p>- GV mời 3 HS đọc nối tiếp 6 đoạn trước lớp; mỗi HS đọc 2 đoạn.</p>	<p>- 3 HS đọc nối tiếp; lớp nhận xét phát âm, ngắt nghỉ, giọng đọc.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS ngắt nghỉ ở câu dài: “Tôi nghĩ trẻ em trên khắp thế giới đều thích nghe chuyện giống tôi.”; “Tôi khóc cười qua những trang sách, ngạc nhiên thấy mình trải qua những cảm xúc mà trên thực tế, tôi chưa đủ lớn để trải nghiệm ngoài đời.”</p>	<p>- HS luyện đọc câu dài, biết nghỉ hơi ở dấu phẩy, dấu chấm và cụm từ dài.</p>
<p>- GV cho HS làm việc nhóm 3: Mỗi HS đọc hai đoạn, sau đó đổi đoạn để đọc.</p>	<p>- HS luyện đọc trong nhóm, hỗ trợ nhau đọc đúng và rõ ràng.</p>
<p>- GV cho HS làm việc cá nhân: đọc nhẩm</p>	<p>- HS tự đọc nhẩm toàn bài, chuẩn bị trả lời</p>

toàn bài một lượt.	câu hỏi.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS nêu từ khó và giải nghĩa: + Rương là hòm gỗ hoặc hòm lớn dùng để đựng đồ. + Mày mò là tự tìm hiểu, tự làm từng chút một để biết cách thực hiện. + Mách là nói cho người khác biết một việc hoặc một điều cần biết. + Thợ hớt tóc là người làm nghề cắt tóc. + Khốn khổ là rất cực khổ, gặp nhiều khó khăn, đau buồn. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu một số từ khó: rương, mày mò, mách, thợ hớt tóc, khốn khổ. - HS nghe GV giải nghĩa, nhắc lại nghĩa từ và hiểu từ trong văn cảnh bài đọc.
3. Luyện tập: Hoạt động đọc hiểu (30 phút) Mục tiêu: HS trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu trong SGK; biết sắp xếp thông tin theo hành trình đọc sách của nhân vật. Mục tiêu tích hợp: HS biết giữ gìn sách chung, đọc sách có trách nhiệm; hiểu quyền được đọc sách, được tham gia xây dựng tủ sách lớp và chia sẻ tri thức với bạn bè. Cách tiến hành:	
- Câu 1. GV yêu cầu HS đọc câu hỏi trong SGK: Những câu chuyện đầu tiên bạn nhỏ được nghe ai kể? Đó là những câu chuyện gì?	- HS đọc câu hỏi 1 và đọc lướt đoạn đầu.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đọc lướt đoạn đầu, tìm đủ 2 ý: người kể và tên các câu chuyện. 	- HS xác định người kể và tên các câu chuyện.
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, gạch dưới các tên truyện trong văn bản. 	- HS thảo luận nhóm đôi, gạch dưới các tên truyện.
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung tên truyện còn thiếu. 	- HS trình bày: Những câu chuyện đầu tiên bạn nhỏ được nghe là từ bà và chú. Đó là truyện Tấm Cám, Thạch Sanh, Cây tre trăm đốt, Đồi hải bầy dậm, chuyện về Tôn Ngộ Không và một số truyện trong Nghìn lẻ một đêm.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi mở rộng: Vì sao những câu chuyện được nghe từ người thân thường để lại ấn tượng sâu sắc? 	- HS nêu: Vì có giọng kể yêu thương của người thân, gắn với kỉ niệm gia đình.
<ul style="list-style-type: none"> - GV kết luận: Những câu chuyện đầu tiên từ bà và chú đã mở ra tình yêu truyện kể, tình yêu sách trong tuổi thơ của bạn nhỏ. 	- HS lắng nghe, hoàn thiện câu trả lời.
- Câu 2. GV yêu cầu HS đọc câu hỏi trong SGK: Bạn nhỏ đã làm gì để có thể tự mình khám phá thế giới kì diệu trong những câu chuyện?	- HS đọc câu hỏi 2 và đọc đoạn văn liên quan.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đọc đoạn văn có chi tiết nói về việc học chữ của bạn nhỏ. 	- HS tìm chi tiết nói về việc học chữ.
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, tìm hành động cụ thể của bạn nhỏ. 	- HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất câu trả lời.
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS trình bày trước lớp; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung. 	- HS trình bày: Bạn nhỏ cố gắng học chữ thật nhanh để tự mình khám phá thế giới kì diệu trong những câu chuyện.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi mở rộng: Theo em, vì sao bạn nhỏ muốn tự mình đọc sách? 	- HS nêu: Vì bạn nhỏ rất thích những câu chuyện được nghe, muốn tự đọc để biết thêm nhiều điều, không phải chờ người lớn kể.
<ul style="list-style-type: none"> - GV kết luận: Niềm say mê chuyện kể đã thôi thúc bạn nhỏ cố gắng học chữ thật nhanh để tự đọc và tự khám phá thế giới trong sách. 	- HS lắng nghe, ghi nhớ ý nghĩa của việc biết đọc.

<p>- Câu 3. GV yêu cầu HS đọc câu hỏi trong SGK: Sắp xếp các thông tin dưới đây theo lời kể về hành trình đọc sách của bạn nhỏ.</p>	<p>- HS đọc câu hỏi 3, đọc các mốc thời gian và thông tin trong SGK.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc ba mốc thời gian: 7 tuổi; 8 - 9 tuổi; lớn hơn một chút và đọc ba thông tin cần sắp xếp.</p>	<p>- HS xác định nội dung cần sắp xếp.</p>
<p>- GV cho HS thảo luận nhóm 4, nối mốc thời gian với hoạt động đọc sách phù hợp.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 4, nối mốc tuổi với hoạt động đọc sách phù hợp.</p>
<p>- GV mời 2 - 3 nhóm trình bày kết quả trước lớp.</p>	<p>- Đại diện nhóm trình bày: 7 tuổi - Đọc sách do ba mua về; 8 - 9 tuổi - Đọc hết rương truyện của ông thợ hớt tóc trong làng; Lớn hơn một chút - Đọc các tác phẩm văn học nổi tiếng thế giới.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Hành trình đọc sách của bạn nhỏ cho thấy điều gì về sự kiên trì và niềm say mê đọc sách?</p>	<p>- HS nêu: Bạn nhỏ rất ham đọc, càng lớn càng đọc nhiều sách hơn, biết tự tìm sách để đọc.</p>
<p>- GV kết luận: Hành trình đọc sách của bạn nhỏ phát triển dần theo thời gian, từ nghe kể đến tự đọc và đọc những tác phẩm lớn hơn.</p>	<p>- HS lắng nghe và sửa bài.</p>
<p>- Câu 4. GV yêu cầu HS đọc câu hỏi trong SGK: Những trang sách có ý nghĩa như thế nào đối với bạn nhỏ?</p>	<p>- HS đọc câu hỏi 4 và đọc đoạn văn thứ tư.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc đoạn văn nói về cảm xúc, trí tưởng tượng và tâm hồn của bạn nhỏ khi đọc sách.</p>	<p>- HS tìm chi tiết nói về ý nghĩa của những trang sách.</p>
<p>- GV cho HS thảo luận nhóm đôi, tìm các ý về tác động của sách đối với bạn nhỏ.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất câu trả lời.</p>
<p>- GV mời HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: Những trang sách mang đến rất nhiều cảm xúc và trải nghiệm, bồi đắp tâm hồn, làm giàu có và làm trưởng thành tình cảm, mở rộng đến vô biên bờ cõi của trí tưởng tượng.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Với em, một cuốn sách hay có thể đem lại điều gì?</p>	<p>- HS liên hệ: Sách giúp em hiểu thêm cuộc sống, biết yêu thương, biết ước mơ.</p>
<p>- GV kết luận: Sách không chỉ đem lại hiểu biết mà còn nuôi dưỡng cảm xúc, tâm hồn và trí tưởng tượng.</p>	<p>- HS lắng nghe và ghi nhớ ý nghĩa của sách.</p>
<p>- Câu 5. GV yêu cầu HS đọc câu hỏi trong SGK: Theo em, việc các em của bạn nhỏ rất háo hức được nghe anh kể chuyện thể hiện điều gì?</p>	<p>- HS đọc câu hỏi 5 và đọc đoạn cuối.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc đoạn cuối, chú ý chi tiết các em háo hức nghe anh kể chuyện.</p>	<p>- HS chú ý chi tiết các em háo hức nghe anh kể chuyện.</p>
<p>- GV cho HS thảo luận nhóm đôi, nêu ý kiến và lí giải.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm đôi, chuẩn bị câu trả lời.</p>
<p>- GV mời HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: Việc các em háo hức nghe anh kể chuyện cho thấy trong gia đình bạn nhỏ có sự tiếp nối thói quen đọc sách; niềm yêu thích sách được lan truyền tự nhiên từ người này sang người khác.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Em có thể làm gì để lan tỏa thói quen đọc sách trong gia đình hoặc lớp học?</p>	<p>- HS nêu: Em có thể kể lại sách hay cho người thân, giới thiệu sách với bạn, tham gia tủ sách lớp.</p>
<p>- GV kết luận: Niềm yêu thích sách có thể lan</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ bài học lan tỏa văn</p>

truyền từ người này sang người khác, từ gia đình đến lớp học, giúp mọi người cùng thêm yêu tri thức.	hóa đọc.
- GV diễn giải tích hợp: + Sách giúp con người mở rộng hiểu biết, nuôi dưỡng tâm hồn và hình thành thói quen học tập suốt đời. + Mỗi bạn nhỏ có quyền được đọc sách, được tham gia xây dựng tủ sách lớp và chia sẻ tri thức với bạn bè. + Khi dùng sách chung, các em cần giữ gìn sách như tài sản chung của tập thể. + Các em không làm rách, không viết bậy, không gấp góc sách và trả sách đúng nơi quy định. + Biết đọc sách có trách nhiệm là biểu hiện của sự chăm chỉ, trung thực và tôn trọng người khác.	- HS nêu việc làm cụ thể: + Em đọc sách nhẹ nhàng, không làm rách sách. + Em không viết, vẽ vào sách chung. + Em trả sách đúng nơi quy định sau khi đọc. + Em chia sẻ sách và điều hay từ sách với bạn.
- GV chốt nội dung bài đọc: Nguyễn Nhật Ánh đến với sách một cách tự nhiên từ những câu chuyện ấu thơ. Việc đọc sách đã bồi đắp tâm hồn, trí tưởng tượng và góp phần làm nên con đường thành công của ông.	- HS nhắc lại nội dung chính của bài đọc.
4. Luyện đọc lại và luyện tập theo văn bản đọc (10 phút) Mục tiêu: HS luyện đọc diễn cảm, mở rộng vốn từ với các từ có yếu tố vô và đặt câu đúng. Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp; cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.	- HS đọc nối tiếp, nhận xét và điều chỉnh giọng đọc.
- GV yêu cầu HS tự đọc toàn bài một lượt.	- HS tự đọc toàn bài, củng cố nội dung bài đọc.
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài phần Luyện tập theo văn bản đọc: Tìm nghĩa cho các từ dưới đây: vô biên, vô số, vô giá, vô hình, vô lí.	- HS đọc yêu cầu bài 1 và đọc các từ trong SGK.
- GV hướng dẫn HS đọc từng từ, dựa vào yếu tố vô và ngữ cảnh để đoán nghĩa.	- HS suy nghĩ nghĩa của từng từ.
- GV cho HS làm việc cá nhân vào vở, sau đó trao đổi nhóm đôi để kiểm tra kết quả.	- HS làm vở, sau đó trao đổi nhóm đôi.
- GV mời HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: vô biên - không có giới hạn; vô số - nhiều tới mức không đếm được; vô giá - không thể đánh giá được, rất quý; vô hình - không có hình dáng cụ thể; vô lí - không hợp lẽ phải.
- GV hỏi mở rộng: Yếu tố vô trong các từ trên thường gọi nghĩa gì?	- HS nêu: Yếu tố vô thường gọi nghĩa không, không có hoặc rất nhiều tùy từng từ.
- GV kết luận: Cần hiểu nghĩa của từng từ trong ngữ cảnh để nói đúng và dùng đúng khi nói, viết.	- HS sửa bài vào vở.
- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài: Đặt 2 câu với 2 từ ở bài tập 1.	- HS đọc yêu cầu bài 2.
- GV hướng dẫn HS chọn 2 từ đã hiểu rõ nghĩa, đặt câu đúng nghĩa và đúng ngữ pháp.	- HS chọn 2 từ ở bài 1.
- GV cho HS làm bài cá nhân vào vở.	- HS đặt câu vào vở.
- GV cho HS trao đổi nhóm đôi, đọc câu cho	- HS đọc câu cho bạn nghe, góp ý để sửa lỗi

bạn nghe và góp ý.	dùng từ hoặc lỗi ngữ pháp.
- GV mời một số HS trình bày; GV hỏi mở rộng: Từ em chọn được dùng với nghĩa nào trong câu?	- HS trình bày, ví dụ: Bầu trời đêm rộng vô biên. Tình yêu của mẹ là món quà vô giá.
- GV kết luận: Khi đặt câu, cần dùng từ đúng nghĩa và câu phải diễn đạt trọn ý.	- HS hoàn thiện câu trong vở.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS đọc lại bài và chuẩn bị phần viết.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-

BÀI 22: TỪ NHỮNG CÂU CHUYỆN ẬU THƠ**TIẾT 3: VIẾT: TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT CẬU CHUYỆN****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Xác định được đề bài: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện em đã đọc, đã nghe.
- Biết chuẩn bị trước khi viết: đọc kĩ câu chuyện, tóm tắt nội dung chính, lựa chọn chi tiết gây ấn tượng để bày tỏ tình cảm, cảm xúc.
- Biết tìm ý cho đoạn văn theo 3 phần: mở đầu, triển khai, kết thúc.
- Biết góp ý và chỉnh sửa ý dựa vào các gợi ý trong SGK.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự chọn câu chuyện, tự ghi ý và tự điều chỉnh ý sau khi được góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi với bạn, góp ý chân thành, tiếp thu ý kiến phù hợp.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn chi tiết tiêu biểu để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của bản thân.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: chuẩn bị câu chuyện đã đọc, ghi đủ các ý chính theo yêu cầu.
- Nhân ái: biết bộc lộ tình cảm tích cực, trân trọng nhân vật, sự việc có ý nghĩa trong câu chuyện.
- Trách nhiệm: tự viết cảm nhận bằng cảm xúc thật, không sao chép bài của bạn hoặc của công cụ AI.

4. Tích hợp

- AI: 5.A3.1 - Thảo luận cách dùng AI gợi ý sách an toàn, không sao chép cảm nhận cá nhân từ máy.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

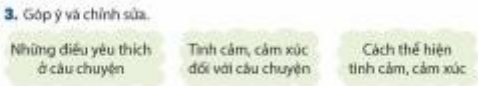
- SGK Tiếng Việt 5, tập một; sơ đồ tìm ý trong SGK.
- Phiếu tìm ý gồm 3 phần: mở đầu, triển khai, kết thúc.
- Máy tính/máy chiếu; ví dụ minh họa về cách dùng AI gợi ý sách an toàn, có kiểm chứng.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Gợi nhớ cấu trúc đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện. Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện thường có mấy phần?	- HS trả lời: Đoạn văn thường có 3 phần: mở đầu, triển khai, kết thúc.
- GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung chính của từng phần.	- HS nêu: Mở đầu giới thiệu câu chuyện và nêu ấn tượng chung; triển khai nêu nội dung chính, điều yêu thích và cảm xúc; kết thúc khẳng định giá trị câu chuyện hoặc nhấn mạnh cảm xúc.
- GV dẫn dắt: Tiết trước các em đã tìm hiểu cách viết. Tiết này các em sẽ tìm ý cho đoạn văn của mình.	- HS lắng nghe, chuẩn bị câu chuyện đã chọn.
2. Khám phá: Chuẩn bị (10 phút) Mục tiêu: HS đọc kĩ đề bài, xác định câu chuyện đã chọn và những việc cần chuẩn bị trước khi tìm ý. Cách tiến hành:	
- Đề bài. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện em đã đọc, đã nghe.	- HS đọc đề bài, xác định yêu cầu.

<p>TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT CÂU CHUYỆN</p> <p>Đề bài: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện em đã đọc, đã nghe.</p> <p>1. Chuẩn bị.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đọc kĩ câu chuyện em đã chọn để nhận rõ tình cảm, cảm xúc của em đối với câu chuyện. – Tóm tắt câu chuyện để nhớ nội dung chính. – Lựa chọn chi tiết gây ấn tượng để bày tỏ tình cảm, cảm xúc. <p>2. Tìm ý.</p> <p>Mở đầu</p> <p>Giới thiệu khái quát về câu chuyện (tên câu chuyện, tác giả,...) và nêu ấn tượng chung về câu chuyện.</p> <p>Triển khai</p> <ul style="list-style-type: none"> – Kể tóm tắt nội dung câu chuyện. – Nêu những điều em yêu thích ở câu chuyện: <ul style="list-style-type: none"> + Nhân vật trong câu chuyện đáng yêu, đáng kính trọng,... + Câu chuyện truyền cảm hứng tích cực hoặc chứa đựng bài học có ý nghĩa,... – Thể hiện tình cảm, cảm xúc của em đối với câu chuyện: <ul style="list-style-type: none"> + Yêu mến, ngưỡng mộ nhân vật. + Xúc động và thấm thía trước những bài học có ý nghĩa,... <p>Kết thúc</p> <p>Khẳng định giá trị của câu chuyện và nhấn mạnh tình cảm, cảm xúc của em.</p> <p>112</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu chính của đề: viết đoạn văn, thể hiện tình cảm/cảm xúc, chọn một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS gạch dưới các từ ngữ quan trọng trong đề.
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS trao đổi nhóm đôi để nói lại yêu cầu của đề bằng lời của mình. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trao đổi nhóm đôi, nói lại yêu cầu của đề.
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 - 2 HS trình bày yêu cầu của đề trước lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày: Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện em đã đọc hoặc đã nghe.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi mở rộng: Đề bài yêu cầu kể lại câu chuyện hay bộc lộ tình cảm, cảm xúc về câu chuyện? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Đề yêu cầu bộc lộ tình cảm, cảm xúc về câu chuyện.
<ul style="list-style-type: none"> - GV kết luận: Bài viết cần thể hiện tình cảm, cảm xúc của em về một câu chuyện, không chỉ kể lại nội dung câu chuyện. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, ghi nhớ yêu cầu trọng tâm.
<p>- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc phần Chuẩn bị trong SGK.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc phần Chuẩn bị trong SGK.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS xác định các việc cần chuẩn bị: đọc kĩ câu chuyện đã chọn, tóm tắt nội dung chính, lựa chọn chi tiết gây ấn tượng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS xác định các việc cần làm trước khi tìm ý.
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS làm việc cá nhân vào vở nháp: ghi tên câu chuyện, tác giả nếu có, chi tiết gây ấn tượng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS ghi nhanh tên câu chuyện, tác giả, chi tiết gây ấn tượng vào vở nháp.
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS trao đổi nhóm đôi, nói lí do chọn câu chuyện. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trao đổi nhóm đôi, nêu lí do chọn câu chuyện.
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời một số HS trình bày; GV hỏi mở rộng: Chi tiết nào trong câu chuyện khiến em xúc động hoặc suy nghĩ nhiều nhất? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày: Em chọn câu chuyện Không nên phá tổ chim. Chi tiết khiến em xúc động là người chị khuyên em không phá tổ chim vì chim mẹ sẽ buồn, chim non xa mẹ sẽ chết và loài chim có ích cho con người.
<ul style="list-style-type: none"> - GV kết luận: Chuẩn bị tốt giúp đoạn văn có cảm xúc rõ, có chi tiết tiêu biểu và tránh kể lan man. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, hoàn thiện phần chuẩn bị.
<p>3. Luyện tập: Tìm ý (18 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS lập được các ý chính cho đoạn văn theo phần mở đầu, triển khai, kết thúc.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: HS thảo luận về cách dùng AI an toàn: AI có thể gợi ý sách hoặc câu chuyện phù hợp, nhưng không thay thế việc đọc sách và không thay thế cảm nhận cá nhân của</p>	

<p>người viết.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Tìm ý.</p>	<p>- HS đọc yêu cầu bài 2 và quan sát sơ đồ tìm ý.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS quan sát sơ đồ tìm ý, đọc lần lượt các gợi ý cho phần mở đầu, triển khai, kết thúc.</p>	<p>- HS đọc các gợi ý trong SGK.</p>
<p>- GV cho HS làm việc cá nhân vào vở/phiếu học tập để lập ý theo ba phần.</p>	<p>- HS lập ý vào vở/phiếu học tập theo ba phần.</p>
<p>- GV cho HS trao đổi nhóm đôi, đọc ý của mình cho bạn nghe và góp ý.</p>	<p>- HS trao đổi nhóm đôi, góp ý cho bạn.</p>
<p>- GV mời 1 - 2 HS trình bày phiếu tìm ý; GV hỏi mở rộng: Ý nào giúp thể hiện rõ cảm xúc của em nhất?</p>	<p>- HS trình bày phiếu tìm ý, ví dụ: + Mở đầu: Em rất thích câu chuyện Không nên phá tổ chim. + Triển khai: Câu chuyện kể về lời khuyên của người chị khi thấy em định phá tổ chim; em thích lời khuyên nhẹ nhàng mà thấm thía của chị. + Kết thúc: Câu chuyện giúp em biết yêu thương, bảo vệ loài chim và các con vật nhỏ.</p>
<p>- GV kết luận: Khi tìm ý, cần đủ ba phần và chọn chi tiết thật sự gây ấn tượng để bộc lộ cảm xúc chân thật.</p>	<p>- HS lắng nghe, chỉnh sửa phiếu tìm ý.</p>
<p>- GV hướng dẫn phần mở đầu: Giới thiệu khái quát về câu chuyện: tên câu chuyện, tác giả nếu có và nêu ấn tượng chung về câu chuyện.</p>	<p>- HS viết ý phần mở đầu: tên câu chuyện, tác giả, ấn tượng chung.</p>
<p>- GV nêu ví dụ phần mở đầu: Em rất yêu thích câu chuyện Không nên phá tổ chim vì câu chuyện ngắn gọn nhưng để lại cho em nhiều suy nghĩ về tình yêu thương muôn loài.</p>	<p>- HS tham khảo cách nêu ấn tượng chung nhưng không chép nguyên văn nếu không phù hợp câu chuyện của mình.</p>
<p>- GV hướng dẫn phần triển khai: Kể tóm tắt nội dung câu chuyện.</p>	<p>- HS ghi một vài ý tóm tắt nội dung chính, không kể quá dài.</p>
<p>- GV hướng dẫn phần triển khai: Nêu những điều em yêu thích ở câu chuyện như nhân vật đáng yêu, đáng kính trọng; câu chuyện truyền cảm hứng tích cực hoặc chứa đựng bài học có ý nghĩa.</p>	<p>- HS ghi chi tiết yêu thích, nhân vật yêu thích, sự việc hoặc bài học khiến em xúc động.</p>
<p>- GV hướng dẫn phần triển khai: Thể hiện tình cảm, cảm xúc của em đối với câu chuyện như yêu mến, ngưỡng mộ nhân vật; xúc động và thấm thía trước những bài học có ý nghĩa.</p>	<p>- HS ghi từ ngữ thể hiện cảm xúc: yêu mến, cảm phục, xúc động, thấm thía, biết ơn, ngưỡng mộ,...</p>
<p>- GV hướng dẫn phần kết thúc: Khẳng định giá trị của câu chuyện và nhấn mạnh tình cảm, cảm xúc của em.</p>	<p>- HS ghi ý phần kết thúc: câu chuyện giúp em hiểu điều gì, em muốn nhắc mình làm gì sau khi đọc.</p>
<p>- GV diễn giải tích hợp AI: + Khi chưa biết chọn câu chuyện, các em có thể hỏi AI để tham khảo một số tên sách hoặc câu chuyện phù hợp lứa tuổi. + AI chỉ giúp gợi ý ban đầu, không thay thế việc đọc sách, suy nghĩ và cảm nhận của các em. + Các em cần kiểm chứng lại tên truyện, tác giả và nội dung trước khi sử dụng trong bài học.</p>	<p>- HS nêu nguyên tắc sử dụng AI an toàn: + Dùng AI để tham khảo gợi ý sách, truyện. + Không nhập thông tin cá nhân vào AI. + Kiểm chứng thông tin trước khi dùng. + Tự đọc, tự chọn chi tiết và tự viết cảm xúc của mình. + Không sao chép bài hoặc cảm nhận của AI.</p>

<p>+ Cảm xúc trong đoạn văn phải là cảm xúc thật sau khi các em tự đọc, tự hiểu và tự lựa chọn chi tiết.</p> <p>+ Không sao chép cảm nhận cá nhân từ AI vì như vậy bài viết không còn trung thực và không thể hiện suy nghĩ riêng.</p> <p>- GV hướng dẫn HS sử dụng AI an toàn:</p> <p>+ Chỉ hỏi AI bằng yêu cầu học tập chung, không đưa thông tin riêng tư của bản thân hoặc gia đình.</p> <p>+ Đọc kĩ gợi ý, chọn nội dung phù hợp với đề bài và lứa tuổi.</p> <p>+ Tra cứu lại thông tin bằng sách, thư viện, thầy cô hoặc người thân.</p> <p>+ Viết phiếu tìm ý bằng lời của mình, cảm xúc của mình.</p>	
<p>- GV quan sát, hỗ trợ HS hoàn thành phiếu tìm ý.</p>	<p>- HS hoàn thành phiếu tìm ý theo ba phần.</p>
<p>4. Vận dụng - Trải nghiệm: Góp ý và chỉnh sửa (7 phút) Mục tiêu: HS biết góp ý, chỉnh sửa ý dựa vào ba tiêu chí trong SGK. Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Góp ý và chỉnh sửa.</p> 	<p>- HS đọc yêu cầu bài 3 và các tiêu chí góp ý trong SGK.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc ba tiêu chí góp ý: những điều yêu thích ở câu chuyện; tình cảm, cảm xúc đối với câu chuyện; cách thể hiện tình cảm, cảm xúc.</p>	<p>- HS nắm các nội dung cần nhận xét.</p>
<p>- GV cho HS làm việc theo cặp: đổi phiếu tìm ý, đọc kĩ và góp ý cho bạn theo tiêu chí.</p>	<p>- HS đổi phiếu tìm ý, đọc và góp ý cho bạn.</p>
<p>- GV mời một số HS trình bày nội dung đã góp ý hoặc điều đã chỉnh sửa.</p>	<p>- HS trình bày: Bạn đã nêu được chi tiết yêu thích; bạn cần bổ sung cảm xúc rõ hơn; bạn nên nói rõ bài học rút ra.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Khi góp ý cho bạn, em cần nói như thế nào để bạn dễ tiếp nhận?</p>	<p>- HS nêu: Cần góp ý lịch sự, nói rõ điểm tốt và điều cần bổ sung.</p>
<p>- GV kết luận: Góp ý cần cụ thể, nhẹ nhàng; sau góp ý, người viết cần tự chỉnh sửa để đoạn văn rõ ý và giàu cảm xúc hơn.</p>	<p>- HS tự chỉnh sửa, bổ sung ý vào phiếu tìm ý.</p>
<p>- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị viết đoạn văn ở bài sau.</p>	<p>- HS lắng nghe, hoàn thiện phiếu tìm ý ở nhà nếu cần.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-

BÀI 22: TỪ NHỮNG CÂU CHUYỆN ẢO THƠ

TIẾT 4: ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc được câu chuyện kể về tấm gương học tập hoặc những đóng góp của một nhà khoa học.
- Viết được phiếu đọc sách theo mẫu: tên câu chuyện, tác giả, ngày đọc, tên nhân vật, nội dung chính hoặc chủ đề, những sự việc đáng nhớ về nhân vật, mức độ yêu thích.
- Trao đổi được với bạn về câu chuyện đã đọc: kể tóm tắt câu chuyện, giới thiệu nhân vật khiến em cảm phục, nêu điều thú vị hoặc bài học muốn học tập.
- Biết kể với người thân về tấm gương học tập của một bạn trong lớp hoặc trong trường em.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: biết tự chọn sách, đọc sách, ghi phiếu đọc sách.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi, chia sẻ câu chuyện với bạn bằng thái độ lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tạo poster số giới thiệu từ sách lớp hoặc câu chuyện đã đọc.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: có thói quen đọc sách, hoàn thành phiếu đọc sách.
- Nhân ái: biết cảm phục những tấm gương học tập, đóng góp cho cộng đồng.
- Trách nhiệm: ghi nguồn, sử dụng hình ảnh, công cụ số phù hợp khi chia sẻ sản phẩm đọc mở rộng.

4. Tích hợp

- NLS: 3.1.CB2a - HS tạo poster số giới thiệu từ sách lớp và chia sẻ trong nhóm học tập.

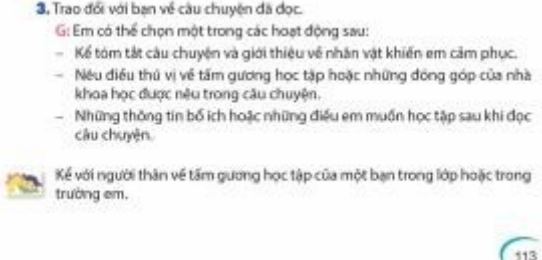
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; sách/truyện kể về tấm gương học tập hoặc những đóng góp của một nhà khoa học.
- Phiếu đọc sách theo mẫu trong SGK; máy tính/ti vi nếu HS chia sẻ sản phẩm số.
- Một số gợi ý sách: Gương sáng học đường, Kể chuyện gương hiếu học, Truyện kể về gương hiếu học, Đắc-uyên và các nhà khoa học khác.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú đọc mở rộng; giúp HS chia sẻ nhanh câu chuyện đã tìm được. Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Em đã tìm được câu chuyện nào kể về tấm gương học tập hoặc những đóng góp của một nhà khoa học?	- HS nêu tên câu chuyện, tên sách hoặc nguồn đọc nếu nhớ.
- GV mời một vài HS giới thiệu nhanh vì sao em chọn câu chuyện đó.	- HS nêu lí do: nhân vật ham học, vượt khó, có đóng góp cho khoa học hoặc truyền cảm hứng học tập.
- GV giới thiệu nhiệm vụ tiết Đọc mở rộng: đọc câu chuyện, viết phiếu đọc sách, trao đổi với bạn và vận dụng kể với người thân.	- HS lắng nghe, chuẩn bị sách, truyện hoặc ghi chép đã chuẩn bị.
2. Khám phá: Đọc câu chuyện và viết phiếu đọc sách (17 phút) Mục tiêu: HS đọc câu chuyện phù hợp với yêu cầu và ghi được các thông tin cơ bản vào phiếu đọc sách. Mục tiêu tích hợp: HS biết tạo poster số giới thiệu từ sách lớp hoặc câu chuyện đã đọc; biết chọn hình ảnh phù hợp, ghi nguồn, không chia sẻ thông tin cá nhân và trình bày sản phẩm số bằng lời của mình. Cách tiến hành:	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Đọc câu chuyện kể về tấm gương học tập hoặc những đóng góp của một nhà khoa học.	- HS đọc yêu cầu bài 1.

<div>ĐỌC MỞ RỘNG</div> <div>1. Đọc câu chuyện kể về tấm gương học tập hoặc những đóng góp của một nhà khoa học.</div> <div>G:</div> <div><div><div>- Gương sáng học đường</div><div>- Kể chuyện gương hiếu học</div><div>- Truyện kể về gương hiếu học</div><div>- Đắc-uyên và các nhà khoa học khác</div></div></div>													
<div>- GV hướng dẫn HS xác định đúng loại câu chuyện cần đọc: gương học tập hoặc đóng góp của nhà khoa học.</div>	<div>- HS xác định câu chuyện cần đọc đúng chủ đề.</div>												
<div>- GV cho HS đọc cá nhân câu chuyện đã chuẩn bị; HS chưa chuẩn bị có thể đọc văn bản GV cung cấp.</div>	<div>- HS đọc cá nhân câu chuyện đã chuẩn bị hoặc văn bản GV cung cấp.</div>												
<div>- GV cho HS trao đổi nhóm 4, giới thiệu nhanh tên câu chuyện và nhân vật chính.</div>	<div>- HS trao đổi nhóm 4, nêu tên câu chuyện và nhân vật chính.</div>												
<div>- GV hỏi mở rộng: Nhân vật trong câu chuyện có điểm nào đáng để em học tập?</div>	<div>- HS nêu điểm đáng học tập: chăm chỉ, ham học, kiên trì, say mê nghiên cứu, vượt khó.</div>												
<div>- GV kết luận: Đọc mở rộng giúp các em biết thêm những tấm gương ham học, say mê khám phá và có đóng góp cho cuộc sống.</div>	<div>- HS lắng nghe và chuẩn bị ghi phiếu đọc sách.</div>												
<div>- GV nhắc HS có thể tham khảo gợi ý trong SGK: Gương sáng học đường; Kể chuyện gương hiếu học; Truyện kể về gương hiếu học; Đắc-uyên và các nhà khoa học khác.</div>	<div>- HS chọn câu chuyện phù hợp với yêu cầu, đọc cá nhân hoặc đọc trong nhóm.</div>												
<div>- GV hướng dẫn HS đọc với mục đích: tìm tên nhân vật, việc làm đáng nhớ, điều khiến em cảm phục và bài học có thể rút ra.</div>	<div>- HS đọc và đánh dấu chi tiết quan trọng trong câu chuyện hoặc ghi nhanh vào nháp.</div>												
<div>- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Viết phiếu đọc sách theo mẫu.</div> <div><div>2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.</div><div><table><tr><th colspan="3">PHIẾU ĐỌC SÁCH</th></tr><tr><td>Tên câu chuyện: ●</td><td>Tác giả: ●</td><td>Ngày đọc: ●</td></tr><tr><td>Tên nhân vật: ●</td><td colspan="2">Nội dung chính hoặc chủ đề của câu chuyện: ●</td></tr><tr><td>Những sự việc đáng nhớ về nhân vật: ●</td><td colspan="2">Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆</td></tr></table></div></div>	PHIẾU ĐỌC SÁCH			Tên câu chuyện: ●	Tác giả: ●	Ngày đọc: ●	Tên nhân vật: ●	Nội dung chính hoặc chủ đề của câu chuyện: ●		Những sự việc đáng nhớ về nhân vật: ●	Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆		<div>- HS đọc yêu cầu bài 2 và quan sát mẫu phiếu.</div>
PHIẾU ĐỌC SÁCH													
Tên câu chuyện: ●	Tác giả: ●	Ngày đọc: ●											
Tên nhân vật: ●	Nội dung chính hoặc chủ đề của câu chuyện: ●												
Những sự việc đáng nhớ về nhân vật: ●	Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆												
<div>- GV hướng dẫn HS quan sát mẫu phiếu đọc sách và đọc từng mục cần ghi.</div>	<div>- HS đọc từng mục trong phiếu đọc sách.</div>												
<div>- GV cho HS làm cá nhân vào phiếu: tên câu chuyện, tác giả, ngày đọc, nhân vật, nội dung chính, sự việc đáng nhớ, mức độ yêu thích.</div>	<div>- HS viết phiếu đọc sách cá nhân.</div>												
<div>- GV cho HS trao đổi nhóm đôi để kiểm tra thông tin đã ghi.</div>	<div>- HS đổi phiếu với bạn để kiểm tra thông tin.</div>												
<div>- GV mời HS trình bày một phiếu đọc sách; GV hỏi mở rộng: Vì sao em đánh giá mức độ yêu thích như vậy?</div>	<div>- HS trình bày phiếu đọc sách, ví dụ:<div>+ Tên câu chuyện: Đắc-uyên và các nhà khoa học khác.</div><div>+ Nhân vật chính: Đắc-uyên.</div><div>+ Nội dung chính: Câu chuyện kể về tinh thần ham học hỏi, say mê quan sát và nghiên cứu khoa học của nhà khoa học.</div><div>+ Mức độ yêu thích: Rất thích, vì câu chuyện giúp em hiểu muốn học tốt cần kiên trì và chăm quan sát.</div></div>												
<div>- GV kết luận: Phiếu đọc sách cần ghi ngắn gọn, đúng thông tin và thể hiện được điều em nhớ, em thích sau khi đọc.</div>	<div>- HS hoàn thiện phiếu đọc sách.</div>												
<div>- GV diễn giải tích hợp NLS:</div>	<div>- HS nêu cách tạo poster số an toàn:</div>												

<ul style="list-style-type: none"> + Sau khi hoàn thành phiếu đọc sách, nhóm có thể tạo poster số giới thiệu từ sách lớp hoặc giới thiệu một câu chuyện hay. + Poster số có thể thực hiện bằng Canva hoặc PowerPoint dưới sự hướng dẫn của GV. + Nội dung poster cần có tên sách, tác giả, nhân vật hoặc bài học em rút ra. + Khi dùng hình ảnh, các em cần chọn hình ảnh phù hợp và ghi nguồn rõ ràng. + Các em không đăng thông tin cá nhân, không chia sẻ sản phẩm ra ngoài nhóm học tập khi chưa được phép. - GV hướng dẫn HS thực hiện: + Bước 1: Chọn một cuốn sách hoặc câu chuyện em muốn giới thiệu. + Bước 2: Ghi ngắn gọn tên sách, tác giả, nhân vật, điều em thích hoặc bài học rút ra. + Bước 3: Chọn hình ảnh phù hợp, ghi nguồn nếu sử dụng hình ảnh có sẵn. + Bước 4: Trình bày poster rõ ràng, dễ đọc, không đưa thông tin cá nhân. + Bước 5: Chia sẻ sản phẩm trong nhóm học tập theo hướng dẫn của GV. 	<ul style="list-style-type: none"> + Chọn sách hoặc câu chuyện em đã đọc. + Ghi tên sách, tác giả và điều em học được. + Chọn hình ảnh phù hợp, ghi nguồn rõ ràng. + Không đưa số điện thoại, địa chỉ nhà hoặc hình ảnh riêng tư vào poster. + Chỉ chia sẻ sản phẩm theo yêu cầu của GV.
3. Luyện tập: Trao đổi với bạn về câu chuyện đã đọc (13 phút) Mục tiêu: HS trao đổi được với bạn về câu chuyện đã đọc theo các gợi ý trong SGK. Cách tiến hành:	
<p>- Bài 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Trao đổi với bạn về câu chuyện đã đọc.</p> 	<p>- HS đọc yêu cầu bài 3 và các gợi ý trong SGK.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc các gợi ý trao đổi: kể tóm tắt, giới thiệu nhân vật, nêu điều thú vị, thông tin bổ ích hoặc bài học muốn học tập.</p>	<p>- HS chuẩn bị nội dung trao đổi.</p>
<p>- GV cho HS làm việc nhóm 3 hoặc nhóm 4; từng HS giới thiệu câu chuyện, bạn lắng nghe và đặt câu hỏi.</p>	<p>- HS trao đổi trong nhóm; bạn lắng nghe, nhận xét hoặc đặt thêm câu hỏi.</p>
<p>- GV mời 2 - 3 HS trình bày trước lớp.</p>	<p>- HS trình bày: Em đọc câu chuyện về Đắc-uyn. Em ấn tượng với tinh thần say mê quan sát, ham học hỏi của ông. Câu chuyện nhắc em phải kiên trì, chăm đọc sách, biết đặt câu hỏi và tìm cách giải đáp.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Sau khi nghe bạn giới thiệu, em muốn tìm đọc câu chuyện nào? Vì sao?</p>	<p>- HS nêu câu chuyện muốn tìm đọc và lí do.</p>
<p>- GV kết luận: Khi trao đổi về sách, cần nói rõ ràng, lắng nghe bạn, biết đặt câu hỏi và rút ra bài học từ câu chuyện.</p>	<p>- HS lắng nghe, hoàn thiện cách trao đổi về sách.</p>
4. Vận dụng - Củng cố (5 phút)	

Mục tiêu: HS biết giới thiệu điều đã đọc cho người thân và biết liên hệ với tấm gương học tập trong lớp hoặc trong trường. Cách tiến hành:	
- GV nêu yêu cầu vận dụng trong SGK: Kể với người thân về tấm gương học tập của một bạn trong lớp hoặc trong trường em.	- HS đọc yêu cầu vận dụng và ghi nhớ nhiệm vụ.
- GV gợi ý HS có thể kể về bạn chăm chỉ học tập, biết giúp đỡ bạn, có tiến bộ rõ rệt hoặc có tinh thần vượt khó.	- HS nêu nhanh tên một bạn hoặc một tấm gương trong lớp/trường mà em muốn kể với người thân.
- GV củng cố: Hôm nay các em đã đọc mở rộng, viết phiếu đọc sách và trao đổi với bạn về câu chuyện đã đọc.	- HS nhắc lại việc đã làm trong tiết học.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS tiếp tục đọc sách và chuẩn bị Bài 23.	- HS lắng nghe, ghi nhiệm vụ học tập.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT 5

CHỦ ĐIỂM: TRÊN CON ĐƯỜNG HỌC TẬP

TUẦN 13

BÀI 23: GIỚI THIỆU SÁCH ĐỂ MÈN PHIÊU LƯU KÍ

TIẾT 1: ĐỌC: GIỚI THIỆU SÁCH ĐỂ MÈN PHIÊU LƯU KÍ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng và diễn cảm văn bản Giới thiệu sách *Đế Mèn phiêu lưu kí*; biết ngắt nghỉ hợp lí ở câu dài, nhấn giọng vào những từ ngữ giới thiệu tên sách, tác giả, nhân vật và giá trị của cuốn sách.
- Hiểu nghĩa một số từ khó; nhận biết được thông tin cơ bản về cuốn sách *Đế Mèn phiêu lưu kí*, nhân vật chính và những bài học được giới thiệu trong văn bản.
- Trả lời được các câu hỏi đọc hiểu trong SGK; biết nêu cảm nghĩ của bản thân sau khi đọc lời giới thiệu sách.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, chủ động thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh sản phẩm học tập theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, vận dụng vốn từ và trải nghiệm để nói, viết sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, đọc trước bài và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: biết yêu quý tình bạn, tôn trọng bạn bè và biết nhận lỗi, sửa lỗi qua nhân vật văn học.
- Trách nhiệm: biết lựa chọn sách phù hợp, đọc sách có suy nghĩ và chia sẻ cảm nhận một cách văn minh.

4. Tích hợp

Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục tình bạn, lòng nhân ái, biết nhận lỗi và sửa lỗi qua nhân vật văn học.

Quyền con người: Lòng ghép thái độ tôn trọng sự khác biệt, không bắt nạt, biết bảo vệ bạn yếu thế trong tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; tranh minh họa và văn bản Giới thiệu sách *Đế Mèn phiêu lưu kí*.
- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi; hình SGK được cắt đúng nội dung bài đọc và câu hỏi.
- Phiếu học tập đọc hiểu; bảng phụ ghi từ khó, câu dài cần luyện đọc.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú đọc sách; giúp HS kết nối với trải nghiệm giới thiệu một quyển sách	

yêu thích.

Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu khởi động trong SGK: Giới thiệu với các bạn về một quyển sách mà em thích.



- 1 HS đọc yêu cầu; cả lớp đọc thầm.

- GV hướng dẫn HS nhớ lại một quyển sách đã đọc, nêu tên sách, tác giả, nhân vật hoặc điều làm em thích nhất ở cuốn sách đó.

- HS suy nghĩ và chuẩn bị ý: tên sách, tác giả, nhân vật, nội dung hoặc lí do yêu thích.

- GV cho HS trao đổi nhóm 2 về quyển sách mình thích.

- HS trao đổi nhóm 2; từng em giới thiệu ngắn gọn một quyển sách đã đọc.

- GV gọi 2 - 3 HS trình bày trước lớp.

- HS trình bày cụ thể:
+ Em thích truyện *Đế Mèn phiêu lưu kí* của nhà văn Tô Hoài.
+ Em thích nhân vật Đế Mèn vì chú đã biết nhận lỗi và trưởng thành sau nhiều trải nghiệm.
+ Em muốn giới thiệu cuốn sách này với các bạn.

- GV dẫn dắt: Hôm nay các em đọc văn bản giới thiệu sách *Đế Mèn phiêu lưu kí* để biết một lời giới thiệu sách cần cung cấp những thông tin nào và gợi được cảm xúc gì cho người đọc.

- HS lắng nghe, mở SGK vào bài đọc.

2. Khám phá: Hoạt động luyện đọc (15 phút)

Mục tiêu: HS đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản; biết chia đoạn, luyện đọc từ khó, câu dài và hiểu nghĩa một số từ ngữ trong bài.

Cách tiến hành:

- GV đọc cả bài, hoặc gọi 2 HS giỏi đọc nối tiếp các đoạn:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến anh em.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến hết.

- Lưu ý: Đọc giọng diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả, gợi cảm trong bài đọc và những thông tin quan trọng về cuốn sách.

- HS nghe GV đọc cả bài hoặc nghe 2 HS giỏi đọc nối tiếp các đoạn; cả lớp theo dõi văn bản trong SGK.

- GV hướng dẫn HS đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: *phiêu lưu, trượng nghĩa, trải nghiệm, truyền tải*.

- HS luyện đọc từ khó; HS nêu một số từ khó cụ thể: *phiêu lưu, trượng nghĩa, trải nghiệm, truyền tải*.

<p>- GV hướng dẫn HS ngắt giọng ở những câu dài, ví dụ: “<i>Dế Mèn phiêu lưu kí</i>” của nhà văn Tô Hoài là cuốn sách gồm 10 chương,/ kể về cuộc phiêu lưu của Dế Mèn/ trong thế giới côn trùng sinh động và ngộ nghĩnh.; Những trải nghiệm của Dế Mèn/ đem lại cho độc giả bài học nhẹ nhàng về tình bạn,/ về thái độ và cách ứng xử trong cuộc sống,/ đồng thời truyền tải ước mơ cao đẹp về một thế giới đại đồng,/ nơi tất cả đều là bạn bè, anh em.</p>	<p>- HS luyện đọc câu dài, chú ý ngắt nghỉ đúng và nhấn giọng ở tên sách, tên tác giả, số liệu, giá trị của cuốn sách.</p>
<p>- GV gọi 2 HS đọc nối tiếp bài trước lớp.</p>	<p>- 2 HS đọc nối tiếp bài trước lớp; cả lớp lắng nghe, nhận xét cách đọc.</p>
<p>- GV cho HS làm việc theo nhóm 2, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.</p>	<p>- HS làm việc nhóm 2: mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài và góp ý cho bạn.</p>
<p>- GV mời các nhóm đọc bài trước lớp; GV yêu cầu HS cả lớp lắng nghe, nêu ý kiến nhận xét.</p>	<p>- Các nhóm đọc bài trước lớp; HS cả lớp lắng nghe, nêu ý kiến nhận xét.</p>
<p>- GV cho HS làm việc cá nhân, đọc nhắm toàn bài một lượt. GV nhận xét việc đọc của cả lớp.</p>	<p>- HS làm việc cá nhân, đọc nhắm toàn bài một lượt; HS lắng nghe GV nhận xét.</p>
<p>- GV giúp HS hiểu nghĩa các từ ngữ ở cuối bài và một số từ khó: <i>phiêu lưu, trượng nghĩa, trải nghiệm, truyền tải</i>, thế giới đại đồng, tái bản.</p>	<p>- HS nêu nghĩa từ theo hiểu biết; HS lắng nghe GV giải nghĩa và nhắc lại nghĩa từ.</p>
<p>3. Luyện tập: Hoạt động đọc hiểu (15 phút) Mục tiêu: HS trả lời đầy đủ các câu hỏi trong SGK; biết dựa vào chi tiết trong văn bản để nêu thông tin, nhận xét và cảm nghĩ. Mục tiêu tích hợp: HS biết yêu quý tình bạn, lòng nhân ái; biết tôn trọng sự khác biệt, không bắt nạt và bảo vệ bạn yếu thế trong tập thể. Cách tiến hành:</p>	
<p>- Câu 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: <i>Nêu những thông tin em biết qua lời giới thiệu sách.</i></p> 	<p>- HS đọc câu 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>

- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: tên sách: <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i> ; tên tác giả: nhà văn Tô Hoài; số chương: gồm 10 chương; nội dung chính: kể về cuộc phiêu lưu của chú Đế Mèn trong thế giới côn trùng sinh động và ngộ nghĩnh. Chàng Đế Mèn lúc đầu kiêu căng, ngạo mạn, gây hậu quả tai hại cho chính mình và bạn bè xung quanh. Nhưng trên những chặng đường phiêu lưu, chú đã dần khôn lớn và trở thành một chú đế can đảm, tốt bụng, trượng nghĩa,...
- GV hỏi mở rộng: Khi giới thiệu một cuốn sách, vì sao cần nêu tên sách, tác giả và nội dung chính?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV nhận xét và chốt đáp án: tên sách: <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i> ; tên tác giả: nhà văn Tô Hoài; số chương: gồm 10 chương; nội dung chính: kể về cuộc phiêu lưu của chú Đế Mèn trong thế giới côn trùng sinh động và ngộ nghĩnh. Chàng Đế Mèn lúc đầu kiêu căng, ngạo mạn, gây hậu quả tai hại cho chính mình và bạn bè xung quanh. Nhưng trên những chặng đường phiêu lưu, chú đã dần khôn lớn, và trở thành một chú đế can đảm, tốt bụng, trượng nghĩa,...	- HS lắng nghe, đối chiếu và sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: <i>Nhân vật chính của cuốn sách được giới thiệu như thế nào?</i>	- HS đọc câu 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 2.	- HS thảo luận nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Nhân vật chính của cuốn sách là Đế Mèn được giới thiệu: lúc đầu kiêu căng, ngạo mạn, gây hậu quả tai hại cho chính mình và bạn bè xung quanh. Nhưng trên những chặng đường phiêu lưu, chú đã dần khôn lớn, trở thành một chú đế can đảm, tốt bụng, trượng nghĩa,...
- GV hỏi mở rộng: Em học được điều gì từ sự thay đổi của Đế Mèn?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV gọi một số HS phát biểu và chốt: Nhân vật chính của cuốn sách là Đế Mèn được giới thiệu: lúc đầu kiêu căng, ngạo mạn, gây hậu quả tai hại cho chính mình và bạn bè xung quanh. Nhưng trên những chặng đường phiêu lưu, chú đã dần khôn lớn, trở thành một chú đế can đảm, tốt bụng, trượng nghĩa,...	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: <i>Theo lời giới thiệu, cuốn sách mang lại</i>	- HS đọc câu 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

<i>những bài học gì?</i>	
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Theo lời giới thiệu, cuốn sách mang đến cho người đọc bài học nhẹ nhàng về tình bạn, về thái độ và cách ứng xử trong cuộc sống, đồng thời truyền tải ước mơ về một thế giới đại đồng, nơi tất cả đều là bạn bè, anh em.
- GV hỏi mở rộng: Những bài học ấy có cần thiết với học sinh không? Vì sao?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV khuyến khích HS diễn đạt nhiều cách khác nhau và chốt: Theo lời giới thiệu, cuốn sách mang đến cho người đọc bài học nhẹ nhàng về tình bạn, về thái độ và cách ứng xử trong cuộc sống, đồng thời truyền tải ước mơ về một thế giới đại đồng, nơi tất cả đều là bạn bè, anh em.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 4. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: <i>Những con số trong lời giới thiệu cho biết điều gì về cuốn sách?</i>	- HS đọc câu 4 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân vào vở rồi trao đổi nhóm 2.	- HS làm việc cá nhân vào vở rồi trao đổi nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: hơn 100 lần tái bản trong nước; được xuất bản ở gần 40 quốc gia; cuốn sách đã được dịch sang 15 thứ tiếng.
- GV hỏi mở rộng: Những con số đó giúp lời giới thiệu sách có sức thuyết phục như thế nào?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV hướng dẫn HS nhận xét, góp ý cho bạn và chốt đáp án: hơn 100 lần tái bản trong nước; được xuất bản ở gần 40 quốc gia; cuốn sách đã được dịch sang 15 thứ tiếng.	- HS lắng nghe, đối chiếu và sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 5. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: <i>Sau khi đọc lời giới thiệu, em có cảm nghĩ gì về cuốn sách?</i>	- HS đọc câu 5 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 2.	- HS thảo luận nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Sau khi đọc lời giới thiệu, em thấy yêu mến nhân vật Đế Mèn và muốn tìm đọc cuốn sách “ <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i> ” để được biết về cuộc phiêu lưu của chú...

- GV hỏi mở rộng: Em sẽ giới thiệu cuốn sách này với ai?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV khuyến khích HS nêu ý kiến cá nhân và ghi nhận câu trả lời phù hợp. VD: Sau khi đọc lời giới thiệu, em thấy yêu mến nhân vật Đế Mèn và muốn tìm đọc cuốn sách “ <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i> ” để được biết về cuộc phiêu lưu của chú...	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
<p>- GV tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và Quyền con người:</p> <p>+ GV liên hệ nhân vật Đế Mèn để giáo dục HS biết nhận lỗi, sửa lỗi, sống nhân ái và tôn trọng bạn bè.</p> <p>+ GV nhấn mạnh: mỗi bạn có điểm mạnh, điểm yếu khác nhau; không chê bai, không bắt nạt, biết bảo vệ bạn yếu thế.</p> <p>+ GV hướng dẫn HS nói lời góp ý lịch sự khi bạn mắc lỗi và biết khích lệ bạn cùng tiến bộ.</p>	<p>- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn.</p> <p>+ Liên hệ nội dung bài học với bản thân.</p> <p>+ Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp.</p> <p>+ Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.</p>
<p>4. Luyện đọc lại (5 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS đọc diễn cảm bài đọc theo đúng giọng giới thiệu sách.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc. HS làm việc chung cả lớp: 2 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp; GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.	- 2 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp; cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.
- GV cho HS đọc theo nhóm 2, góp ý trong nhóm. Nếu còn thời gian, GV có thể cho HS đọc một số đoạn trong cuốn sách <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i> .	- HS đọc theo nhóm 2, góp ý trong nhóm; có thể đọc thêm một số đoạn trong cuốn sách <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i> .

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 23: GIỚI THIỆU SÁCH ĐỀ MÈN PHIÊU LƯU KÍ

TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: LUYỆN TẬP VỀ DẤU GẠCH NGANG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nhận biết và nêu được công dụng của dấu gạch ngang trong các trường hợp cụ thể.
- Biết thêm dấu gạch ngang vào vị trí thích hợp trong đoạn văn.
- Viết được 1 - 2 câu có sử dụng dấu gạch ngang đúng một trong các công dụng đã học.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, chủ động thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh sản phẩm học tập theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, vận dụng vốn từ và trải nghiệm để nói, viết sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực làm bài tập, đọc kỹ yêu cầu và hoàn thành nhiệm vụ.
- Trách nhiệm: sử dụng dấu câu đúng để diễn đạt rõ ý, trình bày bài viết cẩn thận.

4. Tích hợp

NLS: 1.2.CB2a - HS tra cứu thông tin về tác giả, tác phẩm từ nguồn tin cậy trước khi giới thiệu sách.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; hình bài tập Luyện tập về dấu gạch ngang được cắt đúng vị trí.
- Bảng phụ ghi công dụng của dấu gạch ngang; phiếu học tập nhóm.
- Máy tính, máy chiếu; có thể sử dụng Google Search/Thư viện số dưới sự hướng dẫn của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Kích hoạt kiến thức đã học về dấu gạch ngang và tạo hứng thú làm bài. Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Dấu gạch ngang thường được dùng trong những trường hợp nào?	- HS nêu: Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp, đánh dấu ý liệt kê, nối các từ ngữ trong liên danh, đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.
- GV nhận xét và dẫn vào bài luyện tập.	- HS lắng nghe, chuẩn bị SGK và vở bài tập.
2. Luyện tập (28 phút) Mục tiêu: HS làm lần lượt các bài tập trong SGK theo đúng trình tự: đọc đề, GV hướng dẫn, HS làm việc, trình bày và GV kết luận. Mục tiêu tích hợp: HS biết tra cứu thông tin từ nguồn tin cậy khi tìm hiểu tác giả, tác phẩm để giới thiệu sách. Cách tiến hành:	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: <i>Nêu công dụng của dấu gạch ngang trong mỗi trường hợp dưới đây.</i>	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

<p>LUYỆN TỪ VÀ CÂU</p> <p>LUYỆN TẬP VỀ DẤU GẠCH NGANG</p> <p>1. Nêu công dụng của dấu gạch ngang trong mỗi trường hợp dưới đây:</p> <p>a. Thấy Ngỏ Thi Sĩ nhà nghèo, lại hay mượn sách vào ban đêm, các bạn hỏi cậu lấy đèn dầu mà đọc. Cậu vui vẻ chỉ lên mặt trăng: — Đã có ngọn đèn lớn, ngọn đèn vĩnh cửu kia. (Theo Tuệ An)</p> <p>b. Việt Nam tự hào về Giáo sư Tạ Quang Bửu – nhà khoa học, nhà giáo dục đa tài, uyên bác. (Gia Huy)</p> <p>c. Theo hành trình Đại Tây Dương – Thái Bình Dương, đoàn thám hiểm đã thực hiện chuyến vòng quanh thế giới bằng đường biển. (Ngọc Quảng)</p> <p>d. Trong cuốn <i>Sống một đời tựa biển khơi</i>, các tác giả đã vẽ nên một đại dương với vô vàn sinh vật kì thú: — San hô có muôn hình muôn dạng — Cá hề và hải quỳ có màu sắc sặc sỡ — Tôm gõ mõ tạo ra bản hợp xướng vang động biển khơi,... (Theo Cao Sơn)</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày:</p> <p>a. Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp (— <i>Đã có ngọn đèn lớn, ngọn đèn vĩnh cửu kia.</i>)</p> <p>b. Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích (- <i>nhà khoa học, nhà giáo dục đa tài, uyên bác</i>).</p> <p>c. Dấu gạch ngang dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh (<i>Đại Tây Dương — Thái Bình Dương</i>).</p> <p>d. Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu chuỗi liệt kê.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Làm thế nào để phân biệt dấu gạch ngang đánh dấu lời nói trực tiếp và dấu gạch ngang đánh dấu ý liệt kê?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- GV nhận xét và chốt đáp án:</p> <p>a. Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp (— <i>Đã có ngọn đèn lớn, ngọn đèn vĩnh cửu kia.</i>)</p> <p>b. Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích (- <i>nhà khoa học, nhà giáo dục đa tài, uyên bác</i>).</p> <p>c. Dấu gạch ngang dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh (<i>Đại Tây Dương — Thái Bình Dương</i>).</p> <p>d. Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu chuỗi liệt kê.</p>	<p>- HS lắng nghe, đối chiếu và sửa bài vào vở.</p>
<p>- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: <i>Cần thêm dấu gạch ngang vào những vị trí nào trong đoạn văn dưới đây?</i></p>	<p>- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>

<p>2. Cần thêm dấu gạch ngang vào những vị trí nào trong đoạn văn dưới đây:</p> <p>Những trí tuệ vĩ đại bộ sách viết về một số nhà khoa học nổi tiếng thế giới gồm 5 cuốn. Các bạn nhỏ có thể tìm thấy nhiều thông tin thú vị trong mỗi cuốn sách nhỏ ấy: Tét-xla một kĩ sư điện người Mỹ đã phát minh ra dòng điện xoay chiều, Ma-ri Quy-ri người phụ nữ gốc Ba Lan đã khám phá ra chất phóng xạ,...</p> <p>(Theo Nguyễn Bảo Ngân)</p> <p>3. Viết 1 – 2 câu có sử dụng dấu gạch ngang với một trong những công dụng sau:</p> <p>a. Đánh dấu các ý liệt kê. b. Nối các từ ngữ trong một liên danh. c. Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm vở cá nhân rồi trao đổi nhóm 2.</p>	<p>- HS làm vở cá nhân rồi trao đổi nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: <i>Những trí tuệ vĩ đại — bộ sách viết về một số nhà khoa học nổi tiếng thế giới — gồm 5 cuốn. Các bạn nhỏ có thể tìm thấy nhiều thông tin thú vị trong mỗi cuốn sách nhỏ ấy: Tét-xla — một kĩ sư điện người Mỹ — đã phát minh ra dòng điện xoay chiều, Ma-ri Quy-ri — người phụ nữ gốc Ba Lan — đã khám phá ra chất phóng xạ,...</i></p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Vì sao ở đoạn văn này cần dùng dấu gạch ngang?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- GV nhận xét và thống nhất đáp án: <i>Những trí tuệ vĩ đại — bộ sách viết về một số nhà khoa học nổi tiếng thế giới — gồm 5 cuốn. Các bạn nhỏ có thể tìm thấy nhiều thông tin thú vị trong mỗi cuốn sách nhỏ ấy: Tét-xla — một kĩ sư điện người Mỹ — đã phát minh ra dòng điện xoay chiều, Ma-ri Quy-ri — người phụ nữ gốc Ba Lan — đã khám phá ra chất phóng xạ,...</i></p>	<p>- HS lắng nghe, đối chiếu và sửa bài vào vở.</p>
<p>- Bài 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: <i>Viết 1 - 2 câu có sử dụng dấu gạch ngang với một trong những công dụng sau.</i></p>	<p>- HS đọc bài 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm bài vào vở, sau đó chia sẻ nhóm 4.</p>	<p>- HS làm bài vào vở, sau đó chia sẻ nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày câu đã viết. VD: + Câu có dấu gạch ngang dùng để đánh dấu chuỗi liệt kê: <i>Đất nước ta tự hào có nhiều trạng nguyên trẻ tuổi, tài cao:</i> — <i>Nguyễn Hiền đỗ trạng nguyên khi mới 12 tuổi.</i> — <i>Mạc Đĩnh Chi được làm trạng nguyên của cả hai nước.</i> — <i>Lương Thế Vinh giỏi tính toán, biết kết hợp rất khéo giữa chơi và học,...</i> + Câu có dấu gạch ngang dùng để nối các từ</p>

	<p>ngữ trong một liên danh: Lương Thế Vinh và Quách Đình Bảo là hai người nổi tiếng vùng Sơn Nam (Thái Bình — Nam Định bây giờ) về thông minh, học giỏi.</p> <p>+ Câu có dấu gạch ngang dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích: Nghệ An tự hào là quê hương của Giáo sư Tạ Quang Bửu — người vinh danh cho trí tuệ Việt Nam.</p>
- GV hỏi mở rộng: Câu của em dùng dấu gạch ngang với công dụng nào?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
<p>- GV nhận xét, ghi nhận những câu viết phù hợp. VD:</p> <p>+ Câu có dấu gạch ngang dùng để đánh dấu chuỗi liệt kê: <i>Đất nước ta tự hào có nhiều trạng nguyên trẻ tuổi, tài cao:</i></p> <p>— Nguyễn Hiền đỗ trạng nguyên khi mới 12 tuổi.</p> <p>— Mạc Đĩnh Chi được làm trạng nguyên của cả hai nước.</p> <p>— Lương Thế Vinh giỏi tính toán, biết kết hợp rất khéo giữa chơi và học,...</p> <p>+ Câu có dấu gạch ngang dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh: Lương Thế Vinh và Quách Đình Bảo là hai người nổi tiếng vùng Sơn Nam (Thái Bình — Nam Định bây giờ) về thông minh, học giỏi.</p> <p>+ Câu có dấu gạch ngang dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích: Nghệ An tự hào là quê hương của Giáo sư Tạ Quang Bửu — người vinh danh cho trí tuệ Việt Nam.</p> <p>Giáo sư Trần Đại Nghĩa — “ông vua vũ khí” của Việt Nam — đã chế tạo đạn ba-dô-ca, các loại bom bay,... có sức công phá mạnh.</p>	- HS lắng nghe, đối chiếu và chỉnh sửa câu của mình.
<p>- GV tích hợp NLS: 1.2.CB2a - HS tra cứu thông tin về tác giả, tác phẩm từ nguồn tin cậy trước khi giới thiệu sách.:</p> <p>+ GV hướng dẫn HS chỉ tra cứu ở nguồn đáng tin cậy như website nhà xuất bản, thư viện, trang chính thống của trường hoặc tài liệu được GV giới thiệu.</p> <p>+ GV nhắc HS so sánh thông tin ở ít nhất 2 nguồn, không sao chép nguyên văn, biết ghi lại tên tác giả, tên sách và thông tin cần thiết.</p> <p>+ HS thực hành tìm nhanh thông tin về Tô Hoài hoặc <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i> dưới sự quan sát của GV, sau đó trình bày bằng lời của mình.</p>	<p>- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn.</p> <p>+ Liên hệ nội dung bài học với bản thân.</p> <p>+ Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp.</p> <p>+ Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.</p>
<p>3. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS vận dụng dấu gạch ngang khi viết câu giới thiệu sách.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	

- GV yêu cầu HS viết nhanh một câu giới thiệu sách có dùng dấu gạch ngang để chú thích hoặc giải thích.	- HS viết vào vở: <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i> - tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Tô Hoài - đem đến cho em nhiều bài học về tình bạn.
- GV gọi 1 - 2 HS đọc câu vừa viết; GV nhận xét cách dùng dấu gạch ngang.	- HS đọc câu, lớp nhận xét và sửa lỗi nếu có.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 23: GIỚI THIỆU SÁCH ĐỀ MÈN PHIÊU LƯU KÍ**TIẾT 3: VIẾT: VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT CÂU CHUYỆN****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện đã đọc, đã nghe theo yêu cầu của đề bài.
- Biết dựa vào các ý đã tìm được ở Bài 22 để sắp xếp ý, tóm tắt ngắn gọn câu chuyện và nêu điều yêu thích.
- Biết đọc soát, chỉnh sửa đoạn văn theo các tiêu chí trong SGK.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, chủ động thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh sản phẩm học tập theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, vận dụng vốn từ và trải nghiệm để nói, viết sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực viết bài, đọc soát và chỉnh sửa bài viết.
- Nhân ái: biết bày tỏ tình cảm, cảm xúc chân thành đối với nhân vật, câu chuyện.
- Trách nhiệm: viết bằng suy nghĩ của mình, không sao chép bài của người khác hoặc công cụ số.

4. Tích hợp

AI: 5.D1.1 - HS đóng vai người huấn luyện máy, thu thập từ ngữ miêu tả ngoại hình nhân vật làm dữ liệu.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; hình phần Viết được cắt đúng vị trí.
- Dàn ý/tìm ý đã chuẩn bị ở Bài 22; phiếu đọc soát đoạn văn.
- Máy tính, máy chiếu; bảng phụ ghi tiêu chí đọc soát và chỉnh sửa.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: Giúp HS nhớ lại yêu cầu viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV hỏi: Khi viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện, em cần chú ý những gì?	- HS nêu: Cần giới thiệu/tóm tắt câu chuyện, nêu điều em yêu thích, thể hiện tình cảm và sử dụng từ ngữ, câu văn gợi cảm xúc.
- GV nhận xét và giới thiệu tiết viết.	- HS chuẩn bị dàn ý/tìm ý đã làm ở Bài 22.
2. Luyện tập viết đoạn văn (25 phút) <i>Mục tiêu: HS viết đoạn văn theo đề bài, biết dùng ý đã chuẩn bị và thể hiện tình cảm, cảm xúc rõ ràng.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS hiểu vai trò của dữ liệu từ ngữ khi tìm hiểu/miêu tả nhân vật; biết AI chỉ hỗ trợ gợi ý, không viết thay cảm xúc cá nhân.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Dựa vào các ý đã tìm được trong hoạt động Viết ở Bài 22, viết đoạn văn theo yêu cầu của đề bài.	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

 <p>VIẾT</p> <p>VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT CÂU CHUYỆN</p> <p>Đề bài: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện em đã đọc, đã nghe.</p> <p>1. Dựa vào các ý đã tìm được trong hoạt động Viết ở Bài 22, viết đoạn văn theo yêu cầu của đề bài.</p> <p>2. Đọc soát và chỉnh sửa.</p> <p>Cách sắp xếp các ý trong đoạn văn</p> <p>Cách tóm tắt câu chuyện</p> <p>Cách nêu những điều em yêu thích ở câu chuyện</p> <p>Cách sử dụng từ ngữ, câu văn nêu tình cảm, cảm xúc</p> <p>Tìm đọc truyện <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i> của nhà văn Tô Hoài. Chia sẻ với người thân suy nghĩ của em về nhân vật Đế Mèn.</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm bài vào vở.</p>	<p>- HS làm bài vào vở; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: HS viết đoạn văn có đủ ý. Ví dụ:</p> <p>Câu chuyện <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i> để lại trong em nhiều cảm xúc đẹp. Em ấn tượng với hành trình trưởng thành của Đế Mèn. Ban đầu, chú còn kiêu căng nên gây ra lỗi lầm, nhưng sau đó chú biết hối hận, biết sống tốt bụng và trọng nghĩa. Em thích nhất bài học về tình bạn và cách cư xử với những người xung quanh. Câu chuyện giúp em hiểu rằng mỗi người cần biết nhận lỗi, sửa lỗi và đối xử nhân ái với bạn bè.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Đoạn văn của em đã nêu được cảm xúc riêng chưa?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- GV quan sát HS, giúp đỡ các em khi cần.</p>	<p>- HS hoàn thiện đoạn văn theo yêu cầu của đề bài.</p>
<p>- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Đọc soát và chỉnh sửa.</p>	<p>- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS đổi vở theo nhóm 2 để đọc soát.</p>	<p>- HS đổi vở theo nhóm 2 để đọc soát; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: HS đọc soát theo 4 tiêu chí:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cách sắp xếp các ý trong đoạn văn. + Cách tóm tắt câu chuyện. + Cách nêu những điều em yêu thích ở câu chuyện. + Cách sử dụng từ ngữ, câu văn nêu tình cảm, cảm xúc.
<p>- GV hỏi mở rộng: Khi góp ý bài của bạn, em cần nói thế nào?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- GV yêu cầu HS tự đọc đoạn văn để phát</p>	<p>- HS tự đọc đoạn văn, phát hiện lỗi và tự sửa</p>

hiện lỗi dựa vào các gợi ý trong SHS; GV yêu cầu HS tự sửa lỗi trong đoạn văn của mình (nếu có).	lỗi trong đoạn văn của mình.
<p>- GV tích hợp AI: 5.D1.1 - HS đóng vai người huấn luyện máy, thu thập từ ngữ miêu tả ngoại hình nhân vật làm dữ liệu.:</p> <p>+ GV giải thích: muốn máy/AI nhận diện hoặc gợi ý về nhân vật, con người phải cung cấp dữ liệu rõ ràng, đúng và phù hợp.</p> <p>+ GV hướng dẫn HS đóng vai người huấn luyện máy, thu thập từ ngữ miêu tả ngoại hình nhân vật Đế Mèn như: khỏe khoắn, đôi càng mẫm bóng, đôi cánh dài, dáng vẻ oai vệ,...</p> <p>+ GV nhắc HS chọn lọc từ ngữ phù hợp, không dùng AI để viết thay đoạn văn; cảm xúc trong bài viết phải là cảm xúc thật của chính HS.</p>	<p>- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn.</p> <p>+ Liên hệ nội dung bài học với bản thân.</p> <p>+ Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp.</p> <p>+ Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.</p>
<p>3. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút)</p> <p><i>Mục tiêu: HS chia sẻ với người thân suy nghĩ về nhân vật Đế Mèn.</i></p> <p><i>Cách tiến hành:</i></p>	
<p>- GV giao nhiệm vụ vận dụng trong SGK: Tìm đọc truyện <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i> của nhà văn Tô Hoài. Chia sẻ với người thân suy nghĩ của em về nhân vật Đế Mèn.</p>	<p>- HS ghi nhiệm vụ; có thể nói với người thân: Em nghĩ Đế Mèn là nhân vật biết trưởng thành sau lỗi lầm và có tình bạn đẹp.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 24: TINH THẦN HỌC TẬP CỦA NHÀ PHI-LÍT**TIẾT 1 - 2: ĐỌC: TINH THẦN HỌC TẬP CỦA NHÀ PHI-LÍT****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Đọc đúng và diễn cảm văn bản *Tinh thần học tập của nhà Phi-lít*; biết đọc lời kể và lời nhân vật với giọng phù hợp.
- Hiểu nghĩa một số từ khó; nhận biết được tinh thần học tập trong gia đình Phi-lít và lợi ích của phương pháp học tập ấy.
- Trả lời được câu hỏi đọc hiểu và làm được bài tập luyện tập theo văn bản đọc; biết liên hệ để điều chỉnh cách học của bản thân.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, chủ động thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh sản phẩm học tập theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, vận dụng vốn từ và trải nghiệm để nói, viết sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, tìm chi tiết và hoàn thành bài tập.
- Yêu thương: biết quan tâm, chia sẻ và thể hiện lòng biết ơn với người thân trong gia đình.
- Trách nhiệm: có ý thức tự học, học mỗi ngày và chia sẻ điều học được với người thân, bạn bè.

4. Tích hợp

Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Bồi dưỡng tình yêu gia đình, biết quan tâm, chia sẻ và thể hiện lòng biết ơn với người thân.

Quyền con người: Giáo dục quyền trẻ em được sống trong tình yêu thương, được chăm sóc và được lắng nghe trong gia đình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; tranh minh họa và văn bản *Tinh thần học tập của nhà Phi-lít*.
- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi; hình SGK được cắt đúng nội dung bài đọc, câu hỏi và bài tập.
- Phiếu học tập đọc hiểu; bảng phụ ghi từ khó, câu dài cần luyện đọc.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo tâm thế vào bài; giúp HS liên hệ người truyền cảm hứng học tập cho bản thân. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu khởi động trong SGK: Trong việc học, ai là người truyền cảm hứng cho em nhiều nhất?	- 1 HS đọc yêu cầu; cả lớp đọc thầm.



- GV hướng dẫn HS suy nghĩ về người đã khích lệ, giúp đỡ hoặc truyền cảm hứng học tập cho mình.

- GV cho HS trao đổi nhóm 2.

- GV gọi 2 - 3 HS trình bày trước lớp.

- GV dẫn dắt: Bài đọc hôm nay kể về tinh thần học tập trong gia đình Phi-lít và cách cha khơi gợi niềm ham học cho con.

- HS suy nghĩ: cha mẹ, thầy cô, anh chị, bạn bè hoặc một tấm gương tự học.

- HS trao đổi nhóm 2; nêu người truyền cảm hứng và lí do.

- HS trình bày cụ thể:
+ Người truyền cảm hứng cho em là mẹ vì mẹ luôn nhắc em đọc sách và hỏi em đã học được điều gì mới.
+ Người truyền cảm hứng cho em là cô giáo vì cô hướng dẫn em tự tìm cách giải bài tập.

- HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài đọc.

2. Khám phá: Hoạt động luyện đọc (20 phút)

Mục tiêu: HS đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản; biết đọc lời nhân vật, luyện từ khó, câu dài và hiểu nghĩa từ ngữ.

Cách tiến hành:

- GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, chú ý lời nhân vật: Giọng của người cha nghiêm khắc, giọng mẹ bông đùa, giọng Phi-lít hơi rụt rè). GV có thể mời một số HS đọc nối tiếp theo sự phân đoạn của GV.

- GV hướng dẫn đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: *chuyện trò, sống động*. GV nhắc HS: Đây cũng là những từ dễ viết sai chính tả.

- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm thể hiện cảm xúc của các nhân vật: bố, mẹ và Phi-lít.

- HS nghe GV đọc cả bài, theo dõi văn bản trong SGK và chú ý lời các nhân vật.

- HS luyện đọc từ khó; HS nêu một số từ khó cụ thể: *chuyện trò, sống động, Phi-lít, Nê-pan*.

- HS luyện đọc diễn cảm; chú ý giọng người cha nghiêm khắc, giọng mẹ bông đùa, giọng Phi-lít hơi rụt rè.

<ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 3 HS đọc nối tiếp trước lớp: + Đoạn 1: từ đầu đến <i>cách giáo dục của cha</i>. + Đoạn 2: tiếp theo đến <i>tìm xem Nê-pan ở đâu</i>. + Đoạn 3: phần còn lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - 3 HS đọc nối tiếp trước lớp; cả lớp lắng nghe, nhận xét.
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS làm việc nhóm 3: Mỗi HS đọc một đoạn, xen kẽ nhau cho đến hết; sau đó đổi đoạn để đọc lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc nhóm 3: mỗi HS đọc một đoạn, xen kẽ nhau cho đến hết; sau đó đổi đoạn để đọc lại.
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS làm việc cá nhân: đọc nhẩm toàn bài một lượt. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.
<ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp; GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> - 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp; HS lắng nghe GV nhận xét.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi HS có từ ngữ nào trong bài đọc mà chưa hiểu. GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển. VD: <i>giáo sư, vị trí địa lí, dân số,...</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu từ chưa hiểu: <i>giáo sư, vị trí địa lí, dân số</i>; HS lắng nghe GV giải nghĩa hoặc tra từ điển theo hướng dẫn.

3. Luyện tập: Hoạt động đọc hiểu (25 phút)

Mục tiêu: HS trả lời các câu hỏi đọc hiểu trong SGK; biết liên hệ với cách học của bản thân.

Mục tiêu tích hợp: HS cảm nhận tình yêu gia đình, biết quan tâm, chia sẻ; hiểu quyền trẻ em được sống trong tình yêu thương, được chăm sóc và được lắng nghe.

Cách tiến hành:

- Câu 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Ở đoạn mở đầu câu chuyện, Phi-lít được giới thiệu như thế nào?

- HS đọc câu 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

Cha Phi-lít luôn cho rằng, điều đáng buồn nhất là cả ngày không học được thứ gì. Vì vậy, để giữ gìn và phát huy tinh thần học tập cho cả gia đình, ông yêu cầu mỗi ngày ai cũng phải học được kiến thức mới, rồi trao đổi với nhau sau bữa tối. Chẳng hạn một hôm, như thường lệ, cha Phi-lít nói:

– Phi-lít, hãy cho cha biết hôm nay con học được gì mới.

– Con biết được dân số Nê-pan là bao nhiêu. – Phi-lít đáp.

– Dân số của Nê-pan à? Ừ, tốt lắm! – Cha cậu nói.

Sau đó, cha quay sang hỏi mẹ:

– Mẹ nó có biết dân số của Nê-pan là bao nhiêu không?

Mẹ cậu cười, hỏi lại:

– Nê-pan ư? Nó ở đâu nhỉ?

– Phi-lít! – Cha nói. – Con mang bản đồ thế giới ra đây, chúng ta cùng xem vị trí địa lí của Nê-pan nhé!

Tầm bản đồ được trải ra nền nhà. Cả nhà xúm lại tìm xem Nê-pan ở đâu.

Thời thơ ấu, Phi-lít chưa thấy được lợi ích của phương pháp học tập đó. Sau này, Phi-lít thi đỗ đại học. Cậu theo học một số vị giáo sư nổi tiếng. Điều khiến cậu thấy thú vị là có những kiến thức các giáo sư dạy khá giống với thứ cha từng yêu cầu cậu học, chỉ là phát triển hơn lên mà thôi.

(Theo Trương Cẩn)



1. Ở đoạn mở đầu của câu chuyện, Phi-lít được giới thiệu như thế nào?

Nội
sinh sống

Sở thích

Đặc điểm

2. Cha Phi-lít yêu cầu cả gia đình làm gì mỗi ngày? Vì sao?

3. Em có nhận xét gì về việc cả gia đình Phi-lít xúm lại xem bản đồ thế giới?

G:

Cả gia đình cùng học rất vui.

4. Phương pháp học tập của gia đình mang lại lợi ích gì cho Phi-lít?

5. Em muốn điều chỉnh những gì về cách học của mình sau khi đọc câu chuyện *Tinh thần học tập của nhà Phi-lít*?

- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.

- HS thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.

- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Phi-lít sinh ra trong một thị trấn nhỏ; sống cùng bố mẹ và anh trai, có sở thích là thích đọc sách, thích nắm bắt thông tin từ mọi người,...
- GV hỏi mở rộng: Em thấy cách giới thiệu nhân vật ở đoạn mở đầu có rõ không?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV và HS chốt đáp án: Phi-lít sinh ra trong một thị trấn nhỏ; sống cùng bố mẹ và anh trai, có sở thích là thích đọc sách, thích nắm bắt thông tin từ mọi người,... (HS có thể diễn đạt theo cách riêng của mình.)	- HS lắng nghe, đối chiếu và sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: <i>Cha Phi-lít yêu cầu cả gia đình làm gì mỗi ngày? Vì sao?</i>	- HS đọc câu 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 2.	- HS thảo luận nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Cha Phi-lít yêu cầu mỗi ngày, cả gia đình đều phải học được kiến thức mới, sau đó sẽ trao đổi vào sau bữa tối. Ông làm vậy bởi ông cho rằng điều đáng buồn nhất là cả ngày không học được gì, ông mong cả gia đình đều phát huy tinh thần học tập,...
- GV hỏi mở rộng: Gia đình em có thể học cùng nhau bằng cách nào?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV và cả lớp chốt đáp án: Cha Phi-lít yêu cầu mỗi ngày, cả gia đình đều phải học được kiến thức mới, sau đó sẽ trao đổi vào sau bữa tối. Ông làm vậy bởi ông cho rằng điều đáng buồn nhất là cả ngày không học được gì, ông mong cả gia đình đều phát huy tinh thần học tập,... (Ý thứ 2, HS có thể trả lời theo cách diễn đạt của riêng mình.)	- HS lắng nghe, đối chiếu và sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: <i>Em có nhận xét gì về việc cả gia đình Phi-lít xúm lại xem bản đồ thế giới?</i>	- HS đọc câu 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Cả gia đình Phi-lít đều rất quan tâm đến việc học, rất thích học,... Cách học của nhà Phi-lít cho thấy mọi kiến thức đều phải được kiểm tra, trao đổi, tìm hiểu thật kỹ lưỡng, cụ thể, tới ngọn nguồn,...
- GV hỏi mở rộng: Theo em, học bằng bản đồ, tranh ảnh có lợi gì?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV và HS cùng thống nhất đáp án. VD: Cả gia đình Phi-lít đều rất quan tâm đến việc học, rất thích học,... Cách học của nhà Phi-lít cho thấy mọi kiến thức đều phải được kiểm tra, trao đổi, tìm hiểu thật kỹ lưỡng, cụ thể, tới ngọn nguồn,...	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.

- Câu 4. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: <i>Phương pháp học tập của gia đình mang lại lợi ích gì cho Phi-lít?</i>	- HS đọc câu 4 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm vở cá nhân rồi trao đổi nhóm 2.	- HS làm vở cá nhân rồi trao đổi nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Phương pháp học tập của gia đình mang lại cho Phi-lít nhiều điều tốt đẹp: luôn hào hứng với việc học, thi đỗ đại học, khi học đại học cũng không cảm thấy ngỡ ngàng về phương pháp học tập ở một cấp học cao hơn.
- GV hỏi mở rộng: Điều gì cho thấy Phi-lít đã nhận ra lợi ích của phương pháp học tập đó?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV và HS nhận xét và cùng thống nhất đáp án. Đây là đáp án mở. Đáp án tham khảo: Phương pháp học tập của gia đình mang lại cho Phi-lít nhiều điều tốt đẹp: luôn hào hứng với việc học, thi đỗ đại học, khi học đại học cũng không cảm thấy ngỡ ngàng về phương pháp học tập ở một cấp học cao hơn.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 5. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: <i>Em muốn điều chỉnh những gì về cách học của mình sau khi đọc câu chuyện Tinh thần học tập của nhà Phi-lít?</i>	- HS đọc câu 5 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 2.	- HS thảo luận nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Em muốn tự tìm hiểu bài trước khi đến lớp, đọc sách nhiều hơn, ghi lại điều mới học mỗi ngày, hỏi người thân hoặc thầy cô khi chưa hiểu và chia sẻ kiến thức với bạn bè. HS có thể nêu ý kiến riêng một cách mạch lạc.
- GV hỏi mở rộng: Em sẽ bắt đầu từ việc làm cụ thể nào trong tuần này?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV ghi nhận những HS có kiến giải riêng và trình bày được ý kiến một cách mạch lạc. GV khích lệ để HS có thể trình bày ý kiến riêng của mình sao cho thật logic. GV khái quát câu trả lời từ các ý kiến của HS.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- GV tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và Quyền con người: + GV liên hệ gia đình Phi-lít để giáo dục HS biết yêu thương, lắng nghe và chia sẻ với người thân. + GV nhấn mạnh trẻ em có quyền được sống trong tình yêu thương, được chăm sóc, được lắng nghe và được khích lệ học tập trong gia đình. + GV hướng dẫn HS thể hiện lòng biết ơn bằng việc chăm chỉ học tập, chia sẻ điều học được với cha mẹ, ông bà, anh chị.	- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.

4. Luyện đọc lại (5 phút)

Mục tiêu: HS đọc diễn cảm câu chuyện, chú ý lời tác giả và lời nhân vật.

Cách tiến hành:

- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện: Làm việc chung cả lớp, HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp; GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm, đặc biệt chú ý lời tác giả và lời nhân vật, trong đó lời bố của Phi-lít có phần nghiêm khắc, còn lời của mẹ Phi-lít thì nhẹ nhàng, như bông đùa.

- HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp; cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm theo giọng nhân vật.

- GV cho HS làm việc cá nhân: Tự đọc toàn bài.

- HS làm việc cá nhân, tự đọc toàn bài.

5. Luyện tập theo văn bản đọc (15 phút)

Mục tiêu: HS luyện về đại từ xưng hô và thay thế; mở rộng vốn từ theo chủ điểm học tập.

Cách tiến hành:

- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: *Tìm đại từ xưng hô trong đoạn sau và cho biết chúng được dùng để chỉ ai.*



1. Tìm đại từ xưng hô trong đoạn sau và cho biết chúng được dùng để chỉ ai.

Phi-lít – Cha nói. – Con mang bản đồ thế giới ra đây, chúng ta cũng xem vị trí địa lí của Nê-pan nhé!

2. Chọn từ thích hợp thay cho bông hoa.

kiến thức

trí thức

trí nhớ

a. ● là người chuyên làm việc trí óc và có tri thức chuyên môn.

b. ● là những hiểu biết do tìm hiểu, học tập mà có được.

c. ● là khả năng giữ lại và tái hiện ra trong trí óc những điều đã biết, đã trải qua.

- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm bài cá nhân rồi trao đổi nhóm 2.

- HS làm bài cá nhân rồi trao đổi nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.

- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.

- HS trình bày: Đại từ xưng hô là *con* và *chúng ta*. Từ *con* dùng để chỉ Phi-lít, từ *chúng ta* dùng để chỉ Phi-lít và bố của mình.

- GV hỏi mở rộng: Vì sao “chúng ta” khác “chúng tôi”?

- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.

- GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp. Đáp án: Câu 1. Đại từ xưng hô là *con* và *chúng ta*. Từ *con* dùng để chỉ Phi-lít, từ *chúng ta* dùng để chỉ Phi-lít và bố của mình.

- HS lắng nghe, đối chiếu và sửa bài vào vở.

- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Chọn từ thích hợp thay cho bông hoa.

- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm bài vào vở.

- HS làm bài vào vở; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.

- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.

- HS trình bày:
a. *Trí thức*: người chuyên làm việc trí óc và có tri thức chuyên môn.
b. *Kiến thức*: những hiểu biết do tìm hiểu, học tập mà có được.
c. *Trí nhớ*: khả năng giữ lại và tái hiện ra trong trí óc

	những điều đã biết, đã trải qua.
- GV hỏi mở rộng: Em đặt một câu với từ “kiến thức”.	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp. Đáp án: Câu 2. Mở rộng vốn từ: Học tập a. <i>Trí thức</i> : người chuyên làm việc trí óc và có tri thức chuyên môn. b. <i>Kiến thức</i> : những hiểu biết do tìm hiểu, học tập mà có được. c. <i>Trí nhớ</i> : khả năng giữ lại và tái hiện ra trong trí óc những điều đã biết, đã trải qua.	- HS lắng nghe, đối chiếu và sửa bài vào vở.
5. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút) <i>Mục tiêu: HS liên hệ cách học của bản thân và gia đình.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS viết nhanh một việc em sẽ làm để học được điều mới mỗi ngày.	- HS viết: Em sẽ đọc trước bài mới 10 phút mỗi tối; em sẽ ghi lại một điều mới học được vào sổ tay.
- GV kết luận: Tinh thần học tập cần được rèn luyện hằng ngày; khi biết tự học và chia sẻ, chúng ta sẽ tiến bộ hơn.	- HS lắng nghe và ghi nhớ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 24: TINH THẦN HỌC TẬP CỦA NHÀ PHI-LÍT**TIẾT 3: VIẾT: ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT CÂU CHUYỆN****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Nghe được nhận xét chung về đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.
- Biết tự đọc lại bài viết, nhận xét ưu điểm và hạn chế trong bài theo các tiêu chí trong SGK.
- Biết trao đổi bài làm với bạn, học tập ưu điểm của bạn và viết lại một số câu văn cho hay hơn.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, chủ động thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh sản phẩm học tập theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, vận dụng vốn từ và trải nghiệm để nói, viết sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực đọc soát, chỉnh sửa và hoàn thiện bài viết.
- Nhân ái: biết góp ý cho bạn bằng lời lẽ lịch sự, tôn trọng cảm xúc của bạn.
- Trách nhiệm: tự chịu trách nhiệm về bài viết, chủ động sửa lỗi dùng từ, đặt câu và cách thể hiện cảm xúc.

4. Tích hợp

NLS: 2.2.CB2a - HS chia sẻ cảm nhận về câu chuyện trên Padlet lớp học, tôn trọng ý kiến khác biệt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; hình phần Đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn được cắt đúng vị trí.
- Bài viết của HS; phiếu nhận xét theo tiêu chí.
- Máy tính, máy chiếu; Padlet lớp học nếu có điều kiện triển khai.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: Giúp HS chuẩn bị tâm thế tiếp nhận nhận xét và chỉnh sửa bài viết.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV hỏi: Khi đọc bài viết của bạn, em cần góp ý như thế nào để bạn dễ tiếp thu?	- HS nêu: Góp ý nhẹ nhàng, nêu ưu điểm trước, chỉ rõ chỗ cần sửa và không chê bai bạn.
- GV nhận xét và dẫn vào hoạt động đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn.	- HS lấy bài viết, bút chì và phiếu đọc soát.
2. Luyện tập đánh giá, chỉnh sửa (28 phút) <i>Mục tiêu: HS thực hiện đúng các bước đánh giá, đọc soát, trao đổi và viết lại câu văn hay hơn.</i> Mục tiêu tích hợp: HS biết chia sẻ cảm nhận trên Padlet lớp học theo hướng dẫn, tôn trọng ý kiến khác biệt và phản hồi văn minh. <i>Cách tiến hành:</i>	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Nghe thầy cô giáo nhận xét chung.	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

 <p>VIẾT</p> <p>ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT CÂU CHUYỆN</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nghe thầy cô giáo nhận xét chung. 2. Đọc lại bài viết của em và nhận xét của thầy cô để biết ưu điểm và hạn chế trong bài. <p>Những điều yêu thích ở câu chuyện Cách thể hiện tình cảm, cảm xúc</p> <ol style="list-style-type: none"> 3. Trao đổi bài làm với bạn để học tập các ưu điểm của nhau. <p>Bài viết mạch lạc. Tình cảm, cảm xúc sâu sắc, chân thành. Câu văn hay, gây xúc động.</p> <ol style="list-style-type: none"> 4. Viết lại một số câu văn trong bài của em cho hay hơn. Có thể tham khảo các câu văn dưới đây: <p>Câu chuyện <i>Đề Mên</i> phiêu lưu kì mang đến cho tôi nhiều cảm xúc khó quên. Tôi đã lo lắng, đã hồi hộp, đã khóc, cười theo từng bước chân của chú đề. Gấp trang sách lại, tôi vẫn hình dung ra hình ảnh một chú <i>Đề Mên</i> vốn kiêu căng, thiếu chín chắn đã dần trưởng thành mỗi ngày.</p> <p>(Gia Bách)</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS lắng nghe và ghi nhanh điều cần lưu ý.</p>	<p>- HS lắng nghe và ghi nhanh điều cần lưu ý; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: HS lắng nghe nhận xét chung; biết những điểm cần phát huy, những điểm cần hoàn thiện.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Khi nghe nhận xét chung, em cần chú ý điều gì?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- GV nhận xét chung về bài viết của HS: nêu ưu, nhược điểm chung. GV gợi ý những điểm cần phát huy, những điểm cần hoàn thiện. GV khen ngợi, động viên những HS có bài làm tốt hoặc những HS có tiến bộ.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ ưu điểm cần phát huy và hạn chế cần hoàn thiện.</p>
<p>- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Đọc lại bài viết của em và nhận xét của thầy cô để biết ưu điểm và hạn chế trong bài.</p>	<p>- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân trên bài viết của mình.</p>	<p>- HS làm việc cá nhân trên bài viết của mình; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: HS tự đánh giá theo tiêu chí: những điều yêu thích ở câu chuyện; cách thể hiện tình cảm, cảm xúc; cách dùng từ, đặt câu; đoạn văn đã rõ ý, mạch lạc chưa.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Em sẽ đánh dấu chỗ cần sửa bằng cách nào?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- GV kết luận: Có thể gạch chân từ/câu cần sửa, ghi kí hiệu ở lề hoặc viết chú thích ngắn để sửa sau.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<p>- Bài 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Trao đổi bài làm với bạn để học tập các ưu điểm của nhau.</p>	<p>- HS đọc bài 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>

- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS trao đổi nhóm 2.	- HS trao đổi nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS góp ý cho bạn: bài viết mạch lạc; tình cảm, cảm xúc sâu sắc, chân thành; câu văn hay, gây xúc động; một số câu cần sửa cho rõ ý hơn.
- GV hỏi mở rộng: Khi bạn góp ý, em cần phản hồi thế nào?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV cho HS thực hiện yêu cầu trong SHS: Trao đổi bài làm với bạn để học tập các ưu điểm của nhau.	- HS trao đổi bài làm với bạn, học tập ưu điểm trong bài của bạn.
- Bài 4. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Viết lại một số câu văn trong bài của em cho hay hơn. Có thể tham khảo các câu văn dưới đây.	- HS đọc bài 4 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm vở cá nhân.	- HS làm vở cá nhân; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS sửa câu cho hay hơn. Ví dụ: Câu cũ: Em thích truyện <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i> . Câu sửa: Câu chuyện <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i> mang đến cho em nhiều cảm xúc khó quên về hành trình trưởng thành của chú Đế Mèn. Câu cũ: Em thấy Đế Mèn tốt. Câu sửa: Em cảm phục Đế Mèn vì chú đã biết hối hận, sửa lỗi và sống tốt bụng hơn.
- GV hỏi mở rộng: Câu sau khi sửa hay hơn ở điểm nào?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV cho HS làm việc theo nhóm với nhiệm vụ: đọc đoạn văn tham khảo; phân tích cái hay trong cách diễn đạt của tác giả. HS tự viết lại một số câu văn của mình cho hay hơn.	- HS đọc đoạn văn tham khảo, phân tích cái hay trong cách diễn đạt và tự viết lại một số câu văn của mình cho hay hơn.
- GV tích hợp NLS: 2.2.CB2a - HS chia sẻ cảm nhận về câu chuyện trên Padlet lớp học, tôn trọng ý kiến khác biệt. + GV hướng dẫn HS đăng 2 - 3 câu cảm nhận ngắn về câu chuyện đã đọc lên Padlet lớp học theo đúng yêu cầu. + GV nhắc HS không đăng thông tin cá nhân nhạy cảm, không bình luận chê bai, không sao chép bài của bạn. + HS đọc cảm nhận của bạn, bấm thích hoặc phản hồi bằng lời lịch sự, biết tôn trọng ý kiến khác biệt.	- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.

3. Vận dụng - Trải nghiệm (5 phút)

Mục tiêu: HS hoàn thiện bài viết sau khi được góp ý.

Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS về nhà viết lại đoạn văn hoàn chỉnh sau khi đã chỉnh sửa một số câu.

- HS ghi nhiệm vụ, chuẩn bị hoàn thiện đoạn văn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 24: TINH THẦN HỌC TẬP CỦA NHÀ PHI-LÍT**TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE: LỢI ÍCH CỦA TỰ HỌC****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Biết thảo luận về yêu cầu: *Việc tự học đem đến cho chúng ta những lợi ích gì?*
- Biết chuẩn bị ý kiến, nêu cách hiểu về tự học, trình bày lợi ích của tự học và lấy ví dụ về tấm gương tự học.
- Biết lắng nghe, nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận và chia sẻ cách tự học của bản thân.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, chủ động thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh sản phẩm học tập theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, vận dụng vốn từ và trải nghiệm để nói, viết sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực chuẩn bị ý kiến, tham gia thảo luận và ghi chép nội dung cần thiết.
- Trách nhiệm: có ý thức tự học, tự tìm tài liệu và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Nhân ái: biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của bạn và khích lệ bạn trong thảo luận.

4. Tích hợp

Quyền con người: Rèn quyền được bày tỏ ý kiến, biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến khác biệt khi trao đổi về lợi ích của tự học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK Tiếng Việt 5, tập một; hình phần Nói và nghe được cắt đúng vị trí.
- Phiếu thảo luận nhóm, bút dạ; bảng tiêu chí đánh giá thảo luận.
- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo không khí thảo luận; giúp HS hiểu chủ đề lợi ích của tự học. Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Theo em, tự học là gì?	- HS trả lời: Tự học là tự tìm hiểu kiến thức cần thiết cho mình, có thể không có sự hướng dẫn trực tiếp của người khác.
- GV giới thiệu yêu cầu thảo luận: <i>Việc tự học đem đến cho chúng ta những lợi ích gì?</i>	- HS lắng nghe, mở SGK phần Nói và nghe.

NỘI VÀ NGHE

LỢI ÍCH CỦA TỰ HỌC

Yêu cầu: Thảo luận "Việc tự học đem đến cho chúng ta những lợi ích gì?".

1. Chuẩn bị.

- Trả lời câu hỏi: Thế nào là tự học?
- Tìm hiểu những tấm gương tự học và thành công nhờ tự học.
- Ghi chép những ý kiến dự định phát biểu.

2. Thảo luận.

a. Nêu cách hiểu về tự học.

Là quá trình tự tìm hiểu các kiến thức cần thiết cho mình.

Không có sự hướng dẫn của người khác.

b. Trình bày lợi ích của tự học.

Giúp có thêm nhiều kiến thức mới mẻ, bổ ích.

Rèn được phẩm chất chăm chỉ, sáng tạo.

c. Lấy ví dụ về những tấm gương tự học (Mạc Đĩnh Chi, Lương Thế Vinh, Tạ Quang Bửu,...).

d. Chia sẻ cách tự học hiệu quả.

Tự tìm kiếm tài liệu học tập qua sách vở, in-tơ-nét,...

Tự tìm hiểu bài trước khi đến lớp.

3. Đánh giá.

Kết quả thảo luận

Người thảo luận tích cực

Ý kiến hay nhất

Chia sẻ với người thân về cách tự học của em.

2. Chuẩn bị (8 phút)

Mục tiêu: HS chuẩn bị ý kiến theo gợi ý trong SGK trước khi thảo luận.

Cách tiến hành:

- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Chuẩn bị.	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân, ghi ý ra nháp.	- HS làm việc cá nhân, ghi ý ra nháp; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS chuẩn bị: + Trả lời câu hỏi: Thế nào là tự học? + Tìm hiểu những tấm gương tự học và thành công nhờ tự học. + Ghi chép những ý kiến dự định phát biểu.
- GV hỏi mở rộng: Vì sao cần chuẩn bị trước khi thảo luận?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Chuẩn bị trước giúp ý kiến rõ ràng, có dẫn chứng và thảo luận hiệu quả hơn.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.

3. Thảo luận (22 phút)

Mục tiêu: HS thảo luận theo gợi ý trong SGK, biết nêu ý kiến, dẫn chứng và lắng nghe bạn.

Mục tiêu tích hợp: HS được bày tỏ ý kiến, biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến khác biệt trong trao đổi.

Cách tiến hành:

- Bài 2a. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Nêu cách hiểu về tự học.	- HS đọc bài 2a và xác định yêu cầu cần thực hiện.
---	--

- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Tự học là quá trình tự tìm hiểu các kiến thức cần thiết cho mình; tự học có thể diễn ra khi không có sự hướng dẫn trực tiếp của người khác.
- GV hỏi mở rộng: Tự học có phải là học một mình hoàn toàn không?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV và lớp nhận xét, góp ý. GV ghi nhận những ý kiến hợp lí. VD: Tự học là quá trình tự tìm hiểu các kiến thức cần thiết cho mình; là học tập mà không có sự hướng dẫn của người khác; là tự giác học tập, không ai phải nhắc nhở; tự học không có nghĩa là học một mình, vẫn có thể học theo nhóm,...	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Bài 2b. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Trình bày lợi ích của tự học.	- HS đọc bài 2b và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Tự học giúp có thêm nhiều kiến thức mới mẻ, bổ ích; rèn được phẩm chất chăm chỉ, sáng tạo; giúp người học chủ động, tự tin và tiến bộ hơn.
- GV hỏi mở rộng: Lợi ích nào của tự học quan trọng nhất với em?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV và lớp nhận xét, góp ý. GV ghi nhận những ý kiến hợp lí. VD: Tự học giúp chúng ta có thêm nhiều kiến thức mới mẻ, bổ ích; rèn được nhiều phẩm chất tốt: chăm chỉ, sáng tạo, kiên trì,...; dễ dàng vượt qua mọi khó khăn; học tập đạt kết quả cao hơn; ngày càng hứng thú học tập,...	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Bài 2c. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Lấy ví dụ về những tấm gương tự học.	- HS đọc bài 2c và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 6.	- HS thảo luận nhóm 6; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS nêu ví dụ: Mạc Đĩnh Chi, Lương Thế Vinh, Tạ Quang Bửu hoặc những người xung quanh biết tự học và thành công.
- GV hỏi mở rộng: Khi nêu tấm gương, em cần nói rõ điều gì?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV và lớp nhận xét, góp ý. GV ghi nhận	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời

những ý kiến hợp lí. VD: <i>Những tấm gương tự học</i> : Mạc Đĩnh Chi, vì nhà nghèo, thường ghé đến lớp học của thầy đồ trong làng và đứng ngoài cửa sổ nghe thầy giảng bài. Không có đèn dầu để học, ông bắt đom đóm bỏ vào vỏ trứng lấy ánh sáng làm đèn. Ông được phong “Lưỡng quốc Trạng nguyên”; Lương Thế Vinh, với tư chất thông minh cùng tinh thần tự tìm tòi, học hỏi, đã nổi tiếng uyên bác ngay từ thời tuổi trẻ.	vào vở.
- Bài 2d. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Chia sẻ cách tự học hiệu quả.	- HS đọc bài 2d và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS chia sẻ: tự tìm kiếm tài liệu học tập qua sách vở, in-tơ-nét; tự tìm hiểu bài trước khi đến lớp; lập thời gian biểu; ghi chép điều chưa hiểu; hỏi thầy cô, bạn bè khi cần.
- GV hỏi mở rộng: Cách tự học nào em sẽ áp dụng ngay?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV và lớp nhận xét, góp ý. GV ghi nhận những ý kiến hợp lí. VD: Những cách tự học hiệu quả: tự tìm kiếm tài liệu học tập qua sách vở, internet,...; tự đọc sách; tự tìm hiểu bài học trước khi đến lớp; tích cực trao đổi với thầy cô, bạn bè về kiến thức mới hoặc những điều còn thắc mắc; ghi chép lại nội dung quan trọng; thường xuyên củng cố những điều đã học,...	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- GV tích hợp Quyền con người : + GV tạo cơ hội cho mọi HS trong nhóm được phát biểu, không chỉ gọi một vài bạn nói nhiều. + GV nhắc HS khi nghe ý kiến khác mình phải tôn trọng, không cắt lời, không cười chê. + GV hướng dẫn HS phản hồi bằng câu lịch sự: “Mình đồng ý vì...”, “Mình có thêm ý kiến...”, “Theo mình có thể bổ sung...”.	- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.
4. Đánh giá (7 phút) Mục tiêu: HS đánh giá kết quả thảo luận theo tiêu chí trong SGK. Cách tiến hành:	
- Bài 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Đánh giá.	- HS đọc bài 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc nhóm 4.	- HS làm việc nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.

- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS đánh giá theo các tiêu chí: kết quả thảo luận; người thảo luận tích cực; ý kiến hay nhất; điều nhóm cần bổ sung hoặc rút kinh nghiệm.
- GV hỏi mở rộng: Vì sao cần đánh giá sau thảo luận?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV đánh giá kết quả thảo luận; giới thiệu thêm những tấm gương tự học và thành công nhờ tự học để HS cùng nghe. HS bình chọn người tham gia thảo luận tích cực nhất, có ý kiến hay nhất, trình bày thuyết phục nhất,...	- HS bình chọn người tham gia thảo luận tích cực nhất, có ý kiến hay nhất, trình bày thuyết phục nhất,...
5. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút) <i>Mục tiêu: HS chia sẻ cách tự học của mình với người thân.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV giao nhiệm vụ vận dụng trong SGK: Chia sẻ với người thân về cách tự học của em.	- HS ghi nhiệm vụ và thực hiện ở nhà.
- GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của bài học: Đọc - hiểu: Phương pháp học tập của nhà Phi-lít. Viết: Đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện. Nói và nghe: <i>Lợi ích của tự học.</i> - GV hỏi HS thấy nhớ nhất, hiểu nhất nội dung nào của bài học. GV nhận xét kết quả học tập của HS. Dẫn dò HS đọc trước Bài 25.	- HS nhắc lại nội dung chính của bài học; chia sẻ nội dung nhớ nhất, hiểu nhất và lắng nghe GV dẫn dò.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT 5 CHỦ ĐIỂM: NGHỆ THUẬT MUÔN MÀU TUẦN 14

BÀI 25: TIẾNG ĐÀN BA-LA-LAI-CA TRÊN SÔNG ĐÀ TIẾT 1: ĐỌC: TIẾNG ĐÀN BA-LA-LAI-CA TRÊN SÔNG ĐÀ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà; biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ, giọng thể hiện được niềm xúc động của tác giả khi nghe tiếng đàn.
- Nhận biết được từ ngữ và hình ảnh thơ giàu sức gợi tả; cảm nhận được tiếng đàn ba-la-lai-ca gợi lên những cung bậc âm thanh và hình ảnh của cuộc sống.
- Hiểu được một trong những ý nghĩa sâu sắc của bài thơ: nghệ thuật, âm nhạc mang đến cảm xúc, niềm vui sống cho con người.
- Biết học thuộc lòng đoạn thơ theo yêu cầu; chia sẻ cảm xúc trước vẻ đẹp của thơ ca, âm nhạc và tình hữu nghị.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, chủ động thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh sản phẩm học tập theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, vận dụng vốn từ và trải nghiệm để nói, viết sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào về lao động xây dựng đất nước, trân trọng tình hữu nghị và tinh thần cống hiến của con người Việt Nam.

- Nhân ái: biết đồng cảm với niềm vui lao động, trân trọng sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế.

- Trách nhiệm: biết sử dụng điện, nước tiết kiệm và có ý thức bảo vệ dòng sông, môi trường sống.

4. Tích hợp

Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục niềm tự hào về lao động xây dựng đất nước và tinh thần cống hiến của con người Việt Nam.

Tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: Liên hệ sông Đà, thủy điện và trách nhiệm bảo vệ dòng sông, sử dụng điện - nước tiết kiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh minh họa bài thơ Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà; hình SGK được cắt và chèn đúng vị trí.

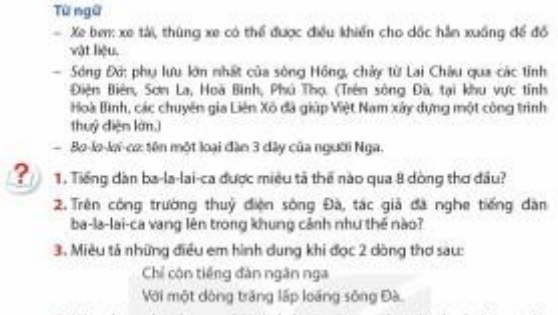
- Tư liệu, tranh ảnh về công trường thủy điện sông Đà và Nhà máy Thủy điện Hòa Bình.

- Máy chiếu hoặc màn hình; phiếu học tập cho hoạt động đọc hiểu; bảng phụ ghi đoạn thơ cần luyện đọc.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: HS có hứng thú vào bài, biết trao đổi về ý nghĩa của âm nhạc đối với cuộc sống con người.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu khởi động trong SGK: Trao đổi với bạn về ý nghĩa của âm nhạc đối với cuộc sống con người.	- HS đọc yêu cầu khởi động và xác định nội dung cần trao đổi.
- GV cho HS trao đổi nhóm 2 về một bài hát, một bản nhạc hoặc một nhạc cụ mà em yêu thích.	- HS trao đổi nhóm 2: âm nhạc giúp con người vui vẻ, thư giãn, yêu đời, gắn kết mọi người và làm cuộc sống đẹp hơn.
- GV gọi 2 - 3 HS trình bày trước lớp; GV nhận xét, dẫn vào bài thơ.	- HS trình bày: Em thích âm nhạc vì âm nhạc làm em thấy vui, giúp em giảm căng thẳng và cảm nhận được vẻ đẹp của cuộc sống.
- GV giới thiệu bài: <i>Bài thơ Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà thể hiện niềm xúc động của tác giả khi cảm nhận vẻ đẹp của âm thanh tiếng đàn ba-la-lai-ca, một nhạc cụ dân gian của nước Nga. Tiếng đàn như nói hộ tình hữu nghị của những người Việt Nam và các chuyên gia Liên Xô.</i>	- HS lắng nghe, quan sát tranh minh họa và chuẩn bị vào bài đọc.
2. Khám phá: Đọc văn bản (15 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc đúng, đọc diễn cảm bài thơ; biết chia đoạn, luyện đọc từ khó, câu thơ cần nhấn giọng và hiểu nghĩa một số từ ngữ.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS quan sát bài đọc và tranh minh họa trong SGK.	- HS quan sát bài đọc, tranh minh họa và nhận biết bài thơ viết về tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà.

<p>Tuần 14</p> <p>Bài 25 TIẾNG ĐÀN BA-LA-LAI-CA TRÊN SÔNG ĐÀ</p> <p>ĐỌC</p> <p>Trào đổi với bạn về ý nghĩa của âm nhạc đối với cuộc sống con người.</p> <p>TIẾNG ĐÀN BA-LA-LAI-CA TRÊN SÔNG ĐÀ (Trích)</p> <p>Tiếng đàn ba-la-lai-ca Như ngọn gió bình yên Thổi qua rừng bạch dương dịu dặt... Tiếng đàn ba-la-lai-ca Như ngọn sóng Vỗ trắng phau ghềnh đá Nghe náo nức Những dòng sông nóng lòng tìm biển cả... Trên sông Đà Một đêm trăng chơi vơi Tôi đã nghe tiếng ba-la-lai-ca như thế Một cô gái Nga mái tóc màu hạt dẻ Ngón tay đàn trên những sợi dây đồng. Lúc ấy Cả công trường say ngủ cạnh dòng sông Những tháp khoan nhỏ lên trời ngắm nghì Những xe ô, xe ben sông vai nhau nằm nghỉ Chỉ còn tiếng đàn ngân nga Với một dòng trăng lấp lánh sông Đà.</p> <p>Ngày mai Chiếc đập lớn nổi lên hai khối núi Biển sẽ nằm bờ ngõ giữa cao nguyên Sông Đà gửi ánh sáng đi muôn ngả Từ công trình thủy điện lớn đầu tiên. (Quang Huy)</p>  <p>122</p>	
<p>- GV đọc cả bài, đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả những cung bậc của tiếng đàn, những hình ảnh đẹp của thiên nhiên.</p>	<p>- HS nghe GV đọc mẫu, theo dõi bài thơ trong SGK.</p>
<p>- GV mời 3 HS đọc nối tiếp các đoạn: + Đoạn 1: Từ đầu đến nóng lòng tìm biển cả. + Đoạn 2: Tiếp theo đến lấp lánh sông Đà. + Đoạn 3: Còn lại.</p>	<p>- 3 HS đọc nối tiếp các đoạn thơ theo hướng dẫn; cả lớp theo dõi.</p>
<p>- GV hướng dẫn đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: ba-la-lai-ca, nghe náo nức, nóng lòng tìm biển cả, lấp lánh, ghềnh đá, bạch dương.</p>	<p>- HS luyện đọc từ khó: ba-la-lai-ca, náo nức, ghềnh đá, bạch dương, lấp lánh; sửa lỗi phát âm theo hướng dẫn.</p>
<p>- GV hướng dẫn đọc diễn cảm thể hiện cảm xúc của tác giả khi cảm nhận những cung bậc của tiếng đàn, sự hòa quyện giữa tiếng đàn với cảnh sắc đêm trăng và cảm xúc của con người.</p>	<p>- HS luyện đọc diễn cảm, biết nhấn giọng ở các từ ngữ gợi tả âm thanh và hình ảnh thơ.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS nhấn giọng ở một số dòng thơ: Tiếng đàn ba-la-lai-ca / Như ngọn gió bình yên / Thổi qua rừng bạch dương dịu dặt...</p>	<p>- HS đọc lại các dòng thơ, thể hiện âm thanh dịu dặt, trong trẻo của tiếng đàn.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS nhấn giọng ở các dòng thơ: Tiếng đàn ba-la-lai-ca / Như ngọn sóng / Vỗ trắng phau ghềnh đá / Nghe náo nức / Những dòng sông nóng lòng tìm biển cả...</p>	<p>- HS đọc, chú ý giọng đọc náo nức, gợi nhịp sóng và tiếng đàn vang xa.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 3, đọc</p>	<p>- HS làm việc nhóm 3; mỗi em đọc một</p>

nối tiếp các đoạn thơ.	đoạn, góp ý cho bạn về phát âm, ngắt nghỉ, nhấn giọng.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thầm toàn bài.	- HS đọc thầm toàn bài, chuẩn bị trả lời câu hỏi đọc hiểu.
- GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.	- HS lắng nghe nhận xét, tự điều chỉnh cách đọc.
- GV hướng dẫn HS đọc phần Từ ngữ và nêu một số từ khó. GV giải nghĩa thêm: cao nguyên là vùng đất rộng và cao, xung quanh có sườn dốc, bề mặt bằng phẳng hoặc lượn sóng; trắng chơi vơi là trắng một mình sáng tỏ giữa cảnh trời nước bao la.	- HS nêu từ khó: xe ben, Sông Đà, ba-la-lai-ca, cao nguyên, trắng chơi vơi; lắng nghe GV giải nghĩa và ghi nhớ.
3. Luyện tập: Trả lời câu hỏi (15 phút) <i>Mục tiêu: HS trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu, cảm nhận âm thanh tiếng đàn và vẽ đẹp đêm trăng trên công trường thủy điện sông Đà.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết tự hào về lao động xây dựng đất nước và tinh thần cống hiến của con người Việt Nam.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- Câu 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Tiếng đàn ba-la-lai-ca được miêu tả thế nào qua 8 dòng thơ đầu? 	- HS đọc câu 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 2.	- HS thảo luận nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Tiếng đàn ba-la-lai-ca được miêu tả như ngọn gió bình yên thổi qua rừng bạch dương dịu dặt; như ngọn sóng vỗ trắng phau ghềnh đá, nghe náo nức những dòng sông nóng lòng tìm biển cả. Âm thanh của tiếng đàn gọi tiếng gió, tiếng sóng, khi dịu dặt, khoan thai, khi náo nức, dồn dập.
- GV hỏi mở rộng: Em thích hình ảnh so sánh nào nhất? Vì sao?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Tiếng đàn ba-la-lai-ca làm hiện lên những hình ảnh, âm thanh của cuộc sống; những cung bậc âm thanh trầm bổng, khi dịu dặt, khoan thai, khi náo nức, dồn dập.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong	- HS đọc câu 2 và xác định yêu cầu cần thực

SGK: Trên công trường thủy điện sông Đà, tác giả đã nghe tiếng đàn ba-la-lai-ca vang lên trong khung cảnh như thế nào?	hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- <i>HS trình bày: Tác giả nghe tiếng đàn trong một đêm trăng chơi vui trên công trường thủy điện sông Đà. Cả công trường say ngủ cạnh dòng sông; những tháp khoan nhô lên trời ngâm ngẫm; những xe ủi, xe ben sóng vai nhau nằm nghỉ; dòng sông Đà lấp lánh dưới trăng.</i>
- GV hỏi mở rộng: Vì sao trong khung cảnh ấy, tiếng đàn được cảm nhận rõ hơn?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- <i>GV kết luận: Trong thời gian, không gian ấy, tác giả cảm nhận rõ hơn tiếng đàn ba-la-lai-ca bởi vì không gian trở nên yên ắng, tĩnh mịch; mọi vật dường như giấu mình trong bóng đêm, chỉ còn tiếng đàn và ánh trăng quyện vào dòng sông.</i>	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Miêu tả những điều em hình dung khi đọc 2 dòng thơ: Chỉ còn tiếng đàn ngân nga / Với một dòng trăng lấp lánh sông Đà.	- HS đọc câu 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm vở, sau đó trao đổi nhóm 2.	- HS làm vở, sau đó trao đổi nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- <i>HS trình bày: Em hình dung bốn bề yên tĩnh, tất cả như lặng yên để lắng nghe tiếng đàn ba-la-lai-ca. Tiếng đàn vang lên, ngân nga, tỏa lan menh mông cùng với dòng sông như một dòng trăng lấp lánh trong đêm.</i>
- GV hỏi mở rộng: Âm thanh và ánh sáng trong hai dòng thơ hòa quyện với nhau như thế nào?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- <i>GV kết luận: Âm thanh của tiếng đàn như quyện hòa với ánh sáng của dòng trăng, tạo nên vẻ đẹp huyền ảo, thơ mộng.</i>	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 4. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh cô gái Nga chơi đàn ba-la-lai-ca trên công trường thủy điện sông Đà.	- HS đọc câu 4 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.

- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Hình ảnh cô gái Nga chơi đàn ba-la-lai-ca trên công trường thủy điện sông Đà rất đẹp và xúc động. Cô gái đến từ đất nước xa xôi, cùng những chuyên gia Liên Xô giúp Việt Nam xây dựng nhà máy thủy điện. Tiếng đàn của cô gợi tình hữu nghị tốt đẹp và tương lai tươi sáng.
- GV hỏi mở rộng: Nhà thơ muốn nói điều gì qua khổ thơ cuối?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Tiếng đàn ba-la-lai-ca của cô gái Nga như giúp chúng ta cảm nhận được tình hữu nghị tốt đẹp và tương lai đang rộng mở.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- GV tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: + Qua hình ảnh công trường thủy điện sông Đà, GV giúp HS nhận ra vẻ đẹp của những con người lao động xây dựng đất nước. + HS hiểu rằng sự cống hiến thầm lặng của kĩ sư, công nhân và bạn bè quốc tế đã góp phần làm cuộc sống tươi sáng hơn. + HS bày tỏ niềm tự hào, biết trân trọng thành quả lao động và tình hữu nghị giữa các dân tộc.	- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.
4. Vận dụng: Học thuộc lòng bài thơ (5 phút) Mục tiêu: HS luyện đọc diễn cảm và bước đầu học thuộc lòng đoạn thơ từ đầu đến lấp lánh sông Đà. Mục tiêu tích hợp: HS liên hệ trách nhiệm bảo vệ dòng sông, sử dụng điện - nước tiết kiệm. Cách tiến hành:	
- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài thơ.	- HS luyện đọc diễn cảm bài thơ.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, tự đọc thuộc lòng đoạn thơ từ đầu đến lấp lánh sông Đà.	- HS tự đọc thuộc lòng đoạn thơ theo yêu cầu.
- GV khích lệ HS xung phong đọc thuộc lòng những đoạn thơ đã thuộc trong nhóm hoặc trước lớp.	- HS xung phong đọc thuộc lòng; các bạn nhận xét, động viên.
- GV tích hợp Tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: + GV liên hệ sông Đà, thủy điện và vai trò của dòng sông đối với đời sống con người. + HS hiểu cần bảo vệ dòng sông, không xả rác xuống sông, ao hồ, kênh rạch. + HS nêu việc làm cụ thể: tiết kiệm điện, tiết kiệm nước, khóa vòi nước sau khi dùng, nhắc người thân sử dụng điện - nước hợp lí.	- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 25: TIẾNG ĐÀN BA-LA-LAI-CA TRÊN SÔNG ĐÀ
TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: BIỆN PHÁP ĐIỆP TỪ, ĐIỆP NGỮ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nhận biết được biện pháp điệp từ, điệp ngữ và tác dụng của việc sử dụng điệp từ, điệp ngữ trong câu thơ, đoạn văn.
- Xác định được từ ngữ được lặp lại trong bài ca dao, câu tục ngữ, đoạn thơ, đoạn văn.
- Biết nêu tác dụng của việc lặp lại từ ngữ trong một số ngữ cảnh cụ thể.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, chủ động thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh sản phẩm học tập theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, vận dụng vốn từ và trải nghiệm để nói, viết sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực đọc ngữ liệu, làm bài và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trung thực: trình bày đúng kết quả tìm được, biết sửa lỗi sau khi nghe góp ý.
- Trách nhiệm: hợp tác trong nhóm, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của bạn.

4. Tích hợp

NLS: 5.2.CB2a - HS nghe âm thanh nhạc cụ bằng học liệu số, chọn phương tiện phù hợp để cảm nhận bài thơ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Hình bài tập trong SGK được cắt đúng nội dung và chèn đúng vị trí.
- Phiếu học tập nhóm; bảng phụ ghi khái niệm Ghi nhớ.
- Máy chiếu, loa hoặc thiết bị nghe âm thanh nhạc cụ bằng học liệu số.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 phút) <i>Mục tiêu: HS nhớ lại bài thơ và nhận biết hiện tượng lặp từ ngữ trong lời nói, câu thơ.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS đọc lại một số dòng thơ có lặp cụm từ Tiếng đàn ba-la-lai-ca.	- HS đọc lại các dòng thơ và nhận xét: cụm từ Tiếng đàn ba-la-lai-ca được lặp lại.
- GV dẫn vào bài: Việc lặp lại từ ngữ có thể tạo nhịp điệu và nhấn mạnh nội dung được nói đến. Hôm nay, các em tìm hiểu biện pháp điệp từ, điệp ngữ.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học.
2. Khám phá: Hình thành kiến thức (17 phút) <i>Mục tiêu: HS nhận biết từ ngữ được lặp lại và nêu được tác dụng của biện pháp điệp từ, điệp ngữ.</i> Mục tiêu tích hợp: HS biết nghe âm thanh nhạc cụ bằng học liệu số và chọn phương tiện phù hợp để cảm nhận bài thơ. <i>Cách tiến hành:</i>	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Đọc bài ca dao trong SGK và trả lời câu hỏi.	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

<p>4. Nếu cảm nghĩ của em về hình ảnh cô gái Nga chơi đàn ba-la-lai-ca trên công trường thủy điện sông Đà.</p> <p>* Học thuộc lòng đoạn thơ từ đầu đến lập lòng sông Đà.</p> <p>LUYỆN TỪ VÀ CÂU</p> <p>BIỆN PHÁP điệp từ, điệp ngữ</p> <p>1. Đọc bài ca dao dưới đây và trả lời câu hỏi.</p> <p>Người ta đi cấy lấy công Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề Trông trời, trông đất, trông mây Trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm Trông cho chân cứng đá mềm Trời yên, biển lặng mới yên tấm lòng.</p> <p>a. Từ trông được lặp lại mấy lần? b. Theo em, việc lặp lại đó có tác dụng gì?</p> <p>G: Nhấn mạnh người nông dân có nhiều nỗi lo về công việc đồng áng.</p> 	
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 2.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: a. Từ trông được lặp lại 9 lần. b. Việc lặp lại từ trông nhấn mạnh niềm ước mong có được sự thuận lợi trong công việc đồng áng của người nông dân; nhấn mạnh niềm hi vọng vào một mùa bội thu, niềm mong mỏi vào cuộc sống bình yên và ấm no.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Từ trông trong bài ca dao còn gợi cho em thấy người nông dân có tâm trạng như thế nào?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- GV kết luận: Việc lặp lại từ trông giúp nhấn mạnh nỗi lo, niềm mong mỏi và hi vọng của người nông dân.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<p>- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Từ nào được lặp lại trong câu tục ngữ Học ăn, học nói, học gói, học mở? Việc lặp lại từ đó có tác dụng gì?</p>	<p>- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>

<p>2. Từ nào được lặp lại trong câu tục ngữ dưới đây? Việc lặp lại từ đó có tác dụng gì?</p> <p>Học ăn, học nói, học gói, học mở.</p> <p>Ghi nhớ Điệp từ, điệp ngữ là biện pháp lặp lại từ ngữ để nhấn mạnh nội dung được nói đến.</p> <p>3. Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi.</p> <p>Tôi đập vỡ màu nâu Bầu trời trong quả trứng Bỗng thấy nhiều gió lộng Bỗng thấy nhiều nắng reo Bỗng tôi thấy thương yêu Tôi biết là có mẹ.</p> <p>(Xuân Quỳnh)</p> <p>a. Từ bỗng xuất hiện mấy lần trong đoạn thơ? b. Việc lặp lại nhiều lần từ bỗng có tác dụng gì? Chọn đáp án đúng.</p> <p>A. Nhấn mạnh niềm vui của chủ gà con vì được mẹ yêu thương. B. Nhấn mạnh niềm vui của chủ gà con vì được ra khỏi quả trứng. C. Nhấn mạnh sự tươi đẹp của thiên nhiên mà chủ gà con quan sát được. D. Nhấn mạnh sự ngỡ ngàng của chủ gà con trước những điều mới mẻ.</p> <p>4. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.</p> <p>Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!</p> <p>(Thép Mới)</p> <p>a. Từ nào được lặp lại ở tất cả các câu trong đoạn? b. Việc lặp lại từ đó có tác dụng gì?</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm vở, sau đó trao đổi nhóm 2.</p>	<p>- HS làm vở, sau đó trao đổi nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: Từ học được lặp lại. Việc lặp lại từ học nhằm nhấn mạnh rằng con người có nhiều thứ cần phải học hỏi.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Ngoài học kiến thức, các em còn cần học điều gì trong cuộc sống?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- GV kết luận: Từ học được lặp lại để nhấn mạnh con người cần học hỏi nhiều điều: cách ăn, cách nói, cách ứng xử, cách làm việc.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<p>- GV cho HS chốt lại khái niệm biện pháp điệp từ, điệp ngữ trong phần Ghi nhớ.</p>	<p>- HS đọc thầm phần Ghi nhớ trong SGK.</p>
<p>- GV mời 1 - 2 HS đọc Ghi nhớ trước lớp; GV mời HS xung phong nêu Ghi nhớ mà không nhìn sách.</p>	<p>- HS đọc và nêu: Điệp từ, điệp ngữ là biện pháp lặp lại từ ngữ để nhấn mạnh nội dung được nói đến.</p>
<p>- GV tích hợp NLS: 5.2.CB2a - HS nghe âm thanh nhạc cụ bằng học liệu số, chọn phương tiện phù hợp để cảm nhận bài thơ: + GV hướng dẫn HS dùng thiết bị lớp học, loa hoặc học liệu số do GV chuẩn bị để nghe âm thanh đàn ba-la-lai-ca hoặc một nhạc cụ dây tương tự. + HS chọn phương tiện phù hợp: nghe qua loa lớp, tai nghe cá nhân khi được phép hoặc</p>	<p>- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.</p>

<p>video/học liệu số GV cung cấp. + HS lắng nghe có mục đích, không mở nhiều trang không cần thiết, không tự ý truy cập nội dung ngoài yêu cầu. + HS chia sẻ cảm nhận ngắn: âm thanh dịu dặt, náo nức hay ngân nga gợi liên tưởng đến câu thơ nào.</p>	
<p>3. Luyện tập (17 phút) <i>Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức về điệp từ, điệp ngữ để làm bài tập 3, 4 trong SGK.</i> <i>Cách tiến hành:</i></p>	
<p>- Bài 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Đọc đoạn thơ trong SGK và trả lời câu hỏi: Từ bỗng xuất hiện mấy lần? Việc lặp lại nhiều lần từ bỗng có tác dụng gì?</p>	<p>- HS đọc bài 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- <i>HS trình bày: a. Từ bỗng xuất hiện 4 lần. b. Tác dụng: Đáp án D. Nhấn mạnh sự ngỡ ngàng của chú gà con trước những điều mới mẻ.</i></p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Vì sao chú gà con lại ngỡ ngàng trước những điều mới mẻ?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- <i>GV kết luận: Từ bỗng được lặp lại làm nổi bật cảm giác bất ngờ, ngỡ ngàng của chú gà con khi lần đầu nhìn thấy thế giới xung quanh.</i></p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<p>- Bài 4. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Đọc đoạn văn trong SGK và trả lời câu hỏi: Từ nào được lặp lại ở tất cả các câu trong đoạn? Việc lặp lại từ đó có tác dụng gì?</p>	<p>- HS đọc bài 4 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm vở, sau đó thảo luận nhóm 4.</p>	<p>- HS làm vở, sau đó thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- <i>HS trình bày: a. Từ tre xuất hiện ở tất cả các câu trong đoạn. b. Việc lặp lại từ tre nhằm làm nổi bật hình ảnh cây tre và giá trị, đóng góp của tre đối với người dân Việt Nam.</i></p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Trong đoạn văn, ngoài từ tre, còn có từ nào được lặp lại nhiều lần?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- <i>GV kết luận: Trong đoạn văn này, ngoài từ tre, tác giả còn dùng lặp lại các từ giữ, anh hùng; tuy nhiên từ tre là trường hợp nổi bật nhất để nhận biết điệp từ.</i></p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<p>4. Vận dụng (3 phút)</p>	

<p><i>Mục tiêu: HS biết đặt câu có dùng điệp từ, điệp ngữ đơn giản để nhấn mạnh nội dung.</i></p> <p><i>Cách tiến hành:</i></p>	
<p>- GV yêu cầu HS đặt một câu có dùng điệp từ hoặc điệp ngữ để nói về học tập, thiên nhiên hoặc tình bạn.</p>	<p>- HS đặt câu: Em yêu mái trường, yêu thầy cô, yêu bạn bè của em.</p>
<p>- GV nhận xét, nhắc HS sử dụng điệp từ, điệp ngữ phù hợp để câu văn có tác dụng nhấn mạnh.</p>	<p>- HS lắng nghe và ghi nhớ.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 25: TIẾNG ĐÀN BA-LA-LAI-CA TRÊN SÔNG ĐÀ

TIẾT 3: VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nhận biết được cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.
- Xác định được phần mở đầu, triển khai, kết thúc của đoạn văn và ý chính của từng phần.
- Nêu được những điều ở bài thơ khiến người viết yêu thích hoặc xúc động; nhận biết từ ngữ, câu văn thể hiện tình cảm, cảm xúc.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, chủ động thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh sản phẩm học tập theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, vận dụng vốn từ và trải nghiệm để nói, viết sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: đọc kĩ đoạn văn mẫu, thực hiện đầy đủ yêu cầu của bài học.
- Nhân ái: biết trân trọng cảm xúc tốt đẹp mà thơ ca mang lại.
- Trách nhiệm: biết lắng nghe, góp ý và hoàn thiện hiểu biết về cách viết đoạn văn.

4. Tích hợp

AI: 5.A1.1 - Tìm hiểu AI hỗ trợ kĩ sư vận hành nhà máy thủy điện hiện đại an toàn, chính xác.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Hình bài viết trong SGK được cắt đúng nội dung và chèn đúng vị trí.
- Bảng phụ ghi bố cục đoạn văn; phiếu học tập nhóm.
- Một số hình ảnh minh họa về nhà máy thủy điện và công nghệ hỗ trợ vận hành an toàn.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 phút) <i>Mục tiêu: HS nhớ lại bài thơ Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà và cảm xúc của bản thân về bài thơ.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV hỏi: Sau khi học bài thơ Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà, em thích hình ảnh hoặc câu thơ nào nhất?	- HS trả lời: Em thích hình ảnh tiếng đàn ngân nga với dòng trắng lấp lánh sông Đà vì hình ảnh rất đẹp và thơ mộng.
- GV dẫn vào bài viết: Để viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ, các em cần biết đoạn văn gồm những phần nào và thể hiện cảm xúc bằng cách nào.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài viết.
2. Khám phá: Tìm hiểu đoạn văn mẫu (20 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc đoạn văn mẫu và xác định được bố cục, nội dung, từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc.</i> Mục tiêu tích hợp: HS hiểu AI có thể hỗ trợ kĩ sư vận hành nhà máy thủy điện hiện đại an toàn, chính xác. <i>Cách tiến hành:</i>	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Đọc đoạn văn trong SGK và thực hiện các yêu cầu a, b, c.	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

<div data-bbox="199 129 295 174"> <p>VIẾT</p> </div> <div data-bbox="295 179 734 235"> <p>TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ</p> </div> <div data-bbox="247 241 614 264"> <p>1. Đọc đoạn văn dưới đây và thực hiện các yêu cầu.</p> </div> <div data-bbox="263 273 790 582"> <p>Bài thơ Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà của tác giả Quang Huy để lại trong tôi những ấn tượng đẹp. Bài thơ gợi lên bức tranh sống động về đêm trăng trên công trường thủy điện. Dưới trăng, những xe ủi, xe ben sóng vai nhau nằm nghỉ, những tháp khoan nhỏ lơ lửng như đang ngắm nghỉ và tiếng đàn ba-la-lai-ca ngân nga, vang xa... Bài thơ tả tiếng đàn thật là hay! Tiếng đàn như ngọn gió bình yên thổi qua rừng bạch dương. Tiếng đàn như ngọn sóng vỗ trắng phau ghénh đá. Tiếng đàn ngân dài theo dòng trăng lấp lánh sông Đà. Tôi như nghe thấy những cung bậc âm thanh khi dịu dạt, khi náo nức, vang ngân của tiếng đàn ba-la-lai-ca. Tiếng đàn của cô gái đến từ đất nước Nga xa xôi giúp tôi cảm nhận về tình hữu nghị cao đẹp giữa các quốc gia. Những người bạn quốc tế đã giúp chúng ta xây dựng Nhà máy Thủy điện Sông Đà, mang dòng ánh sáng toả đi muôn nơi, để cuộc sống tươi đẹp hơn. Xúc động biết mấy! Cảm ơn nhà thơ Quang Huy đã viết bài thơ thật hay, thật đẹp về tiếng đàn ba-la-lai-ca và tình hữu nghị thắm thiết, bền chặt.</p> </div> <div data-bbox="694 582 790 600"> <p>(Thanh Thanh)</p> </div> <div data-bbox="199 593 790 761">  </div> <div data-bbox="263 772 790 952"> <p>a. Tìm phần mở đầu, triển khai, kết thúc của đoạn văn và cho biết ý chính của mỗi phần.</p> <p>b. Những điều gì ở bài thơ khiến người viết yêu thích hoặc xúc động?</p> <div data-bbox="311 840 502 907"> <p>Bài thơ gợi lên bức tranh sống động.</p> </div> <div data-bbox="518 840 710 907"> <p>Bài thơ tả tiếng đàn thật hay.</p> </div> <div data-bbox="726 840 758 907">  </div> <p>c. Tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua những từ ngữ, câu văn nào?</p> </div>	
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS đọc thầm đoạn văn, làm việc nhóm 4.</p>	<p>- HS đọc thầm đoạn văn, làm việc nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: HS đọc đoạn văn Bài thơ Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà của tác giả Quang Huy để lại trong tôi những ấn tượng đẹp... và xác định đây là đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Đoạn văn mẫu bộc lộ cảm xúc trực tiếp hay gián tiếp?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- GV kết luận: Đoạn văn vừa trực tiếp bộc lộ cảm xúc, vừa thể hiện sự yêu thích qua việc nêu cái hay, cái đẹp của bài thơ.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<p>- Câu a. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Tìm phần mở đầu, triển khai, kết thúc của đoạn văn và cho biết ý chính của mỗi phần.</p>	<p>- HS đọc câu a và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: Mở đầu: Câu 1 giới thiệu tên bài thơ, tên tác giả và nêu cảm nhận chung về bài thơ. Triển khai: Từ câu tiếp theo đến Xúc động biết mấy! bày tỏ tình cảm, cảm xúc về cái hay, cái đẹp của ngôn từ, hình ảnh thơ và nội dung, ý nghĩa của bài thơ. Kết thúc:</p>

	<i>Câu cuối khẳng định lại ý nghĩa, giá trị của bài thơ và tình cảm đối với nhà thơ.</i>
- GV hỏi mở rộng: Vì sao đoạn văn cần có đủ ba phần?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- <i>GV kết luận: Đoạn văn thường có mở đầu, triển khai, kết thúc để cảm xúc được trình bày rõ ràng, mạch lạc.</i>	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu b. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Những điều gì ở bài thơ khiến người viết yêu thích hoặc xúc động?	- HS đọc câu b và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- <i>HS trình bày: Những điều khiến người viết yêu thích hoặc xúc động là: bài thơ gợi lên những hình ảnh đẹp, bức tranh sống động; bài thơ tả tiếng đàn thật hay; mọi vật trong đêm trăng trên công trường gần gũi, thân thương; bài thơ gợi tình hữu nghị của bạn bè quốc tế qua hình ảnh cô gái Nga và tiếng đàn ba-la-lai-ca.</i>
- GV hỏi mở rộng: Em thấy điều nào trong bài thơ làm người viết xúc động nhất?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- <i>GV kết luận: Người viết xúc động trước vẻ đẹp của tiếng đàn và tình hữu nghị thắm thiết, bền chặt giữa các quốc gia.</i>	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu c. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua những từ ngữ, câu văn nào?	- HS đọc câu c và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm vở, sau đó thảo luận nhóm 2.	- HS làm vở, sau đó thảo luận nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- <i>HS trình bày: Tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua những từ ngữ, câu văn: ấn tượng đẹp, bức tranh sống động về đêm trăng, tả tiếng đàn thật hay, tình hữu nghị thắm thiết, bền chặt, Xúc động biết mấy!</i>
- GV hỏi mở rộng: Ngoài những từ ngữ trực tiếp bộc lộ cảm xúc, người viết còn thể hiện sự yêu thích bằng cách nào?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- <i>GV kết luận: Ngoài từ ngữ, câu văn trực tiếp bộc lộ cảm xúc, người viết còn thể hiện sự yêu thích qua những chi tiết nói về vẻ đẹp ngôn từ, âm thanh diệu kì của tiếng đàn và sự quyện hòa giữa ánh trăng với dòng nước</i>	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.

<p>sông Đà.</p> <p>- GV tích hợp AI: 5.A1.1 - Tìm hiểu AI hỗ trợ kỹ sư vận hành nhà máy thủy điện hiện đại an toàn, chính xác:</p> <p>+ GV liên hệ nội dung bài thơ về công trình thủy điện sông Đà với việc vận hành nhà máy thủy điện hiện đại.</p> <p>+ GV hướng dẫn HS hiểu đơn giản: AI có thể hỗ trợ kỹ sư theo dõi mực nước, lưu lượng nước, thiết bị máy móc và cảnh báo sớm nguy cơ mất an toàn.</p> <p>+ HS thảo luận: công nghệ và AI chỉ là công cụ hỗ trợ; con người vẫn cần kiến thức, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp khi vận hành công trình quan trọng.</p> <p>+ HS nêu việc làm phù hợp với lứa tuổi: tìm hiểu công nghệ một cách đúng đắn, sử dụng điện - nước tiết kiệm, tôn trọng lao động của những người xây dựng và vận hành công trình.</p>	<p>- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn.</p> <p>+ Liên hệ nội dung bài học với bản thân.</p> <p>+ Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp.</p> <p>+ Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.</p>
---	---

3. Luyện tập: Trao đổi về điểm cần lưu ý (12 phút)

Mục tiêu: HS nêu được những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.

Cách tiến hành:

- **Bài 2.** GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.

- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.

G:

- Bố cục đoạn văn
- Những điều yêu thích ở bài thơ
- Những cách thể hiện tình cảm, cảm xúc đối với bài thơ
- + Dùng từ ngữ chỉ tình cảm, cảm xúc
- + Sử dụng câu cảm
- + ●

Ghi nhớ

Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ thường có 3 phần:

- Mở đầu: Giới thiệu tên bài thơ, tên tác giả và ấn tượng của em về bài thơ.
- Triển khai: Nêu những cái hay, cái đẹp của bài thơ (từ ngữ, hình ảnh, nhân vật, nội dung, ý nghĩa,...) và biểu lộ tình cảm, cảm xúc của em đối với bài thơ.
- Kết thúc: Nhấn mạnh, khẳng định lại một lần nữa tình cảm, cảm xúc của em đối với bài thơ.

1. Đọc cho người thân một bài thơ viết cho thiếu nhi và chia sẻ cảm nghĩ của em về bài thơ đó.

G:

Nói với em

Nếu nhắm mắt trong vườn lồng gió
Sẽ được nghe nhiều tiếng chim hay
Tiếng lịch rích chim sâu trong lá
Con chia với vùa hót vùa bay.

Nếu nhắm mắt nghe bà kể chuyện
Sẽ được nhìn thấy các bà tiên
Thấy chú bé đi hái bầy dâm
Quả thị thơm có Tắm rất hiền.

Nếu nhắm mắt nghĩ về cha mẹ
Đã nuôi em khôn lớn từng ngày
Tay bỗng bế sớm khuya vất vả
Mắt nhắm rồi lại mở ra ngay.

(Vũ Quần Phương)

2. Tìm đọc câu chuyện kể về một người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật (nhà văn, nhà thơ, diễn viên, đạo diễn,...).



- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- <i>HS trình bày: Khi viết đoạn văn cần chú ý bố cục đoạn văn; những điều yêu thích ở bài thơ; những cách thể hiện tình cảm, cảm xúc đối với bài thơ như dùng từ ngữ chỉ tình cảm, cảm xúc và sử dụng câu cảm.</i>
- GV hỏi mở rộng: Khi viết, em nên kể lại toàn bộ bài thơ hay chọn điều em yêu thích nhất?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- <i>GV kết luận: Đoạn văn thường mở đầu bằng lời bày tỏ cảm xúc, sự yêu thích của người viết đối với bài thơ; các câu tiếp theo nêu cái hay, cái đẹp của bài thơ và cảm xúc của mình; đoạn văn có câu kết khẳng định một lần nữa sự yêu thích của người viết đối với bài thơ.</i>	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- GV chốt kiến thức với HS về cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ và yêu cầu HS đọc phần Ghi nhớ.	- HS đọc Ghi nhớ: Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ thường có 3 phần: mở đầu, triển khai, kết thúc.
4. Vận dụng (5 phút) <i>Mục tiêu: HS biết chia sẻ cảm nghĩ về một bài thơ với người thân và chuẩn bị đọc mở rộng.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu Vận dụng: Đọc cho người thân một bài thơ viết cho thiếu nhi và chia sẻ cảm nghĩ của em về bài thơ đó.	- HS ghi nhớ yêu cầu và có thể chọn bài Nói với em hoặc một bài thơ thiếu nhi khác để đọc cho người thân.
- GV hướng dẫn HS tìm đọc câu chuyện kể về một người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật như nhà văn, nhà thơ, diễn viên, đạo diễn.	- HS ghi nhiệm vụ đọc mở rộng để chuẩn bị cho Bài 26.
- GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 25: Đọc - hiểu Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà; Luyện từ và câu Biện pháp điệp từ, điệp ngữ; Viết Tìm hiểu cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.	- HS nhắc lại nội dung đã học, lắng nghe GV nhận xét và dặn dò đọc trước Bài 26.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 26: TRÍ TƯỢNG TƯỢNG PHONG PHÚ

TIẾT 1 - 2: ĐỌC: TRÍ TƯỢNG TƯỢNG PHONG PHÚ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài đọc Trí tưởng tượng phong phú; biết đọc diễn cảm, phù hợp với lời kể, tả giàu hình ảnh, giàu cảm xúc trong bài.
- Hiểu nghĩa của từ ngữ, chi tiết nói về niềm đam mê sáng tạo, trí tưởng tượng phong phú của nhân vật Giôn-an Rô-linh thông qua lời kể của tác giả.
- Hiểu được điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: trong cuộc sống, trí tưởng tượng gắn với niềm đam mê là động lực để con người sáng tạo, cống hiến.
- Mở rộng vốn từ về trí tuệ, biết lựa chọn từ phù hợp để đặt câu.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, chủ động thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh sản phẩm học tập theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, vận dụng vốn từ và trải nghiệm để nói, viết sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực đọc bài, tìm chi tiết và hoàn thành nhiệm vụ đọc hiểu.
- Nhân ái: biết tôn trọng sản phẩm sáng tạo và ước mơ của bạn.
- Trách nhiệm: biết sử dụng trí tưởng tượng theo hướng tích cực trong học tập và cuộc sống.

4. Tích hợp

Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục sử dụng trí tưởng tượng theo hướng tích cực, biết tôn trọng sản phẩm sáng tạo của bạn.

Quyền con người: Lòng ghép quyền được sáng tạo nghệ thuật, được trình bày ý tưởng cá nhân trong học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh minh họa bài đọc Trí tưởng tượng phong phú; hình SGK được cắt và chèn đúng vị trí.
- Một số hình ảnh minh họa bộ truyện Ha-ri Pót-tơ; phiếu học tập đọc hiểu.
- Bảng phụ ghi câu dài cần luyện đọc và bài tập luyện tập theo văn bản đọc.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: HS quan sát tranh, liên tưởng đến cuốn truyện, hình thành hứng thú vào bài đọc.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu khởi động: Những hình ảnh minh họa dưới đây có gì thú vị? Chúng giúp em liên tưởng đến cuốn truyện nào?	- HS đọc yêu cầu khởi động và quan sát tranh minh họa.

<div> <div>Bài 26</div> <div>TRÍ TƯỢNG TƯỢNG PHONG PHÚ</div> </div> <div> <div>ĐỌC</div> </div> <div> <div> <div> <div></div> <div>Những hình ảnh minh họa dưới đây có gì thú vị? Chúng giúp em liên tưởng đến cuốn truyện nào?</div> </div> <div> <div>TRÍ TƯỢNG TƯỢNG PHONG PHÚ</div> <div> Giô-an Rô-linh là một cô bé có trí tưởng tượng rất phong phú. Giô-an thường nghĩ ra nhiều câu chuyện và kể cho em gái nghe. Chỉ cần nhìn thấy một chú thỏ là Giô-an có ngay một câu chuyện. Cô bắt đầu kể cho em: "Thỏ con bị sốt. Cô ơng mang đến cho thỏ một chiếc bánh quy mật ơng. Thỏ ăn xong, khỏi bệnh liền." Hôm sau, em gái nài nỉ cô kể tiếp. Giô-an kể: "Cô ơng lo lắng cho bệnh tình của thỏ. Ơng tiêm cho thỏ một mũi..." Đứa em vội kêu: "Không phải, hôm qua chị kể khác!". Giô-an nghĩ cô nên viết ra câu chuyện của mình, trước khi quên mất. Câu chuyện Chú thỏ con được ra đời như thế. Đó cũng là lần đầu tiên Giô-an ấp ủ ước mơ trở thành nhà văn. Giô-an bắt đầu ghi lại những câu chuyện mới vào một cuốn sổ. </div> </div> </div> </div>	
<div> <div>- GV cho HS làm việc nhóm nhỏ, nêu những chi tiết thú vị trong tranh: chiếc chổi thần kì, con chim có dáng vẽ đặc biệt, cậu bé có vết sẹo hình tia chớp.</div> </div>	<div> <div>- HS trao đổi nhóm: Các hình ảnh gợi đến bộ truyện Ha-ri Pót-tơ, một thể giới phép thuật kì thú.</div> </div>
<div> <div>- GV gọi đại diện 2 - 3 nhóm trình bày; GV tổng hợp ý kiến của HS.</div> </div>	<div> <div>- HS trình bày: Tranh có chiếc chổi bay, con chim lạ và cậu bé đặc biệt, làm em nghĩ đến truyện Ha-ri Pót-tơ.</div> </div>
<div> <div>- GV dẫn dắt vào bài: <i>Truyện Ha-ri Pót-tơ được rất nhiều bạn nhỏ yêu thích. Điều gì khiến tác phẩm của nhà văn Giô-an Rô-linh thu phục được hàng triệu con tim thiếu nhi trên thế giới? Câu hỏi này sẽ được trả lời trong bài đọc Trí tượng tượng phong phú.</i></div> </div>	<div> <div>- HS lắng nghe, chuẩn bị đọc bài.</div> </div>
<div> <div>2. Khám phá: Đọc văn bản (20 phút)</div> <div>Mục tiêu: HS đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản; biết đọc câu dài và hiểu nghĩa từ ngữ trong bài.</div> <div>Cách tiến hành:</div> </div>	
<div> <div>- GV đọc cả bài, đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả tâm trạng, suy nghĩ của nhân vật.</div> </div>	<div> <div>- HS nghe GV đọc mẫu, theo dõi bài đọc trong SGK.</div> </div>
<div> <div>- GV có thể mời 1 HS đọc cả bài hoặc mời 3 HS, mỗi HS đọc 1 đoạn: Đoạn 1: từ đầu đến cuốn sổ; Đoạn 2: tiếp theo đến phần khích; Đoạn 3: còn lại.</div> </div>	<div> <div>- HS đọc nối tiếp các đoạn; cả lớp theo dõi, nhận xét bạn đọc.</div> </div>
<div> <div>- GV hướng dẫn đọc đúng các từ ngữ có tiếng dễ phát âm sai: Giô-an Rô-linh, Ha-ri Pót-tơ, phần khích, phép thuật, tia chớp, bản</div> </div>	<div> <div>- HS luyện đọc từ khó: Giô-an Rô-linh, Ha-ri Pót-tơ, phần khích, phép thuật, bản thảo.</div> </div>

thảo.	
- GV hướng dẫn cách ngắt giọng ở những câu dài: Khi cuốn sách được xuất bản, / Giô-an muốn hét thật to: / “Mơ ước của mình đã trở thành hiện thực!”. // Nhưng điều cô không ngờ tới, / “Ha-ri Pót-tơ và hòn đá phù thủy” / đã thu hút sự chú ý của rất nhiều trẻ em trên toàn thế giới.	- HS luyện đọc câu dài, chú ý ngắt nghỉ và thể hiện cảm xúc của nhân vật.
- GV yêu cầu HS làm việc theo cặp: mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.	- HS đọc theo cặp, góp ý cho nhau về phát âm, ngắt nghỉ, giọng đọc.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: đọc nhắm toàn bài một lượt.	- HS đọc nhắm toàn bài, chuẩn bị tìm hiểu nội dung.
- GV nhận xét việc đọc của cả lớp.	- HS lắng nghe, tự điều chỉnh cách đọc.
- GV cho HS đọc phần giải nghĩa từ; GV giải nghĩa thêm khi HS nêu từ khó.	- HS nêu từ khó: Giô-an Rô-linh, Ha-ri Pót-tơ, phản kích, bản thảo, nhà xuất bản; lắng nghe GV giải nghĩa.
3. Luyện tập: Trả lời câu hỏi (35 phút) Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi đọc hiểu, nhận biết trí tưởng tượng phong phú, niềm đam mê và sự kiên trì của nhà văn Giô-an Rô-linh. Mục tiêu tích hợp: HS biết sử dụng trí tưởng tượng theo hướng tích cực, tôn trọng sản phẩm sáng tạo của bạn. Cách tiến hành:	
- Câu 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Những chi tiết nào cho biết ngay từ nhỏ, Giô-an Rô-linh đã có trí tưởng tượng rất phong phú?	- HS đọc câu 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

<p>Sau khi tốt nghiệp đại học, Giô-an làm việc tại một công ty nhưng trong đầu cô luôn tràn ngập những câu chuyện. Một lần, ngồi trên tàu, nhìn ra cửa sổ, cô chợt nghĩ tới hình ảnh một cậu bé với cặp kính và một vết sẹo hình tia chớp trên trán. Thế là trước mắt cô, cả đoàn tàu đi vào thế giới phép thuật kì thú. Giô-an đặt tên cho cậu bé là Ha-ri Pôt-tơ. Cô nghĩ về ngôi trường cậu bé theo học, bạn bè của cậu,... Càng viết, cô càng phấn khích.</p> <p>Một năm trôi qua, Giô-an đã viết xong tập truyện đầu tiên về Ha-ri Pôt-tơ. Cô gửi bản thảo đến nhiều nhà xuất bản nhưng đều bị từ chối. Rất may, một nhà xuất bản đã nhận lời. Khi cuốn sách được xuất bản, Giô-an muốn hét thật to: "Mơ ước của mình đã trở thành hiện thực!". Nhưng điều cô không ngờ tới, <i>Ha-ri Pôt-tơ và hòn đá phù thủy</i> đã thu hút sự chú ý của rất nhiều trẻ em trên toàn thế giới, Giô-an trở thành nhà văn nổi tiếng. Cô thường nói với các bạn đọc: "Nếu không sáng tác, tôi sẽ không thể ngủ ngon".</p> <p>(Theo Dun Dơ-rim, Bảo Khanh dịch)</p> <p>Từ ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> Giô-an Rô-linh (thường được biết đến với bút danh J.K. Rô-linh): nhà văn người Anh, tác giả của bộ truyện <i>Ha-ri Pôt-tơ</i> nổi tiếng từng đoạt nhiều giải thưởng. Phấn khích: phấn khởi do tinh thần được cổ vũ, khích lệ. <p>?</p> <ol style="list-style-type: none"> Những chi tiết nào cho biết ngay từ nhỏ, Giô-an Rô-linh đã có trí tưởng tượng rất phong phú? Cô bé Giô-an Rô-linh ấp ủ ước mơ trở thành nhà văn từ khi nào? Bằng cách nào cô thực hiện được ước mơ của mình? Ý tưởng về nhân vật Ha-ri Pôt-tơ và câu chuyện kì thú được hình thành trong tình huống nào? Câu chuyện <i>Ha-ri Pôt-tơ và hòn đá phù thủy</i> được đón nhận như thế nào? Theo em, nhờ đâu nhà văn Giô-an Rô-linh viết được cuốn sách có sức hấp dẫn lớn như vậy? 	
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 2.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- <i>HS trình bày: Ngay từ nhỏ, Giô-an Rô-linh đã nghĩ ra những chuyện khác nhau và kể cho em nghe; chỉ cần nhìn thấy một chú thỏ là một câu chuyện mới nảy ra trong đầu; chỉ là một câu chuyện, nhưng mỗi lần kể, cô bé lại thay đổi các chi tiết của chuyện.</i></p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Theo em, vì sao việc thay đổi chi tiết mỗi lần kể cho thấy trí tưởng tượng phong phú?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- <i>GV kết luận: Những chi tiết ấy cho thấy Giô-an có khả năng tưởng tượng và sáng tạo câu chuyện rất linh hoạt.</i></p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<p>- Câu 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Cô bé Giô-an Rô-linh ấp ủ ước mơ trở thành nhà văn từ khi nào? Bằng cách nào cô thực hiện được ước mơ của mình?</p>	<p>- HS đọc câu 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- <i>HS trình bày: Kể từ khi kể chuyện cho em gái nghe, mỗi lần kể, câu chuyện lại được cô bé tưởng tượng theo một cách khác nhau nên</i></p>

	<i>bị người em phản đối vì không giống với câu chuyện đã kể lần trước. Cô bé thực hiện ước mơ bằng cách hề nghĩ ra một câu chuyện thì viết lại ngay vào một cuốn sách.</i>
- GV hỏi mở rộng: Việc ghi chép lại những điều mình đọc, quan sát hoặc tưởng tượng có ích gì?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- <i>GV kết luận: Thói quen ghi chép giúp mở rộng vốn từ, rèn khả năng tập trung, không quên những điều quan trọng và nâng cao kỹ năng viết văn.</i>	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Ý tưởng về nhân vật Ha-ri Pót-tơ và câu chuyện kì thú được hình thành trong tình huống nào?	- HS đọc câu 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 2.	- HS thảo luận nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- <i>HS trình bày: Ý tưởng về nhân vật Ha-ri Pót-tơ được hình thành trong một lần nhà văn ngồi trên tàu đi làm. Khi nhìn ra cửa sổ toa tàu, bất chợt nhà văn nghĩ đến một cậu bé có vết sẹo hình tia chớp trên trán cùng cặp kính cận tròn xoe. Thế là cả một thế giới pháp thuật hiện ra với những điều liên quan đến cậu bé: ngôi trường, bạn bè.</i>
- GV hỏi mở rộng: Điều gì trong tình huống ấy cho thấy trí tưởng tượng của nhà văn rất mạnh mẽ?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- <i>GV kết luận: Từ một hình ảnh bất chợt, nhà văn đã tưởng tượng ra cả một thế giới pháp thuật kì thú.</i>	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 4. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Câu chuyện Ha-ri Pót-tơ và hòn đá phù thủy được đón nhận như thế nào?	- HS đọc câu 4 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- <i>HS trình bày: Câu chuyện Ha-ri Pót-tơ và hòn đá phù thủy đã thu hút sự chú ý của rất nhiều trẻ em trên toàn thế giới.</i>
- GV hỏi mở rộng: Em biết gì về bộ truyện Ha-ri Pót-tơ?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- <i>GV kết luận: Câu chuyện được đón nhận rộng rãi vì có thể giới tưởng tượng hấp dẫn, nhân vật đặc biệt và khơi dậy niềm say mê</i>	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.

<i>đọc sách của trẻ em.</i>	
- Câu 5. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Theo em, nhờ đâu nhà văn Giô-an Rô-linh viết được cuốn sách có sức hấp dẫn lớn như vậy?	- HS đọc câu 5 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm vở, sau đó thảo luận nhóm 4.	- HS làm vở, sau đó thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- <i>HS trình bày: Nhờ có niềm đam mê, sự cố gắng, kiên trì, không từ bỏ ước mơ dẫu gặp nhiều gian nan, thử thách; nhờ có trí tưởng tượng rất phong phú cùng năng khiếu sáng tác.</i>
- GV hỏi mở rộng: Em học được điều gì từ nhà văn Giô-an Rô-linh?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- <i>GV kết luận: Trong cuộc sống, trí tưởng tượng gắn với niềm đam mê là động lực để con người sáng tạo, cống hiến.</i>	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- GV tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: + GV giúp HS hiểu trí tưởng tượng cần được sử dụng theo hướng tích cực: để học tập, sáng tạo, viết truyện, vẽ tranh, làm sản phẩm có ích. + HS biết tôn trọng sản phẩm sáng tạo của bạn, không chê bai ý tưởng khác biệt. + HS liên hệ bản thân: nuôi dưỡng ước mơ bằng việc đọc sách, ghi chép ý tưởng, kiên trì luyện tập.	- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.
4. Luyện đọc lại (5 phút) <i>Mục tiêu: HS luyện đọc diễn cảm bài đọc theo đúng giọng kể, tả giàu hình ảnh, giàu cảm xúc.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc; làm việc chung cả lớp: 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp, GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.	- 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn; cả lớp nhận xét cách đọc.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, tự đọc toàn bài.	- HS tự đọc toàn bài, điều chỉnh giọng đọc theo góp ý.
5. Luyện tập theo văn bản đọc (15 phút) <i>Mục tiêu: HS mở rộng vốn từ về trí tuệ, biết tìm nghĩa của từ và chọn từ phù hợp để hoàn thành câu.</i> Mục tiêu tích hợp: HS hiểu quyền được sáng tạo nghệ thuật và được trình bày ý tưởng cá nhân trong học tập. <i>Cách tiến hành:</i>	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Tìm nghĩa của các từ: mơ tưởng, liên	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

tưởng, ý tưởng, tưởng tượng.

1. Tìm nghĩa của các từ dưới đây:

a. mơ tưởng b. liên tưởng c. ý tưởng d. tưởng tượng

^① Nghĩ tới sự vật, hiện tượng nào đó có liên quan đến sự việc, hiện tượng đang diễn ra.

^② Tạo ra trong tâm trí hình ảnh những cái không ở trước mắt hoặc chưa hề có.

^③ Mong mỏi, ước ao những điều xa vời, không thực tế.

^④ Điều nảy ra, nghĩ ra trong đầu, thường chưa trọn vẹn.

2. Chọn từ phù hợp ở bài tập 1 thay cho mỗi bông hoa trong những câu sau:

a. Khi đọc truyện, tôi thường  mình là nhân vật chính. Việc đó giúp tôi hiểu rõ hơn cảm xúc và hành động của nhân vật.

b. Bạn có thể chia sẻ với tôi những  của bạn về buổi hội chợ của lớp được không?

- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.

- HS thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.

- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.

- HS trình bày: *Mơ tưởng: mong mỏi, ước ao những điều xa vời, không thực tế. Liên tưởng: nghĩ tới sự vật, hiện tượng nào đó có liên quan đến sự việc, hiện tượng đang diễn ra. Ý tưởng: điều nảy ra, nghĩ ra trong đầu, thường chưa trọn vẹn. Tưởng tượng: tạo ra trong tâm trí hình ảnh, những cái không ở trước mắt hoặc chưa hề có.*

- GV hỏi mở rộng: Từ nào gần với việc tạo ra hình ảnh trong tâm trí?

- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.

- GV kết luận: Các từ ngữ này giúp HS mở rộng vốn từ về trí tuệ và sáng tạo.

- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.

- **Bài 2.** GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Chọn từ phù hợp ở bài tập 1 thay cho mỗi bông hoa trong những câu trong SGK.

- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm vở, sau đó thảo luận nhóm 2.

- HS làm vở, sau đó thảo luận nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.

- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.

- HS trình bày: *a. Khi đọc truyện, tôi thường tưởng tượng mình là nhân vật chính. b. Bạn có thể chia sẻ với tôi những ý tưởng của bạn về buổi hội chợ của lớp được không? c. Ngắm nhìn những bông hoa hướng dương nở vàng rực trong vườn, tôi chợt liên tưởng đến hình ảnh mặt trời đang tỏa nắng. d. Hôm nay, cô giáo cho chúng tôi vẽ tranh. Tôi có ý tưởng vẽ một ngôi nhà trên cây. Tôi tưởng tượng đó là một ngôi nhà màu hồng, nhiều cửa sổ và có một cái cầu trượt dài.*

- GV hỏi mở rộng: Vì sao ở câu d cần dùng cả ý tưởng và tưởng tượng?

- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.

- GV kết luận: Cần chọn từ đúng nghĩa để

- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời

<i>câu văn diễn đạt rõ ý.</i>	<i>vào vở.</i>
<ul style="list-style-type: none"> - GV tích hợp Quyền con người: + GV lồng ghép quyền được sáng tạo nghệ thuật và quyền được trình bày ý tưởng cá nhân trong học tập. + HS hiểu mỗi bạn có thể có cách tưởng tượng, cách diễn đạt riêng và cần được lắng nghe trong môi trường học tập an toàn, tôn trọng. + HS thực hành lắng nghe, nhận xét văn minh, không áp đặt hoặc cười chê ý kiến của bạn. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 26: TRÍ TƯỞNG TƯỢNG PHONG PHÚ**TIẾT 3: VIẾT: TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ**
I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Năng lực đặc thù**

- Biết tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ theo yêu cầu của đề bài.
- Biết lựa chọn bài thơ phù hợp với đề, ghi lại những điều yêu thích ở bài thơ và sắp xếp ý theo bố cục đoạn văn.
- Biết góp ý, chỉnh sửa ý đã tìm để chuẩn bị viết đoạn văn.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, chủ động thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh sản phẩm học tập theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, vận dụng vốn từ và trải nghiệm để nói, viết sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: đọc lại bài thơ, tìm ý đầy đủ theo hướng dẫn.
- Nhân ái: biết thể hiện tình cảm, cảm xúc tích cực trước vẻ đẹp của thơ ca.
- Trách nhiệm: biết nhận xét, góp ý lịch sự và hoàn thiện dần ý cá nhân.

4. Tích hợp

AI: 5.C4.2 - Dùng công cụ AI tạo hình minh họa ý tưởng, sau đó nhận xét điểm phù hợp và chưa phù hợp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Hình bài viết trong SGK được cắt đúng nội dung và chèn đúng vị trí.
- Phiếu tìm ý; bảng phụ ghi hai đề bài và gợi ý ba phần của đoạn văn.
- Một số ví dụ minh họa cách dùng công cụ AI tạo hình minh họa ý tưởng dưới sự hướng dẫn của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 phút) <i>Mục tiêu: HS nhắc lại cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS nêu những điều cần ghi nhớ về cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.	- HS nêu: Đoạn văn thường có mở đầu, triển khai, kết thúc; cần nêu cái hay, cái đẹp của bài thơ và tình cảm, cảm xúc của người viết.
2. Khám phá: Chuẩn bị tìm ý (12 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc đề bài, lựa chọn bài thơ phù hợp và ghi lại điều mình yêu thích ở bài thơ.</i> Mục tiêu tích hợp: HS biết dùng công cụ AI tạo hình minh họa ý tưởng và nhận xét điểm phù hợp, chưa phù hợp. <i>Cách tiến hành:</i>	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Chọn 1 trong 2 đề dưới đây: Đề 1 viết về một bài thơ thuộc chủ điểm Thế giới tuổi thơ; Đề 2 viết về một bài thơ ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên.	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

<p>được không?</p> <p>c. Ngắm nhìn những bông hoa hướng dương nở vàng rực trong vườn, tôi chợt ● đến hình ảnh mặt trời đang toả nắng.</p> <p>d. Hôm nay, cô giáo cho chúng tôi vẽ tranh. Tôi có ● vẽ một ngôi nhà trên cây. Tôi ● đó là một ngôi nhà màu hồng, nhiều cửa sổ và có một cái cầu trượt dài.</p> <p>VIẾT</p> <p>TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ</p> <p>Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:</p> <p>Đề 1: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của em về một bài thơ thuộc chủ điểm <i>Thế giới tuổi thơ</i>.</p> <p>Đề 2: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của em về một bài thơ ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên.</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân.</p>	<p>- HS làm việc cá nhân; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: HS lựa chọn một đề bài: Đề 1 hoặc Đề 2. HS đọc lướt lại các bài thơ đã học hoặc bài thơ ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên được đọc trong sách báo; chọn đề mình có thể viết hay hơn.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Vì sao em chọn đề bài đó?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- <i>GV kết luận: Khi chuẩn bị viết, cần chọn bài thơ mình hiểu, yêu thích và có nhiều cảm xúc để dễ tìm ý.</i></p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc bài thơ, ghi ngắn gọn những điều em yêu thích ở bài thơ.</p> <p>1. Chuẩn bị.</p> <p>a. Lựa chọn bài thơ theo yêu cầu của đề 1 hoặc đề 2.</p> <p>b. Đọc bài thơ, ghi ngắn gọn những điều em yêu thích ở bài thơ.</p> <p>G:</p> <p>Bài Tuổi Ngựa: Hình ảnh chú ngựa con hiếu động, giàu tình cảm, có ước mơ bay bổng,...</p> <p>Bài Tiếng hạt nảy mầm: Tình yêu thương của cô giáo dành cho các bạn học sinh khiếm thính và thế giới âm thanh được cô chuyển tải qua hình ảnh,...</p> <p>Bài Trước cổng trời: Bức tranh thiên nhiên đẹp như mơ ở vùng núi cao ngút ngàn qua lời thơ trong trẻo,...</p> <p>2. Tìm ý.</p> <p>G:</p> <p>Mở đầu</p> <p>Giới thiệu tên bài thơ, tên tác giả và nêu cảm nghĩ chung về bài thơ.</p> <p>Triển khai</p> <p>- Nêu những điều em yêu thích ở bài thơ.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>+ Nhân vật trong bài thơ đáng yêu, cảnh vật trong bài thơ tươi đẹp,...</p> <p>+ Ý thơ hay, bài thơ có ý nghĩa,...</p> <p>+ Cách sử dụng từ ngữ độc đáo, lời thơ truyền cảm,...</p> <p>- Nêu tình cảm, cảm xúc của em về bài thơ.</p> <p>+ Yêu mến nhân vật, yêu thích cảnh vật,...</p> <p>+ Xúc động trước những câu thơ hay, ý thơ sâu sắc,...</p> <p>Kết thúc</p> <p>Khẳng định lại tình cảm, cảm xúc của em với bài thơ.</p> <p>3. Góp ý và chỉnh sửa.</p> <p>- Những điều yêu thích ở bài thơ</p> <p>- Tình cảm, cảm xúc đối với bài thơ</p> <p>- Cách thể hiện tình cảm, cảm xúc đối với bài thơ</p>	<p>- HS ghi điều yêu thích: hình ảnh, nhân vật, cảnh vật, ý thơ, từ ngữ, nhịp điệu hoặc ý nghĩa của bài thơ.</p>

<p>- GV tích hợp AI: 5.C4.2 - Dùng công cụ AI tạo hình minh họa ý tưởng, sau đó nhận xét điểm phù hợp và chưa phù hợp:</p> <p>+ GV giới thiệu cho HS biết: công cụ AI tạo hình có thể giúp minh họa một ý tưởng từ lời mô tả, nhưng hình ảnh tạo ra cần được con người kiểm tra, nhận xét.</p> <p>+ GV hướng dẫn HS viết lời mô tả an toàn, phù hợp với nội dung bài thơ, không đưa thông tin cá nhân của mình hoặc của bạn vào công cụ số.</p> <p>+ HS quan sát hình minh họa do GV chuẩn bị hoặc do GV thao tác mẫu, sau đó nhận xét: điểm nào phù hợp với hình ảnh trong bài thơ, điểm nào chưa phù hợp.</p> <p>+ HS hiểu AI hỗ trợ gợi ý hình ảnh, còn tình cảm, cảm xúc chân thật về bài thơ phải do chính người viết cảm nhận và diễn đạt.</p>	<p>- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn.</p> <p>+ Liên hệ nội dung bài học với bản thân.</p> <p>+ Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp.</p> <p>+ Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.</p>
--	---

3. Luyện tập: Tìm ý (18 phút)

Mục tiêu: HS liệt kê và sắp xếp ý theo ba phần của đoạn văn.

Cách tiến hành:

- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Tìm ý cho đoạn văn theo gợi ý trong SGK.	- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm vở.	- HS làm vở; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- <i>HS trình bày: Mở đầu: Giới thiệu tên bài thơ, tên tác giả và nêu cảm nghĩ chung về bài thơ. Triển khai: Nêu những điều em yêu thích ở bài thơ như nhân vật đáng yêu, cảnh vật tươi đẹp, ý thơ hay, bài thơ có ý nghĩa, cách dùng từ ngữ độc đáo, lời thơ truyền cảm; nêu tình cảm, cảm xúc của em về bài thơ. Kết thúc: Khẳng định lại tình cảm, cảm xúc của em với bài thơ.</i>
- GV hỏi mở rộng: Ý nào cần chọn lọc để đoạn văn không lan man?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- <i>GV kết luận: Khi tìm ý, cần chọn những điều tiêu biểu nhất ở bài thơ và cảm xúc chân thật của bản thân.</i>	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.

4. Vận dụng: Góp ý và chỉnh sửa (7 phút)

Mục tiêu: HS biết đọc soát ý đã tìm, góp ý và chỉnh sửa để hoàn thiện dàn ý.

Cách tiến hành:

- Bài 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Góp ý và chỉnh sửa.	- HS đọc bài 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS trao	- HS trao đổi nhóm 2; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.

đổi nhóm 2.	
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS đọc soát ý đã tìm theo các tiêu chí: những điều yêu thích ở bài thơ; tình cảm, cảm xúc đối với bài thơ; cách thể hiện tình cảm, cảm xúc đối với bài thơ. HS bổ sung hoặc chỉnh sửa theo góp ý của thầy cô, của các bạn.
- GV hỏi mở rộng: Khi góp ý cho bạn, em cần chú ý điều gì?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Cần góp ý lịch sự, cụ thể, giúp bạn bổ sung ý còn thiếu và sắp xếp ý rõ ràng hơn.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- GV chốt những điểm cần lưu ý để viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.	- HS lắng nghe, hoàn thiện phần tìm ý để chuẩn bị viết đoạn văn ở tiết sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 26: TRÍ TUỞNG TƯỢNG PHONG PHÚ

TIẾT 4: ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc câu chuyện viết về một người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật.
- Viết phiếu đọc sách theo mẫu, nêu được tên câu chuyện, nhân vật chính, lĩnh vực nghệ thuật, nội dung chính, chi tiết đáng nhớ và mức độ yêu thích.
- Trao đổi với bạn hoặc người thân về câu chuyện đã đọc; biết chia sẻ ấn tượng về tinh thần lao động, sáng tạo của người nghệ sĩ.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc trước bài, chuẩn bị SGK, chủ động thực hiện nhiệm vụ và tự điều chỉnh sản phẩm học tập theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, vận dụng vốn từ và trải nghiệm để nói, viết sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: chủ động tìm đọc sách, ghi phiếu đọc sách đầy đủ.
- Nhân ái: trân trọng người làm nghệ thuật và sản phẩm nghệ thuật.
- Trách nhiệm: ghi nguồn hình ảnh, tài liệu khi chia sẻ trong bài trình bày.

4. Tích hợp

NLS: 2.2.CB2a - HS tìm hình ảnh minh họa thơ và ghi nguồn khi chia sẻ trong bài trình bày.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Sách, truyện viết về người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật.
- Mẫu phiếu đọc sách trong SGK; hình SGK được cắt và chèn đúng vị trí.
- Máy chiếu hoặc thiết bị số để GV hướng dẫn cách ghi nguồn hình ảnh minh họa khi chia sẻ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 phút) <i>Mục tiêu: HS chia sẻ nhanh tên câu chuyện hoặc nhân vật nghệ thuật đã tìm đọc.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS nêu tên một câu chuyện hoặc một người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật mà em biết.	- HS nêu: nhạc sĩ, họa sĩ, nhà văn, nhà thơ, diễn viên, đạo diễn; hoặc tên một câu chuyện đã đọc.
2. Khám phá: Đọc câu chuyện và viết phiếu đọc sách (20 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc câu chuyện về một người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật và viết phiếu đọc sách theo mẫu.</i> Mục tiêu tích hợp: HS biết tìm hình ảnh minh họa thơ và ghi nguồn khi chia sẻ trong bài trình bày. <i>Cách tiến hành:</i>	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Đọc câu chuyện về một người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật.	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

<div><div>ĐỌC MỞ RỘNG</div><div><div>1. Đọc câu chuyện về một người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật.</div><div><div>G:</div><div><div><div>Kiến trúc</div><div>Âm nhạc</div><div>Điêu khắc</div><div>Sân khấu</div><div>Hội họa</div><div>Điện ảnh</div><div>Văn chương</div></div></div><div><div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div></div></div><div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div> <div><div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div><div><div><div></div></div></div></div><div><</div></div>
--

- GV kết luận: Phiếu đọc sách giúp HS ghi lại thông tin quan trọng và cảm nhận sau khi đọc.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
<p>- GV tích hợp NLS: 2.2.CB2a - HS tìm hình ảnh minh họa thơ và ghi nguồn khi chia sẻ trong bài trình bày:</p> <p>+ GV hướng dẫn HS tìm hình ảnh minh họa phù hợp với bài thơ, câu chuyện hoặc người làm nghệ thuật khi chuẩn bị bài trình bày.</p> <p>+ HS chỉ chọn hình ảnh từ nguồn đáng tin cậy, phù hợp lứa tuổi, không dùng hình ảnh thiếu văn minh hoặc không liên quan.</p> <p>+ HS ghi nguồn hình ảnh ngắn gọn: tên trang/sách/tác giả nếu có, đường dẫn hoặc nơi tìm thấy hình ảnh theo hướng dẫn của GV.</p> <p>+ HS hiểu rằng ghi nguồn là cách tôn trọng sản phẩm của người khác và thể hiện thói quen học tập số có trách nhiệm.</p>	<p>- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn.</p> <p>+ Liên hệ nội dung bài học với bản thân.</p> <p>+ Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp.</p> <p>+ Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.</p>
<p>3. Luyện tập: Trao đổi với bạn (12 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS biết giới thiệu và trao đổi với bạn về câu chuyện đã đọc.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
- Bài 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Trao đổi với bạn về câu chuyện đã đọc.	- HS đọc bài 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4; tìm chi tiết, thống nhất câu trả lời hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS giới thiệu tên câu chuyện, tên tác giả, nhân vật chính, lĩnh vực nghệ thuật, nội dung chính, chi tiết đáng nhớ và ấn tượng về tinh thần lao động, sáng tạo của người nghệ sĩ.
- GV hỏi mở rộng: Em học được điều gì từ người làm nghệ thuật trong câu chuyện?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Các thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về những thông tin các bạn chia sẻ.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
<p>4. Vận dụng - Củng cố (5 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS biết trao đổi với người thân về người làm nghệ thuật hoặc ý nghĩa của tác phẩm nghệ thuật đối với cuộc sống; nhớ nội dung chính của Bài 26.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu Vận dụng: Trao đổi với người thân về một người làm nghệ thuật hoặc ý nghĩa của những tác phẩm nghệ thuật đối với cuộc sống theo hướng dẫn trong SGK.	- HS ghi nhớ yêu cầu Vận dụng và thực hiện ở nhà.

- GV nhắc HS tìm thêm sách báo để đọc và giới thiệu cho nhau những sách báo tìm được.	- HS lắng nghe và chuẩn bị thêm sách, truyện phù hợp.
- GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 26: Đọc - hiểu Trí tưởng tượng phong phú; Viết Tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ; Đọc mở rộng đọc câu chuyện viết về một người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật và viết phiếu đọc sách theo mẫu.	- HS nhắc lại nội dung chính của bài, lắng nghe GV nhận xét và dặn dò đọc trước Bài 27.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT 5 CHỦ ĐIỂM: NGHỆ THUẬT MUÔN MÀU TUẦN 15

BÀI 27: TRANH LÀNG HỒ TIẾT 1: ĐỌC: TRANH LÀNG HỒ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng, rõ ràng văn bản *Tranh làng Hồ* với ngữ điệu nhẹ nhàng, tha thiết, pha chút tự hào; biết ngắt, nghỉ hơi hợp lý.
- Nhận biết được những ý chính trong bài đọc; hiểu được thông tin chính về tranh làng Hồ - một dòng tranh dân gian độc đáo của vùng quê Bắc Bộ, di sản văn hoá phi vật thể cấp quốc gia.
- Biết trả lời câu hỏi đọc hiểu, nêu cảm nhận về những bức tranh làng Hồ và bày tỏ sự trân trọng đối với sản phẩm tinh thần dân tộc Việt.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị SGK, đọc trước bài, tự thực hiện nhiệm vụ đọc, nói, viết và điều chỉnh sản phẩm theo gợi ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, dùng từ ngữ phù hợp và thể hiện suy nghĩ sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào và trân trọng các giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống của dân tộc.
- Nhân ái: biết kính trọng những người nghệ sĩ dân gian, trân trọng bàn tay lao động sáng tạo.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn, giới thiệu và lan tỏa giá trị di sản văn hóa truyền thống.

4. Tích hợp

Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục ý thức giữ gìn di sản văn hóa dân tộc, trân trọng bàn tay lao động của nghệ nhân.

Quyền con người: Lòng ghép quyền tham gia đời sống văn hóa và quyền được tiếp cận các giá trị nghệ thuật truyền thống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh minh họa bài đọc *Tranh làng Hồ*; hình trong SGK được cắt và chèn đúng vị trí.
- Tranh ảnh, tư liệu về tranh dân gian Đông Hồ, làng Hồ, Bắc Ninh.
- Máy chiếu hoặc màn hình; phiếu học tập cho hoạt động đọc hiểu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: HS quan sát tranh, dự đoán tên tranh và có hứng thú tìm hiểu bài đọc. Cách tiến hành:	

- GV nêu tên bài học <i>Tranh làng Hồ</i> và giao nhiệm vụ: đọc yêu cầu phần Khởi động: <i>Thử đoán tên của những bức tranh trong SHS.</i>	- HS đọc yêu cầu khởi động và quan sát các bức tranh trong SGK.
- GV cho HS thảo luận theo cặp: HS quan sát bức tranh và đặt tên theo ý của mình.	- HS thảo luận nhóm 2, nêu tên tranh theo suy đoán cá nhân.
- GV mời đại diện 2 - 3 HS trình bày trước lớp; các HS khác bổ sung.	- HS trình bày: có thể đoán là tranh đấu vật, tranh em bé cười trâu thổi sáo, tranh em bé ôm gà/vịt; HS khác góp ý, bổ sung.
- GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó công bố tên các bức tranh: <i>Đấu vật, Chăn trâu thổi sáo, Vinh hoa.</i>	- HS lắng nghe, đối chiếu với dự đoán của mình và ghi nhớ tên một số tranh dân gian Đông Hồ.
- GV giới thiệu khái quát về bài đọc: <i>Tranh làng Hồ</i> giới thiệu về một dòng tranh dân gian độc đáo xuất phát từ làng Hồ, thuộc tỉnh Bắc Ninh. Trước đây, tranh thường được bán vào dịp Tết. Hãy cùng đọc văn bản để xem tranh làng Hồ độc đáo như thế nào.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vào hoạt động đọc văn bản.
2. Khám phá: Đọc văn bản (15 phút) Mục tiêu: HS đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản; biết chia đoạn, luyện đọc từ khó và hiểu nghĩa một số từ ngữ. Mục tiêu tích hợp: HS biết trân trọng di sản văn hóa dân tộc và bàn tay lao động sáng tạo của nghệ nhân dân gian. Cách tiến hành:	
- GV đọc cả bài, đọc diễn cảm, giọng tâm tình, tha thiết.	- HS nghe GV đọc mẫu, theo dõi văn bản trong SGK.
- GV có thể mời 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trong bài. Có thể phân chia như sau: + Đoạn 1: Từ đầu đến <i>tuổi vui</i> . + Đoạn 2: Tiếp theo đến <i>gà mái mẹ</i> . + Đoạn 3: Còn lại.	- 3 HS đọc nối tiếp các đoạn, cả lớp theo dõi và nhận xét cách đọc của bạn.
- GV hướng dẫn đọc: Đây là văn bản thuộc thể loại <i>tùy bút</i> , là những ghi chép của chính tác giả về cuộc sống xung quanh. Các em chú ý đọc để thể hiện được tình cảm, cảm xúc của tác giả qua từng chi tiết trong văn bản.	- HS lắng nghe, hiểu yêu cầu giọng đọc nhẹ nhàng, tha thiết, pha chút tự hào.
- GV hướng dẫn HS đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: <i>người nghệ sĩ tạo hình, khoáy âm dương, lĩnh, màu trắng điệp</i> .	- HS luyện đọc từ khó: <i>người nghệ sĩ tạo hình, khoáy âm dương, lĩnh, màu trắng điệp</i> ; sửa lỗi phát âm theo hướng dẫn.
- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 3: mỗi HS đọc nối tiếp, sau đó đổi đoạn để đọc.	- HS làm việc nhóm 3, đọc nối tiếp các đoạn và góp ý cho bạn về phát âm, ngắt nghỉ, giọng đọc.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: đọc nhẩm toàn bài một lượt.	- HS đọc thầm toàn bài để nắm nội dung chính.
- GV mời 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp, nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.	- 3 HS đọc trước lớp; cả lớp lắng nghe, nhận xét và tự điều chỉnh cách đọc.

<p>- GV giải thích từ ngữ khó. Ngoài những từ ngữ đã được giải thích trong SGK là <i>làng Hồ, tranh tổ nữ, lĩnh, màu trắng điệp</i>, GV nên giải thích thêm: <i>ráy</i> là một thứ cây trồng gần giống cây khoai sọ, dùng làm thức ăn cho lợn; <i>khoáy âm dương</i> là khoáy hình tròn, giữa có nét cong như chữ S, chia hình tròn làm hai mảng - một mảng màu sáng và một mảng màu tối.</p>	<p>- HS nêu từ khó: <i>làng Hồ, tranh tổ nữ, lĩnh, màu trắng điệp, ráy, khoáy âm dương</i>; lắng nghe GV giải nghĩa và ghi nhớ.</p>
<p>- GV tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: + GV giúp HS nhận ra tranh làng Hồ là một di sản văn hóa dân tộc cần được giữ gìn, trân trọng. + GV hướng dẫn HS nhìn thấy sự khéo léo, tài hoa, tình yêu quê hương của các nghệ nhân qua từng bức tranh. + HS liên hệ việc bản thân có thể tìm hiểu, giới thiệu tranh dân gian, không xem nhẹ các giá trị nghệ thuật truyền thống.</p>	<p>- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.</p>
<p>3. Luyện tập: Trả lời câu hỏi (15 phút) Mục tiêu: HS trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu trong SGK, biết chốt đáp án theo SGK. Cách tiến hành:</p>	
<p>- Câu 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Kể tên những bức tranh làng Hồ được nhắc tới trong bài.</i></p>	<p>- HS đọc câu 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc chung cả lớp.</p>	<p>- HS làm việc chung cả lớp; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: Những bức tranh làng Hồ được nhắc tới trong bài là tranh lợn, gà, chuột, ếch, tranh cây dừa, tranh tổ nữ, tranh lợn <i>ráy</i>, tranh đàn gà mẹ con.</p>
<p>- GV kết luận: Những bức tranh làng Hồ được nhắc tới trong bài là tranh lợn, gà, chuột, ếch, tranh cây dừa, tranh tổ nữ, tranh lợn <i>ráy</i>, tranh đàn gà mẹ con.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<p>- Câu 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Hai bức tranh Lợn ăn cây ráy và Đàn gà mẹ con được miêu tả như thế nào?</i></p>	<p>- HS đọc câu 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 4; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: Bức tranh <i>Lợn ăn cây ráy</i> được miêu tả là có những <i>khoáy âm dương rất có duyên</i>; bức tranh <i>Đàn gà mẹ con</i> được miêu tả là có đàn gà con <i>tưng bừng ca múa</i></p>

	bên gà mẹ.
- GV hỏi mở rộng: Những từ ngữ nào miêu tả đặc sắc hai bức tranh?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Bức tranh <i>Lợn ăn cây ráy</i> được miêu tả là có những <i>khóy âm dương rất có duyên</i> ; bức tranh <i>Đàn gà mẹ con</i> được miêu tả là có đàn gà con <i>tưng bừng ca múa</i> bên gà mẹ.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Kỹ thuật tạo màu của tranh làng Hồ có gì đặc biệt?</i>	- HS đọc câu 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 2.	- HS thảo luận nhóm 2; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Màu đen được luyện bằng bột than, màu trắng làm từ bột của vỏ sò, vỏ điệp ở biển. Cả hai màu đều không pha bằng thuốc hay bột màu.
- GV hỏi mở rộng: Em có nhận xét gì về cách tạo màu này?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Màu đen được luyện bằng bột than, màu trắng làm từ bột của vỏ sò, vỏ điệp ở biển. Cả hai màu đều không pha bằng thuốc hay bột màu.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 4. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Tác giả biết ơn những người nghệ sĩ dân gian làng Hồ vì điều gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.</i>	- HS đọc câu 4 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS có thể chọn A, B, C hoặc nêu ý kiến riêng có lí. Ý A: vì họ đã phản ánh cuộc sống rất chân thực, giản dị, hóm hỉnh. Ý B: vì họ đã tạo nên những bức tranh từ tình yêu quê hương, đất nước tha thiết. Ý C: vì kỹ thuật vẽ tranh của họ đã đạt đến mức độ sâu sắc, tinh tế.
- GV hỏi mở rộng: Em đồng tình với ý nào nhất? Vì sao?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Đáp án là đáp án mở, chỉ cần HS có những biện luận phù hợp.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 5. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Nêu cảm nhận của em khi ngắm những bức tranh làng Hồ.</i>	- HS đọc câu 5 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận theo cặp hoặc nhóm.	- HS thảo luận theo cặp hoặc nhóm; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Em thấy tranh rất giống với cuộc sống làng quê. Em thấy màu sắc của tranh nhẹ nhàng, không sắc nét mà tự nhiên. Em yêu thích vẻ hóm hỉnh, đậm đà, lành mạnh và <i>tươi vui</i> của tranh.
- GV hỏi mở rộng: Em muốn giới thiệu tranh làng Hồ với ai?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Đây là câu hỏi mở, GV khuyến khích HS chia sẻ suy nghĩ của mình.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
4. Vận dụng: Luyện đọc lại (5 phút) Mục tiêu: HS đọc lại văn bản với giọng phù hợp, ghi nhớ nội dung chính. Mục tiêu tích hợp: HS hiểu quyền được tiếp cận, tham gia đời sống văn hóa và biết tôn trọng giá trị nghệ thuật truyền thống. Cách tiến hành:	
- GV tổ chức làm việc chung cả lớp: 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp; GV và HS cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.	- 3 HS đọc nối tiếp các đoạn; cả lớp góp ý về giọng đọc, cách ngắt nghỉ.
- GV cho HS làm việc cá nhân: HS tự đọc toàn bài.	- HS đọc thầm lại toàn bài, ghi nhớ nội dung chính.
- GV tích hợp Quyền con người: + GV lồng ghép quyền được tham gia đời sống văn hóa và quyền được tiếp cận các giá trị nghệ thuật truyền thống. + GV nhắc HS mỗi bạn đều có quyền tìm hiểu, thưởng thức, bày tỏ cảm nhận về tranh dân gian bằng thái độ tôn trọng. + HS thực hành lắng nghe cảm nhận khác nhau của bạn, không chê bai, áp đặt khi trao đổi về nghệ thuật.	- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 27: TRANH LÀNG HỒ**TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: LUYỆN TẬP VỀ ĐIỆP TỪ, ĐIỆP NGỮ****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Xác định được điệp từ, điệp ngữ trong câu thơ, đoạn văn và đoạn thơ.
- Nêu được tác dụng của biện pháp điệp từ, điệp ngữ trong từng ngữ liệu cụ thể.
- Viết được 2 - 3 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc về một đoạn thơ, đoạn văn, trong đó có sử dụng biện pháp điệp từ, điệp ngữ.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị SGK, đọc trước bài, tự thực hiện nhiệm vụ đọc, nói, viết và điều chỉnh sản phẩm theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, dùng từ ngữ phù hợp và thể hiện suy nghĩ sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực luyện tập, hoàn thành bài tập trong SGK.
- Trách nhiệm: sử dụng từ ngữ chính xác, trình bày bài sạch, rõ ràng.
- Nhân ái: biết thể hiện tình cảm, cảm xúc đẹp qua câu văn, câu thơ.

4. Tích hợp

NLS: 1.2.CB2a - HS tra cứu tranh dân gian Đông Hồ từ bảo tàng/website uy tín.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Hình bài tập Luyện từ và câu trong SGK được cắt đúng nội dung và chèn đúng vị trí.
- Phiếu học tập hoặc bảng nhóm cho hoạt động xác định điệp từ, điệp ngữ.
- Máy chiếu hoặc thiết bị số để GV hướng dẫn HS tra cứu tranh dân gian Đông Hồ từ nguồn tin cậy.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 phút) Mục tiêu: HS nhắc lại khái niệm điệp từ, điệp ngữ và tác dụng thường gặp của biện pháp này. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nhắc lại: Điệp từ, điệp ngữ là gì? Biện pháp này thường có tác dụng gì?	- HS nêu: Điệp từ, điệp ngữ là lặp lại từ ngữ để nhấn mạnh ý, làm nổi bật hình ảnh, cảm xúc hoặc tạo nhịp điệu.
2. Luyện tập (30 phút) Mục tiêu: HS thực hiện các bài tập trong SGK, nêu đúng đáp án và tác dụng của điệp từ, điệp ngữ. Mục tiêu tích hợp: HS biết tra cứu tranh dân gian Đông Hồ từ bảo tàng/website uy tín và nhận biết nguồn thông tin phù hợp. Cách tiến hành:	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Xác định điệp từ, điệp ngữ trong những câu thơ, đoạn văn ở cột A. Chọn câu, đoạn phù hợp với ý nêu tác dụng của biện pháp đó ở cột B.	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân rồi thảo luận nhóm 4.	- HS làm việc cá nhân rồi thảo luận nhóm 4; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác	- HS trình bày: a. Ngủ yên, <i>ngủ yên</i> , cò ơi,

nhận xét, bổ sung.	chớ sợ / Cành có mềm mẹ đã sẵn tay nâng: lặp lại lời vỗ về của “cò mẹ” (<i>ngủ yên</i>), tạo nên âm hưởng của lời ru ngọt ngào, qua đó nhấn mạnh tình yêu thương của “cò mẹ” đối với con. b. Trong đầm gì đẹp bằng sen...: lặp các từ ngữ <i>lá xanh, bông trắng, nhị vàng</i> nhằm làm nổi bật các bộ phận của hoa sen, phần nào cũng đẹp để, từ đó nhấn mạnh vẻ đẹp bình dị mà thanh cao của loài hoa này. c. Thoắt cái...: lặp lại từ ngữ <i>thoắt cái</i> nhằm làm nổi bật sự thay đổi nhanh chóng của vạn vật.
- GV kết luận: a - Lặp lại lời vỗ về của “cò mẹ”; b - Làm nổi bật các bộ phận của hoa sen; c - Làm nổi bật sự thay đổi nhanh chóng của vạn vật.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Xác định điệp từ, điệp ngữ trong đoạn thơ trong SHS và nêu tác dụng của biện pháp điệp từ, điệp ngữ đó.	- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân rồi thảo luận nhóm.	- HS làm việc cá nhân rồi thảo luận nhóm; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Điệp từ, điệp ngữ trong đoạn thơ là <i>ai sẽ</i> . Tác dụng: lặp lại cụm từ <i>ai sẽ</i> nhằm nhấn mạnh sự thiếu vắng của thế giới này nếu không có trẻ con.
- GV hỏi mở rộng: Vì sao việc lặp lại cụm từ “ <i>ai sẽ</i> ” làm ý thơ trở nên day dứt hơn?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Lặp lại cụm từ <i>ai sẽ</i> nhằm nhấn mạnh sự thiếu vắng của thế giới này nếu không có trẻ con.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Bài 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Viết 2 - 3 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc về một đoạn thơ, đoạn văn ở bài tập 1 hoặc bài tập 2, trong đó có sử dụng biện pháp điệp từ, điệp ngữ.	- HS đọc bài 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm vở, sau đó trao đổi nhóm.	- HS làm vở, sau đó trao đổi nhóm; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Ví dụ: Em rất thích đoạn thơ viết về hoa sen. Hình ảnh <i>lá xanh, bông trắng, nhị vàng</i> cứ hiện lên nhẹ nhàng, trong trẻo. Em yêu vẻ đẹp thanh cao, yêu hương thơm dịu dàng, yêu sự bình dị của hoa sen.
- GV hỏi mở rộng: Câu nào của em có sử dụng điệp từ hoặc điệp ngữ?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.

- GV kết luận: Khi viết câu thể hiện tình cảm, cảm xúc, cần dùng điệp từ, điệp ngữ đúng chỗ để nhấn mạnh cảm xúc và làm câu văn giàu nhịp điệu.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
<p>- GV tích hợp NLS: 1.2.CB2a - HS tra cứu tranh dân gian Đông Hồ từ bảo tàng/website uy tín:</p> <p>+ GV hướng dẫn HS mở trình duyệt, gõ từ khóa phù hợp: tranh dân gian Đông Hồ, bảo tàng tranh Đông Hồ, tranh làng Hồ.</p> <p>+ GV nhắc HS ưu tiên nguồn thông tin từ bảo tàng, thư viện, website giáo dục hoặc trang chính thống; không sao chép tùy tiện từ nguồn không rõ.</p> <p>+ HS quan sát hình ảnh tranh dân gian Đông Hồ trên nguồn tin cậy, ghi lại tên tranh và nguồn đã xem.</p> <p>+ HS hiểu rằng khi dùng thông tin trên mạng cần kiểm tra nguồn, ghi nguồn và sử dụng thông tin có trách nhiệm.</p>	<p>- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn.</p> <p>+ Liên hệ nội dung bài học với bản thân.</p> <p>+ Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp.</p> <p>+ Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.</p>
<p>3. Vận dụng - Củng cố (7 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức về điệp từ, điệp ngữ và chuẩn bị bài viết ở tiết sau.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
- GV yêu cầu HS nêu lại tác dụng của điệp từ, điệp ngữ trong câu văn, câu thơ.	- HS nêu: Điệp từ, điệp ngữ giúp nhấn mạnh ý, tạo nhịp điệu và làm nổi bật tình cảm, cảm xúc.
- GV nhận xét, khen ngợi những HS viết được câu hay có sử dụng biện pháp điệp từ, điệp ngữ thích hợp.	- HS lắng nghe, sửa lỗi câu văn nếu có và chuẩn bị cho tiết Viết.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 27: TRANH LÀNG HỒ**TIẾT 3: VIẾT: VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ đúng yêu cầu, dựa trên dàn ý đã lập.
- Biết sắp xếp các ý trong đoạn văn hợp lí, diễn đạt rõ ý, nêu được tình cảm, cảm xúc qua từ ngữ và câu văn giàu sức biểu cảm.
- Biết đọc soát và chỉnh sửa đoạn văn theo gợi ý trong SGK.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị SGK, đọc trước bài, tự thực hiện nhiệm vụ đọc, nói, viết và điều chỉnh sản phẩm theo gợi ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, dùng từ ngữ phù hợp và thể hiện suy nghĩ sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tập trung viết bài, đọc soát và chỉnh sửa sản phẩm.
- Nhân ái: biết bộc lộ tình cảm, cảm xúc tích cực trước vẻ đẹp của thơ ca.
- Trách nhiệm: viết bài trung thực, không sao chép bài của bạn, biết tiếp thu góp ý.

4. Tích hợp

AI: 5.C4.2 - Quan sát hình ảnh số, thảo luận AI có thể phục dựng tranh nhưng cần tôn trọng giá trị truyền thống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Hình hoạt động Viết trong SGK được cắt đúng nội dung và chèn đúng vị trí.
- Dàn ý HS đã chuẩn bị ở Bài 26; vở viết hoặc giấy viết.
- Một số hình ảnh số về tranh dân gian để thảo luận AI và giá trị truyền thống.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 phút) Mục tiêu: HS nhắc lại dàn ý và yêu cầu của đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc lại đề bài đã chọn và nhắc lại bố cục đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.	- HS nêu: Đoạn văn cần có mở đầu, triển khai, kết thúc; nêu rõ tình cảm, cảm xúc và những điều yêu thích ở bài thơ.
2. Khám phá: Chuẩn bị viết (7 phút) Mục tiêu: HS đọc đề, đọc lại dàn ý và ví dụ trong SGK để chuẩn bị viết. Mục tiêu tích hợp: HS biết quan sát hình ảnh số, hiểu AI có thể phục dựng tranh nhưng cần tôn trọng giá trị truyền thống. Cách tiến hành:	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Dựa vào kết quả tìm ý trong hoạt động Viết ở Bài 26, viết đoạn văn theo yêu cầu của đề bài đã chọn.	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân.	- HS làm việc cá nhân; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS chọn 1 trong 2 đề: Đề 1 viết về một bài thơ thuộc chủ điểm <i>Thế giới</i>

	<i>tuổi thơ</i> ; Đề 2 viết về một bài thơ ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên. HS đọc lại ý đã tìm, điều chỉnh dàn ý nếu cần.
- GV kết luận: Các ý trong đoạn văn cần sắp xếp hợp lý; diễn đạt rõ ý, nêu được tình cảm, cảm xúc của em với bài thơ qua những từ ngữ và câu văn giàu sức biểu cảm.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- GV tích hợp AI: 5.C4.2 - Quan sát hình ảnh số, thảo luận AI có thể phục dựng tranh nhưng cần tôn trọng giá trị truyền thống: + GV cho HS quan sát một số hình ảnh số về tranh dân gian hoặc tranh được phục dựng bằng công cụ số. + GV hướng dẫn HS nhận xét điểm giống và khác giữa hình ảnh số với tranh truyền thống, chú ý màu sắc, đường nét, nội dung văn hóa. + HS thảo luận: AI có thể hỗ trợ phục dựng, mô phỏng hoặc gợi ý hình ảnh, nhưng không thay thế giá trị sáng tạo và bàn tay của nghệ nhân. + HS rút ra bài học: khi dùng công nghệ, cần tôn trọng nguồn gốc, tên tranh, tác giả/nghệ nhân và giá trị truyền thống.	- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.
3. Luyện tập: Viết đoạn văn (22 phút) Mục tiêu: HS viết đoạn văn theo cấu trúc 3 phần và thể hiện được tình cảm, cảm xúc riêng. Cách tiến hành:	
- GV nhắc HS tập trung làm bài, chú ý các cách thể hiện tình cảm, cảm xúc khác nhau bằng từ ngữ, câu văn biểu cảm, trực tiếp bộc lộ tình cảm hoặc thể hiện tình cảm qua suy nghĩ, việc làm.	- HS viết đoạn văn theo cấu trúc 3 phần: mở đầu, triển khai, kết thúc; tạo được sự kết nối giữa các ý trong đoạn văn.
- GV quan sát HS, có thể hỗ trợ khi HS đề đạt yêu cầu hoặc hỗ trợ những em còn hạn chế về kĩ năng viết.	- HS hoàn thành đoạn văn; tự kiểm tra cách sắp xếp ý, cách dùng từ, câu văn và chính tả.
4. Vận dụng: Đọc soát và chỉnh sửa (8 phút) Mục tiêu: HS đọc soát, phát hiện lỗi và sửa lỗi trong đoạn văn. Cách tiến hành:	
- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Đọc soát và chỉnh sửa.	- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi nhóm 2.	- HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi nhóm 2; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS đọc lại đoạn văn, kiểm tra: cách sắp xếp ý; cách thể hiện cảm xúc; dẫn chứng minh họa; cách dùng từ, viết câu. HS sửa lỗi trong đoạn văn theo nhận xét của GV hoặc góp ý của bạn.

- GV hỏi mở rộng: Khi đọc soát bài, em cần kiểm tra những điểm nào trước tiên?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: HS cần đọc lại bài của mình, tự rà soát, phát hiện lỗi theo hướng dẫn trong SGK và sửa lỗi hoặc ghi chép lỗi cần sửa.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- GV yêu cầu HS thực hiện Vận dụng: a. <i>Đọc đoạn văn của em cho người thân nghe. Chia sẻ cảm xúc của em khi viết đoạn văn đó.</i> b. <i>Đọc lại một bài thơ em yêu thích và ghi vào phiếu đọc sách những điều em thấy thú vị.</i>	- HS ghi nhớ yêu cầu Vận dụng và thực hiện ở nhà.
- GV củng cố nội dung Bài 27: Đọc - hiểu <i>Tranh làng Hồ</i> ; Luyện từ và câu: Luyện tập về điệp từ, điệp ngữ; Viết: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.	- HS nhắc lại nội dung chính của bài, chuẩn bị đọc trước Bài 28.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 28: TẬP HÁT QUAN HỌ

TIẾT 1 - 2: ĐỌC: TẬP HÁT QUAN HỌ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Tập hát quan họ*; biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp, nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.
- Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể; hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật; nêu được đặc điểm các nhân vật dựa vào hành động, lời nói của nhân vật.
- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Giữ gìn những làn điệu dân ca quan họ là một cách để giữ gìn văn hoá truyền thống, nghệ thuật truyền thống của Việt Nam.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị SGK, đọc trước bài, tự thực hiện nhiệm vụ đọc, nói, viết và điều chỉnh sản phẩm theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, dùng từ ngữ phù hợp và thể hiện suy nghĩ sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: yêu dân ca, tự hào về nghệ thuật truyền thống và có ý thức giữ gìn di sản văn hóa dân tộc.
- Nhân ái: biết trân trọng người dạy hát, người biểu diễn và những người gìn giữ nghệ thuật truyền thống.
- Trách nhiệm: có ý thức tìm hiểu, giới thiệu, bảo tồn những giá trị văn hóa tốt đẹp của quê hương.

4. Tích hợp

Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Bồi dưỡng tình yêu dân ca, ý thức bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể của quê hương.

Quyền con người: Giáo dục quyền được tham gia sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật lành mạnh phù hợp với lứa tuổi.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh minh họa phần Khởi động và bài đọc *Tập hát quan họ*; hình trong SGK được cắt đúng vị trí.
- Clip hoặc bài hát quan họ, ca trù, cải lương minh họa cho phần khởi động.
- Phiếu học tập cho hoạt động đọc hiểu; bảng phụ ghi câu dài cần luyện đọc.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (8 phút) Mục tiêu: HS nói được điều em biết về một môn nghệ thuật truyền thống của nước ta. Cách tiến hành:	
- GV giao nhiệm vụ: làm việc theo nhóm, trao đổi hoạt động Khởi động: <i>Nói vài điều em biết về một môn nghệ thuật truyền thống của nước ta.</i>	- HS đọc yêu cầu khởi động, quan sát các tranh gợi ý trong SGK: quan họ, ca trù, cải lương.
- GV cho HS quan sát tranh và tên các môn nghệ thuật được gợi ý trong SGK; HS có thể chọn một môn nghệ thuật trong sách hoặc một môn nghệ thuật khác mà HS biết để nói trong nhóm.	- HS làm việc nhóm, nói về nơi biểu diễn, người tham gia, trang phục, nhạc cụ hoặc điều em biết về môn nghệ thuật đó.
- GV mời đại diện 2 - 3 nhóm trình bày trước lớp; GV và HS nhận xét, góp ý.	- Đại diện nhóm trình bày: quan họ là lối hát đối đáp; ca trù thường có người hát, người gõ phách, người đàn; cải lương là nghệ thuật sân khấu có nguồn gốc từ Nam Bộ.
- GV mời 1 HS miêu tả tranh minh họa bài	- HS quan sát tranh, nêu cảm nhận về không

đọc: Tranh vẽ cảnh ngoài trời, hai cô gái mặc áo mới ba mới bảy, đầu đội khăn mỏ quạ như đang hát; một người lớn tuổi đang hướng dẫn; hai bạn nhỏ ngồi bên cạnh như đang nghe hát.	khí vui vẻ, gần gũi của buổi tập hát.
- GV dẫn sang bài đọc <i>Tập hát quan họ</i> : Việt Nam có nhiều môn nghệ thuật truyền thống đặc sắc, thể hiện bản sắc văn hoá dân tộc. Hôm nay, các em sẽ cùng đọc bài <i>Tập hát quan họ</i> để biết các bạn nhỏ trong bài nói gì, nghĩ gì về một môn nghệ thuật rất độc đáo, thú vị của Việt Nam.	- HS lắng nghe và chuẩn bị vào hoạt động đọc văn bản.
2. Khám phá: Đọc văn bản (25 phút) Mục tiêu: HS đọc đúng, đọc diễn cảm câu chuyện; hiểu nghĩa từ khó và nắm được mạch sự việc. Mục tiêu tích hợp: HS hình thành tình yêu dân ca, ý thức bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể của quê hương. Cách tiến hành:	
- GV đọc cả bài, giọng kể chuyện, thay đổi ngữ điệu khi đọc các câu văn chứa từ ngữ gợi tả, gợi cảm.	- HS nghe GV đọc mẫu, theo dõi bài đọc trong SGK.
- GV hướng dẫn đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: nổi tiếng, cổ thụ, thơm nức, xa lông, chỉ dẫn, lỗ đố, liền chị, <i>Ngó lơ</i> , nước suối, gió lùa, thổi lên, nồng cháy, lầy lội, nhả chữ, luyến láy, <i>Giã bạn</i> , lưu luyến, chùng nào.	- HS luyện đọc từ khó: nổi tiếng, cổ thụ, thơm nức, liền chị, <i>Ngó lơ</i> , <i>Thương nhau</i> , <i>Giã bạn</i> , lầy lội, nhả chữ, luyến láy, lưu luyến.
- GV hướng dẫn cách ngắt giọng ở những câu dài: Điều “ <i>Ngó lơ</i> ” phải hát với giọng then thùng, e ấp, tiếng hát phải như nước suối thượng nguồn, róc rách, từ từ, nhưng trong vắt, tinh khôi và hứa hẹn <i>một dòng cuộn cuộn</i> . Tôi vẫn mong ngóng đến ngày, điệp khúc đó sẽ được ngân lên bằng giọng hát của chính tôi, chứ không chỉ vang lên trong tâm trí như khi ấy.	- HS luyện đọc câu dài, chú ý ngắt nghỉ hơi và giọng đọc thể hiện cảm xúc.
- GV mời 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn: đoạn 1 từ đầu đến <i>dưới sự chỉ dẫn của bà Trưởng</i> ; đoạn 2 tiếp theo đến <i>một dòng cuộn cuộn</i> ; đoạn 3 tiếp theo đến <i>buồn biết chùng nào</i> ; đoạn 4 còn lại.	- 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn; cả lớp theo dõi.
- GV cho HS làm việc theo cặp hoặc nhóm 4: mỗi HS đọc một đoạn, sau đó đổi lại thứ tự đọc.	- HS luyện đọc trong nhóm, góp ý cho bạn về phát âm, ngắt nghỉ, giọng đọc.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: đọc nhẩm toàn bài một lượt.	- HS đọc thầm toàn bài, chuẩn bị trả lời câu hỏi.
- GV mời HS đọc nối tiếp xen kẽ 4 đoạn trước lớp, nhận xét việc đọc diễn cảm của cả	- HS đọc trước lớp; cả lớp nhận xét, tự điều chỉnh.

lớp.	
- GV hướng dẫn HS đọc các từ ngữ được giải thích trong SGK và tự tra từ điển những từ ngữ còn chưa hiểu rõ. GV giải nghĩa thêm: thượng nguồn là đoạn đầu nguồn của một con sông hoặc suối; lấy hơi, nhả chữ là kỹ thuật hát trong loại hình sân khấu; <i>Giã bạn</i> là từ giã bạn khi hội đã tan; đau đứt là trạng thái không yên lòng.	- HS nêu từ khó: tầng cây, liền chị, thượng nguồn, lấy hơi, nhả chữ, <i>Giã bạn</i> , đau đứt; lắng nghe GV giải nghĩa và ghi nhớ.
- GV tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: + GV giúp HS nhận ra quan họ là một loại hình dân ca truyền thống, cần được yêu quý và gìn giữ. + GV nhấn mạnh những người như bà Trường và các liền chị đã góp phần truyền dạy, bảo tồn giá trị văn hóa quê hương. + HS liên hệ: biết lắng nghe, tìm hiểu, giới thiệu dân ca và các môn nghệ thuật truyền thống với thái độ trân trọng.	- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.
3. Luyện tập: Trả lời câu hỏi (25 phút) Mục tiêu: HS trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu theo SGK, biết nêu cảm nhận về nghệ thuật hát quan họ. Cách tiến hành:	
- Câu 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Các liền chị tập hát trong khung cảnh như thế nào?</i>	- HS đọc câu 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận nhóm.	- HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận nhóm; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Các liền chị tập hát ở nhà bà Trường trong khung cảnh rất thơ mộng. Đường vào nhà bà cong như cổ ngỗng, hai bên trồng hoa tầm xuân. Trước nhà có hồ rộng thả sen, có vườn trồng táo. Táo cổ thụ um tùm rợp bóng, táo chín vỡ thơm nức trên những phiến đá xanh xếp như bộ xa lông đồ sộ ngoài trời. Khi các chị tập hát vào mùa xuân, nắng ấm xuyên qua tầng cây rơi lổ đổ xuống thảm lá khô. Vào mùa hạ, các chị tập hát dưới đêm trăng, gió lùa từ hồ sen trước nhà thổi lên mát rượi.
- GV kết luận: Các liền chị tập hát ở nhà bà Trường trong khung cảnh rất thơ mộng.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Tìm những chi tiết miêu tả các liền chị lúc tập hát.</i>	- HS đọc câu 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân rồi trao đổi theo cặp.	- HS làm việc cá nhân rồi trao đổi theo cặp; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Các liền chị chít khăn đen, má đỏ hồng, ngồi trên những phiến đá xanh, tập hát.
- GV kết luận: Các liền chị chít khăn đen, má đỏ hồng, ngồi trên những phiến đá xanh, tập hát.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Bà Trưởng dạy các liền chị hát mỗi điệu quan họ dưới đây ra sao: “Ngổ lời”, “Thương nhau”, “Giã bạn”?</i>	- HS đọc câu 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 3 hoặc nhóm 6.	- HS thảo luận nhóm 3 hoặc nhóm 6; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: <i>Ngổ lời</i> : hát với giọng then thùng, e ấp, tiếng hát phải như nước suối thượng nguồn, róc rách, từ từ, nhưng trong vắt, tinh khôi và hứa hẹn <i>một dòng cuộn cuộn</i> . <i>Thương nhau</i> : hát nồng cháy, thiết tha. <i>Giã bạn</i> : hát với giọng lưu luyến, dùng dằng, đau dứt.
- GV kết luận: <i>Ngổ lời</i> : hát với giọng then thùng, e ấp; <i>Thương nhau</i> : hát nồng cháy, thiết tha; <i>Giã bạn</i> : hát với giọng lưu luyến, dùng dằng, đau dứt.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 4. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Những chi tiết dưới đây giúp em hiểu điều gì về nhân vật “tôi”?</i>	- HS đọc câu 4 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Ngày nào cũng đến nhà bà Trưởng nghe các chị tập hát quan họ cho thấy nhân vật “tôi” rất say mê các làn điệu quan họ. Tâm trí cứ ngân nga điệp khúc của điệu <i>Giã bạn</i> cho thấy các làn điệu quan họ để lại rất nhiều tình cảm, cảm xúc trong lòng nhân vật “tôi”. Mong ngóng đến ngày chính mình được hát các giai điệu đó cho thấy ước mơ của nhân vật “tôi” là sau này sẽ hát và biểu diễn được các bài dân ca quan họ.
- GV hỏi mở rộng: Em thấy nhân vật “tôi” có tình cảm như thế nào với quan họ?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Nhân vật “tôi” rất yêu thích quan họ, mỗi lần nghe hát quan họ là nhớ	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.

mãi không quên. Niềm say mê các làn điệu quan họ đã biến thành ước mơ của nhân vật “tôi”: sau này sẽ được hát và biểu diễn quan họ.	
- Câu 5. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Dựa vào tranh minh họa và nội dung bài đọc, nêu cảm nhận của em về nghệ thuật hát quan họ.</i>	- HS đọc câu 5 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận theo nhóm rồi trình bày.	- HS thảo luận theo nhóm rồi trình bày; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Em cảm thấy quan họ là môn nghệ thuật truyền thống rất đẹp, tha thiết và giàu tình cảm. Các làn điệu quan họ làm cho người nghe nhớ mãi; trang phục, cách hát, lời ca đều mang nét văn hóa riêng của quê hương Bắc Ninh.
- GV hỏi mở rộng: Em cần làm gì để hiểu thêm về nghệ thuật quan họ?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Đây là câu hỏi mở. GV khuyến khích HS chia sẻ cảm nhận thực tế; HS cần trân trọng các giá trị mà nghệ thuật quan họ mang lại và tìm hiểu kĩ hơn để cảm nhận được cái hay, cái đẹp của nghệ thuật này.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
4. Vận dụng: Luyện đọc lại (7 phút) Mục tiêu: HS luyện đọc lại văn bản, củng cố nội dung bài đọc. Mục tiêu tích hợp: HS hiểu quyền được tham gia sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật lành mạnh phù hợp với lứa tuổi. Cách tiến hành:	
- GV hướng dẫn HS đọc lại bài đọc: làm việc chung cả lớp, 4 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp; GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.	- 4 HS đọc nối tiếp các đoạn, cả lớp góp ý.
- GV cho HS đọc theo cặp, góp ý cho nhau.	- HS luyện đọc theo cặp, sửa lỗi cho bạn nếu có.
- GV tích hợp Quyền con người : + GV giáo dục HS hiểu trẻ em có quyền được tham gia các sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật lành mạnh, phù hợp với lứa tuổi. + GV khuyến khích HS mạnh dạn hát, nghe, tìm hiểu, chia sẻ về các môn nghệ thuật truyền thống trong môi trường an toàn, tôn trọng. + HS thực hành lắng nghe, tôn trọng sở thích nghệ thuật của bạn, không chê bai giọng hát hoặc cách cảm nhận của người khác.	- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 28: TẬP HÁT QUAN HỌ**TIẾT 3: VIẾT: ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Biết nghe nhận xét chung, đọc lại đoạn văn đã viết và tự đánh giá ưu điểm, hạn chế của bài viết.
- Biết chỉnh sửa đoạn văn theo góp ý; viết lại một số câu văn cho hay hơn.
- Biết chia sẻ, nhận xét sản phẩm của bạn bằng lời lẽ lịch sự, cụ thể.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị SGK, đọc trước bài, tự thực hiện nhiệm vụ đọc, nói, viết và điều chỉnh sản phẩm theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, dùng từ ngữ phù hợp và thể hiện suy nghĩ sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: nghiêm túc đọc soát, sửa lỗi và hoàn thiện bài viết.
- Nhân ái: biết góp ý nhẹ nhàng, tôn trọng sản phẩm viết của bạn.
- Trách nhiệm: biết tiếp thu góp ý, tự hoàn thiện sản phẩm học tập.

4. Tích hợp

NLS: 2.5.CB2a - HS chia sẻ, nhận xét tiết mục nghệ thuật trên lớp học số bằng lời lẽ lịch sự.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Hình hoạt động Viết trong SGK được cắt đúng nội dung và chèn đúng vị trí.
- Bài viết của HS ở tiết trước; phiếu tự đánh giá và bảng tiêu chí.
- Lớp học số hoặc bảng chia sẻ trực tuyến do GV quản lý.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 phút) Mục tiêu: HS nhớ lại yêu cầu của đoạn văn và chuẩn bị tâm thế chỉnh sửa bài viết. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nêu lại các yêu cầu của đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.	- HS nêu: có đủ mở đầu, triển khai, kết thúc; nêu rõ điều mình yêu thích hoặc ấn tượng; dùng từ, câu thể hiện tình cảm; viết sạch, không mắc lỗi chính tả.
2. Khám phá: Đánh giá kết quả làm bài (12 phút) Mục tiêu: HS nghe nhận xét chung và tự đánh giá bài làm theo tiêu chí. Mục tiêu tích hợp: HS biết chia sẻ, nhận xét tiết mục nghệ thuật trên lớp học số bằng lời lẽ lịch sự. Cách tiến hành:	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Nghe thầy cô giáo nhận xét chung.	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc chung cả lớp.	- HS làm việc chung cả lớp; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS lắng nghe GV nhận xét về kết quả bài làm: ưu điểm, hạn chế, những câu văn hay, lỗi thường gặp và hướng chỉnh sửa.

- GV kết luận: Dựa trên kết quả quan sát HS viết đoạn văn, GV nêu nhận xét chung về kết quả bài làm của cả lớp; khen ngợi những HS viết bài đúng yêu cầu, thể hiện sự cảm nhận cái hay, cái đẹp của bài thơ.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Đọc lại đoạn văn em viết và nhận xét của thầy cô giáo để biết bài làm đạt được những yêu cầu nào dưới đây.	- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân.	- HS làm việc cá nhân; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS đọc lại bài của mình và tự đánh giá: có đủ phần mở đầu, triển khai, kết thúc; nêu rõ những điều mình yêu thích hoặc có ấn tượng sâu sắc về bài thơ; sử dụng từ ngữ, câu văn thể hiện rõ tình cảm, cảm xúc đối với bài thơ; không mắc lỗi chính tả, chữ viết sạch, rõ ràng.
- GV hỏi mở rộng: Em thấy bài của mình cần sửa điểm nào trước?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: HS có thể tự đánh giá bài làm của mình trước lớp và nêu phương án chỉnh sửa hoặc cách viết hay hơn.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- GV tích hợp NLS: 2.5.CB2a - HS chia sẻ, nhận xét tiết mục nghệ thuật trên lớp học số bằng lời lẽ lịch sự: + GV hướng dẫn HS khi chia sẻ bài viết, đoạn văn hoặc cảm nhận về một tiết mục nghệ thuật trên lớp học số cần dùng lời lẽ lịch sự, tôn trọng. + HS viết nhận xét ngắn gọn, cụ thể: điều em thích, điều bạn có thể làm tốt hơn, không dùng từ chê bai hoặc biểu tượng thiếu phù hợp. + GV nhắc HS không đăng thông tin cá nhân, hình ảnh của bạn khi chưa được phép và chỉ chia sẻ trong không gian học tập do GV quản lí. + HS thực hành văn hóa ứng xử số: đọc kĩ trước khi gửi, chịu trách nhiệm về lời nhận xét của mình.	- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.
3. Luyện tập: HS chỉnh sửa, hoàn thiện bài làm (18 phút) Mục tiêu: HS sửa lỗi và viết lại câu văn hoặc đoạn văn cho hay hơn. Cách tiến hành:	
- Bài 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Chỉnh sửa bài viết.	- HS đọc bài 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập,	- HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi cặp;

gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi cặp.	chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS sửa lỗi trong đoạn văn theo nhận xét của thầy cô hoặc góp ý của bạn; viết lại một số câu văn cho hay hơn. Ví dụ: Hai dòng thơ “Con thác réo ngân nga/Đàn dê soi đáy suối” trong bài Trước cổng trời đẹp như một bức tranh. Tôi như thấy hiện ra trước mắt mình dòng thác trắng xóa đổ xuống từ núi cao, như nghe thấy tiếng nước reo rộn rã, ngân vang khắp núi rừng. Bên dòng suối uốn lượn dưới chân núi, đàn dê thông dong, soi bóng mình xuống đáy nước trong vắt... Hình ảnh thơ đẹp biết bao!
- GV hỏi mở rộng: Khi sửa bài, em cần giữ lại điều gì và thay đổi điều gì?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: HS đọc lại đoạn mở đầu và kết thúc trong đoạn văn của mình để thấy có sự thống nhất và kết nối chưa; xác định đoạn văn đã bộc lộ tình cảm, cảm xúc đối với bài thơ qua từ ngữ, câu văn nào; viết lại những câu văn muốn sửa cho hay hơn.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
4. Vận dụng - Củng cố (7 phút) Mục tiêu: HS trình bày sản phẩm đã chỉnh sửa và rút kinh nghiệm cho bài viết sau. Cách tiến hành:	
- GV mời một số HS đọc câu văn hoặc đoạn văn đã chỉnh sửa, viết lại; cả lớp nhận xét, góp ý.	- HS đọc sản phẩm sau khi sửa; các bạn nhận xét, góp ý bằng lời lẽ lịch sự.
- GV có thể chỉnh sửa thêm và động viên, khích lệ HS.	- HS lắng nghe, hoàn thiện bài viết vào vở.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 28: TẬP HÁT QUAN HỌ**TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE: CHƯƠNG TRÌNH NGHỆ THUẬT EM YÊU THÍCH****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Giới thiệu được một chương trình nghệ thuật mà em đã được xem trực tiếp hoặc trên ti vi.
- Biết chuẩn bị nội dung giới thiệu, trình bày rõ ràng, tự tin, có sử dụng phương tiện hỗ trợ phù hợp nếu cần.
- Biết lắng nghe, ghi chép thông tin quan trọng, đặt câu hỏi để hiểu rõ hơn về chương trình nghệ thuật bạn giới thiệu.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị SGK, đọc trước bài, tự thực hiện nhiệm vụ đọc, nói, viết và điều chỉnh sản phẩm theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, dùng từ ngữ phù hợp và thể hiện suy nghĩ sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Tự tin: mạnh dạn trình bày trước nhóm và trước lớp.
- Nhân ái: biết lắng nghe, tôn trọng sở thích nghệ thuật của bạn.
- Trách nhiệm: chuẩn bị nội dung đầy đủ, góp ý văn minh và chia sẻ đúng mực.

4. Tích hợp

Quyền con người: Rèn quyền được bày tỏ ý kiến, biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến khác biệt khi trao đổi về chủ đề tập hát quan họ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Hình hoạt động Nói và nghe trong SGK được cắt đúng nội dung và chèn đúng vị trí.
- Tranh ảnh, video ngắn hoặc ghi chú về chương trình nghệ thuật HS yêu thích.
- Phiếu đánh giá phân trình bày: nội dung giới thiệu, cách trình bày, lời nói, âm lượng, cử chỉ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 phút) Mục tiêu: HS chia sẻ nhanh tên chương trình nghệ thuật đã từng xem. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS kể tên một chương trình nghệ thuật em đã từng xem trực tiếp hoặc trên ti vi.	- HS chia sẻ: chương trình văn nghệ chào mừng năm học mới, chương trình ca nhạc, xiếc, múa rối, cải lương, quan họ, biểu diễn thời trang, hội diễn văn nghệ.
2. Khám phá: Chuẩn bị (12 phút) Mục tiêu: HS biết lựa chọn chương trình nghệ thuật và ghi ngắn gọn nội dung sẽ giới thiệu. Mục tiêu tích hợp: HS biết quyền được bày tỏ ý kiến, lắng nghe và tôn trọng ý kiến khác biệt khi trao đổi về chủ đề tập hát quan họ. Cách tiến hành:	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Chuẩn bị giới thiệu một chương trình nghệ thuật mà em đã được xem trực tiếp hoặc trên ti vi.	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4 và ghi ý.	- HS thảo luận nhóm 4 và ghi ý; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS lựa chọn chương trình nghệ thuật muốn giới thiệu; ghi ngắn gọn:

	tên chương trình, thời gian và địa điểm diễn ra, những tiết mục hoặc hoạt động đặc sắc, cảm nghĩ của em khi xem chương trình, phương tiện hỗ trợ như tranh ảnh, video.
- GV kết luận: GV hướng dẫn HS chuẩn bị thông tin để giới thiệu theo các gợi ý trong SGK và viết các ý sơ lược cho bài giới thiệu.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
<p>- GV tích hợp Quyền con người:</p> <p>+ GV nhắc HS mỗi bạn có quyền bày tỏ sở thích, cảm nhận về chương trình nghệ thuật mình yêu thích.</p> <p>+ HS luyện lắng nghe tích cực, không ngắt lời hoặc chê bai khi bạn trình bày sở thích khác mình.</p> <p>+ GV hướng dẫn HS đặt câu hỏi lịch sự, tôn trọng ý kiến khác biệt và góp ý cụ thể, xây dựng.</p> <p>+ HS hiểu trao đổi về nghệ thuật là cơ hội thể hiện bản thân trong môi trường học tập an toàn, văn minh.</p>	<p>- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn.</p> <p>+ Liên hệ nội dung bài học với bản thân.</p> <p>+ Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp.</p> <p>+ Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.</p>
<p>3. Luyện tập: Trình bày (18 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS trình bày trong nhóm và trước lớp, biết theo dõi phần trình bày của bạn.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Trình bày.	- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS trình bày trong nhóm, sau đó trình bày trước lớp.	- HS trình bày trong nhóm, sau đó trình bày trước lớp; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS trình bày theo nội dung đã chuẩn bị: giới thiệu về chương trình nghệ thuật; trả lời câu hỏi của bạn về chương trình nghệ thuật em giới thiệu. HS theo dõi phần trình bày của bạn, ghi chép thông tin quan trọng và chuẩn bị câu hỏi để hiểu rõ hơn về chương trình nghệ thuật bạn nói đến.
- GV hỏi mở rộng: Khi bạn trình bày, người nghe cần làm gì để thể hiện sự tôn trọng?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: Các cá nhân trong nhóm lần lượt trình bày bài giới thiệu của mình trước cả nhóm; HS trong nhóm góp ý. Khi trình bày trước lớp, mỗi nhóm chọn một đại diện tham gia phát biểu; HS lắng nghe, ghi chép, nêu ý kiến góp ý hoặc bổ sung.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
<p>4. Vận dụng: Đánh giá và chia sẻ (7 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS biết đánh giá phần trình bày theo tiêu chí và chia sẻ với người thân.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
- Bài 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi	- HS đọc bài 3 và xác định yêu cầu cần thực

trong SGK: Đánh giá.	hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc chung cả lớp.	- HS làm việc chung cả lớp; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS đánh giá theo các tiêu chí: nội dung giới thiệu đầy đủ, chính xác; cách trình bày rõ ràng, hấp dẫn; từ ngữ, tốc độ lời nói, âm lượng, giọng nói, cử chỉ, điệu bộ phù hợp.
- GV hỏi mở rộng: Em học được điều gì từ phần trình bày của bạn?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận: GV và HS cùng thực hiện bước đánh giá theo hướng dẫn ở mục 3 trong SGK: đánh giá nội dung giới thiệu và cách trình bày.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- GV hướng dẫn HS thực hiện Vận dụng: <i>Chia sẻ với người thân suy nghĩ của em về một chương trình nghệ thuật em yêu thích.</i>	- HS ghi nhớ yêu cầu và thực hiện chia sẻ với người thân ở nhà.
- GV chốt lại hôm nay HS đã được: Đọc - hiểu <i>Tập hát quan họ</i> ; Viết: Chính sửa và hoàn thiện đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ; Nói và nghe: Giới thiệu một chương trình nghệ thuật mà em đã được xem trực tiếp hoặc trên ti vi.	- HS nhắc lại nội dung chính của bài học và chuẩn bị đọc trước Bài 29.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT 5

CHỦ ĐIỂM: NGHỆ THUẬT MUÔN MÀU

TUẦN 16

BÀI 29: PHIM HOẠT HÌNH CHÚ ỐC SÊN BAY

TIẾT 1: ĐỌC: PHIM HOẠT HÌNH CHÚ ỐC SÊN BAY

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng, rõ ràng từ quảng cáo phim hoạt hình *Chú ốc sên bay*; biết đọc diễn cảm, giọng hào hứng, sôi nổi, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện cảm xúc, gây chú ý trong bài đọc.
- Nhận biết được các thông tin chính của văn bản quảng cáo phim; hiểu nội dung, kĩ xảo và hình thức trình bày của tờ quảng cáo.
- Biết nhận xét một sản phẩm văn hóa phù hợp với lứa tuổi; nêu được từ ngữ gây ấn tượng, thu hút khán giả và bày tỏ cảm nhận về bộ phim.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị SGK, đọc trước bài, tự thực hiện nhiệm vụ đọc, nói, viết và điều chỉnh sản phẩm theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, dùng từ ngữ phù hợp và thể hiện suy nghĩ sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực đọc bài, tìm thông tin, trả lời câu hỏi và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Trách nhiệm: biết xem phim có chọn lọc, chọn sản phẩm văn hóa phù hợp và có giá trị giáo dục.
- Nhân ái: biết tôn trọng sở thích, cảm nhận của bạn khi trao đổi về phim hoạt hình.

4. Tích hợp

Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục thói quen xem phim có chọn lọc, biết nhận xét nhân vật và thông điệp tích cực.

Quyền con người: Lòng ghép quyền trẻ em được tiếp cận sản phẩm văn hóa phù hợp, an toàn và có giá trị giáo dục.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh minh họa phim hoạt hình *Chú ốc sên bay*; hình trong SGK được cắt đúng nội dung và chèn đúng vị trí.

- Một số tờ quảng cáo phim, bài giới thiệu phim phù hợp với HS tiểu học.

- Máy chiếu hoặc màn hình; phiếu học tập cho hoạt động đọc hiểu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: HS nhớ tên một phim hoạt hình đã xem, chia sẻ điều em thích trong phim và có hứng thú vào bài đọc.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài <i>Tập hát quan họ</i> và trả lời 1 - 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài.	- 2 HS đọc bài cũ, cả lớp theo dõi và nhận xét.
- GV giao nhiệm vụ: làm việc theo nhóm theo yêu cầu khởi động trong SGK: <i>Kể tên một phim hoạt hình em đã được xem. Nói những điều em thích trong bộ phim đó cho các bạn nghe.</i>	- HS đọc yêu cầu khởi động và trao đổi nhóm về một bộ phim hoạt hình đã xem.
	
- GV hướng dẫn HS lựa chọn giới thiệu một bộ phim hoạt hình đã được xem, nhớ lại nội dung phim, những nhân vật yêu thích, chi tiết thú vị,...	- HS nêu: tên phim, nhân vật yêu thích, chi tiết thú vị, bài học hoặc cảm xúc sau khi xem phim.

- GV mời đại diện 2 - 3 nhóm trình bày trước lớp; HS khác nêu ý kiến: Muốn bổ sung điều gì cho bạn? Thích phần kể của bạn nào? Vì sao?	- Đại diện nhóm trình bày; HS khác nhận xét, bổ sung và chia sẻ ý kiến.
- GV cho HS quan sát tranh minh họa bài đọc, nêu ý kiến: Cách trình bày bài đọc và tranh minh họa có gì đặc biệt?	- HS quan sát tranh, nhận xét: bài đọc giống một tờ quảng cáo phim, có hình ảnh chú ốc sên, màu sắc nổi bật, chữ to nhỏ khác nhau.
- GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó giới thiệu bài đọc <i>Phim hoạt hình “Chú ốc sên bay”</i> : Mỗi bộ phim được sản xuất ra làm thế nào để mọi người biết và đến xem? Chúng ta hãy tìm hiểu điều đó qua bài đọc <i>Phim hoạt hình “Chú ốc sên bay”</i> .	- HS lắng nghe, chuẩn bị vào hoạt động đọc văn bản.
2. Khám phá: Đọc văn bản (15 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc đúng văn bản quảng cáo, biết ngắt nghỉ ở câu dài, nhấn giọng ở những từ ngữ gây chú ý.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS hình thành thói quen xem phim có chọn lọc, biết nhận xét nhân vật và thông điệp tích cực.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV đọc cả bài hoặc gọi 3 HS đọc nối tiếp các đoạn; đọc diễn cảm, giọng hào hứng, sôi nổi, phân biệt giọng đọc ở mỗi thông tin của bài đọc.	- HS nghe GV đọc mẫu, theo dõi văn bản trong SGK.
- GV phân đoạn đọc: Đoạn 1: từ đầu đến <i>chiếu phim Quốc gia</i> ; đoạn 2: từ <i>Nội dung hấp dẫn đến của ốc sên</i> ; đoạn 3: phần còn lại.	- HS đánh dấu đoạn trong SGK và chuẩn bị đọc nối tiếp.
- GV hướng dẫn HS nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện cảm xúc, gây chú ý trong bài đọc: <i>vút bay, trân trọng, đặc sắc, hấp dẫn, dĩ dóm, khát vọng, khám phá, thoải sức, thú vị, chân thực, bắt mắt, sống động</i> .	- HS luyện đọc các từ ngữ cần nhấn giọng, đọc rõ giọng hào hứng, sôi nổi.
- GV hướng dẫn HS đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: <i>đặc sắc, thoải sức, trưởng thành, quảng bá</i> .	- HS nêu và luyện đọc từ khó: đặc sắc, thoải sức, trưởng thành, quảng bá; sửa lỗi phát âm theo hướng dẫn.
- GV hướng dẫn cách ngắt giọng ở những câu dài: <i>Hàng phim hoạt hình Việt Nam/ trân trọng giới thiệu bộ phim hoạt hình đặc sắc:/ “Chú ốc sên bay”. Một chú ốc sên/ có khát vọng bay đi khắp nơi để khám phá thế giới. Mỗi tập phim/ (với độ dài 10 phút)/ kể một câu chuyện nhỏ trong hành trình bay lượn,/ trưởng thành/ và đạt được ước mơ của ốc sên.</i>	- HS luyện đọc câu dài theo nhịp GV hướng dẫn, biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu gạch chéo.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 3, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài; sau đó đổi đoạn để đọc.	- HS làm việc nhóm 3, đọc nối tiếp các đoạn và góp ý cho bạn.

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.	- HS đọc thầm toàn bài để nắm các thông tin chính.
- GV gọi 2 - 3 nhóm đọc; nhận xét việc đọc của cả lớp.	- Đại diện nhóm đọc trước lớp; cả lớp lắng nghe, nhận xét cách đọc.
- GV giúp HS hiểu nghĩa một số từ ngữ cuối bài: <i>3D, quảng bá, khởi chiếu, khán giả</i> .	- HS nêu từ khó: 3D, quảng bá, khởi chiếu, khán giả; lắng nghe GV giải nghĩa và đặt câu nếu được yêu cầu.
- GV diễn giải tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống : + GV giúp HS nhận ra khi xem phim, các em cần chọn những bộ phim phù hợp lứa tuổi, an toàn và có nội dung tích cực. + GV hướng dẫn HS biết nhận xét nhân vật, hành động, thông điệp của bộ phim, không chỉ xem theo sự hấp dẫn bên ngoài. + HS liên hệ việc xem phim ở nhà: chọn phim do người lớn hướng dẫn, xem đúng thời gian, biết rút ra bài học tốt đẹp sau khi xem.	- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.

3. Luyện tập: Trả lời câu hỏi (15 phút)

Mục tiêu: HS trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu trong SGK, biết tìm thông tin và nêu nhận xét theo SGK.

Cách tiến hành:

- **Câu 1.** GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i: Trong tờ quảng cáo trên, những thông tin dưới đây về bộ phim được giới thiệu như thế nào?}

Từ ngữ

- *Kéo (điện ảnh)*: kĩ thuật đặc biệt để xây dựng, xử lí hình ảnh cho các bộ phim.
- *Công nghệ 3D*: công nghệ sử dụng phần mềm đồ họa vi tính để làm cho hình ảnh trong phim trở nên sống động hơn, khiến cho người xem cảm thấy như đang được tham gia vào bộ phim.

?

1. Trong tờ quảng cáo trên, những thông tin dưới đây về bộ phim được giới thiệu như thế nào?
2. Tờ quảng cáo cho biết những gì về nội dung và kĩ xảo của bộ phim?
3. Theo em, những từ ngữ nào trong tờ quảng cáo có tác dụng gây ấn tượng, thu hút khán giả?
4. Nhận xét về hình thức trình bày của tờ quảng cáo.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

KẾT TỬ

1. Các từ in đậm dưới đây được dùng để làm gì?
Em Thuý là bức tranh sơn dầu **do** họa sĩ Trần Văn Cẩn **sáng tác** **vào** năm 1943. Bức tranh vẽ một bé gái 8 tuổi, có mái tóc ngắn, đôi mắt mở to, trông **sáng và** nét mặt thơ ngây. Bức tranh được coi là một **trong** những tác phẩm xuất sắc nhất của tranh chân dung Việt Nam thế kỉ XX.
(Hà Phan)
2. Chỉ ra các từ nối được dùng thành cặp trong những câu dưới đây:
a. Vì những bức tranh của Bùi Xuân Phái mang hồn cốt của phố cổ Hà Nội nên tranh của ông được gọi là "Phố Phái".
b. Mặc dù phim hoạt hình thường hướng tới đối tượng trẻ em, nhưng nhiều người lớn vẫn rất yêu thích loại phim này.
c. Dân ca quan họ không những là niềm tự hào của người dân Kinh Bắc mà còn là niềm tự hào của cả dân tộc Việt Nam.
d. Nếu bạn thực sự yêu thích ba lê thì bạn nên theo học từ khi còn nhỏ.

- HS đọc câu 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo

- HS thảo luận nhóm 4; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu

luận nhóm 4.	cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Tên phim được in màu cam, đậm, rõ, cỡ chữ to nhất; thể loại phim được giới thiệu ngay phần đầu trước tên phim. Thời gian, địa điểm khởi chiếu được in đậm ngay dưới tên phim.
- GV hỏi mở rộng: Theo em, cách trình bày thông tin như vậy có tác dụng gì?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: Tên phim được in màu cam, đậm, rõ, cỡ chữ to nhất; thể loại phim được giới thiệu ngay phần đầu trước tên phim. Thời gian, địa điểm khởi chiếu được in đậm ngay dưới tên phim.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i:Tờ quảng cáo cho biết những gì về nội dung và kĩ xảo của bộ phim?}	- HS đọc câu 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Về nội dung phim: nhân vật chính trong phim là một chú ốc sên. Chú ốc sên được một nhà khoa học gắn cho đôi cánh để bay khắp nơi, khám phá thế giới; bộ phim có nhiều tập, mỗi tập dài 10 phút kể một câu chuyện nhỏ trong hành trình của ốc sên. Về kĩ xảo: phim sử dụng kĩ xảo hoạt hình hiện đại, công nghệ 3D với hình ảnh vô cùng chân thực, bắt mắt, sống động.
- GV hỏi mở rộng: Em thích nội dung hay kĩ xảo nào nhất? Vì sao?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: Quảng cáo cho biết nội dung phim hấp dẫn, dí dỏm; kĩ xảo hoạt hình hiện đại, hình ảnh chân thực, bắt mắt, sống động.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i:Theo em, những từ ngữ nào trong tờ quảng cáo có tác dụng gây ấn tượng, thu hút khán giả?}	- HS đọc câu 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 2.	- HS thảo luận nhóm 2; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Những từ ngữ có tác dụng gây ấn tượng, thu hút khán giả là: <i>vút bay như tia chớp, đặc sắc, hấp dẫn, dí dỏm, kĩ xảo hoạt hình hiện đại, giá vé đặc biệt ưu đãi.</i>

- GV hỏi mở rộng: Em có thể nêu thêm một từ ngữ quảng cáo tích cực, phù hợp không?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến cá nhân về những từ ngữ gây ấn tượng nhất trong tờ quảng cáo.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 4. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i:Nhận xét về hình thức trình bày của tờ quảng cáo.}	- HS đọc câu 4 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi nhóm.	- HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi nhóm; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Tờ quảng cáo có cách trình bày nổi bật: tên phim to, màu sắc nổi bật; hình ảnh nhân vật chính bắt mắt; thông tin về nội dung, kĩ xảo, thời gian, địa điểm, giá vé được sắp xếp rõ ràng.
- GV hỏi mở rộng: Nếu em làm tờ quảng cáo, em sẽ chú ý điều gì?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: HS phát biểu suy nghĩ cá nhân về cách trình bày, tranh minh họa; GV và HS nhận xét, bổ sung.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
4. Vận dụng: Luyện đọc lại (5 phút) <i>Mục tiêu: HS luyện đọc diễn cảm bài đọc, biết đọc theo vai/giọng quảng cáo phù hợp.</i> Mục tiêu tích hợp: HS hiểu quyền trẻ em được tiếp cận sản phẩm văn hóa phù hợp, an toàn và có giá trị giáo dục. <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc; 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp, GV và cả lớp góp ý cách đọc.	- 3 HS đọc nối tiếp các đoạn, cả lớp góp ý về giọng đọc, cách nhấn giọng.
- GV cho HS đọc theo nhóm 3, góp ý trong nhóm.	- HS luyện đọc theo nhóm, sửa lỗi cho bạn nếu có.
- GV tổ chức cho HS thi đọc dưới hình thức sắm vai đại diện đoàn làm phim hoặc rạp chiếu phim đọc bài quảng cáo <i>Phim hoạt hình Chú ốc sên bay</i> .	- HS thi đọc, thể hiện giọng hào hứng, rõ thông tin, biết nhấn giọng vào những từ ngữ gây chú ý.
- Nếu còn thời gian, GV cho HS xem một tập hoặc một đoạn phim <i>Chú ốc sên bay</i> .	- HS xem, chia sẻ nhanh cảm nhận nếu được yêu cầu.
- GV diễn giải tích hợp Quyền con người: + GV lồng ghép quyền trẻ em được tiếp cận các sản phẩm văn hóa phù hợp, an toàn và có giá trị giáo dục. + GV nhắc HS khi xem phim cần chọn nội dung lành mạnh, không xem phim bạo lực, phản cảm hoặc không phù hợp lứa tuổi. + HS thực hành bày tỏ ý kiến về bộ phim	- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.

bằng lời nói lịch sự, tôn trọng cảm nhận khác nhau của bạn.	
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 29: PHIM HOẠT HÌNH CHÚ ỐC SÊN BAY**TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: KẾT TỪ****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được các kết từ dùng để liên kết từ ngữ, câu hoặc các bộ phận trong câu.
- Chỉ ra được các cặp kết từ trong câu và hiểu được quan hệ ý nghĩa do cặp kết từ biểu thị.
- Biết tìm kết từ phù hợp để thay cho bông hoa và viết câu có kết từ để giới thiệu tranh, bức ảnh.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị SGK, đọc trước bài, tự thực hiện nhiệm vụ đọc, nói, viết và điều chỉnh sản phẩm theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, dùng từ ngữ phù hợp và thể hiện suy nghĩ sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực đọc ngữ liệu, làm bài tập và sửa bài theo góp ý.
- Trách nhiệm: dùng từ chính xác, trình bày câu rõ ràng, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.
- Hợp tác: biết trao đổi nhóm, lắng nghe và thống nhất đáp án.

4. Tích hợp

NLS: 6.1.CB2a - HS tìm hiểu công cụ dựng hoạt hình và nhận biết công nghệ số trong tạo chuyển động.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Hình bài tập Luyện từ và câu trong SGK được cắt đúng nội dung và chèn đúng vị trí.
- Phiếu bài tập hoặc bảng phụ ghi các câu có kết từ.
- Máy chiếu hoặc màn hình để minh họa công cụ dựng hoạt hình ở phần tích hợp.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 phút) <i>Mục tiêu: HS nhớ lại một số từ loại đã học và chuẩn bị tìm hiểu kết từ.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV đặt câu hỏi: Kể tên những từ loại em đã học.	- HS nêu: danh từ, động từ, tính từ, đại từ, từ đồng nghĩa, từ đa nghĩa, điệp từ, điệp ngữ,...
- GV giới thiệu: Hôm nay, các em sẽ được làm quen với một từ loại nữa, đó là kết từ. Vậy kết từ là gì? Kết từ có đặc điểm như thế nào? Chúng ta sẽ được biết qua bài hôm nay.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học.
2. Khám phá: Nhận biết kết từ (15 phút) <i>Mục tiêu: HS nhận biết kết từ qua các từ in đậm trong đoạn văn.</i> Mục tiêu tích hợp: HS biết công cụ dựng hoạt hình là một ứng dụng của công nghệ số trong tạo chuyển động. <i>Cách tiến hành:</i>	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i:Các từ in đậm ở đoạn văn trong SHS được dùng để làm gì?}	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

<p>Từ ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ xảo (điện ảnh): kĩ thuật đặc biệt để xây dựng, xử lí hình ảnh cho các bộ phim. - Công nghệ 3D: công nghệ sử dụng phần mềm đồ họa vi tính để làm cho hình ảnh trong phim trở nên sống động hơn, khiến cho người xem cảm thấy như đang được tham gia vào bộ phim. <p>?</p> <p>1. Trong tờ quảng cáo trên, những thông tin dưới đây về bộ phim được giới thiệu như thế nào?</p> <p>Tên phim Thể loại phim Thời gian, địa điểm khởi chiếu</p> <p>2. Tờ quảng cáo cho biết những gì về nội dung và kĩ xảo của bộ phim?</p> <p>3. Theo em, những từ ngữ nào trong tờ quảng cáo có tác dụng gây ấn tượng, thu hút khán giả?</p> <p>4. Nhận xét về hình thức trình bày của tờ quảng cáo.</p> <p>LUYỆN TỪ VÀ CÂU</p> <p>KẾT TỪ</p> <p>1. Các từ in đậm dưới đây được dùng để làm gì?</p> <p>Em Thuý là bức tranh sơn dầu do họa sĩ Trần Văn Cẩn sáng tác vào năm 1943. Bức tranh vẽ một bé gái 8 tuổi, có mái tóc ngắn, đôi mắt mở to, trong sáng và nét mặt thơ ngây. Bức tranh được coi là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của tranh chân dung Việt Nam thế kỉ XX.</p> <p>(Hà Phan)</p> <p>2. Chỉ ra các từ nối được dùng thành cặp trong những câu dưới đây:</p> <p>a. Vì những bức tranh của Bùi Xuân Phái mang hồn cốt của phố cổ Hà Nội nên tranh của ông được gọi là "Phố Phái".</p> <p>b. Mặc dù phim hoạt hình thường hướng tới đối tượng trẻ em, nhưng nhiều người lớn vẫn rất yêu thích loại phim này.</p> <p>c. Dân ca quan họ không những là niềm tự hào của người dân Kinh Bắc mà còn là niềm tự hào của cả dân tộc Việt Nam.</p> <p>d. Nếu bạn thực sự yêu thích ba lê thì bạn nên theo học từ khi còn nhỏ.</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 4; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: Các từ in đậm là <i>do, vào, và, trong, của</i>. Tất cả các từ đều dùng để nối. Từ <i>do</i> nối <i>bức tranh sơn dầu</i> với <i>họa sĩ Trần Văn Cẩn sáng tác</i>; từ <i>vào</i> nối <i>sáng tác</i> với <i>năm 1943</i>; từ <i>và</i> nối <i>trong sáng</i> với <i>nét mặt thơ ngây</i>; từ <i>trong</i> nối <i>một</i> với <i>những</i>; từ <i>của</i> nối <i>tác phẩm xuất sắc nhất</i> với <i>tranh chân dung Việt Nam thế kỉ XX</i>.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Các từ này giúp đoạn văn rõ nghĩa hơn như thế nào?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- GV kết luận/chốt đáp án: Tất cả các từ đều dùng để nối. Cụ thể: <i>do, vào, và, trong, của</i> là những kết từ dùng để liên kết các từ ngữ trong câu.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<p>- GV diễn giải tích hợp NLS: 6.1.CB2a - HS tìm hiểu công cụ dựng hoạt hình và nhận biết công nghệ số trong tạo chuyển động:</p> <p>+ GV giới thiệu ngắn gọn: để tạo phim hoạt hình, người làm phim có thể dùng phần mềm dựng hoạt hình để ghép nhiều hình ảnh liên tiếp thành chuyển động.</p> <p>+ GV hướng dẫn HS quan sát minh họa đơn giản về các khung hình: nhân vật đứng yên, nhấc chân, chuyển động, bay lên.</p> <p>+ HS nhận biết công nghệ số giúp tạo chuyển</p>	<p>- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn.</p> <p>+ Liên hệ nội dung bài học với bản thân.</p> <p>+ Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp.</p> <p>+ Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.</p>

động mượt mà nhưng nội dung phim vẫn cần ý tưởng, nhân vật, lời thoại và thông điệp tích cực do con người sáng tạo.
+ GV nhắc HS chỉ tìm hiểu công cụ, hình ảnh, video học tập do GV cho phép; không tự ý tải phần mềm hoặc nhấn vào đường dẫn lạ.

3. Luyện tập: Thực hành về kết từ (25 phút)

Mục tiêu: HS chỉ ra cặp kết từ, tìm kết từ phù hợp và viết câu có kết từ.

Cách tiến hành:

- **Bài 2.** GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i:Chỉ ra các từ nối được dùng thành cặp trong những câu ở bài tập 2.}

Ghi nhớ
- Kết từ là từ nối các từ ngữ hoặc các câu, nhằm thể hiện mối quan hệ giữa các từ ngữ hoặc các câu với nhau như: và, với, hay, hoặc, vì, do, của, ...
- Có những kết từ dùng theo cặp (cặp kết từ) như: mặc dù... nhưng, vì... nên, nếu... thì, không những... mà còn, ...

3. Tìm kết từ phù hợp thay cho mỗi bông hoa trong những câu sau:

- Câu thích xem phim hài ☐ phim hành động?
- Tranh Đông Hồ giản dị ☐ tinh tế.
- ☒ bạn muốn chơi pi-a-nô thành thạo ☒ bạn phải kiên trì.
- ☒ khổ công luyện tập ☒ Lê-ô-nát-đô da Vinci đã trở thành một danh họa kiệt xuất của thế giới.

4. Viết 2 – 3 câu có kết từ để giới thiệu về một trong những bức tranh, bức ảnh dưới đây:



Tác phẩm điêu khắc Những người làm biển của Pi-cát-xô



Một tác phẩm hội họa của Bùi Xuân Phái



Nghệ thuật múa rối nước (Ảnh: Thành Đạt)

- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thi đua nhóm 4.

- HS thi đua nhóm 4; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.

- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.

- HS trình bày: Các cặp kết từ trong các câu lần lượt là: Câu a: vì ... nên biểu thị quan hệ nguyên nhân - kết quả; Câu b: mặc dù ... nhưng biểu thị quan hệ đối lập; Câu c: không những ... mà còn biểu thị quan hệ tăng tiến; Câu d: nếu ... thì biểu thị quan hệ điều kiện - kết quả.

- GV hỏi mở rộng: Cặp kết từ khác kết từ đơn như thế nào?

- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.

- GV kết luận/chốt đáp án: Các kết từ không chỉ dùng đơn lẻ mà có thể dùng thành từng cặp với nhau để nối kết, thường là nối các vế

- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.

câu với nhau.	
- Bài 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i: Tìm kết từ phù hợp để thay cho mỗi bông hoa.}	- HS đọc bài 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: a. Cậu thích xem phim hài hay phim hành động? b. Tranh Đông Hồ giản dị mà tinh tế. c. Nếu bạn muốn chơi pi-a-nô thành thạo thì bạn phải kiên trì. d. Nhờ/Vì khổ công tập luyện nên Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi đã trở thành một danh họa kiệt xuất của thế giới.
- GV hỏi mở rộng: Vì sao em chọn các kết từ đó?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: Các kết từ được chọn phải phù hợp với quan hệ nghĩa giữa các bộ phận của câu.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Bài 4. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i:Viết 2 - 3 câu có kết từ để giới thiệu về một trong những bức tranh, bức ảnh dưới đây.}	- HS đọc bài 4 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi nhóm.	- HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi nhóm; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Ví dụ: Tác phẩm điêu khắc <i>Những người tắm biển</i> của Pi-cát-xô thật độc đáo. Ông thể hiện ý tưởng người đi tắm biển chỉ bằng các hình tam giác, hình chữ nhật hay hình tròn. Đây là sự sáng tạo của riêng ông, trừu tượng, khó hiểu nhưng hấp dẫn.
- GV hỏi mở rộng: Em đã sử dụng những kết từ nào trong câu?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: Sau khi HS viết xong đoạn văn, GV yêu cầu HS chỉ ra các kết từ trong đoạn.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- GV mời 2 HS đọc Ghi nhớ, sau đó dành một khoảng thời gian nhất định cho HS tự học thuộc lòng.	- HS đọc phần Ghi nhớ trong SGK và nhắc lại nội dung chính về kết từ.
4. Vận dụng - Cũng cố (2 phút) <i>Mục tiêu: HS củng cố kiến thức về kết từ và vận dụng trong giao tiếp, viết câu.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS đặt nhanh một câu có kết từ nói về bộ phim hoạt hình em thích.	- HS đặt câu: Em thích phim hoạt hình vì phim có nhân vật đáng yêu. Mặc dù phim đã

	xem nhiều lần nhưng em vẫn rất thích.
- GV chốt: Kết từ dùng để nối các từ ngữ hoặc các vế câu, giúp câu văn rõ quan hệ nghĩa hơn.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung bài học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 29: PHIM HOẠT HÌNH CHÚ ỐC SÊN BAY**TIẾT 3: VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT BỘ PHIM HOẠT HÌNH****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được cấu tạo của đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình.
- Xác định được phần mở đầu, triển khai, kết thúc của đoạn văn và nội dung từng phần.
- Biết trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị SGK, đọc trước bài, tự thực hiện nhiệm vụ đọc, nói, viết và điều chỉnh sản phẩm theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, dùng từ ngữ phù hợp và thể hiện suy nghĩ sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực đọc đoạn văn mẫu, trả lời câu hỏi và ghi nhớ cách viết.
- Nhân ái: biết yêu quý nhân vật có phẩm chất tốt đẹp, biết chia sẻ cảm xúc tích cực.
- Trách nhiệm: lựa chọn nhân vật phù hợp, giới thiệu trung thực, rõ ràng.

4. Tích hợp

AI: 5.D2.1 - Tìm hiểu AI học từ nhiều khung hình cũ để giúp chuyển động hoạt hình mượt mà hơn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Hình hoạt động Viết trong SGK được cắt đúng nội dung và chèn đúng vị trí.
- Một số đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình phù hợp với HS.
- Máy chiếu hoặc hình minh họa các khung hình chuyển động trong phim hoạt hình.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 phút) Mục tiêu: HS nhớ lại bài đọc và nhân vật trong phim hoạt hình đã học. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nhắc lại tên bộ phim trong bài đọc và nhân vật chính của bộ phim.	- HS nêu: bộ phim <i>Chú ốc sên bay</i> , nhân vật chính là chú ốc sên.
- GV dẫn dắt: Khi muốn giới thiệu một nhân vật trong phim hoạt hình, đoạn văn cần có những phần nào? Hôm nay các em sẽ tìm hiểu cách viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vào hoạt động Viết.
2. Khám phá: Tìm hiểu đoạn văn mẫu (20 phút) Mục tiêu: HS đọc đoạn văn mẫu, xác định nhân vật, các phần của đoạn văn và những chi tiết nhận biết nhân vật. Mục tiêu tích hợp: HS bước đầu hiểu AI có thể học từ nhiều khung hình để giúp chuyển động hoạt hình mượt mà hơn, nhưng ý tưởng và cảm xúc vẫn do con người tạo ra. Cách tiến hành:	
- Bài 1a. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i:Đoạn văn trên tập trung giới thiệu về nhân vật nào?}	- HS đọc bài 1a và xác định yêu cầu cần thực hiện.

<p>VIẾT</p> <p>TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT BỘ PHIM HOẠT HÌNH</p> <p>1. Đọc đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi.</p>  <p>Chú thỏ trắng trong bộ phim hoạt hình <i>Dưới một mái nhà</i> của đạo diễn Phan Trung được khán giả rất yêu thích. Với kĩ thuật vi tính hiện đại, hình ảnh chú thỏ được tái hiện thật sinh động trên màn ảnh. Đó là một chú thỏ có bộ lông trắng muốt, đôi mắt to tròn, tinh anh, đôi tai dài, cái đuôi ngắn ngủn, xinh xắn và giọng nói ấm áp. Sự vui vẻ, cởi mở khiến thỏ càng thêm đáng yêu. Câu nói hồn nhiên: "Ờ thì lại khoái nhất môn này!" và tiếng cười giòn tan của chú khiến người xem vô cùng thích thú. Tuy nhiên, điều đáng quý nhất ở thỏ trắng là sự tốt bụng và lòng bao dung. Biết tin nhà nhím bị đổ, thỏ vội và đến giúp đỡ. Hình ảnh chú thỏ chạy như bay trong cơn dông bão, giữa tiếng gió ù ù thật xúc động! Thấy nhím run cầm cập vì đói rét, thỏ đưa bạn về nhà, tận tình chăm sóc, giúp bạn mau chóng khỏe lại. Thỏ sẵn lòng san sẻ với bạn thức ăn, chỗ ở, cùng bạn vượt qua mùa đông giá rét. Khi nhím giận dỗi bỏ đi vì hiểu nhầm thỏ, thỏ không những không giận nhím mà còn tất tả đi tìm bạn trong đêm. Câu chuyện về chú thỏ trắng đã cho chúng ta bài học ý nghĩa về lòng tốt, niềm tin, sự chân thành, bao dung trong tình bạn.</p> <p>(Già Hien – Hà Phương)</p> <p>a. Đoạn văn trên tập trung giới thiệu về nhân vật nào? b. Xác định phần mở đầu, triển khai, kết thúc của đoạn văn và nêu nội dung của từng phần.</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân hoặc trao đổi nhóm 2.</p>	<p>- HS làm việc cá nhân hoặc trao đổi nhóm 2; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: Đoạn văn tập trung giới thiệu về chú thỏ trắng - nhân vật chính trong bộ phim hoạt hình <i>Dưới một mái nhà</i>.</p>
<p>- GV kết luận/chốt đáp án: Đoạn văn tập trung giới thiệu về chú thỏ trắng - nhân vật chính trong bộ phim hoạt hình <i>Dưới một mái nhà</i>.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<p>- Bài 1b. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i:Xác định phần mở đầu, triển khai, kết thúc của đoạn văn và nêu nội dung của từng phần.}</p>	<p>- HS đọc bài 1b và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 4; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: Phần mở đầu: từ đầu đến <i>được khán giả rất yêu thích</i> - giới thiệu tên nhân vật, tên phim, tên đạo diễn phim. Phần triển khai: tiếp đến <i>tìm bạn trong đêm</i> - giới thiệu những đặc điểm nổi bật về ngoại hình, tính cách, hoạt động của thỏ trắng qua kĩ thuật dựng phim hoạt hình. Phần kết thúc: phần còn lại - nêu ý nghĩa của bộ phim thông qua việc xây dựng nhân vật thỏ trắng.</p>
<p>- GV kết luận/chốt đáp án: Phần mở đầu giới</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời</p>

thiệu nhân vật; phần triển khai nêu đặc điểm nổi bật của nhân vật; phần kết thúc nêu ý nghĩa hoặc cảm nghĩ về nhân vật, bộ phim.	vào vở.
- Bài 1c. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i:Phần triển khai giới thiệu những đặc điểm nào của nhân vật thỏ trắng?}	- HS đọc bài 1c và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Nhân vật thỏ trắng được giới thiệu ở ngoại hình và tính cách. Ngoại hình: bộ lông trắng muốt, đôi mắt to tròn, tinh anh, đôi tai dài, cái đuôi ngắn ngủn, xinh xinh. Tính cách: vui vẻ, cởi mở; tốt bụng; bao dung.
- GV hỏi mở rộng: Những chi tiết nào cho thấy thỏ trắng tốt bụng và bao dung?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: Nhân vật thỏ trắng được giới thiệu qua ngoại hình, tính cách và hành động gây ấn tượng.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Bài 1d. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i:Những chi tiết nào trong đoạn văn giúp em nhận ra đây là nhân vật trong phim hoạt hình?}	- HS đọc bài 1d và xác định yêu cầu cần thực hiện.
<p>c. Phần triển khai giới thiệu những đặc điểm nào của nhân vật thỏ trắng?</p> <p>G:</p>  <p>d. Những chi tiết nào trong đoạn văn giúp em nhận ra đây là nhân vật trong phim hoạt hình?</p> <p>e. Những từ ngữ nào thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của người xem đối với nhân vật và bộ phim?</p> <p>2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình.</p> <p>- Dựa vào đâu để nhận biết đặc điểm của nhân vật?</p> <p>G: Ngoại hình (hình dáng, gương mặt, trang phục,... của nhân vật). Hoạt động (việc làm, cử chỉ, lời nói,... của nhân vật theo diễn biến của bộ phim).</p> <p>- Làm thế nào để thể hiện rõ đây là đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình?</p> <p>Tên phim: Đặc điểm nhân vật được nhận biết qua mắt nhìn, tai nghe.</p> <p>Ghi nhớ Đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình thường có 3 phần: - Mở đầu: Giới thiệu tên bộ phim, tên nhân vật,... - Triển khai: Nêu những đặc điểm nổi bật về ngoại hình, hoạt động, tính cách,... của nhân vật. (Lưu ý: Nên đưa dẫn chứng về chi tiết trong phim (hình ảnh, âm thanh) để làm nổi bật đặc điểm của nhân vật.) - Kết thúc: Nêu cảm nghĩ về nhân vật và ý nghĩa, giá trị của bộ phim.</p> <p>1. Làm một tờ quảng cáo cho bộ phim mà em yêu thích. 2. Tìm đọc một bài giới thiệu phim.</p>	
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 2.	- HS thảo luận nhóm 2; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.

- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Những chi tiết về âm thanh và hình ảnh: bộ lông trắng muốt, đôi mắt to tròn, tinh anh, đôi tai dài, cái đuôi ngắn ngủn, xinh xinh, thỏ chạy như bay trong cơn dông bão; giọng nói ấm áp, câu nói “Tớ thì lại khoái nhất món này!”, tiếng cười giòn tan, tiếng gió ù ù,... Những từ ngữ về phim hoạt hình: kĩ thuật vi tính hiện đại, màn ảnh, khán giả, người xem, đạo diễn.
- GV kết luận/chốt đáp án: Các chi tiết về âm thanh, hình ảnh và từ ngữ thuộc lĩnh vực phim hoạt hình giúp người đọc nhận ra đây là nhân vật trong phim hoạt hình.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Bài 1e. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i:Những từ ngữ nào thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của người xem đối với nhân vật và bộ phim?}	- HS đọc bài 1e và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân.	- HS làm việc cá nhân; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Các từ ngữ thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của người xem đối với nhân vật và bộ phim là: <i>rất yêu thích, đáng yêu, vô cùng thích thú, đáng quý nhất, thật xúc động, ý nghĩa.</i>
- GV hỏi mở rộng: Em có thể tìm thêm những từ ngữ tương tự không?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: GV khích lệ và khen ngợi những HS tìm được nhiều từ hay có nghĩa tương đương.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- GV diễn giải tích hợp AI: 5.D2.1 - Tìm hiểu AI học từ nhiều khung hình cũ để giúp chuyển động hoạt hình mượt mà hơn: + GV giải thích đơn giản: phim hoạt hình được tạo từ nhiều khung hình nối tiếp nhau; khi các khung hình chuyển nhanh, nhân vật như đang chuyển động. + GV hướng dẫn HS quan sát ví dụ: cùng một nhân vật ở nhiều tư thế khác nhau rồi ghép lại thành chuyển động. + GV giới thiệu AI có thể học từ nhiều khung hình cũ để dự đoán, bổ sung khung hình trung gian, giúp chuyển động trong phim mượt mà hơn. + HS ghi nhớ: AI chỉ hỗ trợ kĩ thuật, còn nhân vật hay, thông điệp tích cực và cảm xúc trong phim vẫn cần sự sáng tạo, trách nhiệm của con người.	- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.

3. Luyện tập: Trao đổi về cách viết đoạn văn (12 phút)

Mục tiêu: HS nêu được những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình.

Cách tiến hành:

- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i:Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình.}	- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Cần dựa vào dấu hiệu để nhận biết đặc điểm nhân vật; cần làm rõ đây là đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình; có thể nêu tên phim, tên nhân vật, ngoại hình, tính cách, hành động, khung cảnh, hiệu ứng âm thanh, ánh sáng, hình ảnh; sử dụng từ ngữ gợi tả, gợi cảm.
- GV hỏi mở rộng: Khi giới thiệu nhân vật, em cần tránh điều gì?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: Đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình thường có 3 phần: mở đầu, triển khai, kết thúc; khi viết cần chọn chi tiết tiêu biểu, nêu được cảm xúc hoặc ý nghĩa của nhân vật.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- GV cho HS đọc phần Ghi nhớ trong SGK và yêu cầu HS nhắc lại bằng lời của mình.	- HS đọc Ghi nhớ, nhắc lại: Đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình thường gồm mở đầu, triển khai, kết thúc.

4. Vận dụng - Củng cố (5 phút)

Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức để chuẩn bị viết đoạn văn ở bài sau.

Cách tiến hành:

- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu vận dụng: <i>Làm một tờ quảng cáo cho bộ phim em yêu thích.</i>	- HS ghi nhớ yêu cầu, có thể chuẩn bị ý tưởng tờ quảng cáo ở nhà.
- GV hướng dẫn thêm: <i>Tìm đọc một bài giới thiệu phim.</i> Ghi lại tên, đặc điểm của nhân vật chính hoặc nhân vật gây ấn tượng trong phim.	- HS ghi nhiệm vụ vào vở để thực hiện ở nhà.
- GV chốt lại hôm nay HS đã được: Đọc - hiểu <i>Phim hoạt hình Chú ốc sên bay</i> ; Luyện từ và câu: Kết từ; Viết: Tìm hiểu cách viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình.	- HS nhắc lại nội dung chính của bài học và chuẩn bị đọc trước Bài 30.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-

-

BÀI 30: NGHỆ THUẬT MÚA BA LÊ

TIẾT 1 - 2: ĐỌC: NGHỆ THUẬT MÚA BA LÊ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ văn bản *Nghệ thuật múa ba lê*; biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp, nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.
- Nhận biết được những chi tiết tiêu biểu và các thông tin chính của văn bản; nhận biết được trình tự các sự việc thể hiện trong văn bản.
- Hiểu điều tác giả muốn nói qua văn bản: Múa ba lê là một môn nghệ thuật rất độc đáo và tinh tế.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị SGK, đọc trước bài, tự thực hiện nhiệm vụ đọc, nói, viết và điều chỉnh sản phẩm theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, dùng từ ngữ phù hợp và thể hiện suy nghĩ sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, tìm thông tin trong văn bản và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: biết trân trọng công sức luyện tập của nghệ sĩ, có ý thức học tập nghiêm túc.
- Nhân ái: biết tôn trọng người biểu diễn nghệ thuật và cảm nhận khác nhau của bạn.

4. Tích hợp

Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục tinh thần kỉ luật, chăm chỉ luyện tập và tôn trọng công sức của nghệ sĩ.

Quyền con người: Lòng ghép quyền được tham gia, thưởng thức nghệ thuật và phát triển năng khiếu cá nhân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh minh họa bài đọc *Nghệ thuật múa ba lê*; hình trong SGK được cắt đúng nội dung và chèn đúng vị trí.
- Clip hoặc tranh ảnh về múa ba lê.
- Máy chiếu hoặc màn hình; phiếu học tập cho hoạt động đọc hiểu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: HS quan sát tranh, nêu suy nghĩ về các diễn viên trong tranh và có hứng thú vào bài đọc. Cách tiến hành:	
- GV nêu tên bài đọc trước <i>Phim hoạt hình “Chú ốc sên bay”</i> và mời HS nêu cảm nghĩ về bài đọc.	- HS nhắc lại tên bài đọc trước và nêu cảm nghĩ ngắn gọn.
- GV giao nhiệm vụ: làm việc theo nhóm, trao đổi hoạt động khởi động: <i>Quan sát tranh trong SHS và nêu suy nghĩ của em về các diễn viên trong tranh.</i>	- HS đọc yêu cầu khởi động và quan sát tranh trong SGK.

<div> <div> <div>Bài</div> <div>30</div> </div> <div> <div>NGHỆ THUẬT MÚA BA LÊ</div> </div> </div> <div> <div>ĐỌC</div> </div> <div> <div> <div>Quan sát tranh và nêu suy nghĩ của em về các diễn viên trong tranh.</div> <div> <div>NGHỆ THUẬT MÚA BA LÊ</div> </div> </div> <div> </div> <div> <p>Ba lê là môn nghệ thuật múa có nguồn gốc từ châu Âu. Nghệ thuật múa ba lê được biết đến rộng rãi thông qua những vở ba lê – một thể loại vũ kịch có sự kết hợp giữa kịch, âm nhạc và vũ đạo.</p> <p>Những vở ba lê nổi tiếng thế giới có thể kể đến như Hồ thiên nga, Người đẹp ngủ trong rừng, Lọ Lem,... Mỗi vở kịch là một câu chuyện ca ngợi tình yêu, sự thánh thiện và ước mơ vươn tới những điều tốt đẹp của con người trong cuộc sống.</p> </div> <div>145</div> </div>	
<p>- GV mời đại diện 2 - 3 nhóm trình bày trước lớp.</p>	<p>- HS nêu: Các diễn viên đều đứng trên đầu mũi chân và tạo dáng rất đẹp; có nhiều động tác khó, cần tập luyện công phu.</p>
<p>- GV và HS nhận xét, góp ý. GV có thể giúp HS hình dung độ khó của động tác bằng cách mời HS thử đứng trên đầu mũi chân trong một thời gian ngắn, không tựa hay bám vào bàn.</p>	<p>- HS thử thực hiện động tác cơ bản trong thời gian ngắn và nêu cảm nhận: khó giữ thăng bằng, cần luyện tập nhiều.</p>
<p>- GV dẫn vào bài đọc <i>Nghệ thuật múa ba lê</i>: Múa ba lê là một loại hình nghệ thuật rất độc đáo và tinh tế với những động tác múa vô cùng chuẩn xác và đẹp mắt.</p>	<p>- HS lắng nghe, chuẩn bị vào hoạt động đọc văn bản.</p>
<div> <div>2. Khám phá: Đọc văn bản (25 phút)</div> <div> Mục tiêu: HS đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản; biết chia đoạn, luyện đọc từ khó, câu dài và hiểu nghĩa một số từ ngữ. </div> <div> Mục tiêu tích hợp: HS biết trân trọng tinh thần kỉ luật, sự chăm chỉ luyện tập và công sức của nghệ sĩ. </div> <div> Cách tiến hành: </div> </div>	
<p>- GV đọc cả bài, giọng kể chuyện, thay đổi ngữ điệu khi đọc các câu văn chứa từ ngữ gợi tả, gợi cảm.</p>	<p>- HS nghe GV đọc mẫu, theo dõi văn bản trong SGK.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: <i>rộng rãi, thể loại, nổi tiếng, Lọ Lem, vở ba lê, xoay người, chuẩn xác, mãnh liệt, khổ luyện</i>.</p>	<p>- HS nêu và luyện đọc từ khó: rộng rãi, thể loại, nổi tiếng, Lọ Lem, vở ba lê, xoay người, chuẩn xác, mãnh liệt, khổ luyện.</p>
<p>- GV hướng dẫn cách ngắt giọng ở những câu dài: <i>Nghệ thuật múa ba lê/ được biết đến rộng rãi thông qua những vở ba lê/ - một thể</i></p>	<p>- HS luyện đọc câu dài, biết ngắt nghỉ đúng vị trí và giữ giọng đọc tự nhiên.</p>

loại vũ kịch/ có sự kết hợp giữa kịch,/ âm nhạc/ và vũ đạo. Như trong vở “Hồ thiên nga”,/ các diễn viên thực hiện những cú xoay người đẹp mắt và chuẩn xác,/ những bước đi nhẹ như cánh hoa hé mở/ khiến khán giả có cảm giác/ được ngắm nhìn một đàn thiên nga/ đang lướt trên mặt hồ.	
- GV tổ chức cho 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn: đoạn 1 từ đầu đến <i>của con người trong cuộc sống</i> ; đoạn 2 tiếp theo đến <i>thời gian dài</i> ; đoạn 3 phần còn lại.	- 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn, cả lớp theo dõi và nhận xét.
- GV cho HS làm việc theo cặp hoặc nhóm 3: mỗi HS đọc một đoạn, sau đó đổi lại thứ tự đọc.	- HS luyện đọc theo cặp hoặc nhóm 3, góp ý cho bạn về phát âm, ngắt nghỉ.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: đọc nhẩm toàn bài một lượt.	- HS đọc thầm toàn bài để nắm nội dung chính.
- GV mời 3 HS đọc nối tiếp xen kẽ 3 đoạn trước lớp và nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.	- 3 HS đọc trước lớp, cả lớp lắng nghe, nhận xét và tự điều chỉnh cách đọc.
- GV hướng dẫn HS tự tra từ điển những từ ngữ còn chưa hiểu rõ.	- HS nêu từ khó: ba lê, vũ kịch, vũ đạo, Lọ Lem, Hồ thiên nga, khổ luyện; nghe GV giải nghĩa hoặc tra cứu theo hướng dẫn.
<p>- GV diễn giải tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống:</p> <p>+ GV giúp HS nhận ra vẻ đẹp của múa ba lê không chỉ ở động tác đẹp mắt mà còn ở tinh thần kỉ luật và sự khổ luyện của nghệ sĩ.</p> <p>+ GV hướng dẫn HS liên hệ với việc học tập: muốn làm tốt việc gì cũng cần chăm chỉ, kiên trì và luyện tập thường xuyên.</p> <p>+ HS bày tỏ thái độ tôn trọng công sức của nghệ sĩ, không cười chê khi người khác luyện tập hoặc biểu diễn chưa hoàn hảo.</p>	<p>- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn.</p> <p>+ Liên hệ nội dung bài học với bản thân.</p> <p>+ Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp.</p> <p>+ Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.</p>
<p>3. Luyện tập: Trả lời câu hỏi (25 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS trả lời các câu hỏi đọc hiểu theo SGK và chốt đáp án theo SGV.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
- Câu 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i:Nghệ thuật múa ba lê được giới thiệu như thế nào?}	- HS đọc câu 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

<p>Trong các vở ba lê, người diễn viên dùng động tác múa để thể hiện nội dung thay cho lời nói. Như trong vở <i>Hồ thiên nga</i>, các diễn viên thực hiện những cú xoay người đẹp mắt và chuẩn xác, những bước đi nhẹ như cánh hoa hé mở khiến khán giả có cảm giác được ngắm nhìn một đàn thiên nga đang lướt trên mặt hồ. Khi diễn viên chính đứng một chân xoay liên tục tới 32 vòng trên đầu mũi chân, khán giả cùng cảm nhận được nhân vật đang mong muốn thể hiện sức mạnh một cách mãnh liệt. Để thực hiện được những kĩ thuật rất khó này, người diễn viên phải dày công khổ luyện trong một thời gian dài.</p> <p>Hiện nay, ba lê là môn nghệ thuật được nhiều người yêu thích và được dạy ở các trường múa trên khắp thế giới.</p> <p style="text-align: right;">(Tuệ Nhi tổng hợp)</p> <p>? 1. Nghệ thuật múa ba lê được giới thiệu như thế nào? 2. Tìm thông tin nói về nội dung của các vở ba lê. 3. Trong các vở ba lê, người diễn viên thể hiện nội dung vở kịch bằng cách nào? Điều đó được thể hiện ra sao trong vở <i>Hồ thiên nga</i>? 4. Theo em, vì sao diễn viên múa ba lê phải rất dày công khổ luyện? 5. Sắp xếp các thông tin dưới đây theo trật tự trong bài đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách thể hiện nội dung trong các vở ba lê - Thông tin chung về nghệ thuật múa ba lê - Sự phổ biến của múa ba lê hiện nay - Nội dung các vở ba lê <p>? 1. Tìm các kết từ trong câu dưới đây và cho biết tác dụng của chúng trong câu.</p> <p>Để thực hiện được những kĩ thuật rất khó này, người diễn viên phải dày công khổ luyện trong một thời gian dài.</p> <p>2. Tìm kết từ thay cho bông hoa để hoàn thiện câu.</p> <p>a. ☐ không đúng lời nói ☐ các nghệ sĩ ba lê vẫn thể hiện được nội dung vở kịch thông qua những vũ đạo đẹp mắt ☐ điều luyện.</p> <p>b. ☐ múa ba lê là một môn nghệ thuật tinh tế, độc đáo ☐ ngày càng được nhiều người yêu thích.</p> 	
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi cặp.</p>	<p>- HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi cặp; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: Nghệ thuật múa ba lê có nguồn gốc từ châu Âu, được biết đến rộng rãi thông qua những vở ba lê - một thể loại vũ kịch có sự kết hợp giữa kịch, âm nhạc và vũ đạo.</p>
<p>- GV kết luận/chốt đáp án: Có nguồn gốc từ châu Âu, được biết đến rộng rãi thông qua những vở ba lê - một thể loại vũ kịch có sự kết hợp giữa kịch, âm nhạc và vũ đạo.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<p>- Câu 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {1. Tìm thông tin nói về nội dung của các vở ba lê.}</p>	<p>- HS đọc câu 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 4; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: Nội dung các vở ba lê như <i>Hồ thiên nga</i>, <i>Người đẹp ngủ trong rừng</i>, <i>Lọ Lem</i>,... đều ca ngợi tình yêu, sự thánh thiện và ước mơ vươn tới những điều tốt đẹp của con người.</p>
<p>- GV kết luận/chốt đáp án: Nội dung các vở ba lê đều ca ngợi tình yêu, sự thánh thiện và ước mơ vươn tới những điều tốt đẹp của con người.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>

- Câu 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i:Trong các vở ba lê, người diễn viên thể hiện nội dung vở kịch bằng cách nào? Điều đó được thể hiện như thế nào trong vở <i>Hồ thiên nga</i> ?}	- HS đọc câu 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Người diễn viên dùng động tác múa (vũ đạo) để thể hiện nội dung thay cho lời nói. Trong vở <i>Hồ thiên nga</i> , các diễn viên thực hiện những cú xoay người đẹp mắt và chuẩn xác, những bước đi nhẹ như cánh hoa hé mở để thể hiện cảnh đàn thiên nga đang lướt trên mặt hồ; diễn viên chính đứng một chân xoay liên tục tới 32 vòng trên đầu mũi chân để diễn tả nhân vật đang mong muốn thể hiện sức mạnh một cách mãnh liệt.
- GV hỏi mở rộng: Vì sao người xem có thể hiểu nội dung dù diễn viên không dùng lời nói?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: Người diễn viên dùng động tác múa để thể hiện nội dung thay cho lời nói; động tác đẹp, chuẩn xác và biểu cảm giúp khán giả cảm nhận được nội dung.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 4. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i:Theo em, vì sao diễn viên múa ba lê phải rất dày công khổ luyện?}	- HS đọc câu 4 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 2.	- HS thảo luận nhóm 2; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Vì những động tác múa ba lê rất đẹp mắt, tinh tế nhưng đồng thời cũng rất khó. Để thể hiện vừa chính xác vừa đẹp mắt, người diễn viên phải dày công khổ luyện trong thời gian dài.
- GV hỏi mở rộng: Em học được điều gì từ sự luyện tập của diễn viên múa ba lê?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: Vì những động tác múa ba lê rất đẹp mắt, tinh tế nhưng cũng rất khó; người diễn viên phải luyện tập lâu dài để biểu diễn chính xác, mềm mại, hấp dẫn.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 5. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i:Sắp xếp các thông tin trong SHS theo trật tự trong bài đọc.}	- HS đọc câu 5 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập,	- HS làm việc cá nhân, sau đó thống nhất

gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân, sau đó thống nhất nhóm.	nhóm; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Thứ tự đúng là: 1. Thông tin chung về nghệ thuật múa ba lê; 2. Nội dung các vở ba lê; 3. Cách thể hiện nội dung trong các vở ba lê; 4. Sự phổ biến của múa ba lê hiện nay.
- GV kết luận/chốt đáp án: Đáp án: 1. Thông tin chung về nghệ thuật múa ba lê; 2. Nội dung các vở ba lê; 3. Cách thể hiện nội dung trong các vở ba lê; 4. Sự phổ biến của múa ba lê hiện nay.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
4. Luyện đọc lại và luyện tập theo văn bản đọc (15 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc lại bài đọc và luyện tập tìm kết từ trong câu.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS hiểu quyền được tham gia, thưởng thức nghệ thuật và phát triển năng khiếu cá nhân.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV hướng dẫn HS đọc lại bài đọc: làm việc chung cả lớp, 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp; GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.	- 3 HS đọc nối tiếp các đoạn, cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.
- GV cho HS đọc theo cặp, góp ý cho nhau.	- HS đọc theo cặp, góp ý về phát âm, nhấn giọng và ngắt nghỉ.
- Câu 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i: Tìm các kết từ trong câu dưới đây và cho biết tác dụng của chúng trong câu: Để thực hiện được những kĩ thuật rất khó này, người diễn viên phải dày công khổ luyện trong một thời gian dài.}	- HS đọc câu 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 2.	- HS thảo luận nhóm 2; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Kết từ để biểu thị điều sắp nêu ra là mục đích; kết từ trong biểu thị quan hệ vị trí/thời gian.
- GV hỏi mở rộng: Kết từ giúp câu văn rõ nghĩa hơn như thế nào?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: HS chỉ cần nêu tác dụng chung của kết từ là để liên kết các bộ phận trong câu theo một quan hệ nào đó. Với HS giỏi, có thể nêu: để biểu thị điều sắp nêu ra là mục đích; trong biểu thị quan hệ vị trí/thời gian.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i: Tìm kết từ thay cho bông hoa để hoàn thiện câu.}	- HS đọc câu 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi nhóm.	- HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi nhóm; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: a. Mặc dù không dùng lời nói nhưng các nghệ sĩ ba lê vẫn thể hiện được nội dung vở kịch thông qua những vũ đạo đẹp mắt và điêu luyện. b. Vì múa ba lê là một môn nghệ thuật tinh tế, độc đáo nên ngày càng được nhiều người yêu thích.
- GV hỏi mở rộng: Vì sao em chọn những kết từ đó?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: Đáp án tham khảo: a. Mặc dù ... nhưng; b. nên.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- GV diễn giải tích hợp Quyền con người: + GV lồng ghép quyền được tham gia, thưởng thức nghệ thuật và phát triển năng khiếu cá nhân. + GV khuyến khích HS yêu thích nghệ thuật có thể tìm hiểu, luyện tập trong môi trường an toàn, phù hợp với lứa tuổi. + HS biết tôn trọng các hình thức nghệ thuật khác nhau và tôn trọng năng khiếu, sở thích của bạn.	- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-

-

BÀI 30: NGHỆ THUẬT MÚA BA LÊ**TIẾT 3: VIẾT: TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT BỘ PHIM HOẠT HÌNH****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Biết lựa chọn một nhân vật trong bộ phim hoạt hình đã xem để giới thiệu.
- Biết xác định các ý chính: tên phim, tên nhân vật, đặc điểm ngoại hình, tính cách, hành động gây ấn tượng, cảm nghĩ về nhân vật.
- Biết góp ý, chỉnh sửa dàn ý để chuẩn bị viết đoạn văn giới thiệu nhân vật.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị SGK, đọc trước bài, tự thực hiện nhiệm vụ đọc, nói, viết và điều chỉnh sản phẩm theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, dùng từ ngữ phù hợp và thể hiện suy nghĩ sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực chuẩn bị, ghi ý và hoàn thiện dàn ý.
- Nhân ái: biết góp ý nhẹ nhàng, tôn trọng nhân vật và sản phẩm của bạn.
- Trách nhiệm: lựa chọn thông tin đúng, phù hợp và có ý thức hoàn thiện bài viết.

4. Tích hợp

AI: 5.C4.2 - Dùng học liệu số/AI gợi ý động tác mẫu, sau đó nhận xét về đẹp kỉ luật của nghệ thuật biểu diễn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Hình hoạt động Viết trong SGK được cắt đúng nội dung và chèn đúng vị trí.
- Bảng gợi ý tìm ý theo SGK; phiếu học tập hoặc bảng nhóm.
- Học liệu số/video ngắn minh họa động tác mẫu về nghệ thuật biểu diễn do GV lựa chọn.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 phút) <i>Mục tiêu: HS nhớ lại ghi nhớ về đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS nêu lại câu tạo đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình.	- HS nêu: đoạn văn thường có mở đầu, triển khai, kết thúc; phần triển khai giới thiệu đặc điểm nổi bật của nhân vật.
- GV nêu đề bài: <i>Viết đoạn văn giới thiệu một nhân vật trong bộ phim hoạt hình em đã được xem.</i>	- HS đọc đề bài, xác định nhiệm vụ cần chuẩn bị dàn ý.

VIẾT

TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT BỘ PHIM HOẠT HÌNH

Đề bài: Viết đoạn văn giới thiệu một nhân vật trong bộ phim hoạt hình em đã được xem.

1. Chuẩn bị.

- Em chọn giới thiệu nhân vật trong bộ phim hoạt hình nào? Bộ phim đó có một tập hay nhiều tập?
- Nhân vật trong phim em sẽ giới thiệu là ai? Vì sao em muốn giới thiệu nhân vật đó?
- Đặc điểm của nhân vật được thể hiện thế nào qua ngoại hình, hoạt động, tính cách,...?

2. Tìm ý.

G:

Mở đầu	Giới thiệu tên bộ phim hoạt hình và nhân vật để lại ấn tượng cho em.
Triển khai	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu khái quát nội dung phim. - Trình bày đặc điểm về ngoại hình, hoạt động, tính cách,... của nhân vật và nêu một vài chi tiết trong phim để minh họa.
Kết thúc	Nêu những suy nghĩ, đánh giá của em về nhân vật và về bộ phim.

3. Góp ý và chỉnh sửa.

Nêu thông tin chính xác về bộ phim.

Trình bày đúng đặc điểm của nhân vật.

Đưa ra dẫn chứng cụ thể, sinh động.

2. Khám phá: Chuẩn bị và tìm ý (22 phút)

Mục tiêu: HS chọn nhân vật, xác định nội dung giới thiệu và lập dàn ý.

Mục tiêu tích hợp: HS biết sử dụng học liệu số/AI gợi ý động tác mẫu dưới sự hướng dẫn của GV, từ đó nhận xét về đẹp kì lạ của nghệ thuật biểu diễn.

Cách tiến hành:

- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i:Chuẩn bị.}	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân, sau đó chia sẻ nhóm.	- HS làm việc cá nhân, sau đó chia sẻ nhóm; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS suy nghĩ lựa chọn bộ phim, tên nhân vật trong bộ phim hoạt hình đã xem; xác định nội dung giới thiệu về nhân vật: đặc điểm ngoại hình, tính cách, hành động gây ấn tượng trong một tập phim hay cả bộ phim. HS chia sẻ trong nhóm tên phim, tên nhân vật đã lựa chọn và trình tự giới thiệu.
- GV hỏi mở rộng: Em chọn nhân vật nào? Vì sao?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: GV giúp HS nắm được yêu cầu của đề bài và khuyến khích HS về sơ đồ tư duy trong hoạt động này.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i: Tìm ý.}	- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập,	- HS đọc gợi ý trong SGK, viết dàn ý vào vở

gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS đọc gọi ý trong SGK, viết dàn ý vào vở hoặc nháp.	hoặc nháp; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS dựa vào gọi ý trong SGK viết dàn ý: mở đầu giới thiệu tên phim, tên nhân vật; triển khai nêu ngoại hình, tính cách, hành động gây ấn tượng; kết thúc nêu cảm nghĩ hoặc ý nghĩa của nhân vật.
- GV hỏi mở rộng: Dàn ý của em có đủ 3 phần chưa?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: HS trình bày dàn ý trước lớp; HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
<p>- GV diễn giải tích hợp AI: 5.C4.2 - Dùng học liệu số/AI gọi ý động tác mẫu, sau đó nhận xét về đẹp kỉ luật của nghệ thuật biểu diễn:</p> <p>+ GV mở học liệu số/video ngắn hoặc mô phỏng động tác mẫu về nghệ thuật biểu diễn đã được lựa chọn an toàn, phù hợp.</p> <p>+ GV hướng dẫn HS quan sát tư thế, động tác, sự phối hợp giữa hình thể, âm nhạc và cảm xúc khi biểu diễn.</p> <p>+ GV giới thiệu ngắn gọn: một số học liệu số/AI có thể gọi ý động tác mẫu hoặc mô phỏng chuyển động, giúp người học quan sát rõ hơn.</p> <p>+ HS nhận xét: về đẹp của nghệ thuật biểu diễn đến từ kỉ luật, sự khổ luyện, khả năng cảm thụ và trách nhiệm của người nghệ sĩ, không chỉ từ công cụ hỗ trợ.</p>	<p>- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn.</p> <p>+ Liên hệ nội dung bài học với bản thân.</p> <p>+ Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp.</p> <p>+ Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.</p>
<p>3. Luyện tập: Góp ý và chỉnh sửa dàn ý (12 phút)</p> <p><i>Mục tiêu: HS biết nhận xét, góp ý và chỉnh sửa dàn ý của mình.</i></p> <p><i>Cách tiến hành:</i></p>	
- Bài 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i:Góp ý và chỉnh sửa dàn ý.}	- HS đọc bài 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc nhóm 2.	- HS làm việc nhóm 2; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS đổi dàn ý cho nhau để góp ý, nhận xét theo ba gợi ý trong SGK; sửa chữa, bổ sung bài làm theo góp ý của bạn.
- GV hỏi mở rộng: Khi góp ý cho bạn, em cần chú ý điều gì?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: GV có thể chiếu một bài của HS lên để HS nhận xét theo ba gợi ý trong SGK; HS sửa chữa, bổ sung bài làm theo góp ý của bạn.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.

- GV chiếu một số bài làm tốt để giới thiệu cho lớp; nếu không có máy chiếu, GV có thể gọi HS đọc bài làm.	- HS lắng nghe, học tập cách chọn ý, sắp xếp ý và diễn đạt rõ ràng.
4. Vận dụng - Củng cố (3 phút) <i>Mục tiêu: HS ghi nhớ nhiệm vụ hoàn chỉnh dàn ý để chuẩn bị viết đoạn văn.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV dặn dò HS về nhà hoàn chỉnh, bổ sung phần dàn ý để tiết sau viết đoạn văn.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ và hoàn thiện dàn ý ở nhà.
- GV chốt: Dàn ý tốt sẽ giúp đoạn văn giới thiệu nhân vật rõ ràng, có đủ thông tin và thể hiện được cảm xúc của người viết.	- HS lắng nghe, tự rà soát dàn ý của mình.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

BÀI 30: NGHỆ THUẬT MÚA BA LÊ**TIẾT 4: ĐỌC MỞ RỘNG****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Tìm đọc được một bài giới thiệu phim phù hợp với lứa tuổi.
- Viết được phiếu đọc sách theo mẫu, ghi lại tên phim, nhân vật chính, nội dung chính, chi tiết gây ấn tượng và mức độ yêu thích.
- Biết trao đổi với bạn về bài giới thiệu đã đọc, nêu suy nghĩ, cảm xúc của mình.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị SGK, đọc trước bài, tự thực hiện nhiệm vụ đọc, nói, viết và điều chỉnh sản phẩm theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, dùng từ ngữ phù hợp và thể hiện suy nghĩ sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: chủ động tìm đọc, ghi chép và hoàn thành phiếu đọc sách.
- Trách nhiệm: lựa chọn nguồn đọc phù hợp, biết ghi thông tin trung thực.
- Nhân ái: lắng nghe, tôn trọng cảm nhận và sở thích đọc của bạn.

4. Tích hợp

NLS: 5.2.CB2a - HS xem video tư liệu về múa ba lê, lựa chọn nguồn học liệu phù hợp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Hình hoạt động Đọc mở rộng trong SGK được cắt đúng nội dung và chèn đúng vị trí.
- Một số bài giới thiệu phim trên báo in, sách, học liệu số do GV chọn lọc.
- Phiếu đọc sách theo mẫu; thiết bị trình chiếu video tư liệu nếu có.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 phút) <i>Mục tiêu: HS nhớ lại bài đọc và nêu nhanh tên một bộ phim em biết.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS nhắc lại tên bài đọc ở tiết trước và nêu một thông tin em nhớ về nghệ thuật múa ba lê.	- HS nêu: nghệ thuật múa ba lê có nguồn gốc từ châu Âu, các diễn viên phải dày công khổ luyện, múa ba lê rất tinh tế.
2. Khám phá: Tìm đọc một bài giới thiệu phim (12 phút) <i>Mục tiêu: HS biết cách tìm và đọc bài giới thiệu phim phù hợp.</i> Mục tiêu tích hợp: HS biết xem video tư liệu về múa ba lê, lựa chọn nguồn học liệu phù hợp và an toàn. <i>Cách tiến hành:</i>	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i: Tìm đọc một bài giới thiệu phim.}	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

quan sát nghệ thuật rõ hơn nhưng cần chọn nguồn tin cậy, phù hợp lứa tuổi.

3. Luyện tập: Viết phiếu đọc sách và trao đổi (22 phút)

Mục tiêu: HS ghi tóm tắt thông tin đã đọc vào phiếu và trao đổi với bạn.

Cách tiến hành:

- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i:Viết phiếu đọc sách theo mẫu.}	- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân.	- HS làm việc cá nhân; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS ghi vào phiếu đọc sách: tên phim, tên các nhân vật chính trong phim, ngày đọc, nội dung chính của phim, những chi tiết gây ấn tượng, thông tin thú vị hoặc suy nghĩ của em sau khi đọc bài giới thiệu, mức độ yêu thích.
- GV hỏi mở rộng: Thông tin nào trong phiếu đọc sách giúp em nhớ bài giới thiệu lâu hơn?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: HS ghi tóm tắt những gì mình đọc được vào phiếu đọc sách.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Bài 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: {i:Trao đổi với bạn về bài giới thiệu đã đọc.}	- HS đọc bài 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc nhóm 3 hoặc nhóm 4.	- HS làm việc nhóm 3 hoặc nhóm 4; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS lựa chọn một trong các hoạt động: kể tên tác giả, các nhân vật chính của bộ phim; nêu nội dung chính của bộ phim; nêu suy nghĩ, cảm xúc sau khi đọc bài giới thiệu. HS khác nhận xét và có thể đưa thêm câu hỏi cho bạn.
- GV hỏi mở rộng: Khi bạn chia sẻ bài giới thiệu phim, em cần lắng nghe như thế nào?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: HS trao đổi với bạn về bài giới thiệu phim đã đọc, biết nêu nội dung và cảm xúc cá nhân một cách rõ ràng.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.

4. Vận dụng - Củng cố (3 phút)

Mục tiêu: HS biết tìm hiểu thêm thông tin về nghệ thuật múa ba lê và ghi chép thông tin yêu thích.

Cách tiến hành:

- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: <i>Tìm đọc thêm thông tin về</i>	- HS ghi nhớ nhiệm vụ vận dụng và thực hiện ở nhà.
--	--

nghệ thuật múa ba lê. Ghi chép những thông tin em thích.	
- GV tóm tắt nội dung bài học: Đọc - hiểu: <i>Nghệ thuật múa ba lê</i> ; Viết: Tìm ý cho đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình; Đọc mở rộng: Tìm đọc một bài giới thiệu phim, viết phiếu đọc sách theo mẫu và trao đổi với bạn.	- HS nhắc lại nội dung chính của bài học.
- GV nhận xét kết quả học tập của HS, khen ngợi, động viên các em học tập tích cực; dặn HS ôn Bài 30 và đọc trước Bài 31.	- HS lắng nghe, chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT 5

CHỦ ĐIỂM: NGHỆ THUẬT MUÔN MÀU

TUẦN 17

BÀI 31: MỘT NGÔI CHÙA ĐỘC ĐÁO

TIẾT 1: ĐỌC: MỘT NGÔI CHÙA ĐỘC ĐÁO

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng bài Một ngôi chùa độc đáo; biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện thông tin quan trọng về chùa Một Cột, thể hiện niềm tự hào về công trình kiến trúc này.
- Hiểu được vẻ đẹp độc đáo trong kiến trúc chùa Một Cột - di tích lịch sử, văn hoá vô giá của nước ta; biết thời gian xây dựng, địa điểm tọa lạc và nguồn gốc tên gọi của chùa Một Cột; hiểu được khả năng sáng tạo nghệ thuật của cha ông chúng ta.
- Biết tóm tắt bài đọc theo gợi ý; nêu được điều bài đọc muốn nói và chia sẻ thông tin gây ấn tượng.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị SGK, đọc trước bài, tự thực hiện nhiệm vụ đọc, nói, viết và điều chỉnh sản phẩm theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, dùng từ ngữ phù hợp và thể hiện suy nghĩ sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: thêm yêu và tự hào về quê hương, đất nước; trân trọng các di tích lịch sử, văn hoá trên quê hương.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn di tích lịch sử, ứng xử văn minh nơi công cộng và nơi tham quan.
- Chăm chỉ: tích cực đọc bài, tìm thông tin, thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Tích hợp

Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục ý thức tôn trọng di sản kiến trúc, ứng xử văn minh nơi công cộng và nơi tham quan.

Quyền con người: Lòng ghép thái độ tôn trọng giá trị văn hóa, tín ngưỡng và sự đa dạng trong đời sống cộng đồng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh khởi động và tranh minh họa bài đọc trong SGK được cắt đúng nội dung, chèn đúng vị trí.
- Một số tranh ảnh về các công trình kiến trúc độc đáo, chùa Một Cột, tiền mệnh giá 100 nghìn đồng nếu có.
- Máy chiếu hoặc màn hình; phiếu học tập cho hoạt động đọc hiểu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút)	

Mục tiêu: HS nhận biết một số công trình kiến trúc độc đáo, nêu được điểm độc đáo theo cảm nhận và có hứng thú vào bài đọc.
Cách tiến hành:

- GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài Nghệ thuật múa ba lê và trả lời 1 - 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài.

- 2 HS đọc bài cũ, cả lớp theo dõi, nhận xét.

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu khởi động trong SGK: Trao đổi cùng bạn: Mỗi công trình kiến trúc dưới đây có điểm gì độc đáo?

- HS đọc yêu cầu khởi động, quan sát tranh và xác định nhiệm vụ trao đổi.



- GV đưa tranh ảnh khởi động và gợi ý HS quan sát hình dáng của mỗi công trình, so sánh với công trình bình thường khác.

- HS quan sát, nêu: Bảo tàng Hà Nội có dáng khối lớn, phần trên rộng hơn phần dưới; Nhà hát Đố có hình dáng giống chiếc đố; Nhà hát Cao Văn Lầu có hình dạng ba chiếc nón lá.

- GV cho HS trao đổi nhóm 4 theo yêu cầu trong SGK.

- HS trao đổi nhóm 4, thống nhất ý kiến về điểm độc đáo của từng công trình.

- GV mời đại diện 2 - 3 nhóm trình bày trước lớp; HS khác nhận xét, bổ sung.

- Đại diện nhóm trình bày, HS khác lắng nghe và bổ sung.

- GV nhận xét ý kiến của HS và chốt lại.

- HS lắng nghe, ghi nhớ cách quan sát công trình kiến trúc độc đáo.

- GV giới thiệu bài đọc Một ngôi chùa độc đáo: Bài đọc giúp các em hiểu về kiến trúc độc đáo của chùa Một Cột, thấy được giá trị văn hoá của công trình này đối với người Việt Nam và bạn bè trong khu vực.

- HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài đọc.

2. Khám phá: Đọc văn bản (15 phút)

Mục tiêu: HS đọc đúng bài đọc, biết ngắt nghỉ ở câu dài, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện thông tin quan trọng.

Mục tiêu tích hợp: HS hình thành ý thức tôn trọng di sản kiến trúc, ứng xử văn minh nơi công cộng và nơi tham quan.

Cách tiến hành:

- GV đọc cả bài với ngữ điệu chung: to, rõ ràng, không cần diễn cảm; có thể mời 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trong bài.	- HS nghe GV đọc mẫu, theo dõi văn bản trong SGK.
- GV hướng dẫn HS đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: độc nhất, giá đỡ, vững chãi, cổ kính, rồng châu.	- HS nêu và luyện đọc từ khó: độc nhất, giá đỡ, vững chãi, cổ kính, rồng châu; sửa lỗi phát âm nếu có.
- GV hướng dẫn HS ngắt giọng với câu dài. Ví dụ: Năm 2012,/ chùa được Tổ chức Kỷ lục châu Á/ xác nhận là/ “Ngôi chùa/ có kiến trúc độc đáo nhất châu Á”.	- HS luyện ngắt nghỉ đúng ở câu dài, đọc lại câu theo nhịp GV hướng dẫn.
- GV chia bài đọc thành 4 đoạn và nêu nội dung từng phần: Đoạn 1 từ đầu đến chùa Một Cột; đoạn 2 tiếp theo đến gọi là Liên Hoa Đài; đoạn 3 tiếp theo đến hồ nước yên bình; đoạn cuối còn lại.	- HS đánh dấu đoạn trong SGK và nắm nội dung chính từng phần.
- GV gọi 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn của bài đọc.	- 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn; cả lớp lắng nghe, nhận xét cách đọc.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: đọc nhẩm toàn bài một lượt.	- HS đọc nhẩm toàn bài để nắm các thông tin chính.
- GV nhận xét việc đọc của cả lớp.	- HS lắng nghe, tự điều chỉnh cách đọc.
- GV hướng dẫn HS đọc từ ngữ chú thích trong SGK, tìm hiểu thêm nghĩa từ khó: độc nhất vô nhị, hai con rồng châu mặt nguyệt.	- HS nêu từ khó: ngự, Liên Hoa Đài, độc nhất vô nhị, hai con rồng châu mặt nguyệt; lắng nghe GV giải nghĩa.
- GV diễn giải tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: + GV giúp HS nhận ra chùa Một Cột là di sản kiến trúc có giá trị, thể hiện tài năng sáng tạo của cha ông. + GV nhắc HS khi tham quan di tích cần đi nhẹ, nói khẽ, không viết vẽ lên công trình, không xả rác, không chen lấn. + HS liên hệ việc giữ gìn di tích ở địa phương và biết bày tỏ niềm tự hào về các công trình văn hoá của đất nước.	- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.

3. Luyện tập: Trả lời câu hỏi (15 phút)

Mục tiêu: HS trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu trong SGK, biết tìm thông tin, tóm tắt bài đọc và nêu ý kiến cá nhân.

Cách tiến hành:

- Câu 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Chùa Một Cột ở đâu và được xây dựng vào năm nào?</i>	- HS đọc câu 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
---	---

<p>Bên cạnh nét độc đáo kể trên, chùa Một Cột còn mang nét đẹp cổ kính của kiến trúc Á Đông. Nóc chùa được trang trí hai con rồng chầu mặt nguyệt. Chùa có bốn mái cong cong mềm mại. Ngôi chùa càng thêm nổi bật giữa khung cảnh cây cối xanh tươi và hồ nước yên bình.</p> <p>Chùa Một Cột – di tích văn hoá vô giá – đã trở thành một biểu tượng của Thủ đô Hà Nội. Năm 2012, chùa được Tổ chức Kỷ lục châu Á xác nhận là “Ngôi chùa có kiến trúc độc đáo nhất châu Á”.</p> <p style="text-align: right;">(Theo Hiến Vũ)</p> <p>Từ ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngự: ở nơi cao, trang trọng. Liên Hoa Đài: đài hoa sen. <p>?</p> <ol style="list-style-type: none"> Chùa Một Cột ở đâu và được xây dựng vào năm nào? Vì sao chùa có tên là Một Cột và Liên Hoa Đài? Theo em, điều gì khiến chùa Một Cột được xem là “Ngôi chùa có kiến trúc độc đáo nhất châu Á”? Trong bài đọc, em ấn tượng nhất với thông tin nào? Vì sao? Tóm tắt bài đọc theo gợi ý sau: <div style="background-color: #e6f2ff; padding: 5px; margin-bottom: 5px;"> PHẦN ĐẦU Giới thiệu chung về chùa Một Cột. </div> <div style="text-align: center; margin-bottom: 5px;">↓</div> <div style="background-color: #e6f2ff; padding: 5px; margin-bottom: 5px;"> PHẦN CHÍNH Phân tích nét độc đáo và cổ kính của ngôi chùa. </div> <div style="text-align: center; margin-bottom: 5px;">↓</div> <div style="background-color: #e6f2ff; padding: 5px;"> PHẦN CUỐI Khẳng định giá trị của ngôi chùa. </div> <p>5. Bài đọc nói với chúng ta về điều gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.</p> <ol style="list-style-type: none"> Kiến trúc độc đáo của chùa Một Cột. Nguồn gốc những cái tên của chùa Một Cột. Giá trị văn hoá của chùa Một Cột trong đời sống chúng ta. 	
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân.</p>	<p>- HS làm việc cá nhân; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: Chùa Một Cột ở quận Ba Đình, trung tâm Thủ đô Hà Nội. Chùa được xây dựng năm 1049, thời vua Lý Thái Tông.</p>
<p>- GV kết luận/chốt đáp án: Địa điểm của chùa: quận Ba Đình, trung tâm Thủ đô Hà Nội. Năm xây dựng chùa: 1049, thời vua Lý Thái Tông.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<p>- Câu 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Vì sao chùa có tên là Một Cột và Liên Hoa Đài? Theo em, điều gì khiến chùa Một Cột được xem là “Ngôi chùa có kiến trúc độc đáo nhất châu Á”?</i></p>	<p>- HS đọc câu 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS đọc nhanh đoạn 2 và 3, trao đổi nhóm 4.</p>	<p>- HS đọc nhanh đoạn 2 và 3, trao đổi nhóm 4; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: Chùa có tên Một Cột vì chùa được đặt trên cột đá tròn duy nhất. Chùa có tên Liên Hoa Đài vì chùa có hình đóa sen khổng lồ vươn lên từ mặt nước. Chùa được xem là “Ngôi chùa có kiến trúc độc đáo nhất châu Á” vì ở châu Á không có ngôi chùa nào mang kiến trúc độc đáo như vậy: đặt trên một cột đá tròn, có hình đóa sen - quốc hoa của Việt Nam.</p>

- GV kết luận/chốt đáp án: GV nhận xét và ghi nhận những câu trả lời đúng, diễn đạt rõ ràng.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Trong bài đọc, em ấn tượng nhất với thông tin nào? Vì sao?</i>	- HS đọc câu 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS nêu thông tin ấn tượng theo cảm nhận riêng, ví dụ: Ấn tượng với thông tin chùa ngự trên một cột đá tròn vì thông tin này giúp em thấy rõ nét riêng biệt của chùa Một Cột; hoặc ấn tượng với thông tin chùa tựa đóa sen khổng lồ vươn lên từ mặt nước vì giúp em hình dung một ngôi chùa rất đẹp, thanh tịnh.
- GV hỏi mở rộng: Thông tin đó gợi cho em cảm xúc gì về chùa Một Cột?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: GV nhận xét, khen ngợi nhóm HS thảo luận tích cực và ghi nhận những chia sẻ tự nhiên, chân thực, hợp lí.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 4. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Tóm tắt bài đọc theo gợi ý.</i>	- HS đọc câu 4 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS xem lại bài đọc, dựa vào gợi ý và trao đổi nhóm 4.	- HS xem lại bài đọc, dựa vào gợi ý và trao đổi nhóm 4; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Phần đầu: giới thiệu chung về chùa Một Cột. Phần chính: phân tích nét độc đáo và cổ kính của ngôi chùa. Phần cuối: khẳng định giá trị của ngôi chùa. HS có thể tóm tắt: Chùa Một Cột ở quận Ba Đình, Hà Nội, được xây dựng năm 1049. Chùa có kiến trúc độc đáo, ngự trên một cột đá tròn, trông như đóa sen khổng lồ vươn lên từ mặt nước. Ngôi chùa mang nét cổ kính của kiến trúc Á Đông và là di tích văn hóa vô giá của Thủ đô Hà Nội.
- GV kết luận/chốt đáp án: GV nhận xét và ghi nhận những tóm tắt hợp lí.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 5. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Bài đọc nói với chúng ta về điều gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.</i>	- HS đọc câu 5 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS xem	- HS xem lại toàn bài, suy nghĩ và trao đổi nhóm 4; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý

lại toàn bài, suy nghĩ và trao đổi nhóm 4.	kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS có thể chọn A, B hoặc C nếu có cách giải thích hợp lí. Ví dụ: Bài đọc nói với chúng ta về nghệ thuật kiến trúc của người Việt, khả năng sáng tạo của người Việt, vẻ đẹp của những công trình xây dựng trên đất nước ta.
- GV hỏi mở rộng: Em có thể nêu ý kiến riêng khác với ba phương án không?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: GV ghi nhận ý kiến của HS, khen ngợi những câu trả lời sáng tạo, hợp lí.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
4. Vận dụng: Luyện đọc lại (5 phút) Mục tiêu: HS luyện đọc lại bài đọc, biết đọc rõ ràng các thông tin quan trọng. Mục tiêu tích hợp: HS biết tôn trọng giá trị văn hóa, tín ngưỡng và sự đa dạng trong đời sống cộng đồng. Cách tiến hành:	
- GV tổ chức làm việc chung cả lớp: 3 HS đọc nối tiếp 3 phần trước lớp; GV và cả lớp góp ý cách đọc.	- 3 HS đọc nối tiếp, cả lớp nhận xét cách đọc, cách nhấn giọng.
- GV cho HS đọc theo cặp, góp ý cho nhau.	- HS đọc theo cặp, sửa lỗi phát âm và ngắt nghỉ cho bạn.
- GV diễn giải tích hợp Quyền con người: + GV lồng ghép thái độ tôn trọng giá trị văn hóa, tín ngưỡng và sự đa dạng trong đời sống cộng đồng. + GV nhắc HS khi đến nơi thờ tự, di tích văn hóa cần ăn mặc, nói năng, ứng xử phù hợp và tôn trọng niềm tin của người khác. + HS biết tôn trọng sự khác biệt văn hóa, không chê bai, không có hành vi thiếu lịch sự ở nơi công cộng.	- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-
-

BÀI 31: MỘT NGÔI CHÙA ĐỘC ĐÁO

TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: LUYỆN TẬP VỀ KẾT TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nhận diện kết từ, sử dụng đúng kết từ trong những ngữ cảnh cụ thể để nối các từ ngữ, các vế câu với nhau.
- Biết lựa chọn kết từ phù hợp để hoàn thiện câu; biết viết tiếp câu với kết từ cho sẵn.
- Vận dụng kiến thức về kết từ để diễn đạt câu văn rõ nghĩa, mạch lạc.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị SGK, đọc trước bài, tự thực hiện nhiệm vụ đọc, nói, viết và điều chỉnh sản phẩm theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, dùng từ ngữ phù hợp và thể hiện suy nghĩ sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực đọc đề, làm bài và sửa bài.
- Trách nhiệm: hoàn thành bài tập cá nhân, hợp tác trong nhóm và ghi chép đáp án đúng.
- Trung thực: tự đánh giá kết quả làm bài, mạnh dạn sửa lỗi dùng kết từ.

4. Tích hợp

NLS: 1.1.CB2b - HS tra cứu hình ảnh 360 độ về kiến trúc chùa, ghi nhận thông tin chính.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Hình bài tập Luyện từ và câu trong SGK được cắt đúng nội dung và chèn đúng vị trí.
- Phiếu học tập cho hoạt động nhóm; bảng phụ ghi đáp án nếu cần.
- Thiết bị trình chiếu hình ảnh 360 độ về kiến trúc chùa hoặc công trình kiến trúc nếu có.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 phút) Mục tiêu: HS nhớ lại khái niệm kết từ và chuẩn bị luyện tập. Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Ở Bài 29, các em đã được học về khái niệm kết từ. Kết từ dùng để làm gì?	- HS trả lời: Kết từ là từ nối các từ ngữ hoặc các vế câu với nhau, thể hiện mối quan hệ giữa các từ ngữ hoặc vế câu.
- GV giới thiệu nội dung bài học: Ở Bài 31 này, chúng ta sẽ luyện tập thêm các kết từ phù hợp để nối các từ ngữ trong câu với nhau hoặc đặt câu với các kết từ cho sẵn.	- HS lắng nghe, chuẩn bị làm bài tập.
2. Luyện tập: Bài 1 (12 phút) Mục tiêu: HS chọn được từ ngữ ở cột A phù hợp với từ ngữ ở cột B để tạo câu và chỉ ra các kết từ trong mỗi câu. Mục tiêu tích hợp: HS biết tra cứu hình ảnh 360 độ về kiến trúc chùa, ghi nhận thông tin chính theo hướng dẫn của GV. Cách tiến hành:	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Chọn từ ngữ ở cột A phù hợp với từ ngữ ở cột B trong SHS để tạo câu. Chỉ ra các kết từ trong mỗi câu.</i>	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

<p>LUYỆN TỪ VÀ CÂU</p> <p>LUYỆN TẬP VỀ KẾT TỪ</p> <p>1. Chọn từ ngữ ở cột A phù hợp với từ ngữ ở cột B để tạo câu. Chỉ ra các kết từ trong mỗi câu.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>A</th> <th>B</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>a. Nước Áo được coi là đất nước của âm nhạc</td> <td>(1) nhưng đó vẫn là những bức tranh đắt nhất thế giới.</td> </tr> <tr> <td>b. Nếu không tính toán thật kỹ lưỡng và luyện tập tỉ mỉ trong mỗi cảnh quay</td> <td>(2) mà còn giúp ta ngủ sâu và hoàn toàn thư giãn.</td> </tr> <tr> <td>c. Âm nhạc không những làm tăng sự lạc quan</td> <td>(3) thì các diễn viên đóng thế sẽ rất dễ gặp nguy hiểm.</td> </tr> <tr> <td>d. Mặc dù nhiều bức tranh của Van Gốc có màu vàng chói chang đến nhức mắt</td> <td>(4) bởi nhiều nhạc sĩ nổi tiếng thế giới đều đã sống ở đây.</td> </tr> </tbody> </table> <p>2. Chọn kết từ phù hợp thay cho bóng hoa.</p> <p>cho của mà và</p> <p>Nghị lực phê thường, sự lãng mạn lòng nhân ái đã chấp cánh âm nhạc Mô-đa. Di sản ông để lại nhân loại thật là vĩ đại: hơn 600 tác phẩm lớn nhỏ. Đây là một cống hiến vào mức kỉ lục một con người chỉ sống trên đời có 35 năm. (Theo Kể chuyện danh nhân thế giới)</p>  <p>Mô-đa (1796 – 1791)</p>	A	B	a. Nước Áo được coi là đất nước của âm nhạc	(1) nhưng đó vẫn là những bức tranh đắt nhất thế giới.	b. Nếu không tính toán thật kỹ lưỡng và luyện tập tỉ mỉ trong mỗi cảnh quay	(2) mà còn giúp ta ngủ sâu và hoàn toàn thư giãn.	c. Âm nhạc không những làm tăng sự lạc quan	(3) thì các diễn viên đóng thế sẽ rất dễ gặp nguy hiểm.	d. Mặc dù nhiều bức tranh của Van Gốc có màu vàng chói chang đến nhức mắt	(4) bởi nhiều nhạc sĩ nổi tiếng thế giới đều đã sống ở đây.	
A	B										
a. Nước Áo được coi là đất nước của âm nhạc	(1) nhưng đó vẫn là những bức tranh đắt nhất thế giới.										
b. Nếu không tính toán thật kỹ lưỡng và luyện tập tỉ mỉ trong mỗi cảnh quay	(2) mà còn giúp ta ngủ sâu và hoàn toàn thư giãn.										
c. Âm nhạc không những làm tăng sự lạc quan	(3) thì các diễn viên đóng thế sẽ rất dễ gặp nguy hiểm.										
d. Mặc dù nhiều bức tranh của Van Gốc có màu vàng chói chang đến nhức mắt	(4) bởi nhiều nhạc sĩ nổi tiếng thế giới đều đã sống ở đây.										
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm 4.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 4; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>										
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: a - (4): Nước Áo được coi là đất nước của âm nhạc bởi nhiều nhạc sĩ nổi tiếng thế giới đã sống ở đây. b - (3): Nếu không tính toán thật kỹ lưỡng và luyện tập tỉ mỉ trong mỗi cảnh quay thì các diễn viên đóng thế sẽ rất dễ gặp nguy hiểm. c - (2): Âm nhạc không những làm tăng sự lạc quan mà còn giúp ta ngủ sâu và hoàn toàn thư giãn. d - (1): Mặc dù nhiều bức tranh của Van Gốc có màu vàng chói chang đến nhức mắt, nhưng đó vẫn là những bức tranh đắt nhất thế giới.</p>										
<p>- GV hỏi mở rộng: Các kết từ trong mỗi câu giúp nối những bộ phận nào với nhau?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>										
<p>- GV kết luận/chốt đáp án: Đáp án: Các kết từ là những từ được in đậm: bởi; nếu... thì; không những... mà còn; mặc dù... nhưng.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>										
<p>- GV diễn giải tích hợp NLS: 1.1.CB2b - HS tra cứu hình ảnh 360 độ về kiến trúc chùa, ghi nhận thông tin chính: + GV hướng dẫn HS truy cập học liệu/đường liên kết hình ảnh 360 độ do GV cung cấp về kiến trúc chùa hoặc công trình kiến trúc phù hợp. + HS quan sát các chi tiết kiến trúc nổi bật, ghi lại 2 - 3 thông tin chính bằng từ ngữ ngắn</p>	<p>- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.</p>										

gọn, không sao chép dài nguyên văn.
+ GV nhắc HS chỉ sử dụng nguồn học liệu tin cậy, không tự ý mở trang lạ, không chia sẻ thông tin cá nhân khi tra cứu trên môi trường số.

3. Luyện tập: Bài 2 và Bài 3 (20 phút)

Mục tiêu: HS chọn kết từ phù hợp để hoàn thiện câu và viết tiếp câu với kết từ cho sẵn.

Cách tiến hành:

- **Bài 2.** GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: *Chọn kết từ phù hợp để hoàn thành câu.*

- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc nhóm 4.

- HS làm việc nhóm 4; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.

- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.

- HS trình bày: Nghị lực phi thường, sự lãng mạn **và** lòng nhân ái đã chấp cánh **cho** tài năng âm nhạc **của** Mô-da. Di sản **mà** ông để lại **cho** nhân loại thật là vĩ đại: hơn 600 tác phẩm lớn nhỏ. Đây là một cống hiến to lớn **của** một con người chỉ sống trên đời có 35 năm.

- GV hỏi mở rộng: Cùng một vị trí có thể có nhiều kết từ phù hợp không?

- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.

- GV kết luận/chốt đáp án: Đáp án: và/cùng; cho; của; mà; cho; của.

- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.

- **Bài 3.** GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: *Hoàn thiện câu a hoặc b dưới đây với mỗi kết từ cho sẵn.*

- HS đọc bài 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

<p>3. Hoàn thiện câu a hoặc b dưới đây với mỗi kết từ cho sẵn.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;"> <p>a. Tôi học chơi đàn ghi-ta</p> <p>và ●, để ●, vì ●.</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>b. Môn ảo thuật luôn kích thích người xem</p> <p>bởi ●, nên ●, với ●.</p> </div> </div> <p>VIẾT</p> <p>VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT BỘ PHIM HOẠT HÌNH</p> <p>Đề bài: Viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong bộ phim hoạt hình em đã được xem.</p> <p>1. Dựa vào các ý đã tìm được trong hoạt động Viết ở Bài 30, viết đoạn văn theo yêu cầu của đề bài.</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết mở đầu và kết thúc gây được sự chú ý đối với người đọc. - Tập trung giới thiệu nhân vật đã lựa chọn (đặc điểm về ngoại hình, hoạt động, tính cách,... của nhân vật). - Sử dụng những dẫn chứng minh họa để lời giới thiệu có sức thuyết phục và cuốn hút. <p>2. Đọc soát và chỉnh sửa.</p> <div style="display: grid; grid-template-columns: 1fr 1fr 1fr; gap: 5px;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Cách mở đầu đoạn văn</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Cách giới thiệu nhân vật trong phim</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Cách kết thúc đoạn văn</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Cách lựa chọn và đưa dẫn chứng</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Cách dùng từ, đặt câu</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">●</div> </div> <p> Sưu tầm tranh ảnh về một công trình kiến trúc độc đáo của đất nước ta. Giới thiệu với bạn về công trình kiến trúc đó.</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm, các nhóm thi với nhau xem nhóm nào làm đúng và nhanh nhất.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm, các nhóm thi với nhau xem nhóm nào làm đúng và nhanh nhất; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: a. Tôi học chơi đàn ghi-ta và học khiêu vũ. Tôi học chơi đàn ghi-ta để thỏa mãn niềm đam mê âm nhạc của mình. Tôi học chơi đàn ghi-ta vì nó giúp tôi giải toả căng thẳng. b. Môn ảo thuật luôn kích thích người xem bởi nó vô cùng bất ngờ. Môn ảo thuật luôn kích thích người xem nên nhiều người thích nó. Môn ảo thuật luôn kích thích người xem với nhiều cung bậc cảm xúc khác nhau.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Em có thể viết thêm một câu khác với kết từ đã cho không?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- GV kết luận/chốt đáp án: Đáp án tham khảo như trong SGK; GV và HS cùng nhận xét, đưa ra những câu hay nhất, thú vị nhất.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<p>4. Vận dụng - Củng cố (5 phút) Mục tiêu: HS ghi nhớ cách lựa chọn kết từ phù hợp với quan hệ nghĩa giữa các vế câu. Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS nêu lại một số cặp kết từ vừa luyện tập.</p>	<p>- HS nêu: nếu... thì; không những... mà còn; mặc dù... nhưng.</p>
<p>- GV chốt: Khi dùng kết từ, cần hiểu quan hệ nghĩa giữa các từ ngữ hoặc các vế câu để chọn kết từ đúng, làm cho câu văn rõ nghĩa</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ cách dùng kết từ.</p>

và mạch lạc.	
--------------	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-
-

BÀI 31: MỘT NGÔI CHÙA ĐỘC ĐÁO**TIẾT 3: VIẾT: VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT BỘ PHIM HOẠT HÌNH****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Viết được đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong bộ phim hoạt hình em đã được xem.
- Biết dựa vào các ý đã tìm được trong hoạt động Viết ở Bài 30 để viết đoạn văn có đủ mở đầu, triển khai, kết thúc.
- Biết đọc soát và chỉnh sửa đoạn văn theo gợi ý trong SGK.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị SGK, đọc trước bài, tự thực hiện nhiệm vụ đọc, nói, viết và điều chỉnh sản phẩm theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, dùng từ ngữ phù hợp và thể hiện suy nghĩ sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực viết bài, đọc soát và hoàn thiện đoạn văn.
- Trách nhiệm: sử dụng dẫn chứng phù hợp, trình bày bài viết rõ ràng, trung thực với trải nghiệm xem phim.
- Nhân ái: biết nhận xét, góp ý cho bạn bằng lời nói nhẹ nhàng, tôn trọng.

4. Tích hợp

AI: 5.C4.2 - Trải nghiệm ảnh 3D/tham quan ảo, nhận biết AI hỗ trợ khám phá di sản văn hóa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Hình hoạt động Viết trong SGK được cắt đúng nội dung và chèn đúng vị trí.
- Dàn ý HS đã lập ở Bài 30; vở viết, bút, phiếu tự sửa lỗi.
- Một số hình ảnh 3D/tham quan ảo về di sản văn hóa do GV chọn lọc, an toàn, phù hợp.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 phút) Mục tiêu: HS nhớ lại dàn ý đã lập ở Bài 30 và xác định nhiệm vụ viết đoạn văn. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS lấy dàn ý đã lập trong hoạt động Viết ở Bài 30 và đọc lại đề bài trong SGK: Viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong bộ phim hoạt hình em đã được xem.	- HS đọc đề bài, lấy dàn ý đã chuẩn bị và xác định yêu cầu viết đoạn văn.

<p>3. Hoàn thiện câu a hoặc b dưới đây với mỗi kết từ cho sẵn.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>a. Tôi học chơi đàn ghi-ta</p> <p>và ●, để ●, vì ●.</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>b. Môn áo thuật luôn kích thích người xem</p> <p>bởi ●, nên ●, với ●.</p> </div> </div> <p>VIẾT</p> <p>VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT BỘ PHIM HOẠT HÌNH</p> <p>Đề bài: Viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong bộ phim hoạt hình em đã được xem.</p> <p>1. Dựa vào các ý đã tìm được trong hoạt động Viết ở Bài 30, viết đoạn văn theo yêu cầu của đề bài.</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết mở đầu và kết thúc gây được sự chú ý đối với người đọc. - Tập trung giới thiệu nhân vật đã lựa chọn (đặc điểm về ngoại hình, hoạt động, tính cách,... của nhân vật). - Sử dụng những dẫn chứng minh họa để lời giới thiệu có sức thuyết phục và cuốn hút. <p>2. Đọc soát và chỉnh sửa.</p> <div style="display: grid; grid-template-columns: 1fr 1fr 1fr; gap: 5px;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Cách mở đầu đoạn văn</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Cách giới thiệu nhân vật trong phim</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Cách kết thúc đoạn văn</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Cách lựa chọn và đưa dẫn chứng</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Cách dùng từ, đặt câu</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">●</div> </div> <p> Sưu tầm tranh ảnh về một công trình kiến trúc độc đáo của đất nước ta. Giới thiệu với bạn về công trình kiến trúc đó.</p>	
<p>- GV nhắc HS chú ý các yêu cầu: mở đầu và kết thúc gây được sự chú ý; tập trung giới thiệu nhân vật đã lựa chọn; sử dụng dẫn chứng minh họa để lời giới thiệu có sức thuyết phục và cuốn hút.</p>	<p>- HS lắng nghe, rà soát nhanh dàn ý cá nhân.</p>
<p>2. Khám phá - Luyện tập: Viết đoạn văn (22 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS viết được đoạn văn theo yêu cầu của đề bài.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết AI có thể hỗ trợ khám phá di sản văn hóa qua ảnh 3D/tham quan ảo nhưng cần sử dụng có hướng dẫn, có chọn lọc.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Dựa vào các ý đã tìm được trong hoạt động Viết ở Bài 30, viết đoạn văn theo yêu cầu.</i></p>	<p>- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân, viết đoạn văn vào vở.</p>	<p>- HS làm việc cá nhân, viết đoạn văn vào vở; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: HS viết đoạn văn có đủ các phần mở đầu, triển khai, kết thúc; tập trung giới thiệu nhân vật trong bộ phim hoạt hình đã chọn; có dẫn chứng về ngoại hình, hoạt động, tính cách hoặc chi tiết gây ấn tượng của nhân vật.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Đoạn văn của em đã có câu mở đầu và câu kết thúc phù hợp chưa?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- GV kết luận/chốt đáp án: GV lưu ý HS khi viết nhớ sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>

để câu văn sinh động.	
<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giải tích hợp AI: 5.C4.2 - Trải nghiệm ảnh 3D/tham quan ảo, nhận biết AI hỗ trợ khám phá di sản văn hóa: + GV giới thiệu ngắn gọn: ảnh 3D/tham quan ảo và một số công cụ AI có thể giúp người học quan sát di sản văn hóa ở nhiều góc nhìn. + HS quan sát học liệu GV cung cấp, nêu thông tin em thấy rõ hơn khi xem ảnh 3D/tham quan ảo so với ảnh thường. + GV nhấn mạnh: AI chỉ hỗ trợ quan sát, gợi ý; người học cần tự đọc, tự cảm nhận, ghi nhận thông tin đúng và biết tôn trọng di sản văn hóa. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.
3. Luyện tập: Đọc soát và chỉnh sửa (12 phút) Mục tiêu: HS biết đọc soát, phát hiện lỗi và chỉnh sửa đoạn văn cho hay hơn. Cách tiến hành:	
- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Đọc soát và chỉnh sửa.</i>	- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS đối vở với bạn bên cạnh để soát lỗi cho nhau.	- HS đối vở với bạn bên cạnh để soát lỗi cho nhau; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS đọc lại đoạn văn của mình, đối chiếu với gợi ý trong SGK: cách mở đầu đoạn văn, cách giới thiệu nhân vật trong phim, cách kết thúc đoạn văn, cách lựa chọn và đưa dẫn chứng, cách dùng từ, đặt câu. HS sửa lỗi nếu có.
- GV hỏi mở rộng: Khi góp ý cho bạn, em cần chú ý điều gì?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: GV chiếu một số bài của HS lên bảng; HS khác nhận xét, góp ý theo các nội dung trong SGK.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
4. Vận dụng - Củng cố (3 phút) Mục tiêu: HS hoàn thiện đoạn văn và ghi nhớ nhiệm vụ vận dụng. Cách tiến hành:	
- GV hướng dẫn HS nắm được yêu cầu Vận dụng: Sưu tầm tranh ảnh về một công trình kiến trúc độc đáo của đất nước ta. Giới thiệu với bạn về công trình kiến trúc đó.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ vận dụng, chuẩn bị tranh ảnh hoặc thông tin ngắn về một công trình kiến trúc độc đáo.
- GV tóm tắt nội dung bài học: Đọc - hiểu: Một ngôi chùa độc đáo; Luyện từ và câu: Luyện tập về kết từ; Viết: Viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong bộ phim hoạt hình.	- HS lắng nghe, tự rà soát sản phẩm viết của mình.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-

BÀI 32: SỰ TÍCH CHÚ TỂU

TIẾT 1 - 2: ĐỌC: SỰ TÍCH CHÚ TỂU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng và diễn cảm văn bản kịch Sự tích chú Tểu; biết thể hiện giọng đọc phù hợp với lời thoại của nhân vật; biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện ngữ điệu của lời nói, cảm xúc của nhân vật.
- Nhận biết được nội dung cuộc trò chuyện của hai nhân vật trong vở kịch; cảm nhận được suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật trong mỗi cảnh của vở kịch.
- Hiểu ý nghĩa của kịch bản: đưa ra một cách giải thích về sự xuất hiện của nhân vật chú Tểu được yêu thích trong các vở múa rối nước.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị SGK, đọc trước bài, tự thực hiện nhiệm vụ đọc, nói, viết và điều chỉnh sản phẩm theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, dùng từ ngữ phù hợp và thể hiện suy nghĩ sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: biết cảm nhận, thưởng thức nghệ thuật truyền thống, có hứng thú tìm hiểu nghệ thuật cổ truyền dân tộc.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn nghệ thuật múa rối nước và bảo vệ không gian văn hóa làng quê.
- Nhân ái: biết trân trọng ước mơ, tâm nguyện tốt đẹp và nỗ lực của người khác.

4. Tích hợp

Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục ý thức giữ gìn nghệ thuật múa rối nước, trân trọng trí tuệ dân gian.

Tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: Liên hệ sân khấu rối nước và ao hồ; nhắc HS bảo vệ nguồn nước, không làm ô nhiễm ao hồ làng quê.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh minh họa bài đọc trong SGK được cắt đúng nội dung và chèn đúng vị trí.
- Video về múa rối nước, nhân vật chú Tểu nếu có.
- Phiếu học tập cho hoạt động đọc hiểu và luyện tập theo văn bản đọc.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: HS nêu được nhận xét ban đầu về gương mặt nhân vật chú Tểu và có hứng thú vào bài đọc. Cách tiến hành:	
- GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài Một ngôi chùa độc đáo và trả lời 1 - 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài.	- 2 HS đọc bài cũ, trả lời câu hỏi; cả lớp lắng nghe, nhận xét.
- GV giới thiệu tên bài học và yêu cầu HS đọc yêu cầu khởi động trong SGK: Nêu nhận xét của em về gương mặt nhân vật chú Tểu trong các tiết mục múa rối nước.	- HS đọc yêu cầu khởi động, quan sát hình nhân vật chú Tểu trong SGK.

<div> <div> <div>Bài</div> <div>32</div> </div> <div>SỰ TÍCH CHÚ TỂU</div> </div> <div> <div>ĐỌC</div> <div> <div> <div> <div></div> <div></div> </div> <div>Nếu nhận xét của em về gương mặt nhân vật chú Tểu trong các tiết mục múa rối nước.</div> </div> <div> <div>SỰ TÍCH CHÚ TỂU</div> <div> <div>Nhân vật:</div> <div> <div>1. Ông quản phường rối nước.</div> <div>2. Tểu – anh trai làng.</div> </div> <div>Cảnh 1: Tại xưởng mộc phường rối nước.</div> </div> <div> </div> <div> <div>Ông quản:</div> <div>– Anh tìm ai?</div> <div>Anh Tểu:</div> <div>– Dạ thưa, con tìm ông quản phường rối nước ạ.</div> <div>Ông quản:</div> <div>– Là ta đây!</div> <div>Anh Tểu:</div> <div>– Dạ, con tên Tểu. Đến xin học nghề.</div> <div>Ông quản:</div> <div>– Tểu có nghĩa là cười. Tên đẹp đấy! Vì sao con muốn học nghề rối nước?</div> <div>Anh Tểu:</div> <div>– Con thích ca hát mà tưởng mạo khó coi, “bụng trống châu, đầu cá trê”, vào phường ta mới mong được giấu mặt mình, trình mặt rồi mà hát sau bức màn ạ.</div> </div> </div> </div> </div>	
<p>- GV có thể cho HS xem video 1 trích đoạn múa rối nước, trong đó có nhân vật chú Tểu.</p>	<p>- HS quan sát, nêu nhận xét: chú Tểu có gương mặt vui vẻ, tươi cười, hóm hỉnh, gần gũi.</p>
<p>- GV giới thiệu khái quát về nghệ thuật múa rối nước: Múa rối nước là một loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian truyền thống, ra đời từ nền văn minh lúa nước; là một sáng tạo đặc trưng của người Việt Nam.</p>	<p>- HS lắng nghe, bước đầu hiểu về nghệ thuật múa rối nước.</p>
<div> <div>2. Khám phá: Đọc văn bản (25 phút)</div> <div>Mục tiêu: HS đọc đúng và diễn cảm văn bản kịch, thể hiện giọng đọc phù hợp với lời thoại nhân vật.</div> <div>Mục tiêu tích hợp: HS hình thành ý thức giữ gìn nghệ thuật múa rối nước, trân trọng trí tuệ dân gian.</div> <div>Cách tiến hành:</div> </div>	
<p>- GV giới thiệu văn bản kịch có 2 cảnh: Cảnh 1: anh Tểu gặp ông quản phường múa rối nước để xin học nghề; Cảnh 2: cuộc trò chuyện giữa ông quản và anh Tểu 3 năm sau, khi anh Tểu đã giỏi nghề.</p>	<p>- HS lắng nghe, xác định bố cục văn bản kịch.</p>
<p>- GV đọc lời của ông quản; mời 1 HS đọc lời của anh Tểu lần lượt từ cảnh 1 sang cảnh 2; đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng thể hiện tình cảm, cảm xúc của mỗi nhân vật.</p>	<p>- HS nghe GV và bạn đọc mẫu, theo dõi văn bản trong SGK.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: ông quản phường rối nước, “một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ”, phường rối làng ta.</p>	<p>- HS nêu và luyện đọc từ khó: ông quản phường rối nước, một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ, phường rối làng ta; sửa lỗi phát âm nếu có.</p>

- GV hướng dẫn đọc diễn cảm thể hiện cảm xúc của nhân vật: giọng anh Tể hồn nhiên, hài hước ở cảnh 1; giọng trầm, chậm rãi ở cảnh 2.	- HS luyện đọc lời nhân vật theo hướng dẫn.
- GV yêu cầu HS làm việc theo cặp: mỗi HS đọc lời một nhân vật.	- HS làm việc theo cặp, phân vai đọc lời ông quản và anh Tể.
- GV mời 2 HS đọc trước lớp nếu có thời gian; GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.	- 2 HS đọc trước lớp, cả lớp nhận xét giọng đọc, cách thể hiện nhân vật.
- GV hỏi HS có từ ngữ nào trong bài đọc mà các em chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu; GV giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển.	- HS nêu từ khó: ông quản phùng, thủy đình, quân hè; lắng nghe GV giải nghĩa.
<p>- GV diễn giải tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống:</p> <p>+ GV giúp HS nhận ra mùa rỗi nước là nghệ thuật dân gian truyền thống gắn với trí tuệ, tâm hồn và đời sống làng quê của người Việt.</p> <p>+ GV nhắc HS khi xem biểu diễn nghệ thuật truyền thống cần có thái độ trân trọng, cổ vũ văn minh, không cười chê hoặc làm ồn.</p> <p>+ HS liên hệ việc giữ gìn các loại hình nghệ thuật dân gian: tìm hiểu, giới thiệu với bạn bè, biết tự hào về văn hóa dân tộc.</p>	<p>- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn.</p> <p>+ Liên hệ nội dung bài học với bản thân.</p> <p>+ Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp.</p> <p>+ Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.</p>
<p>3. Luyện tập: Trả lời câu hỏi (30 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu trong SGK, biết nêu lí do và giải thích ý nghĩa văn bản.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
- Câu 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Ở cảnh 1, lí do anh Tể tìm gặp ông quản là gì?	- HS đọc câu 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

<p>Từ ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> – (Ông) quản phùng: (người) quản lý, điều hành một tổ chức gồm những người cùng làm một nghề, một công việc (trong xã hội xưa). – Thụy định: nhà biểu diễn múa rối nước. – Quán hể: nhân vật rối nước được làm bằng gỗ, đóng vai gây cười trong các vở diễn. <p>1. Ở cảnh 1, lí do anh Tều tìm gặp ông quản là gì?</p> <p>2. Qua lời chào hỏi, giới thiệu, trò chuyện với ông quản, em thấy anh Tều là người thế nào?</p> <p>3. Theo em, vì sao ông quản dạy cho anh Tều diễn những quán rối hể?</p> <p>Vì thấy anh Tều muốn "học cười".</p> <p>Vì thấy anh Tều hoạt bát, ngộ nghĩnh.</p> <p>4. Ở cảnh 2, điều gì khiến anh Tều có những xáo trộn trong tâm tư? Vì sao ông quản khích lệ anh Tều đi theo tâm nguyện của mình?</p> <p>5. Vở kịch giải thích thế nào về sự xuất hiện nhân vật chủ Tều trong các vở rối nước?</p> <p>1. Xếp các từ có tiếng tâm dưới đây vào nhóm thích hợp.</p> <p>tâm tư tâm nguyện tâm bảo tâm điểm</p> <p>tâm trạng tâm huyết trung tâm lương tâm</p> <p>Tâm có nghĩa là điểm chính giữa.</p> <p>Tâm có nghĩa là tình cảm, ý chí.</p> <p>2. Đặt câu với 1 – 2 từ trong mỗi nhóm ở bài tập 1.</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS suy nghĩ cá nhân.</p>	<p>- HS suy nghĩ cá nhân; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: Anh Tều gặp ông quản phùng rối nước để xin học nghề/ xin học nghề biểu diễn rối nước.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Theo em, vì sao anh Tều muốn học nghề rối nước?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- GV kết luận/chốt đáp án: Anh Tều muốn học nghề rối nước vì anh thích ca hát nhưng tướng mạo khó coi, chỉ có diễn rối nước mới mong được “giấu mặt mình, trình mặt rối” hát sau bức màn.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<p>- Câu 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Qua lời chào hỏi, giới thiệu, trò chuyện với ông quản, em thấy anh Tều là người thế nào?</i></p>	<p>- HS đọc câu 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc nhóm theo hướng dẫn của GV.</p>	<p>- HS làm việc nhóm theo hướng dẫn của GV; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: Anh Tều là người thích ca hát, tính tình hiền lành, thật thà, rất hài hước và rất lạc quan; dù tự biết tướng mạo khó coi nhưng vẫn nói bằng cách dí dỏm và có mong muốn được ca hát.</p>
<p>- GV kết luận/chốt đáp án: GV có thể lựa</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời</p>

chọn cách trình bày dựa trên ý kiến của HS; ghi nhận các ý hợp lí.	vào vở.
- Câu 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Theo em, vì sao ông quản dạy cho anh Tể diễn những quân rối hề?</i>	- HS đọc câu 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm.	- HS thảo luận nhóm; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Ông quản dạy cho anh Tể diễn những quân rối hề vì ông thấy anh Tể hóm hỉnh, vui tính, lém lỉnh, hợp với vai diễn đem đến tiếng cười cho khán giả.
- GV kết luận/chốt đáp án: Trong lời trò chuyện của anh Tể, có hé lộ mong muốn học diễn hài; mặt khác, ông quản thấy anh Tể là chàng trai hài hước, vui tính, lém lỉnh, hợp với vai diễn đem đến tiếng cười cho khán giả.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 4. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Ở cảnh 2, điều gì khiến anh Tể có những xáo trộn trong tâm tư? Vì sao ông quản khích lệ anh Tể đi theo tâm nguyện của mình?</i>	- HS đọc câu 4 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS đọc lướt lại cảnh 2, làm việc cá nhân trước khi trao đổi nhóm.	- HS đọc lướt lại cảnh 2, làm việc cá nhân trước khi trao đổi nhóm; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Sau 3 năm theo ông quản học nghề và tham gia biểu diễn múa rối nước, anh Tể được khen là đã giỏi nghề, vở diễn nào có anh Tể tham gia, khán giả cũng vỗ tay cổ vũ. Thế nhưng trong giấc mơ, anh thấy mình thường được đến một nơi có nhà thủy đình rộng mênh mông, thoả sức ngân nga cho tròn vành rõ chữ. Ông quản khích lệ anh Tể vì hiểu giấc mơ của anh chính là niềm khát vọng tiềm ẩn: “mong ước tìm cho nghề rối nước những tích trò hay hơn, những quân rối đẹp hơn”.
- GV kết luận/chốt đáp án: Vì thế, ông quản đã khích lệ anh Tể đi theo tâm nguyện của mình.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 5. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Vở kịch giải thích thế nào về sự xuất hiện nhân vật chú Tể trong các vở rối nước?</i>	- HS đọc câu 5 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập,	- HS thảo luận nhóm; chuẩn bị câu trả lời,

gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS thảo luận nhóm.	thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Qua vở kịch, tác giả đưa ra một cách giải thích về sự xuất hiện nhân vật chú Tều trong các vở rối nước: chú Tều là quân rối mô phỏng hình mẫu của một người vóc dáng to lớn, hiền hậu mà lém lỉnh, dí dỏm - anh Tều trong vở kịch.
- GV kết luận/chốt đáp án: Chú Tều là nhân vật xuất hiện nhiều nhất và nổi tiếng nhất trong các vở rối nước; luôn có vóc dáng to lớn hơn các nhân vật khác, luôn vui vẻ, dí dỏm, gây cười cho khán giả.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
4. Luyện đọc lại (5 phút) Mục tiêu: HS luyện đọc diễn cảm vở kịch theo cặp, biết thể hiện giọng nhân vật. Mục tiêu tích hợp: HS liên hệ sân khấu rối nước với ao hồ, biết bảo vệ nguồn nước và không làm ô nhiễm ao hồ làng quê. Cách tiến hành:	
- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm vở kịch. GV có thể nói: Đây là bài đọc cuối của chủ điểm Nghệ thuật muôn màu. Ở chủ điểm này, các em được tìm hiểu những nét đặc sắc của nhiều loại hình nghệ thuật: âm nhạc, hội họa, sân khấu, kiến trúc,...	- HS lắng nghe, nắm yêu cầu luyện đọc.
- GV cho HS làm việc theo cặp: đọc diễn cảm vở kịch.	- HS làm việc theo cặp, phân vai đọc lời ông quản và anh Tều.
- GV diễn giải tích hợp Tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: + GV liên hệ sân khấu múa rối nước thường gắn với ao hồ, thủy đình và không gian làng quê Việt Nam. + GV nhắc HS bảo vệ nguồn nước: không vứt rác xuống ao hồ, kênh rạch; không làm ô nhiễm nguồn nước nơi sinh hoạt và vui chơi. + HS nêu một việc cụ thể có thể làm để giữ gìn ao hồ, dòng nước ở địa phương.	- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.
5. Luyện tập theo văn bản đọc (8 phút) Mục tiêu: HS phân loại được các từ có tiếng tâm và đặt câu với một số từ trong mỗi nhóm. Cách tiến hành:	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Xếp các từ có tiếng tâm dưới đây vào nhóm thích hợp.</i>	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi nhóm 2.	- HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi nhóm 2; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Nhóm Tâm có nghĩa là điểm chính giữa: tâm bão, tâm điểm, trung tâm.

	Nhóm Tâm có nghĩa là tình cảm, ý chí: tâm tư, tâm nguyện, tâm trạng, tâm huyết, lương tâm.
- GV hỏi mở rộng: Em hiểu “tâm nguyện” trong bài đọc là gì?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: Đáp án: Nhóm Tâm có nghĩa là điểm chính giữa: tâm bão, tâm điểm, trung tâm; Nhóm Tâm có nghĩa là tình cảm, ý chí: tâm tư, tâm nguyện, tâm trạng, tâm huyết, lương tâm.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Đặt câu với 1 - 2 từ trong mỗi nhóm ở bài tập 1.</i>	- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân vào vở.	- HS làm việc cá nhân vào vở; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS tự đặt câu và góp ý cho nhau. Ví dụ: Con bão đang tiến vào tâm bão. Trung tâm thành phố rất đông người. Anh Tể luôn giữ tâm nguyện làm cho nghề rồi nước đẹp hơn. Chúng ta cần sống có lương tâm.
- GV kết luận/chốt đáp án: GV nhận xét những câu đúng, rõ nghĩa; sửa lỗi dùng từ nếu có.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-
-

BÀI 32: SỰ TÍCH CHÚ TÊU**TIẾT 3: VIẾT: ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT BỘ PHIM HOẠT HÌNH****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Biết nghe thầy cô giáo nhận xét chung về đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình.
- Biết đọc lại đoạn văn của mình, nhận xét bài viết theo gợi ý trong SGK, phát hiện lỗi và chỉnh sửa bài viết cho hay hơn.
- Viết lại được câu hoặc đoạn trong bài làm cho rõ hơn, hay hơn.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị SGK, đọc trước bài, tự thực hiện nhiệm vụ đọc, nói, viết và điều chỉnh sản phẩm theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, dùng từ ngữ phù hợp và thể hiện suy nghĩ sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực đọc lại, sửa lỗi và hoàn thiện bài viết.
- Trách nhiệm: tự đánh giá bài làm, tiếp thu góp ý phù hợp và chỉnh sửa cẩn thận.
- Nhân ái: nhận xét bài của bạn với thái độ tôn trọng, góp ý xây dựng.

4. Tích hợp

NLS: 3.1.CB2a - HS tạo phiếu giới thiệu phim yêu thích bằng mẫu số, trình bày ngắn gọn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Hình hoạt động Viết trong SGK được cắt đúng nội dung và chèn đúng vị trí.
- Bài viết của HS đã được GV nhận xét; phiếu tự đánh giá, bút màu để sửa lỗi.
- Mẫu số đơn giản để tạo phiếu giới thiệu phim yêu thích.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 phút) Mục tiêu: HS chuẩn bị tâm thế tiếp nhận nhận xét và chỉnh sửa bài viết. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nhắc lại đề bài đã viết ở tiết trước: viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong bộ phim hoạt hình em đã được xem.	- HS nhắc lại đề bài và lấy bài viết đã được nhận xét.
2. Khám phá: Nghe nhận xét chung (7 phút) Mục tiêu: HS nắm được ưu điểm, hạn chế chung của bài viết trong lớp. Cách tiến hành:	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Nghe thầy cô giáo nhận xét chung.</i>	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS lắng nghe và ghi nhớ các lỗi cần sửa.	- HS lắng nghe và ghi nhớ các lỗi cần sửa; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS nghe GV nhận xét chung: những bài có đủ 3 phần; bài giới thiệu được tên phim, tên nhân vật gây ấn tượng; biết nêu khái quát nội dung phim; trình bày đặc điểm nổi bật của nhân vật; nêu được ý nghĩa bộ phim; biết dùng từ, viết câu sáng tạo; chữ viết sạch, rõ ràng.

<p>- GV hỏi mở rộng: Em cần chú ý nhất lỗi nào khi sửa bài?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- GV kết luận/chốt đáp án: GV trả bài cho cả lớp và nhận xét chung; lưu ý các lỗi nhiều HS mắc phải và khen ngợi một số bài làm tốt.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<p>3. Luyện tập: Đọc lại, đánh giá và chỉnh sửa (20 phút) Mục tiêu: HS biết đọc soát, tự đánh giá và sửa lỗi theo gợi ý. Mục tiêu tích hợp: HS tạo phiếu giới thiệu phim yêu thích bằng mẫu số, biết trình bày ngắn gọn, rõ thông tin. Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Đọc lại đoạn văn của em và nhận xét của thầy cô để biết bài viết đạt được những điểm nào dưới đây.</i></p>  <p>The worksheet contains two main sections. The first section, 'ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA ĐOẠN VĂN', includes a 'VIẾT' (Write) task with three steps: 1. Nghe thầy cô giáo nhận xét chung. 2. Đọc lại đoạn văn của em và nhận xét của thầy cô để biết bài viết đạt được những điểm nào dưới đây: - Có đủ 3 phần: mở đầu, triển khai, kết thúc. - Đảm bảo yêu cầu của đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim. It then lists criteria for 'Về nội dung' (Content) and 'Về hình thức' (Form). The second section, 'BỘ PHIM YÊU THÍCH', includes a 'NÓI VÀ NGHE' (Speak and Listen) task with a 'Yêu cầu' (Requirement) to introduce a favorite movie and a '1. Chuẩn bị' (Prepare) step with a list of tasks and goals.</p>	<p>- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS đọc bài cá nhân, sau đó đối vở với bạn bên cạnh để góp ý.</p>	<p>- HS đọc bài cá nhân, sau đó đối vở với bạn bên cạnh để góp ý; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: HS đối chiếu bài viết với các tiêu chí về nội dung và hình thức trong SGK: có đủ 3 phần; đảm bảo yêu cầu đoạn văn; giới thiệu được tên bộ phim, tên nhân vật; nêu khái quát nội dung; trình bày đặc điểm nổi bật; nêu ý nghĩa bộ phim; thể hiện tình cảm, cảm xúc; trình bày đúng quy cách; sắp xếp ý hợp lý; dùng từ, viết câu sáng tạo; chữ viết sạch, rõ ràng.</p>

- GV kết luận/chốt đáp án: GV hướng dẫn HS dựa vào phần gợi ý trong SGK để tự đánh giá, đánh giá bài làm của bạn cùng bàn.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- GV diễn giải tích hợp NLS: 3.1.CB2a - HS tạo phiếu giới thiệu phim yêu thích bằng mẫu số, trình bày ngắn gọn: + GV giới thiệu mẫu số đơn giản để HS tạo phiếu giới thiệu phim yêu thích: tên phim, nhân vật, nội dung chính, lí do yêu thích. + HS nhập thông tin ngắn gọn, chọn hình minh họa phù hợp nếu GV cho phép, không sử dụng hình ảnh phản cảm hoặc không rõ nguồn. + GV nhắc HS kiểm tra chính tả, cách trình bày, không đưa thông tin cá nhân lên phiếu số khi chia sẻ trước lớp.	- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.
- Bài 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Viết lại các câu hoặc đoạn trong bài làm của em cho hay hơn.</i>	- HS đọc bài 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân.	- HS làm việc cá nhân; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS viết lại 1 - 2 câu hoặc một đoạn trong bài làm cho rõ hơn, hay hơn; có thể sửa cách mở đầu, cách giới thiệu nhân vật, cách dùng từ, đặt câu hoặc cách kết thúc đoạn văn.
- GV kết luận/chốt đáp án: GV khen ngợi kết quả bài viết của HS; có thể chiếu đoạn văn trước và sau khi viết lại để lớp nhận xét.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
4. Vận dụng - Củng cố (5 phút) Mục tiêu: HS hoàn thiện bài viết sau khi chỉnh sửa. Cách tiến hành:	
- GV dặn HS hoàn thiện đoạn văn đã chỉnh sửa, chuẩn bị chia sẻ trong hoạt động Nói và nghe: Bộ phim yêu thích.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ, hoàn thiện bài viết nếu cần.
- GV chốt: Khi sửa bài, các em cần đọc kĩ nhận xét, đối chiếu với tiêu chí, sửa lỗi và viết lại phần chưa hay để bài viết rõ ràng, hấp dẫn hơn.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách tự sửa bài.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-
-

BÀI 32: SỰ TÍCH CHÚ TỂU**TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE: BỘ PHIM YÊU THÍCH****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Biết giới thiệu, trình bày ý kiến về một bộ phim yêu thích đã xem.
- Biết chuẩn bị thông tin, sắp xếp ý theo trình tự logic, hợp lí và lựa chọn phương tiện hỗ trợ trình bày nếu cần.
- Biết trao đổi, góp ý, lắng nghe và phản hồi lịch sự sau phần trình bày của bạn.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị SGK, đọc trước bài, tự thực hiện nhiệm vụ đọc, nói, viết và điều chỉnh sản phẩm theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4, nhóm 6; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tìm chi tiết, lựa chọn thông tin, dùng từ ngữ phù hợp và thể hiện suy nghĩ sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Tự tin: mạnh dạn giới thiệu bộ phim yêu thích trước nhóm, trước lớp.
- Nhân ái: biết lắng nghe, tôn trọng sở thích và cảm nhận khác biệt của bạn.
- Trách nhiệm: chọn bộ phim phù hợp lứa tuổi, trình bày trung thực và sử dụng phương tiện hỗ trợ an toàn.

4. Tích hợp

Quyền con người: Rèn quyền được bày tỏ ý kiến, biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến khác biệt khi trao đổi về chủ điểm sự tích chú tểu.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Hình hoạt động Nói và nghe trong SGK được cắt đúng nội dung, chèn đúng vị trí.
- Phiếu gợi ý chuẩn bị giới thiệu phim; tranh ảnh minh họa, sơ đồ tư duy hoặc phương tiện hỗ trợ nếu có.
- Máy chiếu hoặc bảng nhóm nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 phút) Mục tiêu: HS xác định yêu cầu tiết học và sẵn sàng giới thiệu bộ phim yêu thích. Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu: Ai trong chúng ta cũng đã từng xem những bộ phim hay, đã thích thú hay xúc động trước những cảnh phim thú vị. Trong tiết học này, các em sẽ được giới thiệu một bộ phim mà các em yêu thích, được nói về những điều mà bộ phim đó khiến các em ấn tượng.	- HS lắng nghe, nhớ lại bộ phim yêu thích của mình.
- GV mời 1 HS đọc yêu cầu của tiết học trong SGK: Giới thiệu một bộ phim mà em yêu thích.	- HS đọc yêu cầu, xác định nhiệm vụ nói và nghe.

VIẾT

ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA ĐOẠN VĂN

GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT BỘ PHIM HOẠT HÌNH

1. Nghe thầy cô giáo nhận xét chung.

2. Đọc lại đoạn văn của em và nhận xét của thầy cô để biết bài viết đạt được những điểm nào dưới đây:

- Có đủ 3 phần: mở đầu, triển khai, kết thúc.
- Đảm bảo yêu cầu của đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim.

Về nội dung

- Giới thiệu được tên bộ phim, tên nhân vật gây ấn tượng.
- Nêu khái quát nội dung bộ phim.
- Trình bày được đặc điểm nổi bật về ngoại hình, hoạt động... của nhân vật thông qua những tình huống cụ thể trong phim.
- Nêu được ý nghĩa của bộ phim.
- Thể hiện được tình cảm, cảm xúc đối với bộ phim.

Về hình thức

- Trình bày đoạn văn đúng quy cách.
- Sắp xếp ý hợp lý.
- Có sáng tạo trong việc dùng từ, viết câu.
- Chữ viết sạch, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả.

3. Viết lại các câu hoặc đoạn trong bài làm của em cho hay hơn.

NÓI VÀ NGHE

BỘ PHIM YÊU THÍCH

Yêu cầu: Giới thiệu một bộ phim mà em yêu thích.

1. Chuẩn bị.

Chọn bộ phim để giới thiệu

G: phim hoạt hình, phim tài liệu, phim khoa học...

Tìm thông tin để trình bày

G: đạo diễn, nhân vật, nội dung phim...

Sắp xếp thông tin

G: vẽ sơ đồ tư duy...

Tìm phương tiện để hỗ trợ trình bày

G: tranh ảnh minh họa...

2. Khám phá: Chuẩn bị (10 phút)

Mục tiêu: HS biết chọn bộ phim, tìm thông tin, sắp xếp thông tin và chuẩn bị phương tiện hỗ trợ.

Mục tiêu tích hợp: HS biết được bày tỏ ý kiến về bộ phim yêu thích, đồng thời biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến khác biệt của bạn.

Cách tiến hành:

- **Bài 1.** GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: *Chuẩn bị*.

- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

2. Trình bày.

Giới thiệu chung

- Giới thiệu những thông tin chung về bộ phim:
 - Tên phim
 - Thể loại phim (hoạt hình, tài liệu,...)
 - Nước sản xuất

Nội dung phim

- Giới thiệu tóm tắt nội dung phim:
 - Bối cảnh
 - Nhân vật
 - Diễn biến
 - Kết thúc

Cảm xúc

- Nêu cảm xúc và lí do yêu thích bộ phim:
 - Cảm xúc khi xem phim
 - Lí do yêu thích bộ phim

Bộ phim Tôm và Gie-ri kể về những câu chuyện nhỏ giữa mèo Tôm và chuột Gie-ri. Bộ phim rất hài hước và mang lại nhiều bài học ý nghĩa.

Mình cũng xem phim đó rồi. Hay lắm!

3. Đánh giá.

Nội dung giới thiệu

Cách giới thiệu

Phương tiện hỗ trợ

Cử chỉ, điệu bộ khi nói

Kể cho người thân nghe nội dung vở kịch *Sự tích chú Tễu*. Trao đổi với người thân về ý nghĩa của vở kịch.

uigeli.xyz

Trang 475

- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân theo hướng dẫn của GV.	- HS làm việc cá nhân theo hướng dẫn của GV; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS chọn một bộ phim để giới thiệu; tìm thông tin để trình bày như đạo diễn, nhân vật, nội dung phim; sắp xếp thông tin theo sơ đồ tư duy; tìm phương tiện hỗ trợ trình bày như tranh ảnh minh họa.
- GV hỏi mở rộng: Bộ phim được chọn cần đáp ứng điều kiện gì?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: Bộ phim được chọn cần phù hợp với lứa tuổi HS.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- GV diễn giải tích hợp Quyền con người: + GV nhắc HS có quyền được bày tỏ ý kiến, sở thích và cảm xúc về bộ phim mình yêu thích bằng lời nói lịch sự, phù hợp. + HS khi nghe bạn trình bày cần tôn trọng sự khác biệt, không chê bai bộ phim hoặc sở thích của bạn. + GV hướng dẫn HS phản hồi bằng câu lịch sự: “Mình thích phần bạn giới thiệu về...”, “Mình muốn hỏi thêm...” hoặc “Mình có ý kiến bổ sung...”.	- HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn. + Liên hệ nội dung bài học với bản thân. + Trao đổi, chia sẻ ý kiến phù hợp. + Ghi nhớ cách thực hiện trong học tập và cuộc sống.

3. Luyện tập: Trình bày (20 phút)

Mục tiêu: HS giới thiệu được bộ phim yêu thích theo các bước trong SGK.

Cách tiến hành:

- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Trình bày</i> .	- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc nhóm, lần lượt từng thành viên giới thiệu bộ phim mình yêu thích.	- HS làm việc nhóm, lần lượt từng thành viên giới thiệu bộ phim mình yêu thích; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS giới thiệu theo 3 bước: Bước 1 giới thiệu chung về bộ phim như tên phim, thể loại phim, nước sản xuất, tên đạo diễn; Bước 2 nêu tóm tắt nội dung phim: bối cảnh, nhân vật, diễn biến, kết thúc; Bước 3 nêu cảm xúc và lí do yêu thích bộ phim.
- GV hỏi mở rộng: Khi trình bày, em cần kết hợp lời nói với điều gì?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: Khi giới thiệu cần kết hợp lời nói với điệu bộ, cử chỉ phù hợp; nói xong cần lắng nghe trao đổi, góp ý của bạn.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.

4. Luyện tập: Trao đổi, góp ý (10 phút)

Mục tiêu: HS biết nhận xét, đánh giá phần giới thiệu của bạn và phản hồi lịch sự.

Cách tiến hành:

- Bài 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: <i>Đánh giá</i> .	- HS đọc bài 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản/bài tập, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS đại diện 1 - 2 nhóm giới thiệu trước lớp, cả lớp trao đổi và góp ý.	- HS đại diện 1 - 2 nhóm giới thiệu trước lớp, cả lớp trao đổi và góp ý; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS đánh giá phần giới thiệu theo các tiêu chí: nội dung giới thiệu, cách giới thiệu, phương tiện hỗ trợ, cử chỉ, điệu bộ khi nói. HS nêu nhận xét lịch sự, có thể bình chọn phần giới thiệu hay, hấp dẫn.
- GV hỏi mở rộng: Em học được điều gì từ cách giới thiệu của bạn?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi những cá nhân có phần giới thiệu hay, hấp dẫn, biết phối hợp nội dung với cách trình bày sinh động.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
5. Vận dụng - Củng cố (5 phút) Mục tiêu: HS biết kể lại nội dung vở kịch và trao đổi với người thân về ý nghĩa vở kịch. Cách tiến hành:	
- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: Kể cho người thân nghe nội dung vở kịch Sự tích chú Tễu. Trao đổi với người thân về ý nghĩa của vở kịch.	- HS ghi nhớ yêu cầu vận dụng, về nhà kể cho người thân nghe nội dung vở kịch.
- GV lưu ý HS lắng nghe những trao đổi, góp ý của người thân và có thể bổ sung thêm những ý cho đoạn văn hay hơn.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách trao đổi với người thân.
- GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 32: Đọc - hiểu: Sự tích chú Tễu; Viết: Đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn giới thiệu nhân vật trong bộ phim hoạt hình; Nói và nghe: Bộ phim yêu thích.	- HS nhắc lại nội dung chính của Bài 32.
- GV hỏi HS yêu thích nội dung nào của Bài 32; nhận xét kết quả học tập, khen ngợi, động viên HS có nhiều tiến bộ; dặn HS đọc trước Bài Ôn tập và Đánh giá cuối học kì I.	- HS chia sẻ nội dung yêu thích và ghi nhớ nhiệm vụ chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-
-

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT 5
CHỦ ĐIỂM: ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I
TUẦN 18
ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I
TIẾT 1 - 2: PHẦN 1 - ÔN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Ôn lại được bốn chủ điểm đã học trong học kì I và nêu được hiểu biết, ý nghĩa của mỗi chủ điểm.
- Đọc lại một câu chuyện hoặc bài thơ trong các chủ điểm đã học; trả lời được câu hỏi về chủ điểm, tác giả, nội dung chính và điều gây ấn tượng.
- Ôn tập về kết từ, từ ngữ dùng để xưng hô trong giao tiếp; biết xác định từ dùng để xưng hô trong văn bản cụ thể.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự ôn lại kiến thức đã học, biết đọc kỹ yêu cầu, tự kiểm tra và điều chỉnh bài làm.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và góp ý lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, lựa chọn cách trình bày phù hợp.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực ôn tập, đọc lại bài đã học và hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: tự giác làm bài, sửa lỗi và ghi nhớ kiến thức cần ôn.
- Nhân ái: biết lắng nghe, góp ý cho bạn với thái độ tôn trọng.

4. Tích hợp

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phiếu học tập theo nội dung tiết 1 - 2 để HS không làm trực tiếp vào SGK.
- Hình các bài tập trong SGK được cắt đúng nội dung và chèn đúng vị trí.
- Bảng nhóm, bút dạ; SGK Tiếng Việt 5 tập một.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

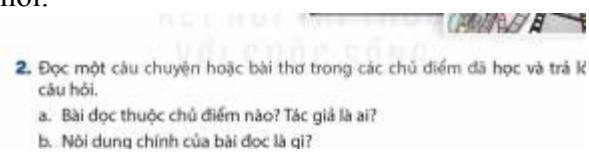
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 phút) <i>Mục tiêu: HS nhớ lại nội dung Tuần 18 và có tâm thế ôn tập cuối học kì I.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV giới thiệu: Tuần 18 giúp các em ôn tập và đánh giá kết quả học tập cuối học kì I.	- HS lắng nghe, chuẩn bị SGK, vở và phiếu học tập.
- GV nhắc HS làm bài cẩn thận, đọc kỹ yêu cầu, trao đổi nhóm khi được phân công và không làm trực tiếp vào SGK.	- HS ghi nhớ yêu cầu học tập trong tiết ôn tập.
2. Luyện tập: Ôn lại các chủ điểm đã học (12 phút) <i>Mục tiêu: HS nêu được tên 4 chủ điểm đã học và ý nghĩa của mỗi chủ điểm.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Kể tên 4 chủ điểm đã học ở học kì I và cho biết mỗi chủ điểm giúp em có thêm những hiểu biết gì về cuộc sống. 	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc kỹ nội dung, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS trao đổi nhóm 4, quan sát tranh chủ điểm và trả lời câu hỏi.	- HS trao đổi nhóm 4, quan sát tranh chủ điểm và trả lời câu hỏi; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.

- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS nêu 4 chủ điểm: <i>Thế giới tuổi thơ, Thiên nhiên kì thú, Trên con đường học tập, Nghệ thuật muôn màu.</i>
- GV hỏi mở rộng: Em thích chủ điểm nào nhất? Vì sao?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: + Chủ điểm 1. <i>Thế giới tuổi thơ</i> : bàn về niềm vui trong mỗi cá nhân, những trò chơi tuổi thơ, giờ học vui vẻ trên lớp, tình bạn tuổi học trò và những xúc cảm cá nhân,... + Chủ điểm 2. <i>Thiên nhiên kì thú</i> : nói về vẻ đẹp đầy bí ẩn và lí thú của rừng, của biển, đất trời, cỏ cây, muông thú, hang động,... + Chủ điểm 3. <i>Trên con đường học tập</i> : nói về hành trình đi tìm kiếm tri thức và phát triển bản thân, quá trình hoàn thiện của mỗi cá nhân, bài học về sự thành công của những người nổi tiếng,... + Chủ điểm 4. <i>Nghệ thuật muôn màu</i> : phản ánh vẻ đẹp của thế giới của hội họa, âm nhạc, điện ảnh, văn chương,...	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.

3. Luyện tập: Đọc lại bài đã học (10 phút)

Mục tiêu: HS đọc lại một văn bản đã học và trả lời được câu hỏi theo gợi ý trong SGK.

Cách tiến hành:

- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Đọc một câu chuyện hoặc bài thơ trong các chủ điểm đã học và trả lời câu hỏi. 	- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc kĩ nội dung, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc nhóm 4, chọn một câu chuyện hoặc bài thơ trong học kì I để đọc lại.	- HS làm việc nhóm 4, chọn một câu chuyện hoặc bài thơ trong học kì I để đọc lại; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS nêu được bài đọc thuộc chủ điểm nào, tác giả là ai, nội dung chính của bài đọc và điều gây ấn tượng với bản thân.
- GV hỏi mở rộng: Điều ấn tượng đó giúp em hiểu thêm điều gì?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: GV và HS cùng nhận xét, góp ý; chấp nhận các câu trả lời hợp lí, có dẫn chứng từ bài đọc.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.

4. Luyện tập: Ôn kết từ (10 phút)

Mục tiêu: HS tìm được kết từ phù hợp trong đoạn trích.

Cách tiến hành:

- **Bài 3.** GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Tìm kết từ phù hợp với mỗi bông hoa.

c. Điều gì trong bài đọc gây ấn tượng đối với em?

3. Tìm kết từ phù hợp với mỗi bông hoa.

Và từ sau hôm đó, Hương bắt đầu viết thư ✪ có Thu. Một việc thật là mới mẻ ✪ thích thú. Hương không còn thấy buồn chán ✪ sợ hãi mỗi khi bố mẹ đi vắng. Mọi khi thì Hương nói chuyện ✪ con mèo. ✪ nói mãi cùng chân! ✪ nó chẳng biết nói chuyện lại ✪ Hương mà chỉ biết meo meo thôi. Bây giờ thì Hương đã có người để mà trò chuyện rồi.

(Theo Xuân Quỳnh)

- HS đọc bài 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

- GV hướng dẫn HS đọc kĩ nội dung, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS đọc kĩ đoạn trích, tập trung vào các từ ngữ xung quanh bông hoa và trao đổi nhóm 4.

- HS đọc kĩ đoạn trích, tập trung vào các từ ngữ xung quanh bông hoa và trao đổi nhóm 4; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.

- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.

- HS trình bày: HS điền: cho; và; hay; với; Nhưng; Vì; với.

- GV hỏi mở rộng: Các từ vừa điền có nhiệm vụ gì trong câu?

- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.

- GV kết luận/chốt đáp án: GV và HS cùng chốt đáp án: Các kết từ được in đậm trong đoạn trích là: cho, và, hay, với, Nhưng, Vì, với.

- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.

5. Luyện tập: Ôn từ ngữ xưng hô (15 phút)

Mục tiêu: HS tìm được từ ngữ xưng hô của mèo con và từ dùng để xưng hô trong câu cho trước.

Cách tiến hành:

- **Bài 4.** GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Đọc câu chuyện *Chú mèo con nói nhiều* và thực hiện yêu cầu.

4. Đọc câu chuyện dưới đây và thực hiện yêu cầu.

Chú mèo con nói nhiều

Mèo con mắc bệnh nói nhiều. Mẹ chú khuyên:

- Con đừng ồn ào như vậy. Phải nói ít thì mới bắt được chuột.
- Con sẽ bắt chuột cho mẹ xem. – Mèo con đáp.

Mèo con đặt một mẩu bánh trước cửa hang chuột, rồi nấp bên cạnh đợi chuột ra. Thấy bác ngỗng đi qua, nó liến liến thoắng:

- Bác ngỗng ơi, cháu đang bắt chuột đây.

Thấy cô vịt xuất hiện, mèo con lại don dả:

- Cháu chào cô. Cháu đang rình chuột.

Thấy anh gà trống đi lại trong sân, mèo con gọi âm ỉ:

- Anh nhìn xem! Em đang bắt chuột nè!

Đàn chuột trong hang nghe rõ mồn một. Chúng cười khúc khích. Chuột đầu đàn nói: "Hôm nay, chúng ta đứng ra ngoài tìm thức ăn nữa. Hãy nghỉ ngơi, hát múa cả ngày."

Và thế là mèo con rình suốt một ngày trời cũng chẳng có kết quả gì.

(Theo Truyện kể cho bé hằng đêm)

a. Tìm từ ngữ đúng để xưng hô của mèo con.

Mèo con	Với mèo mẹ	Với ngỗng	Với vịt	Với gà trống
Tư chỉ mình	✪	✪	✪	✪
Chỉ người nghe	✪	✪	✪	✪

b. Tìm từ đúng để xưng hô trong câu dưới đây và cho biết từ đó chỉ ai.

Hôm nay, chúng ta đứng ra ngoài tìm thức ăn nữa.

- HS đọc bài 4 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

- GV hướng dẫn HS đọc kĩ nội dung, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc nhóm, các nhóm thi với nhau xem nhóm nào làm đúng và nhanh nhất.	- HS làm việc nhóm, các nhóm thi với nhau xem nhóm nào làm đúng và nhanh nhất; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: a. Từ ngữ dùng để xưng hô của mèo con: với mèo mẹ - con, mẹ; với ngỗng - cháu, bác; với vịt - cháu, cô; với gà trống - em, anh. b. Từ dùng để xưng hô trong câu là chúng ta. Đây là từ mà chuột đầu đàn dùng để chỉ mình và bày chuột trong đàn.
- GV hỏi mở rộng: Vì sao mèo con dùng các từ xưng hô khác nhau với từng con vật?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: a. Các từ ngữ dùng để xưng hô của mèo con: Tự chỉ mình: với mèo mẹ - con; với ngỗng - cháu; với vịt - cháu; với gà trống - em. Chỉ người nghe: với mèo mẹ - mẹ; với ngỗng - bác; với vịt - cô; với gà trống - anh. b. Từ dùng để xưng hô trong câu trên là chúng ta. Đây là từ mà chuột đầu đàn dùng để chỉ mình và bày chuột trong đàn.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-
-
-

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I**TIẾT 3 - 4: PHẦN 1 - ÔN TẬP****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Đọc lại một trong bốn bài đọc đã học và nêu được cảm nghĩ của bản thân về bài đọc đó.
- Ôn tập một số kiến thức tiếng Việt: biện pháp tu từ, kết từ, đại từ, dấu gạch ngang, động từ, từ xưng hô, câu nghi vấn, từ đồng nghĩa, từ thay thế, từ đa nghĩa.
- Nhận diện được điệp từ, điệp ngữ trong đoạn văn và nêu được tác dụng; viết được đoạn văn ngắn có sử dụng điệp từ, điệp ngữ.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự ôn lại kiến thức đã học, biết đọc kỹ yêu cầu, tự kiểm tra và điều chỉnh bài làm.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và góp ý lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, lựa chọn cách trình bày phù hợp.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: đọc lại văn bản đã học, tích cực tham gia giải ô chữ và làm bài.
- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ cá nhân và nhóm đúng thời gian.
- Nhân ái: biết lắng nghe cảm nghĩ của bạn, góp ý lịch sự.

4. Tích hợp**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Phiếu học tập cho các bài 1, 2, 3, 4, 5.
- Hình ô chữ và bài tập trong SGK được cắt đúng nội dung, chèn đúng vị trí.
- Bảng nhóm, bút dạ; SGK Tiếng Việt 5 tập một.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 phút) <i>Mục tiêu: HS nhớ lại một số bài đọc đã học để chuẩn bị ôn tập.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV hỏi: Trong các bài đọc đã học ở học kì I, em nhớ nhất bài nào?	- HS nêu tên bài đọc mình nhớ và chia sẻ ngắn gọn lí do.
2. Luyện tập: Đọc lại bài đã học và nêu cảm nghĩ (10 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc lại một bài đọc đã học và chia sẻ được cảm nghĩ của bản thân.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Đọc một bài dưới đây và nói lên cảm nghĩ của em về bài đọc đó: <i>Thư gửi các học sinh, Tấm gương tự học, Tranh làng Hồ, Một ngôi chùa độc đáo.</i> 	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc kỹ nội dung, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân, tự chọn một trong bốn bài đọc, đọc thầm và ghi lại cảm nghĩ.	- HS làm việc cá nhân, tự chọn một trong bốn bài đọc, đọc thầm và ghi lại cảm nghĩ; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác	- HS trình bày: HS chia sẻ cảm nghĩ về bài

nhận xét, bổ sung.	đọc đã chọn. Ví dụ: Em thích bài <i>Thư gửi các học sinh</i> vì bài giúp em hiểu tình cảm và mong muốn của Bác Hồ dành cho học sinh; em cần chăm học để góp phần xây dựng đất nước.
- GV hỏi mở rộng: Em học được điều gì từ bài đọc đó?	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: GV và HS cùng nhận xét, chấp nhận các cảm nghĩ chân thực, hợp lí của HS.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.

3. Luyện tập: Giải ô chữ (12 phút)

Mục tiêu: HS ôn tập các khái niệm tiếng Việt đã học qua trò chơi ô chữ.

Cách tiến hành:

- **Bài 2.** GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Giải ô chữ: Ai giỏi tiếng Việt?

2. Giải ô chữ: Ai giỏi tiếng Việt?

a. Tìm ô chữ hàng ngang.

(1) Biện pháp ● là dùng từ lặp đi lặp lại để làm nổi bật sự vật, hoạt động, làm tăng tính biểu cảm.

(2) ● được dùng để nối các từ, các vế câu, các câu với nhau.

(3) ● là những từ được dùng để xưng hô, để hỏi hoặc để thay thế.

(4) Dấu ● được dùng để đánh dấu bộ phận chủ thích.

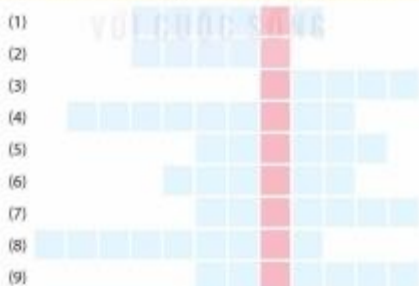
(5) ● là những từ được dùng để gọi tên hoạt động, trạng thái của sự vật.

(6) Đại từ ● được dùng để chỉ người nói, người nghe trong giao tiếp.

(7) Đại từ ● được dùng để hỏi.

(8) Những từ ● là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.

(9) Đại từ ● được dùng để thay cho từ ngữ đã được nêu trước đó.



b. Đọc từ ngữ xuất hiện ở hàng dọc màu hồng.

- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

- GV hướng dẫn HS đọc kĩ nội dung, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm theo nhóm, thi xem nhóm nào giải đúng và nhanh nhất.

- HS làm theo nhóm, thi xem nhóm nào giải đúng và nhanh nhất; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.

- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.

- HS trình bày: Ô chữ hàng ngang: (1) ĐIẾP TỪ; (2) KẾT TỪ; (3) ĐẠI TỪ; (4) GẠCH NGANG; (5) ĐỘNG TỪ; (6) XUNG HÔ; (7) NGHI VẤN; (8) ĐỒNG NGHĨA; (9) THAY THẾ. Ô chữ hàng dọc: TỪ ĐA NGHĨA.

- GV hỏi mở rộng: Từ đa nghĩa là gì?

- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.

- GV kết luận/chốt đáp án: GV nhận xét và thống nhất đáp án. a. Ô chữ hàng ngang: 1. ĐIẾP TỪ; 2. KẾT TỪ; 3. ĐẠI TỪ; 4. GẠCH

- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.

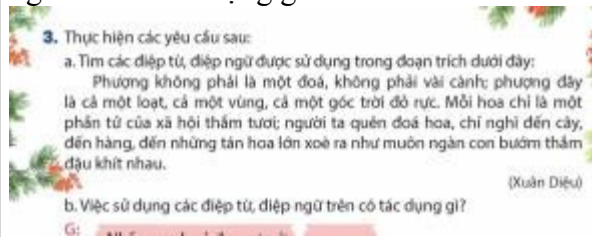
NGANG; 5. ĐỘNG TỪ; 6. XUNG HỒ; 7. NGHI VẤN; 8. ĐỒNG NGHĨA; 9. THAY THẾ. b. Ô chữ hàng dọc: TỪ ĐA NGHĨA.

4. Luyện tập: Ôn điệp từ, điệp ngữ (12 phút)

Mục tiêu: HS tìm được điệp từ, điệp ngữ và nêu được tác dụng.

Cách tiến hành:

- **Bài 3.** GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Thực hiện các yêu cầu: a. Tìm các điệp từ, điệp ngữ được sử dụng trong đoạn trích. b. Việc sử dụng các điệp từ, điệp ngữ trên có tác dụng gì?



- HS đọc bài 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.

- GV hướng dẫn HS đọc kỹ nội dung, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS đọc kỹ đoạn trích, tìm điệp từ, điệp ngữ và trao đổi nhóm 4.

- HS đọc kỹ đoạn trích, tìm điệp từ, điệp ngữ và trao đổi nhóm 4; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.

- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.

- HS trình bày: HS tìm được các điệp từ, điệp ngữ: không phải, cả một, đến. Tác dụng: nhấn mạnh vẻ đẹp rực rỡ của hoa phượng; làm câu văn thêm hấp dẫn, tạo ấn tượng với người đọc.

- GV hỏi mở rộng: Ngoài tác dụng nhấn mạnh, điệp từ, điệp ngữ còn giúp câu văn như thế nào?

- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.

- GV kết luận/chốt đáp án: GV và HS nhận xét, thống nhất đáp án: *Phượng không phải là một đóa, không phải vài cành; phượng đây là cả một loạt, cả một vùng, cả một góc trời đỏ rực. Mỗi hoa chỉ là một phần tử của xã hội thắm tươi; người ta quên đóa hoa, chỉ nghĩ đến cây, đến hàng, đến những tán hoa lớn xòe ra như muôn ngàn con bướm thắm đậu khít nhau.*

Việc dùng các điệp từ, điệp ngữ trên có tác dụng nhấn mạnh vẻ đẹp rực rỡ của hoa phượng; làm câu văn thêm hấp dẫn, tạo ấn tượng với người đọc,...

- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.

5. Luyện tập: Viết đoạn văn và trò chơi kết từ (18 phút)

Mục tiêu: HS viết được đoạn văn có sử dụng điệp từ, điệp ngữ; biết đặt câu với cặp kết từ nêu... thì... hoặc vì... nên....

Cách tiến hành:

- **Bài 4.** GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi

- HS đọc bài 4 và xác định yêu cầu cần thực

<p>trong SGK: Viết một đoạn văn ngắn (4 - 5 câu) nói về một cảnh vật mà em quan sát được, trong đó có sử dụng điệp từ, điệp ngữ.</p> <p><i>của hoa phượng.</i></p> <p>4. Viết một đoạn văn ngắn (4 - 5 câu) nói về một cảnh vật mà em quan sát</p>	<p>hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc kĩ nội dung, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân vào vở.</p>	<p>- HS làm việc cá nhân vào vở; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: HS viết đoạn văn 4 - 5 câu; biết dùng một điệp từ hoặc điệp ngữ phù hợp để nhấn mạnh vẻ đẹp của cảnh vật.</p>
<p>- GV kết luận/chốt đáp án: GV gợi ý HS dựa vào cách miêu tả hoa phượng của Xuân Diệu trong đoạn văn trên; dành thời gian cho HS tự viết đoạn văn.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<p>- Bài 5. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Trò chơi: Đặt câu với cặp kết từ nêu... thì... hoặc vì... nên....</p> <p><i>được, trong đó có sử dụng điệp từ, điệp ngữ.</i></p> <p>5. Trò chơi: Đặt câu với cặp kết từ nêu... thì... hoặc vì... nên....</p> <p>Cách chơi: Chọn ra 2 nhóm thi với nhau, mỗi nhóm 4 - 5 bạn (nhóm nêu... thì... và nhóm vì... nên...). Các bạn trong mỗi nhóm luân phiên nhau đặt các vế câu chứa cặp kết từ của nhóm mình (theo mẫu). Trong 5 - 7 phút, nhóm nào tạo được nhiều câu nhất sẽ chiến thắng.</p> <p>M:</p> <p>(1) thì chúng ta sẽ đi xem phim, (2) Nếu chúng ta đi xem phim (3) thì nên đặt mua vé trước, (4) Nếu còn sớm</p>	<p>- HS đọc bài 5 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc kĩ nội dung, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc nhóm, chuẩn bị trong 5 - 7 phút và thi với nhóm khác.</p>	<p>- HS làm việc nhóm, chuẩn bị trong 5 - 7 phút và thi với nhóm khác; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: HS nối tiếp đặt câu đúng với cặp kết từ. Ví dụ: Nếu trời mưa thì chúng em sẽ mang áo mưa. Vì bạn Lan chăm chỉ nên bạn ấy tiến bộ rõ rệt.</p>
<p>- GV hỏi mở rộng: Khi dùng cặp kết từ, các vế câu cần có quan hệ gì với nhau?</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên hệ với bài học hoặc bản thân.</p>
<p>- GV kết luận/chốt đáp án: Bài tập giúp HS ôn lại cách sử dụng các cặp kết từ. Phải hiểu nghĩa của từng cặp kết từ mình sử dụng thì mới đặt được các vế câu có sự phù hợp về mặt ngữ nghĩa với nhau.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-
-
-

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I**TIẾT 5: PHẦN 1 - ÔN TẬP****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Trao đổi được với bạn về nội dung của một cuốn sách viết về một tấm gương học tập.
- Viết được đoạn văn giới thiệu về một nhân vật tài năng trong cuốn sách đã đọc.
- Biết trao đổi với bạn để góp ý cho nhau và chỉnh sửa bài viết.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự ôn lại kiến thức đã học, biết đọc kỹ yêu cầu, tự kiểm tra và điều chỉnh bài làm.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và góp ý lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, lựa chọn cách trình bày phù hợp.

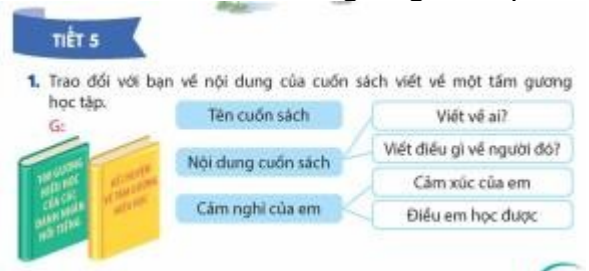
3. Phẩm chất

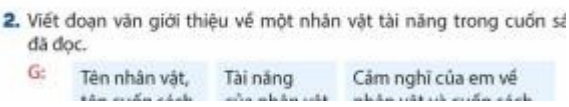
- Chăm chỉ: tích cực đọc sách, tìm hiểu tấm gương học tập và hoàn thành đoạn văn.
- Trách nhiệm: biết tự chỉnh sửa bài viết theo góp ý của bạn, của GV.
- Nhân ái: góp ý bài của bạn bằng lời lẽ lịch sự, xây dựng.

4. Tích hợp**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Phiếu gợi ý trao đổi về sách, phiếu viết đoạn văn.
- Hình hoạt động trong SGK được cắt đúng nội dung, chèn đúng vị trí.
- Một số cuốn sách viết về tấm gương học tập nếu có.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 phút) <i>Mục tiêu: HS nhớ lại một cuốn sách hoặc nhân vật tài năng đã đọc để chuẩn bị nói và viết.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS nêu tên một cuốn sách viết về tấm gương học tập mà em biết.	- HS nêu tên sách hoặc nhân vật mình biết, chuẩn bị vào hoạt động trao đổi.
2. Luyện tập: Trao đổi về cuốn sách (12 phút) <i>Mục tiêu: HS nói được về nội dung của một cuốn sách viết về một tấm gương học tập.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Trao đổi với bạn về nội dung của cuốn sách viết về một tấm gương học tập. 	- HS đọc bài 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc kỹ nội dung, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc nhóm, đọc kỹ phần gợi ý trong SGK và nói cho nhau nghe.	- HS làm việc nhóm, đọc kỹ phần gợi ý trong SGK và nói cho nhau nghe; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS trao đổi theo gợi ý: tên cuốn sách; viết về ai; viết điều gì về người đó; cảm xúc của em; điều em học được.
- GV hỏi mở rộng: Khi giới thiệu sách, em	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, biết liên

cần nói rõ những thông tin nào?	hệ với bài học hoặc bản thân.
- GV kết luận/chốt đáp án: Bài luyện nói này có mục đích giúp HS thể hiện sự hiểu biết của mình, phát triển khả năng diễn đạt và tư duy. Đây cũng là phần chuẩn bị cho bài tập 2.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
3. Luyện tập: Viết đoạn văn giới thiệu nhân vật (20 phút) Mục tiêu: HS viết được đoạn văn giới thiệu về một nhân vật tài năng trong cuốn sách đã đọc. Cách tiến hành:	
- Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật tài năng trong cuốn sách em đã đọc. 	- HS đọc bài 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc kỹ nội dung, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân vào vở.	- HS làm việc cá nhân vào vở; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS viết đoạn văn, nêu được tên nhân vật, tên cuốn sách, tài năng của nhân vật, cảm nghĩ của em về nhân vật và cuốn sách.
- GV kết luận/chốt đáp án: HS làm việc cá nhân: viết bài dựa trên phần luyện nói ở bài tập 1. GV có thể gợi ý thêm: nhân vật tài năng sẽ bao gồm cả những tấm gương trong học tập hoặc trong chiến đấu,...	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
4. Luyện tập: Trao đổi, góp ý và chỉnh sửa (10 phút) Mục tiêu: HS biết góp ý cho bạn và chỉnh sửa bài viết của mình. Cách tiến hành:	
- Bài 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Trao đổi với bạn để góp ý cho nhau rồi chỉnh sửa bài viết. 	- HS đọc bài 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc kỹ nội dung, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS trao đổi bài với bạn cùng bàn, góp ý cho nhau.	- HS trao đổi bài với bạn cùng bàn, góp ý cho nhau; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS góp ý về nội dung, cách dùng từ, câu văn, chính tả; chỉnh sửa bài theo góp ý của bạn hoặc của GV nếu thấy phù hợp.
- GV kết luận/chốt đáp án: GV đọc một số bài trước lớp, nhận xét chung về bài làm của HS. HS chỉnh sửa bài theo góp ý của bạn	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.

hoặc của GV nếu thấy phù hợp.	
5. Củng cố (3 phút) <i>Mục tiêu: HS hệ thống lại nội dung tiết ôn tập thứ 5.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV nhận xét kết quả học tập của HS ở tiết ôn tập thứ 5.	- HS lắng nghe, ghi nhớ điểm mạnh và điểm cần chỉnh sửa trong bài viết.
- GV dặn HS chuẩn bị cho phần Đánh giá cuối học kì I ở tiết 6 - 7.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ chuẩn bị tiết sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-
-
-

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I

TIẾT 6 - 7: PHẦN 2 - ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc thành tiếng một văn bản và trả lời được câu hỏi theo yêu cầu kiểm tra.
- Đọc hiểu được văn bản thông tin *Những điều thú vị về chim di cư*; trả lời câu hỏi, lập sơ đồ cấu trúc bài đọc, nhận biết dấu gạch ngang, từ ngữ thay thế và kết từ.
- Viết được đoạn văn theo một trong hai đề: giới thiệu nhân vật trong cuốn sách/bộ phim hoạt hình hoặc thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ ca ngợi tình cảm gia đình.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự ôn lại kiến thức đã học, biết đọc kỹ yêu cầu, tự kiểm tra và điều chỉnh bài làm.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4; biết lắng nghe, trình bày, nhận xét và góp ý lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, lựa chọn cách trình bày phù hợp.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: đọc kỹ văn bản, làm bài đầy đủ và kiểm tra lại bài làm.
- Trung thực: tự giác làm bài, không nhìn bài của bạn.
- Trách nhiệm: thực hiện nghiêm túc yêu cầu đánh giá cuối học kì I.

4. Tích hợp

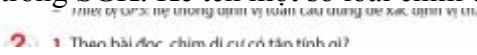
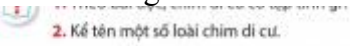
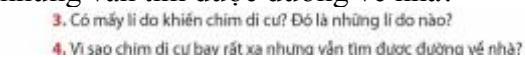
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phiếu kiểm tra tham khảo tiết 6 - 7; hình đề tham khảo trong SGK được cắt đúng nội dung, chèn đúng vị trí.
- SGK Tiếng Việt 5 tập một; giấy kiểm tra hoặc vở viết.
- Bút mực, bút chì, thước kẻ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động - Hướng dẫn chung (3 phút) <i>Mục tiêu: HS nắm được cấu trúc phần đánh giá cuối học kì I.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV giới thiệu cấu trúc của phiếu kiểm tra, gồm: bài kiểm tra đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi; bài kiểm tra đọc hiểu; viết một đoạn văn hoặc bài văn theo yêu cầu.	- HS lắng nghe, nắm cấu trúc bài đánh giá.
- GV nhắc HS đọc kỹ đề, làm bài cẩn thận, trình bày sạch đẹp và kiểm tra lại bài trước khi nộp.	- HS ghi nhớ yêu cầu thực hiện bài đánh giá.
2. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi (15 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc thành tiếng bài thơ và trả lời được câu hỏi miệng.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động kiểm tra đọc thành tiếng bài <i>Bố đừng nhìn biển cả</i> ; GV giới thiệu sơ lược bài đọc và giải thích một số từ ngữ khó nếu HS không hiểu.	- HS lắng nghe GV hướng dẫn, chuẩn bị đọc thành tiếng.

<p>PHẦN 2 – ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I (Để tham khảo)</p> <p>TIẾT 6 – P</p> <p>A. ĐỌC</p> <p>I. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.</p> <p>BỐ ĐỪNG NHÌN BIỂN CẢ</p> <p>Bố đừng nhìn biển cả Con xếp giấy thả diều Bố trôi chiều bóng ngả Con sóng sớm bùng reo. Chuyến bố bế con con Đập dồn như lớp sóng Biển bốn phía biển tròn Diều bay trong gió lồng. Bố dạy con hình học Đo góc biển chân trời Khi vùng dương mới mọc Nhướm tìm màu xa khơi.</p> <p>Ông nhòm theo biển dài Thấy bướm lên thích quai Theo con nhìn tương lai Khấp khởi mừng trong dạ. Trên bông tàu gió mát Trên biển cả sóng cồn Diều con lên bất ngờ Tưởng mọc vùng trắng non. (Huy Cận)</p> <p>Từ ngữ: Vùng dương (hay vông dương): mặt trời. 1. Khi ra biển cùng bố, người con thường thả diều, học môn hình học, lấy ống nhòm khám phá biển khơi. 2. Các thơ này thể hiện niềm vui, sự tin tưởng của bố về tương lai con?</p>	
<p>- GV gọi HS đọc bài và trả lời câu hỏi 1.</p>	<p>- HS đọc thành tiếng và trả lời: Khi ra biển cùng bố, người con thường thả diều, học môn hình học, lấy ống nhòm khám phá biển khơi.</p>
<p>- GV gọi HS trả lời câu hỏi 2.</p>	<p>- HS trả lời: Câu thơ thể hiện niềm vui, sự tin tưởng của bố về tương lai con là: <i>Theo con nhìn tương lai / Khấp khởi mừng trong dạ.</i></p>
<p>3. Đọc hiểu văn bản (30 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc hiểu văn bản Những điều thú vị về chim di cư và trả lời đúng các câu hỏi.</i> <i>Cách tiến hành:</i></p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc thầm bài <i>Những điều thú vị về chim di cư</i> và thực hiện các yêu cầu trong SGK.</p> <p>II. Đọc hiểu.</p> <p>Những điều thú vị về chim di cư</p> <p>Nhiều loài chim như diều hâu, bồ nông, bồ câu, nhạn biển, hải âu,... thường di chuyển nơi ở đều đặn theo mùa và theo những đường bay cụ thể. Vậy vì sao loài chim lại có tập tính này, thay vì sống cố định một chỗ? Làm sao chúng định hướng được đường bay?</p> <p>Trước hết, chim di cư để tránh sự lạnh giá của mùa đông. Thời tiết khắc nghiệt khiến chim mất nhiều năng lượng để giữ ấm. Thứ hai, chim di cư còn là để đi theo chuỗi thức ăn của chúng. Các loại hoa trái, côn trùng, sâu bọ hoặc động vật cỡ nhỏ – “thức ăn” yêu thích của chim di cư – sẽ trở nên khan hiếm vào mùa đông. Một lý do nữa, tiết trời ấm áp sẽ giúp chim dễ dàng sinh sản và nuôi con. Như vậy, năng lượng, thức ăn và sự sinh sản chính là chìa khóa để các nhà khoa học giải mã hành vi thú vị này ở loài chim.</p> <p>Loài chim không có la bàn hoặc thiết bị GPS, nhưng chúng có thể tự định hướng bằng cách quan sát vị trí của Mặt Trời vào ban ngày và các vì sao vào ban đêm. Chúng cũng có thể dựa vào những mốc lớn như bờ biển, dãy núi và thậm chí cả đường cao tốc,... Nhờ có những kĩ năng đặc biệt trong việc tìm đường như vậy, các loài chim di cư rất xa vẫn quay trở về đúng “nhà” của mình.</p> <p>(Hà Phan tổng hợp)</p> <p>Từ ngữ - Di cư: di chuyển đến một miền hay một nước khác để sinh sống.</p>	<p>- HS đọc thầm văn bản, chú ý từ ngữ khó: di cư, tập tính, thiết bị GPS.</p>
<p>- Câu 1. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Theo bài đọc, chim di cư có tập tính gì?</p>	<p>- HS đọc câu 1 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>

- GV hướng dẫn HS đọc kĩ nội dung, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân.	- HS làm việc cá nhân; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Chim di cư có tập tính di chuyển đều đặn theo mùa và theo những đường bay cụ thể.
- GV kết luận/chốt đáp án: Chim di cư có tập tính di chuyển đều đặn theo mùa và theo những đường bay cụ thể.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Kể tên một số loài chim di cư. 	- HS đọc câu 2 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc kĩ nội dung, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân.	- HS làm việc cá nhân; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Tên một số loài chim di cư là: diều hâu, bồ nông, bồ câu, nhạn biển, hải âu,...
- GV kết luận/chốt đáp án: Tên một số loài chim di cư là: diều hâu, bồ nông, bồ câu, nhạn biển, hải âu,...	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 3. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Có mấy lí do khiến chim di cư? Đó là những lí do nào? 	- HS đọc câu 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc kĩ nội dung, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân, gạch dưới các lí do trong bài.	- HS làm việc cá nhân, gạch dưới các lí do trong bài; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Có 3 lí do khiến chim di cư. Đó là: (1) tránh cái lạnh của mùa đông; (2) đi theo chuỗi thức ăn của chúng; (3) sinh sản và nuôi con một cách dễ dàng trong tiết trời ấm áp.
- GV kết luận/chốt đáp án: Có 3 lí do khiến chim di cư. Đó là: (1) tránh cái lạnh của mùa đông; (2) đi theo chuỗi thức ăn của chúng; (3) sinh sản và nuôi con một cách dễ dàng trong tiết trời ấm áp.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 4. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Vì sao chim di cư bay rất xa nhưng vẫn tìm được đường về nhà? 	- HS đọc câu 4 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc kĩ nội dung, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân, đọc lại đoạn cuối bài.	- HS làm việc cá nhân, đọc lại đoạn cuối bài; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.

- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Chim di cư tìm được đường về nhà vì chúng có thể tự định hướng bằng cách (1) quan sát vị trí của Mặt Trời và những vì sao; (2) dựa vào những mốc lớn như đường cao tốc hay bờ biển, dãy núi,...
- GV kết luận/chốt đáp án: Chim di cư tìm được đường về nhà vì chúng có thể tự định hướng bằng cách (1) quan sát vị trí của Mặt Trời và những vì sao; (2) dựa vào những mốc lớn như đường cao tốc hay bờ biển, dãy núi,... Có thể trả lời vắn tắt là vì chúng có những kĩ năng đặc biệt trong việc tìm đường.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 5. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Trong câu “Như vậy, năng lượng, thức ăn và sự sinh sản chính là chìa khóa để các nhà khoa học giải mã hành vi thú vị này ở loài chim.”, “hành vi thú vị này là hành vi nào? Chọn đáp án đúng.	- HS đọc câu 5 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
<p>5. Trong câu “Như vậy, năng lượng, thức ăn và sự sinh sản chính là chìa khóa để các nhà khoa học giải mã hành vi thú vị này ở loài chim.”, hành vi thú vị này là hành vi nào? Chọn đáp án đúng.</p> <p>A. đi theo chuỗi thức ăn C. di cư B. sinh sản và nuôi con D. tránh rét</p>	
- GV hướng dẫn HS đọc kĩ nội dung, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân, chọn đáp án đúng.	- HS làm việc cá nhân, chọn đáp án đúng; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Đáp án: C. di cư.
- GV kết luận/chốt đáp án: Đáp án: C. di cư.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 6. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Lập sơ đồ cấu trúc bài đọc theo mô hình sau.	- HS đọc câu 6 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
<p>6. Lập sơ đồ cấu trúc bài đọc theo mô hình sau:</p>	
- GV hướng dẫn HS đọc kĩ nội dung, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân, vẽ sơ đồ vào phiếu.	- HS làm việc cá nhân, vẽ sơ đồ vào phiếu; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Đoạn 1: Giới thiệu khái quát về chim di cư và đặc điểm của chúng. Đoạn 2: Lí do chim di cư: tránh rét, tìm kiếm thức ăn, sinh sản và nuôi con. Đoạn 3: Lí do chim định hướng được đường bay: quan sát Mặt Trời và các vì sao; dựa vào những mốc lớn trên đường bay.

<p>- GV kết luận/chốt đáp án: HS vẽ thành mô hình với các nội dung sau: Đoạn 1: Giới thiệu khái quát về chim di cư và đặc điểm của chúng. Đặt câu hỏi về lí do chim di cư và lí do chúng định hướng được đường bay. Đoạn 2: Lí do chim di cư: + Tránh rét + Tìm kiếm thức ăn + Sinh sản và nuôi con. Đoạn 3: Lí do chim định hướng được đường bay: + Quan sát Mặt Trời và các vì sao. + Dựa vào những mốc lớn trên đường bay.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<p>- Câu 7. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Những từ ngữ nào được dùng để đánh dấu việc trình bày các lí do chim di cư?</p> <p>7. Những từ ngữ nào được dùng để đánh dấu việc trình bày các lí do chim di cư?</p>	<p>- HS đọc câu 7 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc kĩ nội dung, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân.</p>	<p>- HS làm việc cá nhân; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: Những từ ngữ dùng để đánh dấu việc trình bày các lí do chim di cư là: trước hết; thứ hai; một lí do nữa; như vậy.</p>
<p>- GV kết luận/chốt đáp án: Những từ ngữ dùng để đánh dấu việc trình bày các lí do chim di cư là trước hết; thứ hai; một lí do nữa; như vậy.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<p>- Câu 8. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Dấu gạch ngang trong câu dưới đây được dùng để làm gì? Chọn đáp án đúng.</p> <p>8. Dấu gạch ngang trong câu dưới đây được dùng để làm gì? Chọn đáp án đúng.</p> <p>Các loại hoa trái, côn trùng, sâu bọ hoặc động vật cỡ nhỏ – “thực đơn” yêu thích của chim di cư – sẽ trở nên khan hiếm vào mùa đông.</p> <p>A. Dùng để đánh dấu lời đối thoại. B. Dùng để đánh dấu bộ phận chú thích. C. Dùng để đánh dấu các v liệt kê.</p>	<p>- HS đọc câu 8 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc kĩ nội dung, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân, đọc lại câu có dấu gạch ngang.</p>	<p>- HS làm việc cá nhân, đọc lại câu có dấu gạch ngang; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.</p>
<p>- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS trình bày: Đáp án: B. Dùng để đánh dấu phần chú thích.</p>
<p>- GV kết luận/chốt đáp án: Đáp án B. Dùng để đánh dấu phần chú thích.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.</p>
<p>- Câu 9. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Có thể dùng từ ngữ nào để thay thế cho từ nhà trong câu dưới đây?</p> <p>9. Có thể dùng từ ngữ nào để thay thế cho từ nhà trong câu dưới đây?</p> <p>Nhờ có những kĩ năng đặc biệt trong việc tìm đường như vậy, các loài chim di cư rất xa vẫn quay trở về đúng “nhà” của mình.</p>	<p>- HS đọc câu 9 và xác định yêu cầu cần thực hiện.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc kĩ nội dung, gạch</p>	<p>- HS làm việc cá nhân; chuẩn bị câu trả lời,</p>

dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân.	thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Có thể dùng từ tổ thay cho nhà.
- GV kết luận/chốt đáp án: Có thể dùng từ tổ thay cho nhà (từ này vốn để chỉ nhà của loài chim).	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
- Câu 10. GV yêu cầu HS đọc đề bài/câu hỏi trong SGK: Viết một câu về chim di cư, trong câu có sử dụng 1 kết từ. <small>10. Viết một câu về chim di cư, trong câu có sử dụng 1 kết từ.</small>	- HS đọc câu 10 và xác định yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS đọc kĩ nội dung, gạch dưới từ ngữ quan trọng và cho HS làm việc cá nhân vào vở.	- HS làm việc cá nhân vào vở; chuẩn bị câu trả lời, thống nhất ý kiến hoặc ghi vào vở theo yêu cầu.
- GV gọi HS trình bày; GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: HS tự viết câu và chỉ rõ kết từ trong câu. Ví dụ: Chim di cư bay rất xa nhưng vẫn tìm được đường về nhà. Kết từ: nhưng.
- GV kết luận/chốt đáp án: HS tự làm. Viết câu và chỉ rõ kết từ trong câu.	- HS lắng nghe, bổ sung hoặc sửa câu trả lời vào vở.
4. Viết (25 phút) <i>Mục tiêu: HS chọn một trong hai đề và viết đoạn văn/bài văn theo yêu cầu.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS đọc phần B. Viết trong SGK và chọn 1 trong 2 đề. B. VIẾT Chọn 1 trong 2 đề dưới đây: Đề 1: Viết đoạn văn giới thiệu một nhân vật trong cuốn sách em đã đọc hoặc bộ phim hoạt hình em đã xem. Đề 2: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ ca ngợi tình cảm gia đình.	- HS đọc đề, chọn một đề phù hợp với khả năng của mình.
- GV nhắc HS: Đề 1 yêu cầu viết đoạn văn giới thiệu một nhân vật trong cuốn sách em đã đọc hoặc bộ phim hoạt hình em đã xem. Đề 2 yêu cầu viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ ca ngợi tình cảm gia đình.	- HS xác định yêu cầu đề đã chọn, lập ý nhanh trước khi viết.
- GV cho HS làm bài viết cá nhân.	- HS viết bài vào giấy kiểm tra hoặc vở; trình bày sạch, rõ, đủ ý.
- GV chọn thời gian thích hợp để chấm, chữa bài cho HS.	- HS nộp bài, tự kiểm tra lại bài làm trước khi nộp.
5. Cũng cố (5 phút) <i>Mục tiêu: HS hoàn thành phần đánh giá cuối học kì I và chuẩn bị học kì II.</i> <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV nhận xét thái độ làm bài của HS; nhắc	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm cho việc làm

HS giữ gìn bài làm và tiếp tục đọc sách trong thời gian nghỉ.	bài kiểm tra.
- GV dặn HS xem lại các nội dung đã học và chuẩn bị sách vở cho học kì II.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ sau tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

-
-
-
-